

TUYỂN TẬP  
TRUYỆN NGẮN  
GUY DE  
MAUPASSANT



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

# **TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN**

Cet ouvrage, publié dans le cadre du programme de participation à la publication, bénéficie du soutien du Service Culturel et de Coopération de l'Ambassade de France en République Socialiste du Vietnam.



Service Culturel et de Coopération  
Ambassade de France à Hanoi

*Cuốn sách này, thực hiện trong khuôn khổ chương trình hợp tác xuất bản, được sự giúp đỡ của Trung tâm Văn hoá và Hợp tác của Đại sứ quán Pháp tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.*

**GUY DE MAUPASSANT**

**TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN**

(Nhiều người dịch)

**NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN**



## DẠO CHƠI

Lão Lơ-rát, nhân viên giữ sổ sách của hãng La-buy-dơ và Công ty, bước ở cửa hiệu ra, đứng yên một lát, loá mắt vì ánh mặt trời tà rực rỡ. Suốt ngày lão ta làm việc dưới ánh sáng vàng khè của ngọn đèn hơi, tận cuối gian nhà sau cửa hiệu, trên chiếc sân hẹp và sâu như một cái giếng. Căn buồng nhỏ, ở đó lão qua bao nhiêu ngày từ bốn mươi năm trời nay, tới đến nổi ngay giữa mùa hè, từ mười một giờ đến ba giờ, hoạ hoảnh mới không phải đốt đèn.

Ở đó lúc nào cũng ẩm và lạnh; và những hơi từ cái thứ hồ sâu kia xông lên lọt qua cửa sổ, đưa vào căn buồng tối tăm, sặc một mùi mốc và mùi cống rãnh hôi thối.

Từ bốn mươi năm trời nay, sáng nào cũng vậy, vào tám giờ, lão Lơ-rát tới cái nhà tù đó; và suốt cho đến bảy giờ tối, lão còng lưng trên sổ sách, cặm cùi viết lách như mọi người viên chức siêng năng.

Bây giờ lão đã được lĩnh lương ba nghìn quan một năm, hồi đầu chỉ có một nghìn rưỡi quan. Lão vẫn sống một mình vì tình cảnh thiếu thốn không cho phép lấy vợ. Và cũng vì không bao giờ được hưởng một thứ gì, lão đâm ra chẳng thèm muốn cái gì gọi là đáng kể. Tuy vậy, thỉnh thoảng chán ngán vì công việc làm cứ đều một điệu buồn tẻ kéo dài, lão lại nghĩ một điều ước vọng viễn vông: "Đéch gì, nếu tớ có năm nghìn li-vơ<sup>(1)</sup> tiền lợi nhuận thì tớ sẽ nhàn hạ".

Nhưng lão ta chẳng bao giờ nhàn hạ cả, là vì đến nay lão chỉ sống vào lương tháng.

Cuộc đời lão trôi qua không biến cố, không xúc động và hầu như không ước mong gì. Cái tính mơ mộng mà mỗi người ai cũng có không phát triển ở lão ta, vì lão chỉ có những tham vọng tầm thường.

Lão vào làm cho hãng La-buy-dơ và Công ty năm hai mươi một tuổi. Và từ đó lão không ra khỏi hãng.

---

(1) *Li-vơ* (livre): một đơn vị tiền tệ cũng có khi dịch là đồng bàng. (N.D.)

Năm 1856, bố lão chết, rồi năm 1859 đến lượt mẹ lão. Và từ bấy đến nay chỉ có một lần dọn nhà vào năm 1868, vì chủ nhà đòi tăng tiền nhà.

Ngày nào cũng vậy, đúng sáu giờ, tiếng chuông đồng hồ báo thức thét lên ghê gớm như tiếng tháo dây xích thì lão nhảy ra khỏi giường.

Tuy vậy có hai lần, năm 1866 và năm 1874, không biết tại sao cái bộ máy đồng hồ ấy bị hỏng. Lão mặc quần áo, thu dọn giường, quét buồng, lau chiếc ghế bành và mặt chiếc tủ ngăn. Tất cả ngần ấy công việc mất một giờ rưỡi.

Rồi lão ra đi, tạt vào mua chiếc bánh sữa ở hiệu bánh La-huya, hiệu này tuy vẫn giữ tên cũ nhưng đã thay đổi đến mười một chủ mà lão đều quen cả. Và lão vừa đi vừa ăn chiếc bánh nhỏ.

Thế là lão ta sống trọn đời ở trong căn buồng làm việc chật chội, tối tăm, dán phủ một thứ giấy từ lâu vẫn nguyên như cũ. Lão vào làm ở đấy lúc còn trẻ, phụ việc ông Bruy-măng, với ước nguyện sẽ thay thế ông này.

Lão đã thay ông ta và không mong mỗi gì hơn nữa.

Biết bao kỷ niệm trong cuộc đời của mỗi người, những biến cố bất ngờ, những chuyện tình duyên êm đẹp hay bi thảm, những chuyến đi phiêu lưu, bao nhiêu may rủi của một đời sống khoáng đạt, hết thấy đều xa lạ đối với lão.

Ngày nào cũng như ngày nào, tuần nào cũng như tuần nào, tháng nào, mùa nào, năm nào cũng như nhau. Mỗi ngày, đúng giờ ấy, lão ngủ dậy, ra đi, đến sở, ăn sáng, ra về, ăn tối và đi ngủ, không một cái gì đến làm đứt quãng những hành động đó, những sự việc đó, và những ý nghĩ đó.

Xưa kia lão ngắm bộ râu mép hung hung và mớ tóc quăn trong chiếc gương tròn nhỏ của người làm trước để lại. Bây giờ, chiều nào trước khi ra về, lão cũng ngắm bộ râu mép bạc và cái trán hói vẫn trong tấm gương đó. Bốn mươi năm đã trôi qua, dài mà nhanh, trông rộng như một ngày buồn bã, và giống nhau như những giờ trong một đêm mất ngủ. Bốn mươi năm không còn để lại chút gì, cả đến một kỷ niệm, cả đến một điều bất hạnh, kể từ khi bố mẹ lão qua đời. Không còn gì hết.

Hôm đó Lơ-rát bước chân ra phố thì bị loá mắt vì ánh mặt trời tà rực rỡ; và, đáng lẽ về nhà, lão nảy ra ý đi dạo chơi một vòng trước khi ăn, việc đó đối với lão cũng xảy ra mỗi năm độ bốn năm lần.

Lão đi ra những đại lộ mà thiên hạ đi như nước chảy dưới những hàng cây đang xanh trở lại. Bấy giờ là một buổi chiều mùa xuân, một trong những buổi chiều đầu tiên nóng ẩm, làm cho lòng người xao xuyến, say sưa với cuộc sống.

Lão Lơ-rát đi, bước chân tập tễnh của người già, lão đi với niềm vui trong mắt, hoan hỉ trong cái vui chung của thiên hạ và trong tiết trời ấm áp.

Lão ta tới đại lộ Săng Ê-li-dê và tiếp tục đi mãi, lòng phấn chấn trong những làn gió nhẹ mang sinh khí của tuổi thanh niên.

Cả bầu trời như rực lửa, đài Khải hoàn môn một khối đen lù lù nổi lên trên nền chói lọi của chân trời, như một gã khổng lồ đứng giữa một đám cháy. Khi tới bên đài đồ sộ đó, lão ký giữ sổ thấy đói, và lão vào một tiệm rượu để ăn bữa tối.

Người ta dọn cho lão ở bờ hè trước cửa tiệm một món chân cừ đánh xốt, một món xà-lách và măng

tây; và lão Lơ-rát chén một bữa ngon tuyệt, đã lâu lắm chưa từng có. Lão làm nửa chai rượu boóc-đô hảo hạng với pho-mát Bơ-ri; rồi lão uống một tách cà-phê, đó cũng là một chuyện hiếm có; sau cùng, lão nhấp một cốc rượu sâm-banh ngon.

Trà tiền xong, lão thấy người trai trẻ ra, phớn phở, có phần dấm dút nữa. Và lão tự nhủ: "Buổi tối nay thú vị thật. Ta cứ đi dạo cho đến cửa rừng Bu-lô-nhơ. Thế mà lại hay".

Lão tiếp tục đi. Một điệu hát cũ, xưa kia một chị láng giềng của lão vẫn hát, cứ vương vấn trở lại đầu óc lão:

*Khi nào rừng lại xanh,  
Chàng lại bảo tôi rằng:  
Người đẹp của tôi hỡi,  
Đến thờ dưới vòm xanh.*

Lão cứ lầm nhảm hát đi hát lại mãi mấy câu đó. Đêm xuống trên thành phố Pa-ri, một đêm đứng gió, hấp hơi. Lão Lơ-rát theo dọc đại lộ rừng Bu-lô-nhơ, nhìn những xe ngựa chạy qua. Những xe đó đi tới, giương hai mắt loé sáng, chiếc nọ sau chiếc kia, thoảng một giây người ta thấy trên xe một cặp trai

gái ôm nhau, người đàn bà mặc áo màu sáng và người đàn ông mặc đồ đen.

Cả một dãy dài những cặp tình nhân đi qua, họ đi dạo dưới bầu trời đầy sao và oi bức. Hết cặp này đến cặp khác, không bao giờ hết. Họ qua mãi, qua mãi, ngả lưng trong xe, thăm lặng, sát vào nhau, mê mết trong ảo tưởng, lòng xúc động vì thêm muốn, rung mình đón cuộc ái ân sắp tới. Bóng tối oi nồng như chứa đầy những hôn hít chồn vờn, chấp chới. Một cảm giác âu yếm làm cho không khí uể oải, càng thêm ngọt ngào. Hết thấy những kẻ đang ôm ấp nhau đó, hết thấy những kẻ đang say sưa trong cùng một mong đợi, cùng một ý nghĩ đó, khuấy lên quanh họ một cơn xao động. Tất cả những chiếc xe kia, chở đầy những yêu đương như ném lại trên đường đi một thứ hơi hướng tế nhị và ngây ngất.

Lão Lơ-rát, cuối cùng hơi mệt vì đi nhiều, ngồi xuống một chiếc ghế dài để nhìn đám xe ngựa chứa chất yêu đương đi qua. Vừa lúc đó một người đàn bà đến gần lão và ngồi ngay bên cạnh.

À nói:

- Chào cậu nó nhà tôi.

Lão không đáp. Ắ lại nói:

- Cậu nó để tớ yêu một tí nào; tớ ngoan lắm kia.

Lão ta nói:

- Thưa bà, bà nhầm rồi.

Ắ liền khoác lấy tay lão:

- Thôi đi, đừng làm chuyện ngớ ngẩn, tớ bảo này...

Lão đứng lên, bỏ đi, lòng thất lại.

Cách đó trăm bước một người đàn bà khác sán lại:

- Chàng công tử của em ơi, lại ngồi với em một tí nhé.

Lão ta nói:

- Tại sao chị đi làm cái nghề này?

Ắ đứng sững ngay trước mặt lão, và đổi giọng khàn khàn, đánh đá, nói:

- Phải gió nhà anh, anh tưởng gái này thích thú với cái trò này đấy phỏng?

Lão ôn tồn gắng hỏi:

- Thế thì tại sao?

Ắ cầu nhàu:



- Ma mãi, thì cũng phải sống chứ!

Và ả vừa bỏ đi, vừa khe khẽ hát.

Lão Lơ-rát hoang mang. Nhiều người đàn bà khác đi qua gần, gọi lão, mời mọc.

Hình như có cái gì đen tối choán lấy đầu óc lão, một cái gì thật nào lòng.

Và lão lại ngồi xuống một chiếc ghế. Xe ngựa vẫn chạy qua. Lão nghĩ thầm:

- Biết thế mình chẳng đến đây làm gì, rõ thật là buồn, thêm rối cả lòng.

Lão đâm ra nghĩ ngợi về tất cả cái chuyện tình yêu mua bán hay say mê kia, tất cả những chuyện ân ái, trả tiền hay tự nguyện, đang diễn ra trước mặt lão.

Tình yêu! Lão chưa hề biết đến. Suốt một đời lão chỉ chung đụng với hai ba người đàn bà, một cách ngẫu nhiên, bất chợt, ngoại giả không còn gì nữa, vì lão không có phương tiện. Và lão nghĩ đến cuộc đời lão đã qua, khác hẳn với mọi người, cuộc đời tối tăm quá, buồn thảm quá, nhạt nhẽo quá, trống rỗng quá.

Có những kẻ quả thật là xấu số. Và bỗng chốc hình như tấm màn dày bị xé toạc ra, lão nhận thấy cả kiếp sống của lão thật là cơ cực, nỗi cơ cực vô tận và tẻ ngắt: nỗi cơ cực đã qua, nỗi cơ cực hiện nay, nỗi cơ cực ngày mai: những ngày cuối vẫn y như những ngày đầu, trước mặt không có gì, sau lưng không có gì, chung quanh không có gì, lòng không có gì, không có gì ở đâu hết thảy.

Đám xe ngựa vẫn đi đều qua. Lão vẫn nhìn thấy hiện ra rồi biến mất, trong chiếc xe hạ mui thoáng chạy qua, những cặp người thâm lặng và ôm lấy nhau. Lão tưởng như cả nhân loại đi đều qua trước mắt, say sưa trong hân hoan, trong vui thú, trong hạnh phúc. Và chỉ độc mình lão là ngồi để nhìn, một mình, trơ trọi một mình. Ngày mai lão vẫn còn trơ trọi, trơ trọi mãi mãi, trơ trọi không giống ai hết.

Lão đứng dậy, đi vài bước, và bỗng nhiên thấy mệt mỏi, tưởng như vừa đi bộ xong một chặng đường dài, lão lại ngồi xuống chiếc ghế liền đấy.

Lão mong đợi gì? Lão hy vọng gì? Không gì hết. Lão nghĩ thầm khi người ta già, đi đâu về nhà được thấy lũ cháu bi ba bi bô thì sung sướng biết mấy.

Tuổi già thật êm ấm nếu được sum vầy với con cháu mình đẻ ra, chúng yêu thương mình, vỗ về mình, chúng nói với mình những lời dễ thương và ngây ngô làm ấm lòng và làm khuây khoả hết mọi điều.

Và, nghĩ đến căn buồng trống rỗng của mình, căn buồng nhỏ tinh tươm mà buồn bã, ngoài lão ra không ai bước vào bao giờ, thì một cảm giác tuyệt vọng siết chặt lấy tâm hồn lão. Căn buồng đó, lão thấy lại còn thảm hại hơn cả gian phòng làm việc nhỏ của lão.

Chẳng ai đến đó bao giờ; chẳng ai nói một tiếng ở đó bao giờ. Căn buồng chết, câm lặng, không bao giờ vang tiếng nói của con người. Có thể nói những bức tường thường giữ lại vết tích gì của những người sống bên trong, vết tích về dáng dấp, về mặt mày, về lời ăn tiếng nói của họ. Những ngôi nhà có những gia đình sung sướng ở trông vui hơn những nhà của kẻ cùng khổ. Căn buồng của lão trống trải không ghi một chút kỷ niệm gì, cũng như cuộc đời của lão. Và nghĩ đến việc quay trở về căn buồng đó, một mình thui thủi, nằm vào chiếc giường, diễn lại tất cả mọi cử động và mọi công việc của mỗi buổi tối, lão đâm hoảng sợ. Rồi, như để lánh xa hơn ngôi nhà

thảm hại đó, để đẩy lùi cái giờ phút phải trở về ngôi nhà đó, lão ta đứng dậy, và, bắt gặp lối đi đầu tiên của khu rừng, lão đi vào một lùm cây để ngồi xuống cỏ.

Lão nghe quanh mình, phía trên mình, khắp nơi, một tiếng ồn ào hỗn độn, mênh mang, không ngừng, do không biết bao nhiêu thứ tiếng khác nhau trộn lẫn, một tiếng ồn ào xôn xao, khi gần khi xa, một nhịp đập mơ hồ và lớn lao của cuộc sống: đó là hơi thở của Pa-ri, thở như một con vật khổng lồ.

...

Mặt trời đã lên cao, trút ánh nắng xuống khu rừng Bu-lô-nhơ. Máy chiếc xe bắt đầu chạy; những người cưỡi ngựa đi chơi vui vẻ tới.

Một cặp trai gái bước thong thả trên một lối đi vắng... Bỗng người thiếu phụ ngược mắt lên, nhìn qua những cành cây thấy vật gì nâu nâu; chị ta giơ tay lên, ngạc nhiên, lo lắng:

- Này anh nhìn... cái gì kia kia.

Rồi, thét lên một tiếng, chị ngã vào tay người bạn trai, anh này phải đặt chị nằm xuống đất.

Những người gác rừng, được gọi tới ngay, gỡ xuống một lão già tự tử bằng dây đeo quần.

Người ta khám nghiệm biết người đó chết vào quăng đêm hôm trước. Giấy má tìm thấy ở xác chết chứng nhận rằng đó là người giữ sổ sách của hãng La-buy-dơ và Công ty và tên là Lơ-rát.

Người ta cho rằng đó là một cuộc tự sát, nhưng không rõ vì cớ gì. Có lẽ vì một cơn điên đột ngột nổi lên chăng?

*TRONG ĐÚC dịch*

## MÓN GIA TÀI

*Tặng Catulle Mendès*

Tuy chưa đến mười giờ nhưng nhân viên đã ào ào kéo tới trước cửa lớn của Bộ Hải quân, họ đi tấp nập từ khắp các ngả Pa-ri lại, vì đã gần đến ngày nguyên đán, thời kỳ công tác bận rộn và thăng quan tiến chức. Tiếng bước đi dồn dập vang lên trong toà nhà rộng lớn, ngoắt ngoéo, khúc khuỷu, với những đường hành lang chằng chịt, nhan nhản những cửa vào các phòng.

Ai nẩy vào phòng mình, bắt tay bạn đồng sự đến trước, cởi áo khoác ngoài, mặc chiếc áo làm việc cũ kỹ và ngồi vào bàn chất đống những giấy tờ đang chờ đợi. Rồi người ta đi hỏi thăm tin tức ở các phòng bên cạnh. Thoạt tiên người ta dò hỏi xem ông sếp đã đến chưa, ngài có hi hỏ không, thư từ hôm nay có nhiều không.

Ông Xê-da Ca-sơ-lanh, tham biện quản trị "vật liệu chung", là một cựu hạ sĩ quan bộ binh hải quân, nhờ thâm niên mà được thăng chức tham biện

thượng hạng, đang ghi vào sổ cái tất cả những giấy tờ mà viên thừa lại văn phòng mang tới. Trước mặt ông ta là lão Xa-vông, giữ việc chuyển đạt công văn, một lão già đần độn, nổi tiếng vì những chuyện xấu số về vợ con, lão đang chậm chạp sao lại một bức điện của ông chủ, chăm chú vào việc, người nghiêng về một bên, con mắt nhìn chéo, với một dáng điệu cứng nhắc của người sao chép tỉ mỉ.

Ông Ca-sơ-lanh, người to béo, tóc bạc và ngắn dựng lên thành bàn chải trên đỉnh đầu, vừa làm công việc hàng ngày vừa nói: "Ba mươi hai bức điện từ Tu-lông gửi về. Nguyên cái cảnh này công việc bằng bốn cảnh khác". Rồi ông ta hỏi lão Xa-vông một câu mà sáng nào ông cũng hỏi: "Thế nào, bác Xa-vông, bác gái nhà ta thế nào?".

Lão già, không ngừng công việc, trả lời: "Ông Ca-sơ-lanh ơi, ông thừa biết câu chuyện ấy làm cho tôi khổ tâm lắm rồi!".

Thế là viên tham biện quản trị lại ngả ra cười như mọi ngày, khi nghe câu trả lời quen tai ấy.

Cửa phòng mở, Ma-dơ bước vào. Đó là một anh chàng đẹp trai, tóc nâu, ăn mặc diện quá lối, hẳn thường vẫn lấy làm bất mãn vì tự cho rằng chức vụ

hiện tại của hắn không xứng đáng chút nào với tướng mạo và kiểu cách của hắn. Hắn đeo những chiếc nhẫn gỗ, một chiếc dây đồng hồ to tướng, một chiếc kính một mắt, đeo cho keng, vì lúc làm việc thì hắn bỏ kính ra, và hắn có cái điệu luôn luôn vung vẩy cổ tay để phô bộ khuy tay kéch sù và óng ánh.

Thoạt bước vào cửa, anh chàng đã hỏi: "Hôm nay có lắm việc không?". Ông Ca-sơ-lanh đáp: "Vẫn cái cảnh Tu-lông nó dòn về. Năm hết tết đến có khác; các tướng ở đấy tích cực quá".

Nhưng Pi-tô-lê, một nhân viên khác, tính ba lơn và hóm hỉnh, bước vào vừa cười vừa hỏi: "Thế còn bọn ta mà lại không tích cực à?".

Rồi, rút đồng hồ ra, hắn tuyên bố: "Mười giờ kém bảy phút, thế mà mọi người đã có mặt ở sở! Chà! Các ngài bảo như thế là cái gì? Mà tôi đánh cuộc với các ngài rằng ông lớn Lơ-xáp đã tới từ chín giờ kia rồi, cùng lúc với quan sếp nhà ta".

Viên tham biện quản trị ngừng viết, gài bút lên tai, và tỳ khuỷu tay xuống giá viết, nói: "Ồ! Cái bố ấy à, nếu hắn không được thăng thì chẳng phải vì không tích cực!".



Và Pi-tô-lê, ngồi trên góc bàn, chân đu đi đu lại, trả lời: "Rồi hắn được thăng đấy, bác Ca-sơ-lanh ạ, cứ yên trí rằng hắn sẽ được thăng. Tôi đánh cuộc với bác hai mươi quan ăn một rằng không đầy mười năm nữa hắn sẽ lên làm chủ sự cho mà xem?"

Ma-dơ đang vừa hơ đuôi vào lửa vừa quán một điều thuốc lá, nói: "Thôi! Cứ như tớ, chả thà suốt đời lĩnh lương hai nghìn lẻ bốn còn hơn là long tóc gãy lên như hắn".

Pi-tô-lê xoay tit người trên gót chân, nói xỏ: "Thế mà, cậu ơi, hôm nay là ngày 20 tháng chạp, không ai bảo cậu cũng đến trước mười giờ đấy".

Nhưng anh chàng kia nhún vai ra vẻ dừng dừng: "Déch gì! tớ cũng chẳng muốn để cho ai cười lên lưng được. Vì các cậu mới bánh mắt ra đã đến đây thì tớ cũng phải theo, mặc dầu tớ không ưng cái lối sốt sáng của các cậu. Đến như làm theo kiểu Lơ-xáp, xưng với ông sếp thì thưa thưa bầm bầm, rồi sáu giờ rưỡi tối mới ở sở về, rồi mang theo công việc về nhà làm, thì tớ xin vãi. Vả lại, tớ ấy à, tớ phải giao du nhiều, tớ còn bận nhiều nhiệm vụ khác".

Ông Ca-sơ-lanh đã ngừng ghi sổ và ngồi suy nghĩ, mắt đắm chiêu nhìn phía trước. Cuối cùng ông hỏi:

"Thế các bác chắc rằng năm nay hấn lại được thăng chức à?".

Pi-tô-lê kêu lên: "Hấn sẽ lên, tôi cầm chắc cả mười phần chứ không phải một. Hấn lấu linh thể kia mà".

Thế là người ta bàn tán đến câu chuyện muôn thuở thăng chức và tăng lương, từ một tháng nay làm xôn xao cả cái ổ quan liêu lớn kia, từ tầng sát đất lên đến tận nóc nhà.

Người ta tính toán may rủi, người ta đoán phỏng những con số, người ta cân nhắc các cấp bậc, người ta tức giận trước với những bất công dự đoán sẽ có. Người ta bàn đi tán lại không biết đến bao giờ những vấn đề đã bàn hôm trước, và chắc chắn sẽ trở lại ngày mai, vẫn ngần ấy lý do, ngần ấy chứng cứ và ngần ấy lời lẽ.

Một viên tham biện khác bước vào, bé nhỏ, xanh xao, vẻ ốm yếu, đó là Boát-xen, một người sống như trong một tiểu thuyết của A-léc-dăng Đuy-ma bố<sup>(1)</sup>.

---

(1) A-léc-dăng Đuy-ma bố (Alexandre Dumas père) là một tiểu thuyết gia Pháp nổi tiếng, hay viết những truyện có tính chất phiêu lưu, ly kỳ (1803-1870) (N.D.)

Đối với lão ta thì chuyện gì cũng biến thành chuyện phiêu lưu ly kỳ; sáng nào lão cũng kể cho bạn nổi khố là Pi-tô-lê nghe những cuộc gặp gỡ lạ lùng của lão đêm trước, những tấn kịch xảy ra đâu ở trong nhà lão, những tiếng thét lên trong đêm hôm ngoài phố làm cho lão phải mở toang cửa sổ vào lúc ba giờ hai mươi sáng. Ngày nào lão cũng đã can ngăn những kẻ đánh nhau, kìm hãm những con ngựa đang lồng, cứu giúp những phụ nữ lâm nguy, và mặc dù thân hình còm cõi thảm hại, lão luôn luôn với giọng lè nhè và quả quyết kể lại những chiến công mà tay lão đã từng đạt được.

Vừa được biết người ta đang bàn về Lơ-xáp, thế là lão tuyên bố: "Rồi cũng có ngày tôi hỏi tội thằng nhãi con ấy; mà nếu vô phúc hấn lại định cưới lên lưng tôi, thì tôi choảng cho hấn một mẻ, cứ là cách đến già!".

Ma-dơ, vẫn đang hút thuốc, nhạo luôn: "Bác có giỏi thì cứ choảng ngay hôm nay, vì tôi biết rõ là năm nay bác bị gạt đi để nhường chỗ cho Lơ-xáp đấy".

Boát-xen vung tay lên: "Tôi thề rằng nếu..."

Cửa lại mở, và một người trẻ tuổi bước vào, thân bé nhỏ, để râu mép kiểu sĩ quan hải quân hay trạng sư, áo cổ cứng rất cao, anh ta bước vào hấp tấp, vẻ bận rộn lắm, mồm thì cứ liến đi, dường như lúc nào cũng vội không nói hết lời. Hấn chìa ra bắt tay mọi người, cập rập như kẻ không có thì giờ rồi để vớ vẩn, và bước lại gần viên tham biện quản trị nói: "Ông bạn Ca-sơ-lanh, ông làm ơn chuyển cho tôi tập hồ sơ Sa-pơ-lu, đây bện chảo, Tu-lông, A.T.V. 1875".

Viên tham biện đứng lên, với tay lấy một cặp các-tông ở trên đầu, rút lấy một tập tài liệu để trong một bì xanh, và đưa ra: "Thưa ông Lơ-xáp đây, chắc ông biết rõ là hôm qua ông sếp đã lấy đi ba bức điện trong hồ sơ này? "

- Vâng. Tôi đang giữ những bức điện ấy, cảm ơn ông.

Rồi người trẻ tuổi vội vã bước ra.

Hấn vừa ra khỏi thì Ma-dơ tuyên bố: "Ái chà! Oai thật! Tưởng chừng như hấn đã làm ông sếp rồi đấy".

Pi-tô-lê đáp liền: "Yên trí! Yên trí! Hấn sẽ lên trước tất cả chúng ta".

Ông Ca-sơ-lanh vẫn chưa viết. Hình như một định kiến gì ám ảnh ông ta. Ông lại nói: "Anh chàng trẻ tuổi ấy có triển vọng lắm đấy!".

Tức thì Ma-dơ-lam bấm bằng một giọng khinh miệt: "Đối với kẻ nào lấy bộ này làm nơi ăn đời ở kiếp thì đúng đấy. Đối với người khác thì không hẳn...".

Pi-tô-lê ngắt lời hẳn: "Ý cậu muốn trở nên đại sứ chắc?".

Gã kia nguây nguẩy bực mình: "Không phải là chuyện tở. Tở thì tở đếch cần! Muốn thế nào thì chúc chủ sự cũng chẳng phải to gì với đời".

Lão Xa-vông, người chuyên đặt công văn, vẫn không ngừng sao chép. Nhưng từ lúc này lão cứ chấm liên hồi ngòi bút vào lọ mực, rồi lại hí hoáy chùi ngòi bút vào miếng bọt biển dầm nước chung quanh bình mực, mà vẫn chưa vạch được một chữ nào. Mực đen cứ trôi theo mũi nhọn ngòi bút và rõ thành giọt tròn xuống giấy. Lão ta, hoảng hốt và ngao ngán, nhìn bản sao mà lão phải chép lại, cũng như bao nhiêu bản khác từ này đến giờ, và lão buồn bã lắm lắm:

"Lại mực hồng đây..."

Mọi người cười rầm lên. Ca-sơ-lanh đưa cái bụng rung chuyển cả chiếc bàn; Ma-dơ bẻ người làm hai như sắp thụt lùi vào lò sưởi; Pi-tô-lê giậm chân, ho hắng, vung vẩy bàn tay phải như đang ướt, và cả đến Boát-xen cũng phì cười, tuy lão ta thường vẫn nhìn sự vật bằng con mắt bi thảm chứ không khôi hài.

Nhưng lão Xa-vông, rút cục phải chùi ngòi bút vào vạt áo rơ-đanh-gôt<sup>(1)</sup>, gất lên: "Cái gì mà cười. Người ta phải chép đi chép lại hai, ba lần đây này".

Lão rút trong tập giấy thắm ra một tờ giấy khác, lồng giấy phồng vào rồi viết lại tiêu đề: "Thưa tổng trưởng và đồng nghiệp thân mến...". Bây giờ ngòi bút đã giữ mực và vạch từng chữ rõ ràng. Rồi lão già lại ngồi chéo người đi và tiếp tục sao chép.

Những người khác vẫn chưa hết cười. Họ cứ sặc sụa lên. Số là từ sáu tháng nay họ tiếp tục cái trò trêu chọc lão già mà lão chẳng hay gì cả. Họ rỏ mấy giọt dầu lên miếng bọt biển chùi ngòi bút. Ngòi bút thép nhờn dầu không bắt mực nữa; thế là lão già

---

(1) *Redingote*; lễ phục của đàn ông (N.D.)

cứ mất hàng giờ vừa ngạc nhiên vừa bực mình, tôn hàng hộp ngòi bút và hàng chai mực, rút cục lão tuyên bố rằng đạo này chất lượng văn phòng phẩm kém quá.

Thế rồi trò đùa biến thành những nhiễu, làm tình làm tội. Người ta trộn thuốc súng vào thuốc lá của lão già, người ta đổ thuốc nước vào bình nước mà lão thỉnh thoảng vẫn uống một cốc, và người ta giải thích cho lão rằng từ ngày loạn Công xã đến giờ, bọn đảng xã hội thường làm giả nhiều vật dụng để đổ lỗi cho chính phủ và gây ra cách mạng.

Vì thế lão già đâm ra căm thù độc địa bọn vô chính phủ mà lão tưởng như ở chỗ nào chúng cũng mai phục, ẩn nấp, và lão lo sợ huyền hoặc những chuyện mịt mù ghê gớm nào đó.

Nhưng một tiếng chuông đột ngột vang lên ngoài hành lang. Ai nấy đều nhận rõ cái tiếng chuông long lộn ấy của ông sếp, ông Toóc-sơ-bốp, và ai nấy nhảy xổ ra cửa để về phòng mình.

Ca-sơ-lanh lại tiếp tục ghi sổ, rồi ông ta lại đặt bút xuống, hai tay bóp trán suy nghĩ.

Ông ta nung nấu một ý định nó day dứt ông từ ít lâu nay. Vốn là cựu hạ sĩ quan bộ binh hải quân được miễn dịch sau ba lần bị thương, một lần ở Xê-nê-gan và hai lần ở Nam-kỳ, và được đặc cách vào công tác ở bộ, ông đã từng chịu đựng bao nhiêu nỗi khổ cực, nhục nhã và cay đắng trong cuộc đời kéo dài làm một nhân viên tùy thuộc quèn; vì vậy ông coi quyền hành, quyền hành nhà nước, như cái gì đẹp nhất ở đời. Một viên chủ sự đối với ông tưởng như là một nhân vật đặc biệt, sống trong một thế giới cao quý nào; và những viên chức nào mà ông nghe người ta bàn tán: "Thằng cha ấy lâu lĩnh, nó sẽ tiến nhanh", thì ông coi như họ thuộc một giống người khác, bản chất khác hẳn ông.

Vì thế, đối với người bạn đồng sự của ông là Lơ-xáp, ông rất coi trọng đến chỗ như tôn kính, và ông nuôi một ý muốn thầm kín, ý muốn khẳng khẳng là gả con gái cho anh ta.

Con gái ông một ngày kia sẽ giàu có, giàu lắm. Điều đó tất cả bộ ai cũng biết rõ, là vì chị ông ta, cô Ca-sơ-lanh, của có bạc triệu, một triệu đúng, cả của chìm lẫn của nổi, nghe đâu cô ta nhờ chuyện



tình tứ mà nhạt nhẽo được, nhưng cuối châu cô đã sấm hối trở thành ngoan đạo.

Cô gái già xưa kia trai lơ ấy, đã về vườn với cái vốn năm mươi vạn quan, mà trong vòng mười tám năm trời cô ta đã làm tăng lên gấp đôi, nhờ sự chất bóp dè sẻn và những thói sống keo kiệt. Từ lâu cô ta ở cùng với em trai goá vợ, có một đứa con gái nhỏ là Cô-ra-li; nhưng cô ta đóng góp vào sự chi tiêu trong nhà chẳng được mấy tí, chỉ kè kè giữ của và cóp nhặt, và luôn mồm bảo Ca-sơ-lanh: "Không lo đâu, chẳng qua rồi lại để cho con gái cậu, nhưng mau gả chồng cho nó sớm đi, tôi muốn được trông thấy các cháu. Chỉ còn có nó là sẽ làm cho tôi vui tuổi già, được bế đứa cháu thuộc máu mủ nhà ta nữa thôi".

Câu chuyện đó khắp sở đều biết; và không thiếu gì kẻ ngấp nghé. Người ta khao nhau là chính ngay Ma-dơ, anh chàng Ma-dơ đẹp trai, con mãnh hổ của cơ quan, cũng cứ là quần quýt lấy bố Ca-sơ-lanh với một ý định lộ liễu. Nhưng lão đội cựa này, một tay tinh quái đã từng lăn lộn bốn phương trở về, thì chỉ muốn tìm một chàng trai có triển vọng, một chàng sẽ trở nên chủ sự và nhờ đó mà ông ta, Xa-da, cựa

hạ sĩ quan, sẽ được thơm lây. Thì Lơ-xáp đáp đúng yêu cầu của ông ta một cách tuyệt diệu, và từ lâu ông nghĩ cách lôi kéo anh chàng đến nhà mình.

Bỗng chốc ông xoa tay ngẩng lên. Ông đã nghĩ ra.

Ông biết rõ nhược điểm của mỗi người. Chỉ có cách đánh vào cái tính hiếu thắng của Lơ-xáp, hiếu thắng về nghề nghiệp. Ông sẽ đến nhờ cậy hẳn che chở cho, cũng như người ta đến nhà các ngài thượng nghị sĩ hay hạ nghị sĩ, cũng như người ta đến nhà một nhân vật cao cấp nào đó.

Từ năm năm nay chưa được thăng chức cho nên Ca-sơ-lanh chắc hẳn năm nay sẽ được lên. Vậy ông sẽ giả tảng như nhờ có Lơ-xáp mà được, và ông sẽ mời anh ta đến ăn tiệc gọi là để tạ ơn.

Vừa nghĩ ra mưu kế, ông lập tức khởi sự. Ông lấy trong tủ ra chiếc áo đi phố, cởi áo cũ ra, và, mang theo tất cả những tài liệu đã vào sổ thuộc bộ phận công tác của người bạn đồng sự, ông đến phòng mà anh này được đặc cách chiếm riêng một mình, do sự tích cực công tác và mức độ quyền hạn của anh ta.

Chàng trẻ tuổi đó đang ngồi viết trên một chiếc bàn rộng, giữa đồng hồ sơ để mở và giấy má bừa bộn, đánh số bằng mực xanh mực đỏ.

Vừa thấy viên tham biện vào, anh ta hỏi bằng một giọng thân mật trong đó có thoáng chút vì nể: "Thế nào, ông bạn, có nhiều việc lắm không đấy?".

- Thưa cũng khá. Và tôi cũng muốn thưa chuyện với ông.

- Mời ông bạn ngồi xuống đây, tôi xin nghe.

Ca-sơ-lanh ngồi xuống, húng hắng, làm ra vẻ luống cuống và nói bằng một giọng ấp úng: "Thưa ông, tôi đến đây vì việc này. Tôi không dám nói quanh co. Con nhà lính, tôi cứ xin nói thẳng. Tôi đến để nhờ cậy ông một việc.

- Việc gì thế?

- Xin nói vắn tắt. Tôi cần được thăng trật năm nay. Tôi thì tôi chẳng có ai che chở cả, cho nên tôi nghĩ đến ông".

Lơ-xáp đỏ mặt, ngạc nhiên, hài lòng, đầy bên lên mà kiêu hãnh. Tuy nhiên anh ta trả lời:

"Kìa ông bạn, ở đây tôi có quyền hành gì đâu. Tôi còn kém ông xa, ông sắp lên tham biện thượng hạng rồi. Tôi chẳng làm gì được đâu. Ông tin rằng..."

Ca-sơ-lanh ngắt lời một cách đột ngột mà rất mực kính trọng: "Ấy chết, ông dạy quá lời. Ông được quan sếp tin cậy, ông chỉ nói một tiếng cho tôi là được... Ông xét cho, chỉ còn mười tám tháng nữa là tôi được về hưu, mà nếu mông một tháng giêng này tôi không được lên thì tôi thiệt đến năm trăm quan. Tôi vẫn biết người ta thường nói: "Ca-sơ-lanh không túng thiếu đâu, chị hần có bạc triệu". Kể ra thì cũng đúng. Chị tôi có một triệu, nhưng bà ấy còn để làm ra lời ra lãi, và chẳng đem cho ai. Đánh rằng là để cho con gái tôi; nhưng con gái tôi với tôi, vẫn là hai người. Rồi đến nước con gái và chàng rể tôi nó lên xe xuống ngựa, còn tôi thì chẳng có lấy miếng mà nhai, bấy giờ tôi mới thật mát mặt!... Chắc ông thừa hiểu hoàn cảnh đó, phải không ạ?".

Lơ-xáp gập gù nói: "Ông nói đúng lắm, đúng lắm. Chàng rể ông có thể đối đãi với ông không tốt lắm. Vả lại, không phải nhờ vả ai vẫn là thanh thoi hơn. Thôi thì tôi hứa sẽ hết sức giúp ông, tôi sẽ nói với ông sếp, tôi sẽ trình bày trường hợp của ông, và nếu cần thì tôi nói gắng thêm. Ông cứ tin ở tôi!".

Ca-sơ-lanh đứng lên, nắm lấy hai tay người đồng sự mà lắc theo kiểu nhà binh; và ông ta nói lúng túng: "Đa tạ, đa tạ, xin ông tin rằng nếu có dịp...

Nếu tôi có thể...". Ông ta không nói hết, vì cũng không biết nói nốt cái gì, và ông bỏ đi, nện gót xuống đường hành lang vang lên theo nhịp bước của một cựu binh.

Nhưng bỗng ông nghe tiếng chuông réo lên lồng lộn, thế là ông cầm đầu chạy vì ông đã nhận ra tiếng chuông đó. Viên chủ sự, ông Toóc-sơ-bóp, gọi viên tham biện quản trị của mình.

Tám hôm sau, một buổi sáng, Ca-sơ-lanh thấy trên bàn của mình một bức thư niêm phong, nội dung nói:

"Thưa bạn đồng sự thân mến, tôi rất sung sướng báo tin để ông biết rằng quan tổng trưởng, theo đề nghị của ngài giám đốc và ngài chủ sự của chúng ta, đã ký lệnh thăng chức thượng hạng tham biện cho ông hôm qua. Ngày mai ông sẽ nhận được thông báo chính thức. Từ nay đến lúc đó xin ông hãy cứ làm như chưa biết tin gì nhé!

Chúc ông mạnh giỏi

Lơ-xáp"

Lập tức Xê-da chạy tới phòng của người đồng sự trẻ tuổi cảm ơn, xin lỗi, hứa hết lòng trung thành, cuống cuống lên vì ân nghĩa.

Quả nhiên, ngày hôm sau người ta được tin các ông Lơ-xáp và Ca-sơ-lanh đều được thăng chức. Các nhân viên khác thì lưu lại năm sau, và, để đền bù, họ được lĩnh tiền thưởng từ một trăm năm mươi đến ba trăm quan.

Lão Boát-xen tuyên bố một tối nào đó sẽ rình Lơ-xáp ở góc phố vào nửa đêm, và nện cho hắn một trận gục tại chỗ. Các nhân viên khác đều im lặng.

Thứ hai sau, Ca-sơ-lanh vừa tới sở đã đi đến phòng quan thầy, bước vào một cách trịnh trọng, giọng lễ phép:

"Nhân dịp lễ Ba Vua<sup>(1)</sup> tôi rất mong được hân hạnh ông đến dự bữa tiệc mọn ở nhà chúng tôi. Ngày giờ xin tùy ông quyết định".

---

(1) *Lễ Ba Vua*: Theo lịch công giáo, trong những ngày lễ đó người ta thường tổ chức ăn uống mời khách. Trong bữa ăn dọn một món bánh ngọt đặc biệt, gọi là bánh Vua, trong bánh để giấu một hạt đậu, khi cắt bánh ăn, ai được hạt đậu thì được tôn là Vua và chọn một người dân bà trong bữa ăn làm hoàng hậu; cả hai người đều được coi trọng trong suốt bữa.

Chàng trẻ tuổi, hơi ngạc nhiên, ngẩng đầu lên và nhìn chòng chọc vào mắt người đồng sự để dò la ý tứ, rồi anh ta trả lời: "Nhưng, thưa ông bạn, chẳng là... trong thời gian tới, tôi nào tôi cũng đã chót hẹn cả rồi".

Ca-sơ-lanh khấn khoản, bằng một giọng thật thà: "Thưa ông, ông đã giúp cho tôi như thế mà ông từ chối thì chúng tôi ân hận lắm. Nhân danh gia đình tôi và cá nhân tôi, tôi mong ông chấp nhận cho".

Lơ-xáp phân vân, ngần ngại. Anh ta đã hiểu ý, nhưng không biết trả lời thế nào, vì chưa kịp suy nghĩ và cân nhắc lợi hại. Cuối cùng anh nghĩ thầm: "Thì đi ăn một bữa cũng chẳng chết ai" và anh ta nhận lời với một vẻ hài lòng, hẹn ngày thứ bảy tới. Anh lại mỉm cười nói thêm: "Như thế để hôm sau tôi không phải dậy sớm quá".

## II

Ông Ca-sơ-lanh ở trên tầng cao phố Rô-sơ-soa, gác thứ năm, một gian nhà nhỏ có sân gác, từ đó nhìn được suốt cả Pa-ri. Nhà có ba buồng, một dành

cho bà chị, một cho con gái, một cho ông ta, phòng ăn cũng dùng làm phòng khách.

Suốt cả tuần lễ ông ta loay hoay trù tính cho bữa tiệc mời khách. Thực đơn được bàn rất lâu để chuẩn bị một bữa ăn trường giả đặc biệt. Cuối cùng người ta ấn định như sau: một món xúp thịt hầm có trứng, đồ ăn nguội, tôm và dổi, tôm hùm, gà giò, đậu Hà-lan hộp, pa-tê gan mỡ, xà-lách, kem, và đồ nước.

Gan mỡ được đặt mua ở hiệu thịt bên cạnh, lấy hàng thượng hảo hạng. Chỉ riêng chiếc liễn đựng đã đáng giá ba quan năm mươi. Còn rượu vang thì Ca-sơ-lanh hỏi mua của hàng rượu đầu phố, họ bán từng lít thứ rượu đỏ mà ông vẫn uống. Ông không muốn đến cửa hiệu lớn vì đã tính toán kỹ: "Những ty rượu nhỏ ít dịp bán được rượu ngon, cho nên họ giữ được rượu rất lâu trong hầm và do đó họ có rượu thật ngon".

Chiều thứ bảy, ông ta về thật sớm để lo chuẩn bị sẵn sàng đón khách. Con ở ra mở cửa, mặt đỏ hơn cà chua, vì nó đốt lò ngay từ trưa, chỉ sợ muộn, thế là mặt nó cứ như chín rừ, và lại nó cũng rới rít cảm động.



Ông vào phòng ăn để kiểm soát. Giữa gian phòng nhỏ, chiếc bàn tròn nổi lên thành một điểm trắng lớn, dưới ánh sáng rực rỡ của ngọn đèn có chụp một chao đèn xanh lá cây.

Bốn chiếc đĩa trên để khăn ăn do bà cô Ca-sơ-lanh tết thành hình đuôi gà, hai bên là dao đĩa bằng kim loại trắng, và phía trước là hai chiếc cốc, một to, một nhỏ. Xê-da ngấm nghĩa thấy chưa được đẹp mắt liền gọi: "Sác-lốt!".

Cửa bên trái mở, và một mụ loắt choắt hiện ra. Mụ ta hơn em đến mười tuổi, bộ mặt đét đóng khung trong mớ tóc bạc có những miếng giấy giữ cho quăn. Tiếng nói phều phào, yếu ớt quá so với thân người nhỏ lưng gù, và mụ hơi lê chân bước đi với những cử chỉ dờ dẫm.

Xưa kia, thời cô còn là con gái, người ta trầm trồ về cô nàng: "Cô ả xinh tề".

Nhưng bây giờ nàng đã thành một mụ già gầy còm, rất sạch sẽ vì thói quen cũ, ngang ngạnh, bướng bỉnh, đầu óc hẹp hòi, câu chấp, và dễ cáu kỉnh. Mụ sinh ra mộ đạo, dường như quên hết những chuyện ong bướm thời xưa.

Mụ hỏi: "Cậu hỏi gì?".

Ông em đáp: "Tôi thấy bày hai cốc nó lỏng chổng thế nào ấy. Hay ta nên đãi sâm banh... Bất quá ta tốn thêm không đầy ba bốn quan, thế mà lại bày thêm được cốc phễu. Phòng ăn trông sẽ nổi hẳn lên".

Cô Sác-lôt nói: "Cứ ý tôi thì tiêu tốn thêm không cần thiết. Thôi thì tùy đấy, tốn là tốn cho cậu, chứ can gì đến tôi".

Ông ta ngập ngừng, tìm lý do để tự thuyết phục mình: "Tôi cho rằng như thế xôm hơn. Mà rồi có thể thì cái món bánh Vua mới nổi đình đám". Lý do đó làm ông ta quyết ý. Ông lấy mũ và trở xuống cầu thang, rồi năm phút sau quay về với một chai có dán nhãn hiệu trắng đề: "Rượu sâm-banh hảo hạng Sa-ten Rê-nô-vô".

Và Ca-sơ-lanh tuyên bố: "Chỉ tốn có ba quan, mà xem chừng ngon tuyệt".

Ông ta tự mở tủ lấy những chiếc cốc phễu và bày ra bàn.

Cửa bên phải mở ra. Cô con gái bước vào. Cô ta người cao lớn, mập mạp và hồng hào, một cô gái đẹp, tốt nòi, có bộ tóc hạt dẻ và đôi mắt xanh lơ.

Một chiếc áo dài giản dị làm nổi lên thân hình tròn trĩnh và mềm mại; tiếng nói to, gần như tiếng đàn ông, với những âm điệu trầm trầm làm rung cả dây thần kinh con người ta. Cô ta vỗ tay kêu lên như trẻ con: "Trời ơi! sâm-banh! tuyệt quá!".

Ông bố bảo con: "Điều cốt yếu là con phải niềm nở đối với ông khách, ông ấy đã giúp ba nhiều việc".

Cô ta ngả ra cười, cái cười sang sảng như muốn nói: "Con biết rồi".

Tiếng chuông ngoài phòng đợi vang lên, cửa mở ra rồi đóng lại. Lơ-xáp bước vào. Anh chàng mặc bộ đồ đen, đeo ca-vát trắng và găng trắng. Hắn làm người ta choáng mắt. Ca-sơ-lanh đâm xỏ ra, cuống quýt và hoan hỉ: "Kìa ông bạn, chỗ người nhà cả ấy mà; ông xem tôi vẫn mặc áo vét-tông đây này".

Chàng trẻ tuổi đáp: "Vẫn hay rằng thế, ông cũng đã cho biết, nhưng tôi nó thành thói quen, ra đến ngoài là phải quần áo chỉnh tề". Anh ta cúi chào mọi người, chiếc mũ cấp ở tay, một chiếc hoa trên ve áo. Xê-da giới thiệu: "Đây là chị tôi, bà Sác-lôt, - con gái tôi, Cô-ra-li, ở nhà quen gọi là Cô-ra".

Mọi người nghiêng mình. Ca-sơ-lanh lại nói: "Nhà không có phòng khách riêng. Kể cũng hơi phiền, nhưng rồi cũng quen đi". Lơ-xáp đáp: "Thế này là tuyệt lắm".

Rồi người ta đỡ lấy mũ hán vẫn giữ ở tay. Hán liền tháo găng ra.

Mọi người ngồi xuống; người ta nhìn nhau, qua chiếc bàn, và không ai nói gì hết. Ca-sơ-lanh hỏi: "Thế nào, hôm nay ông sếp có ở lại sở lâu không? Tôi, tôi phải về sớm để giúp mấy bà này một tay".

Lơ-xáp chậm rãi đáp: "Không. Chúng tôi cùng ra về sau khi bàn cách giải quyết vấn đề vải dầu ở Bơ-rét. Vấn đề rắc rối quá, làm chúng ta sẽ mệt với nó đấy".

Ca-sơ-lanh thấy cần phải giải thích cho chị biết, liền quay lại phía cô ta nói: "Bao nhiêu việc khó khăn ở sở đều là do ông Lơ-xáp giải quyết hết. Có thể nói ông làm chẳng kém gì ông sếp".

Cô gái già lễ phép chào và tuyên bố: "Dạ! Tôi đã rõ ông có nhiều khả năng".

Con ở vào, lấy đầu gối đẩy cửa, hai tay giơ cao bụng một liên xúp lớn. Thế là "chủ nhân" kêu lên:

"Xin mời vào bàn! Ông Lơ-xáp, mời ông ngồi đây, giữa bà chị tôi và cháu. Tôi chắc rằng ông không sợ phụ nữ". Và bữa ăn bắt đầu.

Lơ-xáp làm điệu niềm nở với một chút tự mãn, gần như hạ cố, và anh ta liếc nhìn cô thiếu nữ, ngạc nhiên thấy cô ta tươi tắn, khoẻ mạnh, đến là ngon mắt. Cô Sác-lốt, biết rõ thâm ý của ông em, cố làm duyên dáng, và cô ta gắng tiếp chuyện, chuyện nhặt nhèo xoay quanh những vấn đề chung chung. Ca-sơ-lanh hơn hờ, nói to, pha trò, rót rượu vang mà ông ta mới mua một giờ trước ở hàng rượu đầu phố: "Ông Lơ-xáp, làm một cốc rượu Buốc-gô này. Tôi không dám nói nó là thượng hảo hạng, nhưng mà ngon, để hàm lâu và nguyên chất, cái đó thì xin đảm bảo. Rượu này là do mấy người bạn ở tận gốc đem cho đây".

Cô thiếu nữ không nói năng gì, hơi đỏ mặt, hơi bẽn lèn, ngượng ngịu vì ngồi bên cạnh người đàn ông mà cô ta nghĩ là có ý tứ gì.

Đến món tôm hùm, Xê-da tuyên bố: "Đây là một nhân vật mà tôi ưng làm quen lắm đây". Lơ-xáp, tươi cười, kể chuyện một nhà văn đã gọi tôm hùm là "hồng y giáo chủ trên mặt bể", vì không biết rằng

trước khi lược thì con vật này lại đen. Ca-sơ-lanh phá ra cười và luôn mồm: "À hay! hay! Câu chuyện ngộ đấy!". Nhưng cô Sác-lốt nghiêm mặt nói: "Tôi không hiểu họ liên hệ như thế nào. Cái ông ấy đùa là không phải chỗ. Tôi thì tôi thông cảm với tất cả mọi cách bông đùa, nhưng tôi phản đối việc người ta giễu cợt giới tu hành trước mặt tôi".

Chàng trẻ tuổi, muốn làm đẹp lòng cô gái già, liền tóm lấy cơ hội đó để phát biểu ý kiến về công giáo. Anh ta nói đến những kẻ vô ý thức coi nhẹ những chân lý vĩ đại. Rồi anh ta kết luận: "Tôi, tôi kính trọng và tôn sùng tín ngưỡng của ông cha, tôi đã được dạy dỗ trong khuôn phép đó, tôi sẽ trung thành cho đến lúc chết".

Ca-sơ-lanh không cười nữa. Ông ta vân vê những viên ruột bánh và lẩm bẩm: "Đúng đấy, đúng đấy". Rồi ông chuyển hướng câu chuyện làm ông phát ngán, và theo khuynh hướng tư tưởng tự nhiên của những người ngày nào cũng làm mãi một việc, ông ta hỏi: "Anh chàng Ma-dơ đẹp trai không được thăng chức, chắc là điên người lên đấy nhỉ?".

Lơ-xáp mỉm cười: "Làm thế nào được? Công nào thì của ấy chứ!". Và người ta nói sang chuyện cơ

quan bộ, làm cho ai nấy đều chăm chú, là vì hai người đàn bà thông tỏ hết các nhân viên ở bộ chẳng kém gì Ca-sơ-lanh, tới nào mà hai người chẳng nghe nói đến họ. Cô Sác-lốt thì chú ý nhiều đến Boát-xen vì những câu chuyện phiêu lưu mà lão ta kể và cũng vì đầu óc tiểu thuyết của lão, còn cô ả Cô-ra thì thăm vụng lưu ý đến anh chàng Ma-dơ đẹp trai. Nhưng thật ra họ chưa gặp những người ấy bao giờ.

Lơ-xáp bàn về nhân viên trong bộ với giọng trịnh thượng tưởng như một vị tổng trưởng phê phán nhân viên của mình.

Anh chàng nói: "Ma-dơ không phải không có chỗ ưu điểm; nhưng phàm muốn được đề bạt thì người ta phải siêng năng hơn hẳn. Hẳn thích giao du, chơi bời. Những cái đó chỉ làm rối óc người ta lên thôi. Không bao giờ hẳn tiến xa được, đó là lỗi tại hẳn. Có thể, nhờ thế lực mà hẳn ta leo lên được tới chức phó chủ sự, nhưng chỉ đến thế thôi. Còn Pi-tô-lê, phải thừa nhận rằng anh chàng này viết khá, hình thức có văn vẻ đấy, nhưng không có nội dung. Anh ta cái gì cũng là phiền diện. Không thể để cho hẳn đứng đầu một phòng quan trọng được, nhưng một

ông sắp thông minh có thể sử dụng hẳn tốt, nếu chỉ bảo công việc cho hẳn".

Cô Sác-lôt hỏi: "Thế còn ông Boát-xen?".

Lơ-xáp nhún vai nói: "Đồ vô vị, vô vị. Lão ta chẳng nhìn được cái gì đúng mức cả. Toàn là tưởng tượng những chuyện hoang đường. Đối với chúng tôi, lão ấy thật vô tích sự".

Ca-sơ-lanh cười và nói: "Khá nhất là lão Xa-vông". Mọi người đều cười. Rồi người ta bàn đến chuyện sân khấu và những vở diễn trong năm. Lơ-xáp cũng lại phê phán như người có thẩm quyền về văn học sân khấu, xếp loại dứt khoát các tác giả, nhận định về ưu khuyết của mỗi người một cách quả quyết như những kẻ tự cho mình là cái gì cũng biết và không bao giờ lầm lẫn.

Người ta dùng xong món gà quay. Bấy giờ Xê-da mở liên pa-tê gan mỡ ra một cách hết sức thận trọng, làm cho người ta đánh giá được món ăn đựng bên trong. Ông ta nói: "Tôi không biết món này có thành công không. Nhưng nói chung, thường là nó vẫn tốt. Một người anh em họ ở Stơ-rát-sbua gửi cho đây".



Và ai nấy đều ăn thông thả trịnh trọng món pa-tê đựng trong chiếc liễn đất vàng.

Đến món kem thì thật là tai hại. Nó như một thứ xốt, một thứ xúp, một thứ nước nhọt nhạt, lỏng bông trong một chiếc đĩa có chân. Đây là cô ở trẻ, sợ không biết làm, đã phải nhờ cậu hàng bánh đơm ở cối ra cho, cậu ta đến thật sớm từ lúc bảy giờ.

Ca-sơ-lanh, thất vọng, định bắt đem đi, nhưng rồi ông cũng nguôi vì nghĩ đến món bánh Vua. Ông ta cắt bánh chia ra một cách bí hiểm, dường như bên trong có chuyện gì bí mật lắm. Ai nấy đều chăm chú nhìn vào chiếc bánh tượng trưng, và người ta đề nghị mỗi người phải nhắm mắt lại để lấy phần của mình.

Ai được hột đậu? Một nụ cười ngậy thơ thoáng trên môi mọi người. Lơ-xáp khê thốt lên: "Ớ!" ngạc nhiên, và giơ lên giữa ngón tay trở và ngón cái một hột đậu trắng to còn dính bột. Thế là Ca-sơ-lanh vỗ tay hoan hô, và kêu lên: "Chọn hoàng hậu đi! Chọn hoàng hậu đi!".

Vua ta ngập ngừng một tí. Có nên chọn cô Sác-lốt để "chính trị" một tí hay không? Cô ta sẽ khoái trí, và như thế là thu phục được, ăn đứt đi! Nhưng rồi

anh chàng nghĩ rằng sự thực là vì nàng Cô-ra mà người ta mời mình đến, nếu lại chọn bà cô thì mình hoá ra là một thằng ngốc. Thế là anh ta quay về phía cô thiếu nữ ngồi bên, và đưa nàng hột đậu để vương: "Thưa quý nương, xin cho phép tôi được tặng nàng?" Và lần đầu tiên họ nhìn tận mặt nhau. Cô nàng nói: "Xin cảm ơn ông!" và nhận lấy vật bảo chứng uy quyền kia.

Anh chàng nghĩ thầm: "Quả là cô gái này đẹp thật. Đôi mắt tuyệt. Mà người lại bạo dạn, kháu thật!".

Một tiếng nổ làm hai người đàn bà giật bắn người. Ca-sơ-lanh vừa mở chai sâm-banh, rượu vọt ra và chảy xuống khăn giải bàn. Rồi người ta rót đầy bọt vào các cốc, và chủ nhân tuyên bố: "Rượu hảo hạng, trông cũng biết". Nhưng Lơ-xáp vừa sắp uống để cho rượu khỏi tràn ra ngoài cốc, thì Xê-da kêu lên: "Kìa đức vua ngự tửu! Đức vua ngự tửu! Đức vua ngự tửu!" Cô Sác-lôt ta cũng vui lây, giọng the thé la lên: "Đức vua ngự tửu! Đức vua ngự tửu!".

Lơ-xáp uống cạn cốc một cách vững vàng, và đặt cốc xuống bàn: "Các vị xem tôi cứng lắm đấy chứ!"

rồi, quay về phía Cô-ra: "Đến lượt quý nương, xin mời!".

Cô nàng định uống, nhưng vì mọi người kêu lên: "Hoàng hậu ngự tửu! hoàng hậu ngự tửu!", cô ta đỏ mặt, ngả ra cười và đặt chiếc cốc phễu xuống trước mặt.

Bữa ăn về cuối thật là vui vẻ, vua tỏ ra ân cần và chiều chuộng hoàng hậu. Rồi, đến lúc dùng rượu mù, Ca-sơ-lanh nói: "Xin để người nhà dọn bàn cho rộng. Trời không mưa, ta có thể ra ngoài sân gác một phút". Ông ta cố ý để mọi người ra ngắm cảnh bên ngoài, tuy trời đã tối.

Thế là người ta mở cửa kính ra vào. Một luồng gió ẩm lọt vào phòng. Bên ngoài trời ẩm, như tiết tháng tư; mọi người bước lên bậc từ phòng ăn ra ngoài hiên gác rộng. Người ta chỉ nhìn thấy một ánh sáng mờ là là trên thành phố lớn, như những vòng lửa quây trên đầu các thánh. Từng chỗ từng chỗ ánh sáng đó đậm hơn, và Ca-sơ-lanh giải thích: "Đây chỗ kia là khu Lạc-viên sáng như thế đấy. Đây là dãy đại lộ. Chà! nhìn rõ nhỉ! Ban ngày đứng đây mà nhìn toàn cảnh thì tuyệt đẹp. Dù ai đi du lịch tận đâu, cũng không thấy nơi nào đẹp hơn ở đây".

Lơ-xáp tì khuỷu tay xuống lan can sắt, bên cạnh Cô-ra, cô ta đang nhìn vào khoảng không, im lặng, lơ đãng, lòng bỗng nhiên sưng sờ vì một mối buồn vợ vãn. Cô Sác-lốt sợ lạnh trở vào phòng. Ca-sơ-lanh tiếp tục nói, tay chỉ về phía điện Anh-va-lít, Trô-ca-đê-rô, khái hoàn môn Ngôi Sao.

Lơ-xáp khẽ hỏi: "Thế nào, cô Cô-ra, cô có ưng nhìn Pa-ri từ nơi cao này không?"

Cô nàng khẽ giật mình, như sức tỉnh, và trả lời: "Tôi à?... có chứ, nhất là về chiều tối. Tôi nghĩ đến bao nhiêu điều đang diễn ra ở kia, trước mặt chúng ta. Biết bao nhiêu kẻ sung sướng và kẻ khổ sở trong những nhà kia! Nếu người ta được nhìn thấy hết thì người ta biết được bao nhiêu điều!"

Anh chàng sát lại gần cho tới khi đụng vai vào khuỷu tay nhau: "Những đêm trăng, chắc là huyền ảo lắm?"

Cô nàng rủ rủ: "Thật thế đấy. Người ta tưởng như bức chạm của Guýt-ta-vơ Đơ-rê<sup>(1)</sup>. Nếu có thể đi dạo chơi thật lâu trên các mái nhà thì thú vị biết bao".

---

(1) *Guýt-ta-vơ Đơ-rê* (Gustave Doré) : một nhà họa sĩ và điêu khắc Pháp (1833-1883). (N.D.)

Thế là chàng hỏi han về những sở thích, những ước vọng, những thú vui của nàng. Và nàng trả lời không bồi rối, rõ ra cô gái chín chắn, khôn ngoan, không quá mơ mộng. Chàng thấy nàng quả là có ý thức, và tự nhủ rằng thật là khoái trá nếu có thể quàng tay ôm lấy cái thân hình tròn trĩnh và chắc nịch kia, và hôn thật lâu từng chiếc hôn nhỏ nhẹ, như người ta nhấm nháp thứ rượu mạnh thật ngon, vào làn má tươi thắm kia, chỗ bên cạnh tai, có một ánh đèn rơi vào. Anh ta cảm thấy bị thu hút, xúc động bởi cái cảm giác ở sát bên người đàn bà, bởi sự thèm khát thứ xác thịt chín muồi và trong trắng, và bởi sự quyến rũ tế nhị của người thiếu nữ. Anh ta tưởng như có thể đứng đó hàng giờ, hàng đêm, hàng tuần, mãi mãi, tựa tay bên cạnh nàng, để cảm thấy nàng ở bên mình, để thấm vào mình cái khoái trá được gần gũi nàng. Và có cái gì như một cảm xúc nên thơ nâng bổng lòng anh chàng lên trước cảnh đô thành Pa-ri to lớn bày ra trước mặt, rực rỡ ánh sáng, đang sống cuộc sống ban đêm, cuộc sống ăn chơi và hành lạc. Anh ta tưởng như mình không chế cả thành phố đồ sộ, như mình bay lượn ở bên trên; và anh cảm thấy khoan khoái biết bao nhiêu

nếu tôi nào cũng được tựa tay trên hiên gác này bên một người đàn bà, và âu yếm nhau, hôn nhau, siết chặt lấy nhau ở bên trên đô thành rộng lớn, bên trên mọi ái ân mà nó chứa đựng, bên trên mọi thoả mãn phạm tục, bên trên mọi dục vọng tầm thường, liền sát ngay các vì sao. Có những buổi chiều mà cả những tâm hồn ít xúc động nhất cũng đắm ra mơ mộng, dường như họ mọc cánh. Có lẽ anh chàng hơi say rượu.

Ca-sơ-lanh, bỏ đi tìm điếu, rồi trở lại vừa châm thuốc hút vừa nói:

"Tôi biết ông không hút nên không mời. Không có gì thú hơn là đốt một môi thuốc ở đây. Tôi, nếu mà bắt tôi ở tầng dưới thì không chịu được. Sở dĩ ở trên này được, là vì toà nhà này là của bà chị tôi, cả hai toà nhà bên cạnh, bên phải và bên trái cũng thế. Bà chị tôi, vốn liếng cũng khá. Những nhà này, trước đây bà ấy tậu cũng không đắt". Và, quay vào phía phòng ăn, ông ta hỏi to: "Chị Sác-lốt, trước chị tậu những đất này mất bao nhiêu?".

Thế là có tiếng the the của cô gái già trả lời. Lơ-xáp chỉ nghe được lồm bồm: "... Năm một nghìn tám trăm sáu ba... ba mươi năm quan... xây dựng

sau... ba toà nhà... một chủ nhà băng... bán lại ít ra là năm mươi vạn quan. .."

Cô ta kể lễ, khoe của để dài như một ánh lính già kể lại các trận đánh. Cô ta kể từng món tậu được, bao nhiêu người dám mua lại như thế nào, thặng giá là bao nhiêu, v.v...

Lơ-xáp rất chú ý, quay người lại, tựa lưng vào lan can. Nhưng vì chỉ nghe được từng mẩu, câu được câu chẳng, nên đột nhiên anh ta bỏ rơi cô bạn trẻ để vào phòng nghe cho hết; và, ngồi bên cô Sác-lốt, anh ta bàn rất lâu với cô ta, nào giá cho thuê nhà có cơ tăng lên, nào lỡ lãi thu được nếu người ta biết đặt vốn, bằng tiền mặt hay của chìm.

Vào quãng nửa đêm anh ta ra về, hứa sẽ trở lại.

Một tháng sau, khắp cơ quan bộ chỗ nào cũng chỉ nghe nói đến đám cưới Giắc Lê-ô-pôn Lơ-xáp lấy cô Xê-lét Cô-ra-li Ca-sơ-lanh.

### III

Đôi vợ chồng trẻ cùng ở một tầng với Ca-sơ-lanh và cô Sác-lốt, trong một gian nhà giống như của họ, người thuê nhà ở đó đã bị tống đi nơi khác.

Nhưng một mối lo lắng day dứt tâm trí Lơ-xáp: bà cô không làm giấy dứt khoát cam đoan để lại gia tài cho Cô-ra. Tuy nhiên cô ta đã bằng lòng thể "trước Chúa" rằng chúc thư của cô ta đã làm rồi, đăng ký ở phòng giấy viên quản lý văn khố Ben-lom. Ngoài ra cô ta đã hứa rằng tất cả tài sản của cô sẽ về tay cháu gái, duy với một điều kiện. Người ta thúc cô nói rõ điều kiện ấy thế nào, thì cô từ chối không nói, nhưng cô lại mỉm cười ra vẻ hiền hậu mà cam đoan rằng điều kiện cũng dễ thực hiện thôi.

Trước những lời giải thích đó và tính ương ngạnh của cụ già mộ đạo, Lơ-xáp nghĩ cũng chẳng làm thế nào được hơn, vả lại anh chàng đã phải lòng cô thiếu nữ, nổi khát khao thắng mọi sự ngờ vực, cho nên anh ta đã ngả theo ý muốn khẳng khẳng của Ca-sơ-lanh.

Bây giờ thì anh ta lấy làm mãn nguyện, tuy vẫn còn luôn luôn bị mối ngờ vực kia ám ảnh. Anh ta thương yêu vợ, nàng không có điều gì trái với sự mong đợi của anh. Cuộc đời anh trôi qua, bình yên và bằng phẳng. Vả chăng, chỉ sau vài tuần lễ anh đã quen với hoàn cảnh mới của người có vợ, và anh tiếp tục tỏ ra là một viên chức mẫn cán như xưa.



Năm cũ trôi qua. Ngày đầu năm lại tới. Anh ta hết sức ngạc nhiên thấy mình không được thăng chức như đã dự tính. Chỉ có Ma-dơ và Pi-tô-lê là được lên một bậc; và Boát-xen tuyên bố riêng với Ca-sơ-lanh rằng lão ta dự định một buổi chiều nào đó sẽ choảng cho hai bạn đồng sự kia một trận, ngay ở trước cửa lớn, lúc tan sở, trước mặt mọi người. Nhưng rồi lão ta chẳng làm gì hết.

Ròng rã tám ngày liền, Lơ-xáp không sao ngủ được, lòng thắc mắc vì thấy mình tích cực công tác đến thế mà không được thăng chức. Thật sự anh ta làm việc đầu tắt mặt tối; anh cứ phải làm thay hoài viên phó chủ sự Ra-bô, một năm thì ồm đến chín tháng, nằm ở nhà thương Van-đờ Gờ-rát; sáng nào anh cũng đến sở từ tám giờ rưỡi; chiều nào cũng tới sáu giờ rưỡi anh mới ở sở về. Người ta còn muốn thế nào nữa? Nếu người ta không biết đến công anh làm việc như thế và cố gắng như thế, thì anh sẽ làm như mọi người cho rảnh. Đãi ngộ thì phải tùy theo công lao chứ. Ông Toóc-sơ-bốp xưa nay vẫn đối đãi với anh như con, mà tại sao bây giờ có thể hy sinh anh như thế? Anh muốn biết rõ. Anh sẽ tìm đến ông sếp để trình bày.

Thế là một buổi sáng thứ hai, trước khi các bạn đồng sự tới sở, anh đến gõ cửa phòng lão sếp hống hách đó.

Một tiếng the the kêu lên: "Cứ vào!". Anh ta bước vào.

Ông Toóc-sơ-bốp đang ngồi viết trước một cái bàn lớn đầy những giấy má, người ông bé choắt mà cái đầu thì to, tưởng như đặt ngay lên trên tờ giấy thấm. Nhìn thấy người viên chức trọng dụng của mình, ông nói: "Chào anh Lơ-xáp; thế nào có khoẻ không?"

Chàng trẻ tuổi đáp: "Bẩm chào ông sếp, tôi vẫn mạnh giỏi, thưa còn ông ra sao?".

Ông sếp ngừng viết và xoay chiếc ghế bành đi. Thân hình ông mảnh khảnh, gầy còm, bó trong một chiếc rơ-đanh-gốt đen kiểu đứng đắn, trông thật không tương xứng với chiếc ghế to lớn chỗ tựa bằng da. Một tấm huy chương Bắc đẩu bội tinh hạng tư to tướng, chói lọi, to gấp nghìn lần so với thân hình người đeo, như một hòn than hồng rực rỡ trên bộ ngực lép, bị đè nặng dưới chiếc sọ kèch sù, dường như toàn thể con người chỉ phát triển ở trên ngọn, giống một cây nấm.

Cầm thì nhón, má hóp, mắt lồi, và cái trán quá khổ, che mó tóc bạc hắt lại phía sau.

Ông Toóc-sơ-bốp nói: "Mời anh bạn ngồi xuống, và cho biết đến có việc gì".

Với tất cả các nhân viên khác ông ta đối xử một cách bốp chát kiểu nhà binh, tự coi mình như một thuyền trưởng trên tàu, là vì ông coi cơ quan bộ như một chiếc tàu lớn, chiếc tàu chỉ huy của toàn thể hạm đội Pháp.

Lơ-xáp, có phần bị xúc động, mặt hơi tái đi, áp úng: "Bẩm ông sếp, tôi đến xin ông chỉ giáo cho rằng tôi có làm điều gì sai phạm chăng?"

- Kìa, anh bạn, có chuyện gì đâu, tại sao anh lại hỏi tôi điều đó?

- Thưa vì tôi hơi thắc mắc tại sao năm nay tôi không được thăng chức như mọi năm. Bẩm ông, cho phép tôi được trình bày hết và xin ông tha cho tội đường đột của tôi. Tôi biết rằng tôi đã được ông chiếu cố nhiều và ban cho nhiều đặc ân. Tôi biết rằng thường thường thì phải hai, ba năm mới được thăng chức một lần; nhưng cũng xin phép ông cho tôi được lưu ý ông một điều, là tôi làm việc cho cơ

quan gần bằng bốn lần công việc của một nhân viên thường, nếu tính về số thì giờ thì ít ra cũng gấp đôi. Như vậy nếu đem mà bắc cân công việc tôi làm và sự đãi ngộ, thì quả là bên này kém xa bên kia!".

Anh chàng đã chuẩn bị rất cẩn thận câu nói mà anh cho là tuyệt diệu.

Ông Toóc-sơ-bớt ngạc nhiên, tìm câu trả lời. Cuối cùng, ông ta nói bằng một giọng hơi lạnh nhạt: "Tuy rằng nguyên tắc không cho phép được bàn cãi về vấn đề này giữa thủ trưởng và nhân viên, nhưng lần này tôi cũng sẵn lòng trả lời anh, là vì chiếu cố đến những công lao rất xứng đáng của anh.

"Tôi đã có đề nghị cho anh được thăng chức như những năm trước. Nhưng ngài giám đốc đã gạch tên anh đi với lý do là cuộc hôn nhân của anh đã bảo đảm cho anh một tương lai tốt đẹp, quá phong lưu, một tài sản mà không bao giờ các bạn đồng sự nghèo của anh có thể ngơm ngọi được. Tóm lại, có nên công bình mà chiếu cố một phần đến hoàn cảnh của mỗi người không? Anh sẽ trở nên giàu có, rất giàu. Tăng lên cho anh ba trăm quan một năm thì đối với anh có bỏ bèn gì, nhưng món tiền nhỏ đó rất đáng kể so

với túi những người khác. Anh bạn ạ, đó là lý do tại sao anh phải lưu lại năm nay”.

Lơ-xáp, bẽ bàng và cău tiết, rút lui.

Buổi tối, trong bữa ăn, anh ta tỏ vẻ khó chịu với vợ. Chị ta thường ngày tính tình vui vẻ và khá hồn hậu, nhưng ương ngạnh, khi đã muốn cái gì thì không bao giờ nhượng bộ. Đối với chồng, chị ta không còn cái sức cảm dỗ xác thịt buổi đầu nữa, và tuy lửa lòng anh ta luôn luôn được khơi gợi vì, của đáng tội, chị ta cũng xinh tươi, nhưng cuộc sống chung giữa hai con người chẳng bao lâu làm cho anh ta lảm lức vỡ mộng, gần như chán ngấy. Hàng nghìn chi tiết tầm thường hay thô lậu của cuộc sống, phấn son biếng nhác lúc buổi sáng, chiếc áo mặc trong nhà bằng thứ len tầm thường, cũ nát, chiếc áo choàng bạc màu, là vì nhà cũng không dư dật, và tất cả những việc làm thiết thực, ở nhà nghèo thì nó bày ngay ra trước mắt, hết thấy đã làm bong lớp sơn hào nhoáng lúc cưới xin, làm tàn úa đóa hoa thơ mộng, từ xa, cảm dỗ cặp tình nhân.

Bà cô Sác-lôt lại làm cho gia đình anh thêm khó thở, là vì mẹ ta bám lấy họ; mẹ xen vào tất cả mọi công việc, muốn chỉ huy hết thấy, việc gì cũng bắt

bè, mà vì người ta lo sợ làm mù phật ý cho nên người ta đành cần răn nhin nhục, tuy nhiên lòng phần uất cú ngấm ngấm và càng ngày càng tăng.

Mụ ta lê bước già yếu đi lại khắp trong nhà; tiếng nói hỗn hển mà lải nhải: "Làm thế này này; làm thế kia kia".

Khi hai vợ chồng ngồi riêng với nhau, Lơ-xáp cúi kinh gất: "Bà cô của chị quá quắt lắm. Tôi thì tôi xin vái. Chị biết chưa? Tôi xin vái". Nhưng Cô-ra bình thân trả lời: "Thì anh bảo tôi làm thế nào bây giờ?".

Thế là hần phát khùng lên: "Có cái gia đình nào mà khả ố như thế này!".

Nhưng chị ta vẫn bình thân đáp lại: "Phải, gia đình này thì khả ố, nhưng món gia tài kia thì đáng yêu phải không? Thôi đừng làm trò khi? Nhin nhục cô Sác-lốt, chẳng lợi riêng gì cho tôi đâu".

Thế là anh chàng cứng họng, không biết trả lời ra sao.

Bây giờ thì bà cô luôn luôn thúc họ, nhằm nhe cho có một đứa cháu. Mụ ta ấn Lơ-xáp vào góc tường và hà vào mặt: "Cháu tôi đâu, tôi truyền cho

anh phải có con trước khi tôi chết. Tôi muốn trông thấy mặt đứa kế thừa của tôi. Anh đừng có đổ cho Cô-ra không sinh nở được. Cứ nhìn nó mà xem. Này, ông cháu tôi ơi, lấy nhau là để có tông, có giống. Đức Mẹ không ưng những cặp vợ chồng không sinh đẻ đâu. Tôi vẫn biết anh chị không được phong lưu, đẻ con ra thì thêm tốn kém. Nhưng tôi mà nhắm mắt đi thì anh chị chẳng thiếu thốn gì nữa. Tôi muốn có thằng Lơ-xáp con, tôi muốn thế, anh nghe chưa!"

Họ lấy nhau đã được mười lăm tháng rồi mà ước nguyện của mẹ vẫn chưa đạt được, cho nên mẹ sinh nghi và càng thúc bách; và mẹ thăm mách Cô-ra đủ ngón, những ngón thực dụng, rõ ra một người đàn bà xưa kia thành thạo đủ nghề, bây giờ có dịp vẫn còn nhớ lại.

Nhưng rồi một buổi sáng, mẹ ta giờ giờ không dậy được. Vì mẹ xưa nay không ốm cho nên Ca-sơ-lanh rất xúc động, đến gõ cửa buồng chàng rử: "Anh chạy mau tìm bác sĩ Bác-bét, và anh trình hộ với ông sếp rằng, vì hoàn cảnh, hôm nay tôi không đến sở được nhé".

Lơ-xáp qua một ngày thấp thỏm, không làm việc được, chẳng viết lách nghiên cứu được cái gì hết. Ông Toóc-sơ-bốp ngạc nhiên hỏi: "Thế nào anh Lơ-xáp, hôm nay anh mãi nghĩ chuyện gì thế?". Lơ-xáp, bực dọc, trả lời: "Bẩm ông sếp, tôi mệt lắm, cả đêm hôm qua tôi phải thức bên cạnh bà cô tôi ốm nặng".

Nhưng ông sếp lạnh lùng nói: "Đã có ông Ca-sơ-lanh ở bên cạnh bà ấy là đủ rồi. Tôi không thể để cho phòng tôi hỗn độn vì những lý do cá nhân của nhân viên".

Lơ-xáp đã để đồng hồ của mình lên trên bàn ở trước mặt và anh ta sốt lòng sốt ruột chờ cho đến năm giờ. Tiếng đồng hồ lớn ngoài sân vừa đánh, anh chạy liền, lần đầu tiên anh ở sở về đúng giờ quy định.

Anh ta lại đi xe ngựa về, vì lòng áy náy quá sức; và anh ta thoăn thoắt chạy lên cầu thang.

Con ở ra mở cửa, anh ấp úng hỏi: "Thế nào, bà ra sao?"

- Thầy thuốc bảo bà nguy kịch lắm.

Tim anh đập, anh ngăn người xúc động: "À, ra thế thật".



Không biết chừng cô ta sắp chết chẳng?

Anh ta bây giờ không dám vào buồng người ốm, và cho mời Ca-sơ-lanh ra.

Liền đó ông bố vợ rón rén mở cửa bước ra. Ông ta mặc áo trong nhà và đội chiếc mũ nồi như những buổi tối ông ngồi bên lò sưởi êm ấm; và ông nói thì thầm: "Nguy rồi, nguy kịch. Từ lúc bốn giờ cô ấy mê man đi. Quá trưa đã phải đồ thuốc".

Bấy giờ Lơ-xáp thấy mọi chân và ngồi xuống.

- Nhà tôi đâu?

- Chị ấy ở bên cạnh bà cô.

- Thật sự bác sĩ bảo thế nào?

- Ông ta bảo đây là một chứng đột phát. Có thể hồi lại, nhưng cũng có thể chết đêm nay.

- Ông có cần đến tôi không? Nếu không thì tôi khỏi phải vào. Tôi không lòng nào nhìn thấy cô như thế được.

- Thôi. Anh cứ về buồng bên ấy. Nếu có chuyện gì, tôi cho gọi anh ngay.

Thế là Lơ-xáp quay về buồng mình. Gian nhà như biến đổi hẳn, rộng hơn ra, sáng sủa hơn ra.

Nhưng vì anh ta không thể ở yên một chỗ, anh liền bước ra ngoài hiên gác.

Bây giờ vào những ngày cuối tháng bảy, mặt trời lộng lẫy, đang lúc khuất đằng sau hai ngọn tháp điện Trô-ca-đê-rô, trút ánh nắng xuống lớp lớp mái nhà.

Khoảng không đỏ rực dưới chân anh, đượm màu vàng nhạt ở quá trên, rồi ngả màu vàng thẫm, rồi xanh lá cây, một màu xanh nhẹ sáng óng, rồi lên phía trên đầu thì biến thành màu xanh lơ, trong và tươi.

Những con chim nhận vut qua như những mũi tên, không nhìn rõ, vẽ lên nền trời đỏ nét cánh cong nhọn hoắt. Và trên đám nhà trùng điệp, trên vùng thôn dã xa xa, là là một đám mây hồng, một làn hơi lửa trong đó vươn lên, như trong hiển hiện, những mũi nhọn của tháp chuông, tất cả những nóc nhà mảnh dẻ của các dinh thự. Khải hoàn môn Ngôi Sao đen lù lù và to lớn trong đám cháy ở chân trời, và mái tròn điện Anh-va-lít trông như một vùng dương khác từ trên trời rơi xuống úp lên một dinh thự.

Lơ-xáp hai tay nắm lấy giống sắt, hớp không khí như người uống rượu, chỉ những muôn nhảy lên, thét lên, vùng vẫy lên, vì lòng tràn ngập một niềm vui sâu xa và đặc thắng. Cuộc đời hiện ra với anh ta phơi phới, tương lai đầy hạnh phúc! Anh sẽ làm gì? Và anh ta mơ mộng.

Một tiếng động ở đằng sau làm anh chàng giật mình. Đó là chị vợ. Mắt chị ta đỏ, má húp lên, vẻ mặt mới. Chị ta đưa trán ra cho chồng hôn, rồi nói: "Ta sang ăn ở buồng ba để được gần cô. Con ở sẽ tức trực trong khi chúng ta ăn".

Và anh chàng theo vợ sang nhà bên.

Ca-sơ-lanh đã ngồi vào bàn, chờ con gái và chàng rể. Một món gà ngỗng, một món trộn khoai tây và một đĩa cao chân đựng dậu tây đặt trên tủ bát, và xúp nghi ngút khói trong mấy chiếc đĩa.

Mọi người ngồi vào. Ca-sơ-lanh nói: "Tôi không mong có những ngày như thế này luôn. Chẳng vui tí nào". Ông ta nói với một giọng thản nhiên và trên mặt có vẻ hài lòng. Và ông ta hùng hục ăn rất ngon lành, khen món gà ngon tuyệt và món khoai trộn thật mát ruột.

Nhưng Lơ-xáp thì lòng bồn chồn thấp thỏm, ăn qua loa, tai vênh về phía buồng bên cạnh, bên đó im phăng phắc như không có ai cả. Cô-ra cũng không thấy đói, lòng xúc động, sục sục, thỉnh thoảng lại lấy góc khăn ăn lau mắt.

Ca-sơ-lanh hỏi: "Thế nào, ông sắp bảo sao?".

Thế là Lơ-xáp kể lại từng chi tiết, vì ông nhạc muốn biết căn kẽ, bảo kẻ đi kể lại từng ly từng tí, làm như ông ta vắng sở đã hàng năm rồi.

"Ở sở mà họ biết tin bà cô ốm, chắc dư luận xôn xao lắm nhỉ?". Và ông ta nghĩ đến cái lúc bà chị đã chết rồi, ông ta sẽ hãnh diện tới sở, lên râu với các bạn đồng sự; tuy nhiên, dường như để phân bua vì một chút hối hận ngấm ngấm nào đó, ông ta nói: "Chẳng phải là tôi muốn điều không hay cho bà chị tôi đâu. Chúa chứng minh rằng tôi hằng cầu mong cho bà chị ở lại mãi với tôi, nhưng dù sao, nếu có sự chẳng may thì chắc ảnh hưởng nhiều lắm. Lão Xa-vông cũng đến quên cả Công-xã".

Người ta vừa bắt đầu dùng món dậu tây thì cửa buồng người ốm hé mở. Như bị điện giật, cả ba người đang ăn đứng phắt dậy một lượt, ngơ ngác. Và con

ở nhỏ bước ra, vẻ mặt vẫn bình thản và đản độn như thường. Nó thản nhiên nói: "Bà tất thử rồi".

Thế là Ca-sơ-lanh, ném khăn xuống đĩa, nhảy xổ vào như một thằng điên; Cô-ra theo sau, tìm đập mạnh; duy Lơ-xáp đứng lại bên cạnh cửa, từ xa nhòm vào cái vệt nhờ nhờ của chiếc giường trong ánh chiều mờ nhạt. Anh ta nhìn thấy lưng ông nhạc nghiêng về phía giường, không nhúc nhích, xem xét; và bỗng chốc anh nghe tiếng nói của ông ta như từ xa, xa lắm, từ bên kia thế giới đưa lại, một thứ tiếng nghe trong cơn mộng và nói lên những điều quái gở. Tiếng đó nói: "Thế là xong! Không còn nghe thấy gì nữa". Anh ta thấy vợ ngã khụy xuống, trán dè lên đệm và khóc nức nở. Thế là anh quyết định bước vào, và vừa lúc Ca-sơ-lanh ngẩng lên thì anh ta trông thấy, trên nền gôi trắng, mặt bà cô Sác-lôt, hai mắt nhắm nghiền, mặt hốc hác, cứng đờ, nhợt nhạt đến mức tưởng như một người bằng sáp.

Anh bắn khoảh hỏi: "Đi thật rồi à?"

Ca-sơ-lanh, cũng đang ngấm bà chị, quay lại, và họ nhìn nhau. Ông ta đáp: "Ừ, mặt cô làm ra vẻ thiếu não, nhưng cả hai người chỉ một cái đưa mắt là thông cảm nhau ngay, và rất tự nhiên, không

hiếu tại sao, họ đưa ra bắt tay nhau, như để cảm ơn lẫn nhau về những sự người này đã giúp người kia.

Thế là, không mất thì giờ, họ tích cực thu xếp mọi việc cần thiết cho một người chết.

Lơ-xáp tự nhận đi tìm thầy thuốc và, rất khẩn trương, chạy đi những nơi cần gấp.

Anh ta lấy mũ, chạy xuống cầu thang, mau cho ra đến ngoài phố để được một mình thở khoan khoái, suy nghĩ, một mình hưởng nỗi sung sướng của mình.

Sau khi làm xong mọi việc, anh không về nhà vội để đi ra phía đại lộ, ý muốn ngắm nhìn thiên hạ, hoà mình vào mọi hoạt động, vào cuộc sống vui nhộn buổi tối: Anh ta muốn thét vào tai mọi người qua lại: "Tớ có năm vạn li-vơ lợi nhuận", và anh bước đi, hai tay đút túi, ngừng lại trước các cửa hàng, ngắm nghía những loại vải đắt tiền, những đồ tư trang, những đồ đạc sang trọng, với ý nghĩ vui vui: "Bây giờ ta có thể sắm những thứ này được rồi".

Bỗng anh đi qua một cửa hiệu bán đồ phúng viếng và một ý nghĩ đột nhiên thoáng qua óc: "Ngộ nhờ bà cô chưa chết thì sao? Nhờ họ lắm thì sao?".

Thế là anh quay về nhà, đi vội vàng, với mỗi nghi ngờ pháp phủng đó.

Về đến nhà, anh hỏi: "Bác sĩ đã đến chưa?"

Ca-sơ-lanh đáp: "Đến rồi. Ông ấy chứng nhận đã chết và nhận việc khai báo".

Họ trở vào buồng người chết. Cô-ra ngồi trên một chiếc ghế bành, vẫn khóc. Chị khóc rất dịu dàng, nhẹ nhõm, bây giờ gần như hết buồn rồi, với nước mắt dễ dàng của người đàn bà.

Khi cả ba người đều ở trong buồng, Ca-sơ-lanh khẽ nói: "Bây giờ con ở nó đi ngủ rồi, ta thử xem có cái gì giấu ở trong các đồ đạc không".

Thế là hai người đàn ông tiến hành công việc. Họ moi móc các ngăn kéo, lục lọi các túi, bất cứ một mảnh giấy nào cũng mở ra. Cho đến nửa đêm chẳng tìm thấy cái gì đáng chú ý. Cô-ra đã thiu thiu, chị ta khẽ ngáy, đều đều. Xê-da hỏi: "Ta có ở đây cho đến sáng không?" Lơ-xáp, phân vân, cho rằng như thế thì phải hơn. Tức thì ông bỏ vợ nẩy ra ý kiến:

"Nếu thế, ta khuân những ghế bành sang đây". Và họ sang buồng đôi vợ chồng trẻ, kiếm nốt hai chiếc ghế đệm sang.

Một giờ sau, ba bốn con đều ngủ, mỗi người ngáy theo một điệu, bên cạnh cái thi hài giá lạnh trong giấc ngủ ngàn năm.

Sáng ra họ sức tỉnh, lúc con ở vào buồng. Ca-sơ-lanh liền thú thật, tay còn dụi mắt: "Tôi vừa chợp mắt độ non nửa giờ".

Nhưng Lơ-xáp, trấn tĩnh được ngay, tuyên bố: "Đúng thế đấy. Còn tôi, thì chẳng thiếp đi được một giây; tôi chỉ nhắm mắt lại cho nó đỡ mệt".

Cô-ra trở về buồng mình.

Bấy giờ Lơ-xáp làm ra điệu dửng dưng hỏi: "Thế bao giờ ông định đến phòng quản lý văn khế xem chúc thư?".

- Thì... ngay sáng hôm nay có được không?
  - Có cần để Cô-ra cùng đi không?
  - Có lẽ thế thì hơn, đằng nào thì nó cũng là người thừa kế.
  - Nếu thế thì tôi đi bảo nhà tôi sắm sửa.
- Và Lơ-xáp nhanh nhẩu bước ra.



Phòng giấy của trưởng khế Ben-lom vừa mở cửa thì Ca-sơ-lanh, Lơ-xáp và vợ đã tới, mặc đồ đại tang, bộ mặt đau đớn.

Viên quản lý văn khế tiếp họ ngay, mời ngồi. Ca-sơ-lanh cất tiếng nói: "Thưa ngài, chắc ngài biết tôi: tôi là em bà Sác-lốt Ca-sơ-lanh. Đây là con gái và chàng rể tôi. Bà chị tôi xấu số vừa qua đời hôm qua; ngày mai thì chúng tôi làm lễ an táng. Vì ngài là người được ký thác chúc thư của chị tôi, cho nên tôi đến để hỏi xem chị tôi có dặn lại ý muốn gì về việc chôn cất không, hay ngài có điều gì thông báo cho chúng tôi chăng".

Viên quản lý văn khế mở một ngăn kéo, lấy ra một chiếc phong bì, xé ra, rút một tờ giấy, và nói: "Thưa ngài, đây là một bản kép của bức chúc thư ấy, mà tôi có thể để ngài biết nội dung ngay bây giờ".

"Bản kia, cũng y như hệt bản này, tôi phải giữ".  
Và ông ta đọc:

"Tôi, tên là Vic-to-rin Sác-lốt Ca-sơ-lanh, bày tỏ ý muốn cuối cùng của tôi như sau:

"Tôi để lại toàn bộ tài sản của tôi, tổng số chừng một triệu mười hai vạn quan, cho những đứa con đẻ ra do cuộc hôn thú của cháu gái tôi là Xê-lét Cô-ra-li Ca-sơ-lanh, bố mẹ chúng được hưởng lợi tức cho đến khi đứa con lớn nhất trưởng thành.

"Những điều khoản nói sau đây quy định phần của cải chia cho mỗi đứa con và phần dành cho bố mẹ chúng cho đến ngày họ qua đời.

"Trong trường hợp tôi chết trước khi cháu gái tôi có con, tất cả tài sản của tôi vẫn sẽ đăng ký ở phòng viên quản lý văn khế của tôi trong ba năm, để cho ý muốn của tôi ghi trên được thực hiện, nếu một đứa con đẻ ra trong thời gian đó.

"Nhưng trường hợp trời không cho Cô-ra-li có con trong ba năm sau khi tôi chết, thì tài sản của tôi sẽ do viên quản lý văn khế của tôi chia cho người nghèo và các cơ quan từ thiện, danh sách kể sau đây".

Tiếp theo là một chuỗi dài những tên các đoàn thể, những con số, những khoản mệnh lệnh và những điều dặn dò.

Rồi trưởng khế Ben-lom trình trọng trao tờ giấy vào tay Ca-sơ-lanh, đang chết đứng người.

Ông ta lại thấy cần phải giải thích thêm: "Cô Ca-sơ-lanh lần đầu tiên bày tỏ với tôi dự kiến làm chúc thư theo hướng đó, có ngò ý thiết tha muốn được trông thấy mặt kẻ thừa kế cùng máu mủ của mình. Mặc dầu mọi lý lẽ can ngăn của tôi, cô vẫn tỏ rõ ý muốn càng ngày càng dứt khoát của cô, dựa trên một cảm tính tôn giáo; theo cô thì mọi cuộc hôn phối không sinh nở đều là dấu hiệu Trời trừng phạt. Tôi không làm thế nào thay đổi được ý muốn của cô. Xin ngài hiểu cho rằng tôi rất lấy làm tiếc". Rồi ông ta lại quay về phía Cô-ra-li, mỉm cười và nói thêm: "Tôi tin chắc rằng điều mong mỏi của người đã khuất sẽ mau chóng thực hiện được".

Và cả ba bố con bỏ đi, tâm trí hoang mang chẳng còn nghĩ tới điều gì nữa.

Họ quay về nhà, đi bên cạnh nhau mà không nói một lời, vừa xấu hổ vừa tức giận, dường như họ đã đánh cắp lẫn nhau. Bao nhiêu nỗi đau đớn của Cô-ra bỗng dưng tiêu tan, sự bội bạc của bà cô miễn cho chị khỏi phải khóc lóc. Lơ-xáp, hai môi nhợt nhạt

mím chặt lại vì hờn giận, cuối cùng nói với ông nhạc: "Ông đưa tôi tờ chúc thư để tôi xem tận mắt ra thế nào". Ca-sơ-lanh trao cho anh ta tờ giấy, và anh chàng chăm chú đọc. Anh dừng lại trên bờ hè, và mặc cho người qua lại va phải, anh cứ đứng nguyên một chỗ, bằng con mắt sắc sảo và thiết thực tra soát lại từng chữ. Hai người kia đứng chờ, cách đó hai bước, vẫn im bất.

Rồi anh ta trả lại tờ chúc thư và tuyên bố: "Chẳng làm gì được nữa. Bà ấy chơi xỏ bọn mình một vô!".

Ca-sơ-lanh, câu tiết vì bao nhiêu hy vọng tiêu tan, trả lời: "Cái đếch gì! Còn anh đấy, làm thế nào cho có con thì làm. Anh đã biết bà ấy mong muốn điều đó từ lâu rồi".

Lơ-xáp nhún vai không đáp lại.

Về đến nhà, họ thấy một đám đông người đang chờ họ, đó là những phu đám ma. Lơ-xáp vào thẳng buồng mình, chẳng thiết mó đến việc gì nữa, còn Xê-da thì hục hặc với hết mọi người, kêu la xin để cho ông yên thân và yêu cầu họ làm thật mau tay cho cái xác chết kia khuất mắt đi.

Cô-ra chúi vào buồng, chẳng thấy động tĩnh gì. Nhưng một giờ sau, Ca-sơ-lanh đến gõ cửa buồng con rể, và nói: "Này anh Lê-ô-pôn, tôi đến bày tỏ với anh vài ý kiến, vì đảng nào thì chúng ta cũng phải nhất trí với nhau. Tôi nghĩ rằng dù thế nào ta cũng phải chôn cất cho tươm tất, đừng để cho đảng bộ người ta nghi ngờ gì cả. Chúng ta thu xếp với nhau để trang trải mọi phí tổn. Vả lại, cũng chưa mất đi đâu. Anh chị lấy nhau cũng chưa lâu la gì, phải bất hạnh như thế nào thì mới không có con chứ. Rồi anh chị cứ cố gắng vào là được. Thôi mau lên. Lát nữa anh lại đảng bộ được không? Để tôi đi biên địa chỉ vào giấy báo tang".

Lơ-xáp cay đắng nhận thấy ông nhạc nói có lý, và hai người ra ngồi đối diện nhau ở hai đầu một chiếc bàn dài để ghi chữ vào những tờ thiệp có khung đen.

Rồi họ ăn cơm trưa. Cô-ra bước ra, đứng dưng với mọi việc không can gì đến mình, và chị ta ăn thật nhiều vì tới qua nhịn đói.

Ăn xong, chị lại trở về buồng. Lơ-xáp đi đến Bộ Hải quân còn Ca-sơ-lanh ra hiên gác, cười lên một

chiếc ghế để làm một mồi thuốc. Mặt trời oi ả của một ngày mùa hè rơi thẳng xuống muôn ngàn mái nhà, những mái có kính sáng loáng như lửa, hắt lên những tia chói lòà, mắt không chịu được. Và Ca-sơ-lanh, bận sơ-mi trần, mắt nhấp nháy trong ánh nắng chan hoà, nhìn những ngọn đồi xanh ở xa kia, tí xa, phía sau thành phố, sau khu ngoại ô bụi mù. Ông ta tưởng tượng đến con sông Xen chảy thênh thang, êm ả và tươi mát, ở chân những ngọn đồi phủ cây kia, và ông nghĩ nếu được sống dưới bóng cây xanh, lẫn mình trên cỏ, ngay bên bờ sông, liền với nước, chắc chắn rằng thú vị hơn là ở trên cái nền đá nóng bỏng của gác sân này. Và một nỗi tức tối làm ông ghen ngào, với cái ý nghĩ day dứt, cái cảm giác đau xót về mồi tai hoạ kia, về điều bất hạnh không ngờ, hy vọng trước kia càng mãnh liệt và kéo dài bao nhiêu thì nay nó càng thêm cay đắng và tàn nhẫn bấy nhiêu, và như trong cơn hoảng hốt mất trí, trong cơn ám ảnh của những định kiến, ông văng ra : "Đồ đều!".

Đằng sau ông, trong buồng, nghe tiếng hoạt động của những phu đám ma, và tiếng búa liên hồi đóng

đanh vào áo quan. Ông ta không nhìn mặt bà chị nữa từ lúc ở nhà quản lý văn khế về.

Nhưng rồi dần dần tiết trời âm áp, không khí vui tươi, ánh trời trong đẹp của ngày mùa hè sáng sủa đó thấm vào da thịt, vào lòng ông, và ông nghĩ rằng chưa phải là đã tuyệt vọng hẳn. Thì tại sao con gái ông lại không có con? Chị ta mới lấy chồng chưa đầy hai năm! Chàng rể ông ta có vẻ rắn rỏi, khoẻ mạnh, tuy có bé nhỏ một chút. Rồi chúng nó sẽ có con, lo quái gì! Vả lại, nhất định là phải như thế kia mà!

Lơ-xáp đi len lén vào bộ rồi chạy tọt vào phòng mình. Anh ta thấy ở trên bàn một mảnh giấy có viết mấy chữ: "Ông sắp gọi ông". Thoạt tiên anh ta vùng vằng bực tức, phản đối cái lời độc đoán nó lại sắp đề lên cổ anh, nhưng rồi một ý muốn được đề bạt đột nhiên và mãnh liệt kích thích anh ta. Rồi sẽ đến lượt anh làm chủ sự, mà mau chóng; và anh ta sẽ còn nhảy cao hơn nữa.

Anh ta cứ mặc nguyên chiếc sơ-đanh-gôt đi phở để đến phòng ông Toóc-sơ-bốp. Anh bước vào với bộ mặt thiếu não như người ta thường có trong những

dịp buồn rầu, mà hơn thế nữa, trên nét mặt anh vô tình lộ ra một nỗi phiền muộn, chán nản thực sự và thâm thía do những điều bất mãn sâu sắc gây nên.

Cái đầu to tướng của ông sếp, đang vẫn ngả trên giấy; chợt ông ta ngẩng lên và xẵng giọng hỏi: "Tôi cần đến anh suốt cả buổi sáng. Tại sao anh không đến?" Lơ-xáp đáp: "Bẩm ông sếp, bà cô chúng tôi, cô Ca-sơ-lanh, chẳng may qua đời, và tôi cũng định đến kính mời ông dự lễ an táng cử hành vào sáng mai".

Mặt ông Toóc-sơ-bốp lập tức bình tĩnh lại. Và ông ta trả lời có vẻ vì nề: "À anh bạn, nếu thế thì lại là chuyện khác. Cảm ơn anh và xin để anh được nghỉ, chắc anh bận lắm đấy nhỉ".

Nhưng Lơ-xáp cố ý tỏ ra chăm chỉ: "Xin đa tạ ông sếp, mọi công việc đều xong xuôi rồi và tôi định ở đây làm việc đến hết giờ".

Rồi anh ta quay về phòng mình.

Tin ấy lan đi, và từ khắp các phòng người ta đổ xô đến, để chúc mừng hơn là để chia buồn, và cũng để xem thái độ của anh ta thế nào. Anh chàng chịu đựng những lời nói và những con mắt nhìn với bộ



mặt nhăn nhuc của người đóng kịch, với một thái độ làm người ta phải ngạc nhiên. Người này nói: "Hắn ta gìn giữ ý tứ khá lắm". Người khác nói thêm: "Chẳng lạ gì, trong thâm tâm thì hắn măn nguyện lắm rồi".

Ma-dơ, bạo hơn mọi người, với vẻ trơ của một kẻ giao du nhiều hỏi: "Thế cậu có biết đúng con số tài sản là bao nhiêu không?".

Lơ-xáp trả lời bằng một giọng hoàn toàn không quan tâm: "Không, không rõ. Chúc thư nói vào khoảng một trăm hai mươi vạn quan. Mình biết được là vì viên quản lý văn khế đã báo ngay cho biết những điều khoản về lễ an táng".

Theo dư luận chung thì Lơ-xáp sẽ thôi việc ở bộ. Khi người ta có sáu vạn tiền lợi nhuận thì chẳng ai còn đi làm nghề cạo giấy nữa. Người ta có vai vế rồi; người ta muốn trở thành ông gì mà chả được, có người nghĩ rằng anh ta nhằm một chân trong tham chính viện; kẻ khác cho rằng anh ta nghĩ đến một ghế trong nghị trường. Ông sếp thì định ninh rằng sẽ nhận được đơn xin thôi việc của anh ta để chuyển lên ngài giám đốc.

Toàn bộ cơ quan bộ đều đi đưa ma, và người ta thấy đám tang xoàng quá. Nhưng có dư luận: "Đó là ý của cô Ca-sơ-lanh muốn như thế. Chúc thư có ghi điều đó".

Ngày ngày hôm sau Ca-sơ-lanh lại đi làm, còn Lơ-xáp thì vì mệt nghỉ mất một tuần, rồi cũng lại đến sở, người anh ta xanh đi một chút, nhưng vẫn siêng năng chăm chỉ như trước. Dường như không có sự gì xảy ra trong cuộc đời của họ. Người ta chỉ nhận xét thấy họ hút thuốc có ý phô trương những điều xì gà gộc, họ bàn tán về lợi nhuận, về công ty hoá xa, về những giá khoản lớn, với tư cách của những người có cổ phần trong túi, và ít lâu sau người ta lại được biết họ có thuê một biệt thự ở thôn quê, vùng ngoại ô Pa-ri, để qua mùa hè.

Người ta thầm nghĩ: "Bọn họ cũng keo kiệt như mẹ già trước đây; đó cũng là gia truyền; gần mực thì đen; dù thế nào, giàu có như thế mà còn ở lại bộ thì chẳng oách tí nào".

Qua một thời gian, người ta không nghĩ đến chuyện đó nữa. Họ đã bị xếp loại và phê phán dứt khoát rồi.

IV

Khi đi đưa đám bà cô Sác-lôt, Lơ-xáp nghĩ đến gia tài một triệu, và lòng bị xâu xé bởi mối căm giận nó càng âm ức vì phải giữ kín, anh ta đâm ra oán thán tất cả mọi người, làm như tại họ mà anh phải chịu điều bất hạnh kia.

Anh ta cũng tự hỏi: "Tại sao mình lấy vợ từ hai năm nay rồi mà chưa có con?" Và mỗi lo sợ không có con làm tim anh đập mạnh.

Rồi, như đứa trẻ nhìn trên ngọn cột mỡ cao và bóng nhoáng thấy chiếc chũm chọe mà nó muốn giật, nó tự nhủ phải dốc hết nghị lực và ý chí, phải có đủ sức lực và nhẫn nại để leo lên cho kỳ được, Lơ-xáp quyết chí một cách tuyệt vọng là phải có con. Bao nhiêu người khác làm bố được, thì tại sao anh, anh lại không làm được? Có lẽ trước đây anh đã lơ là, không quan tâm, không biết cách nào đó, chỉ vì anh ta hoàn toàn hờ hững với vấn đề. Chưa bao giờ cảm thấy tha thiết muốn có kẻ nối dõi cho nên anh chưa bao giờ chú tâm làm cho được kết quả. Từ bây giờ trở đi, anh sẽ phải tận lực, anh sẽ không lơ là một

cái gì, và anh sẽ thành công vì anh đã muốn như vậy.

Nhưng khi về đến nhà thì anh thấy khó ở và phải nằm liệt giường. Mỗi thất vọng quá tàn nhẫn đã tác động đến anh ta.

Thầy thuốc nhận xét bệnh anh khá trầm trọng và bắt phải tuyệt đối nghỉ ngơi, mà sau này cũng còn phải gìn giữ khá lâu. Người ta sợ anh bị chứng rức não.

Nhưng chỉ sau tám ngày anh ta đã dậy được, và anh lại tiếp tục đến bộ làm việc.

Mặc dù thế, cảm thấy mình còn yếu, anh không dám gần vợ. Anh chàng do dự và run sợ, như một viên tướng sắp ra trận, một trận quyết định vận mệnh của mình. Và mỗi tối anh lại chờ đợi đến ngày mai, hy vọng sẽ có giờ phút nào đó được sung sức, khoan khoái và đầy nghị lực, lúc đó con người ta cảm thấy làm gì cũng được. Anh ta chốc chốc lại tự bắt mạch, và nếu thấy nó đập yếu quá hay mạnh quá thì lại uống thuốc bổ, ăn thịt sống, hàng ngày trước khi ở sở về nhà, đi dạo một thôi cho khoẻ người.

Nhưng vì anh ta không bình phục được như ý muốn cho nên anh nảy ra ý đi ra ngoại ô Pa-ri ở cho qua mùa nông nức. Chẳng bao lâu anh đâm ra yên trí rằng không khí thoáng đãng ở đồng ruộng sẽ có hiệu nghiệm tuyệt đối đến khí huyết của anh. Trong tình trạng của anh, thôn quê sẽ có những tác động tuyệt diệu, quyết định. Anh ta tự an ủi bằng mỗi tin tưởng ở sự thành công nay mai đó, và luôn mồm nói với bố vợ, với ít điều ngụ ý: "Nếu về thôn quê ở, tôi sẽ khoẻ hơn, mọi việc sẽ tốt đẹp".

Chỉ một tiếng "thôn quê" đối với anh ta như bao hàm một ý nghĩa huyền bí.

Thế là họ về thuê ở làng Bơ-dông một ngôi nhà nhỏ và cả ba người về đó ở. Hai người đàn ông sáng nào cũng đi chân qua cánh đồng, tới ga Cô-lông-bơ đắp xe hoả, buổi chiều thì đi bộ về nhà.

Cô-ra, thích chí được sống ở bên dòng sông con êm đềm, thường ra ngồi trên bờ sông, hái hoa, mang về từng bó lớn những cây cỏ mịn, hung đỏ và rung rinh.

Mỗi tối, cả ba người đi dạo theo dọc sông đến tận đập Mo-ruy, rồi vào uống một chai bia ở quán ăn Ti-ơn. Dòng sông bị hàng cọc dài ngăn lại, nước xối

qua những kẽ, chồm lên, sôi sục, ngầu bọt, trên bề ngang một trăm thước; và tiếng thác nước réo lên làm rung chuyển đất, trong khi đó một làn hơi nước mong manh, ẩm ướt, từ thác nước bốc lên như một làn khói nhẹ, toả ra chung quanh một mùi nước đục có vị bùn bị khuấy lên.

Đêm xuống. Xa xa, trước mặt một vùng sáng rộng phía thành phố Pa-ri làm cho Ca-sơ-lanh tối nào cũng nhắc lại: "Chà! thành phố thế mà tuyệt thật, hả!". Thỉnh thoảng một chuyến xe lửa qua chiếc cầu sắt xuyên ngang đầu hòn đảo, vang âm lên như sấm rồi thoát biến mất, về phía tay trái hay phía tay phải, về Pa-ri hay ra mạn bể.

Họ lại bước thong thả trở về nhà, nhìn trăng lên, ngồi bên một bờ hồ để ngắm thật lâu ánh trăng vàng mềm mại toả xuống mặt sông êm lặng, dường như chảy theo dòng nước, và những gợn nước làm rung rinh như một đám lửa nhấp nháy. Tiếng cóc kêu sang sảng mà ngắn. Tiếng chim đêm gọi nhau ngang trời. Và đôi khi một bóng đen lù lù lảng lảng lướt trên sông, khuấy động dòng nước sáng loáng và êm ả. Đó là một chiếc thuyền đánh cá trộm, họ đột nhiên quăng lưới rồi lặng lẽ kéo về thuyền, trong

tấm lưới đen và rộng, mé cá óng ánh và lao xao, mớ cá bạc quý giá từ đáy nước vớt lên.

Cô-ra cảm xúc, dịu dàng tựa vào tay chồng mà chị ta đoán biết ý định, tuy họ chẳng bàn với nhau điều gì. Đối với họ dường như tái diễn thời kỳ sắp cưới, thời kỳ chờ đợi chiếc hôn ban đầu. Đôi khi anh chàng thăm lên hôn vợ vào phía bên tai sát gáy, vào cái chỗ thịt non tuyệt diệu ấy với làn tóc tơ mơn mớn. Cô nàng bóp tay chồng hưởng ứng; và rồi, dù còn cự tuyệt nhau, họ cũng đắm thềm muốn nhau, cả hai đều bị thúc giục lôi kéo bởi một ý muốn mãnh liệt hơn, bởi cái bóng ma của món gia tài một triệu.

Ca-sơ-lanh, lòng dịu đi vì không khí đầy hy vọng quanh mình, sống yên vui, uống rượu nhiều và ăn khoẻ, cứ vào buổi chiều tà lại thấy nảy ra trong lòng cái hứng văn thơ, thứ cảm xúc ngẩn ngơ mà những kẻ trì độn nhất cũng thấy được trước một vài hình ảnh nơi thôn dã: ánh sáng chan hoà trong cảnh cây, mặt trời lặn bên đồi xa xa, với những ánh đỏ trên dòng sông. Và ông ta tuyên bố: "Trước những cảnh vật đó, tôi tin tưởng ở Chúa. Nó như nhoi nhói ở đây này" - tay ông chỉ vào bụng, - "và tôi cảm thấy người như biến đổi hẳn. Tôi đắm ra kỳ quặc. Hình

như có người nhúng tôi vào một thứ nước tắm nó làm cho người ta phát khóc".

Còn Lơ-xáp thì người khoẻ ra, trong lòng bỗng như được nhen lại những nhiệt tình đã mất, chỉ những muồn chạy nhảy tung tăng như chú ngựa non, lăn lộn trên cỏ, rống lên những tiếng vui hí hửng.

Anh chàng nghĩ thời cơ đã đến. Thật là một đêm ân ái mặn mà.

Rồi họ qua tuần trăng mật, đầy những vuốt ve và hy vọng.

Rồi họ nhận ra rằng những mưu mô của họ vẫn vô hiệu và lòng tin tưởng của họ cũng là hão.

Thật là một mối tuyệt vọng, một tai hoạ. Nhưng Lơ-xáp không thoái chí, vẫn khăng khăng với những cố gắng phi thường. Chị vợ cũng chung một ý muốn khích lệ, một niềm lo sợ đe doạ, và chẳng lại lực lưỡng hơn chồng, cho nên sẵn sàng hưởng ứng những điều tính toán của anh chàng, khêu gợi những ái ân, luôn luôn nhen lại lửa lòng sắp tàn của hắn.

Khoảng đầu tháng mười thì họ trở về Pa-ri.



Cuộc sống đối với họ trở nên nặng nề. Bây giờ giữa họ đã có những lời ra tiếng vào; và Ca-sơ-lanh, đánh hơi thấy tình hình, lại châm chọc họ bằng những lời châm biếm của anh lính cụ, độc địa và tục tằn.

Và một ý nghĩ dai dẳng theo đuổi họ, giày vò họ, khích thêm mỗi hần học lẫn nhau, đó là ý nghĩ về món gia tài có cơ truội mất. Cô-ra bây giờ đâm ra lên giọng, và ngược đãi chồng. Cô ả coi chồng như trẻ con, như con nít, như một chàng vô vị. Và Ca-sơ-lanh thì cứ đến bữa ăn lại nhai nhai: "Tao ấy à, nếu giới cho tao giàu có thì tao đã có nhiều con... Đã nghèo thì phải biết điều". Rồi, quay lại con gái, lão ta nói thêm: "Mày, thì mày phải noi gương tao, thế mà...". Và lão ta liếc nhìn chàng rể một cách hần học, tiếp theo là một cái nhún vai đầy khinh bỉ.

Lơ-xáp không đáp lại nửa lời, ra điều mình là một kẻ cao quý chót rơi vào một nhà hèn hạ. Ở bộ người ta thấy sắc mặt anh không được tươi tỉnh. Có lần ngay cả ông sếp cũng hỏi anh ta: "Anh ốm hay làm sao thế? Tôi trông anh có phần khác đi".

Anh ta trả lời: "Bẩm ông sếp, không. Có lẽ tôi mệt. Ít lâu nay tôi làm việc nhiều, như ông đã thấy".

Anh ta chắc mẩm cuối năm sẽ được thăng chức, và, với hy vọng đó, anh lại tiếp tục cuộc sống càn cù của người viên chức gương mẫu.

Nhưng rồi anh ta chỉ được một món tiền thưởng không nghĩa lý gì, kém hơn cả mọi người. Ông bố vợ thì không được gì hết.

Lơ-xáp ức như bị chọc tiết, đi tìm ông sếp, và lần đầu tiên anh ta xưng với ông ta "thưa ông": - "Thưa ông, tôi làm việc đến như thế mà chẳng được lợi gì thì làm làm gì?".

Cài đầu to tướng của ông Toóc-sơ-bốp có vẻ phật ý: "Anh Lơ-xáp, tôi đã bảo anh rằng tôi không cho phép anh được bàn đến những vấn đề như thế với tôi. Tôi xin nhắc lại một lần nữa là tôi thấy yêu sách của anh không biết điều, vì hiện nay anh có tài sản như thế so với các bạn đồng sự của anh thì nghèo túng..."

Lơ-xáp không nhin được: "Nhưng, thưa ông, tôi chẳng có gì hết! Bà cô để gia tài lại là để cho con

chúng tôi để ra. Còn ông nhấc tôi và tôi vẫn sống bằng lương của mình".

Ông sắp, ngạc nhiên, đáp lại: "Nếu bây giờ anh chưa có gì, thì rồi lúc nào đó anh cũng sẽ giàu có. Đằng nào cũng thế thôi".

Thế là Lơ-xáp rút lui, lòng tê tái vì trượt thăng chức hơn cả trượt món gia tài.

Cách đó vài hôm sau, ông Ca-sơ-lanh vừa tới phòng làm việc thì anh chàng Ma-dơ đẹp trai bước vào với nụ cười trên môi, rồi Pi-tô-lê tới, con mắt sáng lên, rồi đến Boát-xen đẩy cửa tiến vào với vẻ đứ đờ, cười kháy, và đưa mắt nhìn mọi người ra vẻ thông đồng. Lão Xa-vông vẫn hí hoáy sao chép, chiếc tàu bằng đất ngậm bên miệng, lão ngồi trên một chiếc ghế cao, hai chân để lên gióng ngang, như đứa con nít.

Không ai nói gì cả. Hình như người ta chờ đợi cái gì, còn Ca-sơ-lanh thì đang vào sổ những tài liệu, với thói quen đọc to lên: "Tu-lông. Cung cấp ga-men sữ quan cho tàu Ri-sơ-li-ơ. - Lo-ri-ăng. Máy lặn cho tàu Đơ-séc - Bơ-rét. Thí nghiệm về vải buồm nhập của Anh!".

Lơ-xáp đến. Bây giờ sáng nào anh ta cũng đến lấy công văn của mình, là vì ông bố vợ chẳng thêm sai người đưa đến cho nữa.

Trong khi anh ta lục lọi trong đồng giấy má bày trên bàn viên tham viện quản trị, thì Ma-dơ vừa xoa tay vừa đưa mắt liếc nhìn anh, còn Pi-tô-lê, đang quán một điều thuốc, thì môi mấp máy có vẻ quăng mớ. Hắn quay về phía viên thư ký chuyển công văn: "Này, bác Xa-vông, chắc bác hiểu biết được nhiều điều trong cuộc đời mình đấy nhỉ?".

Lão già cho rằng họ lại sắp giễu cợt mình và lại bàn tán đến chuyện vợ mình nên làm thinh.

Pi-tô-lê lại nói: "Bác đông con như thế, chắc đã tìm ra cái bí quyết để có con, phải không?".

Lão ta ngừng đầu lên nói: "Ông Pi-tô-lê, ông nên biết rằng tôi không thích những chuyện bông đùa về vấn đề đó. Tôi đã chẳng may lấy phải vợ xấu xa. Khi tôi đủ chứng cứ rằng vợ ấy có ngoại tình, tôi đã bỏ vợ ấy rồi".

Ma-dơ, không cười, hỏi lại bằng một giọng hồ hững: "Bác đã có chứng cứ nhiều lần, phải không?".

Và lão Xa-vông nghiêm nghị trả lời: "Đúng thế đấy".

Pi-tô-lê lại nói: "Mặc dầu thế bác vẫn đông con, tôi nghe nói ba bốn đứa, phải không?".

Lão già mặt đỏ lên như gấc, lấp bắp: "Ông định chọc tức tôi đấy à, ông Pi-tô-lê, nhưng không ăn thua đâu. Đúng là vợ tôi có ba đứa con. Tôi có đủ lý do để nhận đứa đầu tiên là con tôi, nhưng tôi không nhận hai đứa kia".

Pi-tô-lê tiếp luôn: "Đúng đấy, ai cũng bảo đứa thứ nhất là con của bác. Thế là đủ rồi. Có một đứa con là tuyệt lắm, tuyệt lắm, và hạnh phúc lắm. Nay, tôi đánh cuộc rằng Lơ-xáp cũng sẽ rất khoái chí nếu để được đứa con, chỉ một đứa thôi, như bác ấy?".

Ca-sơ-lanh đã ngừng ghi sổ. Ông ta không cười, tuy xưa nay ông ta vẫn coi lão Xa-vông như một trò đùa, và luôn luôn nhè vào những chuyện bất hạnh về vợ con của lão ta mà bông lơn khiếm nhã đủ cách.

Lơ-xáp đã lấy xong giấy má, nhưng cảm thấy rõ rằng họ đang tấn công mình, cho nên anh ta muốn ở nán lại vì sĩ diện, vừa ngượng ngùng vừa tức giận, và cũng muốn để dò la xem ai đã tiết lộ bí mật của

minh cho bọn họ. Rồi, nhớ lại lời anh ta đã nói với ông sếp, anh ta hiểu ngay rằng cần phải cương quyết đối phó lập tức, nếu không anh sẽ trở thành trò cười cho toàn thể cơ quan bộ.

Boát-xen đi đi lại lại và vẫn tiếp tục cười kháy. Lão ta bắt chước giọng khàn khàn của người kêu đường rống lên: "Bí quyết để đẻ con, hai xu, ai mua không? Xin hỏi ông Xa-vông bí quyết đẻ con, với nhiều chi tiết rùng rợn!"

Mọi người phá ra cười, trừ có Lơ-xáp và bố vợ. Thế là Pi-tô-lê quay về phía viên tham biện quản trị: "Bác Ca-sơ-lanh, làm sao thế? Mọi khi bác vui lắm kia mà. Hình như bác không thấy chuyện bác Xa-vông có một con với vợ là ngộ hay sao. Tôi thì tôi thấy đó là một chuyện rất khôi hài, rất khôi hài. Không phải ai cũng làm được như thế cả đâu!".

Lơ-xáp lại tiếp tục lục lợi giấy má, giả vờ đọc và không nghe thấy gì; nhưng mặt anh ta tái nhợt đi.

Boát-xen lại nói bằng cái giọng đều cẳng ấy: "Bản về sự cần thiết có con để hưởng gia tài, hai xu, ai mua không!"

Bảy giờ Ma-dơ, cho rằng cái lồi đũa kia kém cỏi và riêng hắn cũng có chỗ ức với Lơ-xáp đã hót tay trên mặt cơ hội làm giàu mà trong thâm tâm hắn vẫn mơ ước, cho nên hắn hỏi thẳng ngay Lơ-xáp: "Này Lơ-xáp, anh làm sao mà tái xanh đi như thế?".

Lơ-xáp ngẩng đầu lên và nhìn thẳng vào mặt bạn đồng sự. Anh ta ngập ngừng vài giây, môi run lên, muốn tìm một câu gì thật cay đắng và sắc cạnh, mà không ra, rồi rút cục đáp lại: "Chẳng sao cả. Tôi chỉ lấy làm lạ thấy các anh bày ra lắm trò ý nhị thế".

Ma-dơ vẫn cứ nhón nhơ, hai tay vén tà áo sơ-đanh-gốt lên, vừa cười vừa nói: "Làm được thế nào hay thế ấy, cậu ạ. Bọn tớ cũng như cậu, không phải cái gì cũng thành công cả đâu..."

Tiếng cười phá lên ngắt lời hắn. Lão Xa-vông, bờ ngõ, cảm thấy lơ mờ rằng không phải người ta trêu chọc mình, cứ ngây người ra, mồm há hốc, bút gờ lên trời. Còn Ca-sơ-lanh thì nghe ngóng, sẵn sàng nhảy tới thụi chí chết kẻ nào vô phúc rơi vào tay hắn.

Lơ-xáp áp ứng: "Tôi không hiểu. Tôi đã không thành công ở điểm gì?"

Anh chàng Ma-dơ đẹp trai buông một bên áo xuống để vắn vê râu mép, rồi bằng một giọng nhã nhặn: "Tôi biết rằng xưa nay anh làm cái gì cũng đều thành công cả. Như vậy tôi nói anh thế là sai. Vả lại đây là câu chuyện con của bác Xa-vông chứ không phải con anh, là vì anh làm gì có con. Về phần anh vốn làm gì cũng thành công, cho nên nếu anh không có con, thì hiển nhiên là vì anh không muốn".

Lơ-xáp xằng giọng hỏi: "Việc ấy can gì đến anh?"

Trước giọng khiêu khích đó, đến lượt Ma-dơ cũng to tiếng: "Này, anh làm gì mà phát bẳn lên thế? Yêu cầu anh phải có lẽ độ, nếu không thì anh sẽ biết tay tôi!"

Nhưng Lơ-xáp run lên vì tức giận, và mất hết bình tĩnh: "Ông Ma-dơ, tôi không phải là thằng huênh hoang, và tốt mã như ông. Và từ nay trở đi tôi yêu cầu ông đừng có nói gì với tôi. Tôi chẳng cần biết đến ông và cả bè lũ của ông". Và anh ta đưa mắt thách thức cả Pi-tô-lê lẫn Boát-xen.

Ma-dơ chợt hiểu rằng sức mạnh thật sự là ở sự bình tĩnh và châm biếm; nhưng vì lòng đầy tự ái của hắn bị xúc phạm, hắn muốn nhè trúng con tim



của địch mà đánh, và hấn lại lên giọng quan thầy, giọng khuyên nhủ nhân đức, với những con mắt tức tối rò dại: "Ông bạn Lơ-xáp ạ, ông đi quá trớn rồi đấy. Nhưng tôi cũng thông cảm với mỗi hờn giận của ông; kể ra hỏng ăn cả một tài sản như thế cũng ức, mà hỏng ăn chỉ vì một chuyện không đâu, một việc rất dễ dàng, rất đơn giản... Này nếu ông bằng lòng thì tôi sẽ giúp ông cái việc đó, không lấy gì đâu, chỗ bạn bè giúp nhau ấy mà. Bất quá chỉ năm phút thôi..."

Hắn còn đang nói thì bị Lơ-xáp ném lọ mực của lão Xa-vông trúng giữa ngực. Mực toé ra bắn đầy mặt, phút chốc biến hắn thành một anh da đen. Hắn nhảy xổ tới, hai mắt trắng dã trợn lên, tay giơ ra để đánh. Nhưng Ca-sơ-lanh đỡ cho chàng rề, ôm ngang mình to lớn của Ma-dơ để chặn lại, và xô hắn, lắc mạnh, đánh túi bụi, đẩy dúi hắn vào tường. Ma-dơ hết sức bình sinh gỡ ra, mở cửa thét về phía hai người: "Rồi chúng mày biết tay tao!" và chuồn mất.

Pi-tô-lê và Boát-xen đi ra theo. Boát-xen thanh minh rằng sở dĩ hắn phải ôn hoà là vì sợ can thiệp vào nhỡ có thể đánh chết người.

Vừa về đến phòng, Ma-dơ tìm mọi cách để chùi mặt mà không được: là vì mặt hắn đầy một thứ mực nền tím, gọi là mực không phai, không tẩy được. Hắn đứng trước chiếc gương, tức giận và buồn bực, vừa lấy khăn mặt quấn lại thành nút cọ xát vào mặt một cách điên cuồng. Rút cục mặt lại càng đen bóng lên, đậm thêm màu đỏ, vì máu ứ lên.

Boát-xen và Pi-tô-lê theo đến với hắn và mách kế. Kẻ này thì bảo phải lấy dầu ô-liu nguyên chất mà xoa mặt; kẻ kia nói phải dùng nước đá quý, thì mới khỏi. Người ta sai anh tùy phái đi ra hiệu thuốc hỏi cách. Anh ta mang về một thứ nước vàng và một hòn đá bọt. Nhưng cũng chẳng đi đến đâu.

Ma-dơ, thất vọng, ngồi xuống và tuyên bố: "Bây giờ còn phải thanh toán vấn đề danh dự. Các anh có thể làm chứng cho tôi và đi gặp Lơ-xáp, bắt hắn hoặc là phải tạ lỗi đầy đủ, hoặc là đấu nhau bằng võ khí, được không?".

Cả hai đều đồng ý và bàn nhau cách thức tiến hành. Họ không hiểu một tí gì về những loại việc như thế, nhưng lại không muốn nói thật, và, chỉ lo cho khỏi mất tư cách, họ đưa ra những ý kiến rụt rè và linh tinh. Sau họ quyết định hỏi ý kiến của

một viên trung tá hải quân biệt phái về bộ để phụ trách phòng cung cấp than. Viên này cũng không biết gì hơn họ. Nhưng sau khi suy nghĩ, anh ta bảo họ đến gặp Lơ-xáp, yêu cầu hắn giới thiệu hai người bạn đến để giao thiệp với họ.

Họ đang đi tới phòng Lơ-xáp thì bỗng Boát-xen nảy ra ý kiến: "Có cần phải đeo găng không?".

Pi-tô-lê lưỡng lự một tí rồi nói: "Ừ, có lẽ nên". Nhưng muốn có găng thì phải ra phố mua, thế mà ông sếp đâu có cho phép dễ dàng. Họ liền sai tùy phái ra hiệu sắm đủ bộ. Về màu găng, họ cũng bàn cãi rất lâu. Boát-xen thì muốn màu đen; Pi-tô-lê lại cho rằng màu ấy dùng trong trường hợp này không đúng chỗ. Sau họ đồng ý mua găng màu tím.

Thấy hai người đeo găng và trịnh trọng bước vào, Lơ-xáp ngẩng đầu lên và hỏi xẵng: "Các ông muốn gì?".

Pi-tô-lê đáp: "Thưa ông, chúng tôi được người bạn thân là Ma-dơ uỷ đến đề nghị ông hoặc là phải có lời tạ lỗi, hoặc thanh toán bằng vô khí, vì ông đã hành hung ông ta".

Nhưng Lơ-xáp, vẫn còn đang tức giận; thét lên: "Sao! Hắn chửi vào mặt tôi mà bây giờ hắn lại còn đến khiêu khích à? Các ông bảo với hắn rằng tôi không coi hắn ra gì đâu? Hắn muốn làm muốn nói gì, mặc xác hắn".

Boát-xen làm ra vẻ nghiêm trọng nói: "Thưa ông, như thế là ông bắt buộc chúng tôi phải công bố lên báo một biên bản rất không làm vừa ý ông".

Pi-tô-lê, lấu cá, nói thêm: "Và nó có thể làm thiệt hại nặng đến danh dự của ông cũng như đường thăng quan tiến chức của ông".

Lơ-xáp hoảng sợ, nhìn họ. Làm thế nào bây giờ? Anh ta nghĩ cách hoãn binh: "Thưa các ông, mười phút nữa tôi sẽ trả lời. Các ông cứ chờ ở đằng phòng ông Pi-tô-lê".

Khi chỉ còn một mình, anh ta nhìn chung quanh, như để tìm một lời khuyên bảo, một sự che chở.

Một cuộc đo khí giới! Anh ta sắp phải đo khí giới!

Anh chàng hồi hộp, hoang mang, vốn người ôn hoà chưa bao giờ nghĩ đến nông nổi này, chưa được rèn luyện can trường để đề phòng một biến cố ghé gớm đến thế. Anh ta muốn đứng lên mà lại ngã vật

xuống, tim đập mạnh, hai chân bủn rủn. Bao nhiêu tức giận và nghị lực của anh ta phút chốc tiêu tan. Nhưng nghĩ đến dư luận trong bộ và tiếng đồn đại về việc này sẽ lan đi khắp cơ quan thì lòng kiêu ngạo đã nhụt của anh ta ở đâu lại thức dậy, và, không biết giải quyết thế nào, anh ta liền tìm đến phòng ông sếp để xin ý kiến.

Ông Toóc-sơ-bốp ngạc nhiên và đâm phân vân. Ông ta không thấy cần phải có một cuộc đọ khí giới; và ông lo rằng việc này lại làm rối loạn thêm cơ quan của ông. Ông ta nhắc đi nhắc lại: "Tôi thì tôi không biết nói gì với anh cả. Đây là một vấn đề danh dự, không liên quan gì đến tôi. Hay là tôi giới thiệu anh đến thiếu tá Búc? Ông ta thông thạo về vấn đề này và có thể giúp ý kiến anh".

Lơ-xáp đồng ý và tìm đến thiếu tá, ông này lại nhận lời làm nhân chứng cho anh nữa; anh nhờ một viên phó chủ sự làm nhân chứng thứ hai.

Boát-xen và Pi-tô-lê vẫn đeo găng ngồi đợi. Họ đã mượn thêm hai chiếc ghế ở phòng bên cạnh cho đủ bốn ghế.

Người ta nghiêm trang chào nhau rồi an toạ. Pi-tô-lê lên tiếng và trình bày tình hình. Thiếu tá

nghe xong, nói: "Việc thì nghiêm trọng thật đấy, nhưng theo tôi không phải là không cứu vãn được; tất cả đều là do ý định của đôi bên". Ông ta là một tay thủy thủ già hóm hỉnh và ba lơn.

Rồi qua một cuộc thảo luận dài, người ta lần lượt dự thảo ra bốn bức thư, trong đó hai bên đều xin lỗi lẫn nhau. Nếu ông Ma-dơ nhận mình không có ý lăng mạ; về nguyên tắc, thì ông Lơ-xáp sẵn sàng nhận lỗi đã ném lọ mực, và xin lỗi về việc hành hung thiếu suy nghĩ.

Rồi bốn viên thừa uỷ nhiệm trở về với thân chủ của mình.

Ma-dơ đang ngồi ở bàn, lòng hồi hộp xúc động vì cuộc đọ sức có thể xảy ra, tuy hẳn ta chắc mẩm rằng đối phương sẽ chùn; hẳn hết ngấm má bên nọ lại ngấm má bên kia trong một chiếc gương nhỏ, bằng thiếc, loại gương mà hết thầy nhân viên đều giấu ở trong ngăn kéo để buổi chiều tận sở, trước khi ra về, họ sửa lại chòm râu, mái tóc, nắn lại chiếc ca-vát.

Hắn ta đọc những bức thư dự thảo và tuyên bố, về hài lòng lộ rõ: "Như thế này thì danh dự vẹn toàn. Tôi sẵn sàng ký".

Về phía Lơ-xáp cũng tán thành những bản dự thảo của nhân chúng mà không cần thảo luận, và anh ta tuyên bố: "Nếu đã là ý kiến của các vị thì tôi xin tuân theo".

Rồi bốn tay được toàn quyền uỷ nhiệm lại họp với nhau. Mấy bức thư được trao đổi; người ta nghiêm trang chào nhau, và, câu chuyện đã thanh toán; người ta chia tay nhau.

Một môi xúc động phi thường lan ra trong cơ quan. Các nhân viên đi hỏi tin lẫn nhau, từ cửa này sang cửa khác, gặp nhau ngoài hành lang.

Khi đã biết câu chuyện đã kết thúc thì mọi người đâm tiu nghỉu. Có kẻ nói: "Như thế vẫn chưa làm cho Lơ-xáp đẻ ra được một đứa con". Luận điệu ấy lan đi. Một nhân viên chấp thành mấy câu vè.

Nhưng đến lúc mọi việc tưởng như xong xuôi, thì nảy ra một điều khó khăn do Boát-xén nêu lên: "Thái độ của hai bên địch thủ sẽ phải như thế nào khi họ gặp nhau? Họ có chào nhau không? Hay họ tảng lờ như không biết nhau?" Người ta quyết định sẽ bố trí để hai bên giả như tình cờ gặp nhau ở buồng giấy ông sếp và, trước mặt ông Toóc-sơ-bốp; họ chào hỏi lẫn nhau.

Cái nghi lễ đó được tiến hành ngay lập tức; xong đầu đầy Ma-dơ nhờ người thuê cho chiếc xe ngựa và rút lui về nhà để ra công cộ mặt.

Lơ-xáp và Ca-sơ-lanh cùng bước lên nhà, chẳng nói chẳng rằng, người nọ hậm hực với người kia, dường như việc vừa xảy ra là tại người này hay người kia. Vừa vào đến buồng, Lơ-xáp quăng mũ lên chiếc tủ ngăn và thét lên với vợ:

- Quá lắm, tôi không chịu được nữa. Bây giờ tôi lại phải độ khí giới vì cô nữa!

Chị ta nhìn chồng, ngạc nhiên, và đã lộn tiết lên rồi.

- Độ khí giới à, vì sao?

- Vì thằng Ma-dơ nó nhè vào chuyện cô mà chửi tôi.

Chị ta bước lại gần: "Chuyện tôi à? Như thế nào?"

Anh chàng ngồi phịch xuống ghế, nói: "Nó chửi vào mặt tôi... Có thể thôi, không phải dài lời".

Nhưng chị ta muốn biết rõ: "Tôi yêu cầu anh nhắc lại những lời hắn nói về tôi".

Lơ-xáp đỏ mặt lên, ấp úng: "Nó bảo... nó bảo... Về cái chuyện cô không có con ấy".



Chị ta giật mình; rồi cơn tam bành nổi lên, với thói cục cằn của ông bố truyền sang cho chị, chị ta bù lu bù loa: "Tôi à!... Người ta bảo tôi không sinh nở được à? Cái thằng mất dạy ấy thì nó biết gì? Không sinh nở với anh thì đúng rồi, là vì anh đâu có phải là đàn ông! Nếu tôi lấy một đứa khác, đứa nào cũng được, anh biết chưa, thì tôi đã có con rồi! Ái chà! Anh hãy giữ gìn lời nói. Lấy phải cái đụn như anh, tôi đã khổ lắm rồi...! Thế anh bảo cái thằng đầu ấy thế nào?"

Trước cơn giông tố ấy, Lơ-xáp đâm hốt hoảng, lắp bắp: "Tôi... tôi cho nó một cái tát".

Chị ta nhìn chồng, lấy làm lạ: "Thế nó lại chịu để yên à?"

- Nó cho người làm chứng đến, biết chưa?

Chị ta đâm ra chăm chú vào câu chuyện, là vì phụ nữ vốn ham mê những chuyện ly kỳ bí hiểm; và chị ta bỗng dịu lòng đi, cảm thấy có phần kính nể cái người đàn ông sắp phải liều mình đó, chị hỏi: "Thế bao giờ thì các ông đánh nhau?"

Anh chàng thần nhiên trả lời: "Chẳng đánh đấm gì cả; mọi việc đã có nhân chứng dàn xếp xong xuôi. Thằng Ma-dơ đã phải xin lỗi rồi".

Chị ta, ghê tởm vì khinh bỉ, xia xói vào mặt chồng: "À! Thế ra người ta chửi tôi trước mặt anh, mà anh để yên, mà anh khoanh tay không dám đánh nhau! Chỉ còn thiếu nước anh là thằng hèn nhất!"

Anh ta phần uất: "Tôi truyền cho cô im đi. Danh dự của tôi, tôi khắc biết giữ hơn cô. Đây này, thư của ông Ma-dơ đây. Đọc đi, tự khắc hiểu".

Chị ta cầm lấy mảnh giấy xem, đoán biết hết câu chuyện và cười khẩy:

- Còn anh, anh cũng viết một bức thư chứ gì? Thế là cả hai ông đều gờm nhau. Ồi chao! Sao mà đàn ông người ta hèn đến thế. Nếu bọn chúng tôi mà ở vào địa vị các ông thì... Nhưng thôi, tự trung là người ta chửi gái này, chửi vợ anh, nhưng anh cũng đành ngậm bồ hòn! Tôi càng không lấy làm lạ rằng tại sao anh lại không thể có con được. Quy lại cũng vì một lẽ. Anh ấy à... trước đàn bà hay trước đàn ông, anh cũng nhão thế thôi. Chà! Tôi đã tốt số lấy được cái sọ dừa!

Bỗng nhiên cô ả ăn nói cử chỉ y như hệt Ca-sơ-lanh, cử chỉ đếu cáng của thầy quyền cựu và giọng nói của đàn ông.

Cô ả đứng trước chồng, hai tay chống nạnh, thân hình cao lớn lực lưỡng, ngực căng lên, mặt đỏ tía tai, tiếng nói oang oang như lệch vỡ, máu dồn lên ửng làn má thắm, cô ả nhìn chồng ngồi trước mặt, anh chàng bé choắt, xanh xao đầu hơi hói, mặt mày nhẵn nhụi với ít râu mép lún phún kiểu thầy kiện. Cô ả lăm le những muốn nghiền nát chồng, xé xác hấn ra.

Và chị ta luôn mồm: "Anh là đồ vô tích sự, vô tích sự. Anh để cho thiên hạ họ cười lên đầu lên cổ mà chịu được!".

Cửa mở ra; Ca-sơ-lanh nghe có tiếng âm ĩ, bước vào hỏi: "Cái gì thế?"

Chị ta quay lại nói: "Tôi đang mở mắt cho cái quân đụn kia kia!".

Vừa lúc đó Lơ-xáp ngẩng mặt lên, thấy hai bố con giống nhau như đúc. Đối với anh chàng, hình như một tấm màn vừa vén lên, phơi rõ chân tướng của hai bố con, cùng một dòng máu, cùng một nòi

phàm phu, thô tục. Anh ta thấy tuyệt vọng, vì suốt đời bị đầy đoạ phải sống giữa hai con người đó.

Ca-sơ-lanh tuyên bố: "Giá có thể ly dị được thì tốt. Còn thú vị gì lấy phải mã gà sống thiên ấy".

Lơ-xáp đứng phắt dậy, tức giận đến run người, lông lộn lên vì lời nói xỏ xiên. Anh ta tiến về phía bố, mồm áp úng: "Cút đi!... Cút!... Đây là nhà tôi, ông hiểu chưa... Tôi đuổi ông đi..." Và anh ta vớ trên tủ lấy một chai đầy nước thuốc dịu, giơ lên như một quả chùy.

Ca-sơ-lanh đâm chùn, vừa giật lùi vừa lẩm bẩm: "Quái, thằng này bị ma ớp hay sao?"

Nhưng cơn giận của Lơ-xáp vẫn chưa nguôi; như thế thì quá lắm. Hắn quay lại vợ, cô ả vẫn nhìn chồng, hơi lạ vì thấy anh ta dữ tợn đến như thế, còn hắn thì để chiếc chai xuống rồi quát lên: "Còn mày nữa... còn mày nữa..." Nhưng không biết nói gì hơn, không có lý do gì, hắn đứng sững ra trước mặt vợ, mặt thất sắc, giọng lạc đi.

Chị ta phá ra cười.

Tiếng cười như chửi vào mặt, làm anh ta phát điên lên, và nhẩy chồm đến, tay trái tóm lấy cổ, tay

phải hùng hổ tát vào mặt vợ. Chị ta lùi lại, cuống cuống, ghen ngào. Va vào chiếc giường, chị ta ngã ngửa xuống. Hắn vẫn không buông tha, tiếp tục đánh. Phút chốc hắn đứng lên, thở hổn hển, mệt nhoài; và, bỗng xấu hổ vì sự tàn bạo của mình, hắn lúng búng: "Thế... thế... thế cho mà biết".

Nhưng chị ta không cựa cạy, tưởng như anh ta đã đánh chết. Chị nằm ngửa ở bên mép giường, hai tay che kín mặt. Anh chàng đến gần, bối rối, tự hỏi không biết rồi ra thế nào, và chờ cho chị ta bỏ tay ra xem chị làm sao. Được vài phút, càng lo lắng, anh ta khẽ nói: "Cô-ra! Em, Cô-ra!" Chị ta vẫn không trả lời, không động đậy. Chị ta làm sao? Làm gì đây? Rồi ra chị sẽ làm gì?

Cơn giận đã qua, đột nhiên tan đi cũng như lúc nổi dậy, anh ta tự thấy mình khả ố, gần như phạm tội. Anh ta đã đánh một người đàn bà, vợ anh, thế mà anh vốn là người khôn ngoan và ôn hoà, người có giáo dục và vẫn biết điều xưa nay. Thế là trong lúc dịu lòng hối hận, anh ta muốn xin lỗi, muốn quỳ xuống, hôn vào má bị tát đỏ lên kia. Anh ta lấy đầu ngón tay khẽ đụng vào một bàn tay che mặt kia. Hình như chị không cảm thấy gì. Anh chàng vỗ về,

vuốt ve như người vuốt ve một con chó bị mất. Chị vẫn không động tĩnh. Anh chàng lại nói: "Cô-ra ơi, Cô-ra, anh có lỗi, em ạ". Chị ta như chết. Thế là anh chàng thử nhấc bàn tay lên. Bàn tay giơ lên dễ dàng, và anh ta thấy một con mắt mở trừng trừng, nhìn anh, trông dễ sợ.

Anh ta lại nói: "Cô-ra, em ạ, anh chót giận. Tại ba em làm anh giận quá. Ai lại chửi vào mặt nhau như thế".

Chị ta không trả lời, dường như không nghe thấy. Anh chàng không biết nói thế nào, làm cách gì. Anh ta hôn vào bên tai, và khi ngẩng lên thì thấy bên khoé mắt chị ta một giọt nước mắt, một giọt nước mắt to tướng nó lăn ra và trào xuống má; và mắt chị ta chớp chớp nhắm mở liên hồi.

Anh chàng xúc động, nảo cả lòng, và dang tay ra nắm đề lên vợ; anh ta lấy môi gạt nốt bàn tay kia ra và hôn lấy hôn để khắp mặt, mồm van xin: "Em Cô-ra tội nghiệp của anh, tha cho anh, nhé, tha cho anh".

Chị ta vẫn khóc, lặng lẽ, không ra tiếng, như trong những cơn uất hận.

Anh chàng ôm chặt lấy vợ, vuốt ve, rủ rỉ bên tai nàng đủ những lời âu yếm. Nhưng chị ta vẫn trơ trơ. Tuy nhiên chị đã hết khóc. Thế là hai vợ chồng cứ nằm thế mãi, ôm chặt lấy nhau.

Trời bắt đầu tối, gian buồng nhỏ đã nhá nhem; rồi đến khi buồng tối hẳn, anh chàng đánh bạo và tạ lỗi vợ bằng cách nhen lại mối hy vọng chung của hai vợ chồng.

Khi họ ngồi dậy thì tiếng nói và sắc mặt của anh chàng đã trở lại bình thường, tưởng như chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Trái lại cô ả có vẻ dịu dàng, nói giọng ngọt ngào hơn ngày thường, nhìn chồng bằng con mắt phục tùng, gần như âu yếm, dường như trận đòn bất ngờ kia đã làm cho cô giãn gân và mềm lòng lại. Anh ta thản nhiên nói: "Ba em ở bên buồng một mình chắc buồn, em đi tìm ba đi. Mà đến giờ ăn rồi còn gì". Chị ta bước ra.

Quả thật đã bảy giờ rồi, con ở nhỏ đã vào mời ăn; rồi Ca-sơ-lanh, bình thân và tươi cười, cùng với con gái bước vào. Họ ngồi vào bàn ăn và chuyện trò, tối hôm đó lại thân tình hơn như những ngày đã lâu lắm trước kia, dường như có điều gì may mắn đến với tất cả mọi người.

V

Nhưng bao nhiêu hy vọng của họ luôn luôn được nuôi dưỡng, luôn luôn được nhen lại, rút cục đều không đi đến đâu. Ngày tháng trôi qua, mặc dầu tính dai dẳng của Lơ-xáp và lòng sốt sắng của chị vợ, những mong mỗi hột của họ như đốt ruột đốt gan. Người này luôn luôn riết móc đồ lỗi tại người kia, và anh chồng thất vọng, gầy rạc người ra, lừ khừ lừ khừ, lại càng thêm cay đắng vì tính thô lỗ của Ca-sơ-lanh, lão ta, trong không khí gia đình căng thẳng, thường gọi gán là: "Ông gà sống", chắc hẳn để kỷ niệm cái ngày mà lão ta suýt bị một chai nước đập vào mặt vì nói lên tiếng gà sống thien.

Con gái lão và lão ta, tự nhiên là về hòa với nhau, điên cuồng lên vì ngày đêm mơ tưởng cái tài sản kếch sù kia kề đến tận tay mà không sao tóm được, họ chỉ còn biết tìm đủ mọi sáng kiến để si nhục và giầy vò anh chàng bất lực đã gây nên điều bất hạnh cho họ.



Ngày nào ngồi vào ăn, Cô-ra cũng lặp lại: "Ăn uống chẳng có gì. Nếu giàu có thì đâu đến nỗi. Lỗi chẳng phải tại tôi".

Mỗi khi Lơ-xáp đi làm, chị ta từ trong buồng thét ra: "Nhớ mang ô đi, không có về lại dơ dáy như của khi ấy, không ai chịu được. Có mòn đời phải làm nghề cạo giấy cũng chẳng phải vì gái này đâu".

Mỗi khi chính chị ta đi đâu, chị không quên ngấm nguyết: "Giá lấy chồng khác thì đã có xe mà đi".

Thôi thì bất cứ lúc nào, bất cứ dịp nào, cô ả cũng nghĩ đến chuyện đó, rồi day nghiêng, xỉ vả chồng, đổ tội cho riêng hấn, quy trách nhiệm chỉ vì hấn mà cô ả truội mất cái tài sản kia.

Cuối cùng một tối, lại không chịu nổi, hấn ta thét lên: "Đồ chó đẻ! Cô im đi không thì bảo? Không có con, lỗi chỉ là tại mày thôi, hiểu chưa, chứ riêng tao, tao đã có con rồi...".

Hấn ta nói dối, để khỏi chịu mãi điều riej móc, xỉ nhục là kẻ bất lực.

Chị ta, thoát tiên sướng sớt, nhìn thẳng vào mặt chồng để dò la ý tứ, nhưng rồi sau vờ lẽ lại càng khinh bỉ: "Ngũ ấy mà có con à?".

Hắn trắng tráo đáp: "Chứ lại không à, con riêng đây gửi nuôi ở Át-nhe đấy".

Chị ta thân nhiên nói: "Được, để đến mai cùng đi tới đó, tôi xem mặt mũi nó thế nào".

Nhưng anh chàng đỏ mặt tía tai ấp úng: "Tuỳ ý cô".

Hôm sau, mới bảy giờ sáng, chị ta đã dậy, anh chồng lấy làm lạ thì chị nói: "Thế không đi thăm con riêng của ông à? Ông hứa với tôi hôm qua mà. Hay là, hôm nay ông lại không có mặt rồi?"

Hắn ngồi nhồm dậy nói: "Vấn đề chẳng phải là đi thăm con riêng của tôi, mà là đến bác sĩ; rồi người ta sẽ nói toạc ra cho cô biết".

Chị ta trả lời, ra điều vững tin ở mình: "Được, đây chẳng mong gì hơn".

Ca-sơ-lanh nhận việc đến sở cáo ốm cho chàng rể; còn hai vợ chồng Lơ-xáp thì, do một được sĩ lảng giềng mách, đúng giờ đến gõ cửa nhà bác sĩ Lơ-phin-ơ, tác giả của nhiều cuốn sách nói về khoa vệ sinh sản dục.

Họ bước vào một phòng khách quét vôi trắng kẻ chỉ vàng, đồ đạc lỏng chỏng, hình như trơ trụi, vắng

khách tuy có nhiều ghế. Họ ngồi xuống đợi. Lơ-xáp cảm động, run run, có phần xấu hổ. Khi đến lượt họ, họ bước vào một thứ phòng giấy, ở đó một người béo lùn, khách sáo mà lạnh lùng, đón tiếp họ.

Người đó chờ cho họ trình bày; nhưng Lơ-xáp đỏ mặt như gấc chín, ngập ngừng không nói. Thế là chị vợ quyết ý và, bằng một giọng thản nhiên, rõ ràng người quyết tâm làm bất cứ việc gì để đạt tới mục đích, chị ta nói: "Thưa bác sĩ, chúng tôi tìm đến ngài là vì chúng tôi không có con. Thế mà chúng tôi cần phải có con để hưởng một gia tài lớn".

Bác sĩ khám rất lâu; tỉ mỉ và nhọc nhằn. Duy Cô-ra tỏ vẻ không ngưng nghịu gì hết, sẵn sàng để cho thầy thuốc khám xét cẩn thận, với thái độ của một người đàn bà được một lợi ích cao hơn kích thích và nâng đỡ.

Sau gần một tiếng đồng hồ khám xét cả hai vợ chồng, nhà chuyên môn không kết luận gì hết. Ông ta nói:

"Tôi không nhận ra điều gì khác thường hay đặc biệt cả. Và lại trường hợp này cũng thường có luôn. Về thể chất con người ta cũng như về tính tình. Nếu chúng ta thấy nhiều cặp vợ chồng xa lìa nhau vì

tính tình xung khắc, thì cũng không lạ nếu có những cặp vợ chồng không có con vì thể chất xung khắc. Theo tôi thì bà nhà ta thể chất rất là cường tráng và có khả năng sinh nở được. Còn về ông nhà ta thì, tuy cơ thể không có gì khác thường, nhưng theo tôi có phần suy nhược, có lẽ chính vì quá tha thiết muốn có con. Ông cho phép tôi được nghe thử một chút?".

Lơ-xáp lo lắng, cởi áo gi-lê ra và bác sĩ áp tai rất lâu vào ngực, vào lưng anh ta, rồi ông gõ một thoi một hồi từ bụng lên đến cổ và từ hông lên đến gáy.

Ông ta nhận xét thấy tim có phần đập không đều, và ngay cả một bên phổi bị đe dọa.

"Ông thì phải giữ gìn mới được, giữ gìn cẩn thận. Đây là bệnh thiếu máu, suy nhược, không có gì khác cả. Nhưng chứng này bây giờ còn nhẹ, nhưng, trong ít lâu, có thể thành bất trị".

Lơ-xáp, tái xanh đi vì lo sợ, hỏi xin một đơn thuốc. Bác sĩ ấn định cho anh ta một chế độ phiên toái. Chất sắt này, thịt tươi này, hàng ngày ăn xúp, tập thể dục, nghỉ ngơi và mùa hè về thôn quê ở. Rồi ông ta dặn dò nên làm gì khi nào anh khá hơn. Ông ta mách bảo những điều thường vẫn áp dụng có hiệu quả trong trường hợp như của hai vợ chồng anh.

Tiền thầy thuốc mất bốn mươi quan.

Khi họ bước ra ngoài phố. Cô-ra giận lên đến cổ, thấy cơ đồ như thế thì rít lên: "Thôi, thế là phận gái này may lắm rồi!"

Anh chàng làm thình. Lòng bị xâu xé vì lo sợ, anh ta vừa đi vừa nhớ lại, cân nhắc từng lời của bác sĩ. Ông ta đánh lừa mình chăng? Phải chăng ông ta thấy mình đã nguy kịch? Bây giờ thì anh ta không còn nghĩ gì đến món gia tài, đến con cái nữa. Phải lo cho cái tính mạng của mình đã.

Anh tưởng như nghe thấy tiếng phổi rít lên và cảm thấy tim đập lồng lộn. Khi đi qua vườn Tuy-lơ-ri, anh thấy mệt và muốn ngồi xuống. Chị vợ, tức tối, đứng sừng sững bên cạnh để làm nhục chồng, nhìn hắt từ đầu tới chân, với điệu thương hại khinh nhờn. Anh chàng thở một cách mệt nhọc càng dốc ra thêm vì xúc động; và anh ta để ngón tay bên trái lên cổ tay bên phải, đếm nhịp mạch đập.

Cô-ra giậm chân sốt ruột hỏi: "Thế nào, làm kiểu cách ấy đến bao giờ? Sắp về chưa?" Hắt ta như một nạn nhân đứng lên và lại tiếp tục đi chẳng nói chẳng rằng.

Khi Ca-sơ-lanh biết được kết quả cuộc đi thăm thầy thuốc, lão ta càng thêm giận dữ. Lão gầm lên: "Thôi thế là tong, khôn chưa! Thật là tong". Và lão hung hân nhìn chàng rể, những muốn nuốt tươi hắn.

Lơ-xáp như câm như điếc, chỉ còn lo cho sức khoẻ, cho tính mạng nguy ngập của mình. Mặc kệ cho bố con họ hò hét, họ thiết gì đến cái mạng của mình, có thân thì phải lo.

Anh ta bày ra bàn la liệt những chai thuốc nọ thuốc kia, và cứ đến mỗi bữa ăn là đong thuốc, trước những nụ cười nửa miệng của mẹ vợ và tiếng cười sằng sặc của bố vợ. Lúc nào anh cũng ngấm mình trong gương, lúc nào cũng áp tay lên ngực để nghe tim đập, và anh tự bố trí lấy một chiếc giường nằm trong một gian buồng tối, chỗ vắng để treo quần áo, vì anh ta không muốn chung chạ với Cô-ra nữa.

Bây giờ anh ta đâm ra vừa căm vừa sợ cô ả, lẫn cả khinh bỉ và ghê tởm. Và lại tất cả đàn bà bây giờ anh đều coi như những yêu quái nguy hiểm, chuyên việc sát hại đàn ông; và anh ta còn nghĩ đến tờ chúc thư của bà cô Sác-lốt thì chẳng qua như nghĩ đến một tai hoạ suýt chết mà anh vừa thoát khỏi.

Ngày tháng lại trôi qua. Chỉ còn một năm nữa là hết cái hạn đã định.

Ca-sơ-lanh đã treo trong phòng ăn một chiếc lịch thật to và mỗi buổi sáng lại xoá đi một ngày. Cứ như thế lòng tức tối vì tự mình bất lực, thất vọng vì cảm thấy ngày qua tháng lại, cái cơ nghiệp kia cứ lủi đi, càng điên rồ khi nghĩ đến thân mình còn phải lèo đèo đến sở và rồi sống bằng số lương hưu trí hai nghìn quan cho đến khi nhắm mắt, tất cả thôi thúc lão ta đến chỗ ăn nói vũ phu, sến một chút là có thể đâm ra bạo lực hành hung.

Lão không thể thấy mặt Lơ-xáp mà không run lên, hằm hằm những muồn nện, muồn bầm vằm, giầy xéo lên hần. Lão oán hờn hần, một mối căm hờn điên loạn. Mỗi lần thấy hần mở cửa bước vào là tưởng như kẻ trộm vào nhà, cuồn mắt của lão ta một vật thiêng liêng, một món gia bảo. Lão căm giận hần, hơn cả người ta căm giận một kẻ tử thù, và lão lại khinh bỉ hần vì hần ốm yếu, mà nhất là vì hần hèn nhát, từ ngày lo cho sức khỏe của mình thì thôi không chịu theo đuổi mối hy vọng chung nữa.

Số là Lơ-xáp bây giờ sống cách biệt hần vợ, như không còn có mối quan hệ gì giữa hai vợ chồng nữa.

Anh chàng không dám gần vợ, không đụng chạm đến vợ, tránh cả từ cái nhìn của vợ, vừa xấu hổ vừa sợ cũng có.

Mỗi ngày Ca-sơ-lanh lại hỏi con gái: "Thế nào, chồng mày nó đã quyết ý chưa?"

Chị ta trả lời: "Chưa đâu, ba ạ".

Mỗi tối, cứ ngồi vào bàn ăn là diễn ra những cảnh nặng nề. Ca-sơ-lanh lải nhải luôn mồm; "Khi một thằng đàn ông đã không phải là đàn ông, chẳng thà chết mẹ nó đi để nhường chỗ cho đứa khác".

Và Cô-ra thêm vào: "Ở đời vẫn có những kẻ thật đoảng và chượng. Tôi không hiểu họ sống trên mặt đất này làm gì, chỉ tổ thêm gánh nặng cho thiên hạ".

Lơ-xáp uống thuốc và chẳng nói nửa lời. Cuối cùng một hôm bố vợ thét vào mặt hắn: "Anh ấy à, anh biết không, bây giờ anh đã khoẻ rồi mà nếu vẫn không thay đổi thái độ thì tôi bảo cho anh biết, con gái tôi nó sẽ làm trò gì, mặc anh!...".

Anh con rể ngẩng mặt lên nhìn dò hỏi, linh tính cảm thấy lại sắp có chuyện nhục mạ gì xảy ra nữa đây. Ca-sơ-lanh nói tiếp: "Nó sẽ kiếm một thằng



khác, mẹ kiếp, phúc cho anh là nó chưa làm chuyện gì đấy. Đã lấy phải thằng độn như anh thì làm gì cũng được hết".

Lơ-xáp thất sắc, đáp: "Nào tôi có ngăn cấm cô ấy vâng lời giáo huấn của ông đâu".

Cô-ra đã cúi mặt xuống. Còn Ca-sơ-lanh, cảm thấy lờ mờ rằng mình đã nói quá đáng, ngồi trơ ra hơi ngượng.

## VI

Ở bộ, hai người có vẻ sống khá hoà thuận với nhau. Một thứ giao kèo ngầm đã ký kết giữa hai người để che giấu các bận đồng sự những cuộc xung đột nội bộ. Họ xưng hô với nhau ông ông tôi tôi, và lại giả vờ như cười với nhau, sung sướng và hả hê, hài lòng về cuộc sống chung.

Về phía Lơ-xáp và Ma-dơ thì đôi đũa với nhau một cách lễ độ khách sáo như giữa những tay địch thủ suýt nữa đã choảng nhau. Sau cuộc độ sức hệt đã từng làm cho họ rợn mình, thì giữa họ nảy nở một niềm lễ phép cường điệu, họ đâm ra vì nể nhau hơn, và dường như có ý muốn thăm kín gần gũi

nhau, vì họ lo sợ mơ hồ rằng có thể xảy ra chuyện rắc rối gì mới chẳng. Mọi người để ý và hoan nghênh thái độ của họ, tỏ ra là những người lịch thiệp đã từng có vấn đề va chạm nhau vì danh dự.

Họ trông thấy nhau từ rất xa đã chào nhau, trịnh trọng và nghiêm trang, tay ngả mũ chững chạc đường hoàng.

Họ không nói gì với nhau, vì cả hai bên đều không muốn hoặc không dám mang tiếng làm lạnh trước.

Nhưng một bữa, vì ông sếp gọi gấp, Lơ-xáp cầm cổ chạy để tăng công, vừa đến một chỗ hành lang rẽ ngoặt thì húc đầu vào bụng một nhân viên đi ngược lại. Chính là Ma-dơ. Cả hai đều lùi lại, Lơ-xáp cuống quýt và lễ phép hỏi: "Ông có làm sao không?"

Gã kia đáp: "Thưa ông, không sao".

Từ đó trở đi họ cảm thấy nên trao đổi vài lời khi gặp nhau cho phải lễ. Rồi, vì ganh đua tỏ ra mình lịch sự, họ đi đến chỗ ân cần với nhau, và chẳng mấy lúc đã có đôi chút vốn vã, cho đến tình thân mật, phần nào còn dè dặt, sự thân mật giữa những người đã hiểu lầm nhau, nay còn chút do dự ngại

ngừng kìm hãm lòng cởi mở; rồi, cứ chào hỏi nhau, qua lại thăm viếng nhau mãi, một tình bạn nảy ra.

Bây giờ thường khi họ đã tán gẫu với nhau mỗi lúc đến phòng viên tham biện quản trị để lấy tin tức. Lơ-xáp ta đã mất cái thói kiêu căng của một viên chức có triển vọng bay nhảy, Ma-dơ cũng dẹp bớt cái tác phong của kẻ giao du nhiều; còn Ca-sơ-lanh thì xen vào trò chuyện, có vẻ quan tâm đến tình bạn giữa hai người. Đôi khi, gã tham biện đẹp trai vừa đi khỏi, dáng người đường bệ, trán đung tới cửa cao, lão ta lại nhìn chàng rể mà lẩm bẩm: "Như nó mới thật đáng mặt trai chứ!".

Một buổi sáng, cả bốn người đang ở trong phòng, kể cả lão Xa-vông, vì lão ta không lúc nào rời bàn sao chép, bỗng chiếc ghế của lão, chắc đã bị kẻ ranh mãnh nào cưa sẵn, đổ sụp xuống làm cho lão ngã lăn xuống sàn, kêu thất thanh.

Ba người kia đổ xô lại. Lão tham biện quản trị thì đổ cho tại âm mưu của bọn phiến loạn công xã, còn Ma-dơ thì cứ khẳng khẳng muốn xem chỗ lão già bị thương. Ca-sơ-lanh và hần định cởi quần áo lão ta ra, nói là để buột vết thương. Nhưng lão già

giấy này cự tuyệt, mồm tru tréo lên rằng mình không việc gì cả.

Khi cơn vui đã dịu, Ca-sơ-lanh đột nhiên nói to lên: "À này, ông Ma-dơ, ông thử nghĩ xem, bây giờ ta hoà thuận với nhau cả, thì bữa nào chủ nhật ông lại đăng nhà tôi đánh chén một bữa. Chúng tôi rất mong, chàng rể tôi và tôi, cả con gái tôi nữa, nó đã được nghe nói đến ông nhiều, vì bọn tôi hay bàn đến chuyện ở sở. Thôi, thế là nhận lời đấy nhé?".

Lơ-xáp cũng tiếp lời mời mọc, nhưng có phần hững hờ hơn bố vợ: "Mời ông đến, chúng tôi rất mong".

Ma-dơ ngần ngại, bối rối, mỉm cười nhớ lại những lời người ta đồn đại.

Ca-sơ-lanh thúc: "Thôi, thế là đồng ý đấy, hả?".

- Đã vậy thì xin vâng.

Khi ông bỏ ở sở về báo tin: "Con không biết chứ, ông Ma-dơ chủ nhật sau sẽ đến ăn ở nhà ta đấy", thì Cô-ra, thoát nghe bố ngỡ, lẩm bẩm: "Ông Ma-dơ? Thế à!"

Rồi chị ta, không biết vì lẽ gì, đỏ mặt lên như gấc. Chị đã từng nghe nói nhiều đến anh chàng ấy,

đến những kiểu cách của hắn, đến những thành tích của hắn, là vì ở bộ hắn vẫn có tiếng là mạnh dạn đối với phụ nữ và quyền rũ ghê lắm, đến nỗi từ lâu lòng chị những ước ao được biết hắn.

Ca-sơ-lanh xoa tay nói tiếp: "Rồi con sẽ thấy, anh chàng rần rôi và bánh trai lắm. Anh ta cao lớn như một kỵ binh vậy, chứ chẳng giống như cái thằng chồng con ấy đâu!"

Chị không trả lời, sượng sùng tưởng như người ta đã đoán được cô ả hằng mơ ước anh chàng kia rồi.

Họ chuẩn bị bữa ăn cũng thật chu đáo như bữa trước kia đã mời Lơ-xáp. Ca-sơ-lanh bàn tính các món ăn, muốn cho thật tươi, và dường như một hy vọng gì mờ ám, chưa rõ nét, đã nảy nở trong lòng lão làm cho lão vui lên, yên trí vì điều dự tính ngầm ngấm và chắc chắn nào đó.

Suốt cả ngày chủ nhật, lão rôi rít đôn đốc mọi việc chuẩn bị, còn Lơ-xáp thì mặc giải quyết một công việc khẩn cấp ở sở mang về từ hôm trước. Số là bây giờ đã vào đầu tháng mười một rồi, ngày đầu năm sắp tới.

Đúng bảy giờ, Ma-dơ tới, vui phớn phở. Hấn bước vào như ở nhà hấn và vừa chúc mừng vừa đưa tặng Cô-ra một bó hoa hồng thật to. Hấn lại nói thêm, bằng giọng thân mật của kẻ đã từng giao du nhiều: "Thưa bà, hình như tôi có được quen biết bà một chút, mà tôi đã quen từ lúc bà còn là cô gái nhỏ xíu, là vì đã bao nhiêu năm rồi cụ nhà đã nói cho tôi nghe về bà".

Ca-sơ-lanh trông thấy hoa, thì kêu lên: "Ủi chà, thế này thì lịch sự quá!" Và cô con gái nhớ lại rằng cái ngày Lơ-xáp đến trình diện đã không mang hoa. Gã tham biện đẹp trai có vẻ khoái trí, cười hớn hở, như lần đầu tiên đến nhà những người bạn cố tri, và ngỏ với Cô-ra những lời chiều nịnh kín đáo khiến cô ả đỏ mặt.

Hấn thấy cô nàng dễ thềm quá. Cô ả thì thấy anh chàng rất nên duyên. Khi hấn về rồi Ca-sơ-lanh hỏi: "Này, hôm đấy chứ, đáo để lắm nhớ! Nghe nói cô nào cũng cứ là mê tít đi".

Cô-ra kín đáo hơn, nhưng cũng thú thật rằng thấy anh chàng "dễ thương chứ không đến nỗi bộ điệu như chị văn tướng".

Lơ-xáp, có vẻ không uể oải và rầu rĩ như mọi khi, cũng đồng ý rằng trước kia đã "ngộ nhận" anh chàng.

Ma-dơ lúc đầu đến chơi còn dè dặt, rồi sau đến luôn. Hắn được lòng tất cả mọi người. Người ta lôi kéo hắn, nâng niu hắn. Cô-ra nấu những món ăn mà hắn thích. Và rồi tình thân mật giữa ba người dần ông thấm thiết đến nỗi họ không rời nhau ra nữa. Anh bạn mới kéo cả nhà đi xem hát, ngồi ở những lô dành cho nhà báo.

Đêm khuya họ đi bộ về, dọc theo những phố đông người, cho đến tận cửa nhà vợ chồng Lơ-xáp. Ma-dơ và Cô-ra đi trước, bước chân đều, sánh hông nhau, hoà cùng một động tác, một nhịp điệu, hình như hai người sinh ra là để sát cánh đi trong cả cuộc đời. Họ thủ thỉ với nhau, vì họ ăn ý nhau đáo để, và cười ngất nghệu; đôi khi người thiếu phụ ngoảnh đầu lại phía sau liếc nhìn ông bố và chồng.

Ca-sơ-lanh nhìn họ bằng con mắt hiền từ, và thường khi không nhớ rằng mình đang nói với chàng rể, lão tuyên bố: "Của đáng tội, chúng thế mà tốt đôi, nhìn chúng đi với nhau kẻ cũng thú". Lơ-xáp thản nhiên đáp: "Họ vóc người gần bằng nhau", và

anh ta sung sướng cảm thấy quả tim đập bớt mạnh, khi đi nhanh anh đỡ thở hơn trước, tóm lại anh đã tráng kiện hơn xưa; thế là dần dần tiêu tan mối hiềm khích đối với bố vợ, và chẳng những lời châm chọc độc ác của ông ta ít lâu nay cũng không còn nữa.

Đến ngày đầu năm anh ta được thăng tham tá thượng hạng. Anh mừng quýnh lên, đến nỗi về đến nhà là ôm vợ hôn, từ sáu tháng nay đó là lần đầu. Chị vợ sững sốt, ngỡ ngàng ngịu hình như chồng làm một việc gì khiếm nhã; và chị ta nhìn anh chàng Ma-dơ vừa đến để chúc mừng năm mới. Về phía anh chàng cũng có vẻ lúng túng và quay ra cửa sổ, ra điều không muốn nhìn.

Nhưng chẳng bao lâu Ca-sơ-lanh lại trở nên cáu kỉnh và xấu thói, và lão ta lại bắt đầu châm chọc xỏ xiên chàng rể. Đôi khi lão lại vặc cả đến anh chàng Ma-dơ, làm như cũng vì hắn mà mối tai họa kia treo lơ lửng trên đầu, và cái thời hạn nghiệt ngã cứ mỗi phút lại thêm tới gần.

Chỉ có Cô-ra có vẻ thản nhiên như không, rất mực vui sướng, rất mực hoan hỉ. Hình như chị đã quên cái thời hạn gay go nó đã sát tới kia.



Bảy giờ đã sang tháng ba. Bao nhiêu hy vọng dường như tiêu tan, là vì bà cô Sác-lốt chết đi tính đến ngày hai mươi tháng bảy sắp tới là đã đầy ba năm.

Một mùa xuân sớm sửa làm cây cỏ đâm chồi nảy lộc; và một bữa chủ nhật, Ma-dơ đề nghị với các bạn đi dạo chơi trên bờ sông Xen để hái hoa tím trong bụi.

Họ đi một chuyến tàu sớm và xuống ga La-phít. Một gợn gió mùa đông còn luồn qua các cành cây trơ trụi, nhưng trên cỏ non xanh, óng mượt đã lốm đốm những bông hoa trắng và xanh lơ; và những cây ăn quả trên đôi gờ những cánh tay gầy guộc đầy những búp non đã nở, hình như choàng vào mình những vòng hoa hồng.

Sông Xen, nặng nề, buồn bã và ngầu bùn vì những trận mưa vừa qua, chảy giữa hai bờ bị lở trong những trận lũ mùa đông; và cả vùng đồng quê sẫm nước, tưởng như vừa tắm xong, bốc lên một vị ẩm dịu dịu trong hơi ẩm của những ngày nắng đầu mùa.

Họ tha thân trong cánh đồng cỏ, Ca-sơ-lanh, rầu rĩ, gồ can xuống những mô đất, hôm đó lại càng bứt

rút hơn ngày thường, chua xót nghĩ đến cái vận xúi sắp sửa hoàn toàn thành sự thực. Lơ-xáp cũng ủ ê, chỉ sợ giẫm vào cỏ ướt chân, trong khi đó chị vợ và Ma-dơ tìm kiếm làm một bó hoa. Cô-ra từ mấy hôm nay có vẻ ốm, mệt mỏi và xanh đi.

Chẳng mấy lúc chị ta đã thấy mệt và muốn trở về để ăn trưa. Họ tìm đến một quán nhỏ tựa bên một nhà máy xay gió cũ gần đó, vừa bữa ăn thường lệ của những người Pa-ri về chơi miền quê được dọn ra dưới một vòm cây, trên chiếc bàn gỗ phủ hai chiếc khăn mặt, và gần sát ngay bên sông.

Người ta nhai cá rán rau rầu, rồi ăn đến món thịt bò sào khoai tây, và đến lúc dọn ra liền rau xanh trộn thì bỗng Cô-ra dùng đứng đứng dậy, chạy ra phía bờ sông, hai tay cầm chiếc khăn ăn bịt lấy mồm.

Lơ-xáp, lo lắng, hỏi: "Cô ấy làm sao thế?" Ma-dơ, bối rối, đỏ mặt lên, đáp ứng: "Nào... tôi có biết đâu... ban này chị ấy vẫn khỏe mà!", còn Ca-sơ-lanh thì hốt hoảng ngồi chờ ra, chiếc đĩa còn cắm lá rau xà-lách chống lên trời.

Lão đứng lên, ngó tìm con gái, thấy chị ta đứng tựa đầu vào một thân cây, có vẻ ốm. Một điều nghi

ngờ thoáng qua lùm lã ta khuyu chân ngồi xuống chiếc ghế, vừa đưa mắt lơ lảo nhìn hai anh chàng, họ bấy giờ hình như cũng sượng sùng với nhau. Lão soi mói nhìn họ, con mắt e ngại, không dám nói gì, điên cuồng vì lo sợ mà cũng vì hy vọng.

Mười lăm phút trôi qua trong không khí im phăng phắc. Rồi Cô-ra trở lại, mặt hơi xanh, đi không vững. Không ai hỏi chị ta một cách rành mạch; mỗi người hình như đoán có một việc vui mừng xảy ra, nhưng khó nói, ai cũng sốt ruột muốn biết mà lại ngại nghe ra nhẽ. Duy có Ca-sơ-lanh hỏi con: "Đỡ rồi chứ?" Chị ta trả lời: "Vâng, không sao cả. Thôi ta trở về nhà cho sớm, tôi hơi rức đầu".

Ra về, chị níu lấy tay chồng như để ra hiệu điều gì bí mật mà chưa dám nói ra.

Đến ga Xanh La-za họ chia tay nhau. Ma-dơ, lấy cớ rằng vừa nhớ ra một việc bận, bắt tay chào mọi người rồi bỏ đi.

Liên đó, khi chỉ còn một mình với con gái và chàng rể, Ca-sơ-lanh hỏi: "Lúc nãy đang ăn con làm sao thế?".

Cô-ra thoát tiên không trả lời; rồi ngáp ngừng một lúc, chị ta nói: "Không việc gì, con hơi buồn nôn".

Chị ta lê chân đi uể oải, với một nụ cười trên môi. Lơ-xáp khó chịu, đầu óc bối rối, với những ý kiến lộn xộn, trái ngược, vừa khao khát giàu sang, vừa giận dữ âm thầm, vừa xấu hổ khó nói, lại vừa hèn nhát mà cũng ghen tuông, hấn ta làm như những kẻ ngủ trưa, buổi sáng chưa muốn dậy mà cứ nhắm mắt để khỏi nhìn thấy ánh sáng đã qua rèm, lọt vào buồng và quét ngang giường thành một vệt chói loà.

Vừa về đến nhà, hấn lấy cố là có việc dở phải làm cho xong, và rút lui vào buồng một mình.

Bảy giờ Ca-sơ-lanh để hai tay lên vai con gái: "Con có mang, phải không?".

Chị ta ấp úng: "Vâng, có lẽ. Độ hai tháng".

Chị ta chưa nói hết lời thì lão đã mừng rỡ nhảy cuống lên, rồi lão đi ngay một điệu nhảy đú đờn chung quanh con gái, ý chừng hồi tưởng lại xưa kìa lúc còn ở trại. Mặc dầu cái bụng phệ, lão co chân lên để nhảy, làm chuyển cả gian nhà. Đồ đạc rung

lên, cốc chạm vào nhau loảng xoảng trong tủ ăn, chiếc đèn treo lắc lư và rung rinh như ngọn đèn tàu biển.

Rồi lão ta ôm lấy con gái quý và hôn chùn chụt; rồi, thân mật khẽ vỗ tay vào bụng con: "Thôi! Thế là yên trí! Con đã cho chồng con biết chưa?"

Chị bỗng nhiên đỡ người ra, lẩm bẩm: "Không... chưa... con... con đợi xem đã".

Nhưng Ca-sơ-lanh kêu lên: "Thôi, được rồi. Cô ngưng chứ gì. Đợi đấy, để tôi đi báo cho nó biết".

Thế là lão đâm bổ sang nhà con rể. Thấy lão vào, Lơ-xáp đang ngồi không làm gì, đứng phắt dậy. Nhưng lão kia không đợi cho anh ta hoàn hồn: "Này, anh biết vợ anh có mang chưa?"

Anh chồng sững sờ, luống cuống, đỏ mặt lên.

- Thế nào? Sao? Cô-ra à? Ông bảo gì?

- Tôi bảo rằng nó có mang rồi, anh nghe ra chưa? Phúc đức quá!

Và, trong cơn mừng rỡ, lão nắm lấy hai tay chàng rể, siết chặt, rung lên, như để chúc mừng, để cảm ơn; lão nhắc lại: "Thôi! Thế là yên trí! Hay lắm! Anh

tính, cái tài sản ấy thế là về tay mình". Và, không  
dừng được, lão ta ôm chặt lấy hấn.

Lão kêu lên: "Hơn một triệu, anh tính, hơn một triệu!". Lão lại nhảy lên, nhưng rồi chợt nói: "À nhưng mà anh sang đây, chị ấy đang đợi anh: thì cũng phải hôn vợ lấy một cái chứ!" và lão cứ thế ôm hấn mà đẩy đi, và ân hấn như hất quả bóng vào giữa buồng, chỗ Cô-ra đang đứng, nghe ngóng, lo sợ.

Vừa thấy chồng, cô ả lùi lại, ghen ngào vì cơn xúc động đột ngột. Anh chàng đứng trước vợ, mặt tái xanh và lòng ray rứt. Hấn có vẻ một quan toà mà vợ như một tội phạm.

Cuối cùng hấn nói: "Hình như mình có mang phải không?"

Chị ta, giọng run run, đáp ứng: "Có lẽ".

Nhưng Ca-sơ-lanh tóm lấy cổ cả hai vợ chồng, ấn họ dính mũi vào nhau, vừa kêu lên: "Rõ khi, hôn nhau đi chứ! Bỏ công lắm rồi còn gì nữa".

Và, khi đã buông họ ra rồi, lão tuyên bố, đầy lòng hỉ hả: "Thôi, thế là ăn đứt. Nay, anh Lê-ô-pôn, chúng ta đi tậu ngay một biệt thự ở vùng quê. Ít ra ở đó thì anh mới lại sức được".

Nghe câu đó, Lơ-xáp giật mình. Bỏ vợ lại nói: "Chúng ta sẽ mời hai ông bà Toóc-sơ-bốp đến, mà lão phó chủ sự nghe chừng cũng sắp về châu giới, chắc anh sẽ thay hẳn ta thôi. Thế là một bước tiến đấy nhớ".

Lơ-xáp càng nghe Ca-sơ-lanh nói càng nhìn rõ ra; hẳn nhìn thấy chính mình đang tiếp đón ông sắp trước một biệt thự trắng xinh, bên bờ sông. Hẳn diện một chiếc áo toan thật oách, và chiếc mũ pa-na-ma đội trên đầu.

Với hy vọng đó, có cái gì êm ái lừa vào trong tim hẳn, cái gì ấm áp và khoan khoái như quỳên lầy hẳn, làm cho hẳn thư thái và người khỏe hẳn lên.

Anh chàng mỉm cười, mà chưa trả lời.

Ca-sơ-lanh, ngây ngất với bao nhiêu hy vọng, bay bổng lên trong những ước mơ, tiếp tục nói: "Biết đâu đấy? Chúng ta sẽ có thanh thế trong nước. Anh có thể trở nên nghị sĩ. Mặc dầu thế nào, chúng ta sẽ có thể nhìn thẳng vào mặt phải của xã hội, và mua lấy những cái ngọt bùi. Anh sẽ tậu lấy một con ngựa xinh và một chiếc xe nhỏ để hàng ngày đi ra ga".

Những hình ảnh của cuộc sống giàu sang, lịch sự và khoái lạc thức dậy trong trí óc Lơ-xáp. Tưởng tượng đến cái cảnh anh ta tự đánh lấy một chiếc xe ngựa xinh xinh, như những kẻ nhà giàu mà anh vẫn thường ao ước được như họ, anh ta xiêu lòng. Anh buột mồm nói: "Chà! Như thế thì còn thú gì bằng".

Cô-ra, thấy chồng đã ngả ý, cũng mỉm cười, lòng dịu lại và biết ơn; và Ca-sơ-lanh, thấy không còn trở ngại gì nữa, liền tuyên bố:

"Thôi chúng ta đi ăn hiệu một bữa. Mẹ kiếp! Phải khao một tí chứ!".

Cả ba người khi ra về đều say chệnh choáng, về phần Lơ-xáp thì nhìn cái gì cũng thành hai và bao nhiêu ý nghĩ nhảy múa trong đầu, anh ta không vào được tới phòng tối của mình. Có lẽ vì sơ ý, hay vì quên, anh chàng nằm lẫn ra giường của vợ còn để không. Và suốt đêm anh ta tưởng như chiếc giường lắc lư, tròng trành, nghiêng ngả, như một con tàu. Mà anh chàng lại như hơi say sóng.

Anh rất ngạc nhiên, khi tỉnh dậy, thấy mình ôm Cô-ra trong lòng.



Chị ta mở mắt ra, mỉm cười, và bỗng ôm choàng lấy chồng hôn, đầy lòng biết ơn và âu yếm. Rồi cô ả nói với chồng, giọng thô thể của những người đàn bà lúc nũng nịu: "Nếu mình ngoan thì hôm nay đừng đến sở. Sắp giàu to rồi, chẳng cần phải chăm chỉ lắm nữa. Chúng ta lại về thôn quê chơi đi, riêng hai chúng ta thôi".

Anh chàng cảm thấy lòng thư thái, vừa khoái trá mà vừa uể oải như người ta thường thấy sau những cuộc liên hoan ốm người, lại thêm ngây dại trong hơi ấm của chăn gối. Hắn oằn oại muốn nằm như thế mãi, không thiết gì hơn là sống yên ổn trong an nhàn. Một sự khao khát được nhàn hạ mới mẻ và mãnh liệt làm tê liệt tâm hồn anh ta, xâm nhập toàn thân anh ta. Và một ý nghĩ lơ mơ, dai dẳng, khoan khoái, chập chờn trong óc: "Ta sẽ giàu có, tự chủ".

Nhưng bỗng anh ta chợt dạ, và khe khẽ hỏi vợ, dường như sợ bức tường cũng có tai: "Này, nhưng mà chắc mình có mang thật không?".

Lập tức chị an ủi: "Ồ! Đúng rồi, yên trí. Em chẳng nhầm đâu".

Nhưng hắn, vẫn còn hơi lo ngại, liền đưa tay khê nắn bụng vợ đã phình ra. Hắn nói: "Ừ, đúng rồi, nhưng mình ở cũ sau thời hạn, sợ họ có thể không thừa nhận quyền của ta chăng".

Như nói vậy, chị nổi giận: "À! Không thể được, lại còn nước ấy nữa kia à, mất bao nhiêu cực nhọc, vất vả, hơi sức mà họ lại còn lý sự nữa à, không thể được! - Chị ta ngồi phịch xuống, điên cuồng vì tức giận. Rồi chị nói: "Ta đi đến nhà quản lý văn khế ngay đi".

Nhưng họ nhất trí là phải đi lấy giấy chứng nhận của thầy thuốc trước đã. Thế là họ lại đi đến nhà bác sĩ Lơ-fi-ơn.

Ông ta nhận ra ngay hai người và hỏi: "Thế nào, ông bà thành công chứ?"

Cả hai đều đỏ mặt tía tai, riêng Cô-ra, hơi chột dạ, lúng búng: "Thưa ông, có lẽ thế".

Thầy thuốc xoa tay: "Tôi biết mà, tôi biết mà. Cái ké mà tôi đã mách ông bà là không sai bao giờ, trừ phi một người trong hai vợ chồng hoàn toàn bất lực".

Thăm cho thiếu phụ xong, ông tuyên bố: "Yên trí rồi, hoan hô!".

Và ông ta lấy một tờ giấy viết: "Tôi ký tên dưới đây, bác sĩ y khoa trường Đại học Pa-ri, chứng nhận rằng bà Lê-ô-pôn Lơ-xáp, tên con gái là Ca-sơ-lanh, có đủ triệu chứng là đã có mang được chừng ba tháng".

Rồi, quay lại phía Lơ-xáp: "Thế còn ông? Ngực và tim thế nào?" Ông ta ghé tai nghe và nhận rằng anh chàng đã khỏi hẳn.

Họ ra đi, sung sướng và mừng rỡ, tay khoác tay, chân bước nhẹ nhàng. Nhưng đang đi giữa đường, Lê-ô-pôn nảy ra một ý kiến: "Có lẽ trước khi đến nhà quản lý văn khố, mình hãy độn thêm một hai chiếc khăn mặt vào bụng, cho người ta nhìn rõ thì hơn. Họ khỏi cho rằng mình muốn tranh thủ thời gian".

Thế là họ quay về nhà, và anh chồng tự tay cởi áo để độn bụng giả cho vợ. Anh ta đặt khăn mặt hết chỗ này tới chỗ khác, tới mười lần, rồi lùi xa ra vài bước để ngắm nghía, muốn cho hoàn toàn y như thật.

Khi thấy đã trông được, họ lại ra đi, và ở ngoài phố, anh chàng có vẻ hãnh diện được rước cái bụng to kia đi vì nó chứng minh cái khí lực trai tráng của anh chàng.

Viên quản lý vẫn khế tiếp đón họ ân cần. Rồi ông ta nghe họ trình bày, đưa mắt đọc tờ giấy chứng nhận, và đến khi Lơ-xáp nhấn mạnh: "Thưa ông, và lại cứ trông nhà tôi đây thì cũng biết". Ông ta liếc nhìn một cách tin tưởng cái bụng to và nhọn của thiếu phụ.

Họ chờ đợi, bản khoản, nhà pháp luật tuyên bố: "Được rồi. Dù đứa hài nhi đẻ rồi hay sắp đẻ, thì cũng đã có nó, nó đang sống. Vì vậy, chúng tôi xin đình chỉ hiệu lực của bản chúc thư cho đến ngày bà ở cũ".

Ra khỏi phòng giấy viên trưởng khế, hai vợ chồng ôm choàng lấy nhau hôn ngay ở cầu thang, nỗi vui mừng của họ thật là nhiệt liệt.

## VII

Từ sau khi phát hiện cái việc may mắn đó, ba bố con rất mực hoà thuận. Họ đâm ra vui tính, điềm

đạm và dịu dàng. Ca-sơ-lanh trở lại với cái tính vui hóm xưa kia, và Cô-ra ân cần săn sóc chồng. Lơ-xáp cũng hình như thay đổi hẳn, lúc nào cũng phớt phơ, và dễ dãi như chưa bao giờ từng thấy.

Ma-dơ đến chơi thưa hơn và bây giờ hình như thấy ngượng ngịu ở trong gia đình ấy; người ta vẫn tiếp đón hẳn tốt, nhưng có phần lạnh nhạt hơn, là vì hạnh phúc vốn dĩ ích kỷ và không cần đến người ngoài.

Ngay đến Ca-sơ-lanh cũng hình như cảm thấy có phần ngấm ngấm bất bình với anh tham biện đẹp trai mà chính lão ta, mới mấy tháng trước, đã niềm nở lôi kéo về nhà. Chính lão báo tin cho anh bạn thân ấy tin Cô-ra có mang. Lão nói đập vào mặt cu cậu: "Anh biết chưa, con gái tôi nó chứa rồi đấy!".

Ma-dơ làm ra bộ ngạc nhiên, đáp lại: "Ừa, thế à! Thế thì ông hả dạ lắm rồi còn gì".

Ca-sơ-lanh đáp: "Còn phải nói!" và nhận thấy anh bạn đồng sự, trái lại, hình như không khoái chút nào. Có anh đàn ông nào lại ưa nhìn người đàn bà mà họ đang theo đuổi ở trong cảnh ngộ như vậy, dù nguyên nhân tại họ hay không tại họ.

Tuy nhiên, chủ nhật nào Ma-dơ cũng vẫn đến ăn ở nhà. Nhưng những tối họp mặt đó trở nên nặng nề, mặc dầu chưa xảy ra việc bất hoà gì nghiêm trọng; và cái gương ngệu lạ lùng ấy cứ mỗi ngày một tăng. Thậm chí có một tối, hấn vừa bước chân ra khỏi cửa, Ca-sơ-lanh đã hầm hầm tuyên bố: "Cái thằng ấy nó bắt đầu quấy rầy mình".

Và Lơ-xáp đáp luôn: "Sự thực là người ta càng biết hấn nhiều thì càng bất lợi cho hấn". Cô-ra đã cúi mặt xuống. Chị ta chẳng nói chẳng rằng. Hình như cô ả cứ thấy gương ngệu trước mặt anh chàng Ma-dơ to lớn, mà về phía cậu này thì hầu như xấu hổ bên cạnh cô nàng, hấn không dám nhìn thẳng và mỉm cười như trước, không mời đi xem hát nữa, và dường như mối tình thân xưa kia thấm thiết đến thế nay đã trở nên một điều nghiệp chương mà hấn đeo vào mình.

Thế rồi một bữa thứ năm, vào giờ ăn tối, chồng vừa ở sở về thì Cô-ra hôn vào bộ râu mép của hấn và, bằng một giọng nũng nịu hơn mọi khi, cô ả rủ rỉ nói:

- Mình đừng mắng em nhé?

- Sao thế?

- Chả là... cái ông Ma-dơ ấy mà, ông ấy vừa mới đến thăm em. Nhưng em, em chả muốn thiên hạ xì xào về em, cho nên em yêu cầu ông ấy từ rày không có anh ở nhà thì đừng đến đây nữa. Hình như ông ấy có vẻ hơi méch lòng.

Lơ-xáp ngạc nhiên, hỏi:

- Thế hần ta nói thế nào?

- À! Ông ấy chẳng nói gì nhiều, nhưng em cũng chẳng ưng chút nào, và em yêu cầu hần ông ấy từ nay đừng đến đây nữa. Mình biết đấy, chính ba và mình dắt ông ta đến đây, chứ em có biết gì đâu. Vì thế em sợ em mà cấm cửa ông ấy thì mình giận.

Một niềm vui mừng cảm kích lừa vào trái tim anh chồng:

- Em làm như thế là tốt, tốt lắm. Mà anh còn phải cảm ơn em nữa kia.

Cô ả, muốn giải quyết rành mạch quan hệ giữa hai người đàn ông mà cô đã tính toán từ trước, liền nói tiếp: "Ở sở, mình cứ tảng lờ đi như không biết chuyện gì cả, mà mình vẫn cứ chuyện trò với hần như trước, chỉ có một điều là từ nay hần đừng vác mặt đến đây nữa".

Thế là Lơ-xáp, âu yếm ôm vợ vào lòng, hôn hít một thôi một hồi cả vào mắt lẫn má. Hắn nhắc đi nhắc lại: "Mình thật là một nàng tiên!... Mình thật là một nàng tiên!" Và hắn cảm thấy chạm vào bụng mình cái bướu của đứa bé trong lòng mẹ nó đã to rồi.

## VIII

Không có việc gì xảy ra cho đến ngày sinh nở.

Vào những ngày cuối tháng chín, Cô-ra đẻ một đứa con gái. Người ta đặt tên cho nó là Đê-di-rê<sup>(1)</sup>, vì muốn làm lễ rửa tội thật long trọng, cho nên họ quyết định hoãn lễ đó đến mùa hè năm sau, và sẽ làm ở biệt thự mà họ sắp tậu.

Biệt thự đó ở vùng Át-nhe, trên ngọn đồi nhìn xuống sông Xen.

Có những việc quan trọng xảy ra trong mùa đông. Món gia tài vừa lĩnh được thì Ca-sơ-lanh xin về hưu, đơn được chấp nhận ngay và lão ta từ giã cơ quan. Để qua thì giờ nhàn rỗi, lão dùng một chiếc cửa máy

---

(1) *Đê-di-rê* (*Désirée*) có nghĩa là ước mong (N. D.).



nhỏ để cưa những nắp hộp đựng xì gà. Rồi lão ghép thành những hộp đồng hồ, tráp nhỏ, chậu giồng hoa, đủ các thứ đồ đặc tủa mún kỳ quặc. Lão ta say sưa với công việc đó kể từ cái ngày lão hứng lên sau khi bắt gặp một người bán hàng rong biến chế những mảnh gỗ như vậy ở đại lộ Nhà hát lớn. Và ngày nào mọi người cũng phải ngắm những mẫu vẽ mới của lão ta, cầu kỳ mà trẻ con.

Chính bản thân lão cũng thán phục công trình của mình, và luôn mồm: "Thì ra con người ta có thể làm được những cái phi thường thật!".

Viên phó chủ sự Ra-bô rồi cũng chết đi, và Lơ-xáp đảm nhiệm công việc của ông ta, tuy chưa được nhận chức đó, là vì chưa đủ thâm niên kể từ ngày anh ta được thăng trật lần trước.

Cô-ra liên đó đã trở thành một người đàn bà khác hẳn, điềm đạm hơn, lịch sự hơn, là vì chị ta đã nhận rõ, đoán chừng, đánh hơi được tất cả những thay đổi cần thiết khi người ta trở nên phú quý.

Nhân dịp đầu năm, chị ta đến thăm bà sắp, một bà to béo, tuy sống ở Pa-ri đã ba mươi năm năm mà vẫn giữ vẻ quê mùa. Và chị giờ hết tài làm duyên và cảm dỗ ra để dè nghị bà kia đỡ đầu cho con gái,

đến nỗi bà Toóc-sơ-bốp phải nhận lời. Về phía đàn ông thì có ông ngoại đưa bé, tức Ca-sơ-lanh, đỡ đầu.

Lễ rửa tội cử hành vào một ngày chủ nhật rực rỡ tháng sáu. Toàn thể cơ quan được mời đến, trừ có anh chàng Ma-dơ đẹp trai, mà người ta không thấy mặt đâu nữa.

Vào quãng chín giờ sáng, Lơ-xáp đã ở ga chờ chuyến tàu Pa-ri đến, và một gã tiểu đồng, mặc quần áo có dấu có những chiếc khuy vàng to tướng, giữ cương một chú ngựa to béo mập đóng vào một cỗ xe nhỏ mới toanh.

Cởi xe hoả rít lên ở đằng xa, rồi chiếc đầu máy hiện ra, kéo theo một chuỗi toa, từ đó đổ xuống một lô hành khách.

Ông Toóc-sơ-bốp bước từ một toa hạng nhất xuống, cùng bà vợ quần áo loè loẹt, và từ một toa hạng hai bước xuống Pi-tô-lê và Boát-xen. Người ta không dám mời lão Xa-vông, nhưng người ta đã thoả thuận bố trí làm như ngẫu nhiên bắt gặp lão ta vào quá trưa, rồi được sự đồng ý của ông sếp sẽ kéo lão ta đến ăn.

Lơ-xáp chạy xô đến trước mặt thượng cấp, ông này bước tới, người loắt choắt trong chiếc áo rơ-đanh-gốt, trên ngực nở ra như một bông hoa hồng đỏ chót tẩm huy chương to tướng... Cái đầu to của ông ta, trên chup một chiếc mũ rộng vành, như đè nặng trên tấm thân còm nhom, làm ông ta trông có vẻ một vật kỳ quái; còn bà vợ thì chỉ khẽ kiễng lên đầu ngón chân là đã có thể nhìn thấu đỉnh đầu chồng.

Lê-ô-pôn hớn hờ nghiêng mình, cảm ơn. Anh ta đỡ họ lên xe, rồi chạy lại phía hai bạn đồng sự đi lùi thui đằng sau, bắt tay và xin lỗi vì xe chật quá không chở họ được: "Các bác cứ theo bờ sông mà đi là tới trước cổng nhà đệ: biệt thự Ê-di-rê, nhà thứ tư sau chỗ đường rẽ ngoặt. Nhanh lên nhé".

Rồi, trèo lên xe, anh ta giật cương cho ngựa đi, còn gã tiểu đồng thì nhảy tốt lên chiếc ghế nhỏ sau xe.

Cuộc lễ tiến hành mỹ mãn. Rồi người ta về nhà ăn bữa trưa. Mỗi người đều thấy dưới chiếc khăn ăn một món quà, to nhỏ tùy theo địa vị của từng quan khách. Bà mẹ đỡ đầu nhận được một chiếc xuyên vàng to gộc, ông chồng thì một chiếc ghim cài ca-vát bằng hồng ngọc, Boát-xen một chiếc ví bằng

da Nga, và Pi-tô-lê một chiếc tàu bằng đá bọt thật oách. Người ta nói khéo đấy là em bé Ê-li-rê tặng quà các bạn mới.

Bà Toóc-sơ-bốp, đỏ mặt lên vì bẽn lẽn và hỉ hủ, đeo ngay vào cổ tay mập mạp chiếc vòng bóng nhoáng, còn ông sếp thì vì chiếc ca-vát đen mỏng quá không cài được ghim, liền đính ngay lên ve áo rơ-đanh-gốt, ở dưới huy chương Bắc đẩu bội tinh, làm như một tấm huy chương hạng dưới.

Qua cửa sổ, người ta nhìn ra dòng sông, như một dải băng lớn, ngược lên phía Xuya-rét-nơ, giữa hai bờ có trồng cây. Mặt trời trút ánh sáng xuống mặt nước, làm cho dòng sông như rực lửa. Thoạt đầu bữa ăn thì trịnh trọng, sự có mặt của ông bà Toóc-sơ-bốp làm thành nghiêm trang. Rồi người ta vui lên. Ca-sơ-lanh thả ra những lời bông đùa mắm muối mà lão ta tự thấy có đủ tư cách để nói vì lão giàu có, và mọi người đều cười.

Những lời bông đùa ấy ví bằng ở miệng Pi-tô-lê hay Boát-xen nói ra thì chắc là chương lắm.

Đến lúc dùng đồ nước, người ta ẵm em bé ra cho quan khách hôn. Đứa nhỏ ngập mình trong một mớ đăng-ten trắng như tuyết, nhìn mọi người bằng đôi

mắt xanh, lơ lơ và còn dại, và nó khẽ quay cái đầu mồm mồm trong đó dường như bắt đầu thức dậy một sự chú ý.

Pi-tô-lê, giữa tiếng nói ồn ào, sẽ rí vào tai Boát-xen: "Nó có vẻ một Ma-dét con đấy".

Ngày hôm sau lời nói đó truyền đến tận bộ.

Nhưng đã hai giờ trưa; người ta dùng rượu mùi, rồi Ca-sơ-lanh mới đi xem trang trại và đi dạo trên bờ sông Xen.

Quan khách lũ lượt, như đám rước, kéo từ gian nhà này sang gian khác, từ hầm nhà cho đến vựa thóc, rồi họ thăm vườn, từ cây lớn đến cây con, rồi người ta chia làm hai toán để đi dạo.

Ca-sơ-lanh đi với các bà có phần bị bó buộc, nên kéo Boát-xen và Pi-tô-lê đến các quán cà phê ở bờ sông, còn hai bà Toóc-sơ-bốp và Lơ-xáp thì cùng các đức ông chồng đi ngược theo bờ bên kia, đàn bà tử tế không thể trà trộn với đám người bệ rạc đang rong chơi ngày chủ nhật ở đây.

Các bà bước đi thông thả, trên con đường kéo thuyền, đằng sau là hai người đàn ông nói chuyện nghiêm trang về công việc cơ quan.

Trên sông, những xuồng nhỏ lướt qua, theo đà mái chèo đưa mạnh do những cánh tay để trần của những gã trai trẻ, bắp thịt cuộn lên dưới làn da cháy nắng. Những cô gái bơi ca-nô, ngả lưng trên những tấm da thú đen hay trắng, tay giữ lái, tê mê dưới ánh mặt trời, trên đầu mở ra những chiếc dù đỏ, vàng hay xanh như những bông hoa to lớn rập rờn trên mặt nước. Tiếng người ơi ới từ thuyền nọ sang thuyền kia, gọi nhau, bóp chát lẫn nhau; và đằng xa nữa, tiếng người ồn ào và liên tục của đám đông nghìn nghịt trong những ngày hội.

Từng dãy những người câu cá ngồi không cựa cạy suốt dọc bờ sông; trong khi đó những tay bơi lội gần như trần truồng, đứng trên những thuyền đánh cá nặng, lao đầu xuống nước, rồi lại trèo lên thuyền để lại nháy xuống dòng sông.

Bà Toóc-sơ-bốp, bờ ngõ, đứng nhìn. Cô-ra nói: "Ấy chủ nhật nào cũng thế. Họ làm xấu cả cảnh đẹp nơi này".

Một chiếc ca-nô nhẹ nhàng lướt tới. Hai người đàn bà bơi chèo, có hai gã đàn ông nằm trong thuyền. Một người đàn bà trở về phía bờ sông nói

to: "Này! Này! Các bà lịch sự ơi! Tôi bán một thàng đàn ông đây này, rẻ thôi, có muốn lấy không".

Cô-ra quay ngoắt đi một cách khinh bỉ, khoác lấy tay bà khách nói: "Đứng ở đây cũng chẳng được, mời bà đi thôi. Cái quần ấy sao mà nhơ nhuốc đến thế!".

Và họ bỏ đi. Ông Toóc-sơ-bốp nói với Lơ-xáp: "Đồng ý tới ngày mùng một tháng giêng rồi. Ngài giám đốc đã hứa hẳn với tôi như thế".

Và Lơ-xáp trả lời: "Bẩm ông sếp, tôi không biết nói thế nào để cảm ơn ông".

Về đến nhà, họ thấy Ca-sơ-lanh, Pi-tô-lê và Boát-xen đang vừa cười ngặt nghẹo vừa như khiêng lão Xa-vông lên và họ nói đùa rằng đã bắt gặp lão ta ở trên bờ sông đi với một gái điếm.

Lão già hoảng hốt la lên: "Không phải; không, không phải. Ông Ca-sơ-lanh ơi, đừng nói thế, không tốt".

Và Ca-sơ-lanh, sắc súa, thét lên: "Thôi! Cái lão cuội già này! Lão chẳng gọi nó: "Cô mình yêu quý của tôi ơi" là gì. Thôi! Chúng tôi tóm được rồi, lão dê già ơi!"

Lão già cứ giã nảy lên, làm cho các bà cũng phải phì cười.

Ca-sơ-lanh lại nói: "Nếu ông Toóc-sơ-bốp cho phép, chúng tôi xin nhốt lão ấy lại ở đây để phạt, và đến tối xin cho lão ấy được cùng ăn".

Ông sắp tán thành một cách rộng lượng. Và người ta tiếp tục nói đùa về cái mũ bị lão già kia bỏ rơi, lão ta cứ chối đây đấy, ầm ục vì chuyện bông đùa tai ác.

Cứ thế cho đến chiều tối, cả một đề tài không bao giờ cạn để người ta nói bóng gió, thậm chí đi đến cả những chuyện tiếu lâm.

Cô-ra và bà Toóc-sơ-bốp ngồi dưới chiếc lều vải căng trên thềm hè, nhìn ánh chiều tà. Mặt trời ném vào lá cây một đám bụi hồng. Không một gợn gió làm chuyển cành cây; một bầu không khí thanh bình, vô biên, toả xuống từ nền trời rực rỡ và êm ả.

Vài chiếc thuyền con lướt qua thông thả đi về bên đố.

Cô-ra hỏi: "Hình như ông cụ Xa-vông tội nghiệp lấy phải một mụ vợ tệ hại lắm phải không?"



Bà Toóc-sơ-bốp, thông tỏ hết mọi chuyện ở sở, trả lời: "Vâng, một gái mồ côi, ít tuổi hơn ông ấy nhiều lắm; cô ả có ngoại tình với một gã hư hỏng và rồi trốn đi với hắn". Rồi bà to béo ấy nói thêm: "Tôi bảo là một gã hư hỏng, nhưng tôi cũng chẳng biết rõ nữa. Người ta bảo chúng yêu nhau lắm. Dù sao thì lão Xa-vông cũng chẳng có duyên gì".

Bà Lơ-xáp nghiêm nghị nói: "Chẳng phải vì thế mà tha thứ họ được. Ông cụ thật tội nghiệp. Cái ông láng giềng nhà tôi là ông Bác-bu cũng ở trong trường hợp như thế. Mụ vợ phải lòng một anh họa sĩ họa siếc gì đó, anh ta cứ mùa hè là đến ở đây, rồi cuộc mụ ta theo anh chàng ra ngoại quốc. Tôi không hiểu làm sao một người đàn bà lại có thể đồn đến thế được. Theo ý tôi, cần phải có một sự trừng phạt đặc biệt đối với những quân khôn nạn như thế, nó làm điếm nhục cả gia thanh".

Ở đầu lối đi, vú em ẵm tới bé Ê-dê-rê nằm trong mớ đăng-ten. Dứa trẻ đến với hai bà, hồng hào trong ánh mây vàng đỏ buổi chiều tà. Nó nhìn bầu trời rực lửa cũng bằng con mắt xanh nhờ, ngây dại và mơ hồ như khi nó nhìn mặt mọi người.

Những người đang nói chuyện đằng xa đều bước tới; và Ca-sơ-lanh bỗng lấy cháu, nâng cao như muốn đưa lên tận mây xanh. Đứa bé nổi lên trên nền trời sáng với chiếc áo dài trắng rủ xuống chấm đất.

Và ông ngoại nó kêu lên: "Đây là cái gì quý nhất trên đời, có phải không, bác Xa-vông?".

Nhưng lão già làm thinh vì không biết nói gì, hay có lẽ vì lão nghĩ miên man đến bao nhiêu chuyện.

Một đứa ở mở cửa ra thềm, báo tin: "Bẩm bà, bàn ăn dọn rồi ạ".

TRỌNG ĐỨC dịch

## BOA-TEN

*Tặng Rolert Pinchon*

Lão Boa-ten chuyên nghề làm những công việc dơ bẩn trong cả vùng này. Mỗi lần người ta cần dọn một cầu tiêu, một chuồng phân, một hồ chứa nước bẩn, khơi một cái cống một hồ bùn nào đó, thì người ta tìm đến lão.

Lão ta đến, mang theo những dụng cụ của nghề hót phân, chân lê một đôi guốc cáu bẩn, và lão vừa làm vừa luôn mồm than vãn về cái nghề của mình. Khi người ta hỏi thế tại sao lão đã chọn cái nghề dơ bẩn đó, thì lão trả lời một cách nhẫn nhục rằng:

- Chà, vì phải nuôi đàn con. Nghề này kiếm ra tiền hơn cả.

Quả thật lão ta có mười bốn con. Nếu người ta hỏi thăm đàn con của lão nay ra sao, thì lão hồ hững trả lời:

- Còn tám đứa ở nhà. Một đứa tòng quân và năm đứa đã lấy vợ lấy chồng.

Khi người ta muốn biết chúng lấy vợ lấy chồng có vui vẻ không, thì lão hăm hờ đáp:

- Tôi là không có ngăn cản chúng. Tôi không ngăn cản chúng một tý gì cả. Chúng lấy vợ lấy chồng thế nào, mặc ý chúng. Về cái thích của con người ta là không có nên cưỡng ép, như thế sẽ không hay. Tôi có phải làm nghề hót phân này cũng chỉ vì bố mẹ tôi đã ngăn cản ý thích của tôi. Nếu không thì tôi cũng đã làm thợ, đường hoàng, như ai.

Sau đây là câu chuyện bố mẹ lão đã ngăn cản cái ý thích của lão như thế nào.

Khi xưa, bấy giờ hần còn là lính tại ngũ, đóng ở Ha-vrơ, người không đến nổi đụt hơn ai, mà cũng chẳng tinh khôn hơn ai, có phần chất phác. Những thì giờ nhàn rỗi, cái thích thú nhất của hần là dạo chơi ngoài bến tàu, ở đó có những hàng bán chim tụ tập. Khi một mình, khi cùng một người đồng hương, hần đi thong thả dọc theo dãy những lồng chim. Có những con vẹt lưng xanh đầu vàng của miền A-ma-dôn, những con vẹt lưng xám đầu đỏ của xứ Xê-nê-gan, những con vẹt dài đuôi to lớn có vẻ chim nuôi trong nhà kính, với bộ lông hoa hoét,

những chùm lông tua, lông mào, những con vẹt đủ các loại to nhỏ hình như do một đấng tạo hoá làm nghề tiêu họa nào tô màu một cách tinh vi, và những giống chim nhỏ, nhỏ xíu, nhảy nhót, màu đỏ, màu vàng, màu xanh lơ và sặc sỡ. Chúng hoà tiếng hót với tiếng động trên bến, cùng với tiếng những tàu dờ hàng âm âm, tiếng người qua lại và xe cộ, gây thành một sự ồn ào dữ dội, inh tai, riu rít, âm ĩ của một khu rừng xa xôi và lạ lùng.

Boa-ten dừng lại, mắt giương to, mồm há hốc; hớn hở và nhe răng cười với những con vẹt có mào bị nhốt; chúng xòe màu trắng hay vàng ra hoan nghênh màu đỏ chói trên chiếc quần và bộ khoá đồng ở chiếc thắt lưng của anh lính. Khi bắt gặp một con chim biết nói thì hấn hỏi chuyện, và, nếu hôm đó con vật lại vui lòng bắt chuyện và đối đáp với hấn, thế là cả ngày hấn phởn phơ thoải lòng lắm. Hấn cũng lấy làm khoái trá được ngắm những con khi, và tưởng tượng đối với một người giàu thì không gì sang trọng bằng nuôi những con vật đó như ta nuôi mèo và chó vậy. Cái sở thích đó, cái tính ưa của lạ ngoại lai đó, hấn sẵn có ở trong máu như người ta thích đi săn, thích làm nghề thuốc hay thích

tu hành. Mỗi khi cửa trại mở là hắn không thể nhịn đi dạo ngoài bên được, dường như có một sự thèm khát nào thu hút hắn.

Thế rồi có một lần, hắn dừng chân ngây ngất trước một con anh vũ quái dị đang xù lông, nghiêng mình xuống rồi lại đứng thẳng lên, kiểu như nó làm lễ triều kiến theo phong tục xứ sở loài vẹt. Vừa lúc đó hắn thấy cửa một hiệu cà phê nhỏ tiếp giáp với ngôi hàng bán chim mở ra, và xuất hiện một cô gái người da đen, đầu trùm một chiếc khăn quàng đỏ, đang quét những nút chai và bụi từ trong nhà ra phố.

Lập tức Boa-ten từ con vật chuyển sang chú ý một phần tới cô gái, và thật sự khó mà nói được giữa hai vật ấy hắn ngắm vật nào một cách ngỡ ngàng và thích thú hơn.

Cô gái da đen quét xong rác ra ngoài thì ngẩng mặt lên, và đến lượt cô ta choáng mắt trước bộ quân phục của anh lính. Nàng đứng ngây người ra trước chàng, cái chổi nằm trong tay như bông súng chào, trong khi đó con anh vũ vẫn tiếp tục làm lễ triều kiến. Nhưng anh lính chẳng mấy lúc thấy ngượng

vì sự chú ý của cô nàng, và anh ta bỏ đi, bước chân thong thả để khỏi lộ ra vẻ rút lui.

Nhưng rồi hắn trở lại. Hầu như ngày nào hắn cũng đi qua trước cửa hiệu Cà-phê Thuộc-địa, và qua cửa kính hắn thường nhìn thấy cô gái da đen phục vụ các thủy thủ ở bên uống bia hay rượu mạnh. Còn cô ta thì thường khi thoáng thấy hắn là đi ra ngoài cửa, rồi chẳng bao lâu, dù chưa bao giờ nói với nhau một lời, họ đã mỉm cười với nhau như người quen vậy. Riêng Boa-ten cảm thấy quả tim hồi hộp mỗi khi chợt nhìn thấy giữa hai làn môi xăm của cô gái chồi lợi hàng răng trắng. Rồi một hôm hắn bước vào hiệu và rất ngạc nhiên thấy cô gái da đen cũng nói tiếng Pháp như mọi người. Cô ta nhận cùng uống với hắn một cốc nước chanh, làm cho mãi mãi trong trí nhớ của anh lính còn giữ cái hương vị nước chanh ngon tuyệt. Thế là hắn đâm ra quen thói đến hiệu cà-phê nhỏ ngoài bến để uống đủ các thứ nước ngọt tùy theo túi tiền của hắn.

Đối với hắn là cả một niềm vui, một hạnh phúc mà hắn luôn luôn mơ tưởng, mỗi khi được trông thấy bàn tay đen của cô hầu bàn rót các thứ vào cốc của hắn, trong khi đó rằng cô ta nhe ra cười, sáng hơn

cả đôi mắt. Sau hai tháng gặp gỡ, họ trở thành đôi bạn chí thiết, và Boa-ten, lúc đầu ngạc nhiên thấy cô gái da đen ấy tâm hồn cũng chất phác hiền hậu chẳng khác gì những thiếu nữ ở quê hương mình, thấy cô ta cũng cần kiệm, ngoan đạo và nét na, dần ra càng thêm yêu, yêu mê mết đến mức muốn lấy cô ta.

Hắn ngỡ ý đó với cô làm cô ta nhảy lên vì vui mừng. Vả chẳng cô ta cũng có ít vốn liếng do một bà bán sò để lại cho, bà này đã đem cô về nuôi khi một viên thuyền trưởng người Mỹ bỏ cô lại ở bến Ha-vơ. Cô gái bấy giờ còn là một đứa bé sáu tuổi, viên thuyền trưởng đã tìm thấy nó nằm trên những kiện bông trên hầm tàu vài giờ sau khi tàu rời bến Nữu-ước. Đến Ha-vơ viên thuyền trưởng đem con vật bé nhỏ đen đũi đó mà không biết kẻ nào đã giấu ở trong tàu, trao cho bà bán sò, bà này động lòng thương nhận về nuôi. Bà bán sò chết đi, cô gái da đen trở thành người hầu bàn ở hiệu Cà-phê Thuộc địa.

Boa-ten nói thêm với cô gái:



- Chúng mình sẽ lấy nhau, nếu thầy bu tôi bằng lòng, tôi chẳng bao giờ làm trái ý thầy bu cả, em ạ! Nay mai về quê, tôi sẽ ngỏ ý với hai cụ.

Quả nhiên tuân lễ sau được phép nghỉ hai mươi bốn giờ, hấn về gia đình, nhà làm ruộng ở một trại nhỏ thuộc Tuốc-tơ-vi, gần Y-vơ-tô.

Hấn đợi sau bữa cơm, lúc uống cà phê pha rượu ngà ngà làm cho con người ta cõi mở, để báo tin cho bố mẹ hấn đã tìm ra một cô gái hoàn toàn hợp với sở thích của hấn, hợp về đủ mọi mặt đến nỗi trên trần này không thể tìm đâu ra một người đàn bà hợp với hấn như thế.

Hai ông bà lão nghe nói thế thì đâm ra dè dặt và hỏi gặng để hấn nói rõ thêm. Thật ra hấn cũng chẳng giấu giếm điều gì, trừ cái màu da của cô gái.

Cô ta làm hầu bàn, không có vốn liếng gì nhiều, nhưng đảm đang, tần tiện, sạch sẽ, nét na, lại thêm lanh lợi. Tính nét như thế, thật đáng giá hơn là tiền bạc ở trong tay một người nội trợ hư hỏng. Của đáng tội cô ta cũng có ít vốn, do một người mẹ nuôi để lại, cũng khá, ngon ngọt một món hồi môn nhỏ, nghìn rưởi quan gửi ở quỹ tiết kiệm. Hai ông bà lão bị hấn thuyết phục, vả cũng tin ở sự đánh giá của

con trai, dần dần ngả ý. Vừa lúc đó thì hắn nói đến cái điểm gay go nhất. Hắn cười hơi có vẻ gượng và nói:

- Chỉ có một điều chẳng biết có vừa ý thầy bu không. Chả là cô ta không được trắng lắm.

Hai cụ không hiểu và hắn phải giải thích một cách dài dòng, rào đón trước sau để hai cụ khỏi sinh ác cảm, rằng cô ta thuộc về giống người da đen mà các cụ chỉ nhìn thấy trên tranh vẽ.

Thế là hai cụ đâm lo lắng, hoang mang, sợ hãi, dường như hắn xin kết duyên với yêu tinh.

Bà mẹ nói:

- Đen à? Đen nhiều hay ít? Chỗ nào cũng đen thế à?

Hắn đáp:

- Đúng thế đấy. Chỗ nào cũng thế, thì như bu chỗ nào mà không trắng!

Ông bố hỏi lại:

- Đen à? Đen có bằng tròn nôi không?

Anh con đáp:

- Có lẽ kém một tí! Đen thì đen thật, nhưng không đến nỗi ghê người đâu. Thì chiếc áo dài đen của cha xứ đen như thế, nhưng nó có xấu hơn chiếc áo lễ trắng của cha đâu.

Ông bố hỏi:

- Ở nước nó còn có ai đen hơn nó không?

Anh con ra về hiểu biết kêu lên:

- Chắc có.

Nhưng ông lão lắc đầu:

- Thế thì khó coi lắm nhỉ.

Anh con:

- Cũng như mọi người thôi, chẳng có gì là khó coi, chỉ vài bữa là quen mắt thôi mà.

Bà mẹ hỏi:

- Da với dẻ thế mà lại không làm bẩn thêm quần áo ra à?

- Không, cũng như da của bu ấy, đã gọi là màu da mà lại.

Hỏi đi hỏi lại mãi, mọi người thoả thuận rằng hai cụ hãy đợi trông thấy cô gái thế nào đã rồi mới quyết định sau. Còn anh con trai thì trong tháng

tối, mãn hạn lính, sẽ đưa cô ta về nhà để mọi người xem mặt và xét xem cô ta có đen quá không, và có thể về làm dâu họ Boa-ten được không.

Thế là Boa-ten báo tin đúng ngày chủ nhật 22 tháng năm, ngày hết hạn lính, hấn sẽ về Tuốc-tơ-vi với cô bạn thân của hấn.

Để về thăm bố mẹ người yêu, cô nàng đánh bộ quần áo đẹp nhất và sắc sỡ nhất, nổi lên các màu vàng, màu đỏ và xanh lơ, khiến cho cô ta có vẻ trang hoàng trong một ngày quốc khánh.

Ở nhà ga từ Ha-vơ đi, người ta nhìn cô nhiều lắm, và Boa-ten lấy làm hãnh diện được khoác tay đi cùng một nhân vật mà thiên hạ chú ý đến thế. Rồi, trong toa xe lửa hạng ba, nơi hai anh chị cùng ngồi, cô gái làm cho các bác nông dân kinh ngạc đến nỗi những người ở toa bên cạnh đứng cả lên ghé nhòm qua phía trên vách gỗ ngăn toa để xem cô ta. Một đứa trẻ trông thấy cô sợ thét lên, một đứa khác chúi mặt vào váy mẹ.

Tuy vậy mọi sự đều yên lành cho đến ga tới. Nhưng khi gần đến Y-vơ-tô, tàu đi chậm lại, thì

Boa-ten thấy dấm dút như anh lính không thuộc lý luận lúc vào khảo sát. Rồi, nhô người qua cửa sổ, hắn nhận ra ở đằng xa ông bố đang nắm cương con ngựa kéo chiếc xe, và bà mẹ đến chờ tận bên hàng rào chắn người.

Hắn xuống xe trước, giơ tay lên đỡ cô bạn thân và người ngay ngắn như đi hộ vệ một ông tướng, hắn đi về phía người nhà.

Bà mẹ chợt nhìn thấy cái bà da đen mặc loè loẹt ấy sánh vai cùng với con trai, thì thất kinh đến nỗi không há được mồm ra nữa, và ông bố thì ra sức kìm con ngựa nó cứ lồng lên vì sợ cái đầu máy xe lửa hay sợ cô gái da đen. Nhưng Boa-ten bỗng quỳnh lên mừng rỡ vì gặp bố mẹ, hắn nhảy xổ đến, dang tay ôm hôn mẹ, hôn bố mặc cho con ngựa sợ hãi. Và rồi, quay về phía cô bạn mà mọi người qua lại đều lạ lùng dừng lại để xem, hắn phân bua:

- Đây cô ta đây! Tôi đã bảo thầy bu rằng mới nhìn thì cô ta cũng hơi khó coi đấy, nhưng khi đã biết rõ cô ta thì thật là trần đời không có gì đáng yêu hơn. Thầy bu hỏi cô ta đi một tí cho cô ta khỏi ngượng.

Bà mẹ Boa-ten hoảng sợ như người mất hồn, lập tức nghiêng mình làm điệu chào, còn ông bố thì cất cái mũ lưỡi trai lên, miệng lẩm bẩm: "Xin chào cô về chơi". Rồi người ta vội vã trèo lên xe, hai người đàn bà ngồi đằng sau, trên những chiếc ghế dựa cú nẩy bắn người lên mỗi khi đường xóc, hai người đàn ông ngồi ở chiếc ghế dài nhỏ phía trước.

Không ai nói điều gì cả. Boa-ten lo lắng, huyết sáo miệng theo một điệu nhà binh, ông bố ra roi quất ngựa, còn bà mẹ thì cứ lăm lét đưa mắt nhìn trộm cô gái da đen, vàng trán và hai gò má cô ta lấp loáng dưới ánh nắng như những đôi giày đánh xi bóng nhoáng.

Để phá tan bầu không khí lạnh nhạt, Boa-ten quay lại hỏi:

- Thế nào, sao không nói chuyện đi?
- Cũng phải có thời giờ để làm quen, - bà lão trả lời.

Hắn lại nói:

- Thôi, bu kể cho cô ta nghe cái chuyện con gà của bu đẻ tám trứng đi.

Đó là một câu chuyện buồn cười thường kể trong gia đình. Nhưng bà mẹ vẫn im lặng vì bị xúc động, cho nên hần đành tự kể lấy câu chuyện, vừa kể vừa cười như nắc nẻ. Ông bố cũng thuộc lòng câu chuyện nên vừa nghe đã tươi hân mặt lên; bà mẹ chẳng bao lâu cũng cười theo, mà ngay cả cô gái da đen mỗi khi nghe kể đến đoạn ngộ nghĩnh nhất cũng phá ra cười, một chuỗi cười ồn ào, cuồn cuộn, như thác đổ, đến nỗi con ngựa bị kích thích phóng lên một hồi.

Thế là họ quen nhau, và chuyện trò.

Vừa về tới nhà, mọi người xuống xe; sau khi hần đưa cô bạn thân vào buồng cởi áo ngoài để cô ta đi nấu một món ăn ngon lấy lòng hai ông bà cụ, hần liền kéo bố mẹ ra cửa để hỏi, tìm hần đập mạnh:

- Thế nào, thầy bu bảo sao?

Ông bố im lặng. Bả mẹ, mạnh dạn hơn, tuyên bố:

- Phải cái nó đen quá! Không, thật đấy, đen quá lắm. Tao cứ rợn cả người lên thế này này.

- Rồi mẹ sẽ quen đi, - Boa-ten nói:

- Ừ có nhê thế, nhưng cứ như bây giờ thì chịu thôi.

Họ quay vào trong nhà, và bà lão thấy cô gái da đen nấu bếp thì cảm động. Thế là bà cũng giúp một tay, vẩy xắt lên, nhanh nhẩu mặc dầu tuổi tác.

Bữa cơm ngon, kéo dài, vui vẻ. Sau đó, khi mọi người cùng đi dạo quanh làng thì Boa-ten kéo bỏ ra hòi riêng:

- Thế nào thầy, thầy bảo sao?

Ông lão không bao giờ muốn lòi thoi đến mình.

- Tao chẳng có ý kiến gì sất. Hòi bu mày ấy.

Thế là Boa-ten lại chạy tới mẹ kéo lại đằng sau:

- Thế nào bu, bu bảo sao?

- Con ơi, nó đen quá thật. Của đáng tội, chỉ bớt đi một tí là tao chẳng phản đối đâu, nhưng đen quá. Trông cứ như quỷ dạ xoa ấy!

Hắn ta không gắng thêm một lời, vốn biết tính bà lão rất ương ngạnh, nhưng tự nhiên hắn cảm thấy nổi buồn phiền như cơn bão tràn ập vào lòng. Hắn đã tìm đủ mọi cách, bày ra đủ mọi thứ, mà lạ làm sao là cô gái vẫn không chinh phục nổi hai ông bà lão như trước kia cô đã làm cho hắn ta xiêu lòng. Cả bốn người đi thông thả qua những thửa ruộng, ai nấy lại dần dần im lặng. Khi họ đi tới chỗ dọc



theo một hàng rào thì những nông dân ở đâu hiện ra bên giậu, lũ trẻ nhái leo lên bờ đường, tất cả đổ xô ra đường cái để xem cô "đầm đen" mà cu cậu Boa-ten dẫn ở đâu về. Đàng xa nhiều người chạy tắt qua đồng tới như mỗi lần có tiếng trống khua lên để quảng cáo những con vật kỳ lạ. Hai ông bà lão Boa-ten thấy bọn mình đi đến đâu là gieo rắc thêm sự tò mò trong dân xóm đến đấy thì đâm hoảng, vội rào cản đi trước, cách thật xa anh con trai, bấy giờ cô bạn đang hỏi hấn xem bố mẹ nghĩ thế nào về mình.

Hấn ngập ngừng trả lời rằng hai cụ chưa quyết định gì cả.

Nhưng khi họ đi đến nơi công cộng của xã thì ở đâu ào ào đổ tới tất cả mọi nhà. Thấy quần chúng tụ tập càng ngày càng đông, hai ông bà lão Boa-ten bỏ chạy trốn về nhà, còn anh chàng Boa-ten thì cúi tiết lên, khoác tay cô bạn yêu, đường hoàng tiến bước trước những con mắt trố ra vì kinh ngạc.

Hấn ta hiểu rằng thôi thế là hết, không còn hy vọng gì nữa, không thể kết hôn với cô gái da đen của mình được; cô ta cũng hiểu như thế; và cả hai cùng oà lên khóc khi về gần tới trại. Về đến nhà,

cô ta lại cởi áo ra giúp việc bà mẹ; cô ta theo sát bà khắp mọi chỗ, nơi vắt sữa, chuồng bò, chuồng gà, giành lấy phần lớn công việc để làm, luôn mồm đơn đả: "Bà để con làm cho, bà ạ", đến nỗi tới đến bà lão, cảm động nhưng lòng vẫn không chuyển, nói với con trai:

- Của đáng tội, con bé cũng ngoan đấy. Chỉ phiền một nỗi là sao nó đen thế, thật đấy, đen quá. Tao không làm sao quen được đâu, thôi để cho nó về, nó đen quá!

Rồi Boa-ten nói với cô bạn thân yêu:

- Bu không bằng lòng, bu thấy em đen quá. Thôi đành quay về vậy. Tôi sẽ đưa em ra tận ga. Mặc dầu vậy, em đừng ngã lòng. Khi nào em đi rồi, tôi sẽ nói lại với thầy bu.

Thế là hần tiễn cô gái ra ga, khuyên cô cứ hy vọng. Sau khi ôm hôn bạn, hần đỡ cô lên toa rồi nhìn theo con tàu chạy ra xa, mắt nhòa nước mắt.

Hần hết sức van xin bố mẹ nhưng không được, không đời nào hai ông bà lão bằng lòng.

Và rồi mỗi khi kể xong câu chuyện trên đây mà tất cả mọi người trong vùng ai cũng biết, Boa-ten nói thêm:

- Từ đó trở đi tôi chẳng còn thiết đến một cái gì nữa. Tôi không để tâm được vào một nghề nào cả, và ngày nay tôi trở thành một anh hót phân.

Người ta bảo hắn:

- Nhưng rồi anh vẫn lấy vợ kia mà.

- Đúng thế, mà tôi cũng chẳng có thể bảo rằng tôi không ưng vợ tôi vì tôi đã có với mẹ ấy mười bốn con. Nhưng dù sao mẹ ấy cũng không phải là cô kia, không phải, không! Cô kia, anh biết không, cô gái da đen của tôi, cô ta chỉ nhìn tôi một cái là tâm hồn tôi lên mây...

*TRONG ĐÚC dịch*

## MỘT ĐỨA CON

*Tặng René Maizeroy*

Đôi bạn già dạo chơi trong vườn nở đầy hoa, giặt giào sức sống giữa mùa xuân vui tươi.

Một người là thượng nghị viên, còn người kia là viện sĩ Hàn lâm viện Pháp, cả hai đều đạo mạo, có đầy đủ lý luận rất hợp lý và trình trọng, vì họ là những nhân vật tai mắt và có danh tiếng.

Mới đầu họ mạn đàm về chính trị, trao đổi ý kiến, không phải về những khái niệm, mà là về những con người, ở địa hạt này những nhân vật xưa nay thường át cả lý trí. Rồi họ nhắc lại vài chuyện cũ; rồi họ im lặng, tiếp tục đi bên cạnh nhau, người đâm ra uỷ mị trong tiết trời ẩm áp.

Một bồn hoa đình hương to toả ra những làn hương ngọt ngào và tế nhị; đủ các thứ hoa muôn hồng nghìn tía ngát thơm trong gió nhẹ; một cây mun già, phủ đầy những chùm hoa vàng, tung ra trước gió làn phấn mịn, một làn bụi vàng thoảng hơi mật và mang theo trong không trung mầm giống

cây hương ngát, như các loại phấn dụ thơm ở nhà hàng nước hoa.

Viên thượng nghị sĩ dùng chân, hít làn phấn hoa nhuần nhị, phấp phới, ngấm nghĩa cái cây đa tình, rực rỡ như một vùng mặt trời, đang tung giống bay đi. Và ông ta nói: "Có khi nào ta nghĩ rằng những phân tử li ti, thơm tho này đi gây mầm sống cách đây hàng trăm dặm, đi khuấy động những thớ thịt và những dòng nhựa của những cây cái, và làm mọc lên loài cây cỏ, nó cũng từ một cái mầm mà sinh ra như chúng ta, sẽ chết đi như chúng ta, và sẽ được những vật đồng loại thay thế, cũng lại như chúng ta".

Rồi, đứng ngây người trước cây mun rạng rỡ đang thả theo từng cơn gió những làn hương gieo mầm sống, Ngài thượng nghị sĩ nói thêm: "À! Anh chàng mun này, nếu anh phải tính toán số con anh đẻ ra thì khá lúng túng đấy. Đây quả là một gã đẻ con ra dễ dàng và bỏ rơi chúng không hồi hận, và chẳng bận tâm chút nào".

Viên hàn lâm nói xen vào: "Chúng ta cũng làm như thế đấy, ông bạn ạ".

Viên nghị sĩ lại nói: "Vâng, tôi không chối cãi điều đó, đôi khi chúng ta cũng bỏ rơi con cái để ra, nhưng ít ra chúng ta cũng biết rõ điều đó, và chính vì vậy mà chúng ta hơn muôn vật".

Nhưng viên hàn lâm lắc đầu: "Không, tôi không muốn nói thế; này, bác nghĩ xem, không có một người đàn ông nào mà không có những đứa con hoang, cũng gọi là những đứa con không bố, mà họ đẻ ra, như cây kia, hầu như vô ý thức.

Nếu phải làm con tính về số đàn bà đã cùng chúng ta chung chạ, thì phải chăng chúng ta cũng sẽ lúng túng như cây mun mà bác chất ván kia, nếu nó phải tính số con cháu của nó.

Từ mười tám cho chí đến bốn mươi tuổi, kể cả những cuộc gặp gỡ chốc lát, những cuộc đụng chạm một tiếng đồng hồ, có thể công nhận rằng chúng ta đã... ân ái với hàng hai ba trăm người đàn bà.

Thế thì, ông bạn ơi, trong số đó, ông có chắc rằng ông đã không làm cho có mang ít ra là một người, và ông đã không ném ra trên vỉa hè, hay trong nhà tù, một thằng con vô lại nó ăn trộm và giết hại những người lương thiện, tức là chúng ta; hoặc giả lại là một đứa con gái sống trong một xó bất thiện

nào, hay có thể, may mắn mà mẹ nó bỏ rơi thì nó đi làm con đĩ cho một gia đình nào đó.

Bác lại nên nhớ rằng hầu hết những người đàn bà mà chúng ta gọi là *gái điếm* đều có một hay hai đứa con mà không biết bố nó là ai, những đứa con lượm được ngẫu nhiên trong những cuộc ái ân đáng mười hay hai mươi quan. Trong nghề nào thì người ta cũng tính lỗ lãi cả. Những đứa con ấy là những "món lỗ" trong nghề của họ. Còn những kẻ gieo giống kia là ai? - Là bác, - là tôi, - tất cả chúng ta, những người gọi là *tử tế* đấy! Đó là kết quả của những bữa tiệc chén chú chén anh, của những đêm hoan lạc, của những giờ phút mà xác thịt chúng ta phê phỡn đẩy chúng ta đến những cuộc giao hoan tình cờ.

Những quân ăn trộm, quân du đảng, tất cả những kẻ cùng khốn, rút cục đều là con chúng ta. Mà như thế còn may cho chúng ta hơn là chúng ta lại làm con cái bọn chúng, bởi vì cái bọn khốn kiếp ấy chúng cũng sinh con đẻ cái đấy!

Đây này, riêng tôi, trong lương tâm tôi còn ghi một câu chuyện xấu xa mà tôi xin kể bác nghe. Đối với tôi, đây là một điều ân hận suốt đời, hơn thế

nữa, đây là một mối hồ nghi dai dẳng, một điều ngờ vực khôn nguôi, đôi khi nó day dứt tôi thấm hại.

Năm tôi hai mươi nhăm tuổi, tôi với một người bạn, nay làm uỷ viên Tham chính viện, cùng đi bộ đến thăm vùng Bơ-rơ-ta-nhơ.

Sau mười lăm, hai mươi ngày đi cật lực, sau khi thăm vùng bờ biển phía Bắc và một phần vùng Fi-nít-te, chúng tôi tới Du-ắc-nê; từ đó đi một chặng xuyên qua vùng Tử-vong thì đến mũi Ra-dơ hoang vu, và chúng tôi ngủ lại một làng nào đó tên có vần ộp ở cuối; nhưng, sáng ra bạn tôi bị một cơn mệt đến liệt giường. Tôi nói giường đây là vì thói quen, chứ thực ra chỗ ngủ của chúng tôi chỉ vền vện là hai ổ rơm.

Không thể ốm ở nơi này được. Tôi dựng bạn tôi dậy đi, và chúng tôi cố tới được Ô-điéc vào khoảng bốn năm giờ chiều.

Hôm sau anh bạn đã đỡ một chút; chúng tôi lại đi; nhưng giữa đường anh ta lại khó ở không chịu được nữa, và gắng gượng lắm chúng tôi mới tới được Pông-la-bê.



Ở đây ít ra cũng có một quán trọ của chúng tôi. Anh bạn tôi nằm liệt giường và thầy thuốc, mời tận Quanh-pe đến, khám thấy anh bị sốt nặng, nhưng không tìm ra căn bệnh gì.

Bác có biết Pông-la-bê không? - Không - Thì đây, nó là cái thành phố có tính chất bơ-rơ-ton nhất của cả xứ Bơ-rơ-ta-nhơ rất bơ-rơ-ton, đi từ mũi Ra-dơ đến Moóc-bi-hăng, các địa phương chứa chất tinh hoa của những phong tục, tập quán, truyền kỳ bơ-rơ-ton ấy. Đến ngày nay cũng còn như vậy, góc đất nước ấy hầu như không thay đổi gì. Tôi nói: ngày nay còn thế là vì hiện giờ, ngao ngán thay! năm nào tôi cũng trở lại đó.

Một toà lâu đài cổ với những tháp canh dầm chân trong một hồ nước lớn, buồn buồn, từng đàn chim rừng bay qua. Một dòng sông con ăn vào đó, mà thuyền bè có thể ngược dòng lên đến thành phố. Và trong những phố xá chật chội, với những nhà cũ kỹ, những người đàn ông đội thứ mũ to, mặc áo nịt thêu và một bộ bốn áo cánh trùm lên nhau: chiếc thứ nhất to bằng bàn tay, vừa đủ che xương bả vai, và chiếc cuối cùng thì vừa chấm đũng quần.

Những cô gái, cao lớn, đẹp, tươi, ngực bó trong một chiếc áo nịt bằng dạ siết chặt như một thứ áo giáp, không còn thấy đâu bộ vú nở nang bị đầy đoạ của họ; và đầu các cô đội một thứ mũ kỳ quặc; trên thái dương hai mảnh vải thêu màu đóng khung lấy bộ mặt, bó lấy đám tóc để xoà sau gáy, rồi vắn ngược lên thành búi ở đỉnh đầu, trên đội một chiếc mũ nôi đặc biệt, thường dệt bằng kim tuyến hay ngân tuyến.

Cô hầu ở quán trọ của chúng tôi tuổi không quá mười tám, đôi mắt đến là xanh; một màu xanh lơ nhạt chấm giữa là hai điểm đen nhỏ của con người; và hai hàm răng ngắn mà mau, luôn luôn hé ra để cười, dường như có thể nghiền được cả đá nữa.

Cô ta không biết lấy một tiếng Pháp, chỉ toàn nói tiếng bơ-rơ-ton, như phần đông những người đồng hương.

Bấy giờ anh bạn tôi vẫn chưa đỡ và, mặc dầu chưa dò thấy triệu chứng bệnh tật gì, thầy thuốc cũng cấm không cho đi vội, bắt phải nghỉ ngơi hoàn toàn. Thế là tôi suốt ngày ở bên cạnh anh, và cô hầu ít tuổi luôn luôn vào buồng, hoặc mang thức ăn cho tôi, hoặc mang thuốc uống.

Tôi chòng ghẹo cô, hình như cô lấy làm thích, nhưng chúng tôi chẳng trò chuyện gì với nhau, tất nhiên, vì ngôn ngữ bất đồng.

Thế rồi một đêm thức quá khuya bên cạnh người ốm, khi trở về buồng tôi bắt gặp cô gái nhỏ đang đi về buồng cô. Vừa đứng ở trước cửa buồng tôi để ngủ; thế là, đột nhiên, chẳng nghĩ gì đến việc mình làm, để đùa nghịch chứ không có ý gì khác, tôi ôm chầm lấy cô, và khi cô chưa kịp hoàn hồn thì tôi đã ấn cô nhót vào buồng. Cô nhìn tôi, ngơ ngác, cuống cuống, kinh hãi, không dám kêu lên vì sợ tai tiếng, trước hết là sợ chủ thể nào cũng đuổi đi, và có lẽ rồi đến bố cũng đuổi nốt.

Tôi vừa làm như vậy vừa cười; nhưng khi cô ta đã ở trong buồng thì lòng thêm muốn chiếm đoạt người con gái nổi dậy trong người tôi. Rồi là một cuộc vật lộn kéo dài và lặng lẽ, một cuộc đánh vật, như kiểu các đô vật, tay vươn ra, co lại, xoắn lấy nhau, hơi thở hồng hộc, mình đầm mồ hôi. Chà! Cô ta cầm cự thật là dũng cảm; và thỉnh thoảng va phải một đồ đạc, một chiếc ghế, hay va vào bức vách, thế là, cứ ôm chặt lấy nhau, chúng tôi ngừng lại một lát không cựa quậy, sợ gây tiếng động làm người

ta thức dậy, sau đó lại tiếp tục giao chiến kịch liệt, tôi thì tấn công, cô nàng thì chống cự.

Cuối cùng mệt nhoài, cô ta ngã lăn ra; và tôi chiếm lấy cô một cách tàn bạo, ngay dưới đất, trên sàn lát.

Vừa trở dậy, cô thoát chạy ra cửa, mở then và trốn mất.

Những ngày hôm sau hoạ hoàn lắm tôi mới gặp cô ta. Cô không để cho tôi đến gần. Rồi, đến khi bạn tôi khỏi bệnh và chúng tôi phải tiếp tục ra đi thì, đêm trước ngày tôi khởi hành, quãng nửa đêm, tôi thấy cô đi chân không, mặc áo lót mình, bước vào buồng tôi vừa lúc tôi trở về buồng.

Cô ta nhảy xổ vào tay tôi, ghì chặt lấy tôi một cách đấm đuôi, rồi cho đến tận sáng cô vuốt ve, ôm ấp tôi, vừa khóc lóc nức nở, vừa tìm mọi cách để tỏ với tôi mối tình âu yếm và tuyệt vọng, vì cô ta không nói cùng một thứ tiếng với tôi.

Tám ngày sau, tôi đã quên hẳn câu chuyện thường tình ấy, nó vẫn hay xảy ra trong những chuyến đi du lịch, những cô hầu gái ở các quán trọ

nói chung là để cho khách đi đường tiêu khiển như vậy.

Và ba mươi năm liền, tôi không hề nghĩ tới chuyện đó và cũng không trở lại Pông-la-bê lần nào.

Thế rồi, năm 1876, tình cờ tôi quay lại chốn cũ trong một cuộc đi thăm Bơ-rơ-ta-nhơ để lấy tài liệu cho một cuốn sách và để thâm nhập cảnh vật miền này.

Tôi dường như không thấy gì thay đổi. Toà lâu đài vẫn dầm chân tường màu xám trong nước hồ, ở phía đi vào thành phố nhỏ; và ngôi quán trọ vẫn y nguyên, tuy có sửa sang, sắp đặt lại cho có vẻ tân thời hơn. Khi tôi bước vào thì hai cô gái Bơ-rơ-ton chừng mười tám tuổi ra tiếp, các cô trông xinh tươi, ngực bó chặt trong chiếc áo nịt da chặt, đầu đội mũ ngân tuyến với những mảnh vải thêu lớn úp trên tai.

Lúc đó vào quãng sáu giờ chiều. Tôi ngồi vào bàn để ăn và trông thấy người chủ quán hỏi hỏi hỏ tự mình ra phục vụ thì, ầu cũng là điều định mệnh, tôi buột miệng hỏi: "Ông có biết những chủ cũ của ngôi nhà này không? Cách đây ba mươi năm tôi đã có lần ở trọ đây mười ngày. Câu chuyện đã lâu lắm rồi".

Anh ta trả lời: "Thưa ngài, đó là bố mẹ tôi".

Thế là tôi kể lại nhân dịp nào tôi đã dừng chân ở đây, vì người bạn ôm tôi phải ở lại đây ra sao. Anh ta không để tôi nói hết.

- Ô! Tôi nhớ rõ lắm. Hồi ấy tôi mới mười lăm, mười sáu tuổi. Ngài ngủ ở phòng đằng cuối kia, còn bạn ngài nằm ở trong phòng liền đường phố, bây giờ tôi dùng làm buồng riêng.

Đến lúc đó tôi mới chợt nhớ lại rõ nét cô hầu năm xưa. Tôi hỏi: "Ông có nhớ một cô hầu bé nhỏ, xinh xắn mà cụ nhà ta nuôi, và, nếu tôi không nhớ lầm, thì cô ta có đôi mắt đẹp và những hàm răng tươi tắn?".

Anh ta đáp: "Thưa ngài, có; chị ấy đã chết ít lâu sau khi ở cũ".

Và giờ tay ra phía ngoài sân, chỉ vào một gã gầy còm và thọt chân đang đánh phân, anh ta nói thêm: "Con trai chị ấy kia kìa".

Tôi liền cười: "Hắn chẳng đẹp và chẳng giống mẹ tí nào. Chắc hẳn giống bố đấy nhỉ".

Người chủ quán nói: "Có lẽ thế; nhưng chẳng ai biết bố hắn là ai cả. Chị ta chết đi không giới giãng

điều gì, mà ở đây cũng chẳng ai thấy có anh chàng nào tán tỉnh chị ấy cả. Khi nghe nói chị ta có mang thì mọi người đều lấy làm lạ. Không ai tin là thật".

Tôi thấy rợn mình khó chịu; một cái gì nhoi nhói tâm can như sắp xảy cơn phiền muộn nào nề. Và tôi nhìn gã đàn ông ngoài sân. Bấy giờ hắn vừa múc nước cho ngựa xong, tay xách hai thùng nước vừa đi khập khiễng, chân thọt bước đi đau đớn. Hắn mặc rách rưới, bần thiêu đến ghê tởm, với bộ tóc dài màu vàng, rối chẳng chít đến nổi xoa xuống hai bên má như những sợi thừng.

Người chủ quán nói thêm: "Hắn chẳng được tích sự gì cả, giữ hắn ở trong nhà làm phúc đấy thôi. Có nhẽ nếu được dạy dỗ như mọi người thì hắn cũng không đến nỗi nào như thế. Nhưng, ngài tính, không bố, không mẹ, không tiền! Bố mẹ tôi cũng thương nó lúc nó còn bé đấy, nhưng, ngài còn lạ gì, dù sao cũng không phải là con đẻ dứt ruột ra".

Tôi không nói gì cả.

Và tôi lại ngủ ở gian buồng năm xưa; suốt đêm tôi vừa nghĩ đến tên bồi ngựa thảm hại kia vừa luôn luôn tự hỏi: "Nó là con mình thật thì sao? Té ra

mình đã giết cô con gái kia và để ra con người đó thật chẳng?" Có thể lắm chứ!

Tôi quyết định hỏi chuyện hắn để biết rõ ngày sinh tháng đẻ của hắn. Chỉ chênh lệch hai tháng là đủ làm cho tôi hết nghi ngờ.

Hôm sau tôi cho gọi hắn đến. Nhưng hắn cũng không nói tiếng Pháp nốt. Mà theo lời một cô hầu hỏi hộ tôi, hắn có vẻ cũng chẳng hiểu gì cả, tuyệt nhiên không biết mình bao nhiêu tuổi. Và hắn đứng trước mặt tôi với vẻ ngu ngốc, vo tròn cái mũ trong những bàn tay thô lỗ và bẩn thỉu, cười một cách đần độn, có cái gì như trong nụ cười của mẹ nó ngày xưa, ở kẻ môi và ở khoé mắt.

Nhưng người chủ quán chợt đến, và đi tìm giấy khai sinh của gã khốn nạn. Hắn ra đời tám tháng và hai mươi sáu ngày sau khi tôi rời Pông-la-bê đi, vì tôi nhớ rõ là tôi đến Lo-ri-ăng ngày 15 tháng Tám. Từ khai sinh có ghi rõ: "Bố vô danh". Mẹ tên là Gian Ke-ra-đéc.

Thế là tim tôi đập rộn lên. Tôi không nói nữa vì nghẹn ngào quá; và tôi nhìn con ngợm kia với những mảng tóc vàng giống như một mớ phân, tươm hơn cả phân súc vật; gã khốn nạn đó thấy tôi nhìn thì dâm



ngượng, thôi không cười nữa, ngoắt đầu, tìm cách lãng đi.

Suốt ngày tôi vừa lang thang theo dọc bờ sông con vừa suy nghĩ đau đớn. Nhưng suy nghĩ mà làm gì? Không có cái gì làm cho tôi quyết định được. Hàng giờ, hàng giờ tôi cân nhắc tất cả mọi lý lẽ, đúng hay sai, phải hay trái, xem tôi có phải là bố tên ấy không, tôi phát điên lên với những giả định rồi như bong bong để rồi vẫn trở lại mỗi ngò vực ghê gớm, di chí đi tới sự yên trí cay đắng hơn, đích thằng đó là con tôi.

Buổi tối tôi không ăn được và lui về buồng. Trần trọc lâu lắm không ngủ được, rồi khi chợp mắt thì toàn những mê sảng kinh người. Tôi mơ thấy thằng mất dạy kia cười vào tận mũi tôi, gọi tôi "Ba ơi"; rồi nó biến thành con chó đến cắn vào bắp chân tôi, và nó đuổi tôi không chạy đâu thoát, và nó không sủa mà lại nói, chửi rửa tôi; rồi nó ra trình trước các đồng nghiệp tôi ở Hàn lâm viện, họ họp để quyết định xem tôi có phải là bố nó không; và một đồng viện kêu lên: "Thôi đích xác rồi! Các vị nhìn xem nó giống ông ta như đúc". Và quả thật tôi nhận thấy thằng quái kia giống tôi thật. Và tôi tỉnh dậy với ý

niệm đó ăn sâu trong óc, với ý muốn điên cuồng nhìn lại gã kia để xem thử chúng tôi có những nét giống nhau thật hay không.

Tôi đuổi theo kịp hắn, trong khi hắn đang đi lễ nhà thờ (hôm đó là ngày chủ nhật) và tôi vừa đưa cho hắn một đồng bạc vừa nhìn chòng chọc vào mặt hắn một cách lo lắng. Hắn lại cười một cách góm ghê, cầm lấy tiền, rồi cũng lại đâm ngượng vì tôi nhìn, hắn bỏ chạy sau khi áp úng một tiếng nghe không rõ, chắc có nghĩa là "cảm ơn".

Cả ngày hôm đó tôi vẫn phiền muộn không kém gì đêm hôm trước. Tôi đến, tôi cho gọi người chủ quán tới, và bằng đủ mọi cách đón trước rào sau, khôn khéo tinh vi, tôi nói với anh ta rằng tôi để ý đến gã đáng thương kia, hắn bị bỏ rơi và thiếu thốn đủ mọi thứ, và tôi muốn làm cách nào để giúp đỡ hắn.

Nhưng người chủ quán đáp lại: "Ồ! thưa ngài, xin ngài chớ nghĩ đến điều đó, thằng ấy nó chẳng ra gì đâu, ngài sẽ chỉ thêm bực mình vì hắn thôi. Tôi, tôi dùng hắn để quét chuồng ngựa, hắn chỉ làm được đến thế là cùng. Tôi nuôi hắn chỉ để làm việc đó và hắn ngủ với đàn ngựa. Không nên cho hắn gì

hơn. Nếu ngài có chiếc quần áo cũ nào thì cho hần, nhưng chỉ dăm bữa là rách tan thôi”.

Tôi không nói gặng thêm điều gì, có ý sẽ định liệu sau.

Tôi hôm đó thành khốn nạn kia về nhà say bí tỉ, suýt nữa thì nó đốt cháy nhà, nó lấy cuộc bỏ một con ngựa chỉ chết, rồi cuối cùng lăn ra ngủ trên một đồng bùn, phơi mưa, tất cả chỉ vì món tiền tôi cho hần.

Hôm sau người ta đề nghị tôi từ rày đừng cho hần tiền nữa. Rượu mạnh làm hần nổi cuồng, và hễ có vài xu trong túi là hần đi uống rượu. Người chủ quán nói thêm: "Cho hần tiền là muốn giết hần". Gã ấy chưa bao giờ có tiền cả, tuyệt nhiên chưa, trừ một vài đồng chinh mà khách đi đường ném cho hần, và hần không biết dùng mấy đồng tiền đó làm gì khác hơn là vào quán rượu.

Thế là tôi ngồi hàng giờ trong buồng, với một quyển sách để mở trước mặt tưởng như để đọc, nhưng thực tình là chỉ để ngắm nhìn thẳng ngơ mĩa, nó là con tôi! con tôi! vừa cố tìm xem nó có chỗ nào giống tôi không. Cứ để ý tìm mãi thì rồi tôi cũng

như nhận ra những nét hao hao giống ở trán, ở cuống mũi, và chẳng mấy lúc tôi tin chắc rằng có chỗ giống nhau mà người ta không nhận ra chỉ vì cách ăn mặc khác nhau và vì cái bờm tóc ghê tởm của gã kia.

Nhưng nếu tôi ở lại mãi đây thì người ta đâm nghi ngờ, cho nên tôi ra đi, lòng tan nát, sau khi để lại cho người chủ quán ít tiền để nhờ anh ta làm cho tên đầy tớ kia đỡ khổ.

Cứ thế, từ sáu năm trời nay, tôi sống với nỗi tâm tư đó, tình trạng ngờ vực ghê gớm đó, mỗi hồ nghi tai ác đó. Và cứ hàng năm, một sức mạnh không cưỡng nổi kéo tôi trở lại Pông-ba-bê. Mỗi năm tôi tự đẩy đoạ mình phải chịu cái hình phạt là nhìn con ngợm kia ngập ngựa trong chuồng phân của hấn, là tưởng tượng rằng hấn giống tôi, là tìm hết cách cứu giúp hấn mà đều vô hiệu quả. Và mỗi năm tôi trở lại đây, lòng càng thêm do dự, càng thêm ray rứt, càng thêm phiền não.

Tôi đã thử cho hấn học hành. Hấn ngu đần đến vô hy vọng.

Tôi đã thử làm cho cuộc đời hắn đỡ vất vả. Hắn nghiện rượu không phương cứu chữa, và tiêu tiền ta cho hắn, để uống rượu, và hắn lại biết cả cách bán quần áo mới đi để mua rượu.

Tôi đã gọi lòng thương của ông chủ hắn, luôn luôn đưa tiền cho họ để họ chăm nom hắn. Người chủ quán, rút cục lấy làm lạ, đã trả lời tôi một cách rất có lý: "Thưa ngài, ngài làm như thế chỉ tổ làm hại hắn. Cần phải giữ hắn như một thằng tù. Hễ được rảnh rang hay được no ấm là hắn sinh ra làm bậy. Nếu ngài muốn làm phúc thì thiết nghĩ không thiếu gì trẻ con vô thừa nhận, nhưng ngài nên chọn lấy một đứa nào xứng đáng với công phu của ngài".

Biết trả lời sao?

Và nếu tôi để nảy ra một sự nghi ngờ về những nỗi băn khoăn đang giày vò tôi, thì gã ngu xuẩn kia chắc chắn sẽ đâm ra lấu cá mà lợi dụng tôi, làm liên lụy đến tôi, làm hại tôi. Hắn sẽ gọi tôi, tướng lên: "Ba ơi", như trong giấc mộng bữa nào.

Và tôi thầm nghĩ rằng tôi đã giết người mẹ và làm hại gã bất thành nhân kia, nó như con ròi chuồng ngựa, nở ra và lớn lên trong đồng phân, con

người đó nếu được nuôi dạy như mọi người thì cũng sẽ như ai.

Và bác không thể hình dung được cái cảm giác kỳ quái, hỗn độn và ê chề ở tôi khi đứng trước hấn mà lòng nghĩ rằng kẻ đó từ trong tôi mà ra, rằng sợi dây cốt nhục cha con gắn bó hấn với tôi, rằng những quy luật di truyền ghê gớm đã khiến về đủ mọi mặt, về máu mủ, về xương thịt, hấn với tôi là một, và hấn mang trong mình cả những mầm mống bệnh tật cho chí những men dục vọng như tôi.

Và luôn luôn, một nhu cầu xót xa, không bao giờ nguôi thôi thúc tôi phải nhìn thấy hấn đánh phân và chuyển phân vừa luôn luôn nhắc thầm: "Con tôi đấy".

Và đôi khi, tôi cảm thấy hết sức thèm muốn ôm lấy hấn. Tôi thật ra chưa bao giờ đụng đến cả bàn tay ghê tởm của hấn".

Ông viện sĩ hàn lâm ngừng lời. Và bạn của ông ta, nhà chính trị, lẩm bẩm: "Ừ, thật đấy, chúng ta phải chăm sóc hơn chút nữa đến lũ trẻ không bố".

Và một làn gió thổi qua rung động những chùm hoa vàng của cây mun, tung ra một đám bụi hương

thơm mịn, bao bọc lấy hai ông già, họ hít thở hàng  
thôi dài.

Và viên thượng nghị sĩ nói thêm: "Thật là thú vị  
cái tuổi hai mươi năm, cho đến cả lối đi con ra  
như vậy".

*TRONG ĐÚC dịch*

## TRỞ VỀ

Sóng bề quất vào bờ từng đợt ngắn và một điệu đều đều. Gió cuốn những mảnh mây trắng nhỏ bay vùn vụt như những cánh chim qua khoảng trời xanh lơ, mênh mông: làng xóm, trong một nếp thung lũng nhỏ thoải thoải ra biển, đang sưởi ấm dưới ánh mặt trời.

Ngay ở lối vào làng, ngôi nhà của gia đình Mác-tanh - Lê-vét-cơ trơ trọi ở bên đường... Đó là một nhà nhỏ của dân đánh cá, tường đất thó, mái gianh trên trùm những đám hoa i-rít xanh lơ. Trước cửa, một mảnh vườn nhỏ bằng chiếc khăn tay, trong đó trồng hành, vài cây bắp cải, rau mùi tây, xéc-phơ. Chung quanh là một hàng rào chạy dọc theo đường cái.

Người chồng đi biển, và vợ, ở trước nhà, đang sửa măt một tấm lưới nâu lớn, căng trên tường như một mạng nhện bao la. Một đứa con gái nhỏ mười bốn tuổi, ở cửa vườn, ngồi trên một chiếc ghế nhồi rơm ngả về phía sau vá quần áo, quần áo nhà nghèo, đã vá, dúi chằng chịt. Một đứa con gái khác, kém



một tuổi, bông trong tay một đứa nhỏ tí ti, còn chưa biết nói năng và cử chỉ; hai đứa nhai độ lên hai lên ba, phệt đít xuống đất, chúi mũi lại, những bàn tay vụng về đang chơi làm vườn và hất từng vốc cát vào mặt nhau.

Không ai nói gì cả. Duy có đứa nhỏ mà người ta cố ru ngủ thì cứ khóc liên hồi, tiếng yếu ớt và the the. Một con mèo ngủ trên cửa sổ; và những cây đinh hương hoa nở ở chân tường thành một chòm trắng đẹp, một đàn ong vo ve chung quanh.

Đứa con gái nhỏ đang khâu gần cửa bông gọi:

- Mẹ!

Người mẹ đáp:

- Cái gì thế?

- Hấn lại tới kia kìa.

Từ sáng đến giờ, mấy mẹ con lo lắng, vì có một người đàn ông cứ rình mò chung quanh nhà: một lão già có vẻ nghèo khổ. Họ thấy hắn ta khi tiễn người bố ra thuyền để đi biển. Hắn ngồi bên cái rãnh ở trước cổng. Rồi khi ở bãi biển về, họ vẫn thấy hắn ngồi nguyên đấy, và cứ nhìn vào nhà.

Hắn trông như ốm và khổ cực lắm. Hắn ngồi yên không chuyển hơn một tiếng đồng hồ; rồi, thấy người ta coi mình như một kẻ gian phi thì hắn đứng dậy và lê chân bỏ đi.

Nhưng chẳng mấy lúc lại thấy hắn trở lại, bước đi chậm chạp và mệt nhọc; rồi hắn lại ngồi xuống, lần này xa hơn một chút, như để dò dẫm gì họ.

Người mẹ và những đứa con gái nhỏ sợ hãi. Nhất là người mẹ thì cứ nơm nớp vì tính vốn rút rút, mà ông chồng thì mãi đến chập tối mới đi về.

Chồng mẹ tên là Lê-vét-cơ; mẹ thì người ta gọi là Mác-tanh, và người ta cứ gọi chung họ là nhà Mác-tanh - Lê-vét-cơ. Đầu đuôi như thế này: chị ta đời chồng trước lấy một người thủy thủ tên là Mác-tanh, anh này mùa hè năm nào cũng đi đánh cá thu ở Téc-nơ-vơ.

Lấy chồng được hai năm thì chị đẻ một đứa con gái nhỏ, và đến khi chị lại có mang được sáu tháng thì chiếc tàu Đơ Sơ chở chồng chị, một loại tàu ba cột buồm ở Đi-ép, bỗng mất tích.

Từ đó người ta không bao giờ nhận được tin tức gì về chiếc tàu đó nữa; không một thủy thủ nào làm

trên tàu trở về; rút cục người ta coi nó như mất tích cả người lẫn của.

Chị Mác-tanh chờ chồng trong mười năm, vất vả lắm mới nuôi nổi hai đứa con; rồi, vì chị ta đảm đang và tốt nết cho nên một anh dân chài trong vùng là Lê-vét-cơ, goá vợ và có một đứa con trai, hỏi cưới chị. Chị lấy anh ta và trong ba năm lại đẻ thêm hai đứa nữa.

Họ sống vất vả, cần cù. Bánh thì đắt, mà thịt thì hầu như xa lạ đối với nhà này. Đôi khi, mùa đông, trong những tháng gió bão, họ lại mắc nợ người hàng bánh. Nhưng may những đứa trẻ đều khoẻ mạnh. Người ta thường bàn tán:

- Nhà Mác-tanh - Lê-vét-cơ rõ là đảm đang. Mụ Mác-tanh thì chịu thương chịu khó, mà lão Lê-vét-cơ đi biển thì chẳng ai bằng.

Đứa con gái nhỏ ngồi bên hàng rào lại nói:

- Hình như hẳn quen biết nhà ta. Hay lại là người nghèo đói nào ở Ep-rê-vi hay ở Ô-dơ-bóc.

Nhưng người mẹ thì không lắm được. Không, không, đích không phải là người ở vùng này!

Thấy lão kia cứ ngồi ỳ như cây gỗ, mà lại cứ nhất định giương mắt ra nhìn vào nhà mình, mẹ Mác-tanh nổi giận, và, sợ quá hoá liều, mẹ vác một cái xẻng ra trước cửa.

- Này, anh làm gì ở đây? - mẹ thét hỏi tên du đãng.

Hắn đáp bằng một giọng khàn khàn:

- Tôi hóng mát, chứ làm gì! Tôi có làm gì đến nhà chị đâu?

Mẹ lại nói:

- Tại sao anh cứ rình mò trước cửa nhà tôi?

Hắn cãi lại:

- Tôi chẳng làm hại đến ai cả. Thế ngồi ở đường cái cũng cấm à?

Không biết trả lời thế nào, mẹ đành quay vào nhà.

Ngày như kéo dài. Quãng trưa, gà kia biến mất. Nhưng khoảng năm giờ chiều, hắn lại đi qua. Đến tối thì không thấy hắn đâu cả.

Quá tới Lê-vét-cơ mới về nhà. Nghe kể chuyện lại thì anh ta kết luận:

- Chắc lại một đứa tinh quái, ma mãnh nào đấy.

Và anh thân nhiên đi ngủ, còn mẹ vợ thì cứ nghĩ ngợi đến tên du đảng kia, sao nó lại nhìn mẹ bằng con mắt quái lạ.

Sáng ra, trời gió to không đi biển được, bác thủy thủ cùng vợ đem lưới ra vá.

Khoảng chín giờ, đứa con gái lớn, con riêng chị Mác-tanh, đi mua bánh chạy về, nét mặt hốt hoảng và kêu lên:

- Mẹ ơi, hấn lại đến kia kìa.

Mẹ ta xúc động, mặt tái đi, bảo chồng:

- Nhà nó ra hỏi hấn xem thế nào, bảo hấn đừng có rình mò nữa, chẳng có tội cứ lộn máu lên thế này này.

Thế là Lê-vét-cơ, một tay thủy thủ to lớn, nước da màu gạch, râu rậm và đỏ, mắt xanh có chấm đen, cổ vạm vỡ lúc nào cũng quấn khăn vì sợ mưa gió ngoài khơi, thân nhiên bước ra và đến gần gã du đảng.

Mấy mẹ con đứng đằng xa nhìn họ, lo lắng và rờn rợn.

Bỗng người lạ mặt đứng lên và cùng với Lê-vét-cơ đi lại phía nhà.

Mụ Mác-tanh hoảng hốt lùi lại. Chồng mụ bảo:

- Lấy cho anh ta một ít bánh và một cốc rượu táo. Hai hôm nay anh ta chưa ăn gì cả.

Và cả hai người bước vào nhà, mụ vợ và các con theo sau. Gã du đãng ngồi xuống ăn, đầu cúi gằm trước con mắt của mọi người.

Người mẹ đứng nhìn chồng chọc vào mặt hần; hai đứa con gái lớn, con riêng của Mác-tanh, đứng tựa cửa, một đứa bông em bé, cả hai cứ giương mắt thao láo ra nhìn hần; còn hai đứa nhãi ngồi trên đồng tro ở lò sưởi, bỏ không nghịch chiếc nồi đen nữa, dường như cũng để ngắm người lạ mặt.

Lê-vét-cơ kéo ghế ngồi và hỏi:

- Thế ra bác từ xa đến à?
- Từ Xét-tơ.
- Đi bộ à?
- Phải, đi bộ. Không có tiền thì làm thế nào được.
- Thế bác định đi đâu?
- Tôi đến đây.

- Bác có quen biết ai ở đây không?

- Có lẽ có.

Họ im lặng. Gã kia ăn thông thả, tuy đói, và cứ mỗi miếng bánh lại uống một ngụm rượu. Mặt anh ta tiêu tụy, nhăn nheo, hốc hác, và có vẻ đã đau khổ nhiều.

Bông Lê-vét-cơ hỏi:

- Thế tên bác là gì?

Gã kia đáp, mặt vẫn không ngẩng lên:

- Tôi là Mác-tanh.

Người mẹ rợn mình lên một cách quái lạ. Chị ta tiến lên một bước, như để nhìn tận mặt gã du đãng, và đứng ngây ra trước hắn, hai tay buông thõng, mồm há ra. Không ai nói gì nữa. Cuối cùng, Lê-vét-cơ hỏi:

- Bác người ở đây à?

Hắn đáp:

- Tôi người ở đây.

Và hắn vừa ngẩng mặt lên thì, mắt người đàn bà và mắt hắn gặp nhau, nhìn nhau chòng chọc, xoắn xuýt, cứ như ngoặc lấy nhau.

Và chị ta bỗng hỏi, giọng đổi khác, khe khẽ, run run:

- Phải nhà nó đấy ư?

Hắn thông thả đáp:

- Phải, tôi đây.

Hắn không cựa quậy, mồm vẫn nhai bánh.

Lê-vét-cơ, ngạc nhiên hơn là xúc động, lắp bắp:

- Thế ra bác Mác-tanh đấy ư?

Gã kia đáp gọn:

- Phải, tôi đây.

Và anh chồng thứ hai hỏi:

- Thế bác ở tận đâu về kia?

Anh chồng thứ nhất kể:

- Tôi từ bờ bể châu Phi về. Bọn tôi va vào đá ngầm đắm tàu. Ba đứa chúng tôi thoát chết, Pi-ca, Va-ti-nen và tôi. Thế rồi chúng tôi bị bọn mọi đen bắt giữ mười hai năm trời. Pi-ca và Va-ti-nen chết rồi. Một người Anh đi du lịch qua nhận tôi và đưa tôi về Xét-tơ. Và bây giờ tôi về đây.

Chị Mác-tanh oà lên khóc, lấy tạp-dề che mặt.

Lê-vét-cơ tuyên bố:



- Làm thế nào bây giờ?

Mác-tanh hỏi:

- Bác là chồng mẹ ấy phải không?

Lê-vét-cơ đáp:

- Phải, tôi.

Họ nhìn nhau và im lặng.

Thế là Mác-tanh ngấm ngấm những đứa trẻ đứng vòng quanh hắn, hất đầu về phía hai đứa con gái nhỏ.

- Những đứa này là con tôi à?

Lê-vét-cơ nói:

- Phải, con bác đấy.

Hắn ta cũng chẳng đứng dậy, cũng chẳng ôm hôn chúng, hắn chỉ nhận xét:

- Lạy trời, chúng nó lớn thật!

Lê-vét-cơ lại nhắc:

- Làm thế nào?

Mác-tanh phân vân, cũng không biết tính thế nào. Cuối cùng hắn quyết định:

- Tôi ấy à, thôi bác tính sao thì tính. Tôi không muốn để thiệt cho bác. Kể thì cũng có điều ngang

trái, là vì cái nhà. Tôi có hai con, bác có ba, con ai người nấy. Còn mẹ chúng, thuộc về bác hay thuộc về tôi? Thôi thì để tùy ý bác; nhưng còn ngôi nhà, nó thuộc về tôi vì là bố tôi để lại, tôi để ra ở đây, và đã có giấy tờ ở phòng quản lý văn khố.

Chị Mác-tanh vẫn khóc, thút thít trong mảnh tạp-dề. Hai đứa con gái nhón đã lại gần và nhìn bố, về lo sợ.

Hắn đã ăn xong. Đến lượt hắn nói:

- Làm thế nào?

Lê-vét-cơ nẩy ra ý kiến:

- Phải đến nhà linh mục, ông ấy sẽ quyết định.

Mác-tanh đứng dậy, và hắn vừa tiến lại gần vợ thì chị ta lao mình vào ngực hắn, khóc nức nở:

- Bố nó ơi! Mác-tanh anh ơi! Khốn khổ thân anh!

Và chị ôm chầm lấy hắn, lòng bỗng ấm lại hơi ấm xưa kia, tê mê bằng hoàng vớ bao nhiêu kỷ niệm nhắc lại những ngày hai mươi tuổi và những ân ái đầu tiên.

Mác-tanh cũng xúc động, ôm hôn vào mũi chị. Hai đứa bé, trong lò sưởi, đều thét lên khi nghe tiếng mẹ nó khóc, và đứa đẻ cuối cùng, trong tay

con bé Mác-tanh thứ hai, kêu the thé như cái ống sáo lạc điệu.

Lê-vét-cơ đứng đợi, rồi nói:

- Thôi đi, phải làm cho hợp lệ.

Mác-tanh buông vợ ra, và thấy bố nó nhìn hai con gái thì mẹ nó bảo:

- Thế chúng mày hôn bố đi chứ.

Hai đứa cùng bước lại gần, mắt ráo hoảnh, bờ ngõ, hơi rút rút. Thế là hấn lần lượt ôm lấy chúng, hôn vào hai bên má, cái hôn ngượng nghịu của nông dân. Thấy người lạ mặt đến gần, đứa bé tí kêu xé lên, tưởng như bị sai giặt.

Rồi hai người đàn ông cùng ra đi.

Khi qua trước cửa quán rượu Com-méc, Lê-vét-cơ hỏi:

- Hay ta làm cốc đã?

- Phải đấy - Mác-tanh tuyên bố:

Họ bước vào, ngồi trong gian phòng còn vắng.

- Này, bác Si-cô, cho hai cốc rượu mạnh, hảo hạng ấy nhé, bác Mác-tanh bác ấy về đấy, Mác-tanh của

mụ vợ tôi ấy mà, bác biết chứ gì, Mác-tanh ở tàu Đơ Sơ, mất tích ấy mà.

Và bác chủ quán, một tay cầm ba cái cốc, tay kia một bình rượu, bước lại gần, bụng phệ, da căng màu, lặc lè những mỡ, và hỏi một cách thân nhiên:

- Ủa! Mác-tanh, lại về đấy à?

Mác-tanh đáp:

- Tôi về đây!...

*TRỌNG ĐỨC dịch*

## CHÚ GIUYN TÔI

*Tặng Achille Bénouville*

Một ông lão ăn mày râu bạc hỏi xin chúng tôi. Anh bạn tôi là Giô-dép Đa-vơ-răng cho ông cụ một đồng bạc. Tôi lấy làm lạ thì bạn tôi nói:

- Người nghèo khổ này làm tôi nhớ lại một câu chuyện luôn luôn ám ảnh tôi. Tôi kể anh nghe.

Gia đình tôi quê ở Ha-vơ, không lấy gì làm giàu có. Thôi thì xoay xở mà sống. Cha tôi đi làm, ở sở về ngày nào cũng muộn, thế mà kiếm chẳng được bao nhiêu. Tôi có hai chị.

Mẹ tôi rất đau khổ vì túng thiếu, và, đối với chồng, bà luôn luôn lời ra tiếng vào chua chát, riếc móc bóng gió và độc địa. Cha tôi chỉ biết đáp lại bằng một cử chỉ làm tôi rất đau lòng. Ông mở bàn tay đưa lên xoa trán dù không có mồ hôi, và không nói năng gì cả. Tôi cảm thấy nỗi đau xót bất lực của ông. Nhà tôi ăn tiêu phải dè xẻn đủ thứ; chúng tôi không bao giờ dám nhận lời ai mời đi ăn, chỉ sợ phải trả nợ miệng; chúng tôi đi mua thực phẩm bán hạ

giá, mua vét các thức ế ẩm ở các cửa hàng. Các chị tôi tự may lấy áo và bàn bạc rất lâu về giá ren chỉ đáng năm xu một thước. Bữa ăn hàng ngày là xúp mận và thịt bò, nấu quanh quẩn đủ các kiểu. Ăn như thế có lẽ cũng lành và bổ đấy, nhưng tôi thì lại ưng món khác.

Mỗi lần áo tôi mất cúc hay quần bị rách, là người ta làm tình làm tội tôi đến khổ.

Nhưng cứ đến ngày chủ nhật là cả nhà tôi lại thắp quần áo chỉnh tề đi dạo một vòng ra bến tàu. Cha tôi bận chiếc áo lễ phục, đội mũ cao, đeo tất tay, khoác tay mẹ tôi, bà thì trang hoàng như một chiếc tàu ngày hội. Các chị tôi chuẩn bị xong trước nhất và chờ lệnh khởi hành. Nhưng cứ đến lúc cuối cùng là y như rằng, lần nào cũng thế, người ta phát hiện ra một vết bẩn trên chiếc áo lễ của vị gia trưởng, ấy thế là mau mau tìm chiếc giẻ tắm đầu ben-din để chùi cho sạch.

Cha tôi, mũ vẫn đội nguyên trên đầu, mặc trần chiếc áo sơ-mi, chờ người ta chùi áo, còn mẹ tôi thì tất tả, kính cận thị giương lên, tất tay tháo ra cho khỏi bẩn.

Sau đó cả nhà lên đường một cách trịnh trọng. Hai chị tôi khoác tay nhau đi trước. Các chị đã đến tuổi lấy chồng và điều đó được đưa ra phô trương trong thành phố. Tôi đi bên tay trái mẹ tôi, cha tôi đi bên phải. Tôi vẫn còn nhớ lại cái vẻ long trọng của hai ông bà tôi nghiệp trong những buổi đi chơi ngày chủ nhật, với những nét mặt cứng nhắc, đáng điệu nghiêm trang. Hai người tiến bước đường bệ, thân mình thẳng đờ, chân cứng ra, tưởng như có việc gì quan trọng lắm.

Và mỗi chủ nhật, hễ trông thấy những chiếc tàu biển từ nơi xa lạ nào đến cập bến là cha tôi lại lặp lại y nguyên mấy lời:

- Chà! nếu có chú Giuyn trên tàu kia thì may mắn quá!

Chú Giuyn, em của cha tôi, trước kia là mối nguy hại cho gia đình, thì nay lại là nguồn hy vọng duy nhất của gia đình. Hồi tôi còn bé, tôi đã nghe nói đến chú, và vì nghe nói đến nhiều quá mà tôi tưởng như nếu gặp là tôi nhận ra chú ngay. Tôi biết rõ từng chi tiết cuộc đời của chú trước khi chú đi sang Mỹ, tuy mọi người chỉ nói thì thầm về quãng đời này.

Nghe đâu chú tôi tính nết hư hỏng, nghĩa là chú đã xài mất ít tiền, điều đó thật là cái tội nặng nhất đối với những gia đình nghèo. Ở nhà giàu, người ta chơi bời thì là *làm trò khỉ*; bất quá người ta chỉ cười mà gọi là một tay ăn chơi. Nhưng ở nhà nghèo, một anh con trai mà bắt bố mẹ phải xà xẻo vào vốn liếng gia đình thì đó là một đứa nghịch tử, một tên vô lại, một thằng khôn kiếp!

Tuy việc làm không khác gì nhau, nhưng phân biệt như vậy cũng là đúng, vì lỗi nặng hay nhẹ là tùy theo hậu quả của hành động.

Thế là chú Giuyn đã làm hao hụt khá nhiều món gia tài mà cha tôi vẫn hằng mong đợi, sau khi đã ngón hết phần của chú được hưởng.

Theo cách giải quyết thời bấy giờ, người ta liền tống chú sang Mỹ, theo một chiếc tàu buôn chạy đường Ha-vrơ Nữ-ước.

Sang Mỹ, chú Giuyn tôi buôn bán gì không biết, nhưng chỉ ít lâu sau chú viết thư về nói rằng sang đó làm ăn cũng khá, và hy vọng rằng sẽ đền bù lại cho cha tôi sự thiệt hại mà chú đã gây nên. Bức thư làm cho gia đình tôi hết sức cảm động. Nếu trước kia mọi người bảo chú Giuyn chẳng đáng giá lấy



một đồng kẽm, thì nay chú bỗng trở thành một con người nghĩa khí, hào hiệp, đúng là dòng dõi họ Đa-vơ-răng, công minh, chính trực như hết thảy mọi người trong họ Đa-vơ-răng.

Một viên thuyền trưởng lại mách chúng tôi rằng chú Giuyn đã thuê cả một cửa hàng to và buôn bán lớn lắm.

Hai năm sau, một bức thư thứ hai viết về như sau: "Anh Phi-líp thân yêu, em viết thư về để anh yên lòng vì em vẫn khỏe mạnh như thường. Việc làm ăn vẫn khá. Ngày mai em sẽ đi xa, xuống Nam Mỹ. Có lẽ trong vài năm em sẽ không có tin tức gì về nhà. Nếu em không viết được thư, xin anh cũng đừng lo ngại. Khi nào khá giả em sẽ trở về Ha-vơ. Em hy vọng rằng ngày đó cũng không xa, và anh em ta sẽ sống cùng nhau sung sướng..."

Bức thư đó trở thành kinh thánh của gia đình. Thôi thì bất cứ dịp nào người ta cũng đem ra đọc, người ta khoe với tất cả mọi người.

Quả nhiên, trong mười năm trời, không nhận được một tin gì của chú Giuyn cả; nhưng thời gian càng trôi qua, hy vọng của cha tôi lại càng tăng, còn mẹ tôi thì cũng luôn mồm nói:

- Khi nào chú Giuyn quý hoá về đây thì cảnh nhà ta sẽ thay đổi. Chú ấy thế mà lại hoá ra tháo vát!

Và mỗi chủ nhật, hễ thấy từ chân trời tiến đến những con tàu đen to lớn, nhả những làn khói lượn vòng như rắn, là cha tôi thế nào cũng nhắc lại lời nói muôn thuở:

- Chà! nếu có chú Giuyn trên tàu kia thì may mắn quá!

Và người ta tưởng như chú Giuyn ở đâu sắp hiện ra vẫy khăn tay mà gọi lên:

- Anh Phi-líp hời!

Người ta xây dựng đủ mọi dự kiến về cuộc hồi hương cảm chắc đó, người ta dự định lấy tiền của chú em tậu hẳn một ngôi biệt thự nhỏ gần Anh-gu-vi. Tôi ngờ ngờ là cha tôi hình như đã thật sự dăm hỏi việc đó rồi!

Chị cả tôi bây giờ đã hai mươi tám tuổi, chị hai hăm sáu. Các chị vẫn chưa lấy chồng, đó là nỗi phiền muộn cho tất cả mọi người.

Cuối cùng một người hỏi lấy chị hai. Anh ta là một viên chức không giàu, nhưng cũng là chỗ danh

giá. Tôi vẫn đinh ninh rằng bức thư của chú Giuyn, đọc lên một buổi tối nào đó, đã làm cho chàng trẻ tuổi ấy hết phân vân và quyết ý xin cưới.

Người ta vô vậ nhận lời và định rằng sau lễ cưới sẽ tổ chức một cuộc du lịch nhỏ cho cả nhà đi thăm Giéc-xây.

Giéc-xây là nơi du lịch lý tưởng của những người nghèo. Đi không xa, chỉ đáp tàu vượt một đoạn biển là tới đất nước ngoài, vì hòn đảo nhỏ Giéc-xây ấy thuộc nước Anh. Như thế là một người Pháp chỉ sau hai tiếng đồng hồ đi tàu đã có thể tới nơi nhìn tận mắt nhân dân một nước láng giềng, để khảo sát phong tục, thật ra rất tồi bại, của hòn đảo nằm dưới bóng lá cờ Anh quốc, như mọi người vẫn thường nói một cách đơn giản.

Cuộc đi thăm Giéc-xây trở thành mối quan tâm của chúng tôi, một niềm chờ đợi duy nhất, một ước mơ hàng ngày.

Cuối cùng chúng tôi ra đi. Tôi còn nhớ như mới ngày hôm qua: chiếc tàu thủy đốt than nóng, đỗ cạnh bến Gơ-răng-vin; cha tôi hút hải coi người ta chuyển ba món hành lý của chúng tôi xuống tàu; mẹ tôi lo lắng níu lấy tay chị cả tôi, chị ấy từ khi

cô em đi lấy chồng thì như mất hồn, chẳng khác gì một gà con trơ trọi còn lại trong ổ; và đằng sau chúng tôi là đôi vợ chồng mới cưới, họ bao giờ cũng đi tụt lại sau, làm cho tôi luôn luôn ngoái cổ lại nhìn.

Tàu rúc còi. Và con tàu rời bến đi ra xa, trên mặt biển phẳng như chiếc bàn bằng đá hoa xanh. Chúng tôi nhìn lại bờ biển lùi dần, lòng sung sướng và kiêu hãnh như bất cứ người nào ít được đi du lịch.

Cha tôi ưỡn bụng ra trong chiếc áo lễ phục mà hôi sáng người ta đã phải chùi các vết bẩn, cho đến bây giờ vẫn còn thoảng mùi dầu ben-din làm cho tôi nhớ lại những cuộc đi chơi ngày chủ nhật.

Bỗng chốc, cha tôi trông thấy có hai ông đang mời hai bà lịch sự ăn sò. Một lão thủy thủ già, mặc rách rưới, dùng dao nạy vỏ sò đưa hai ông để họ chuyển cho hai bà. Các bà ăn sò một cách yếu điệu, hứng con sò trên chiếc khăn tay mịn màng và đưa mồm ra để khỏi bẩn áo. Rồi thoát một cái họ hút lấy nước và quăng vỏ xuống bể.

Chừng như cha tôi bị cảm dỗ bởi lối ăn sò kiểu cách trên con tàu đang chạy đó. Ông cho như thế

là lịch sự, thanh cao, và ông đến gần mẹ và các chị tôi hỏi:

- Các bà có muốn tôi thết bữa sò không?

Mẹ tôi ngần ngại vì món tiền phải tiêu, nhưng hai chị tôi thì bằng lòng ngay. Mẹ tôi bắt đắc dĩ nói:

- Tôi sợ yếu dạ. Ông cho các con nó ăn, nhưng vừa thôi, chẳng nhớ lại sinh bệnh ra đấy.

Rồi bà quay lại phía tôi nói thêm:

- Còn thằng Giô-dép thì thôi; con trai, đừng có nuông chiều.

Thế là tôi ở lại bên cạnh mẹ, lòng hậm hực vì sự phân biệt bất công đó. Tôi chăm chú nhìn theo, cha tôi đang trình trọng dẫn hai chị tôi và chàng rể đi về phía người thuỷ thủ rách rưới.

Hai bà lịch sự vừa đi khỏi. Cha tôi chỉ dẫn cho các chị tôi cách ăn thế nào để cho nước khỏi chảy ra, rồi, để làm thử, ông vớ lấy một con sò. Ông bắt chước hai bà kia thế nào mà lật đổ cả nước sò lên áo lễ phục làm cho mẹ tôi lấm bầm:

- Cứ ở yên thì không sao.

Nhưng chợt tôi thấy hình như cha tôi lo lắng điều gì; ông lùi xa ra mấy bước, chăm chú ngắm các

con đương vây quanh người bán sò, và đột nhiên, ông trở lại chỗ chúng tôi. Mặt ông tái nhợt đi, con mắt trông lạ lùng. Ông nói nhỏ với mẹ tôi:

- Lạ thật, sao cái lão bán sò kia lại giống hệt chú Giuyn.

Mẹ tôi ngăn người ra hỏi:

- Giuyn nào?

Cha tôi noi:

- Thì chú Giuyn... em nhà ta chứ còn ai... Giả thử không biết rằng chú ấy đang làm ăn khá giả ở bên Mỹ, thì tôi đã tưởng là chú ấy đấy.

Mẹ tôi hốt hoảng nói lấp bắp:

- Ông điên à? Nếu đã biết rõ là không phải chú ấy sao lại còn nói vớ vẩn thế.

Nhưng cha tôi gặng thêm:

- Thì mình lại mà nhìn xem sao, mình thử nhìn tận mắt cho đích xác.

Mẹ tôi đứng dậy đi lại phía con gái. Tôi cũng nhìn người thủy thủ. Ông ta già, nhăn nheo, bần thiêu, mắt vẫn chăm chú vào những con sò.

Mẹ tôi quay trở lại. Tôi thấy người bà run lên. Bà nói rất nhanh:

- Tôi ngờ là chú ấy đấy. Ông thử đi hỏi thăm ông thuyền trưởng xem sao. Nhưng, phải khôn khéo mới được, đừng để cho cái thằng vô lại ấy lại rơi vào tay chúng ta bây giờ đấy.

Thuyền trưởng là một ông người cao lớn, xương xương, râu mép dài, đang đi đi lại lại trên chiếc cầu chỉ huy ra vẻ quan trọng, dường như ông ta điều khiển cả con đường thông thương đi Ấn Độ.

Cha tôi trình trọng tới gặp ông ta, vừa hỏi thăm về nghề nghiệp vừa xen vào những lời tán tụng:

- Giéc-xây quan trọng như thế nào? Có những sản phẩm gì? Dân số bao nhiêu? Phong tục tập quán ra sao? Địa chất. v.v...

Làm như hòn đảo con ấy là cả nước Hoa-kỳ không bằng.

Rồi hai người nói về chiếc tàu chúng tôi đang đi, tên là tàu *Tóc hành*, rồi nói đến thủy thủ trên tàu. Cuối cùng cha tôi giọng lúng túng hỏi:

- Trên tàu ngài có một lão bán sò trông cũng hay hay. Ngài có biết chi tiết gì về lão ta không?

Viên thuyền trưởng đã bực mình vì chuyện đông dài, liền xẵng giọng đáp:

- Nó là một tên du thủ du thực người Pháp mà tôi gặp ở bên Mỹ năm ngoái và mang về đây. Nghe đâu nó có bà con thân thích ở Ha-vơ, nhưng nó không dám quay về vì còn mắc nợ họ. Tên nó là Giuyn... Giuyn Đắc-măng Đắc-miéc gì đó. Nghe nói ở bên kia có lúc nó đã giàu có, nhưng ông xem bây giờ nó ra như thế đây.

Cha tôi mặt tái mét, mắt long lên, cổ họng thắt lại, nói dần từng tiếng:

- À! à! hay lắm..., hay quá... Tôi không lạ chuyện đó... Rất cảm ơn ngài thuyền trưởng.

Và ông bỏ đi, khiến viên thuyền trưởng chưng hửng nhìn theo.

Ông quay lại chỗ mẹ tôi, mặt biến sắc đến nỗi mẹ tôi phải bảo:

- Ông ngồi xuống đi, không có lại lộ chuyện bây giờ.



Cha tôi ngã phịch xuống ghế, miệng lắp bắp:

- Đúng rồi, đích là nó rồi!

Rồi ông hỏi:

- Làm thế nào bây giờ?

Mẹ tôi sấn sổ đáp:

- Bảo lũ trẻ đi ra chỗ khác đi... Thằng Giô-dép nó đã biết chuyện thì đi gọi các chị. Nhất là đừng có để cho con rể nó biết một tí gì.

Cha tôi như rụng rời, lẩm bẩm:

- Thật là tai vạ!

Mẹ tôi bỗng nổi giận, nói thêm:

- Tôi vẫn có ý nghi cái thằng ăn cắp ấy chẳng làm nên trò trống gì đâu, và rồi có ngày nó lại rơi lên lưng mình thôi! Thế mà chả cứ trông mong ở con giai họ Đa-vơ-răng mãi đi!...

Và cha tôi lại đưa tay lên xoa trán như mỗi lần bị mẹ tôi đay nghiến.

Bà lại nói:

- Ông đưa tiền cho thằng Giô-dép nó đi trả tiền sò. Chi còn thiếu nước để cho thằng ăn mày ấy nó nhận ra mình nữa thôi. Như thế thì đẹp mặt ở trên

tàu này lắm đấy. Thôi đi ra đằng đầu kia, làm thế nào cho nó đừng lảng vảng đến gần mình nữa!

Bà đứng dậy, và hai ông bà lảng ra xa, sau khi đưa cho tôi một đồng bạc.

Các chị tôi ngạc nhiên, vì cứ tưởng cha quay lại. Tôi nói hẳn rằng mẹ hơi bị say sòng, và tôi hỏi ông bán sò:

- Hết bao nhiêu tiền, hở ông?

Tôi toan nói: hở chú?

Ông ta đáp:

- Năm hào.

Tôi đưa ông đồng bạc và ông trả lại tiền thừa.

Tôi nhìn bàn tay ông, một bàn tay thâm hại của thủy thủ, dãn dúm cả lại, tôi lại nhìn mặt ông, một bộ mặt già khom và thiếu não, buồn rầu, đau khổ, và tôi nghĩ thầm:

- Đây là chú mình, em của bố, chú mình đây!

Tôi đãi ông ta thêm một hào. Ông cảm ơn:

- Xin giới phù hộ cho cậu, cậu cả ạ!

Giọng của một người nghèo nhận tiền bố thí. Tôi đoán chừng ông đã phải đi ăn xin ở bên kia.

Các chị nhìn tôi, lấy làm lạ thấy tôi rộng rãi như vậy.

Khi tôi trả lại bốn hào cho cha tôi, mẹ tôi ngạc nhiên hỏi:

- Thế mà những sáu hào kia à?... Có lẽ nào?

Tôi rần rồ đáp:

- Con đái thêm cho người ta một hào.

Mẹ tôi giật mình, nhìn vào tận mắt tôi:

- Mày điên à? Đái những một hào cho thằng đó, quân vô lại ấy à!

Bà ngừng nói, vì cha tôi lừ mắt về phía chàng rể làm hiệu.

Rồi mọi người im bật.

Phía trước mặt chúng tôi, một vật tím mờ như từ mặt biển nhô lên ở chân trời. Đó là đảo Giéc-xây.

Khi gần đến bến, lòng tôi rạo rực vì tôi muốn nhìn chú Giuyn tôi một lần nữa, muốn đến bên chú, nói với chú vài lời an ủi, âu yếm.

Nhưng vì không còn ai ăn sò, nên chú ấy đã biến mất, chắc là xuống dưới hầm tàu hôi thối, chỗ ở của con người khổ cực ấy.

Khi trở về, chúng tôi đáp tàu đường Xanh-ma-lô để khỏi gặp lại chú. Mẹ tôi bứt rứt lo ngại.

Từ đó, không bao giờ tôi còn gặp lại người em của cha tôi nữa!

Chính vì thế nên anh cứ thấy đôi khi tôi cho kẻ ăn mày những một đồng bạc.

*TRỌNG ĐỨC dịch*

## MỤ XÔ-VA<sup>(1)</sup>

*Tặng Georges Pouchet*

Đã mười lăm năm tôi không về miền Viéc-lô. Lần đó, vào mùa thu, tôi trở lại nơi này để đi săn, ở nhà người bạn là Xéc-van; một toà lâu đài bị quân Đức tàn phá, mãi sau mới được xây dựng lại.

Tôi yêu cái miền này vô cùng. Trên mặt đất có những nơi phong cảnh kỳ thú đem lại cho con mắt một khoái cảm về giác quan. Người ta yêu những cảnh đó với một mối lưu luyến về thể chất. Chúng ta, những người mà trái đất này cám dỗ, thường giữ những kỷ niệm triu mến đối với những dòng suối, những khu rừng, những mảnh hồ, những ngọn đồi nào đó thường trông thấy luôn và nó đã xúc động lòng ta như những việc vui mừng. Đôi khi cả tâm tư chúng ta trở về với một góc rừng, hay một móm bờ sông, hay một mảnh vườn ăn quả lốm đốm hoa, những nơi đó chỉ thấy có một lần, trong một ngày

---

(1) *Xô-va* (sauvage), là tên đặt riêng, nhưng theo nghĩa chung là: người mọi rợ, ở rừng rú (N.D.)

vui nào đó, thế mà nó ghi mãi trong lòng; chẳng khác gì hình ảnh của những người đàn bà gặp ngoài phố một buổi sớm mùa xuân, với áo quần màu tươi và trong sáng, họ để lại trong tâm hồn ta, xác thịt ta một ước muốn không nguôi, không quên được, cái cảm giác đi sát bên hạnh phúc.

Ở vùng Viéc-lô này, tôi yêu tất cả đồng quê rải rác những cánh rừng nhỏ, ngang dọc những con suối chảy như những mạch máu tươi nuôi cho đất. Trên những dòng suối đó người ta đánh nài tôm, nài cá hương, cá trạch! Hạnh phúc thần kỳ! Trên từng quãng người ta có thể tắm, và người ta thường gặp chim dẽ lủi giữa đám cỏ cao mọc trên bờ những dòng nước mong manh đó.

Tôi đi, nhẹ nhõm như con sơn dương, nhìn hai hai con chó xông xáo ở phía trước. Xéc-van, cách tôi trăm thước phía tay phải đi lùng trong một cánh đồng cỏ linh lăng. Tôi đi vòng quanh những đám bụi rậm ven cánh rừng Xô-đơ, và chợt nhìn thấy một ngôi nhà gianh đồ nát.

Bỗng tôi nhớ lại ngôi nhà đó trước đây, năm 1869, trông còn tinh tươm, giàn nho phủ kín, một đàn gà mái kiếm ăn ở trước cửa. Còn có gì buồn hơn là một

ngôi nhà chết, chỉ còn trơ ra bộ xương, tiêu điều, thảm hại?

Tôi cũng nhớ lại một bà mẹ trong nhà đã mời tôi uống một cốc rượu giữa một ngày mệt mỏi, trong lúc đó Xéc-van đã kể cho tôi nghe lai lịch của những chủ nhà. Ông bố xưa là một lão chuyên nghề săn bắn trộm, đã bị lính sen đầm bắn chết. Anh con, mà trước đây tôi đã gặp, là một gã trai to lớn, xương xươg, hần cũng khét tiếng là một tay giết thú rừng đáo đẽ. Người ta gọi họ là gia đình nhà Xô-va.

Đó là tên thật hay tên người ta đặt?

Tôi lên tiếng kêu Xéc-van. Anh ta bước dài chân sều chạy tới.

Tôi hỏi:

- Những người trong nhà này bây giờ ra sao?

Anh liền kể cho tôi nghe câu chuyện sau đây:

## II

Khi chiến tranh nổ ga, anh con nhà Xô-va đã ba mươi ba tuổi đi tòng quân, để lại một mình bà mẹ ở nhà. Người ta không ái ngại cho mẹ lắm vì biết mẹ cũng có vốn liếng.

Thế là một mình mụ ở ngôi nhà hiu quạnh ven rừng, xa làng xóm. Nhưng mụ chẳng sợ hãi gì hết vì mụ vốn cùng nòi với chồng con, là một bà lão gan góc, người cao và gầy, không mấy khi cười và chớ có ai trêu vào mụ. Và chẳng phụ nữ nông thôn thường ít cười đùa. Đó là chuyện của đàn ông! Tâm hồn họ rầu rĩ và thiển cận, đời sống buồn tẻ và không lúc nào hé sáng. Người đàn ông thôn quê còn học được chút vui âm ỉ ở quán rượu, chứ vợ họ thì sống khắc khổ với bộ mặt lúc nào cũng nghiêm trang. Những bắp thịt trên mặt họ không quen với động tác cười.

Mụ Xô-va tiếp tục cuộc sống bình thường trong chiếc nhà gianh, chẳng bao lâu đã bị tuyết phủ kín. Mỗi tuần lễ, mụ vào xóm một lần để mua bánh và một ít thịt, rồi lại trở về túp nhà của mình. Nghe nói chó sói về nhiều thì mụ mang theo một khẩu súng đeo vai, súng của con trai để lại, đã gỉ, báng mòn đi vì tay cọ vào nhiều. Lúc đó mụ Xô-va trông thật kỳ quặc, người cao lớn đi hơi lom khom, chân bước thông thả trên tuyết, nòng súng vượt quá chiếc mũ đen chịt lầy dầu, che kín cả tóc bạc mà không ai trông thấy bao giờ.



Một ngày kia quân Đức kéo đến. Chúng được phân phối đi ở các nhà dân, nhiều ít tùy theo tài sản và khả năng từng nhà. Mụ Xô-va ai cũng biết là có tiền nên phải nhận nuôi bốn tên.

Đó là bốn gã to lớn, da dẻ hung hung, râu hung, mắt xanh lơ, tuy chúng đã phải chịu đựng vất vả nhiều mà vẫn béo, tính tình hiền lành, mặc dầu chúng đến ở một nước bị chiếm đóng. Chỉ có chúng ở với mụ già, chúng tỏ ra rất ân cần với mụ, hết sức làm cho mụ đỡ phải mệt nhọc và tốn phí. Sáng ra, người ta thấy cả bốn tên đứng rửa ráy chung quanh giếng, áo sơ-mi mặc trần. Trong ánh tuyết rơi lên, chúng giội tung toé nước vào da thịt trắng hồng của người phương Bắc, còn mụ Xô-va thì lảng xảng đi lại nấu xúp. Rồi người ta thấy chúng quét dọn bếp tước, lau cọ gạch lát, chẻ củi, gọt khoai, giặt quần áo, làm tất cả mọi công việc trong nhà; như bốn đứa con ngoan ngoãn chung quanh mẹ vậy.

Nhưng mụ Xô-va thì luôn luôn nhớ con, anh con trai cao lớn, người xương xương, mũi quặm, mắt nâu, ria mép rậm nổi lên thành chòm lông đen trên môi. Ngày nào mụ cũng hỏi từng tên lính đóng ở nhà mụ:

- Anh có biết cái trung đoàn cơ động Pháp thứ hai mươi ba bây giờ đi đâu không? Con giai tôi nó ở trong ấy đấy.

Chúng trả lời: "Không, không biết đâu". Và, cảm động với nỗi đau khổ, lo âu của mẹ, vì chúng cũng có mẹ ở quê hương chúng, chúng càng hết sức săn sóc mẹ. Vả chăng mẹ cũng rất yêu chúng, yêu bốn tên lính địch, là vì người nông dân không biết thù hằn dân tộc; chỉ ở những tầng lớp trên mới có chuyện đó. Những người dân cùng, những người phải đóng góp nhiều nhất vì họ nghèo, và mỗi thứ thuế mới đều đè nặng lên vai họ, những người bị giết hàng loạt, đem thân làm bia đỡ đạn vì họ là số đông, những người đau khổ ác liệt nhất về những thảm họa của chiến tranh, vì họ là những người yếu nhất và ít sức kháng cự nhất, những người đó không hiểu nổi những chuyện hung hăng hiếu chiến, gây gỗ vì thể diện, và tất cả những cái gọi là mưu mô chính trị, làm cho hai dân tộc chỉ trong sáu tháng là bị kiệt quệ, bên thắng trận cũng như bên bại trận.

Trong khắp vùng, nói đến mấy tên lính Đức nhà mẹ Xô-va, người ta thường bảo:

- Quả là bốn thằng ấy đã tìm được nơi ăn chốn ở.

Nhưng rồi một buổi sáng, mẹ Xô-va đang ở nhà một mình thì trông thấy xa xa ngoài cánh đồng có người đi tới. Chẳng mấy lúc mẹ nhận ra là người đưa thư, anh ta trao cho mẹ một mảnh giấy gấp lại và mẹ rút cặp kính trong bao ra rồi đọc:

"Bà Xô-va, tôi viết thư này báo cho bà biết tin. Hôm qua, anh Vích-to, con bà, đã bị giết vì một quả đại bác hầu như chặt đôi người anh. Tôi ở ngay gần đó vì chúng tôi thuộc cùng một trung đội, anh ấy luôn nhớ tới bà và dặn tôi nếu anh gặp sự chẳng may thì báo cho bà biết.

"Tôi tìm thấy trong túi anh ấy một chiếc đồng hồ, khi nào hết chiến tranh tôi sẽ đem về trả lại bà.

Xê-de Ri-vô

Binh nhì trung đoàn cơ động 23"

Bức thư viết cách đây ba tuần lễ.

Mẹ Xô-va hầu như không khóc. Mẹ ngồi lặng yên, chết điếng, ngây dại đến nỗi mẹ không cảm thấy ngay đau đớn là gì. Mẹ nghĩ: "Thế là bây giờ đến lượt thằng Vích-to bị giết". Rồi dần dần nước

mắt trào lên mắt, và đau đớn tràn ngập lòng mẹ. Hết ý nghĩ này đến ý nghĩ khác qua đầu óc mẹ, thâm, đứt từng khúc ruột. Thế là không bao giờ mẹ còn được ôm vào tay người con nữa, anh con nhớn của mẹ! Lính sen đầm đã giết bố, lính Đức lại giết nốt con... Anh bị đạn đại bác chặt đôi người. Và mẹ tưởng như nhìn thấy cảnh đó, cái cảnh ghê gớm: đầu anh gục xuống, mắt mở trừng trừng, răng nhai đầu ria mép như thói quen lúc anh tức giận.

Không biết rồi còn xác anh ra sao? Vì thử người ta đem trả lại cho mẹ xác con, cũng như trước đây người ta trả lại cho mẹ xác chồng với vết đạn trên trán.

Nhưng bỗng mẹ nghe có tiếng người nói. Đó là mấy tên lính Đức ở trong xóm về. Mẹ giấu mau bức thư vào túi, và mẹ thản nhiên tiếp đón chúng với bộ mặt như thường, sau khi đã kịp lau nước mắt.

Cả bốn tên đều cười khoái chí vì đã đem về được một chú thỏ béo, ý chừng ăn cắp ở đâu đấy, và chúng làm hiệu cho mẹ hiểu rằng hôm nay có món ăn ngon.

Lập tức mẹ đi nấu ăn bữa sáng; nhưng đến khi phải giết con thỏ thì mẹ không đủ can đảm. Sự thật,

đó không phải là con thỏ đầu tiên! Một tên lính liền giáng cho nó một quả đấm vào sau tai.

Con thỏ chết rồi, mụ đem lột da, nhưng nhìn máu nhuộm đầy tay, cảm thấy làn máu nóng nguội đi và đông lại, thì toàn thân mụ run lên; và mụ lại thấy hình ảnh người con bị chặt làm đôi, cũng đỏ ngòm như con vật kia còn đang thoi thóp.

Mụ cùng ngồi vào bàn ăn với mấy tên lính Đức, nhưng mụ không nuốt trôi được lấy một miếng. Chúng ăn thịt thỏ ngón ngáu, chẳng để ý đến mụ. Mụ liếc nhìn chúng, không nói năng gì cả, trong đầu óc đang nung nấu một ý nghĩ, nhưng bộ mặt vẫn hết sức thản nhiên đến nỗi chúng không nhận thấy gì.

Chợt mụ hỏi: "Tên các anh là gì nhỉ, ở với nhau một tháng giờ rồi, mà tôi chẳng biết gì cả". Khó khăn lắm chúng mới hiểu được ý mụ và nói tên cho mụ biết. Nhưng thế chưa đủ: mụ bảo chúng ghi vào một mảnh giấy kèm cả địa chỉ gia đình của chúng nữa. Sau đấy, mụ giương kính lên ngắm những dòng chữ lạ kia, rồi gấp mảnh giấy lại, bỏ vào túi để lên trên bức thư báo tin con mụ chết.

Ăn xong, mụ bảo mấy tên lính:

- Để tôi giúp các anh một tay.

Và mụ đi chuyển rơm lên vừa thóc chỗ chúng ngủ.

Chúng lấy làm lạ thì mụ giải thích rằng để cho chúng đỡ rét, chúng bèn cùng làm với mụ. Chúng chất những bó rơm lên đến thật sát mái gianh, và làm thành như một căn buồng lớn, chung quanh là bốn bức tường rơm vừa ấm vừa thơm, ngủ ở đấy thì thú tuyệt.

Đến bữa tối, một tên tỏ ý lo ngại thấy mụ Xô-va cũng chẳng ăn uống gì cả. Mụ nói rằng bị đau bụng. Rồi mụ đốt lửa sưởi, còn bốn tên lính Đức thì trèo thang lên chỗ ngủ như mọi tối.

Khi nắp chui lên vừa thóc đã đóng lại, mụ liền cất thang đi, rồi khẽ mở cửa ra bên ngoài, và lại đi lấy những bó rơm chất đầy trong bếp. Mụ đi chân không trên tuyết, nhẹ nhàng không nghe thấy tiếng gì. Chốc chốc mụ lại lắng nghe tiếng ngáy khò khò không đều của bốn tên lính đang ngủ.

Khi chuẩn bị đã đầy đủ, mụ ném một bó rơm vào lò lửa và đem rải mớ rơm cháy lên những bó rơm khác, rồi mụ ra ngoài đứng nhìn.

Chỉ trong vài giây, một ánh lửa dữ dội sáng bừng lên trong nhà gianh, rồi là cả một lò than hồng kinh khủng, một lò lửa khổng lồ rực cháy, ánh sáng lửa qua chiếc cửa sổ nhỏ và loé lên trên mặt tuyết thành tia sáng chói loà.

Rồi một tiếng thét lớn vang lên từ phía mái nhà, rồi ồn ào những tiếng người kêu rống, những tiếng gào xé gan vì kinh hãi và khủng khiếp. Rồi khi cái nắp vừa thóc đổ xuống thì lửa cuốn ủa vào trong vựa, chọc thủng mái gianh, vươn lên trời như một ngọn đuốc khổng lồ. Và cả ngôi nhà bùng cháy.

Trong nhà không còn nghe thấy gì khác ngoài tiếng đám cháy nổ lộp bộp, tiếng tường kêu răng rắc, tiếng giầm gỗ đổ ầm ầm. Bỗng chốc cả mái nhà sụt xuống, và bộ khung nhà rực cháy ném lên trên không, giữa đám khói mịt mù, những đóm lửa toả thành chùm to lớn.

Cả một vùng quê trắng ra trong lửa sáng, loáng lên như một lớp bạc nhuộm đỏ.

Tiếng chuông đăng xa gióng lên.

Mụ Xô-va đứng yên trước ngôi nhà bị thiêu huỷ, súng cầm tay, khẩu súng của con trai, chỉ sợ một tên lính nào chạy thoát.

Khi mụ thấy đã xong chuyện thì mụ quăng khẩu súng vào đồng lửa. Một tiếng nổ vang âm.

Mọi người đổ đên, những nông dân, những lính Đức.

Người ta thấy mụ Xô-va ngồi trên một thân cây, thản nhiên và mãn nguyện.

Một viên sĩ quan Đức, nói tiếng Pháp sôi như một người Pháp, hỏi mụ:

- Máy tên lính của mụ đâu?

Mụ giơ cánh tay khẳng khiu về phía đồng lửa đỏ của đám cháy đang tắt và rần rỏi trả lời:

- Trong đó!

Người ta xúm lại quanh mụ. Tên Đức lại hỏi:

- Lửa cháy lên như thế nào?

Mụ nói:

- Tôi đốt đấy.

Người ta không tin mụ, và tưởng rằng tai nạn phút chốc đã làm mụ hoá điên. Khi thấy mọi người



vây chung quanh mộ để nghe, mộ liền kể lại chuyện từ đầu đến cuối, từ lúc nhận được bức thư cho tới khi nghe tiếng kêu cuối cùng của những tên lính bị thiêu với ngôi nhà. Mộ không bỏ sót một chi tiết nào về những cảm xúc cũng như hành động của mộ.

Kể xong mộ rút trong túi ra hai mảnh giấy và lại đeo kính lên để nhận rõ trong ánh lửa cuối cùng, mộ chỉ vào một mảnh giấy nói: "Ờ này, tin thằng Vích-to chết". Rồi giơ mảnh kia lên, mộ hất đầu về phía lửa tàn đỏ nói thêm: "Ờ này, là tên những thằng kia để viết thư về báo tin cho gia đình chúng". Mộ thản nhiên đưa mảnh giấy trắng cho viên sĩ quan Đức đang ghi lấy vai mộ, và lại nói:

- Ông viết thư kể lại chuyện đã xảy ra và nhớ báo bố mẹ chúng rằng chính tôi đã làm thế đấy, tôi là Vích-to Xi-mông, tức mộ Xô-va. Đừng quên đấy.

Viên sĩ quan thét ra lệnh bằng tiếng Đức. Họ túm lấy mộ, ẩy mộ vào tường còn nóng của nhà mộ. Rồi mười hai tên lính rầm rập sắp hàng trước mặt mộ, cách hai mươi thước. Mộ đứng yên. Mộ đã hiểu, mộ chờ.

Lệnh tung ra, một loạt tiếng nổ dài tiếp liền. Một tiếng nổ chậm rớt lại lẻ loi sau những tiếng khác.

Mụ Xô-va không ngã. Mụ sụp xuống như bị chặt chân.

Viên sĩ quan Đức bước lại gần. Người mụ hầu như bị cắt làm đôi, tay vẫn nắm chặt bức thư đầm máu.

Anh bạn Xéc-van kể thêm:

- Chính vì để trả thù mà bọn lính Đức đã phá toà lâu đài ở vùng này, của riêng tôi.

Tôi thì tôi nghĩ đến những người mẹ của bốn anh con trai hiền lành bị thiêu kia; và đến sự dũng cảm tàn khốc của người 'mẹ bị bắn bên tường này.

Và tôi nhặt một hòn đá nhỏ, còn đen thui vì lửa.

TRONG ĐỨC dịch

## MÓN TRANG SỨC

Đó là một trong những cô gái xinh đẹp và duyên dáng mà hình như số phận đã lầm lỡ để sinh vào một gia đình viên chức. Cô ả chẳng có hồi môn, chẳng có gia tài để hưởng, không có lấy một phương tiện nào để được một người đàn ông giàu có và danh vọng biết đến, tìm hiểu, thương yêu, kết hôn; và cô đành chịu để xe duyên với một viên tham tá quèn ở Bộ giáo dục.

Cô ả ăn mặc giản dị, và không có gì để trang điểm; nhưng lòng đau khổ như kẻ bị tước đoạt địa vị; là vì đối với người đàn bà thì đẳng cấp hay dòng giống không đáng kể, duy sắc đẹp, duyên dáng và vẻ kiều diễm của họ thay thế cho dòng dõi và gia thế. Điều quyết định thứ bậc của họ là ở tư chất sắc sảo, bản năng thanh lịch, tinh tình uyển chuyển của họ, nó khiến cho cô gái thường dân có thể sánh ngang với bà lớn nơi quyền quý.

Cô ả đau đớn không nguôi, vì cảm thấy mình sinh ra là để hưởng tất cả mọi điều lịch sự và mọi thứ giàu sang. Cô ả đau đớn vì nhà ở tồi tàn, những

bức tường trơ trụi, những chiếc ghế cũ mòn, những vài căng thô lậu. Tất cả những cái đó, nếu là một người đàn bà khác cùng đẳng cấp với cô thì chẳng nhận thấy đâu, nhưng ở cô thì nó lại giầy vò và làm cho cô hờn tủi. Hễ nhìn thấy đứa ở gái làm mọi công việc hèn mọn trong nhà thì trong lòng cô lại thức dậy những điều ân hận ngao ngán và những ước mơ điên cuồng. Cô ả tư tưởng đến những phòng chờ yên lặng, căng phủ những màn chương kiếu đông phương, có những cây đèn bằng đồng hun cao ngất toả sáng, và hai tên nô bộc lực lưỡng mặc quần chèn, ngồi ngủ gật ở những chiếc ghế bành rộng, thiu thiu trong hơi nóng nặng nề của chiếc lò sưởi. Cô ả tư tưởng đến những buồng tiếp khách rộng thênh thang, bốn bề căng gấm vóc cổ, với đồ đạc tinh xảo, trong bày những vật nhỏ vô cùng quý giá, rồi đến những phòng khách nhỏ diêm lệ, thơm tho, làm nơi để mạn đàm với những bạn chí thiết, với những người đàn ông tai to mặt lớn và được trọng vọng, mà phụ nữ ai cũng ước ao và muốn được lọt mắt.

Khi cô ả ngồi ăn bữa tối bên chiếc bàn tròn giải chiếc khăn bàn từ mấy ngày không thay, trước mặt anh chồng đang mở liên xúp ra và nói một cách

khoái trá: "À, món xúp thịt hầm ngon! Trần đời tôi không thấy món ăn nào bằng", cô ả lại tơ tưởng đến những bữa ăn thanh lịch, với những đồ dùng bằng bạc sáng loáng, với những tấm thảm trên tường trình bày những nhân vật cổ xưa và những giống chim kỳ dị giữa một cánh rừng thần tiên; cô ả tơ tưởng đến những món ăn thơm ngon bày trong những bát đĩa kỳ xảo, đến những lời chiêu nịnh nói khe mà người ta vừa nghe với nụ cười bí hiểm, vừa thưởng thức món cá hương thịt hồng hồng hay món cánh gà gô.

"Cô ả không có bộ cánh, không có đồ trang sức, không có gì hết. Thế mà cô lại chỉ thích những thứ đó; cô cảm thấy mình sinh ra là để dùng những thứ đó. Cô ả những muốn làm người khác ưa thích, được người ta mơ ước, làm người ta xiêu lòng và theo đuổi.

Cô có một người bạn giàu, một bạn học cùng trường mà cô không muốn đến nhà nữa, chỉ vì mỗi lần ra về cô lại càng thêm đau xót. Và cô khóc lóc hàng bao nhiêu ngày, vì buồn phiền, vì hờn tủi, vì tuyệt vọng và khổ não.

Chợt một buổi tối, anh chồng đi làm về có vẻ đặc ý, tay cầm một chiếc phong bì cỡ lớn. Anh nói:

- Nay đây cái này là để dành cho mình.

Cô ả hăm hở xé mảnh giấy và rút ra một tấm thiệp in mấy hàng chữ sau đây:

"Tổng trưởng Bộ Giáo dục và phu nhân là Gioóc Răm-pon-nô hân hạnh kính mời ông và bà Loa-den tham dự buổi dạ hội tổ chức tại phòng khánh tiết Bộ, ngày thứ hai 18 tháng giêng".

Nhưng trái với điều dự tính của anh chồng, cô ả đã không mừng thì chớ lại giận dỗi quăng tấm thiệp ra bàn, lăm bắm:

- Anh muốn tôi dùng cái này làm gì?

- Ô hay, mình, tôi cứ nghĩ rằng mình sẽ vui lòng. Chẳng bao giờ mình đi ra đến ngoài, thì đây là một dịp, dịp tốt! Tôi phải mất bao nhiêu công phu mới kiếm được tấm thiệp này. Tất cả mọi người ai cũng muốn lấy; thật quý lắm đấy, mà người ta phát cho nhân viên chẳng được bao nhiêu. Mình sẽ gặp ở đây tất cả những người quyền cao chức trọng.

Cô ả nhìn chồng bằng con mắt hờn giận, và bực mình tuyên bố:

- Thế anh định tôi đắp lên mình tôi cái gì để tới đó?

Anh chàng chưa hề nghĩ tới chuyện này, ấp ứng:

- Thì bộ áo mình vẫn mặc đi xem hát ấy. Theo ý tôi thì nó thơm chán...

Anh chàng im bật, ngơ ngác, hoang mang khi thấy vợ khóc. Hai hàng nước mắt giàn giụa rờn rờn từ khoé mắt chảy xuống kẽ miệng.

Anh ta lắp bắp:

- Làm sao thế mình? Làm sao thế?

Nhưng, với một sự cố gắng mãnh liệt, cô ả nén lòng đau xót, vừa chùi nước mắt vừa nói bằng một giọng bình tĩnh:

- Không sao cả. Có điều là xống áo không có, tôi không thể đi dự cuộc dạ hội này được. Anh đem tấm thiếp ấy cho bạn đồng sự của anh, người nào mà vợ có bộ cánh diện hơn tôi.

Anh chàng chán ngán quá. Anh nói:

- Kìa Ma-tin. Thì mình tính xem mất độ bao nhiêu tiền một bộ cánh thơm tươm tất, có thể dùng lần này còn lần khác, cái gì nó thật giản dị ấy?

Cô ả suy nghĩ một tí, vừa tính toán vừa cân nhắc số tiền có thể hỏi được, không đến nỗi để anh tham tá tần tiện ấy từ chối tức khắc và phát hoảng la lên.

Cuối cùng cô ả ngập ngừng trả lời:

- Tôi cũng không biết rõ nữa, nhưng có lẽ độ bốn trăm quan thì cũng tạm tạm được.

Anh chàng hơi tái mặt đi, vì anh ta đã để dành được vừa đúng số tiền ấy để sắm một khẩu súng, và, mùa hè tới, anh có thể hưởng cái thú đi săn ở cánh đồng Năng-tơ cùng với mấy người bạn, họ vẫn thường đến đó ngày chủ nhật để bắn sơn ca.

Nhưng rồi anh ta nói:

- Thôi được. Tôi tặng mình bốn trăm quan. Nhưng mình cố sắm cho được một bộ áo đẹp đấy.

Ngày dạ hội sắp tới, nhưng bà Loa-den có vẻ buồn rầu, lo lắng, áy náy. Vậy mà bộ cánh thì đã sẵn rồi. Một buổi tối, anh chồng hỏi:

- Mình làm sao thế, hả? Từ ba hôm nay mình có vẻ thế nào ấy?

Và chị ta trả lời;



- Tôi chỉ phiền là không có một món trang sức gì hết, không có lấy một tí mặt đá mà đeo. Rút cục lại tôi vẫn có vẻ thiếu náo lắm. Ý tôi là có lẽ không đi dự đám ấy nữa thì hơn.

Anh chàng nói:

- Thì mình đeo hoa thật vào. Mùa này đeo thế cũng bảnh lắm. Cứ mười quan thì mình sẽ có hai ba hồng hồng tuyệt.

Chị ta không chịu.

- Không được... không gì nhục bằng mang vẻ nghèo khổ giữa đám phụ nữ giàu có.

Chợt anh chồng kêu lên:

- Khỉ quá! Thì mình đến bạn mình, bà Fo-rét-chê ấy, để hỏi mượn ít đồ trang sức. Mình thân với bà ấy như thế thì hỏi cũng được chứ sao.

Chị ta mừng quýnh, kêu lên:

- Đúng đấy. Thế mà em không nghĩ ra.

Hôm sau chị ta đến nhà bạn và kể lễ nổi phiền mượn của mình.

Bà Fo-rét-chê đi lại phía tủ gương, lấy ra một cái tráp to, đem lại, mở ra và bảo bà Loa-den:

- Tuỳ ý chị chọn đấy.

Trước hết, chị ta trông thấy những chiếc xuyến, rồi một vòng ngọc trai, rồi một sợi dây chuyền đeo chữ thập, bằng vàng và ngọc, làm rất tinh xảo. Chị đeo thử những món trang sức đó trước gương, dùng dề, không muốn tháo ra để trả lại. Chị luôn mồm hỏi:

- Chị còn cái gì khác nữa không?

- Còn chứ. Cứ tìm đi. Tôi chẳng biết món nào làm vừa lòng chị bây giờ.

Bỗng chị ta tìm thấy trong một chiếc hộp bằng xa-tanh đen một chuỗi hạt kim cương tuyệt đẹp; và quả tim chị đập mạnh với lòng thèm muốn vô hạn. Tay chị cầm mà run lên. Chị đeo chuỗi hạt vào cổ, dề trên chiếc áo căng lên, và đứng ngẩn người ra trước bóng mình.

Rồi chị ngập ngừng hỏi, bụng lo thấp thỏm:

- Chị có thể cho em mượn chuỗi này, chỉ chuỗi này thôi; được không?

- Được lắm chứ.

Chị ta nhảy tới ôm choàng lấy cổ bạn, hôn lấy hôn để, rồi mang theo món bảo vật chị chạy mất.

Ngày dạ hội đến. Loa-den phu nhân rất được hoan nghênh. Chị đẹp hơn tất cả, lịch sự, duyên dáng, tươi cười và vui đến điên cuồng. Hết thầy đàn ông đều ngắm nghía chị, hỏi tên chị, tìm cách để được giới thiệu với chị. Tất cả nhân viên văn phòng bộ đều muốn nhảy van-xơ với chị. Ông tổng trưởng để ý đến chị.

Chị ta khiêu vũ một cách say sưa, sôi nổi, mê mết trong cuộc vui, chẳng nghĩ điều gì hết, đặc ý vì sắc đẹp của mình, kiêu hãnh vì được hoan nghênh, quanh mình như tạo nên một đám mây hạnh phúc với bao nhiêu lời ca tụng, lòng ngưỡng mộ, nổi thèm muốn được khêu gợi với cuộc đắc thắng thật là hoàn toàn và rất mực mạn trớn trái tim người phụ nữ.

Chị ra về khoảng bốn giờ sáng. Chồng chị, từ lúc nửa đêm, đã đánh một giấc trong một phòng khác nhỏ vắng, cùng với ba ông nữa mà các bà vợ còn mãi vui chơi.

Anh chàng trèo lên vai vợ mấy chiếc áo mà anh đã mang theo sẵn phòng lúc ra về, những chiếc áo xoàng xĩnh, nghèo nàn của cuộc sống hàng ngày lơ lảo bên cạnh bộ cánh khiêu vũ-sang trọng. Chị ta cảm thấy thế và muốn bỏ chạy để tránh mắt những

người phụ nữ khác, họ choàng trên vai những chiếc áo lông lịch sự.

Loa-den níu vợ lại:

- Mình hãy chờ đã. Ra ngoài lại bị lạnh bây giờ. Để tôi đi gọi xe.

Nhưng chị không nghe và chạy nhanh xuống cầu thang. Khi họ ra đến ngoài phố thì không có xe; và họ bỏ đi tìm, gọi với theo những người đánh xe ngựa đi ngang qua đường xa.

Họ đi về phía sông Xen, thất vọng, rét run lập cập. Cuối cùng họ tìm được trên bờ sông một chiếc xe chạy đêm cỡ giả vào loại bốn bánh mà người ta chỉ thấy xuất hiện ở Pa-ri khi đã quá tối, dường như ban ngày ban mặt chúng cũng xấu hổ vì vẻ tiêu tụy của chúng.

Chiếc xe đưa họ về đến tận cổng, ở phố Mác-tia, và họ ú rừ bước lên nhà. Đối với chị ta thế là hết. Còn anh chàng thì nghĩ đến ngày mai mười giờ sáng đã phải có mặt ở bộ.

Chị ta bỏ áo khoác ngoài ra, đứng trước gương để một lần nữa ngắm mình trong cơn đặc ý. Nhưng

bỗng chị kêu lên. Chuỗi hột kim cương không còn ở trên cổ nữa.

Anh chồng đang cởi quần áo, hỏi:

- Cái gì thế mình?

Chị ta quay lại chồng hốt hải:

- Tôi đã... tôi đã... tôi không thấy chuỗi hột của bà Fo-rét-chê đâu cả.

Anh ta chồm lên, hốt hoảng:

- Sao? Thế nào!... Không có lẽ!

Và hai vợ chồng tìm tòi trong các nếp áo trong, áo ngoài, trong các túi, khắp cả. Họ không thấy đâu.

Anh chồng hỏi:

- Mình có chắc là khi ở phòng khiêu vũ ra vẫn còn không?

- Có, ra đến phòng ngoài ở bộ tôi còn sờ đến nó.

- Nhưng nếu đánh rơi ngoài phố thì chúng mình phải nghe thấy chứ. Có lẽ nó rơi trên xe.

- Ủ, có lẽ. Thế mình có ghi số xe không?

- Không. Còn mình, mình cũng không trông à?

- Không.

Họ nhìn nhau kinh hãi. Cuối cùng Loa-den lại mặc quần áo vào và nói:

- Tôi thử đi ngược lại cả quãng đường chúng ta đi bộ xem có tìm thấy không.

Rồi anh ta ra đi. Còn chị ta vẫn đóng nguyên bộ áo dạ hội, không đủ sức đi nằm ngủ, ngồi rũ ra trên một chiếc ghế, không sưởi ấm, lòng hoang mang.

Anh chồng mãi bảy giờ sáng mới về. Anh chẳng tìm thấy gì.

Anh ta đến quận cảnh sát, đến các tòa báo để nhờ đăng lời rao hứa thưởng cho ai tìm thấy, đến các công ty vận tải xe nhỏ, thôi thì khắp nơi mà anh ta ngờ ngờ có chút hy vọng gì.

Chị ta chờ suốt ngày, lòng vẫn hoang mang trước cái tai họa thảm hại đó.

Tối đến Loa-den trở về nhà, má hồm lại, mặt tái nhợt; anh chẳng tìm thấy gì. Anh nói:

- Bây giờ mình phải viết thư cho bà bạn rằng trót nhờ làm gãy cái móc cài của chuỗi hạt nên phải đem đi chữa. Như thế mình mới có thì giờ mà xoay xở.

Chị vợ viết theo lời chồng đọc.

Sau một tuần lễ, họ hoàn toàn hết hy vọng.

Và Loa-den, già đi đến năm tuổi, tuyên bố:

- Thôi, phải nghĩ cách mà mua đèn chuối hột.

Hôm sau họ đem chiếc hộp đựng chuối hột đến hiệu kim hoàn có ghi tên trong hộp. Nhà hàng tra sổ sách và nói:

- Thưa bà, không phải hiệu tôi bán chuối hột này; chắc tôi chỉ bán cái hộp đựng thôi.

Thế là họ lại đi hết cửa hàng vàng bạc này đến cửa hàng khác, cố nhớ lại để tìm cho được một chuối hột giống như chuối kia, cả hai người đều thất vọng, mệt mỏi vì buồn phiền và lo lắng.

Họ tìm thấy ở một cửa hiệu phố Cung điện một chuối hột kim cương có vẻ giống y như chuối đã đánh mất. Chuối kim cương đáng giá hơn bốn vạn quan. Nhà hàng bằng lòng để cho với giá ba vạn sáu nghìn quan.

Họ liền đề nghị với chủ hiệu trong ba ngày đừng bán cho người khác. Họ lại thương lượng với điều kiện là nhà hàng sẽ lấy lại chuối hột theo giá ba vạn bốn nghìn quan nếu chưa hết tháng hai họ đã tìm thấy chuối hột kia.

Loa-den có mười tám nghìn quan của bố để lại cho. Anh đi vay số tiền còn thiếu.

Anh hỏi vay người này một nghìn, người khác năm trăm; chỗ nọ năm đồng lu-y, chỗ kia ba đồng. Anh làm giấy tờ, ký những giao kèo thiệt thòi, giao dịch với bọn cho vay nặng lãi, với tất cả các loại cho vay. Anh tự làm hỏng cả cuộc đời còn lại của mình, ký kết điều linh mà chẳng biết có thực hiện được lời cam kết không. Và hoảng sợ trước những lo lắng ngày mai, trước nỗi khổ cực đến tối sắp ụp lên mình, trước viễn ảnh của những thiếu thốn vật chất và những giày vò tinh thần, anh ta đến nhận chuỗi hạt mới và đặt lên quầy của nhà hàng ba mươi sáu nghìn quan.

Khi bà Loa-den mang trả lại món trang sức cho bà Fo-rét-chê thì bà này nói với vẻ phật ý:

- Đáng lý chị nên trả em sớm hơn, vì em có thể phải dùng đến.

Bà ta cũng chẳng mở chiếc hộp ra nữa, điều mà bà Loa-den lo ngại. Nếu bà nhận ra sự đánh tráo kia thì bà sẽ nghĩ thế nào? Bà sẽ nói gì? Bà sẽ cho mình là phường ăn cắp chăng?



Bà Loa-den trải qua cuộc sống thê thảm của kẻ bán hàn. Thật ra, bà ta phút chốc đã tự quyết định thái độ một cách dũng cảm. Phải trả cho được món nợ ghê gớm kia. Bà sẽ trả bằng hết. Họ cho con ở thôi việc; họ dọn nhà đi chỗ khác; họ thuê một căn gác sát mái để ở.

Bà ta làm lấy hết mọi công việc nặng trong nhà, những việc bếp núc lam lũ. Bà rửa bát, cọ những đồ sành sứ nhòn, cọ những đáy xoong chảo đến mòn cả móng tay hồng hồng. Bà giặt giũ quần áo bẩn, áo lót mình và giặt lau, phơi lên dây thừng; mỗi buổi sáng bà hót rác đưa xuống đường phố và xách nước lên nhà, leo mỗi bậc thang là phải đứng lại để thở. Và ăn mặc như một dân thường, bà đi đến hàng bán quả, hàng thực phẩm, hàng thịt, tay xách bị, mặc cả có khi đến bị chửi, cò kè từng xu để tiết kiệm đồng tiền cơ cực.

Mỗi tháng phải gạt món nợ này, vay món nợ khác, xoay xở lẫn lữa cho có thì giờ trang trải.

Ông chồng buổi tối phải tính toán làm sổ thuê cho một nhà buôn, và ban đêm thường là chép thuê lấy năm xu một trang.

Và cuộc sống đó kéo dài mười năm.

Sau mười năm họ trả xong nợ, trả hết, kể cả lãi suất nặng nề, và lãi mẹ đẻ lãi con chồng chất.

Bà Loa-den bây giờ hình như đã già. Bà trở thành người đàn bà cứng cáp, rắn rỏi và dày dặn của những gia đình nghèo. Đầu chải qua loa, váy mặc xộc xệch, bàn tay đỏ hồng, bà nói oang oang, đổ nước cọ nhà ào ào. Nhưng đôi khi, lúc chồng đi làm ở sở, bà ngồi bên cửa sổ, và hồi tưởng đến buổi dạ hội năm xưa, đến cuộc khiêu vũ đêm ấy, bà đẹp đến thế và được hoan nghênh đến thế.

Sự thế sẽ ra thế nào nếu bà không đánh mất món trang sức kia? Biết đâu? Biết đâu? Cuộc đời thật là kỳ dị, biến đổi! Chỉ một ly thôi cũng đủ làm hại người ta hay cứu vãn người ta!

Thế rồi một buổi chủ nhật, bà đang dạo quanh đại lộ Săng Ê-ly-dê để nghỉ ngơi sau một tuần lễ nặng nhọc thì gặp một người đàn bà dắt con đi chơi. Đó là bà Fo-rét-chê, người vẫn trẻ, vẫn đẹp, vẫn quyến rũ.

Bà Loa-den xúc động trong lòng. Có nên hỏi chuyện không? Nên lắm chứ. Là vì bây giờ công nợ

đã trang trải xong, bà sẽ nói hết chuyện với bạn.  
Tại sao không?

Bà bước lại gần.

- Chào chị Gian-nơ.

Bà kia không nhận ra ai, ngạc nhiên vì thấy cái  
mặt thường dân này gọi mình một cách thân mật  
như vậy. Bà ta ấp úng:

- Nhưng... thưa bà!... Tôi không quen... Có lẽ bà  
nhầm.

- Không. Tôi là Ma-tin Loa-den đây.

Bà bạn thốt lên:

- Ủa!... Chị Ma-tin của tôi, chị thay đổi đi quá  
chùng!...

- Vâng, từ ngày không gặp chị nữa tôi đã trải  
qua những ngày hết sức vất vả; và biết bao nhiêu  
nỗi khổ cực... mà điều đó chỉ là vì chị!...

- Vì tôi... Tại sao thế?

- Chắc chị còn nhớ rõ cái chuỗi kim cương mà  
chị cho tôi mượn để đi dự dạ hội ở bộ.

- Có. Thế sao?

- Thì tôi đã đánh mất nó.

- Thế nào, chị đã đem trả lại tôi rồi kia mà.

- Tôi đã trả chị chuỗi khác giống chuỗi kia. Và thế là đằng đằng mười năm trời chúng tôi nai lưng trả nợ. Chị thừa hiểu việc đó không phải là dễ dàng đối với chúng tôi, vốn chẳng có gì... Nhưng thôi bây giờ thì xong rồi, và lòng tôi cũng được hể hả.

Bà Fo-rét-chê đứng dừng lại.

- Chị bảo chị đã mua chuỗi kim cương khác để đền cho tôi à?

- Vâng. Chắc chị không nhận ra đấy nhỉ! Hai chuỗi giống nhau như hệt.

Và bà ta mỉm cười với một niềm kiêu hãnh và ngây thơ.

Bà Fo-rét-chê, hết sức cảm động, nắm lấy hai tay bạn:

- Chết chưa, chị Ma-tin của em! Chuỗi hột của em là hột giả đấy. Nó đáng giá nhiều lắm là năm trăm quan thôi!...

TRỌNG ĐỨC dịch

## ĐÔI BẠN

Pa-ri bị bao vây, hăm dọa và đang rên rỉ. Chim sè trên mái nhà hiềm đi, và không còn một giống vật gì ở trong các cống rãnh. Người ta ăn bất cứ thức gì.

Ông Mô-rít-xô vốn làm nghề chữa đồng hồ, nay nhất thời thành thất nghiệp ở nhà. Vào một buổi sáng tháng giêng trong sáng, ông buồn bã đi dạo, dọc theo một đường phố ngoại thành, tay đút túi chiếc quần nhà binh, và bụng rỗng không. Bỗng ông dừng chân trước mặt một người cùng cảnh ngộ, mà ông nhận ra là một người bạn. Đó là ông Xô-va, một người quen biết ở chỗ bờ sông.

Trước chiến tranh, cứ đến ngày chủ nhật là Mô-rít-xô ra đi từ lúc mặt trời mọc, tay cầm một chiếc cần câu bằng trúc, một hộp sắt tây đeo trên lưng. Ông đáp thuyền xe hoả chạy Đác-giăng-tơi, xuống xe ở Cô-lông-bơ, rồi đi bộ tới hòn đảo Ma-răng-tơ. Vừa đến cái nơi mà ông mơ ước này, là ông ngã ra câu cá, câu cho đến tối.

Mỗi chủ nhật ông lại gặp ở đây một người béo lùn và vui tính. Đó là ông Xô-va, bán hàng xén ở phố Nốt-đam Lo-rét, cũng một tay mê câu cá hạng nặng. Họ thường ngồi cạnh nhau hàng nửa ngày, tay cầm cần câu và chân đung đưa trên dòng nước, và họ trở thành đôi bạn thân.

Có những buổi họ chẳng nói năng gì cả. Thỉnh thoảng họ chuyện trò với nhau; có điều là họ không nói mà ăn ý với nhau đáo để, vì họ có những sở thích giống nhau và những cảm giác tương tự.

Về mùa xuân, quãng mười giờ sáng khi mặt trời tré lại làm nổi lên trên mặt sông lừ lừ một làn hơi mỏng trôi theo dòng nước, và giội xuống lưng hai tay nghiền câu cá một làn nắng ấm đầu mùa, Mô-rít-xô đôi khi nói với bạn ngồi cạnh: "Chà! êm ái dữ, hè!" và ông Xô-va đáp: "Tôi không thấy gì tuyệt hơn". Và chỉ thế cũng đủ làm cho họ hiểu nhau và mến nhau.

Về mùa thu, ngày sắp tàn, khi nền trời đậm máu buổi chiều tà ném xuống nước những hình mây thẩm tía, nhuộm hồng cả dòng sông, đốt cháy chân trời, làm rực đỏ như lửa khoảng cách giữa đôi bạn, và nhuộm vàng những cây đã úa đang run rẩy trong

gợn gió mùa đông tới sớm, ông Xô-va mỉm cười nhìn Mô-rít-xô và nói: "Cảnh trời tuyệt quá!" Và Mô-rít-xô ngây ngất trả lời, mắt vẫn dán vào chiếc phao: "Thú hơn ở trong phố, nhỉ?".

Vừa nhận ra nhau họ bắt tay nhau thật mạnh, hết sức cảm động vì gặp nhau trong hoàn cảnh khác thường này. Ông Xô-va thở dài lẩm bẩm: "Biết bao nhiêu việc xảy ra!". Mô-rít-xô rầu rĩ than phiền: "Trời thì đẹp thế này! Hôm nay là ngày đẹp đầu tiên của năm mới đây".

Quả thật, nền trời xanh ngắt và chan hoà ánh sáng.

Họ kê vai nhau cùng đi, mơ mộng và ủ rũ. Mô-rít-xô lại nói: "Còn chuyện đi câu? Chà! Kỷ niệm đẹp để bao nhiêu!"

Ông Xô-va hỏi: "Bao giờ ta trở lại đây nhỉ?"

Họ vào một tiệm rượu và cùng nhau uống cốc *áp-xanh*; rồi họ lại đi dạo trên các hè phố.

Bỗng Mô-rít-xô dừng lại: "Cốc *áp-xanh* nữa nhé?". Ông Xô-va đồng ý: "Tuỳ ý bác". Và họ vào một quán rượu khác.

Khi ra cả hai đều choáng váng, cồn cào, như kẻ đang đói mà bụng đầy rượu. Trời êm ả. Một làn gió nhẹ vuốt ve mơn trớn da mặt.

Ông Xô-va, vì tiết trời ẩm càng thêm chênh choáng, dừng lại nói: "Hay ta đi đi?"

- Đi đâu?

- Đi câu chứ đi đâu.

- Nhưng câu ở đâu?

- Thì ở hòn đảo của chúng ta ấy. Tiền đồn quân Pháp đóng gần ngay Cô-lông-bơ. Tôi quen đại tá Duy-mu-lanh; họ sẽ để cho ta qua dễ dàng thôi.

Mô-rít-xô rợn người vì khoái chí: "Ừ phải đấy! Đồng ý". Và họ chia tay nhau đi lấy đồ câu.

Một giờ sau, họ kẻ vai đi trên đường cái lớn. Rồi họ tới biệt thự đại tá đóng. Đại tá nghe họ yêu cầu thì mỉm cười và đồng tình với thú ngông của họ. Họ lại tiếp tục đi, mang theo một tờ giấy thông hành.

Chẳng mấy lúc họ vượt các tiền đồn, đi ngang qua Cô-lông-bơ hoang vắng, và tới bờ những ruộng nho thoải thoải về phía sông Xen. Lúc đó vào khoảng mười một giờ.



Phía trước mặt, làng Đắc-giăng-tơ hình như chết. Những đồi Oóc-giơ-mông và Xa-noa chế ngự cả một vùng. Cánh đồng lớn chạy đến tận Năng-tơ hiu quạnh, trống rỗng, với những cây anh đào trơ trụi và đất xám một màu.

Ông Xô-va chỉ về phía những ngọn đồi, lầm bầm: "Tụi Đức ở trên kia kìa!". Và đôi bạn đâm lo, chờ người ra trước cảnh hoang vắng.

Quân Đức! Họ chưa hề trông thấy chúng, nhưng họ cảm thấy chúng vẫn ở đây từ bao tháng nay, chúng vây quanh Pa-ri, làm nước Pháp kiệt quệ, tàn phá, giết chóc, vơ vét, vô hình mà hống hách. Và một thứ khiếp sợ huyền hoặc cộng thêm vào lòng căm thù của họ đối với cái dân tộc xa lạ và chiến thắng đó.

Mô-rít-xô áp úng: "Này, nhờ gặp chúng thì sao?"

Xô-va trả lời giễu cợt, theo lối người Pa-ri dù ở hoàn cảnh nào cũng vẫn ba lơn:

- Thì ta đãi chúng một bữa cá rán.

Nhưng, vì hoảng sợ trước cảnh im lìm bao trùm khắp chân trời, họ ngần ngại, không dám liều lĩnh vào vùng nông thôn.

Sau cùng, Xô-va quyết định: "Thôi, ta cứ đi! nhưng phải cẩn thận". Và họ xuống một cánh đồng nhỏ, người lom khom, bò xuống, lợi dụng những bụi rậm để ẩn mình, mắt sợ hãi, tai vểnh lên.

Chỉ còn phải vượt một khoảng đất trống là tới bờ sông. Họ cầm đầu chạy; tới bờ sông họ lặn ngay vào những đám lau khô.

Mô-rít-xô áp má xuống đất nghe xem có ai đi quanh đây không. Không thấy tiếng gì cả. Thế là chỉ có mình họ, không còn ai nữa.

Họ yên tâm ngả ra câu.

Trước mặt, đảo Ma-răng-tơ hoang vắng che khuất họ với bờ bên kia. Ngôi nhà quán ăn nhỏ đóng cửa kín, hình như bỏ hoang từ bao nhiêu năm.

Xô-va câu được một con cá bóng đầu tiên. Mô-rít-xô vớ được chú thứ hai, và chốc chốc họ lại giật cần câu kéo lên một con vật nhỏ ánh bạc quẫy ở đầu dây; thật là một buổi câu tuyệt diệu.

Họ nhẹ tay cho cá vào một cái túi lưới nhỏ mắt gìm dưới nước cạnh chân họ, và một niềm vui êm dịu thấm vào lòng, niềm vui khi ta lại được thoả mãn một sở thích đã lâu ngày không được hưởng.

Mặt trời ấm áp gội ánh nắng vào giữa vai họ; họ không còn nghe thấy gì; họ không còn nghĩ gì; họ quên hẳn cuộc đời quanh co; họ mãi câu.

Nhưng bỗng chốc một tiếng âm như từ dưới đất dội lên làm rung chuyển cả đất. Súng đại bác lại bắt đầu nổ.

Mô-rít-xô quay đầu lại và thấy ở phía tay trái đằng xa vượt lên trên bờ sông, ngọn núi Mông Va-lê-riêng nổi hình to lớn với làn khói đạn mà nó vừa khạc ra như một đám tua trắng đeo trên trán.

Liền đó một làn khói thứ hai phụt ra từ đỉnh pháo đài, và tiếp theo một tiếng nổ vang âm.

Rồi những tiếng khác kẻ tiếp, và cứ chốc chốc, núi lại hắt ra hơi thở giết người, phun những làn hơi bàng bạc từ từ vươn lên trong khoảng trời êm ả, làm thành một đám mây trên ngọn núi.

Xô-va nhún vai nói: "Chúng nó lại bắt đầu đấy".

Mô-rít-xô đang thấp thỏm nhìn vào chiếc phao nhấp nha nhấp nhô dưới nước, bỗng bừng lên mối căm giận của một con người bình thần đối với bọn điên cuồng đang đánh nhau. Ông lầu nhàu: "Có ngu xuẩn thì mới giết lẫn nhau như thế!".

Xô-va lại nói: "Thật tệ quá súc vật".

Mô-rít-xô, vừa tóm được một con cú, tuyên bố: "Cứ gọi là còn chính phủ nọ chính phủ kia thì còn như thế mãi!".

Xô-va ngắt lời: "Nếu là chính phủ cộng hoà thì đã không tuyên chiến..."

Mô-rít-xô cắt ngang: "Thời vua chúa thì có chiến tranh ở bên ngoài; thời cộng hoà thì có chiến tranh ở bên trong".

Và họ thân nhiên xoay ra tranh luận, gỡ mối những vấn đề chính trị lớn bằng cái lý trí bình dị của những người hiền lành và thiện cận, nhất trí với nhau về một điểm là không bao giờ người ta được tự do. Trong khi đó núi Mông Va-lê-riêng vẫn không ngớt nhả đạn, tàn phá nhà cửa của nhân dân Pháp, làm tan nát những sinh mệnh, giết hại người, cắt đứt bao nhiêu mơ ước, bao nhiêu niềm vui chờ đợi, bao nhiêu hạnh phúc mong mỏi, khoét sâu trong trái tim những bà mẹ, ở tận xa xôi, những vết thương không bao giờ lành.

Xô-va tuyên bố: "Cuộc sống là thế đấy".

Mô-rít-xô vừa cười vừa đáp: "Nói là cái chết thì đúng hơn".

Nhưng bỗng họ giật mình hoảng sợ, cảm thấy rõ có người vừa đi ở phía sau; và, liếc mắt nhìn lại, họ thấy đứng sát vai họ bốn người, bốn gã to lớn có khí giới và râu ria xồm xoàm, ăn mặc theo kiểu quân hầu và đội mũ phẳng, đang gi mũi súng vào tận má họ.

Hai chiếc cần câu rời khỏi tay họ và trôi xuôi theo dòng sông.

Trong vài giây họ bị bắt, lôi đi, ném xuống một chiếc thuyền và chở sang hòn đảo.

Và đằng sau ngôi nhà tưởng là bỏ hoang, họ thấy hai chục tên lính Đức.

Một tên như hộ pháp đầy lông lá, cưỡi lên một chiếc ghế, hút thuốc bằng một chiếc tẩu sứ to, nói tiếng Pháp rất thạo, hỏi họ: "Thế nào, các ngài câu có được nhiều cá không?"

Vừa lúc đó một tên lính đến đặt bên chân tên sĩ quan cái túi lưới đầy cá mà hắn chú ý mang theo về. Tên Đức mỉm cười: "Ái chà! Thế này thì khá đấy.

Nhưng đây là vấn đề khác. Các anh nghe tôi và cứ bình tĩnh".

"Theo tôi, các anh là hai tên gián điệp được phái đến rình mò tôi ở đây. Tôi bắt được và tôi đem bắn. Các anh giả vờ câu cá để che đậy âm mưu của các anh. Các anh đã rơi vào tay tôi, cho các anh chết; chiến tranh là như vậy.

Nhưng, các anh đã vượt qua những tiền đồn để tới đây, chắc các anh có khẩu lệnh để trở về. Cho tôi biết khẩu lệnh đó thì tôi thả các anh".

Đôi bạn, mặt nhợt nhạt, vai kề vai, tay run lẩy bẩy, không nói năng gì cả.

Tên sĩ quan lại nói: "Sẽ không ai biết chuyện này đâu, các anh sẽ trở về yên ổn. Các anh đi thì bí mật cũng mất theo. Nếu các anh từ chối thì phải chết, ngay lập tức. Chọn đi?"

Họ đứng yên, không hé răng.

Tên Đức vẫn bình tĩnh, chỉ tay về phía sông, nói: "Các anh nên nghĩ, trong năm phút nữa thì các anh sẽ nằm ở đáy nước. Năm phút thôi! Chắc các anh có vợ con cả chứ?"

Núi Mông Va-lê-riêng vẫn vang nổ.

Hai người câu cá vẫn đứng nguyên và im lặng. Tên Đức ra lệnh bằng tiếng Đức. Rồi hắn dịch chiếc ghế của hắn cho xa hai người bị bắt hơn; và 12 tên lính ra xếp hàng cách hai mươi bước, súng dựng bên chân.

Tên sĩ quan nói: "Tôi cho các anh một phút, không hơn một giây".

Rồi bỗng hắn đứng lên, đến gần hai người Pháp, khoác tay Mô-rít-xô kéo ra xa, khề bảo: "Nói mau lên, khẩu lệnh thế nào? Bọn anh sẽ không biết chuyện gì đâu, tôi sẽ giả vờ làm như thương hại các anh".

Mô-rít-xô không trả lời gì cả.

Tên Đức lại kéo Xô-va ra và cũng hỏi như thế.

Xô-va không trả lời.

Hai người lại đứng vai kề vai.

Và tên sĩ quan ra lệnh. Những tên lính giờ súng lên.

Vừa lúc đó, ngẫu nhiên mắt Mô-rít-xô bắt gặp cái túi lưới đầy cá dưới cỏ, cách đây vài bước.

Một tia nắng làm óng ánh mở cá còn cửa quay.  
Và lòng ông nao núng. Mặc dầu cổ trắn tĩnh, mắt  
ông đắm lệ.

Ông lấp bắp: "Vĩnh biệt, bác Xô-va".

Xô-va đáp: "Vĩnh biệt, bác Mô-rít-xô".

Họ bắt tay nhau, toàn thân run lên không cưỡng  
nổi.

Tên sĩ quan hô: "Bắn!"

Mười hai phát súng nổ thành một tiếng.

Xô-va đổ sập xuống một khối. Mô-rít-xô, thân lớn  
hơn, lắc lư, quay vòng và ngã vật xuống ngang mình  
bạn, mặt ngửa lên trời, máu sôi từ lỗ áo thùng ở  
ngực trào ra.

Tên Đức lại truyền lệnh khác.

Bọn lính tản đi rồi trở lại với những thùng và  
đá, chúng buộc vào chân hai xác chết, rồi khiêng ra  
bờ sông.

Núi Mông Va-lê-riêng không ngớt gấm lên, bây  
giờ thì cả một núi khói úp trên ngọn.

Hai tên lính đưa đầu đưa chân khiêng Mô-rít-xô  
lên, hai tên khác cũng khiêng Xô-va theo kiểu đó.  
Hai xác chết bị đu đi đu lại một lúc thật mạnh,



quăng ra xa, vẽ một đường vòng rồi nhào xuống sông, đứng người vì đá kéo chân xuống trước.

Nước bắn tung, sôi sục, gợn lên rồi trở lại yên lặng, chỉ còn những đợt sóng nhỏ lan đến tận bờ.

Một ít máu nổi lên.

Tên sĩ quan vẫn bình thản, khẽ nói: "Bây giờ đến lượt cá rìa".

Rồi hắn trở lại ngôi nhà.

Bỗng hắn nhìn thấy túi cá ở dưới cỏ. Hắn nhặt lên, ngắm nghía, mỉm cười, gọi to: "Vin-hem!".

Một tên lính chạy tới, ngực đeo tạp-dề trắng. Và tên Đức, ném cho hắn mớ cá của hai người bị bắn đã câu được, ra lệnh: "Đem rán ngay cho tao mớ cá này trong khi nó còn tươi. Tuyệt lắm đấy".

Và hắn lại ngâm tẩu hút thuốc.

*TRỌNG ĐỨC dịch*

## NHỮNG TÊN TÙ BINH

Trong rừng không một tiếng động ngoài tiếng tuyết lao xao rơi nhẹ trên cây. Từ buổi trưa một lần tuyết mịn rơi xuống, rắc lên cành cây một thứ bột giá lạnh, phủ lên lá khô trên những bụi rậm một thứ mái bạc nhẹ, rải xuống các ngả đường một tấm thảm bát ngát, mịn màng và trắng xoá, và càng làm thêm dày đặc cái im lìm mênh mông của biển cây ở chốn này.

Trước cửa ngôi nhà kiểng lâm, một thiếu phụ, cánh tay để trần, đang từng nhát rìu bổ củi trên một hòn đá. Chị ta cao lớn, xương xương, khoẻ mạnh, đúng là một cô gái sơn dã, vợ con dân sơn tràng.

Một tiếng gọi từ trong nhà ra:

- Bec-tin ơi, hôm nay chỉ có hai mẹ con ở nhà, tối rồi, về đi thôi, nhớ quân Phổ<sup>(1)</sup> và chó sói nó rình mò đấy.

---

(1) *Prussiens*: là người nước Phổ, (Prusse), một nước trong đế quốc Đức xưa. Ở đây, gọi lính Phổ hay lính Đức cũng là một (N.D.)

Cô gái sơn tràng vừa đáp vừa bổ mạnh rìu để bừa một gốc cây, làm cho ngực cô dướn lên mỗi khi giờ tay lên cao.

- Xong rồi, mẹ ạ. Con về đây, con về đây, việc gì mà sợ, trời hầy còn sáng.

Rồi chị ta khuân những bó củi cành và những củi súc vào chắt dọc bên lò sưởi, ra hạ những mái hiên xuống, những mái hiên to lớn bằng lõi gỗ sồi; sau cùng, chị vào nhà cài những chiếc then nặng để đóng cửa ra vào lại.

Bà mẹ chị - một bà già nhăn nheo, có tuổi đậm ra nhút nhát - đang kéo sợi bên lò lửa. Bà nói:

- Bố mày đi vắng là tao chẳng yên tâm tí nào. Hai người đàn bà thì chẳng khoẻ được với ai.

Người thiếu phụ trả lời:

- Ủ! Con thừa sức giết được một con sói hay một thằng lính Phổ.

Và chị đưa mắt trở về phía khẩu súng lục to treo trên lò sưởi.

Chồng chị đã nhập ngũ từ lâu, khi quân Phổ xâm lược, và còn trở lại hai người đàn bà ở với ông bố, lão gác rừng Ni-cô-la Pi-sông, tức lão Sếu, lão ta

khăng khăng không chịu rời ngôi nhà đề vào trong thành phố ở.

Thành phố gần đây là Rơ-ten, nguyên là một cứ điểm nằm cheo leo trên một núi đá. Thị dân ở đây rất yêu nước và quyết định kháng chiến chống quân xâm lược, đóng cửa thành lại cầm cự với cuộc bao vây của giặc theo truyền thống của thị trấn. Đã hai lần, dưới các đời vua Hăng-ri đệ tứ và Lu-i thứ 14, nhân dân Rơ-ten đã nổi tiếng vì những cuộc chống giặc anh dũng. Lần này họ sẽ lại làm như thế, nếu không thì trời đất nào! Chẳng thà để cho giặc thiêu chết hết trong thành.

Thế là họ đi mua đại bác và súng trường, trang bị dân quân, thành lập những tiểu đoàn và đại đội, và suốt ngày họ luyện tập ở thao trường quân đội. Tất cả mọi người, thợ làm bánh, người bán thực phẩm, hàng thịt, nô-te, thầy cò, thợ mộc, hàng sách, cả được sĩ nữa, thay phiên nhau tập trận, đều đặn, dưới sự chỉ huy của ông La-vi-nhơ, nguyên là hạ sĩ quan kỵ binh, nay bán hàng tạp hoá từ ngày lấy con gái ông cả Ra-vô-đăng, và được chia gia tài ngôi cửa hiệu của ông ta.

La-vi-nhơ lĩnh chức tư lệnh tham mưu của thị trấn, và; vì tất cả thanh niên trai tráng đều đi tòng quân, cho nên ông tập hợp tất cả những người còn lại thành đội ngũ cho họ luyện tập để chống giặc. Những người to béo đi ngoài phố bấy giờ là cứ đi theo bước thể dục cho tiêu bớt mỡ và thở được dài hơi, những người yếu thì vác đồ nặng để rèn luyện bắp thịt.

Và người ta chờ quân Phổ đến. Nhưng không thấy bóng quân Phổ đâu cả. Tuy nhiên chúng ở không xa; vì đã hai lần quân do thám của chúng đã xuyên rừng đến tận ngôi nhà kiếm lâm của Pi-sông, tức lão Sêu.

Lão gác rừng, chạy thật thụt như một con chồn, đã đến báo tin cho thành phố. Người ta đã nhắm súng đại bác sẵn sàng, nhưng quân giặc vẫn không ra mặt.

Ngôi nhà của lão Sêu dùng làm tiền đồn trong khu rừng A-vơ-lin. Lão ta cứ một tuần lễ hai lần đi mua lương thực và cung cấp cho dân thị trấn tin tức trong vùng.

Hôm đó lão đi để báo tin rằng một cánh quân nhỏ của bộ binh Đức đã dừng lại ở nhà lão cách đó một ngày, vào quăng hai giờ trưa, rồi lại đi ngay. Tên hạ sĩ quan chỉ huy nói tiếng Pháp.

Mỗi khi đi như vậy, lão thường đem theo hai con chó, hai con chó săn to, mồm sư tử, để đề phòng chó sói hồi bấy giờ bắt đầu về quấy dữ, và lão dặn lại hai người đàn bà ở nhà hễ tối đến là phải vào nhà chặn ngay các cửa ngõ cẩn thận.

Người đàn bà trẻ chẳng sợ hãi gì hết, nhưng bà lão già thì lúc nào cũng cứ run người lên và luôn mồm:

- Cơ sự này là rồi sẽ khổ, may xem đấy, rồi sẽ khổ.

Tối hôm đó, bà lão lại lo lắng hơn mọi ngày. Bà hỏi:

- May có biết mấy giờ bố về không?

- Ô! Chắc chắn là phải quá mười một giờ. Lần nào bố ăn tối ở nhà ông tư lệnh là cũng về muộn.

Và chị ta đang bắc nồi lên bếp lửa để nấu xúp thì bỗng ngừng tay, lắng tai nghe một tiếng động lào xào lột qua ống khói lò sưởi vào nhà.

Chị lâm bầm:

- Đó, có người đi trong rừng, đến bảy tám người là ít.

Bà mẹ hoảng hốt vừa hăm guồng sợi lại vừa lắp bắp nói:

- Ôi trời ơi! Thế này mà bố mày lại không ở nhà.

Bà chưa nói hết thì có tiếng đập dữ dội rung chuyển cả cửa.

Hai người đàn bà không trả lời thì một tiếng nói cuống họng thét lên:

- Mợ cựạ da!

Rồi, sau một lúc im lặng, vẫn tiếng nói đó gọi:

- Mợ cựạ da không phá bậy dơ!

Thế là Bec-tin rút vào túi váy khẩu súng lục trên lò sưởi, rồi áp tai vào cửa, chị hỏi:

- Ông là ai?

Tiếng nói đáp:

- Tôi là tiểu đội hôm xơ đây.

Người thiếu phụ hỏi lại:

- Ông muốn gì?

- Tôi và tiểu đội bị lạc trong rừng tự sáng đến giờ. Mợ da, không tôi phả cựa.

Cô gái sơn dã không có cách nào khác; chị đành phải đẩy mạnh cái then cửa to tướng ra và, khi cánh cửa nặng vừa mở thì, trong ánh mập mờ của tuyết, chị thấy sáu người đàn ông, sáu tên lính Phổ, vẫn những tên bữa trước. Chị hỏi bằng một giọng rần rỏi:

- Giờ này các ông còn đến đây làm gì?

Tên hạ sĩ quan nhắc lại:

- Tôi bị lạc, đi lung tung đôi nhận ra nha nay. Tư sáng tôi không ăn uống gì cạ, cạ tiểu đội cùng thế...

Bec-tin nói:

- Có điều là tối nay chỉ có mình tôi với mẹ ở nhà.

Tên lính, người có vẻ tử tế, trả lời:

- Không sao đâu. Tôi không lam hại đâu, nhưng chỉ cho chúng tôi ăn. chúng tôi vừa đói vừa mệt.

Cô gái sơn dã đứng lùi lại, nói:

- Mời các ông vào.



Bọn chúng vào, người lấm tẩm đầy những tuyết, trên mũ phủ một thứ kem bột, trông giống như những chiếc bánh làm bằng lòng trắng trứng trộn đường, và chúng có vẻ mệt mỏi, lả cả ra.

Người thiếu phu chỉ vào những chiếc ghế gỗ dài ở hai bên chiếc bàn lớn, và nói:

- Các ông ngồi xuống đây, tôi đi nấu xúp cho. Trông các ông có vẻ mệt lử ra thật đấy.

Rồi chị gái then cửa lại.

Chị lại đổ nước vào nồi, lại ném vào đó bơ và khoai tây, rồi tháo một miếng mỡ treo trên lò sưởi ra, chị thái lấy một nửa và cho vào nồi xúp.

Sáu tên lính đưa mắt nhìn theo từng cử chỉ của chị, với những con mắt háu đói. Chúng đã xếp súng, mũ vào một góc, và chúng ngồi chờ, ngoan ngoãn như những đứa trẻ ngồi trên ghế nhà trường.

Bà mẹ đã lại tiếp tục kéo sợi, mắt vẫn hốt hoảng len lén nhìn về phía những tên lính xâm lăng. Người ta không còn nghe thấy tiếng gì ngoài tiếng guồng sợi sè sè, tiếng lửa kêu lách tách, và tiếng nước sôi reo trong nồi.

Nhưng bỗng chốc một tiếng là lạ làm mọi người giật mình, cái gì như một hơi thở đục khàn thổi vào dưới cửa, một hơi thở thú vật, mạnh và phì phò.

Tên hạ sĩ quan Đức đã nhảy về phía để súng. Cô gái sơn đã gơ tay ngăn lại, và mỉm cười:

- Chó sói đấy mà. Chúng nó cũng như các anh thôi, chúng rình mò và đói bụng.

Tên lính không tin muốn xem, và cánh cửa vừa mở thì hắn thoáng thấy hai con vật xám to dài bước chạy vùn vụt.

Hắn trở lại ngồi xuống lẩm bẩm:

- Tôi không ngờ đây.

Và hắn chờ cho xúp chín.

Chúng ăn ngón ngấu, mồm rạch lên tận mang tai để ngón cho thật nhiều, con mắt tròn tròn theo hàm nhai nhồm nhoàm, với những tiếng ừng ực như ống máng.

Hai người đàn bà, im thít, nhìn theo từng chuyển động mau lẹ của những bộ râu xồm đỏ; và những củ khoai tây đường như chui tọt vào những đám lông rậm di động ấy.

Rồi đến lúc chúng khát, cô gái sơn dã liền đi xuống hầm lấy rượu táo cho chúng. Chị ta ở dưới đó rất lâu; đó là một chiếc hầm nhỏ khum khum, trong thời kỳ cách mạng nghe đâu đã dùng để vừa làm nhà giam và làm nơi cất giấu. Muốn xuống đó phải đi theo một cầu thang cuốn hẹp, có nắp đậy ở phía cuối bếp.

Khi Bec-tin trở lên thì chị cười, cười một mình, vẻ thâm hiểm. Và chị đưa cho bọn Đức bình rượu.

Rồi chị cũng đi ăn xúp với mẹ ở đầu bếp đằng kia.

Những tên lính đã ăn xong, và cả sáu tên đều ngủ chung quanh chiếc bàn. Chốc chốc lại nghe tiếng trán nện đánh huych xuống bàn và một tên lính sức tỉnh, ngồi ngay người lại.

Bec-tin bảo tên hạ sĩ quan:

- Nay các ông lại gần lửa mà ngủ, tội gì, có đủ chỗ cho cả sáu người. Còn tôi thì sẽ ngủ cùng với mẹ ở buồng tôi, trên kia.

Và hai người đàn bà leo lên gác. Người ta nghe tiếng họ khoá cửa, đi lại một lát, rồi im hẳn.

Những tên lính Phổ ngã lưng trên sàn lát, chân để cạnh lửa, đầu gối lên những chiếc áo khoác quần lại, và chẳng mấy lúc cả sáu đứa đều ngáy theo sáu điệu khác nhau, rít lên hay khò khò, nhưng đều liên hồi và âm âm như sấm.

Chúng ngủ đã lâu lắm, rồi thì bỗng một tiếng súng nổ vang lên, to đến nỗi tường ai bắn vào tường nhà vậy. Bọn lính chồm dậy lập tức. Nhưng rồi hai tiếng nổ khác, và tiếp theo ba tiếng nữa.

Bỗng cửa trên gác mở tung ra, và cô gái sơn dã chạy xuống, đi chân không, mặc áo lót, váy ngắn, một cây đèn nến trong tay, vẻ hoảng hốt. Chị ta áp úng:

- Quân Pháp đến đây, họ ít ra là hai trăm người. Nếu họ thấy các ông ở đây thì họ đốt nhà máy. Các ông mau xuống hầm, khế chứ. Nếu các ông làm âm lên thì ta chết cả lũ đấy.

Tên hạ sĩ quan cuống quýt, xì xào nói:

- Đệ tôi xuống, đệ tôi xuống. Theo lối nào?

Người thiếu phụ hấp tấp nhắc cái nắp hầm hẹp và vuông lên, và sáu đứa biến mất theo chiếc cầu

thang cuốn nhỏ, từng đưa một chui xuống hầm, giật lùi, chân dò từng bậc thang.

Nhưng khi chớp chọn của chiếc mũ cuối cùng vừa biến mất thì Bec-tin hạ tấm ván sồi nặng xuống, đây như một bức tường, rắn như thép, đóng và mở bằng những bản lề và một ổ khoá nhà ngục; chị ta vặn dài hai vòng chìa khoá, rồi ngả ra cười, một cái cười lạnh lẽ và khoái trá, lòng những muốn điên cuồng nháy nhót trên đầu những tên tù binh của chị.

Bọn chúng yên lặng không một tiếng động, bị giam trong đó như trong một chiếc hộp kiên cố, một chiếc hộp bằng đá, không khí chỉ lọt vào bằng một lỗ cửa sổ có chấn song sắt.

Bec-tin liền đó lại đi dóm lửa, bắc nồi lên, và lại nấu xúp, miệng lầm bầm:

- Đêm nay bố sẽ mệt đây.

Rồi chị ngồi chờ. Trong im lặng, duy có quả lắc vang âm của chiếc đồng hồ đưa đi đưa lại tiếng tích tắc đều đều.

Chốc chốc người thiếu phụ lại ngoắt nhìn lên mặt đồng hồ, một cái nhìn sốt ruột như muốn nói:

- Lâu quá.

Nhưng chẳng bao lâu hình như có tiếng xì xào dưới chân chị. Những lời nói khẽ, không rõ, lọt tới chị qua trần xây của chiếc hầm. Những tên lính Phổ bắt đầu đoán ra mưu mẹo của chị, và tức khắc tên hạ sĩ quan leo cầu thang nhỏ lên đám tay vào nắp hầm. Nó lại kêu lên:

- Mợ da.

Chị đứng lên, bước lại gần và, nhại giọng hán:

- Ông muốn đi?

- Mợ da.

- Tôi không mợ.

Tên lính nổi giận:

- Mợ da không ta phả cựa.

Chị ngả ra cười:

- Phá đi, chú mình, cứ phá đi, chú mình ạ.

Và hán bắt đầu lấy báng súng đập vào chiếc nắp hầm gỗ sồi, đập trên đầu hán. Nhưng cho có sơn pháo cũng chưa chắc đã phá nổi.

Cô gái sơn dã đã nghe tiếng hán lại trèo xuống. Rồi từng tên lính một, lần lượt lên thử sức và tra

xét chiếc nắp đây. Nhưng ý chừng nhận thấy không làm gì được, chúng lại xuống cả dưới hầm và lại bắt đầu bàn bạc với nhau.

Người thiếu phụ để ý nghe, rồi chị đi mở cửa ra bên ngoài lắng tai nghe trong đêm tối.

Một tiếng sủa đặng xa vắng lại. Chị liền huyết còi theo kiểu người đi săn và liền đó hai con chó to hiện ra trong bóng đêm, vừa chồm tới chị vừa nhảy vờn. Chị tóm lấy gáy chúng và giữ không cho chúng chạy. Rồi chị lấy hết hơi gọi:

- Bố hời!

Một tiếng đáp lại, còn xa lắm:

- Bec-tin hời.

Chị đợi vài giây rồi lại gọi:

- Bố hời:

Tiếng đáp gần hơn:

- Bec-tin hời.

Cô gái sơn dã nói:

- Bố đừng qua trước lỗ cửa hầm. Có quân Phò trong hầm đấy.

Và bỗng chốc bóng cao lớn của ông lão nổi lên phía bên trái, ngừng ở giữa hai thân cây. Lão lo lắng hỏi:

- Quân Phổ trong hầm à? Chúng làm gì đấy?

Người thiếu phụ ngả ra cười:

- Những thằng hôm qua ấy mà. Chúng nó bị lạc trong rừng, con đã nhốt sống chúng nó trong hầm rồi.

Và chị kể lại đầu đuôi câu chuyện, làm thế nào mà chị đã dọa được chúng bằng mấy phát súng lục và nhốt chúng vào hầm.

Ông lão vẫn lo ngại hỏi:

- Thế mà tính ta làm gì chúng trong đêm hôm nay?

Chị đáp:

- Bỏ đi gọi ông La-vi-nhơ mang quân tới. Ông ấy bắt chúng làm tù binh. Chắc ông ấy bằng lòng lắm đấy.

Và lão Pi-sông mỉm cười:

- Ủ đúng đấy, ông ấy sẽ bằng lòng.

Chị con gái lại nói:



- Có xúp để phân bố đây, bố ăn mau rồi lại đi đi.

Lão gác rừng ngồi vào bàn, và bắt đầu ăn xúp sau khi đã để xuống đất hai đĩa đầy xúp cho chó.

Bọn Phở nghe có người nói thì im bật.

Mười lăm phút sao lão Sếu lại ra đi. Và Bec-tin, tay ôm đầu, ngồi đợi.

Bọn tù binh lại bắt đầu hoạt động. Bây giờ chúng kêu gọi, không ngớt đập báng súng điên cuồng vào chiếc nắp hầm không suy suyển.

Rồi chúng xoay ra bắn súng qua lỗ cửa sổ, ý chừng hy vọng đám quân Phở nào đi vùng sẽ nghe thấy.

Cô gái sơn dã không nhúch nhích nữa; nhưng tất cả những tiếng đó làm cho chị bức dọc, cáu tiết. Chị nổi giận lên, chị muốn giết chết bọn chúng, những quân khốn kiếp, để chúng im đi.

Rồi, mỗi lúc một thêm sốt ruột, chị xoay ra nhìn đồng hồ, đếm từng phút.

Ông bố đi đã được một giờ rưỡi. Ông bây giờ đã đến thành phố. Chị tưởng như trông thấy ông. Ông lão kể lại chuyện cho ông La-vi-nhơ, ông này tái mặt

đi vì xúc động và bấm chuông gọi con ở để lấy cho ông quân phục và khí giới. Chị dường như nghe thấy tiếng trống chạy khắp các phố. Những đầu người hoảng hốt nhô ra các cửa sổ. Những dân quân ra khỏi nhà, quần áo mặc dở, hồng hộc thở, tay cài thắt lưng, và họ đi bước đều đến nhà viên tư lệnh.

Rồi đám quân do lão Sếu dẫn đầu, chuyển đi, trong đêm tối, trong mưa tuyết, tiến về phía rừng.

Chị nhìn đồng hồ: "Một giờ nữa họ có thể tới đây".

Chị sốt ruột sốt gan. Giờ phút như kéo dài ra vô tận. Chà lâu quá!

Cuối cùng, kim đồng hồ đã chỉ giờ mà chị đoán họ sẽ tới.

Và chị lại mở cửa ra để lắng nghe họ đến. Chị thoáng thấy một bóng người đi rón rén. Chị sợ hãi kêu lên. Thì ra là ông bố.

Ông lão nói:

- Họ phải bố về trước xem động tĩnh thế nào.
- Không có chuyện gì cả.

Thế là đến lượt lão, trong đêm hôm, huyết một hơi sáo rít lên và kéo dài. Và liền đó, người ta thấy

một vật gì sẫm tối tiến đến, dưới những lùm cây, lờ lờ, đó là tiền quân gần mười người.

Lão Sếu luôn mồm nhắc:

- Đừng đi qua trước lỗ cửa hầm.

Và những người đến trước chỉ cho người đến sau cái lỗ cửa đáng sợ.

Sau hết đại bộ phận đám quân đến, tất cả hai trăm người, mang theo mỗi người hai trăm viên đạn.

Ông La-vi-nhơ, cuống quýt, run lên, bố trí quân bao vây quanh khắp ngôi nhà, chỉ chừa ra một khoảng trống rộng trước lỗ cửa nhỏ đen ngòm, sát đất, qua đó không khí lọt vào hầm.

Rồi ông ta bước vào ngôi nhà, dò hỏi về lực lượng và thái độ quân giặc, bọn chúng đã im bật đến nỗi người ta tưởng như chúng đã bay qua cửa hầm, biến tan đâu mất.

Ông La-vi-nhơ nện chân xuống nắp hầm và gọi:

- Ngài sĩ quan Phô?

Tên Đức không trả lời.

Viên tư lệnh lại gọi:

- Ngài sĩ quan Phô?

Vô ích. Trong hai mươi phút liền ông thúc tên sĩ quan cầm lạng kia phải đầu hàng, nộp cả khí giới và quân trang quân dụng, vừa hứa bảo toàn tính mạng và danh dự quân nhân cho hắn và quân của hắn. Nhưng ông cũng chẳng nhận được dấu hiệu gì tỏ ra chúng nhận lời hay chống lại. Tình thế đâm ra khó khăn.

Những dân quân vừa nện gót giày xuống tuyết vừa lấy tay đập mạnh vào vai, theo kiểu những nước đánh xe ngựa khi họ muốn cho ẩm người; và họ cứ nhìn vào cửa hầm mỗi lúc một thêm thềm thềm muốn như trẻ con vượt qua trước lỗ cửa đó.

Cuối cùng, một người đánh liều, đó là gã Vô rượu, người rất nhanh nhẹn. Hắn lấy đà và chạy vượt qua như một con hươu. Việc mạo hiểm thành công. Bọn tử binh hình như chết cả rồi.

Một tiếng nói lớn:

- Không có ai cả.

Và một người lính khác vượt qua khoảng trống trước cái lỗ nguy hiểm. Thế là thành một trò chơi. Từng phút, từng phút, một người lao qua, từ bên này sang bên kia, như trẻ con chơi trò cướp quân,

và chân họ đập mạnh trên tuyết làm bắn toé lại sau. Người ta chất củi đốt những đồng lửa to để sưởi, và bóng chuyển động của người dân quân sáng rực lên trên đường chạy từ bên phải sang bên trái.

Có người kêu lên:

- Đến lượt mày, Ma-loa-dông.

Ma-loa-dông là một anh thợ làm bánh, người to béo, mà đồng đội ai cũng phải chết cười vì cái bụng của anh ta.

Anh chàng ngập ngừng. Mọi người chọc ghẹo hần. Thế là hần quả quyết đi ra, bước đi ngẩn theo lối thể dục, đều đặn và ì ạch, làm rung rung cái bụng phệ.

Tất cả đám quân cười đến chảy nước mắt. Họ kêu để khuyến khích:

- Hoan hô, hoan hô Ma-loa-dông!

Anh ta vừa vượt chừng được hai phần ba chặng đường, thì một tia lửa dài, loé đỏ, từ lỗ cửa hầm phụt ra. Một tiếng nổ vang lên, và anh thợ làm bánh đồ sộ chúi mũi ngã vật xuống với một tiếng thét kinh hãi.

Không một ai chạy đến cứu hấn cả. Thế là người ta thấy hấn lồm ngồm bò, lê trên mặt tuyết vừa rên rỉ, và, khi ra khỏi quãng đường ghê gớm, hấn ngất đi.

Hấn bị một viên đạn trúng vào bắp đùi, sát phía trên.

Cơn ngạc nhiên và hoảng sợ ban đầu vừa qua thì một tiếng cười vang lên.

Nhưng viên tư lệnh La-vi-nhơ hiện ra ở ngưỡng cửa ngôi nhà kiểm lâm. Ông ta vừa quyết định kế hoạch tấn công. Ông ra lệnh bằng một giọng sang sảng:

- Bác phó kềm Pơ-lăng-suýt và anh em thợ đâu?

Ba người bước lại gần.

- Tháo ống máng nhà này xuống.

Và trong khoảnh khắc người ta đã đem tới viên tư lệnh hai mươi thước máng.

Thế là ông ta sai đục một lỗ tròn nhỏ vào mép nắp hầm một cách hết sức thận trọng và khôn khéo, rồi vừa bố trí một ống dẫn nước từ máy bơm vào tới cửa hầm, ông vừa tuyên bố một cách khoái chí:

- Chúng ta sẽ mời các ngài Đức xơi nước.

Một tiếng reo hoan hô nhiệt liệt vang lên, tiếp theo là những tiếng rú lên thích chí và những tiếng cười điên cuồng. Và viên tư lệnh tổ chức những tập làm việc luân phiên nhau từng năm phút một. Rồi ông ra lệnh:

- Bơm đi, bơm.

Chiếc vô-lăng bằng sắt vừa chuyển động thì một tiếng rì rì luân theo dọc những ống máng và chẳng bao lâu nước đổ vào trong hầm, từng bậc thang xuống, với một tiếng reo như thác, một tiếng reo trong bể phun nước nuôi cá vàng.

Người ta chờ đợi.

Một tiếng đồng hồ qua, rồi hai tiếng, rồi ba tiếng.

Viên tư lệnh, lòng bồn chồn, đi lại trong gian nhà bếp, thỉnh thoảng lại áp tai xuống đất, vừa nghe ngóng đoán xem quân giặc làm gì, vừa tự hỏi chúng đã sắp hàng chưa.

Bọn giặc bảy giờ nhôn nhao lên. Người ta nghe thấy chúng chuyển những thùng rượu, nói xì xào, lội nước bì bõm.

Rồi, vào khoảng tám giờ sáng, một tiếng nói từ trong lỗ cửa hầm lọt ra:

- Tôi muôn nói với ngài sĩ quan Phap.

La-vi-nhơ qua cửa sổ trả lời vào, đầu không nhô ra quá:

- Các anh có chịu hàng không?

- Tôi xin hàng.

- Thế thì đưa súng ra bên ngoài.

Và lập tức người ta thấy một khẩu súng thò qua lỗ cửa và rơi xuống tuyết, rồi hai khẩu, ba khẩu, tất cả khi giới. Và cũng tiếng nói lúc nãy tuyên bố:

- Thôi hết đôi. Các ông mao lên. Tôi chết đôi mất.

Viên tư lệnh ra lệnh:

- Thôi.

Chiếc vô-lăng máy bơm rơi xuống không động đây.

Và, sau khi bố trí cho quân vào đầy nhà bếp, súng dựng bên chân đứng chờ, ông ta từ từ nâng cái nắp hầm gỗ sồi lên.

Bốn cái đầu thò ra, ướt đầm, bốn cái đầu tóc dài, màu hung hung nhạt, và người ta thấy lần lượt chui



lên cả sáu tên lính Đức, mình run cầm cập, ướt như chuột, kinh hoảng.

Chúng bị tóm và trói gố lại. Rồi, sợ bị đánh bắt ngờ, người ta ra đi ngay, chia thành hai toán, một toán dẫn những tên tù binh, còn toán thứ hai thì cáng Ma-loa-dông đi trên một chiếc đệm đặt lên mấy cây sào.

Họ chiến thắng trở về Rơ-ten.

Ông La-vi-nhơ được tặng thưởng huân chương vì đã bắt sống được một đội quân tiền vệ Đức, và anh thợ làm bánh bụng phệ được huy chương nhà binh vì bị thương ngoài mặt trận...

*TRONG ĐỨC dịch*

## MÙA CHIM GIẾ

Bà bạn thân mến của tôi, chắc bà sẽ hỏi tại sao tôi không trở lại Paris. Chắc là bạn ngạc nhiên và bạn nổi cơn tức bực phải không? Cái lý do mà tôi đưa ra đây, chắc hẳn sẽ làm cho bạn ngơ ngái: Làm sao một tay đi săn lại trở về Paris được đúng cái lúc mùa chim giế bay về.

Hiển nhiên, tôi hiểu và cũng yêu cuộc sống ở thành phố, tất bật ngay từ lúc từ trong phòng bước ra hè phố, nhưng tôi cũng thích sống tự do, cuộc sống khá quyết liệt vào mùa thu với người đi săn.

Ở Paris, dường như chẳng bao giờ tôi đi ra ngoài, bởi phố xá nào khác gì những ngăn phòng không trần. Dẫu là ngoài trời đấy, nhưng giữa hai bức tường, chân đặt lên những vỉa hè bằng gỗ hoặc bằng đá, cái nhìn bó hẹp giữa các toà nhà, chẳng có lấy một chân trời xanh nào, cũng chẳng có đồng bằng hoặc những trắng rừng. Hàng ngàn người lảng giềng chen vai thích cánh bên anh, xô đẩy, chào và trò chuyện cùng anh. Và khi phải đem ô ra che mưa, thì với tôi, còn đâu là ấn tượng về không gian nữa.

Mà mùa chim giẽ đã về.

Cũng nói để bạn hay là tôi ở trong một ngôi nhà lớn kiểu *Normand*, trong một thung lũng, bên cạnh một dòng sông nhỏ, và tôi săn bắn suốt cả ngày.

Những ngày khác, tôi đọc sách, tôi đọc cả những thứ mà đám đàn ông ở Paris không có cả thì giờ ngó tới, những thứ rất nghiêm túc, rất sâu sắc, rất hiếm kỳ, do một học giả thiên tài viết ra, một người nước ngoài, đã dành cả cuộc đời để nghiên cứu chỉ một vấn đề, đã quan sát, những sự việc quan hệ ảnh hưởng đến chức năng của các cơ quan của cơ thể chúng ta và trí tuệ.

Nhưng tôi muốn nói với bạn về mùa chim giẽ. Hai người bạn thân của tôi, anh em nhà Orgemol và tôi, đã ở lý tại đây, trong mùa săn và chờ đợi cái rét đầu mùa. Và khi trời se lạnh, chúng tôi đi tới trang trại của họ ở Cannelot gần Fécamp, bởi ở đó có một khu rừng nhỏ rất thú vị, một khu rừng nhỏ thánh thiện, nơi trú ngụ của đám chim giẽ vừa tới.

Bạn hẳn biết hai anh em Orgemol chứ, hai con người to lớn ấy, hai chàng dân Normands của thời đại tiền sử, hai gã trai gộc của dòng giống xa xưa, đầy quyền lực của những kẻ chinh phục, từng xâm

chiếm nước Pháp, nắm giữ nước Anh, dựng lên một thế giới cổ xưa dọc những bờ biển mọc lên những thành phố, như một làn sóng trên biển Sicile, kiến tạo một nền nghệ thuật đáng khâm phục, cướp bóc những đô thị kiêu sa, đẩy những giáo hoàng vào những mọo lửa tu sĩ, đùa cợt họ, cái đám giáo hoàng nước Ý đành hanh ấy, và, ném đám trẻ con trong khắp xó trên mặt đất. Những chàng Orgemol này là hai gã Normands chính hiệu, Normands đến tiếng nói, giọng điệu, ý thức, màu tóc vàng và cặp mắt màu biển cả.

Khi ở bên nhau, chúng tôi nói luyện thuyên suy nghĩ, hoạt động, theo kiểu người Normands và bọn tôi trở thành những gã Normands nhà quê hơn cả đám chủ trang trại.

Đã nửa tháng nay, bọn mình đợi chim giê về. Mỗi buổi sáng, Simon, cậu cả, bảo tôi: "Này, gió đã thổi sang hướng đông, trời sắp se lạnh đấy. Độ hai ngày nữa, chúng sẽ về".

Cậu em Gaspard, làm rõ thêm rằng, chính cái lạnh cóng báo hiệu chim về.

Thứ năm sau, cậu ta bước vào phòng tôi ngay sớm mai và kêu lên:

"Hay rồi, mặt đất đã trắng xoá. Hai hôm như thế này, chúng ta sẽ đi Cannetot".

Hai ngày tới, quả nhiên, chúng tôi đi Cannetot. Chúng tôi nhìn nhau mà cười. Chúng tôi đi chuyển trong một chiếc xe của phường săn mà cha tôi đã *dựng* từ hồi nào, hồi nào! *Dựng* là từ duy nhất, tôi muốn nói đến cái toà nhà chở khách này hay là đó là một "trận động đất" di động: Mọi thứ ở trong đó, thùng đựng thức ăn, thùng đựng vũ khí, chuồng có mắt lưới dành cho chó. Mọi thứ đều có nơi ẩn mình, trừ con người, bầu vào những dây ghế nhỏ có con tiện lênh khênh như nhà ba tầng được mang trên bốn chiếc bánh khổng lồ. Chui lên ngồi trên ấy chỉ có thể nhắc chân, nhắc tay, ngo ngoay đầu, chứ không đi lại nổi trong cái "công trình xây dựng" này.

Mà, hai anh em Orgemol và tôi, để leo núi, chúng tôi đã vận những bộ đồ của xứ Lapons. Áo da cừu, tất len dày, ủng da đi bên ngoài, chúng tôi đội mũ lông đen và đi găng lông thú trắng. Khi vừa yên chỗ, cậu người hầu của tôi, vút cho ba chú chó, Pif. Paf và Moustache. Pif cho Simon. Paf cho Gasprd và Moustache cho tôi. Có thể gọi chúng là ba con cá sấu có lông. Chúng dài, thấp, cong lại, với những

chiếc chân xoắn vào nhau, trong như một đám bụi gai vàng. Chúng tôi cứ thích nhìn vào những con mắt đen của chúng dưới đám lông mày và cái đám lông xồm trắng xù lên ở mõm chúng. Chúng tôi không nhốt chúng vào cũi trong xe. Mỗi người trong chúng tôi đều giữ nó trên người cho ấm.

Chúng tôi ra đi, lác la lác lự. Trời đỏ rét! Cóng dữ! Chúng tôi hài lòng. Khoảng năm giờ thì tới nơi. Chủ trại, ông Picot, chờ chúng tôi ở cổng. Đó là một con người mạnh mẽ, không cao lớn, mà ục ịch, cường tráng, mập, tinh quái, luôn luôn tươi cười, luôn hài lòng và biết cách làm ra tiền.

Mùa chim giê, chính là ngày hội của ông ta.

Trang trại rộng, một công trình già nua trong một vườn táo, bao quanh bởi bốn hàng cây giê gai để chống gió biển quanh năm.

Chúng tôi nhào vào bếp, mà củi đã nhóm cháy bùng bùng để đón chúng tôi.

Bàn ăn đặt đối diện với lò sưởi, trong đó đang quay một chú gà giò bụi trước lửa sáng chói, và nước táo trong chiếc đĩa đất nung đang rưới lên trên.

Bà chủ trại ra chào bọn tôi, một người đàn bà lạng lẽ, nhẩn nhụi, lo toan mọi thứ trong nhà này, trong đầu đầy việc và những con số, giá lúa, giá gia cầm, giá cừu, giá bò... Đó là một người đàn bà ngăn nắp, nền nếp và nghiêm khắc, biết giá trị của mình với xung quanh.

Cuối bữa đặt một chiếc bàn lớn, mà tý nữa, đám người ở sẽ đến ngồi theo thứ tự, người đánh xe, thợ cày, thợ học việc, các cô gái làm vườn, những người chăn cừu, những người này lạng lẽ ăn dưới con mắt linh lợi của bà chủ, nhìn chúng tôi ăn tối với ông Picot, luôn luôn pha trò gây cười. Và khi mọi người đã dùng bữa xong, bà Picot mới ăn cơm, một mình, một bữa ăn nhanh chóng, đạm bạc ở một góc bàn, vừa ăn vừa giám sát cô đầy tớ gái.

Những ngày thường bà ăn với mọi người.

Ba người chúng tôi ngủ trong một căn phòng trắng, trần trụi quét vôi trắng, mà chứa có ba cái giường, ba cái ghế dựa, ba cái chậu.

Gaspard luôn dậy trước và đánh thức mọi người âm ỉ. Nửa giờ sau, mọi người đều dậy, sẵn sàng đi với ông chủ Picot, ông cùng đi săn với chúng tôi.

Ông Picot cứ thích tôi dẫn ông đi! Sao lại thế! Trước hết tôi đâu có phải là chủ của ông. Mà hai chúng tôi đi theo cánh rừng bên phải còn hai anh em Orgemol thì tấn công vào cánh rừng phía trái. Simon còn dắt theo lũ chó, cả ba con đều có xích.

Bởi chúng tôi không săn chim giê mà săn thỏ. Chúng tôi đã thất bại về đi tìm chim giê, mà lại bắt gặp chúng. Đã thấy thì phải bắn. Khi mà người ta bắt gặp thì chẳng bao giờ tóm được đâu. Trong buổi sáng mát mẻ, người ta nghe thấy thứ gì là lạ và hay hay trong không khí. Và, cái tiếng lạc điệu của súng, rồi thứ tiếng kêu toáng lên của Gaspard từ xó nào đó: "Chim giê, chúng đấy".

Tôi thì quí hơn. Khi tôi bắn chim giê thì tôi lại kêu lên: "Thỏ", và tôi đã chiến thắng khi lôi những chú chim ra để cho bữa ăn trưa.

Bây giờ, chúng tôi đây, Picot và tôi, trong một khu rừng nhỏ, lá rụng thì thâm - không dứt, một thứ tiếng thì thâm khô khan và buồn bã. Trời rét, một thứ rét nhẹ nhàng, cái rét châm vào mắt, vào mũi, vào tai và rắc một lượt màng trắng lên trên cỏ, trên đất nâu đã cày. Nhưng người chúng tôi vẫn ấm rục nhờ bằng tấm áo da cừu. Mặt trời tươi tắn



trên nền xanh, không nóng lắm, mà tươi tắn, những buổi sáng mùa đông tươi mát mà đi săn thì thật tuyệt.

Kìa, một con chó đã sữa gắt lên. Đó là con Pif. Tôi nhận ra thứ giọng mảnh mai của nó. Rồi chẳng có gì nữa. Lại một tiếng sữa, có vẻ sắp vào cuộc đấu, và đến lượt con Paf sữa lên. Còn con Moustache thì sao? Chao ôi, con này sữa như một con gà mái bị bóp cổ. Chúng nó đã ngủi thấy một con thỏ! Coi chừng, ông chủ Picot!

Chúng bươn xa, chúng lại gần, tản ra rồi lại quay lại, chúng tôi theo những lối chúng dẫn đường, chạy tắt theo các con đường nhỏ, tỉnh táo, tay đặt vào cò súng.

Chúng chạy vào bãi phẳng. Chúng tôi cũng chạy theo. Thành linh, một vệt xám, một cái bóng băng qua đường. Tôi tỳ lên vai và tôi bắn. Một làn khói nhẹ bay lên không trung, tôi nhận ra một túm lông trắng động đập trên cỏ. Thế là tôi hét lên hết cỡ: "Thỏ thỏ, nó đang ở đây". Tôi chạy theo ba con chó, ba con ca sáu lông nhung, vẫy đuôi mừng tôi cuống quýt, rồi chạy đi tìm một con mồi khác.

Ông chủ Picot đã theo kịp tôi. Ông theo tiếng chó sủa. Người chủ trại bảo: Có lẽ đó là một chú thỏ rừng, ta hãy vào cuối bãi xem.

Nhưng đúng lúc tôi vừa ra khỏi khu rừng, tôi chợt thấy, đứng thẳng, cách tôi chừng mười bước, choàng tấm áo choàng rộng màu nâu nhạt, đội một chiếc mũ len và đây đây một chiếc bít-tát như mọi người chăn cừu ở nơi chúng tôi, đó là người chăn gia súc của ông chủ Picot, anh chàng câm, Gargan. "Chào, chàng chăn cừu". Anh ta giơ tay chào tôi, dù rằng chẳng nghe được tiếng tôi nói, nhưng cậu ta nhìn vào môi mấp máy của tôi.

Tôi biết anh ta đã mười lăm năm, người chăn cừu ấy. Từ mười lăm năm trước đây, tôi đã thấy anh, mỗi độ thu về, đứng ở bên bờ hoặc giữa cánh bãi, cái thân không nhúc nhích mà tay thì đang đan. Đan gia súc thì lữ lữ theo anh, hoàn toàn tuân theo ánh mắt của anh.

Ông chủ Picot, bóp vào cánh tay tôi:

- Anh có biết anh chăn cừu này đã giết vợ không?

Tôi hoảng hốt:

- Gargan ư? Cái anh chàng câm điếc này?

- Phải, mùa đông ấy, anh ta phải ra hầu toà ở Rouen. Tôi sẽ kể cho anh sau.

Ông kéo tôi vào cánh rừng lúp xúp, tránh để anh ta trông thấy những lời qua cặp môi của ông chủ. Có thể anh chẳng nghe ra cái gì nhưng trước mặt anh ta thì anh hiểu và ông chủ, trái lại, như một thầy phù thủy đoán ra được tất cả những ý đồ của anh chàng câm, hiểu được hết các cử chỉ qua các ngón tay, cái núng má và qua ánh mắt của anh chàng.

Câu chuyện giản đơn này, nghe buồn thảm, như thể nó đã xảy ra ở khu bãi này, ở cái lần nào... Gargan là con một người thợ đào đất thó, một trong đám đàn ông đến cái bãi đất thó để lọc ra một thứ đá mềm, trắng và nhão, và tung ra trên đất<sup>(1)</sup>. Căm và điếc bẩm sinh, người ta nuôi anh bằng cách giao cho chăn đám bò cái đưa vào vắt sữa.

Rồi được cha của Picot đón về, anh ta thành người chăn thả của trang trại. Đó là một tay chăn thả giỏi, tận tâm, thẳng thắn, và anh đã biết cách

---

(1) Một thứ đất khoáng có thể làm tốt ruộng.

bù đắp vào tật nguyên của mình, mà nhiều người như anh không biết cách.

Khi Picot được cai quản trang trại, Gargan đã ba mươi tuổi. anh ta cao lớn, gầy, rậm râu, râu rậm như một trưởng lão.

Cũng thời gian này, một người đàn bà trong vùng, rất nghèo, bà Martel chết để lại cô con gái nhỏ mười lăm tuổi, người ta gọi là cô *giọt*, với cơ rằng cô này cũng thích uống rượu.

Picot đón cô nàng rách rưới này về - để sai vặt, nuôi không công, và luôn thay đổi công việc của cô. Cô ta ngủ trong kho lúa, trong chuồng bò hoặc chuồng ngựa, trên rơm khô hoặc cả trên phân bò, bất kỳ ở đâu, miễn là người ta quảng cho cô một chiếc giường trơn. Nhưng rồi xảy ra chuyện, cô ta dan díu với anh chàng điếc và cặp kè luôn với anh ta. Hai con người khốn khổ ấy xum họp làm sao đây? Làm sao họ hiểu được nhau? Anh ta chưa hề biết đến một người đàn bà nào trước cái cô bé đông dài ở kho thóc ấy, anh ta nào có trò chuyện với ai bao giờ. Cô ả đã tìm đến anh trong chiếc lều chăn di động và lôi anh vào cuộc. Nàng Ê-va đã trao thân cho chàng bên một lè đường? Không ai biết. Chỉ biết

duy nhất, một ngày kia, họ sống với nhau như vợ chồng.

Nhưng, vị tu sĩ biết, cuộc xum họp này chưa cầu nguyện ở nhà thờ, liền nổi giận. Ông ban lời quở trách đến bà Picot, lo lắng cho ý thức với chúa và doạ sẽ có những hình phạt thần bí với bà. Phải làm gì đây? Rất đơn giản. Bảo họ phải đến làm lễ cưới ở nhà thờ và đến toà thị chính. Anh và ả chẳng ai chịu đi, bởi, chàng, không có lấy một chiếc quần đùi lành, và nàng, thì chỉ có chiếc váy vá chằng vá đụp. Nhưng nào ai dám chống luật lệ và tôn giáo, khi hai thế lực này không vừa lòng. Người ta buộc hai người đến, trong một tiếng đồng hồ, ở trước ông thị trưởng và vị tu sĩ, và người ta đã công nhận cho đám cưới là hợp pháp tức thì.

Nhưng cũng chính từ đó, nảy sinh ra một thứ trò ở vùng này (tha lỗi cho tôi với cái từ thô thiển này) là làm kẻ ngoại tình với anh chàng khôn khéo Gargan. Trước khi anh ta cưới vợ, không ai nghĩ là sẽ ngủ với cô Giọt nhưng bây giờ thì, ai cũng muốn đến lượt mình, như thể chuyện cười. Hầu như ai cũng qua đây với chiếc cốc nhỏ, tìm lạc thú ở sau lưng người chồng. Cuộc phiêu lưu đã thành tai tiếng

ở xung quanh khi mà các quý ông nhà Godevilles trông thấy.

Chỉ với nửa lít rượu, cô Giọt đã phô luôn cái cảnh khó trông, cho dù ở bên một cái hồ, sau một bức tường, trong khi đó người ta nhìn thấy cái đáng bất động của Gargan, đang đàn chiếc bít tất cách đó một trăm bước và đang theo dõi đàn gia súc. Và chúng cười nhạo, hện nhau kéo đến các quán cà phê địa phương, rồi chúng cứ bàn tán suốt vì chuyện đó, cả tối, trước đông lửa. Rồi, gặp nhau trên đường, họ cũng hỏi nhau: Thế nào đã nhò giọt cho cô Giọt chưa? Họ biết thừa những điều họ đang đùa cợt.

Người chăn gia súc coi như không thấy. Nhưng một hôm, cái gã Poirot de Sasseville, làm hiệu cho vợ của Gargan sau chiếc cối xay, bằng cách gở cho ả thấy một chai rượu đầy. Cô ả hiểu ngay và cười chạy ra. Lúc mà bọn này đang bận bịu vào cái công việc tội lỗi kia thì gã chăn gia súc ập xuống chúng khá bất ngờ. Poirot chạy trốn, chạy tới số, chiếc quần đùi còn mắc vào gót chân, trong khi anh chàng cầm, với những tiếng thét như loài thú, bóp chặt cổ vợ hắn.

Những người đang làm việc ở khu bãi chạy tới. Nhưng chậm mất rồi. Lưỡi cô ả đã đen, mắt lồi ra, máu xộc ra ở mũi. Cô ả đã chết.

Anh chàng chăn gia súc phải đem ra xử ở toà án Ronen - Bởi gã câm, nên Picot phải làm thông dịch. Những chi tiết về vụ việc này làm vui nhộn cả đám người tại phiên toà. Nhưng người chủ trại chỉ có một ý nghĩ: đó làm cách nào để toà tha bổng người chăn cừu của mình, và ông ta đã có một trò lấu cá.

Ông kể lại tất cả câu chuyện của chàng câm và kể cả chuyện đám cưới, và khi đến chuyện phạm tội thì ông ta bắt đầu hỏi kẻ giết người.

Cử toạ im phăng phắc.

Picot chậm rãi hỏi: "Anh có biết vợ anh lừa anh không?". Cùng lúc, ông ta điệu bộ ra hiệu bằng đôi mắt.

Người được hỏi trả lời không với cái lắc đầu.

"Anh đã ngủ ở cối xay khi anh chợt thấy?" Ông ta làm cử chỉ của một con người, khi thấy một chuyện gớm ghiếc.

Anh chàng câm trả lời vâng, với cái gật đầu.

Rồi, người chủ trại bắt chước những dấu hiệu của ngài thị trưởng đã chứng thực đám cưới bắt chước vị tu sĩ, người duy nhất nhân danh Chúa Trời, và hỏi người đầy tớ của mình có phải đã giết vợ anh ta bởi vì ả đã lòi về trước anh ta và trước trời xanh, cái đám đàn ông kia...

Người chăn gia súc lại gật đầu thừa nhận.

Picot bảo anh ta: "Nào, hãy diễn tả lại điều gì đã xảy ra!".

Thế là người câm làm điệu bộ diễn tất cả cái cảnh ấy. Anh ta tả lại việc mình ngủ ở cối xay, rồi chợt thức khi thấy rơm động đây, và chàng lặng nhìn và đã thấy sự việc.

Anh ta đứng vụt dậy giữa hai người cảnh binh rồi vội vã, anh bắt chước những động tác như nhóp của đôi gian phu, dâm phụ bày ra trước mắt.

Cả gian phòng xử án cười ầm lên, rồi ngừng bật, bởi gã chăn gia súc, đôi mắt dữ tợn, há miệng, rung chòm râu rậm như muốn cắn vào một vật gì, cánh tay choàng ra, đầu vươn về phía trước, anh diễn tả lại hành động ghê tởm của kẻ giết người đã bóp cổ một sinh vật.



Anh ta hét lên ghê rợn, tưởng như cơn tức giận lúc ấy vẫn y nguyên và những người cảnh binh phải túm lấy anh, bắt ngồi xuống và bắt anh yên lặng.

Một trận rừng mình kinh hãi lan ra khắp cử tọa. Và, ông chủ Picot, đặt tay lên vai người đầy tớ của mình, nói nhẹ nhàng: "Người đàn ông này quả trọng danh dự!".

Và toà tha bổng cho người chần gia súc.

Về phần tôi, bà bạn thân mến ạ, tôi lắng nghe, rất cảm kích, cái câu chuyện phiêu lưu mà tôi vừa kể bạn nghe, xem ra có phần thô lỗ, nhưng, không gì thay đổi được câu chuyện của ông chủ trại, một khi, tiếng súng đã vang lên ở giữa khu rừng và cái tiếng dũ dầm của Gaspard gầm lên trong gió như một phát đại bác!

"Chim giê. Chúng đây rồi"

Và, thế là, tôi dành hết thời gian cho việc săn lùng chim giê khi chúng bay qua, và cũng là lúc, bạn thấy đấy, rừng choàng lên những mảng trời đông giá đầu mùa...

*NGÔ VĂN PHÚ dịch*

## THỨC TỈNH

Từ ngày lấy chồng cách đây ba năm nàng chưa hề rời khỏi thung lũng Xirê, nơi chồng nàng làm chủ hai nhà máy sợi. Nàng sống trầm lặng, không con, sống hạnh phúc trong căn nhà nấu mình dưới các lùm cây, nơi những người thợ gọi là "pháo đài".

Ông Vaxơ hơn nàng nhiều tuổi, là một người tốt bụng. Nàng yêu ông và chưa bao giờ có một ý nghĩ tội lỗi nào len lỏi vào trái tim nàng. Mùa hè nào mẹ nàng cũng về sống ở Xirê, sau đó lại trở về Pari sống qua mùa đông khi lá cây bắt đầu rơi rụng.

Mùa thu nào Fan cũng hơi bị ho. Thung lũng chật hẹp có con sông lượn lờ này cứ bốc khói mù mịt suốt năm tháng liền. Những đám sương mù nhẹ nhàng bồng bênh trên những thảm cỏ làm cho những đáy thung giống như một cái hồ lớn có những mái nhà bập bênh. Sau đó đến một đám mây trắng nổi lên như vạt nước triều bao trùm muôn vật, biến khu đồi thành một xứ sở ma quái, trong đó những con người trượt dài như những cái bóng và không còn nhận ra nhau sau mười bước chân. Cây cối được

bọc trong sương khói cứ vươn thẳng lên, thân cành mốc meo trong hơi ẩm ướt.

Nhưng những người đi ngang qua nơi sườn đồi bên cạnh vẫn nhìn thấy cái hốc thung lũng màu trắng, vẫn thấy nổi bật lên bên trên những đám sương tích tụ xấp xỉ ngọn đồi hai cột ống khói khổng lồ từ hai nhà máy của ông Vaxơ suốt ngày đêm nhả vào nền trời hai vệt khói đen cuộn cuộn như rắn.

Chỉ có cái hiện tượng ấy mới chứng tỏ được rằng người ta vẫn còn đang sống trong lòng thung đầy áp một thứ mây bông.

Vậy là năm nay, khi tháng Mười tới, thầy thuốc đã khuyên người thiếu phụ đi Pari nghỉ đông với mẹ, bởi lẽ không khí thung lũng này đã trở nên nguy hiểm cho lồng ngực của nàng.

Nàng đã ra đi.

Những ngày đầu tiên nàng cứ liên miên nghĩ về ngôi nhà nàng vừa rời bỏ, nơi nàng đã có bao nhiêu thói quen, nàng đã yêu mến mọi vật dụng trong nhà và nếp hoạt động trầm tĩnh. Rồi nàng cũng đã quen với cuộc sống mới và bắt đầu có hứng thú với

những ngày hội hè, những bữa ăn tối, những buổi dạ hội và những lúc khiêu vũ.

Cho đến bây giờ nàng vẫn còn giữ được phong cách của một cô thanh nữ, một cái gì đó mơ hồ lãng đãng, những bước đi hơi kiêu cách, một nụ cười có phần kiêu bạc. Nàng trở nên sôi động, vui vẻ, luôn luôn đón nhận niềm vui. Các bậc mày râu cứ chạy theo nàng. Nàng thấy vui với những câu chuyện ba láp đùa rờn với thói ga lăng của họ, nàng tin rằng nàng sẽ chồng đờ được hết và thấy có phần chán chường tình yêu vì đó là thứ nàng đã học được trong cuộc hôn nhân.

Cái ý nghĩ phải hiến thân mình cho những pha âu yếm thô bạo của những sinh vật mày râu kia khiến nàng bật cười thương hại và hơi rùng mình đổ kỵ. Nàng ngạc nhiên tự hỏi làm sao những người phụ nữ lại có thể đồng tình với những cuộc tiếp xúc đồi bại với những con người xa lạ, cho dù họ đã sống xa người chồng chính thức của mình. Nàng thấy mình vẫn sẽ yêu chồng mình say đắm hơn cho dù họ chỉ sống như hai người bạn, chỉ trao cho nhau những nụ hôn thanh khiết là những nguồn âu yếm tâm hồn.

Nhưng nàng lại rất thích nghe những lời xưng tụng, những đam mê bộc lộ trong những đôi mắt mà nàng không hề chia sẻ, những đòn tấn công trực diện, những lời tuyên bố rót vào tai nàng khi người ta trở về phòng khách sạn, những bữa ăn ngon miệng, những lời dung tục thâm thì khiến người ta phải đoán ra mới hiểu, những lời lẽ khiến da thịt nàng ớn lạnh và trái tim nàng thất vọng, những kiểu cách ấy khơi dậy trong lòng nàng thói đồng đánh vô thức, đốt lên trong đáy tim nàng ngọn lửa thoả mãn, khiến đôi môi nàng nở hoa, đôi mắt nàng ngời sáng, khiến nàng thấy xốn xang tâm hồn của người phụ nữ đang là nơi thu hút mọi nguồn yêu thương.

Nàng thấy yêu thích những cuộc gặp mặt vào những buổi chiều rơi, nơi lò sưởi, trong phòng khách tối sẫm khi người đàn ông trở nên hấp tấp, ấp úng, run rẩy và quỳ gối. Đối với nàng đó là niềm vui thanh cao và mới mẻ được cảm thấy một niềm say mê chưa bao giờ lướt qua đời nàng, được lắc đầu hoặc nhếch mép ra hiệu chối từ, được rút tay trở lại, được đứng lên, được lạnh lùng lắc chuông đòi hỏi châm đèn, được nhìn thấy người ấy đứng lên bôi

ról, giận dữ và run rẩy khi nghe thấy tiếng chân người hầu bước tới.

Nàng đã thốt ra những tiếng cười khô khan làm giá lạnh những lời cháy bỏng, những tiếng nói cứng rắn như một vôi nước băng giá dội vào những phản ứng chống đối hung hăng, những ngữ điệu khiến những kẻ nào yêu nàng cuồng nhiệt phải tự tử mà chết.

Có hai chàng trai theo đuổi nàng mãnh liệt nhất. Thế nhưng họ chẳng hề giống nhau chút nào.

Một người tên là Pôn Pê-rô-nen, đó là một gã thanh lịch, hào hoa và dũng cảm, con người có nhiều vận may, một người biết chờ đợi và lựa chọn thời cơ.

Một người nữa tên là A-văng-xen, anh chàng cứ run lên mỗi khi tiến lại gần nàng, rất ít khi để cho người khác đoán được tình cảm dịu dàng của mình, nhưng cứ bám sát nàng như hình với bóng và chỉ nói ra lòng ham muốn tuyệt vọng của mình bằng những cái nhìn vội vã và bằng thói chuyên cần hiện diện bên nàng.

Người thứ nhất nàng đặt tên là "Đại úy Frăng-cát" người thứ hai là "con cừu Trung Tín", anh chàng này bị nàng biến thành một thứ nô lệ gắn theo mỗi bước chân nàng và được nàng sử dụng như một đầy tớ.

Nàng sẽ cười đến chết nếu người ta bảo rằng nàng đã yêu chàng.

Tuy nhiên nàng cũng yêu chàng theo một cách riêng. Cũng vì nàng cứ luôn luôn gặp mặt, nên nàng đâm ra quen với giọng nói, cử chỉ và dáng dấp của chàng, giống như người ta quen với những người thường xuyên chung sống.

Trong các giấc mơ khuôn mặt ấy vẫn ám ảnh nàng, nàng lại bắt gặp chàng như trong cuộc sống: vừa dịu dàng, tỉnh táo lại vừa say mê một cách khiêm nhường, khi tỉnh dậy đầu óc vẫn còn nặng trĩu ký ức của những suy tưởng, vẫn còn như nghe thấy tiếng chàng, cảm thấy có chàng bên cạnh. Thế rồi, một đêm (có thể là nàng bị sốt), nàng thấy mình với chàng, hai người ngồi trên thảm cỏ trong khu rừng nhỏ.

Chàng nói những lời quyến rũ trong khi siết chặt tay nàng và hôn lên đôi bàn tay ấy. Nàng cảm nhận

được da thịt chàng nồng ấm và hơi thở chàng dồn dập; và lẽ đương nhiên, nàng ve vuốt tóc chàng.

Trong giấc mơ bao giờ người ta cũng khác hẳn đời thường. Nàng thấy mình tràn đầy lòng yêu thương chàng, một thứ yêu thương tĩnh lặng và sâu sắc, nàng thấy sung sướng được chạm môi lên trán chàng và ghì siết đầu chàng.

Dần dà chàng quàng tay ôm lấy eo nàng, chàng hôn nàng vào má, vào mắt mà nàng không hề làm gì để đẩy chàng ra và rồi hai cặp môi tìm gặp lấy nhau - Nàng đã buông thả lòng mình.

Đó chính là (thực tế không bao giờ có những cuộc thăng hoa như thế), đó chính là một giây phút hạnh phúc siêu cảm, siêu phạm, một thứ hạnh phúc lý tưởng và nhục thể, thứ hạnh phúc điên rồ không sao quên được.

Nàng tỉnh dậy run rẩy, hoảng loạn, không ngủ lại được lúc nào cũng thấy mình bị chàng ám ảnh, chiếm đoạt.

Và khi gặp lại chàng, thấy chàng không hay biết gì về tâm trạng thác loạn của nàng do chính chàng đã gây ra, thì nàng thấy mình đỏ mặt, và trong khi



chàng rụt rè nói lời yêu đương với nàng thì nàng vẫn không ngừng nhớ lại, cái ý nghĩ ấy nàng không sao vứt bỏ đi được, nàng vẫn không ngừng nhớ lại đôi tay ôm ấp dịu ngọt của chàng trong giấc mơ qua.

Nàng đã yêu, nàng đã yêu chàng với một niềm thương cảm lạ kỳ, tinh tế và nhạy bén, được hình thành chủ yếu nhờ kỷ niệm trong mơ, mặc dù nàng nghi ngờ rằng lòng ham muốn được thức tỉnh trong tâm hồn nàng khó lòng thực hiện được.

Cuối cùng chàng đã nhận ra sự thật. Và nàng đã nói hết với chàng, đến cả chuyện những cái hôn của chàng khiến nàng sợ hãi. Nàng đã bắt chàng phải thề rằng chàng vẫn kính trọng nàng.

Chàng đã tôn trọng nàng thật. - Họ đã chung sống với nhau những giờ phút yêu đương tha thiết triền miên, khi chỉ còn hai tâm hồn quấn quít lấy nhau. Sau đó họ chia tay nhau, đầu óc mụ mẫm, thất thần, phát sốt phát rét.

Thình thoảng đôi môi họ lại gắn vào nhau, họ nhắm mắt, nhắm nháp cảm xúc âu yếm kéo dài mà trong sạch đó.

Nàng hiểu rằng nàng không chống cự được lâu và vì nàng không muốn đầu hàng nên nàng đã viết thư cho chồng nói rằng nàng muốn trở về cạnh chồng và trở lại cuộc sống êm đềm, cô quạnh.

Chồng nàng viết trả lời một bức thư thật hay, khuyên nàng đừng trở về vào giữa mùa đông, đừng liều mình thay đổi chỗ ở bất thường để chịu đựng sương mù giá buốt của thung lũng.

Nàng bị hạ gục và thấy căm tức cái con người cả tin, không hiểu gì cả, không xét đoán được những cơn giằng xé trong trái tim nàng.

Tháng Hai trời trong sáng và dịu mát và mặc dù giờ đây nàng đã tránh không ngồi lâu một mình với con cừu Trung Tín, nhưng đôi khi nàng cũng chấp nhận cùng đi xe với chàng dạo chơi quanh hồ vào lúc hoàng hôn.

Chiều hôm ấy có người nói rằng trời có gió ấm thì nhựa cây sẽ lên nhanh. Chiếc xe ngựa nhỏ đi nước kiệu; đêm dần buông; họ siết chặt tay nhau. Nàng nói: "Thế là hết, thế là hết, ta đã mắc vào vòng trầm luân rồi", vừa nói nàng vừa cảm thấy trong lòng dâng lên một nỗi khát khao, một nhu cầu khẩn thiết được ghi ôm mà nàng đã được đón nhận

trộn vện trong mơ. Hai cặp môi lúc nào cũng tìm gặp nhau, siết chặt lấy nhau và chỉ rời nhau ra để có cơ tìm lại.

Chàng không dám lại đưa nàng về nhà, mà chỉ chia tay nàng ngoài cửa trong trạng thái nàng đang cuồng si và mệt rã.

Trong khi đó chàng Pôn Pê-rô-nen vẫn đang chờ nàng trong phòng khách nhỏ bé không đèn.

Khi nắm tay nàng, chàng cảm thấy nàng đang bị một cơn sốt cao hành hạ. Chàng bắt đầu nói giọng nhỏ nhẹ, dịu dàng và hào hoa như hát ru tâm hồn nàng đang chìm đắm trong bùa ngải của những lời nói yêu đương. Nàng lắng nghe không đáp lại, đầu óc vẫn mơ tưởng đến một người khác, vẫn định ninh nghe lời người khác, tưởng như cảm nhận có người ấy ôm sát bên mình, dường như nàng đang trong một thứ ảo giác nào đó. Nàng chỉ nhìn thấy người ấy, chỉ tự nhủ mình rằng vẫn có một người khác trên đời, và khi tai nàng rung lên lúc nghe ba chữ: "Anh yêu em", thì đúng là người ấy, một người khác, đúng là người ấy nói những chữ ấy, người đã hôn lên những ngón tay nàng, chính người ấy đã ghì ôm ngực nàng như vừa mới đây ngồi trên xe ngựa, chính

người ấy đã đặt lên cặp môi nàng những cái ve vuốt chiến thắng, chính người ấy đã ôm lấy nàng, ghì lấy nàng, người mà chính nàng đã gọi tên bằng cả xúc cảm của trái tim và bằng cả nhiệt huyết của cơ thể.

Khi nàng bừng tỉnh sau giấc mơ kia, nàng bỗng kêu lên một tiếng khủng khiếp.

Đại úy Fra-cát đang quỳ gối bên nàng, đang say sưa cảm ơn bằng cách phủ những nụ hôn lên mái tóc rối bù của nàng. Nàng kêu lên: "Cút đi! Cút đi! Cút đi!"

Và chính vì chàng không hiểu gì và vẫn cố gắng ôm lấy eo nàng nên nàng vặn mình, lấp bấp: "Anh là một kẻ đê tiện, tôi căm thù anh, anh đã cướp đoạt đời tôi, anh cút đi!".

Anh chàng đứng lên, choáng váng, cầm lấy mũ rồi bước ra.

Ngày hôm sau nàng trở về thung lũng Xi-rê.

Chồng nàng kinh ngạc, lên tiếng trách nàng đã quyết định điên rồ.

"Em không thể nào sống xa anh hơn nữa", nàng nói. Ông thấy tính nết nàng có thay đổi, buồn rầu hơn trước, hỏi: "Em có chuyện gì thế? Em có vẻ khổ

sở. Em muốn gì vậy?". Nàng đã trả lời: Không có gì cả. Chỉ có những giấc mơ về những điều tốt lành trong cuộc đời".

Mùa hè năm sau con cừu Trung Tín đến thăm nàng.

Nàng đã tiếp không chút rung động và không hối tiếc khi chợt hiểu rằng trước đây nàng chỉ có một lần yêu chàng trong một giấc mơ, mà giấc mơ ấy Pôn Pê-rô-nen đã phũ phàng đánh thức.

Nhưng chàng trai vẫn cứ yêu nàng, lúc quay ra chàng nghĩ: "Quả thật đàn bà là những người thật phức tạp và thật bí hiểm lạ lùng".

*ĐỨC MÃN dịch*

## NGƯỜI GÁC RỪNG

Sau bữa ăn tối, mọi người kể lại những cuộc phiêu lưu và những tai nạn đi săn.

Một người bạn cũ của chúng tôi. Ông Bô-ni-phát, một tay săn sát thú và cũng là một bợm rượu, một người vạm vỡ và vui tính, một con người có lý trí biết điều và hay triết lý, một thứ triết lý khôi hài và nhần nhục, thể hiện qua những câu chuyện cười châm biếm chứ không bao giờ bằng những nỗi sâu muộn, ông ta bỗng nói:

“Mình có một câu chuyện, một chuyện đi săn, hay đúng hơn, một thâm kịch đi săn khá đặc sắc. Nó không giống một tí nào với những gì mà mọi người thường biết trong thể loại này; vì vậy, mình chưa hề kể cho ai nghe, vì nghĩ rằng nó chẳng gây thích thú cho ai”.

“Nó không được thiện cảm, các bạn có hiểu mình không? Mình muốn nói rằng nó không có cái thứ hấp dẫn có thể lôi cuốn, hoặc mê hoặc, hoặc gây xúc động người nghe một cách dễ chịu”.

“Câu chuyện như sau:

Lúc ấy, mình khoảng ba mươi lăm tuổi, và mình đi săn như một thằng điên.

Vào thời ấy, mình có một mảnh đất nằm rất hẻo lánh trong vùng lân cận của Giuy-mi-e-giơ<sup>(1)</sup>, nó được bao bọc toàn là rừng, và là nơi lý tưởng của họ hàng nhà thờ. Hàng năm, mình đến đây một mình trong bốn, năm ngày thôi, vì cơ ngơi không cho phép mình dẫn bè bạn theo.

Mình đã cử một viên hiến binh về hưu làm nhiệm vụ canh gác ở đó. Ông ta là một con người trung thực, dũ dằn, nghiêm khắc khi thi hành mệnh lệnh, khủng khiếp đối với bọn săn trộm, và không sợ chi cả.

Ông ta sống xa làng mạc, và đơn độc trong một căn nhà nhỏ, nói đúng hơn, đó là một căn nhà tồi tàn gồm hai phòng ở dưới dùng làm nhà bếp và kho ủ rượu, và hai phòng ở trên lầu. Một trong hai phòng ấy như một cái hang, vừa đủ kê một cái giường, một cái tủ và một ghế dựa, được dành riêng cho mình.

---

(1) Jumilèges, khu di tích của một thư viện thời đế quốc La Mã nằm trong tỉnh Xen Duyên hải (Pháp).

Lão Ca-va-li-ê chiếm phòng còn lại. Nói rằng ông sống đơn độc trong căn nhà này thì cũng không đúng. Ông nuôi một thằng cháu, một thứ tướng cướp mười bốn tuổi, để đi mua bán lật vặt trong làng cách đó khoảng ba cây số, và để giúp ông những việc hằng ngày.

Hắn gầy gò, cao lêu nghêu, hơi không, tóc hắn hơi vàng, giống như lông tơ của gà mái, và lứa thưa như hói. Ngoài ra, hắn có đôi chân to tướng và đôi bàn tay khổng lồ.

Hắn hơi lé và không bao giờ nhìn ai cả. Trong loài người, hắn cho mình có cảm giác như một con thú hôi hám đối với đồng loại của nó. Nó là một con chồn hôi, hay cáo, cái thằng nhãi ấy.

Nó ngủ trong một cái hốc trên chiếc cầu thang nhỏ dẫn lên lầu.

Nhưng trong thời gian lưu lại ngắn ngủi của mình ở "Sơn lâu" - mình gọi cái nhà ấy như thế - Ma-ri-uyt nhường cái ổ ấy cho một bà lão ở Ê-cooc-sơ-vin, tên là Xê-let, bà đến để nấu ăn cho mình, vì thức ăn của lão Ca-va-li-ê quá thiếu.



Vậy là các bạn đã biết nhân vật và địa điểm, còn đây là câu chuyện:

Hồi đó là năm 1854, ngày 15 tháng Mười, mình vẫn nhớ cái ngày hôm ấy, và sẽ chẳng bao giờ quên nó được.

Mình đi ngựa từ Ru-ăng, và dắt theo con "Bốc", một con chó săn to tướng vùng Poa-tu, ngực rộng, mồm khỏe, luôn lách trong bụi rậm chẳng thua gì giống chó săn Tây-ban-nha của vùng Pông-ôt-me.

Mình khoác trên lưng chiếc túi hành lý, và khẩu súng đeo vai. Hôm ấy là một ngày lạnh lẽo, một ngày gió lộng buồn thảm, trên trời thì mây đen đuổi bắt nhau lũ lượt.

Khi leo lên sườn dốc Căng-tơ-lơ, mình trông xuống thung lũng mênh mông của sông Xen, và thấy dòng sông uốn lượn qua tới tận chân trời. Bên trái, thành phố Ru-ăng vươn thẳng những tháp chuông lên nền trời, và bên phải, tầm mắt của ta bị chắn ngang bởi sườn núi xa xăm được rừng phủ kín. Đoạn, mình băng qua rừng Ru-ma, khi thì phải chậm bước, lúc lại phi mau, và khoảng năm giờ, mình đến trước cổng "Sơn lâu", ở đấy, lão Ca-va-li-ê và Xê-lét đang chờ mình.

Từ mười năm nay, cũng cùng đạo này, mình đến đó bằng cùng một cách, và cũng những cái mồm kia chào mình bằng cũng những câu ấy.

"Chào ông chủ. Sức khoẻ của ông chủ khả quan chứ?".

Lão Ca-va-li-ê không thay đổi mấy. Ông ta chống chọi lại với thời gian như một cây cổ thụ; nhưng Xê-lét, nhất là từ bốn năm nay đã thay đổi quá nhiều.

Bà lão gầy như bị gãy đôi, và mặc dù vẫn còn lanh lợi nhưng khi đi, bà còng người ra trước, làm cho thân hình bà tạo thành một góc vuông với đôi chân.

Bà lão rất tận tụy ấy lúc nào cũng có vẻ xúc động khi gặp lại mình, và mỗi khi mình ra đi, bà lại nói:

"Thưa ông chủ kính mến, hãy nghĩ rằng có thể đây là lần cuối cùng".

Và hàng năm, lời chào vĩnh biệt buồn bã và rứt rề ấy của người đầy tớ già tội nghiệp, sự cam chịu tuyệt vọng trước cái chết không thể tránh khỏi, chắc chắn không xa của bà, làm lòng mình xao xuyến một cách lạ lùng.

Mình xuống ngựa, bắt tay Ca-va-li-ê, và trong lúc ông ta dắt ngựa vào một gian nhà nhỏ dùng làm chuồng. Xê-lét theo mình vào nhà bếp, nơi đây cũng được dùng làm phòng ăn.

Rồi người gác rừng quay vào với mình. Chỉ nhìn sơ qua, mình cũng thấy rằng vẻ mặt ông ta không bình thường. Dường như ông ta đang bận tâm, khó chịu và lo lắng về một điều gì đấy.

Mình nói với ông ta: "Sao rồi. Ca-va-li-ê? Mọi việc đều trôi chảy theo ý ông chứ?".

Ông ta lẩm bẩm: "Có cái được, có cái không. Có nhiều cái không vừa ý tôi lắm".

Mình hỏi: "Vậy cái gì thế? ông bạn? Hãy kể cho tôi nghe đi".

Nhưng ông ta lắc đầu: "Không, chưa đâu, thưa ông. Tôi không muốn làm ông bận tâm khi vừa mới đến như thế, bằng những chuyện bâng nhãng của tôi".

Mình nài nỉ, nhưng ông ta dứt khoát từ chối cho mình biết trước bữa ăn tối. Tuy nhiên, theo kiểu suy nghĩ của ông ta, mình hiểu rằng đây là một việc nghiêm trọng.

Vì không còn biết việc gì để nói nữa, nên mình hỏi:

"Còn thú săn, có nhiều chứ?"

- Ô! thú săn, vâng, nhiều lắm, nhiều lắm! Ông sẽ tha hồ mà săn, ơn Chúa, tôi đã trông thấy".

Ông ta nói điều ấy với một vẻ thật nghiêm trang, một sự nghiêm trang rầu rầu đến độ trở nên khôi hài. Cặp ria màu nâu to tướng của ông có vẻ như chực rơi ra khỏi vành môi.

Chợt mình phát hiện ra rằng tự nãy giờ mình chưa gặp thằng cháu của ông ta.

"Còn Ma-ri-uyt? Nó đâu rồi vậy? Tại sao nó không lộ mặt ra"

Lão gác rừng như giật thót người, và bỗng nhìn thẳng vào mặt mình: .

"Vậy thì, thưa ông, tôi xin được nói ngay với ông chuyện ấy; vâng, tôi xin nói: chính vì chuyện liên quan đến nó mà tôi bị dẫn vật trong lòng.

- Chà? Chà! Vậy thì nó đâu rồi?"

- Nó đang ở trong chuồng ngựa, thưa ông, tôi chờ lúc thuận tiện để gọi nó ra trình diện.

- Nó đã làm gì vậy?"

- Chuyện như thế này, thưa ông..."

Tuy nhiên, lão gác rừng cũng do dự, giọng lão run run và lạc hần đi, gương mặt chợt dần dùm bởi những vết nhăn sâu thẳm, những vết nhăn của tuổi già.

Ông chậm rãi nói tiếp:

"Như thế này. Mùa đông vừa qua, tôi biết chắc rằng có kẻ đánh bẫy trong rừng Hồng, nhưng tôi không thể bắt quả tang được ai. Tôi rình rập nhiều đêm thưa ông. Nhưng chẳng thấy gì. Và trong khi đó, chúng lại bắt đầu đặt bẫy ở phía Ê-cooc-sơ-vin. Tôi mất ăn mất ngủ vì tức tối. Nhưng, còn chuyện bắt tên trộm, thì kể như bất lực! Ta có thể nói rằng hần biết trước các cuộc rình rập và những dự định của tôi, cái thằng khố rách ấy".

"Nhưng một hôm, lúc giặt quần cho Ma-ri-uyt, chiếc quần mặc ngày lễ, tôi tìm thấy bốn mươi xu. Nó kiếm đâu ra số tiền này vậy, thằng nhãi ấy?

"Tôi suy nghĩ suốt tám ngày trời, và một hôm, tôi thấy nó đi ra, nó đi ra ngay vào lúc tôi đi nghỉ, vắng, thưa ông".

"Thế là tôi rình nó, nhưng vẫn không nghi ngờ gì chuyện ấy. Ô! Vâng, không nghi ngờ gì cả. Và một buổi sáng, tôi vừa đi nằm trước mặt nó, rồi tôi choàng dậy ngay lập tức, và đi theo nó. Còn việc theo dõi ai, thì không kẻ nào bì lại tôi đâu, thưa ông".

"Và thế là tôi bắt được nó, vâng. Ma-ri-uyt là người đặt bẫy trên đất ông, thưa ông, nó là cháu tôi, còn tôi, tôi là người gác rừng của ông!".

"Máu tôi như ngừng chảy, và suýt tí nữa là tôi đã giết nó ngay tại chỗ vì đã đánh nó khá nhiều. Chà, vâng, tôi đã gặp nó và tôi đã hứa với nó là khi nào ông trở lại đây, trước mặt ông chính tay tôi, tôi sẽ sửa nó một trận nữa, để nhớ đời".

"Thế là tôi gầy gò đi vì đau buồn. Ông biết thế là thế nào rồi, khi ta bị trêu người như thế đấy. Nhưng nếu ở vào vai trò của tôi, ông đã làm gì? Nó không còn cha còn mẹ, cái thằng ranh ấy, nó chỉ còn mỗi mình tôi là máu mủ: tôi đã giữ nó lại, tôi không thể tổng cổ nó đi được, phải thế không?"

"Nhưng tôi đã nói với nó rằng nếu nó còn tái phạm, thì kẻ như xong đời nó, không còn thương hại

nó nữa. Thế đấy. Tôi xử sự có đúng không thưa ông?"

Mình vừa trả lời vừa chìa tay ra bắt.

"Ông đã xử sự đúng lắm, Ca-va-li-ê ạ; ông là một người lương thiện".

Ông ta chợt đứng lên.

"Cám ơn ông. Bây giờ tôi đi tìm nó. Phải sửa nó để làm gương".

Mình biết rằng cố gắng thuyết phục ông ta từ bỏ một ý định gì là vô ích. Vì vậy, mình để ông ta hành động theo ý thích.

Ông ta đi tìm thằng ranh con ấy, và bẹo tai điệu nó đến.

Mình đang ngồi trên một chiếc ghế rơm, gương mặt nghiêm nghị như một ông quan toà.

Ma-ri-uyét trông lớn hẳn ra, còn xấu xí hơn những năm về trước, với vẻ mặt xấu xa, xảo quyệt.

Và đôi bàn tay của nó như tay hộ pháp.

Ông già đẩy nó đến trước mặt mình, và dùng giọng nhà binh ra lệnh:

"Xin lỗi ông chủ".

Thằng ranh con không nói lấy một tiếng.

Thế là lão cự chiến binh kéo lấy thằng bé dưới nách, nhấc bổng nó lên, và lão bắt đầu quất vào mông nó, với một vẻ mặt dữ tợn đến nỗi mình phải đứng lên ngăn ông ta lại.

Thằng bé lúc này mới gào lên:

"Con van bác, con van bác! Con xin hứa..."

Ca-va-li-ê đặt nó xuống đất, và ấn vào vai nó, bắt nó quỳ xuống. Ông ta bảo:

"Xin lỗi đi!"

Thằng bé cúi mặt xuống lẩm bẩm:

"Con xin lỗi".

Rồi ông ta dựng nó dậy và tống nó ra ngoài bằng một cái tát, suýt tí nữa làm nó lộn cổ.

Nó vùng dậy bỏ chạy, và suốt tới hôm đó, tôi chẳng gặp mặt nó.

Nhưng lão Ca-va-li-ê tỏ vẻ phiền muộn.

"Đó là một đứa xấu xa, ông nói.

Và trong suốt bữa ăn, ông cứ lặp đi lặp lại:



"Ồ! Việc này làm tôi đau lòng, thưa ông, ông không biết được nó làm tôi đau lòng đến thế nào đâu".

Mình cố an ủi ông ta, nhưng vô ích.

Và mình đi ngủ thật sớm để sáng hôm sau còn đi săn.

Lúc mình tắt nến, con chó của mình đã nằm ngủ trên sàn nhà, dưới chân giường mình.

Nửa đêm, mình bị dựng dậy bởi tiếng sủa điên cuồng của con "Bêc". Và mình nhận ra ngay lập tức là căn phòng đang tràn ngập khói. Mình nhảy ngay ra khỏi giường, đốt đèn lên, và chạy ra mở cửa. Một luồng lửa ủa vào. Căn nhà đang bốc cháy.

Mình vội đóng cánh cửa bằng gỗ sồi lại, và lột quần dài ra. Trước hết, mình thả con chó xuống đất qua lối cửa sổ, nhờ một sợi dây làm bằng tám vải trải giường cuộn lại; đoạn mình ném quần áo, túi đi săn và khẩu súng ra ngoài, rồi mình thoát ra cũng bằng lối ấy.

Và mình bắt đầu kêu toáng lên:

- "Ca-va-li-ê! Ca-va-li-ê! Ca-va-li-ê!".

Nhưng lão gác rừng không thức giấc. Ông ta ngủ một giấc ngủ say sưa của anh hiền bình già.

Tuy nhiên, qua lối các cửa sổ phòng dưới, mình thấy cả tầng trệt chỉ còn lại một biển lửa rừng rực; và mình nhận ra rằng có người đã chất rơm vào đấy để làm môi cho lửa.

Vậy là có người đốt nhà!

Mình lại tiếp tục gào lên điên cuồng:

"Ca-va-li-ê!"

Lúc ấy, mình chợt nghĩ là ông ta bị ngạt thở. Mình chợt sáng ý, và lắp hai viên đạn vào súng, mình bắn một phát vào nơi cửa sổ.

Sau ô cửa kính bể vụn, mảnh vỡ bắn tung toé vào phòng. Lần này, lão già đã nghe thấy, và ông ta xuất hiện trong chiếc áo mỏng, mặt mày hốt hoảng, ngơ ngác bởi ánh sáng chiếu rừng rực cả phía trước căn nhà.

Mình kêu ông ta:

"Nhà của ông cháy rồi. Nhảy qua cửa sổ, nhanh lên!".

Ngon lửa bất ngờ thoát ra ngoài bằng các cửa nẻo ở tầng dưới, liền liềm lên bức tường, bùng lên cao đến chỗ ông ta, và sắp chặn mất lối thoát của ông. Ông liền nhảy ra và rơi xuống, hai chân chạm đất như một con mèo.

Vừa kịp lúc. Mái tranh sụp xuống ở chính giữa phía trên cầu thang, trông giống như ống khói của lò lửa ở tầng dưới; và một luồng lửa khổng lồ bùng lên không trung, toả rộng ra như một chùm tia nước, và rắc một trận mưa tàn lửa quanh mái tranh.

Và trong vài giây đồng hồ, ngôi nhà chỉ còn là một đồng lửa.

Ca-va-li-ê lòng trĩu nặng, hỏi:

"Nó bốc cháy như thế nào?"

Mình trả lời:

"Có người châm lửa ở nhà bếp"

Ông ta lẩm bẩm:

"Ai có thể châm lửa được nhỉ?"

Và chợt đoán ra, mình nói:

"Ma-ri-uyt".

Ông lão hiểu. Ông áp ứng:

"Ôi! Giê-xu Ma-ri! Chính vì thế mà đêm qua nó không về!".

Nhưng một ý nghĩ khủng khiếp chợt hiện lên trong đầu mình. Mình kêu lên:

"Còn Xê-lét? Xê-lét?"

Ông ta không trả lời nhưng ngôi nhà đã sụp xuống trước mặt chúng tôi, nó chỉ còn là một cục than hồng, một cục than bằng da thịt con người.

Chúng tôi không nghe được một tiếng kêu nào.

Nhưng vì ngọn lửa lan sang nhà kho bên cạnh, nên mình chợt nghĩ ngay đến con ngựa và Ca-va-li-ê chạy đi giải thoát cho nó.

Ông ta vừa mở cửa chuồng ngựa ra thì có một bóng người uyển chuyển và nhanh nhẹn lướt qua dưới chân, làm ông té xấp xuống đất. Đó là Ma-ri-uyt hẳn đang chạy trốn bán sống bán chết.

Trong một giây đồng hồ, ông ta choàng đứng lên. Ông muốn chạy theo đuổi bắt thằng khốn nạn kia; nhưng chợt hiểu rằng ông sẽ không đuổi kịp được nó, và trong cơn giạt điên cuồng không thể cưỡng lại được, với một động tác tức thì, không suy nghĩ,

mà ta không thể đoán trước được, cũng như không thể ngăn chặn được, ông nhặt khẩu súng của mình đang nằm dưới đất, ngay bên cạnh ông ta, ông tỳ vai, và trước khi mình kịp phản ứng, ông ta bóp cò, mà thậm chí không biết rằng súng đã nạp đạn hay chưa.

Một trong hai viên đạn mà lúc này mình nạp để bắn báo hiệu vẫn còn nguyên; và phát súng trúng ngay vào giữa lưng kẻ chạy trốn, quật hẳn ngã úp mặt xuống đất, làm máu me chảy lênh láng. Hắn liền bắt đầu cào bới đất, bằng tay và bằng đầu gối, như thể hắn còn muốn chạy bằng bốn chân, như những con thỏ rừng bị thương nặng, khi thấy người thợ săn chạy đến.

Mình lao tới. Thằng bé đã hấp hối. Nó trút hơi thở cuối cùng trước khi ngôi nhà tắt ngấm, không thốt lên được một tiếng nào.

Ca-va-li-ê vẫn mặc áo mỏng, đôi chân để trần, đứng bên cạnh chúng tôi, bất động, chờ đợi.

Khi chính quyền địa phương đến, họ mang người gác rừng của mình đi. Ông ta giống như người điên.

Mình ra toà làm chứng, và mình kể lại tất cả sự việc, từng chi tiết một, không hề thay đổi điều gì. Ca-va-li-ê được trắng án. Nhưng ông ta biến mất ngay ngày hôm đó. Ông ta đã bỏ xứ.

Và mình chưa bao giờ gặp lại ông ta.

Câu chuyện đi săn của mình như thế đấy, thưa các bạn.

TRẦN THANH ÁI dịch

## CUỘC PHIÊU LƯU CỦA OAN-TƠ-XNÁP

*Tặng Robert Pinchon*

Từ khi đặt chân lên đất Pháp cùng với đội quân xâm lược, Oan-tơ-Xnáp cho rằng anh là người bất hạnh nhất trên đời. Anh ta mập mạp, đi bộ cũng thấy khó khăn, luôn thở phì phò và chịu đựng đôi chân núc ních và to bè của mình một cách ghê gớm. Ngoài ra, anh là người hiếu hoà và tử tế, không hề vênh váo hay khát máu. Anh lấy một người đàn bà tóc vàng, mà mỗi tối anh luôn luyến tiếc một cách tuyệt vọng những cử chỉ âu yếm, những sự săn sóc vật vãnh và những nụ hôn của chị. Anh có được bốn con và rất mực chiều chuộng chúng. Anh thích dậy trễ và đi ngủ sớm, thích ăn chậm rãi những bữa ngon vật lạ, và uống bia ở các quán. Ngoài ra, anh nghĩ rằng tất cả thứ gì dẹt dài trong đời sống thì sẽ mất đi cùng với cuộc đời; và anh luôn giữ trong lòng một mối thù khùng khiếp, vừa có tính chất bản năng vừa có tính chất lý trí, đối với đại bác, súng trường, súng ngắn và gươm đao, nhưng nhất là đối

với lưới lê, vì anh cảm thấy không thể sử dụng đủ linh động thứ vũ khí này để bảo vệ cái bụng phê của mình.

Và ban đêm, khi nằm ngủ trên mặt đất, anh co người trong chiếc áo măng tô bên cạnh những đồng đội ngáy như sấm, anh nghĩ ngợi miên man đến người thân ở nhà, và đến những mối hiểm nguy gieo rắc trên đường đi của anh. "Nếu anh bị giết, thì bọn trẻ ở nhà sẽ ra sao? Vậy thì ai sẽ nuôi nấng và dạy dỗ chúng? Ngay bây giờ chúng sống không thoải mái lắm, mặc dù trước khi đi, anh đã để lại cho chúng ít tiền mà anh đã vay được". Và thỉnh thoảng Oan-tơ-Xnáp lại khóc.

Khi bước vào các trận đánh, anh cảm thấy đôi chân mình yếu ớt đến nỗi anh có thể bị quật ngã bất cứ lúc nào, nếu anh không nghĩ rằng cả đội quân sẽ giẫm lên mình anh. Tiếng đạn rít làm anh nổi da gà.

Cứ thế, từ nhiều tháng nay anh sống trong nỗi khiếp đảm và khắc khoải.

Cánh quân của anh tiến về hướng Nooc-măng-đi, và một ngày nọ anh được cử đi trinh sát cùng với một phân đội ít ỏi, chỉ để thăm dò một phần đất



của vùng này, và rút về ngay. Ở nông thôn, mọi thứ dường như êm ả; không một dấu hiệu nào cho thấy có sự chuẩn bị cho một cuộc kháng cự.

Thế rồi, những người lính Phổ lặng lẽ đi xuống một thung lũng nhỏ, có những khe suối sâu cắt ngang, thì một tràng súng máy dữ dội chặn họ lại ngay lập tức, làm họ thiệt mạng hơn hai chục người; và một toán du kích bỗng tủa ra từ một khu rừng nhỏ như bàn tay, và lao lên phía trước, súng ống giương lên tua tua.

Ban đầu, Oan-tơ-Xnáp đỡ người ra, ngạc nhiên và thất kinh đến nỗi thậm chí anh không kịp nghĩ đến chuyện chạy trốn. Rồi một mong muốn điên rồ là tháo chạy, xâm chiếm đầu óc anh; nhưng anh cũng nghĩ ra ngay rằng mình chạy như rùa, so với những binh lính Pháp mảnh mai, họ chạy nhảy như một đàn dê. Rồi nhận thấy trước mặt khoảng sáu bước có một cái hố rộng, mọc đầy bụi rậm, lá khô, anh chum chân nhảy xuống đó, thậm chí anh không nghĩ đến chiều sâu của nó, như người ta nhảy từ cầu xuống sông vậy.

Như một mũi tên, anh lướt qua một lớp dây đặc dây leo và cỏ gai nhọn, chúng cào cấu vào mặt, vào tay anh, và anh té ngời nặng nề xuống lòng đá.

Anh liền ngược mặt nhìn lên, anh thấy bầu trời qua cái lỗ anh vừa rơi xuống. Cái lỗ chúng cứ ấy có thể tổ cáo anh, và anh thận trọng trườn người dưới đáy hố dưới lớp cành cây chằng chịt, anh tiến nhanh hết cỡ, để tránh xa nơi vừa xảy ra chiến sự. Đoạn, anh dừng lại, và ngồi dậy, anh ngồi lom khom như một con thỏ rừng ở giữa đám cỏ khô cao.

Một hồi sau, anh vẫn còn nghe tiếng súng nổ, tiếng thét la, và tiếng rên rĩ. Rồi âm thanh hỗn độn của chiến tranh yếu dần, và tắt hẳn. Tất cả lại trở nên lặng lẽ và tĩnh mịch.

Chợt một vật gì chạm vào người anh. Anh đánh thót người vì kinh hãi. Đó là một con chim nhỏ, đậu trên một cành cây, làm những chiếc lá khô lay động. Trong gần một giờ đồng hồ, ngực của Oan-tơ-Xnáp vẫn còn đập thình thịch và liên hồi.

Đêm đến, làm khe suối tràn ngập bóng tối. Và anh linh bắt đầu suy nghĩ. Anh phải làm gì bây giờ? Anh sẽ ra sao đây? Trở lại đơn vị ư?... Nhưng bằng cách nào? Bằng lối nào? Và anh sẽ phải bắt đầu lại

cuộc sống khủng khiếp trong khắc khoải, hoảng sợ, mệt mỏi, và đau đớn mà anh đã chịu đựng từ khi chiến tranh bùng nổ? Không! Anh cảm thấy không còn đủ can đảm để chịu đựng được nữa. Anh sẽ không còn đủ nghị lực cần thiết để chịu đựng những cuộc hành quân và đương đầu với những hiểm nguy từng phút từng giây.

Nhưng làm gì bây giờ? Anh không thể ngồi mãi trong khe đá này, không thể ẩn náu ở đây cho đến khi chiến tranh kết thúc được. Không, chắc chắn như thế. Giá mà anh không cần phải ăn, thì viên canh này sẽ không giày vò anh đến thế; nhưng phải ăn, phải ăn hàng ngày.

Và anh ở đó một mình, trên đất địch, mang trên người vũ khí và bộ đồng phục, xa cách với những người có thể bảo vệ anh. Những cơn rừng mình cứ chạy trên da thịt anh.

Chợt anh nghĩ: "Giá mà ta chỉ bị bắt thôi!". Và lòng anh rung lên vì mong muốn, một niềm mong muốn dữ dội và ào ạt, được làm tù binh của quân Pháp. Tù binh! Anh sẽ được sống, được cho ăn, cho ở, được che chở khỏi làn tên mũi đạn, trong một nhà

tù được canh gác cẩn thận, không còn lo sợ gì cả.  
Tù binh! Giấc mơ tuyệt vời làm sao!

Và giải pháp ấy được chọn lựa ngay tức khắc.

"Ta sắp ra đầu hàng đây".

Anh đứng lên, nhất quyết thực hiện chương trình này, không để chậm trễ một phút. Nhưng anh bỗng dờ người vì bị những suy nghĩ băng nháng và những nỗi khiếp đảm mới tấn công dồn dập.

Anh ra đầu hàng ở đâu? Bằng cách nào? Về phía nào? Và những hình ảnh ghê tởm, những hình ảnh chết chóc đổ xô đến tâm hồn anh.

Anh sẽ gặp những mối nguy hiểm khủng khiếp nếu anh một mình mạo hiểm đi trên cánh đồng, với chiếc mũ sắt có chõm nhọn.

Nếu anh gặp những người nông dân thì sao? Khi trông thấy một tên lính Phổ đi lạc, một tên lính Phổ không vũ khí, họ sẽ giết như giết một con chó hoang! Họ sẽ tàn sát bằng mỏ sầy, cuốc, liềm, xẻng! Họ sẽ biến anh thành nước xúp; thành thức ăn gia súc, trong cơn hung hăng của những người chiến bại điên tiết.

Còn nếu gặp quân du kích? Những du kích quân này, những kẻ hung hăng, không pháp luật, không kỷ cương, sẽ xử bắn anh để tiêu khiển, để cười cợt. Và anh tưởng chừng như mình đang đứng tựa lưng vào tường, mặt đối diện với mười hai họng súng trường và dường như những lỗ tròn, nhỏ và đen ngòm của chúng đang nhìn anh.

Nếu gặp chính quân đội Pháp? Những toán đi tiên phong sẽ cho anh là do thám, là một tên lính gan dạ và lém lỉnh nào đó, đang đi trinh sát một mình, và họ sẽ bắn anh ngay. Và bên tai anh như vang lên những tiếng nổ bất thường của bọn lính đang nằm trong các bụi rậm, trong lúc anh đang đứng giữa cánh đồng, anh khụy xuống, mình mẩy bị bắn thủng như một cái rổ và anh cảm thấy viên đạn như đang ngoáy sâu vào da thịt anh.

Anh lại tuyệt vọng ngồi xuống. Tình thế của anh lúc này có vẻ như bế tắc.

Màn đêm cam lạng và đen tối đã phủ kín hoàn toàn. Anh không động đậy nữa, và anh rùng mình mỗi khi có một tiếng động lạ và khe khàng trong bóng đêm. Một chú thỏ đập đít xuống miệng hang, suýt làm Oan-tơ-Xnáp bỏ chạy. Tiếng chim cú kêu

xé nát lòng anh, xuyên thấu vào da thịt anh bằng những cơn sợ hãi bất ngờ và đau đớn, như những vết thương vậy. Anh mở to đôi mắt để cố nhìn trong bóng đêm; và lúc nào anh cũng cảm thấy có tiếng bước chân đang đi bên cạnh mình.

Sau những giờ phút dài dằng dặc, và những khắc khoải của tên tội đồ, qua lớp cành cây, anh chợt nhận ra rằng trời đã sáng. Lúc ấy, anh cảm thấy nhẹ nhõm vô cùng; tứ chi anh chợt thư thái và duỗi ra; lòng anh cảm thấy yên ổn; mắt anh nhắm nghiền lại. Anh ngủ thiếp đi.

Khi anh tỉnh giấc, mặt trời đã ở khoảng đỉnh đầu; có lẽ đã trưa rồi. Không một tiếng động nào quấy phá sự yên tĩnh buồn thảm của đồng quê; và Oan-tơ-Xnáp cảm thấy bụng đói cồn cào.

Anh ngáp, miệng ứa nước dãi khi nghĩ đến khúc thịt dồi, một thứ thịt dồi ngon lành của bọn lính; và bao tử anh lại quặn lên.

Anh đứng dậy, bước đi vài bước, và cảm thấy rằng đôi chân đã yếu ớt, anh lại ngồi xuống để suy nghĩ. Trong suốt hai ba tiếng đồng hồ sau đó, anh phân vân giữa cái nên và cái không nên làm anh luôn thay đổi giải pháp, anh luôn bị đuổi lý, đau

đón, giằng xé bởi những lý lẽ hoàn toàn trái ngược nhau.

Cuối cùng, một ý nghĩ có vẻ hợp lý và tiện lợi, là phải rình người dân làng nào đi một mình, không vũ khí, không dụng cụ lao động nguy hiểm, rồi chạy thẳng đến trước mặt anh ta và nộp mạng, vừa ra hiệu cho anh ta hiểu rằng mình đầu hàng.

Rồi anh bỏ mũ sắt, vì cái chòm nhọn của nó có thể phản bội anh, và anh nhô đầu lên bờ miệng hổ, với sự thận trọng vô biên.

Không một người nào xuất hiện lẻ loi ở chân trời. Đằng kia, phía bên phải, một ngôi làng nhỏ đang toả khói từ mái nhà lên trời; khói bếp còn đằng kia, bên trái anh thấy một toà lâu đài lớn chung quanh có những tháp canh bao bọc, vươn lên trên các ngọn cây ven đường.

Anh chờ cho đến tối, anh đau đớn kinh khủng, anh không thấy gì ngoài những chú quạ lượn lơ, không nghe gì ngoài những tiếng kêu réo trong bụng anh.

Và màn đêm lại phủ xuống quanh anh.

Anh nằm dài dưới đáy hầm trú ẩn và thiếp ngủ, một giấc ngủ hăm hấp, đầy những ác mộng, một giấc ngủ của những người đói lả.

Bình minh lại hiện lên trên đầu anh. Anh lại tiếp tục quan sát. Nhưng cánh đồng vẫn trông trải như ngày hôm qua; và một nỗi sợ hãi mới lại xâm chiếm đầu óc Oan-tơ-Xnáp, nỗi sợ bị chết đói! Anh nằm dài dưới hố, mặt ngửa lên trời, đôi mắt nhắm nghiền. Rồi những con thú, những loài thú bé nhỏ đủ loại tiến lại gần anh và bắt đầu gặm nhấm anh, cùng một lúc tấn công anh khắp nơi, chúng chui vào áo quần anh để cắn da thịt lạnh ngắt của anh. Và một con qua to tướng mổ vào mắt của anh bằng chiếc mỏ dài ngoẵng.

Thế là anh bỗng nổi khùng lên, và nghĩ rằng mình sắp kiệt sức và không còn đi được nữa. Và rồi anh chực lao mình về phía ngôi làng, anh quyết làm tất cả, bất chấp tất cả, bỗng anh thấy ba người nông dân vai vác mỏ say đang đi ra đồng, và anh lại chúi vào chỗ nấp.

Nhưng khi màn đêm đã phủ kín cánh đồng, anh từ từ chui ra khỏi hố, anh khom người xuống, mặt mày lấm lét, tim đập nhanh, anh tiến về hướng toà



lâu đài xa xa, vì anh thích vào đây hơn là vào làng, vì làng mạc đối với anh thật đáng sợ như là hang hùm...

Các cửa sổ phòng dưới sáng rực. Thậm chí có một chiếc mô toang; và một mùi thịt chín nóng nực bốc ra vào tận bụng của anh; làm anh co dúm, thở hổn hển, nó quyến rũ anh không gì cưỡng lại được, và tiếp thêm cho anh một sự gan dạ tuyệt vọng.

Và thành linh, anh xuất hiện bên khung cửa, đầu đội mũ sắt, mà không suy nghĩ gì.

Tám gia nhân đang ăn tối bên cạnh một chiếc bàn lớn. Nhưng bỗng một chị ở miệng há hốc, đánh rơi chiếc ly đang cầm trên tay, đôi mắt nhìn đăm đăm. Mọi ánh mắt khác hướng theo ánh mắt chị!

Họ nhận ra kẻ thù!

Chúa ơi! Quân Phổ tấn công lâu đài!...

Ban đầu, đó chỉ là tiếng kêu, một tiếng kêu duy nhất do tám cái miệng cùng thốt ra, bằng tám cung bậc khác nhau, một tiếng kêu khủng khiếp vì kinh hoàng, sau đó là một sự náo động, một trận chen lấn, một cơn hỗn loạn, một cuộc tháo chạy tán loạn về phía cửa sau. Bàn ghế ngã đổ, đàn ông hét vang

đàn bà, và giẫm lên trên. Trong hai giây đồng hồ, căn phòng trở nên trống rỗng, hoang tàn, trên bàn thì thức ăn ngổ ngang. Oan-tơ-Xnáp kinh ngạc đứng nhìn sau khung cửa sổ.

Sau khi do dự trong giây lát, anh trèo qua bức tường và tiến đến các đĩa thức ăn. Con đói dữ dội làm anh run lên như người bị sốt rét; nhưng nỗi kinh hoàng giữ chân anh lại, nó còn làm anh tê liệt tứ chi. Anh lắng nghe. Cả gian nhà dường như rung lên; các cửa nẻo được đóng sầm lại, những bước chân dồn dập chạy trên tầng trên. Anh lính Phổ lo lắng dòng tai nghe tiếng ồn ào hỗn độn này; đoạn anh nghe những tiếng bình bịch như thể có người ngã xuống đất mềm, dưới chân tường, khi có người nhảy từ trên tầng lầu xuống đất.

Rồi mọi cử động, mọi xáo trộn ngưng bật, và toà lâu đài to lớn trở nên im ắng như một nhà mồ.

Oan-tơ-Xnáp ngồi xuống một đĩa thức ăn còn nguyên, và anh bắt đầu ăn. Anh ăn ngấu ngiên như thể sợ bị ngăn chặn quá sớm, sợ không thể tọng được đầy thức ăn. Anh dùng hai tay ném thức ăn vào cái mồm há rộng như cái thùng; và từng nắm

thức ăn lần lượt rơi vào dạ dày của anh, làm cổ họng anh trương lên sau mỗi lượt thức ăn đi qua. Đôi khi anh dừng lại, vì cuống họng chực nổ tung ra như một đường ống quá căng. Anh chộp lấy bình rượu táo lên men và thông ống thực quản như ta thông một đường ống bị tắc nghẽn.

Anh vét sạch tất cả các đĩa, tất cả món ăn, và tất cả chai rượu, đoạn, ngất ngây vì rượu và thức ăn, anh đỡ dần, mặt đỏ bừng, lại giật nảy bởi những cơn nấc cục, đầu óc anh rối mù, và miệng anh bóng mỡ, anh cời nút bộ đồng phục để dễ thở hơn, vì không thể đi được một bước nào. Đôi mắt anh nhắm nghiền, đầu óc rã rời; anh gục chiếc đầu trĩu nặng xuống đôi cánh tay bắt chéo trên bàn, và dần dần anh mất đi khái niệm về mọi sự vật chung quanh.

Mảnh trăng lưỡi liềm cuối tháng toả ánh sáng mờ mờ xuống chân trời, trên những hàng cây trong vườn. Đó là khoảng thời gian lạnh lẽo trước bình minh.

Những bóng người lặng lẽ luôn lách trong bụi rậm; và thỉnh thoảng ánh trăng làm một mẫu thép lấp lánh trong bóng đêm.

Toà lâu đài tĩnh mịch vẫn vươn cao bóng dáng đen đúa của nó. Chỉ còn hai cửa sổ có đèn sáng ở tầng trệt.

Bỗng một giọng vang như sấm gào lên:

"Tiến lên! Mẹ kiếp! Xung phong! Quân sĩ".

Rồi thì chỉ trong một chốc, các cửa nẻo, các tấm sáo và các cửa kính bị một đợt sóng người tràn vào, họ đập phá, đâm thủng tất cả và ủa vào ngôi nhà. Chỉ trong một chốc, năm mươi binh lính võ trang đầy mình, lao vào nhà bếp, nơi Oan-tơ-Xnáp đang yên ổn nghỉ ngơi, và họ chìa năm mươi họng súng đã lên đạn vào ngực Oan-tơ-Xnáp, quật anh ngã xuống, xô anh lăn long lóc, rồi túm lấy anh, và trôi anh từ đầu đến chân.

Anh thở khó nhọc vì kinh hoảng, đầu óc thộn ra nhưng không hiểu chi cả, anh bị đánh đập, bị nện bằng báng súng, và điên lên vì lo sợ.

Và chợt một người mặc quân phục to béo, mang đầy huy hiệu vàng rực trên ngực, nện bàn chân vào bụng anh và quát:

"Anh đã bị bắt làm tù binh, hãy đầu hàng đi!".

Anh lính Phổ chỉ nghe được một tiếng duy nhất: "tù binh" và anh rên lên: "Ya, Ya, Ya"<sup>(1)</sup>.

Anh bị dựng dậy, bị cột chặt vào ghế, và bị xoi mói bởi một sự tò mò sôi nổi của những người chiến thắng, bây giờ họ đang thô phì phò như ông bề. Nhiều người phải ngồi xuống vì rã rời do xúc động và mệt mỏi.

Anh mỉm cười, bây giờ anh mỉm cười, vì an tâm rằng cuối cùng anh đã trở thành tù binh!

Một viên sĩ quan khác bước vào và nói:

"Thưa Đại tá, địch quân đã tháo chạy; nhiều tên dường như bị thương. Chúng ta đã làm chủ chiến trường".

Người mặc quân phục mập đưa tay lau trán, và gào lên: "Chiến thắng!".

---

(1) Tiếng Đức, nghĩa là: vâng, vâng, vâng.

Và ông ta móc túi ra một quyển sổ tay bán hàng và viết:

"Sau một cuộc chạm trán ác liệt, quân Phổ phải rút lui, mang theo nhiều đồng bọn bị giết và bị thương khoảng năm mươi tên bị loại ra khỏi vòng chiến. Nhiều tên khác bị bắt làm tù binh".

Viên sĩ quan trẻ nói tiếp:

"Thưa Đại tá, bây giờ ta phải làm sao đây?"

Viên Đại tá trả lời:

"Chúng ta chuẩn bị rút lui, để tránh cuộc phản công có pháo binh và quân tiếp viện đông đảo".

Và ông ta ra lệnh rút lui.

Đoàn người lại tập hợp hàng ngũ trong đêm tối, dưới chân tường toà lâu đài, và lên đường, vừa đi vừa vây quanh Oan-tơ-Xnáp bị trói chặt, bị canh giữ, bởi sáu chiến sĩ súng ngắn lăm lăm trong tay.

Họ cử lính trinh sát đi dò đường trước. Họ thận trọng tiến lên, chốc chốc lại dừng quân.

Khi trời vừa hừng sáng, họ về đến thị trấn La-Rô-soa-den, địa phương có đơn vị vệ quốc quân vừa hoàn thành chiến công ấy.

Đám dân chúng xông xáo và bị kích động, đang đứng đợi họ. Khi mọi người nhận ra chiếc mũ sắt của tên tù binh, nhiều tiếng reo hò khùng khiếp vang lên. Cánh đàn bà vung tay lên; các bà cụ thì khóc; một ông lão ném chiếc nạng vào tên lính Phổ và làm mũi một anh lính canh bị thương.

Viên Đại tá gào lên:

"Hãy bảo đảm an toàn cho tù binh".

Cuối cùng, mọi người cũng đến được toà thị chính. Cửa nhà tù mở ra, và Oan-tơ-Xnáp được cởi trói, và bị ném vào trong đó. Hai trăm người vũ trang đầy đủ canh gác chung quanh nhà giam.

Lúc ấy, mặc cho triệu chứng khó tiêu hoá đang hành hạ anh lính Phổ từ hôm qua đến nay, nhưng anh vẫn nhảy múa, lòng điên lên vì sung sướng, anh nhảy múa điên cuồng, vừa huơ chân múa tay, vừa la hét cuồng nhiệt, cho đến lúc anh kiệt sức ngã xuống dưới chân tường.

Anh bị bắt làm tù binh! Thoát rồi!

Lâu đài Sang-pi-nhê được giành lại từ tay kẻ thù như thế đấy, chỉ sau sáu giờ bị chiếm đóng.

Đại tá Ra-chê, thương gia bán chần màn<sup>(1)</sup>, người chỉ huy đội vệ quốc quân của thị trấn La-Rô-soa-den, được ban tặng huân chương.

*TRẦN THANH ÁI dịch*

---

(1) Ở Pháp vào thời bấy giờ, mặc dù là lực lượng tự vệ địa phương, nhưng người chỉ huy vẫn được phong quân hàm.



## MỘT KẺ GIẾT CHA MẸ

Luật sư đã viện dẫn cơn điên để bào chữa. Làm sao để giải thích được vụ án mạng lạ lùng này khác hơn bây giờ?

Một buổi sáng nọ, trong đám lau sậy gần Su-tu, người ta tìm thấy hai xác chết ôm chặt lấy nhau, một đàn bà, một đàn ông, hai con người thương lưu nổi tiếng, giàu có, lại còn trẻ, và họ chỉ mới lấy nhau vào năm ngoái, vì người đàn bà chỉ mới goá bụa từ ba năm nay.

Không ai biết kẻ thù của họ, họ cũng không bị cướp bóc gì. Dường như hung thủ đã ném họ từ bờ sông xuống, sau khi đã lần lượt hành hung họ bằng một mũi sắt dài.

Cuộc điều tra chẳng tìm ra chi. Những người lái thuyền trên sông được thẩm vấn cũng chẳng biết gì, khi người ta sắp sửa xếp vụ án lại, thì một người thợ mộc trẻ của làng bên cạnh, tên là Giooc-giơ Lu-i, tục gọi là anh Trường giả, đến đầu thú.

Trong tất cả các cuộc lấy khẩu cung, hắn chỉ trả lời như sau:

"Tôi quen người đàn ông từ hai năm nay, và người đàn bà từ sáu tháng nay. Họ thường đến nhờ tôi sửa bàn ghế cũ, bởi vì tôi khéo tay nghề".

Và khi người ta hỏi hấn:

"Tại sao anh giết họ?"

Hấn bướng bỉnh trả lời:

"Tôi giết họ bởi vì tôi muốn giết họ"

Người ta không thể biết gì khác hơn.

Có lẽ gã đàn ông này là con hoang, ngày xưa được đem cho nuôi thuê trong vùng này, rồi sau đó bị bỏ rơi. Hấn không có tên nào khác hơn là Giooc-giơ Lu-i<sup>(1)</sup>, nhưng khi lớn lên, vì hấn ở trở nên thông minh đặc biệt, với năng khiếu và sự tinh tế bẩm sinh mà bạn bè hấn không có, nên hấn được gọi là "Anh Trưởng già" và người ta chỉ còn gọi hấn như thế. Hấn trở nên khéo léo lạ thường trong nghề mộc mà hấn đã theo học. Thậm chí, hấn còn làm một ít đồ chạm khắc trên gỗ. Người ta còn nói rằng hấn rất cuồng nhiệt, và thậm chí của chủ nghĩa hư vô,

---

(1) Ở Pháp, không có họ Georges hoặc Louis. Đó là hai cái tên người được ghép lại. Những đứa con hoang thường có tên loại ấy.

một tay đọc nhiều tiểu thuyết phiêu lưu, tiểu thuyết chém giết đâm máu, một cử tri có uy tín và một tay hùng biện khéo léo trong các cuộc họp thợ thuyền hoặc nông dân.

Luật sư đã viện dẫn cơn điên để bào chữa.

Thật vậy, làm sao người ta có thể chấp nhận rằng người thợ này có thể giết những khách hàng "xộp" của hắn, những người khách giàu sang và rộng rãi (hắn công nhận điều này), những người mà từ hai năm nay đã nhờ hắn làm những món hàng trị giá ba ngàn quan (số tiền này mình chứng cho điều nói trên)? Một lời giải thích duy nhất hiện ra: chứng điên, hoặc ý định cố hữu của một người sa cơ thất thế, muốn trả thù tất cả những kẻ trưởng giả bằng cách giết hai người này; và luật sư khéo léo ám chỉ đến biệt danh của anh: anh Trưởng giả, do dân làng đặt cho đứa con bị ruồng rẫy này, viên luật sư kêu lên:

"Có phải đó là một trò khôi hài không? Một trò khôi hài có thể còn kích động người con trai đau khổ không cha không mẹ này! Đây là một người theo phái Cộng hoà nhiệt thành. Tôi nói gì đấy nhỉ? Thậm chí anh còn gia nhập vào đảng phái chính trị

này, mà mới đây thôi, Cộng hoà của chúng ta còn đem xử bắn và lưu đầy biệt xứ, và ngày hôm nay nó mở rộng vòng tay đón tiếp, một đảng phái chính trị mà đối với nó, việc đốt sạch là một nguyên tắc và chém giết là một phương tiện thông thường".

"Những học thuyết thâm não này, bây giờ được mọi người tung hô trong các cuộc họp công cộng, đã đánh mất con người này. Anh đã nghe theo người thuộc phái Cộng hoà, ngay cả những bà nữa, vâng, những bà nữa, để đổi lấy máu Ông Găm-be-ta, Ông Grê-vi<sup>(1)</sup>, đầu óc bệnh hoạn của anh đã chao đảo; anh ta muốn lấy máu, máu của người trưởng giả".

"Anh ta không đáng bị kết tội, thưa quý ngài, chính Công xã mới là thủ phạm!"<sup>(2)</sup>

Những tiếng thì thảo tỏ ý tán đồng quan điểm trên truyền lan khắp phòng. Mọi người cảm thấy rõ

---

(1) Jules Grévy (1807-1891): Tổng thống nước Cộng hòa Pháp từ 1879 đến 1887, Leson Cambetta (1833-1882): luật sư và chính trị gia Pháp. Phái Cộng hòa đã chỉ trích họ là phản bội lại chương trình hành động của họ, đặc biệt là từ khi Grévy lên làm Tổng thống.

(2) Túc Công xã Pari (1871). Đó là lập luận quen thuộc của giới trí thức tư sản thời bấy giờ.

ràng viên luật sư đã giành được chiến thắng. Viên công tố không phản đối lại.

Đoạn, viên chánh án đặt một câu hỏi thường lệ cho bị can:

"Bị cáo, anh có cần nói thêm điều gì để tự biện hộ không?"

Anh ta đứng dậy.

Hắn có vóc người nhỏ nhắn, tóc vàng sợi gai, đôi mắt màu nâu, tia nhìn đăm đăm và trong sáng. Một giọng nói to, thẳng thắn và âm vang thốt ra từ gã thanh niên mảnh dẻ, và làm thay đổi đột ngột ngay từ những lời nói đầu tiên, quan điểm mà mọi người đã nhận định về anh ta.

Hắn nói to tiếng, bằng một giọng huênh hoang, nhưng rất rõ ràng, đến nỗi ở cuối phòng người ta cũng có thể nghe được từng lời một của hắn:

"Thưa Ông chánh án, vì tôi không muốn vào nhà thương điên, và vì tôi thích máy chém hơn, nên tôi xin nói tất cả với quý vị".

"Tôi đã giết người đàn ông và người đàn bà kia, bởi vì họ là cha mẹ tôi".

"Bây giờ, xin quý vị hãy nghe tôi nói và hãy xử tôi".



Một người đàn bà đã sinh ra một đứa con trai, rồi sau đó gửi cho người ta nuôi vú ở đâu đó. Bà ta có biết kẻ tòng phạm của mình đã mang cái sinh vật bé bỏng đó đi đâu không? Một sinh vật vô tội, nhưng lại phải chịu đựng nỗi khổ đau triền miên, nỗi nhục nhã vì sự ra đời bất hợp pháp, và hơn thế nữa: cái chết, bởi vì người ta đã ruồng bỏ nó, bởi vì người vú nuôi có thể bỏ nó tàn tạ, đói khát, và chết vì bị ruồng bỏ, như bọn họ thường làm, vì không còn nhận tiền trợ cấp hàng tháng nữa?

Người đàn bà cho tôi bú là một người lương thiện, lương thiện hơn, đàn bà hơn, cao thượng hơn, đầy tình mẫu tử hơn là mẹ tôi. Bà ta đã nuôi nấng tôi. Bà ta đã sai lầm khi làm nhiệm vụ của mình. Tốt hơn cả là nên bỏ cho chết luôn những đứa bé khổ khổ bị người ta ném đi ở các làng mạc của những vùng ngoại ô, như ném rác rưởi ra bìa rừng.

Tôi lớn lên với cảm giác mơ hồ là tôi mang một điều sỉ nhục. Một hôm, những đứa trẻ khác gọi tôi là "con hoang". Chúng không hiểu chữ ấy có nghĩa gì, vì một đứa trong bọn chúng chỉ nghe cha mẹ nó nói. Tôi cũng không hiểu nổi, nhưng tôi cảm nhận được điều đó.

Tôi có thể nói rằng tôi là một trong những đứa trẻ thông minh nhất trong trường. Lẽ ra tôi đã có thể là một người thượng lưu, nếu cha mẹ tôi không phạm phải tội ruồng bỏ tôi.

Tội ác này, họ đã làm để chống tôi. Tôi là nạn nhân, họ là thủ phạm. Tôi không có khả năng tự vệ, họ không có lòng thương hại. Họ phải thương yêu tôi, nhưng họ đã từ bỏ tôi.

Còn tôi, tôi nợ họ cuộc đời - nhưng cuộc đời có phải là một món quà không nhỉ? Cuộc đời của tôi, dù gì đi nữa cũng chỉ là một nỗi bất hạnh. Sau hành động ruồng bỏ nhục nhã đó, tôi chỉ còn nợ họ sự trả thù. Để chống lại tôi, họ đã thực hiện một hành vi vô nhân đạo nhất, nhục nhã nhất, khủng khiếp nhất mà người ta có thể phạm phải đối với một sinh vật.

Một kẻ bị sỉ nhục phạm tội đánh người; một kẻ bị đánh cắp lấy lại của anh ta bằng sức mạnh. Một

người bị tra khảo, bị chơi xấu, bị hành hạ phạm tội giết người; một người bị tát tái phạm tội giết người, một người bị lăng nhục phạm tội giết người. Tôi đã là người bị đánh cắp, bị lừa đảo, bị hành hạ, bị một cái tát về mặt tinh thần, bị lăng nhục hơn tất cả những người mà các vị đã tha thứ cho cơn nổi giận của họ.

Tôi đã trả thù, tôi đã giết người. Đó là quyền chính đáng của tôi. Tôi đã đổi cuộc sống sung sướng của họ với cuộc đời ghê tởm mà họ đã áp đặt cho tôi.

Các ngài sắp nói về tội giết cha mẹ. Họ có phải là cha mẹ tôi không, những người mà đối với họ, tôi là một gánh nặng ghê tởm, một nỗi khiếp đảm, một vết nhơ bẩn nhục nhã; đối với họ, sự ra đời của tôi là một tai hoạ, và mạng sống của tôi là một mối đe doạ nhục nhã? Họ tìm kiếm một khoái lạc ích kỷ; họ đã có một đứa con bất đắc dĩ. Họ đã xoá sổ đứa con. Đến lượt tôi, tôi cũng làm như vậy cho họ.

Và tuy nhiên, sau cùng, tôi đã sẵn sàng yêu mến họ.

Cách đây hai năm, như tôi đã nói với các vị, người đàn ông ấy, nghĩa là cha tôi, đến nhà tôi lần đầu



tiên. Tôi không nghi ngờ gì cả. Hấn đặt tôi làm hai món hàng. Sau này tôi mới hiểu, ông ta đã dò la tin tức ở cha xứ, dĩ nhiên là một cách bí mật.

Hấn trở lại thường xuyên hơn; hấn đặt tôi làm và thanh toán tiền bạc rộng rãi. Thậm chí đôi khi hấn tán gẫu chuyện này chuyện nọ với tôi. Tôi cảm thấy quý hấn.

Vào đầu năm nay, hấn dẫn vợ, tức là mẹ tôi, đến. Khi bà ta bước vào nhà, bà ta run bần bật, đến nỗi tôi tưởng rằng bà ta bị bệnh thần kinh. Đoạn bà mượn một chiếc ghế và xin một ly nước. Bà ta không nói gì cả. Bà nhìn bàn ghế của tôi bằng một vẻ ngây dại, và chỉ trả lời "có" và "không" một cách ngớ ngẩn với tất cả những câu hỏi mà chồng bà đặt ra! Khi bà ta đã ra về, tôi cứ tưởng rằng bà ta hơi loạn thần kinh.

Tháng sau, bà trở lại. Bà đã bình tĩnh, và tự chủ. Hôm ấy, họ ở lại khá lâu để tán gẫu, và họ đặt tôi làm một món hàng lớn. Sau đó, tôi còn gặp lại họ ba lần nữa, mà không hề đoán ra được điều gì, nhưng một hôm, bà ta bắt đầu nói chuyện với tôi về cuộc sống của tôi, về thời thơ ấu của tôi, về cha mẹ tôi. Tôi trả lời: "Cha mẹ tôi, thưa bà, họ là những

kẻ khốn nạn, đã ruồng bỏ tôi". Lúc ấy, bà ta lấy tay ôm ngực, và bất tỉnh ngã xuống. Tôi nghĩ ngay rằng "Mẹ ta đây!", nhưng tôi không để lộ ra thái độ gì cả. Tôi muốn bà ta trở lại.

Chẳng hạn, về phía tôi, tôi cũng tìm hiểu tin tức. Tôi biết rằng họ chỉ mới lấy nhau vào tháng bảy trước, vì mẹ tôi chỉ goá bụa từ ba năm nay. Người ta xì xầm nhiều rằng họ yêu nhau từ thời mồ ma của người chồng trước, nhưng người ta không có bằng chứng nào. Tôi chính là bằng chứng, một bằng chứng mà ban đầu người ta đã dấu nhem, rồi sau đó muốn thủ tiêu.

- Tôi chờ đợi. Một buổi tối nọ, bà ta xuất hiện, luôn luôn có cha tôi đi cùng. Hôm ấy, bà ta có vẻ vô cùng xúc động, tôi không hiểu tại sao. Rồi, lúc ra về, bà ta nói với tôi: "Tôi muốn điều tốt lành cho anh, bởi vì đối với tôi anh có vẻ là một thanh niên lương thiện và một người lao động; có lẽ một ngày nào đó anh sẽ nghĩ đến việc lấy vợ; tôi sẽ đến giúp anh chọn lựa tự do người đàn bà nào phù hợp với anh. Còn tôi, ngày xưa tôi đã lập gia đình một cách gượng ép một lần rồi, và tôi biết đau khổ là như thế nào. Bây giờ, tôi giàu có, nhưng không con cái, tôi

tự do, tôi làm chủ gia tài của tôi. Đây là của hồi môn của anh".

Bà ta đưa cho tôi một phong bì to niêm kín.

Tôi nhìn chăm chăm, đoạn tôi nói: "Bà là mẹ của tôi à?".

Bà ta chợt lùi lại ba bước và lấy tay che mặt lại để không phải trông thấy tôi. Còn hấn, người đàn ông ấy, tức là cha tôi, hấn đỡ bà ta dậy và hét vào mặt tôi. "Anh là đồ điên".

Tôi trả lời: "Không điên chút nào cả. Tôi biết chắc rằng hai người là cha mẹ tôi. Không thể lừa dối được tôi như thế đâu. Ông hãy thú nhận đi, và tôi sẽ giữ bí mật cho ông; tôi sẽ không oán trách ông đâu; tôi sẽ tiếp tục công việc mà tôi đang làm của một người thợ mộc".

Hấn lùi ra cửa, tay vẫn luôn nâng vợ hấn, bà ta bắt đầu khóc nức lên. Tôi chạy đi đóng cửa lại, tôi bỏ chìa khoá vào túi, và tôi nói tiếp: "Ông hãy nhìn bà ta vậy, và hãy cứ phủ nhận rằng bà ta là mẹ của tôi đi".

Lúc ấy, hấn nổi giận lên, mặt tái mét, và kinh hoảng khi nghĩ rằng vụ lem nhem này, đã được

tránh né từ lâu, nay có thể bùng nổ bất ngờ, rằng địa vị xã hội của họ, tiếng tăm của họ, danh dự của họ sẽ dùng một phát tiêu tan; hắn áp úng: "Anh là một kẻ hạ đẳng, muốn tống tiền tôi. Vậy anh cứ làm điều thiện cho dân chúng của anh đi, cho bọn người thô thiển đó đi, hãy giúp họ đi, hãy cứu họ đi!".

Mẹ tôi thất kinh, cứ luôn mồm lặp đi lặp lại: "Ta về thôi. Ta về thôi".

Rồi thì, vì cửa đã khoá, nên hắn la lên: "Nếu anh không mở cửa ra ngay lập tức, tôi sẽ cho người bắt giam anh vì tội tống tiền và dùng vũ lực!".

Tôi tự chủ được, tôi mở cửa và đứng nhìn họ chìm dần trong bóng đêm.

Lúc ấy, bỗng dưng tôi có cảm giác như là mình vừa bị côi cút, bị ruồng rẫy, bị đẩy xuống suối. Một nỗi buồn ghê sợ, pha lẫn với cơn giận dữ, với nỗi oán ghét, với nỗi chán chường xâm chiếm lòng tôi, trong tôi có một cái gì như sự vùng dậy của cả con người tôi, một sự vùng dậy của công lý, của lòng trung thực, của danh dự, của tình thương bị chối bỏ. Tôi liền chạy đi để đuổi theo họ, dọc sông Xen mà họ phải theo để ra ga đi về Sa-tu.

Chẳng mấy chốc sau, tôi đuổi kịp họ. Màn đêm đã buông xuống tối đen. Tôi đi nhẹ nhẹ trên cỏ, để cho họ không nghe thấy tiếng bước chân. Mẹ tôi vẫn khóc suốt. Cha tôi nói: "Lỗi của em đây. Tại sao em lại muốn thăm nó? Ở địa vị chúng ta, đó thật là một việc điên rồ. Lẽ ra ta nên làm phúc cho nó từ xa, mà không phải chường mặt ra. Vì ta không thể nhìn nhận nó được, thế thì những cuộc thăm viếng nguy hiểm này giúp ích được gì?".

Lúc ấy, tôi lao đến trước mặt họ, và khấn cầu. Tôi lẩm bẩm: "Rõ ràng rằng ông bà là cha mẹ của tôi. Ông bà đã chối bỏ tôi một lần rồi, chẳng lẽ ông bà lại xua đuổi tôi nữa ư?".

Thế rồi, thưa ông chánh án, hắn ta giơ tay lên trước mặt tôi, tôi lấy danh dự của tôi mà thề trước luật pháp và nền Cộng hoà rằng hắn đánh tôi, và khi tôi chộp được cổ tay hắn, hắn rút trong túi áo ra một khẩu súng ngắn.

Tôi điên tiết lên và không còn biết gì nữa. Trong túi tôi có cái com-pan; tôi đánh hắn, đánh đến khi nào tôi còn đánh được.

Thế rồi bà ta vừa gào lên: "Cứu tôi với! Âm sát!" vừa bứt râu tôi. Dường như tôi cũng đã giết bà ta.

Còn tôi, tôi có biết những gì tôi đã làm trong lúc ấy không?

Đoạn, khi trông thấy cả hai nằm sóng soài dưới đất, tôi ném họ xuống sông Xen, không hề suy nghĩ.



Bị cáo ngồi xuống. Trước lời thổ lộ ấy, vụ án đã được rời lại vào buổi họp tiếp theo...

TRẦN THÀNH ÁI dịch

## THÁNH ẲNG-TOAN

*Tặng X.Sác-mơ*

Người ta gọi lão là Thánh Ẳng-toan, vì tên lão là Ẳng-toan, và có thể cũng vì tánh tình lão vui vẻ, tươi tắn, biết pha trò, ăn nhiều và uống tợn, và lão là một kẻ săn đuổi các cô đầy tớ rất khoẻ, mặc dù tuổi đã ngoài sáu mươi.

Lão là một nông dân to lớn vùng Cô<sup>(1)</sup>, da sạm, ngực nở, bụng phệ, đôi chân dài ngoằng, tướng chừng như quá bé để có thể mang tám thân đồ sộ của lão.

Goá vợ, lão sống một mình cùng với chị ở và hai người giúp việc trong trang trại mà lão là người điều hành khôn khéo, kỹ lưỡng trong việc tính toán quyền lợi, khéo léo trong việc làm ăn và chăn nuôi, và việc canh tác đất đai. Hai thằng con trai và ba cô con gái đã lập gia đình nơi khá giả, hiện sống ở gần

---

(1) Pays de Caux : một cao nguyên ở vùng Normandie phía Bắc sông Seine.

đấy, và mỗi tháng một lần chúng đến dùng bữa tối với lão. Sức lực của lão nổi tiếng khắp các vùng lân cận; người ta thường nói, như một câu tục ngữ: "Hắn mạnh như thánh Ằng-toan".

Khi quân Phổ tràn vào, Ằng-toan đang ở ngoài quán rượu, lão hứa là sẽ diệt gọn một binh đoàn, vì tính lão ưa phóng đại như một người Nooc-măng-di chính cống, vừa hơi hèn nhát vừa khoe khoang. Lão gõ gõ ngón tay xuống chiếc bàn gỗ, làm ly tách nhảy nhót lung tung, và la lên đỏ mặt tía tai, đôi mắt lém lỉnh, trong một cơn giận giả tạo của con người vui tính: "Tôi phải diệt chúng nó mới được, mẹ kiếp!". Lão tin chắc rằng quân Phổ sẽ không bao giờ đến Tan-vin được; nhưng từ khi hay rằng chúng đã kéo đến Rô-tô rồi, lão không còn bước ra cửa nhà nữa, và luôn luôn ngó chừng ra đường qua chiếc cửa sổ nhỏ ở nhà bếp, để trông chờ bọn lính giương lê điếu qua.

Một buổi sáng nọ, lúc lão đang ăn xúp cùng với những người giúp việc, thành lính cửa bật mở, và ông xã trưởng, thầy Si-cô bước vào, dẫn theo một người lính đội mũ sắt đen, có chóp nhọn bằng đồng. Ằng-toan đứng bật dậy; và mọi người giương mắt



nhìn lão, định ninh rằng lão sẽ cưa hấn ra thành trăm mảnh; nhưng lão đành lòng bắt tay viên xã trưởng; viên xã trưởng nói với lão: "Phần anh tên này đây, Ấng-toan ạ. Chúng đến hồi đêm. Nhất là đừng làm chuyện gì ngốc nghếch, vì chúng dọa sẽ xử bắn và sẽ đốt tất cả nếu xảy ra một chuyện nhỏ nào. Báo với anh thế nhé! Hãy cho hấn ăn, hấn có vẻ tử tế đấy. Thôi chào anh, tôi còn phải đến nhà người khác nữa. Mọi người ai ai cũng có phần cả". Đoạn ông ta đi ra.

Lão Ấng-toan mặt xám ngoét, nhìn tên lính Phổ. Đó là một gã thanh niên béo phịch, và trắng bóc, mắt xanh, tóc hoe, râu mọc đến tận lưỡng quyền, trông hấn có vẻ khù khờ, rụt rè và ngây thơ. Ông lão lém lỉnh người Noọc-măng-đi lập tức nhìn thấu tim gan anh ta, và lão tự tin ra dấu báo anh ta ngồi xuống. Đoạn lão hỏi: "Anh muốn ăn xúp không?".

Người khách lạ không hiểu, Ấng-toan bồng dạn dĩ lên, và lão đẩy một đĩa xúp đầy đến dưới mũi anh ta và nói: "Này, tọng cái này đi, đồ con heo".

Anh lính trả lời: "Ya"<sup>(1)</sup> và bắt đầu ăn ngấu nghiến, trong khi lão chủ đắc thắng, cảm thấy rằng danh dự của mình đã được phục hồi, lão nháy mắt với bọn người ở, họ nhần nhó một cách kỳ lạ, vì vừa sợ hãi vừa muốn cười phá lên.

Khi người lính Phổ đã ngốn sạch đĩa thức ăn, Ằng-toan dọn cho anh ta một đĩa khác, và anh ta cũng thanh toán nốt; nhưng anh từ chối đĩa thứ ba, mà lão chủ muốn ép anh ăn: "Nào, hãy tọng các thứ này vào bụng đi. Mày sẽ mập ra, nào, con heo của tao ơ". Lão lập đi lập lại như thế.

Và anh lính chỉ hiểu rằng lão muốn ép mình ăn cho thoả thích, nên anh cười với vẻ hài lòng, vừa ra dấu rằng anh đã no.

Lúc đó, Ằng-toan đã trở nên hoàn toàn thân mật, vừa vỗ vào bụng anh ta vừa kêu lên: "Có gì trong cái bụng phệ của con heo tôi thế!". Nhưng bỗng lão phá lên cười ngật nghèo, cười đỏ mặt đến độ suýt té vì co giật, và không thể nói tiếp được. Một ý nghĩ chợt loé lên trong đầu lão, làm lão thôi cười: "Chính thế, chính thế, thằng Ằng-toan và con heo của

---

(1) Tiếng Đức, có nghĩa là "vâng".

mình!". Và, đến lượt cả ba người giúp việc phá lên cười.

Ông già khoái chỉ đến độ cho mang rượu mạnh, loại rượu ngon, để thết mọi người. Họ cùng ly với anh lính Phở, anh ta tặc lưỡi để làm vừa lòng mọi người, để diễn tả rằng anh thấy món này thật là thú vị. Và Ăng-toan hét vào mặt anh: "Sao? Rượu ngon hả? Ở nhà mày có được uống như thế không, con heo?".

Kể từ đó, lão Ăng-toan không bao giờ đi ra khỏi nhà mà không dắt theo người lính Phở. Lão đã tìm thấy công việc của mình ở đó: báo thù, một cuộc báo thù của những tay lém lỉnh. Và cả vùng đã chết khiếp vì sợ, cũng cười ngặt nghẽo sau lưng những kẻ chiến thắng về màn kịch của Ăng-toan. Quả thật, về việc đùa cợt, lão không có người địch lại. Chỉ có lão mới có thể sáng chế ra những việc như thế. Đồ quỷ ranh mãnh, coi chừng!

Lão đến các gia đình lân cận, đều đặn mỗi ngày vào buổi trưa, tay khoác tay cùng với người lính Phở, và lão vỗ vai anh giới thiệu với mọi người bằng một thái độ vui vẻ: "Này, đây là con heo của tôi, các vị xem hộ giùm nó đã mập ra chút nào chưa?".

Và họ cười đùa vui vẻ: "Cái gã Ằng-toan này vui thật".

- Mình bán nó cho cậu đấy, Xê-de ạ, giá ba đồng pít-tôn.

- Thôi được, Ằng-toan ạ, mình lấy, và mình mời cậu đến nhắm món dồi với tớ.

- Mình ấy à, mình chỉ muốn đôi bàn chân của hắn.

- Hãy sờ thử bụng hắn xem, cậu sẽ thấy chỉ toàn là mỡ.

Và mọi người nháy mắt với nhau, tuy nhiên họ không dám cười quá lớn, vì sợ rằng anh lính Phô cuối cùng rồi sẽ đoán ra rằng mọi người chế giễu anh ta. Duy chỉ Ằng-toan, lúc nào cũng bạo dạn, ông bẹo nó vào đùi của anh và kêu lên: "Chỉ toàn là mỡ", ông vỗ vào mông và gào: "Cả chỗ này toàn là da heo", lão nhấc bổng anh ta lên bằng đôi tay của một ông già vạm vỡ, có thể mang nổi một chiếc đe, và tuyên bố: "Nó nặng trăm ký không thua".

Và lão đã quen với việc xin ăn cho con heo của mình ở khắp mọi nơi nào lão cùng anh ta đặt chân tới. Đó là thú vui chính, thú tiêu khiển chủ yếu

hàng ngày của lão. "Hãy cho hấn những gì mà các bạn muốn hấn đớp tất tậ". Và mọi người cho anh ta bánh mì và bơ, khoai tây, ra-gu nguội, dồi, mọi người nói: "Bằng thịt của anh đấy, và đã chọn kỹ".

Anh lính ngốc nghếch và dịu dàng phải ăn vì lịch sự, lòng cảm thấy phẫn chán vì những sự quan tâm này; anh ngã bệnh vì không thể từ chối, và anh béo ra thật sự, bây giờ bộ quân phục đã chật cứng; điều ấy làm Ăng-toan thích thú và lão cứ lặp đi lặp lại: "Con heo ạ, mày thấy đấy, phải làm cho mày một cái chuồng khác mới được".

Và lại, họ đã trở thành đôi bạn thân thiết nhất trần gian, và khi ông lão đi lo công chuyện ở lối xóm, anh lính Phổ tháp tùng theo ông ta, vì một thú vui duy nhất là được gần bên ông lão.

Thời tiết trở nên khắc nghiệt; băng giá phủ đầy; mùa đông khủng khiếp năm 1870 dường như ném cùng một lúc tất cả tai ương xuống nước Pháp.

Lão Ăng-toan luôn chuẩn bị trước mọi việc, và biết tận dụng thời cơ; vì tiên đoán rằng phân chuồng sẽ thiếu cho vụ mùa xuân sắp tới, nên lão mua lại của một người hàng xóm đang túng bán, và họ thoả

thuận với nhau là mỗi tối lão sẽ đánh xe thổ mộ đi chở phân.

Vì vậy, hằng ngày, khi gần xup tối, lão lên đường, và đi đến trang trại của gia đình ông, cách nửa dặm đường, con heo của lão lúc nào cũng đi theo. Và ngày nào cũng có một bữa tiệc vô béo cho nó. Cả xứ đồ xô đến đó như người ta đi lễ ngày chủ nhật.

Tuy nhiên, anh lính bắt đầu thận trọng, và khi mọi người cười to, anh trợn tròn đôi mắt lo âu, đôi khi sáng lên một ánh mắt căm giận.

Thế là một tối nọ, khi đã ăn hả hê, anh từ chối ăn thêm một miếng nữa; và anh cố đứng dậy để đi về. Nhưng Ằng-toan giữ anh ta lại bằng một cú vịn cổ tay, và lão đặt đôi bàn tay hộ pháp lên vai anh ta, và ấn anh ngồi xuống, mạnh đến nỗi chiếc ghế bẹp gí dưới tấm thân của anh.

Một không khí vui nhộn bùng lên như bão táp; và Ằng-toan mặt mày hớn hở, đỡ con heo của lão dậy, giả bộ như băng bó cho anh ta; đoạn lão tuyên bố: "Bởi vì mày không muốn ăn nữa, nên mày phải uống, thề có Chúa!". Và người ta đi mua rượu.

Anh lính tròn tròn cặp mắt hung dữ; nhưng dù vậy, anh vẫn uống; chừng nào họ còn mời, anh còn uống, và Ảng-toan điều khiển được anh ta trong sự vui nhộn của những người chứng kiến.

Lão già người xứ Nooc-măng-đi mặt mày đỏ như gấc, ánh mắt như đỏ lửa, rót đầy rượu vào hai ly, vừa cụng ly vừa gào lên: "Chúc sức khỏe mày!". Và anh lính Phô, không nói không rằng, lần lượt trút từng ly một vào mồm.

Đây là một cuộc chiến đấu, một trận chiến, một cuộc báo thù! Ai uống nhiều nhất sẽ thắng, mẹ kiếp! Khi lít rượu đã cạn, cả hai không ai có thể còn uống được nữa. Nhưng không ai hại trận. Họ sánh vai nhau ra về, chỉ thế thôi. Ngay hôm sau, phải bắt đầu lại!

Hai người lão đảo đi ra và lên đường; họ đi bên cạnh chiếc xe chất đầy phân chuồng, do hai con ngựa kéo chậm chậm.

Tuyết bắt đầu rơi, và cánh đồng phủ một màu trắng thê lương toả sáng vào màn đêm không trăng ảm đạm. Cái lạnh tấn công hai người, làm tăng thêm cơn say của họ, và Ảng-toan bất bình vì không thắng được, nên giở trò nghịch ngợm bằng cách ẩy vai con

heo của lão, để cho nó lộn nhào đầu dưới hỏ. Nhưng anh ta lùi lại tránh được; và một lần như vậy, anh nói một câu tiếng Đức bằng một giọng tức tối, làm cho lão nông dân cười sặc sụa. Cuối cùng, anh lính Phổ nổi nóng; và đúng vào lúc Ằng-toan ném vào anh một cú bất ngờ, anh đáp lại bằng một cú đấm khủng khiếp, làm lão nông dân vạm vỡ phải mất thăng bằng.

Lúc ấy, rượu mạnh đã làm lão bốc lửa, lão ôm ngang người anh lính, dùng đưa anh vài giây như người ta thường làm đối với trẻ con, và lão ném anh ta thẳng cánh xuống vệ đường. Đoạn, hả hê vì hành động trên, lão đứng khoanh tay và cười tiếp tục.

Nhưng anh lính nhanh nhẹn đứng lên, đầu để trần, vì chiếc mũ sắt đã văng mất, và anh rút gươm ra, nhảy bổ vào người Ằng-toan.

Thấy thế, lão chộp ngang roi quất ngựa, một cây roi to bằng cây ô-rô, thẳng chắc và dẻo như gân bò.

Anh lính Phổ tiến tới, đầu cúi xuống, gươm lăm le trước mặt, tin chắc rằng sẽ giết được kẻ thù. Nhưng lão già chộp gọn lưỡi gươm sắp đâm vào bụng lão, lão gạt sang một bên, và nện một cú thẳng tay



vào thái dương đôi phương làm anh ta ngã gục xuống chân lão.

Đoạn, lão hốt hoảng, đỡ đỡ vì kinh ngạc, lão đứng nhìn cái xác nằm xấp, ban đầu còn co giật, sau rồi bất động. Lão cúi người xuống, lật nó qua, và xem xét một lúc. Đôi mắt anh lính Phổ nhắm nghiền, và một dòng máu nhỏ rỉ ra từ vết nứt ở cạnh trán. Mặc dù đêm tối, nhưng lão Ăng-toan vẫn nhận ra được vết máu rơi trên mặt tuyết.

Lão đứng dậy, đầu óc rối loạn, trong khi chiếc xe cứ lăn bánh theo bước đi lạng lè của đôi ngựa.

Phải làm gì đây? Lão sẽ bị xử bắn! Họ sẽ đốt trang trại của lão, họ sẽ tàn phá vùng này! Làm gì? Làm sao giấu cái xác, giấu sự cố, và đánh lừa bọn Phổ. Lão nghe có tiếng người ở đằng xa, trong sự vắng lặng của một nơi đầy tuyết phủ. Lúc ấy, lão thất kinh, và nhặt chiếc mũ sắt đội lên đầu nạn nhân; đoạn lão bế xốc hân ta lên, lão chạy và đuổi kịp chiếc xe, và ném xác chết lên trên đồng phân. Một khi đã về đến nhà, lão sẽ tìm phương kế.

Lão đi chậm chậm, cố moi trong đầu, nhưng chẳng tìm ra được gì. Lão thấy, và cảm thấy mình sắp toi mạng. Lão đi vào trong sân. Một tia sáng

rơi qua khe cửa trên gác, chị giúp việc vẫn chưa ngủ; lúc ấy lão vội vã cho xe lùi lại đến bên bờ chứa phân. Lão nghĩ rằng khi trút xe xuống, cái xác đặt phía trên sẽ rơi xuống dưới đấy; và lão dốc ngược càng xe lên.

Đúng như lão đã dự đoán, cái xác được vùi dưới lớp phân. Ằng-toan dùng cây ba chĩa khoả bằng mặt, đoạn dựng nó bên miệng hố. Lão gọi một tên đầy tớ dẫn ngựa vào chuồng; đoạn lão về phòng ngủ.

Lão nằm xuống mà luôn nghĩ đến những việc phải làm; nhưng không một ý tưởng nào loé lên trong đầu lão; nỗi sợ hãi lại càng tăng, khi lão nằm bất động trên giường. Họ sẽ xử bắn lão! Lão toát mồ hôi vì lo sợ; hàm răng lão va vào nhau; lão choàng dậy ngồi bó gối, vì không thể nằm yên trong chăn được.

Thế là lão đi xuống nhà bếp, lão lấy một chai rượu mạnh trong tủ, và trở lên. Lão uống hai ly to liên tục, làm cơn say mới đề lên cơn say cũ, mà cơn bồn chồn trong lòng lão vẫn không dịu xuống. Lão đã làm một vỏ xuẩn ngốc, mẹ kiếp.

Rồi lão đi đi lại lại, lão tìm kiếm những mưu chước, những lời giải thích, và những quỷ kế; và

thình thoảng, lão lại làm một tốp rượu mạnh để bụng dạ can đảm lên.

Nhưng lão vẫn không tìm ra gì cả. Không ra gì cả.

Khoảng nửa đêm, con chó giữ nhà của lão, một thứ chó sói lai mà lão đặt tên là "Ngón" cất lên tiếng tru thê lương. Lão Äng-toan rợn người đến tận xương tủy; và mỗi lần con chó lại cất lên tiếng rú thảm nảo và lê thê ấy, thì một cơn rùng mình vì sợ sệt chạy khắp trên da thịt lão.

Lão gieo mình xuống chiếc ghế, đôi chân rùng rờ, lão chờ đợi, kiệt quệ khắc khoải chờ đợi con "Ngón" lại bắt đầu tiếng kêu, và lão bị giầy vò bởi tất cả những cơn giật mình, mà nỗi kinh hoàng do chúng gây ra làm cho hệ thần kinh chúng ta rung lên.

Đồng hồ ở dưới nhà điểm năm giờ. Con chó vẫn không im tiếng. Lão nông dân trở nên điên dại. Lão choàng dậy đi ra mở xích, để không còn phải nghe nó rú nữa. Lão bước xuống, mở cửa, và bước đi ra trong màn đêm.

Tuyết vẫn không thôi rơi. Tất cả đều trắng xoá. Máy gian nhà trong trang trại chỉ còn là một vệt đen ngòm. Lão đi đến chuồng chó. Con vật kéo lê chiếc xích. Lão thả nó ra. Lúc đó, con "Ngón" nhảy dựng lên, và dừng lại đột ngột, lông dựng ngược, chân đứng thẳng, răng nhe ra, mũi hướng về phía đồng phân.

Ắng-toan run lấy bầy từ đầu đến chân, nói lắp bắp: "Mày làm sao vậy, đồ chó bẩn?". Và lão bước đến mấy bước, mắt sục sạo vào trong bóng đêm lơ mơ, bóng đêm nhợt nhạt trong sân nhà.

Lúc ấy, lão thấy một dáng người đang ngồi trên đồng phân!

Lão nhìn nó, lạng người vì kinh khiếp và lão thờ hồn hể. Nhưng chợt lão nhận ra chiếc cán cây ba chĩa đang cắm xuống đất, cạnh lão, lão nhò lên, và trong cơn điên dại vì sợ sệt, cơn điên dại thường biến những kẻ hèn nhát cũng trở nên dạn dĩ, lão nhảy bổ về phía nó, để xem xét.

Chính hắn, tên lính Phổ, hắn đã chui lên từ dưới đồng phân. Phân đã sưởi ấm hắn, và hồi sinh hắn. Hắn đã choàng dậy một cách vô ý thức, và hắn ngồi đó, dưới lớp tuyết đang phủ lên người hắn, mình

mấy hần lấm lem những bùn và máu, hần vẫn còn đồ dẫn vì cơn say, choáng váng vì cú đánh và kiệt sức vì vết thương.

Hần nhận ra Äng-toan, và quá thất kinh nên không hiểu chuyện gì, hần gương đứng lên. Nhưng lão già, từ lúc nhận ra hần, lão sôi bọt lên như con thú dại.

Lão nói líu riu: "Chà! Đồ heo! Mày chưa chết! Mày sẽ đi tố cáo tao à... Chờ đấy... chờ đấy!".

Và lão lăn xả vào tên lính Phổ, lấy hết sức của đôi tay, lão dúi cây ba chĩa về phía trước như cây giáo, và lão ấn mạnh vào ngực anh ta bốn mũi sắt nhọn, ngập đến cán.

Anh lính ngã ngựa người ra, vừa trút hơi thở cuối cùng, trong khi lão già rút vũ khí ra khỏi vết thương rồi lại đâm liên hồi vào bụng, vào bao tử, vào cổ họng, lão làm việc ấy như người mất trí, lão đâm vào cái xác còn thoi thóp từ đầu đến chân, máu chảy ra ồ ạt.

Đoạn lão dừng tay lại, lão hụt hơi vì việc làm của lão quá quyết liệt, lão hít thở thật sâu, lòng cảm thấy nhẹ nhõm vì vụ thanh toán đã xong.

Lúc ấy, vì tiếng gà đã gáy vang trong chuông, và ngày mới sắp bắt đầu, lão bắt tay vào việc chôn xác nạn nhân.

Lão đào một cái hố trong đồng phân, và khi đụng đến đáy, lão lại đào sâu thêm nữa, lão làm việc ấy một cách hỗn độn, trong trạng thái cuồng bạo, với sự vận động điên cuồng của đôi tay và cả tấm thân của lão.

Khi cái hố đã khá sâu, lão lẫn cái xác xuống dưới đó, và lão dùng cây ba chĩa xúc đất đổ lên, lão dùng chân nện một hồi lâu, rồi đem phân về vị trí cũ, và lão mỉm cười khi thấy tuyết dày đặc làm nốt công việc của lão, và xoá đi mọi dấu vết.

Đoạn lão cầm cây ba chĩa trên đồng phân, và trở vào nhà. Chai rượu còn một nửa đang ở trên bàn, lão tu một hơi cạn chai và ném mình xuống giường, và ngủ thiếp đi.

Lúc thức giấc, lão đã tỉnh rượu, đầu óc bình thản và sáng khoái, để có thể phán xét sự việc vừa qua, và dự đoán tình hình.

Một giờ sau, lão chạy khắp làng, và vừa hỏi khắp nơi tin tức của anh lính Phổ. Lão đi tìm các viên sĩ quan để hỏi tại sao họ bỏ anh lính của lão đi.

Vì mọi người đều biết mối quan hệ giữa hai người, nên không ai nghi ngờ gì lão; và thậm chí lão còn hướng dẫn cuộc tìm kiếm vì họ xác nhận rằng anh lính Phổ mỗi tối thường đi săn lùng phụ nữ.

Một viên hiến binh già đã về hưu, có một cô con gái đẹp, hiện đang làm chủ một quán trọ ở làng kế bên, bị bắt và bị xử bắn.

*TRẦN THANH ÁI dịch*

## MỤ ĐIÊN

*Tặng Rô-be đờ Bon-ni-e-rơ*

Này, ông Ma-chơ Đăng-dô-lanh bắt đầu kể, mùa săn chim mỏ nhác làm tôi nhớ lại một giai thoại thâm thương về chiến tranh.

Các bạn đã biết cơ ngơi của tôi ở ngoại ô Cooc-may. Tôi sống ở đó lúc quân Phổ tiến vào.

Đạo ấy, cạnh nhà tôi có một bà như điên, đầu óc đã lú lẫn vì những vô bất hạnh. Ngày xưa, lúc hai mươi lăm tuổi, trong chỉ một tháng thôi, cha, chồng và đứa con sơ sinh của bà ta theo nhau chết cả.

Khi thân chết đã vào nhà ai một lần, thì nó luôn trở lại gần như tức thì, như thể nó đã quen lối.

Người phụ nữ trẻ đáng thương ấy bị quật ngã bởi phiền muộn, nằm liệt giường, hôn mê suốt sáu tuần lễ. Rồi sau đó, một thứ chán chường thâm lặng tiếp theo cơn khủng hoảng dữ dội đó, nên bà trở nên bất động, gần như không ăn uống gì, chỉ cử động đôi mắt mà thôi. Mỗi lần người ta muốn dựng bà dậy, bà thét la như thể sắp bị đem đi giết. Vì vậy,



họ để bà luôn luôn ở trong tư thế nằm, chỉ nhắc bà ra khỏi giường để bà làm vệ sinh, và để thay nệm.

Một bà đầy tớ già luôn có mặt bên cạnh bà, thỉnh thoảng cho bà uống hoặc ngâm một ít thịt nguội. Cái gì đã xảy ra trong tâm hồn tuyệt vọng này? Người ta không bao giờ biết, vì bà không nói chuyện. Phải chăng bà nghĩ đến những người thân đã chết? Hay là bà tưởng nhớ vãn vợ, mà không có một kỷ niệm nào rõ rệt? Hay trí óc đã bị huỷ hoại của bà đã trở nên thụ động như nước hồ ao?

Trong mười lăm năm trời, bà sống khép kín và bất động như thế.

Rồi chiến tranh ập đến; và trong những ngày đầu tháng mười hai, quân Phổ tiến vào Cooc-may.

Tôi nhớ sự kiện này như thể nó vừa xảy ra ngày hôm qua. Trời băng giá ghê gớm, và chính tôi cũng phải nằm dài trên chiếc ghế phôi toại, vì căn bệnh thấp khớp làm tôi tê liệt. Lúc ấy, tôi nghe tiếng bước chân nặng nề và nhịp nhàng của họ nện trên đường. Qua cửa sổ, tôi trông thấy họ đi ngang.

Đoàn quân điều hành dài vô tận, người nào cũng giống người nào, với động tác buồn cười đặc biệt của

riêng họ, như những con rối. Rồi các vị chỉ huy phân công binh lính đến trọ ở nhà dân. Tôi nhận mười bảy người. Bà hàng xóm của tôi, mụ điền ấy, nhận mười hai người, trong đó có một viên thiếu tá, một con người thô lỗ, dữ dằn và cau có.

Trong những ngày đầu, mọi việc diễn ra bình thường. Người ta đã báo cho viên sĩ quan ấy biết rằng người đàn bà ấy đang bệnh; và ông ta chẳng mấy quan tâm đến việc đó. Nhưng chẳng bao lâu sau, người đàn bà mà người ta chưa bao giờ gặp từ lâu nay, làm ông ta bức tức, ông hỏi thăm bệnh tình; người ta trả lời rằng bà chủ nhà đã nằm liệt giường từ mười lăm năm nay, sau một cơn muộn phiền dữ dội. Nhưng có lẽ ông ta chẳng tin gì chuyện ấy, và lại có ý nghĩ rằng người đàn bà mất trí đáng thương ấy không chịu rời khỏi giường vì lòng kiêu hãnh, để khỏi phải trông thấy binh lính Phổ, và khỏi phải trò chuyện với họ, khỏi phải tiếp xúc họ.

Ông ta yêu cầu bà tiếp đón ông; và người nhà của bà dẫn ông ta vào phòng. Ông ta hỏi bằng một giọng thật bất ngờ:

"Tôi yêu cầu bà ngồi dậy và đứng lên để mọi người nhìn bà".

Bà nhìn ông ta với vẻ mặt mơ hồ, đôi mắt trống rỗng, và không đáp lại.

Ông ta lặp lại:

"Tôi sẽ không tha thứ tội hỗn láo của ông. Nếu ông không tự nguyện tống lên, thì tôi sẽ bìm biện pháp phải đi một mình".

Bà ta không nhúc nhích, vẫn nằm bất động, như thể bà không trông thấy hắn.

Hắn ta nổi khùng lên, và cho rằng sự im lặng ấy là biểu hiện của sự khinh bỉ tột cùng. Và hắn nói thêm:

"Ngày mai, nếu ông không chịu tống lên..."

Đoạn hắn bỏ ra ngoài.

Ngày hôm sau, người tớ già thất kinh, muốn thay quần áo cho bà chủ; nhưng bà ta bỗng gào thét lên, vừa vùng vẫy quyết liệt. Viên sĩ quan leo nhanh lên lầu, và người đầy tớ bỗng quỳ sụp xuống và la lên:

"Bà ta không muốn. Thưa ông, bà ta không muốn. Xin ông hãy tha thứ cho bà ấy; bà ta đã quá đau khổ rồi".

Hắn chợt bối rối; mặc dù đang giận dữ, nhưng hắn không dám sai lính kéo bà ta ra khỏi giường.

Nhưng bỗng hần cười phá lên và ra lệnh bằng tiếng Đức.

Và một chốc sau, người ta thấy một phân đội đi ra, họ khiêng một tấm khăn trải giường như người ta khiêng thương binh, trên đó, họ không hề thay đổi chi, và người đàn bà điên vẫn luôn im lặng, bình thản, và đứng vững với mọi biến cố, chừng nào họ còn để cho bà ta nằm. Một người đi sau mang một gói quần áo phụ nữ.

Và viên sĩ quan vừa tuyên bố vừa xoa hai tay vào nhau:

"Chúng tôi sẽ ra tay nếu bà không chịu tự thay quần áo và tì đạo một tí".

Và người ta thấy đoàn người đi vào khu rừng I-mô-vin.

Hai giờ sau, chỉ có bọn lính trở lại.

Mọi người không còn gặp lại người đàn bà điên. Họ đã làm gì bà ta? Họ mang bà đi đâu? Mọi người không bao giờ biết điều ấy.

Bảy giờ, tuyết rơi ngày đêm, chôn vùi cánh đồng và khu rừng dưới một lớp bột giá băng. Lũ chó sói tiến vào tận cửa mọi nhà mà tru tréo.

Ý nghĩ về người đàn bà mất tích luôn ám ảnh tôi; và tôi đã chạy vạy mọi cách với nhà cầm quyền Phổ để biết tin tức của bà ta. Suýt tí nữa tôi bị đem đi xử bắn.

Mùa xuân trở lại. Đội quân chiếm đóng ra đi. Ngôi nhà của người láng giềng vẫn đóng im lìm; cỏ đã mọc đầy đặc trong các lối đi.

Người đầy tớ già đã chết trong mùa đông vừa qua. Không ai còn quan tâm đến vụ ấy nữa; chỉ mỗi mình tôi luôn nghĩ đến nó.

Họ đã làm gì người đàn bà ấy? Hay bà ta đã bỏ trốn vào rừng? Và người ta đã nhốt bà ở đâu đó, và giữ bà trong một bệnh viện, mà không biết gì về bà? Không một giả thiết nào làm dịu mỗi nghi ngờ của tôi; nhưng dần dần, thời gian cũng xoa dịu nỗi lo lắng của lòng tôi.

Thế rồi, vào mùa thu tiếp theo, chim mỏ nhác bay về hàng đàn; và vì căn bệnh thấp khớp để cho tôi được yên đôi chút, nên tôi cố lết ra đến khu rừng. Tôi đã giết được bốn năm con chim mỏ dài này, và một con rơi mất tấm vào một hầm đầy cành cây. Tôi buộc phải xuống đó để nhốt con thú săn được. Tôi tìm thấy nó rơi gần một cái sọ người. Và thỉnh

lĩnh, ký ức về người đàn bà điên ập đến trong ngực tôi như một cú đâm. Có lẽ có nhiều người khác đã chết trong khu rừng này, vào cái năm tai ương ấy; nhưng không hiểu tại sao, tôi tin chắc rằng, tôi cam đoan với các vị, tôi tin chắc rằng tôi đã gặp cái đầu của người đàn bà khốn khổ ấy.

Và tôi chợt hiểu ra, tôi chợt đoán ra tất cả. Bọn chúng đã bỏ bà ta trên chiếc khăn trải giường ấy, trong khu rừng lạnh lẽo và vắng vẻ; và vì trung thành với tư tưởng cố hữu của mình, bà ta để mặc cho cái chết mang mình đi, dưới lớp tuyết nhẹ như tơ, phủ đầy, và không thềm cử động chân tay.

Rồi lũ sói đến đánh chén xác bà ta.

Và chim chóc lấy tấm vải trải giường làm tổ.

Tôi giữ lại mẫu xương buồn thảm ấy. Và tôi mong muốn rằng con cháu chúng ta sẽ không bao giờ còn nhìn thấy chiến tranh nữa.

TRẦN THANH ÁI dịch

## TRONG CHUYẾN ĐI

*Tặng Gustave Toudouse*

Khi rời Can thì toa tàu đã đầy; mọi người cùng trò chuyện, vì họ quen nhau cả. Khi đi ngang qua Ta-rút-công, có người nói: "Chính nơi đây đã xảy ra vụ giết người". Và họ bắt đầu bàn luận về tên sát nhân kỳ diệu và không thể tóm được nó, từ hai năm nay, thỉnh thoảng hắn cướp đi một mạng người đi đường. Mỗi người đều đưa ra nhiều giả thiết, nhiều ý kiến; các bà thì vừa nhìn ra màn đêm tối đen sau cửa kính vừa run, cứ nơm nớp sợ rằng một đầu người bất thần xuất hiện ở cửa. Và họ lại kể những chuyện kinh dị về những cuộc gặp gỡ xúi quẩy, những cuộc chạm trán với người điên trên một chuyến tàu nhanh, những giờ phút mặt đối mặt với một tay khả nghi nào đó.

Cánh đàn ông ai cũng có một giai thoại để tự hào về mình, người nào cũng đã từng làm cho tên bắt lương nào đó phải khiếp đảm, đo ván, và đánh thục thủ, trong những tình huống diệu kỳ, với một sự mưu trí và gan dạ đáng khâm phục. Một vị bác

sĩ nọ, cứ hàng năm lại đến nghỉ Đông ở miền Nam nước Pháp, đến lượt ông cũng muốn kể một câu chuyện.



Tôi thì, ông ta nói, tôi chưa bao giờ may mắn được thử nghiệm lòng can đảm của mình trong những vụ tương tự như thế; nhưng tôi quen một người đàn bà, là khách hàng của tôi, nay đã chết rồi, bà ta đã gặp một chuyện lạ lùng nhất, và cũng là một chuyện huyền diệu nhất, cảm động nhất trên đời.

Đó là một phụ nữ Nga, nữ Bá tước Ma-ri Ba-ra-nốp, một phụ nữ cao to, có một vẻ đẹp mê hồn. Các vị biết đàn bà Nga đẹp như thế nào rồi, hoặc ít ra, đối với chúng ta là như thế, với chiếc mũi xinh xắn, cái miệng thanh tao, hai con mắt gần nhau có một màu sắc khó tả, một màu vàng xanh vừa xám, và với một vẻ duyên dáng lạnh lùng đến sắt đá! Họ có một cái gì đấy vừa dữ dằn vừa quyến rũ, vừa cao ngạo vừa dịu dàng, vừa tình cảm vừa nghiêm khắc, rất dễ thương đối với đàn ông Pháp. Nghĩ cho cùng,



có thể đó chỉ là sự khác biệt về chủng tộc và phong cách đã làm cho tôi thấy ở họ nhiều đặc điểm đến thế.

Từ nhiều năm nay, vị bác sĩ của bà ta đã thấy bà bị đe dọa bởi một chứng bệnh ở phổi, và đã cố gắng cho bà đến miền Nam nước Pháp; nhưng bà kiên quyết từ chối rời khỏi Pê-téc-bua. Thế rồi, mùa thu năm ngoái, thấy bà nguy ngập, bác sĩ phải báo cho chồng bà biết, ông ta lập tức ra lệnh cho bà phải đến Măng-tông<sup>(1)</sup>.

Bà đáp xe lửa, một mình một toa, những người phục dịch thì ở một toa khác. Bà ngồi tựa cửa, vẻ hơi buồn, ngắm nhìn cảnh đồng quê, làng mạc lướt qua, lòng cảm thấy quá lẻ loi, lạc lõng trong cuộc đời, không con cái, gần như không họ hàng thân thích, với một ông chồng không còn tình yêu, một ông chồng đã vứt bà vào một xó trần gian như thế, chẳng thêm đến với bà, như thể người ta thường ném một tên đầy tớ bệnh tật vào nhà thương.

---

(1) Một thị trấn Pháp, nằm trên bờ biển Địa Trung Hải, sát biên giới Ý.

Khi đến mỗi ga, người đầy tớ tên I-van đến hỏi xem bà có cần gì không. Đó là một gia nhân già tận tụy một cách mù quáng, sẵn sàng thi hành mọi mệnh lệnh mà bà ban ra.

Đêm xuống, con tàu chạy hết tốc lực. Bà không thể ngủ được, vì uể oải đến cực độ. Chợt bà nghĩ đến chuyện đếm số tiền mà chồng bà đã trao lại vào giờ phút chót, số tiền vàng của Pháp. Bà mở chiếc xách tay nhỏ ra, và trút lên đầu gối dòng kim loại óng ánh ấy.

Nhưng thình lình một luồng gió lạnh quất vào mặt bà. Bà kinh ngạc ngẩng đầu lên. Chiếc cửa vừa mở ra. Nữ bá tước Ma-ri thất kinh ném vội chiếc khăn choàng lên đồng tiền vương vãi trên áo váy, và chờ đợi. Vài giây trôi qua, rồi một người đàn ông xuất hiện, đầu để trần, tay bị thương, mồm thở hỗn hển, vận y phục chỉnh tề. Hắn đóng cửa lại, ngồi xuống, nhìn bà bằng ánh mắt long lanh, đoạn lấy khăn băng cổ tay đang chảy máu lại.

Người phụ nữ trẻ ấy cảm thấy điếng hồn vì sợ. Chắc chắn rằng gã đàn ông này đã thấy bà đang đếm tiền, và hắn đến để cướp và giết bà đây.

Hắn nhìn bà đầm đầm, vừa thở hổn hển, gương mặt căng thẳng, có lẽ sẵn sàng nhảy bổ vào bà.

Chợt hắn nói:

"Thưa bà, xin bà đừng sợ"

Bà không trả lời gì cả, vì không thể mở miệng ra được, và nghe ngực đập liên hồi, tai ù lên.

Hắn tiếp:

"Tôi không phải là kẻ bất lương, thưa bà".

Bà vẫn không nói chi cả, nhưng trong một cử chỉ đột ngột, khi hai đầu gối khép lại, số tiền vàng chợt tuôn xuống thảm, như nước tuôn từ máng xối.

Gã đàn ông kinh ngạc nhìn dòng suối kim loại ấy, và thỉnh thoảng cúi xuống để nhặt chúng lên.

Hoảng hốt, bà vội đứng lên, ném xuống sàn cả gia sản của mình, và bà chạy đến cửa để nhảy bổ xuống đường. Nhưng hắn hiểu bà định làm gì, hắn nhào người đến, ôm lấy bà, rồi ấn bà ngồi xuống, và giữ cổ tay bà. "Hãy nghe tôi nói, thưa bà, tôi không phải là kẻ bất lương, và bằng chứng là tôi nhặt số tiền này để trả lại cho bà. Nhưng tôi sẽ mất mạng, nếu bà không giúp tôi vượt qua biên giới. Tôi không thể nói với bà nhiều hơn nữa được. Một giờ

nửa đây, chúng ta sẽ đến ga nước Nga, một giờ hai mươi phút nữa, chúng ta sẽ vượt qua biên giới của Đế chế. Nếu bà không cứu tôi, tôi sẽ chết mất. Tuy nhiên, thưa bà, tôi không hề giết người, trộm cắp, không hề làm điều gì trái với danh dự. Tôi xin thề với bà như vậy. Tôi không thể nói với bà nhiều hơn nữa được”.

Và hắn quỳ xuống nhặt tiền vàng vung vãi dưới băng ngồi, và tìm kiếm những đồng tiền lẫn lóc đằng xa. Đoạn, khi chiếc xách tay nhỏ bằng da đã đầy trở lại, hắn trao lại cho bà, không nói một tiếng, và hắn quay lại ngồi vào một xô trong toa xe.

Cả hai người không ai cử động. Bà ngồi bất động và câm lặng, vẫn còn điếng hồn vì sợ, nhưng dần dần bà cũng tỉnh táo lại. Còn hắn, hắn không động đây, không nhúc nhích; hắn ngồi thẳng người, đôi mắt nhìn đăm đăm, mặt mày nhợt nhạt như thể chết rồi. Thình thoảng, bà ném về phía hắn một ánh mắt đột ngột, rồi vội vã quay sang chỗ khác. Đó là một gã đàn ông khoảng ba mươi tuổi, rất đẹp trai, có dáng dấp của một người quý tộc.

Con tàu vẫn chạy trong bóng tối, ném vào màn đêm những tiếng kêu xé tai, đôi khi nó chậm bước

lại, rồi vụt lên hết tốc độ. Nhưng thỉnh linh nó hãm đà, rúc còi nhiều lần, rồi dừng phắt lại.

I-van hiện ra ở cửa để nhận lệnh.

Nữ bá tước Ma-ri dò xét người khách đồng hành kỳ lạ một lần nữa, rồi với giọng run run bất chợt, bà nói với người đầy tớ:

"I-van, bác quay lại với bá tước đi. Tôi không cần bác nữa".

Người đầy tớ chưng hửng, mở to đôi mắt. Lão áp úng:

"Nhưng... thua lệnh bà".

Bà nói tiếp:

"Không, bác sẽ không đến đó nữa. Tôi đã đổi ý. Tôi muốn bác ở lại nước Nga. Đây, đây là lộ phí đi về. Đưa mũ và áo khoác của bác đây".

Người gia nhân già hốt hoảng vội giở mũ và cởi áo măng tô ra, lão luôn tuân lệnh mà không trả lời chi, vì đã quen với những ý muốn bất ngờ và những cơn trở chứng không thể cưỡng lại được của các chủ nhân. Và lão ra đi, nước mắt đầy tròng.

Con tàu lại lên đường, tiến về hướng biên giới.

Thế rồi nữ bá tước Ma-ri nói với người bên cạnh:

Những thứ này dành cho ông, thưa ông. Ông là I-van, người hầu của tôi. Tôi chỉ ra một điều kiện cho việc tôi làm: đừng bao giờ trò chuyện với tôi, đừng nói với tôi một tiếng nào, dù là để cảm ơn hoặc để làm gì đi nữa".

Kẻ lạ mặt gật đầu không nói một lời.

Chẳng mấy chốc con tàu lại dừng nữa, và các nhân viên mặc đồng phục lên tàu. Nữ bá tước chia các giấy tờ cho họ xem và vừa chỉ người đang ngồi trong góc toa xe, vừa nói:

"Đó là I-van, gia nhân của tôi, giấy thông hành của anh ta đây".

Con tàu lại lên đường.

Suốt đêm ấy, họ ngồi mặt đối mặt với nhau, cả hai đều nín lặng.

Rạng sáng, khi đoàn tàu vào nhà ga nước Đức, kẻ lạ mặt bước xuống; rồi đứng ở cửa và nói:

"Hãy tha lỗi cho tôi, thưa bà, vì không giữ lời hứa; nhưng tôi đã lấy mất người đầy tớ của bà, nên đúng lý ra tôi phải thế chỗ anh ta. Bà có cần gì không?".

Bà lạnh lùng đáp:

"Đi tìm cô hầu phòng cho tôi".

Hắn đi ngay rồi biến mất.

Khi xuống một quây nước gần đấy, bà thoáng thấy anh ta ở đằng xa đang nhìn bà. Rồi họ đến Măng-tông.

## II

Vị bác sĩ im lặng một giây, rồi nói tiếp.

Một hôm, khi tiếp bệnh nhân ở phòng mạch, tôi thấy một gã thanh niên cao to bước vào và nói:

"Thưa bác sĩ, tôi đến hỏi bác sĩ tin tức của nữ bá tước Ma-ri Ba-ra-nốp. Mặc dù bà ta không hề biết tôi, nhưng tôi là bạn của chồng bà".

Tôi trả lời:

"Bà ấy không qua khỏi được. Bà ta sẽ không trở về Nga nữa.

Và đột nhiên người đàn ông này oà lên khóc nức nở, rồi anh ta đứng dậy và lao đảo đi ra như người say.

Ngay tối hôm ấy, tôi báo cho bà biết rằng có một kẻ lạ mặt đến hỏi thăm tôi về tình hình sức khỏe

của bà. Bà lộ vẻ xúc động, và kể cho tôi nghe cả câu chuyện mà tôi vừa kể cho các vị. Bà nói thêm:

"Người đàn ông ấy, mà tôi chẳng hề quen biết, hiện đang theo đuổi tôi như hình với bóng, cứ mỗi lần bước ra ngoài là tôi đều gặp phải anh ta; anh ta nhìn tôi một cách kỳ lạ, nhưng không hề trò chuyện với tôi".

Bà suy nghĩ, đoạn nói thêm:

"Này, tôi đánh cuộc rằng anh ta đang ở dưới cửa sổ tôi".

Bà rời chiếc ghế dài, đến vén màn cửa và quả nhiên, bà chỉ cho tôi thấy người đàn ông đã đến tìm tôi, anh ta đang ngồi ở một chiếc ghế đá ven đường, đôi mắt hướng về khách sạn. Thấy chúng tôi, anh ta đứng lên và bỏ đi không ngoái đầu lại một lần.

Thế là tôi chứng kiến một câu chuyện lạ lùng và đau khổ, một môi trường tâm lạnh của hai con người không hề quen biết nhau.

Anh ta, anh ta yêu bà bằng một tấm lòng tận tụy của một con vật được cứu mạng, biết ơn và trung thành cho đến chết. Hằng ngày, anh ta đến hỏi tôi: "Bà ấy có đỡ không?", vì hiểu rằng tôi đã đoán ra



anh ta là ai. Và anh ta khóc lóc thảm thiết khi thấy bà ấy mỗi ngày cứ yếu ớt hơn, xanh xao hơn.

Bà nói với tôi:

"Tôi chỉ nói chuyện với anh ta có một lần, với con người lạ lùng ấy, nhưng tưởng chừng như tôi đã quen anh ta từ hai mươi năm nay".

Và khi họ gặp nhau, bà đáp lại cái chào của anh bằng một nụ cười nghiêm nghị và quỵn rũ. Tôi cảm thấy bà rất hạnh phúc, người đàn bà bị ruồng rẫy và biết mình sắp chết ấy, tôi cảm thấy bà rất hạnh phúc vì được yêu như thế, với một sự kính trọng và bền bỉ như thế, với một sự thương mộng dạt dào như thế, với một lòng trung thành sẵn sàng làm mọi chuyện. Và tuy vậy, luôn luôn giữ tính khí bướng bỉnh của người đàn bà cuồng nhiệt, bà ta tuyệt vọng từ chối gặp anh, biết tên tuổi anh, và tiếp chuyện với anh. Bà nói: "Không, không, như thế sẽ làm hỏng tình bạn kỳ lạ này. Hai chúng tôi phải xa lạ với nhau".

Còn anh ta, chắc rằng anh ta cũng là một loại Đông Ki-sốt, vì anh chẳng làm chi để tiếp cận bà. Anh ta muốn giữ đến cùng lời hứa hẹn phi lý là

không bao giờ nói chuyện với bà ta, mà anh đã hứa trên xe lửa.

Trong những giờ phút kiệt quệ, bà thường đứng lên khỏi ghế dài và đến hé màn để xem anh ta có ngồi dưới cửa sổ phòng bà không. Và khi đã thấy anh ta vẫn ngồi bất động trên ghế đá, bà trở lại nằm xuống, đôi môi nở một nụ cười.

Một buổi sáng nọ, khoảng mười giờ, bà chết. Lúc tôi bước ra khỏi khách sạn, anh ta chạy lại tôi, mặt mày bán loạn, anh ta đã biết tin bà ta. Anh nói:

"Tôi muốn được nhìn bà ấy một giây, trước mặt ông".

Tôi nắm tay anh ta và trở vào nhà.

Khi đến trước giường của người chết anh nắm lấy bàn tay của bà và hôn lên đấy một hồi lâu, rồi anh ta vùng bỏ chạy như người mất trí.



Vị bác sĩ lại im lặng, rồi nói tiếp:

"Quá đây là một câu chuyện gập gờ trên xe lửa lạ lùng nhất mà tôi được biết. Cũng phải nói rằng

bọn đàn ông chúng ta là những kẻ điên rồ đến nực cười".

Một phụ nữ thì thảo:

"Hai kẻ ấy không điên rồ đến như ông tưởng đâu. Họ là họ là..."

Nhưng bà ta không thể nói được nữa, vì bà oà lên khóc. Để trấn tĩnh bà, mọi người bèn thay đổi câu chuyện, nên không ai biết được bà ta định nói gì.

*TRẦN THANH ÁI dịch*

## BEC-TƠ

Ông bạn già của tôi (đôi khi người ta có bạn già hơn mình rất nhiều) là bác sĩ Bo-nê thường mời tôi đến Riom chơi với ông một thời gian. Tôi chưa hề biết vùng Ô-véc-nơ là gì, nên tôi quyết định đến thăm ông ta vào khoảng giữa mùa hè năm 1876.

Tôi đến đây, trên một chuyến xe sáng, và khuôn mặt đầu tiên mà tôi bắt gặp trên bến nhà ga là khuôn mặt của vị bác sĩ. Ông ta vận đồ xám, đầu đội mũ đen, tròn, bằng dạ mềm, vành rộng, chóp mũ rất cao, và túm lại như ống khói lò sưởi, một thứ mũ của vùng Ô-véc-nơ thực thụ, làm ta có cảm giác như đó là một gã đốt than. Ăn vận như thế, viên bác sĩ có vẻ như một thanh niên già cỗi, với thân hình mảnh mai trong bộ vét màu sáng, và cái đầu to tướng bạc trắng.

Anh ta ôm chầm lấy tôi với nỗi vui mừng lộ rõ ra mặt mà người dân tỉnh lẻ thường có mỗi khi thấy bạn bè thân thiết lâu ngày đến chơi, và vừa dang tay ra, anh vừa kêu lên đầy tự hào: "Đây là Ô-véc-nơ!". Tôi chỉ thấy phía trước mặt là một dãy núi

mà những đỉnh của nó giống như những chóp cụt, có lẽ ngày xưa chúng là những ngọn núi lửa.

Đoạn, đưa ngón tay lên chỉ hàng chữ được vẽ lên mặt tiền của nhà ga, anh trịnh trọng nói: "Riom, quê hương của các thẩm phán, niềm tự hào của nền pháp luật, và có lẽ đúng hơn, là quê hương của thầy thuốc".

Tôi hỏi: "Sao vậy?".

Anh trả lời, vừa cười: "Tại sao à? Anh hãy đảo ngược tên của nó lại, và anh có chữ: "mori" có nghĩa là chết... Anh bạn trẻ ạ, chính vì thế mà tôi đóng đô ở xứ này". Và đặc ý vì câu khôi hài của mình, anh ta vừa xoa tay vừa kéo tôi đi.

Khi đã uống xong một tách cà phê sữa, chúng tôi đi thăm thành phố cổ. Tôi ngắm nghía ngôi nhà của viên dược sĩ, và những ngôi nhà nổi tiếng khác, màu đen, xinh xắn như những món hàng mỹ nghệ, với mặt tiền bằng đá được chạm trổ. Tôi ngắm nghía bức tượng Mẹ Đồng Trinh, bà tổ của giới hàng thịt, và về đề tài này thậm chí tôi còn nghe được cả một câu chuyện về cuộc phiêu lưu buồn cười, mà tôi sẽ kể lại vào một hôm khác. Đoạn, bác sĩ Bo-nê bảo tôi: "Bây giờ, tôi xin anh năm phút để ghé thăm một

nữ bệnh nhân, và sau đó tôi sẽ dẫn anh lên đồi Sa-ten Guy-dông, để cho anh thấy tổng quan của thành phố, và cả rặng núi Puy-dòr Đôm<sup>(1)</sup> trước khi ta dùng bữa. Anh có thể đứng đợi tôi ở vỉa hè, vì tôi lên một tí rồi xuống ngay thôi.

Anh ta để tôi đứng đợi trước một khách sạn tình lẻ, cổ kính, u ám, im lìm, lặng lẽ và âm đạm. Hơn nữa, đối với tôi, cái khách sạn này có một vẻ mặt thảm hại đặc biệt, và chẳng mấy chốc tôi đã khám phá ra nguyên nhân. Tất cả những cửa sổ lớn của tầng một đều được che phân nửa, bởi những tấm sáo bằng gỗ dày. Chỉ có phần trên còn để mở, như thể người ta muốn ngăn cản những kẻ bị giam cầm trong cái hộp đá khổng lồ ấy không được trông ra đường.

Khi viên bác sĩ trở xuống, tôi cho anh biết nhận xét của tôi. Anh trả lời: "Anh không lầm đâu, con người đáng thương bị nhốt trong ấy không bao giờ được nhìn thấy những gì đang diễn ra ở bên ngoài. Đó là một bà điên, hoặc đúng hơn, là một người ngớ ngẩn, hoặc đúng hơn nữa, là một người giản đơn,

---

(1) Một địa danh nổi tiếng, sát thành phố Glermont Ferran.

mà dân Nooc-măng-đi các anh thường gọi là "kẻ dờ hơi".

"Chà! thế này, đây là một câu chuyện bi ai, và đồng thời cũng là một bệnh trạng kỳ lạ. Anh đó muốn tôi kể lại chuyện này không?

Tôi ưng thuận ngay. Anh ta nói tiếp:

"Thế này. Cách nay hai mươi năm, ông bà chủ khách sạn này, là thân chủ của tôi, có một đứa con, một bé gái như tất cả những bé gái khác. Nhưng chẳng bao lâu sau, tôi nhận thấy rằng, nếu cơ thể của cô bé phát triển tuyệt vời, thì trí thông minh của cô ta lại trơ ra.

Cô bé biết đi rất sớm, nhưng cô tuyệt đối không nói được. Ban đầu, tôi cứ ngỡ là cô ta điếc; nhưng sau đó, tôi xác định rằng cô ta có khả năng nghe hoàn hảo, nhưng không hiểu gì hết. Những tiếng động mạnh làm cô giật mình, hoảng hốt, nhưng cô không hiểu vì sao.

Cô lớn lên; cô lộng lẫy và câm lặng, câm lặng vì thiếu trí thông minh. Tôi đã cố bằng mọi cách để nhét vào đầu cô một tia sáng trí tuệ mong manh; nhưng không có cách nào thành công. Tôi đã tưởng

rằng cô ta đã có thể nhận ra người nuôi dưỡng mình; nhưng một khi đã dứt sữa, cô không còn nhận ra mẹ cô nữa. Cô không bao giờ biết nói tiếng: "Me!", cái tiếng mà những đứa bé tập tễnh nói lần đầu tiên trong cuộc đời, và những người lính thì thào lần cuối cùng trong cơn hấp hối trên bãi chiến trường. Đôi khi, cô ta cô bập bẹ, oa oa, ngoài ra không biết gì khác hơn".

Khi đẹp trời, cô cười luôn miệng, vừa thốt lên những tiếng kêu khê khàng mà ta có thể ví với tiếng líu lo của chim chóc; khi trời mưa, cô ta khóc lóc và rên rỉ một cách náo nê, ghê rợn, giống như tiếng tru tréo của loài chó khi có người vừa lìa đời.

Cô bé thích lăn lộn trên cỏ theo kiểu của các con thú non, và vụt chạy như một bà điên; và mỗi sáng, khi thấy ánh nắng tràn vào phòng, cô bé vui mừng vỗ tay. Khi người ta mở cửa sổ phòng cô, cô nằm trên giường vừa vùng vẫy và vỗ tay, để người ta thay đồ cho cô ngay tức khắc.

Mặt khác, dường như cô không thể phân biệt được mọi người trong nhà, giữa mẹ cô và chị ở, giữa cha cô và tôi, giữa bác đánh xe và chị bếp.



Tôi quý cha mẹ cô ta, những người quá đổi bất hạnh, và gần như ngày nào tôi cũng đến thăm họ. Tôi cũng rất thường ăn tối ở nhà họ, và điều đó cho phép tôi nhận thấy rằng Bec-tơ (người ta đặt tên cho cô là Bec-tơ) dường như nhận ra các món ăn, và thích món này hơn món kia.

Đạo ấy, cô ta được mười hai tuổi. Nhưng cô ta đã đầy đặn như một cô gái mười tám tuổi, và cao lớn hơn tôi.

Vì thế, tôi chợt nghĩ đến việc kích thích tính háo ăn của cô, và bằng cách này, tôi thử nhét vào đầu cô khái niệm về những sự dị biệt nho nhỏ, những sự khác nhau về vị giác, về mùi vị, nếu không nhờ ở lý trí thì ít ra cũng có thể nhờ bản năng để giúp cô phân biệt được, và những thứ ấy sẽ có thể tạo thành một thứ hoạt động vật chất của tư duy.

Sau đó, khi khơi dậy những đam mê của cô ta, và khi chọn lựa kỹ càng những thứ đam mê nào có thể giúp ích chúng tôi, chúng tôi sẽ có thể đạt được một thứ phản ứng ngược lại từ cơ thể đến trí tuệ, và dần dần nâng lên hiệu quả hoạt động âm thầm của não bộ của cô.

Vì vậy, một hôm, tôi đặt trước mặt cô ta hai đĩa, một đựng xúp, một đựng kem va-ni thật ngọt. Và tôi cho cô ta lần lượt nếm thử từng đĩa một. Đoạn, tôi để cô tự do chọn lựa. Cô ta ăn đĩa kem.

Trong một khoảng thời gian ngắn, tôi biến cô trở thành một người rất tham ăn, tham ăn đến độ dường như trong đầu cô không có gì khác ngoài ý nghĩ, hoặc đúng hơn, lòng ham muốn được ăn. Cô nhận diện các món ăn một cách tuyệt vời, cô chìa tay ra với những món mà cô thích, và ăn ngấu ăn nghiêng. Khi người ta lấy thức ăn đi thì cô khóc lóc.

Thế rồi, tôi nghĩ đến việc dạy cô đến phòng ăn khi nghe tiếng chuông rung. Công việc này mất nhiều thời gian; tuy nhiên tôi cũng đã đạt được. Rõ ràng rằng trong trí óc mơ hồ của cô có một mối quan hệ hỗ tương giữa âm thanh và vị giác, nghĩa là một mối liên quan giữa hai giác quan, giác quan này kêu gọi giác quan kia, và vì thế, đó là một thứ liên tưởng - nếu ta có thể gọi cái thứ gạch nối bản năng giữa hai cơ quan chức năng này là ý tưởng.

Tôi còn đưa những thí nghiệm của tôi xa hơn nữa, và tôi đã dạy cô ta - với biết bao là khó nhọc! - nhận ra giờ ăn trên mặt đồng hồ treo tường.

Trong một thời gian khá lâu, tôi bất lực trước việc gây cho cô ta niềm thích thú với các chiếc kim đồng hồ, nhưng tôi cũng thành công trong việc giúp cô lưu ý đến tiếng chuông điểm giờ. Biện pháp áp dụng thật đơn giản: tôi đem giấu cái chuông rung và khi chiếc búa nhỏ bằng đồng điểm mười hai giờ, thì mọi người đứng lên đi ngồi vào bàn ăn.

Chẳng hạn, tôi đã cố gắng một cách vô vọng để dạy cho cô đếm tiếng gõ. Mỗi khi cô nghe âm thanh ấy, cô bỏ nhào về phía phòng ăn; nhưng rồi dần dần, cô cũng hiểu được rằng những tiếng chuông ấy không có cùng một ý nghĩa đối với bữa ăn, và mất cô, được đôi tai hướng dẫn, luôn luôn dán chặt vào mặt đồng hồ.

Khi nhận thấy thế, mỗi ngày vào giữa trưa và sáu giờ chiều, tôi cẩn thận đến đặt ngón tay vào con số 12 và 6, liền ngay khi thời điểm mà cô chờ đợi đã đến; và chẳng mấy chốc tôi nhận ra rằng cô ta chăm chú theo dõi sự di chuyển của những chiếc kim bằng đồng mà tôi đã thường cho nó quay trước mặt cô.

Cô ta đã hiểu! Đúng hơn, tôi phải nói rằng: Cô ta đã nắm bắt được. Tôi đã thành công trong việc

cây vào đầu cô sự hiểu biết, hoặc đúng hơn, cảm giác về giờ giấc, cũng như người ta đã thành công khi tập cho cá chép ăn mỗi ngày, đúng vào một giờ nhất định, mà không dùng đến đồng hồ.

Một khi đã đạt được kết quả ấy, thì tất cả đồng hồ có sẵn trong nhà đều làm cô ta chăm chú cực kỳ. Cô ngồi suốt ngày để nhìn chúng, lắng nghe chúng, và chờ đợi giờ ăn đến. Thậm chí đã xảy ra một việc khá buồn cười. Bộ phận đánh chuông của chiếc đồng hồ kiểu Lu-i XVI treo ở đầu giường cô ta bị rơi, cô ta nhận ra điều đó. Cô chờ đồng hồ báo mười giờ từ hai mươi phút trước đó, mắt dán chặt vào chiếc kim. Nhưng khi cây kim đã qua khỏi con số mà cô không nghe thấy gì, cô bỗng hốt hoảng, hốt hoảng đến độ cô ngồi phệt xuống, có lẽ trong lòng bị xáo trộn bởi những xúc động dữ dội, như khi ta đứng trước những tai ương vô vãn, và cô ngồi lì trước cái đồng hồ với một lòng kiên nhẫn kỳ lạ, cho đến mười một giờ, để nhìn xem cái gì sẽ xảy ra. Dĩ nhiên là cô lại không nghe thấy gì; thế là cô ta bị xâm chiếm hoặc bởi một cơn nổi giận điên cuồng của kẻ bị đánh lừa và bị nhụt chí, hoặc bởi một nỗi kinh hoàng của một sinh vật bị hốt hoảng trước một sự việc huyền bí

đáng sợ, hoặc bởi lòng nôn nóng điên cuồng của một con người đam mê gặp phải mọi chướng ngại nào đấy, cô bèn chop lấy cái kẹp cời than lò sưởi và đập chiếc đồng hồ mạnh đến nỗi chỉ trong một giây, nó đã bể ra thành từng mảnh.

Vậy là não bộ của cô hoạt động, tính toán, dĩ nhiên là bằng một cách mơ hồ, và trong một giới hạn rất hẹp, vì tôi không thành công trong việc giúp cô ta phân biệt con người như cô đã phân biệt giờ giấc. Để cho cô có một sự vận động trí tuệ, tôi phải kêu gọi đến những đam mê của cô, với ý nghĩa vật chất của từ này.

Chẳng bao lâu, chúng tôi đã có một chứng cứ khác, nhưng than ôi! thật là khủng khiếp.

Cô ta trở nên lộng lẫy; đó quả thật là một mẫu người lý tưởng, một thứ nữ thần sắc đẹp đáng kinh ngạc và ngốc nghếch.

Bấy giờ cô ta mười sáu tuổi, và hiếm khi nào tôi được thấy một thân hình hoàn hảo, một đường nét uyển chuyển và cân đối đến như vậy. Tôi nói đó là một nữ thần sắc đẹp, vâng, một nữ thần sắc đẹp tóc vàng đầy đặn, tràn đầy sinh lực, với đôi mắt to trong sáng và vô tư, xanh như hoa gai, và chiếc miệng

rộng với đôi môi tròn mọng, một cái miệng của kẻ háu ăn, của kẻ đam mê nhục dục, một cái miệng dành cho những nụ hôn.

Thế là, một buổi sáng nọ, cha cô ta đến nhà tôi với gương mặt lạ thường, và vừa ngồi xuống, không kịp đáp lại lời chào của tôi, ông ta nói:

"Tôi đến nói với ông một việc vô cùng hệ trọng. Ta có thể... có thể gả Bec-tơ được không?"

Tôi giật nảy người vì kinh ngạc, và kêu lên:

"Gả Bec-tơ ư? Nhưng không được đâu!".

Ông ta nói tiếp: "Vâng... tôi biết... nhưng thưa bác sĩ, ông hãy nghĩ xem... chính vì... có lẽ... chúng tôi đã hy vọng... nếu cháu nó có con... có thể đó sẽ là một cú chấn động mạnh mẽ, một niềm hạnh phúc lớn lao và... biết đâu rằng trí óc của cháu sẽ thức dậy trong tình mẫu tử?".

Tôi vô cùng bối rối. Đúng vậy. Có thể cái điều quá mới lạ này, cái bản năng đáng khâm phục của các bà mẹ vẫn luôn phập phồng trong con tim của loài thú cũng như của phụ nữ, cái bản năng đã khiến con gà mái lao mình vào trước mõm chó để bảo vệ đàn con, bản năng ấy sẽ dẫn đến một cuộc cách

mạng một sự đảo lộn trong cái đầu ù lì này, và sẽ làm cho bộ máy bất động của trí tuệ này hoạt động.

Và lại, tôi cũng nhớ ngay một kinh nghiệm bản thân. Vài năm trước đây, tôi có nuôi một con chó săn nhỏ, nó ngốc nghếch đến nỗi tôi chẳng nhờ vả được gì ở nó. Rồi nó có con, và trong một thời gian ngắn, nó trở nên bình thường như những con chó bình thường khác.

Vừa thoáng nhận ra khả năng này, lập tức trong lòng tôi nẩy nở niềm mong muốn gã Bec-tơ, không phải vì tình bạn của tôi đối với cô ta và cha mẹ cô, mà vì tính tò mò khoa học. Chuyện gì sẽ xảy ra? Đó là một bài toán lạ kỳ!

Vì thế, tôi trả lời cha cô ta:

"Có lẽ ông có lý... ta có thể thử xem. Thử... nhưng... nhưng... ông sẽ không bao giờ tìm được một cậu thanh niên nào chấp nhận tình trạng này".

Ông ta hạ giọng nói:

"Tôi đã có người"

Tôi kinh ngạc và ấp úng: "Một người sạch sẽ?... một người trong giới của ông chứ?..."

Ông ta trả lời: "Vâng, hoàn hảo"

- Chà! Và... tôi có thể biết tên anh ta được chứ?

- Tôi đến đây để nói cho ông biết điều đó, và để tham khảo ý kiến ông. Đó là ông Cát-tông duy Boa đờ Luy-xen.

Tôi suýt kêu lên: "Thằng khốn nạn đó à? nhưng ghìem lại được, và sau một lúc im lặng, tôi nói chậm rãi:

"Vâng, khá lắm. Tôi chẳng thấy điều chi bất lợi".

Người đàn ông tội nghiệp ấy siết chặt tay tôi, và nói: "Chúng tôi sẽ gả cháu vào tháng tới".

Ông Cát-tông duy Boa đờ Luy-xen là một tay vô loại trong một gia đình giàu có; vì đã ăn hết số tiền thừa kế do cha để lại, và đã mang nợ nần do nghìn cách chi tiêu thô鄙, nên hắn ta tìm một phương kế mới bất kỳ nào, để moi tiền.

Và hắn đã tìm ra cách này.

Bánh trai, tràn trề sinh lực, nhưng lại tác táng, một hạng người trác táng đê tiện ở tình lễ, hắn hứa hẹn sẽ trở thành một người chồng hờm hĩnh mà người ta sẵn sàng tống khứ ngay sau đó với một món tiền cấp dưỡng.



Hắn đến ngôi nhà này để tán tỉnh và xum xoe trước mặt cô gái trẻ đẹp nhưng đàn độn này, nhưng lại có vẻ hợp nhãn hắn. Hắn mang hoa đến, hôn tay cô, ngồi xuống dưới chân cô, và nhìn cô bằng đôi mắt triu mến; nhưng cô chẳng để ý gì đến sự săn đón của hắn, và không hề phân biệt được hắn ta với những người khác đang sống chung quanh cô ta.

Rồi đám cưới được tiến hành.

Anh có biết trí tò mò của tôi tập trung ở đâu không?

Ngày hôm sau, tôi đến thăm Bec-tơ, để rình xem trên gương mặt cô ta có thể hiện điều gì rung động trong lòng không. Nhưng tôi vẫn thấy cô giống như mọi hôm, lúc nào cũng chỉ quan tâm đến chiếc đồng hồ và bữa ăn. Còn hắn, ngược lại, hắn có vẻ mê mẩn, và tìm cách kích thích sự vui vẻ và âu yếm của vợ bằng những trò vật vãnh và nũng nịu mà người ta thường làm với những tình nhân trẻ.

Hắn cũng chẳng tìm được gì khá hơn.

Thế rồi tôi bắt đầu lui tới thường xuyên với cặp vợ chồng mới, và chẳng mấy chốc tôi nhận ra rằng người đàn bà trẻ đẹp ấy biết nhận ra chồng mình,

và thường ném về phía anh ta những tia mắt thèm khát mà trước kia cô ta chỉ có đối với những món ăn ngọt.

Cô theo dõi những động tác của chồng, phân biệt bước chân của hắn trên cầu thang hay trong phòng bên cạnh, và vỗ tay khi hắn bước vào phòng, gương mặt đỏ sẫm của cô ánh lên một ngọn lửa khát khao và hạnh phúc sâu sắc.

Cô ta yêu hắn bằng cả thể xác lẫn tâm hồn, cái tâm hồn tàn tật đáng thương ấy, với cả con tim, con tim tội nghiệp của loài thú biết ơn.

Đó quả thật là một hình ảnh đáng khâm phục và ngây ngô của sự đam mê bình dị, của thú đam mê xác thịt nhưng thánh thiện, như khi tạo hoá đã đặt nó vào các loài sinh vật trước khi loài người làm cho nó phức tạp và biến dạng đi bằng tất cả những sắc thái của tình cảm.

Nhưng hắn nhanh chóng chán nản cái sinh linh đẹp đẽ và nồng nhiệt, nhưng câm lặng ấy. Ban ngày, hắn chỉ còn ở bên cô vài giờ đồng hồ, vì cho rằng dành cho cô trọn đêm là đã đủ rồi.

Và cô bắt đầu đau khổ.

Cô chờ đợi hắn, từ sáng đến tối, mắt luôn dán chặt vào chiếc đồng hồ treo tường, bây giờ cô ta không còn quan tâm đến giờ ăn nữa, vì hắn luôn ăn ở ngoài, ở Clec-mông, ở Sa-ten Guy-đông, ở Roa-đa, ở bất cứ nơi nào để không phải trở về nhà.

Mọi ý nghĩ khác, mọi ham muốn khác, mọi chờ đợi khác, mọi hy vọng mơ hồ khác đều biến mất trong đầu cô; và những lúc mà cô không nhìn thấy hắn, trở thành khoảng thời gian đau khổ tột cùng. Chẳng bao lâu sau, hắn ta không về nhà ngủ nữa. Hắn ở suốt đêm bên sông bạc ở Roa-da với bọn gái chơi, và chỉ trở về nhà khi bình minh vừa hé dạng.

Cô không chịu lên giường nằm trước khi hắn trở về. Cô ngồi bất động trên ghế, mắt như mông lung vào những chiếc kim bé tí bằng đồng đang xoay, xoay chậm chạp và đều đặn, quanh mặt số bằng sứ.

Cô ta nghe tiếng vó ngựa xa xăm và bật đứng lên, rồi, khi hắn bước vào phòng, bằng một cử chỉ ma quái, cô đưa ngón tay chỉ lên đồng hồ, như thể muốn nói với hắn: "Anh nhìn xem kia, trễ quá rồi". Và hắn bắt đầu sợ hãi trước người đàn bà dần dần nhưng đa tình và ghen tuông này. Hắn ta phát cáu

lên như những kẻ thô lỗ khác thường làm. Một tội nọ, hấn đánh cô ta.

Người ta đến tìm tôi. Cô ta vừa la hét vừa vùng vẫy, trong một cơn khủng hoảng ghê gớm của nỗi đau của lòng căm giận, và của đam mê, tôi biết gì nhỉ? Người ta có thể đoán ra được những gì đang diễn ra trong khối óc thô thiển này không?

Tôi chích cho cô ta một mũi mọc-phin để trấn tĩnh cô; và tôi cầm cô gấp lại hấn ta, vì tôi hiểu rằng cuộc hôn nhân ấy chắc chắn sẽ đưa cô đến cái chết.

Thế là cô ta điên! Vâng, ông bạn thân mến ạ, người đàn bà điên độn ấy đã điên. Cô ta luôn nghĩ đến hấn, và chờ đợi. Cô chờ đợi hấn không thôi, suốt ngày, suốt đêm, dù là đang thức hay thiếp ngủ, ngay cả trong lúc này. Vì thấy cô gầy đi, gầy đi nhiều, và vì ánh mắt buồn bã của cô không hề rời khỏi mặt đồng hồ, nên tôi phải cho người đem tất cả dụng cụ đo thời gian ra khỏi nhà.

Như thế là tôi tước mất của cô khả năng đếm giờ giấc, khả năng tìm kiếm không ngừng nghỉ, trong những ký ức tôi tắm mộng mị, cái lúc mà ngày xưa hấn thường trở về. Về lâu về dài, tôi hy

vọng là sẽ giết chết trong cô những kỷ niệm, sẽ dập tắt cái ánh sáng leo lét của trí tuệ mà tôi đã khổ công nhen nhúm.

Và một hôm, tôi đã làm thử một thí nghiệm. Tôi tặng cô ta chiếc đồng hồ đeo tay của tôi. Cô ta cầm lấy, xem xét nó một hồi lâu; rồi cô bắt đầu kêu lên một cách ghê rợn, như thể cái dụng cụ nhỏ bé này bất thần đánh thức cái trí nhớ đã bắt đầu thiếp ngủ của cô.

Ngày nay, cô ta gầy gò đi, gầy gò đến đáng thương, đôi mắt lõm sâu nhưng vẫn long lanh. Và cô cứ đi đi lại lại luôn trong phòng, như những con thú bị nhốt trong chuồng.

Tôi cho người rào các cửa sổ lại, treo các tấm sáo thật cao và đính chặt các ghế ngồi xuống sàn nhà, để không cho cô nhìn ra ngoài đường xem hắn ta trở về chưa!

Ồ! Cha mẹ cô thật đáng thương! Họ phải sống một cuộc đời khốn khổ biết dường bao!

Chúng tôi đi đến ngọn đồi; anh bạn bác sĩ quay người lại và nói với tôi: "Anh hãy nhìn Riom từ đây xem".

Thành phố ẩm đạm này có vẻ như những đô thị xưa. Phía sau là một cánh đồng trải rộng hút tâm mắt, xanh rờn, có cây cối mọc um tùm và rải rác những ngôi làng và đô thị, và đắm chìm trong một màn hơi nước mịn màng xanh xanh, làm cho chân trời thêm quỳên rũ. Phía bên phải, xa xa là những dãy núi trải dài, với một loạt những đỉnh núi tròn trịa hoặc phẳng lì như sóng gươm.

Viên bác sĩ bắt đầu điem qua các làng mạc và các ngọn núi, vừa kể lại lịch sử của chúng cho tôi nghe.

Nhưng tôi không nghe thấy gì cả, tôi chỉ nghĩ đến người đàn bà điên ấy, tôi chỉ thấy mỗi mình cô mà thôi. Đường như cô ta đang lượn lờ trên khắp vùng đất này, như một hồn ma.

Và bất thần tôi hỏi:

"Còn hấn thì sao? người chồng ấy?".

Anh bạn tôi hơi ngạc nhiên, và sau một lúc do dự, anh trả lời:

"Hắn ta sống ở Roa-da với số tiền trợ cấp của gia đình cô ấy. Hấn sung sướng, hấn vui chơi phê phờn".

Lúc chúng tôi chậm chậm trở về, lòng trĩu nặng, cả hai đều lặng lẽ, thì một chiếc xe ngựa kiểu Anh từ sau lưng vụt nhanh qua mặt chúng tôi, do một con ngựa nòi kéo.

Viên bác sĩ nắm lấy cánh tay tôi và nói:

"Hắn kia kìa!".

Tôi chỉ còn thấy một chiếc mũ bằng nỉ xám, đội trễ xuống một bên tai nằm trên đôi vai rộng, rồi biến mất vào trong đám bụi mù.

*TRẦN THANH ÁI dịch*

## TÌNH THÔN DÃ

Chuyến xe lửa vừa rời thành phố Giên<sup>(1)</sup> đi về hướng Mạc-xây<sup>(2)</sup>, men theo bờ biển khúc khuỷu lởm chởm đá, nhẹ lướt giữa biển cả núi non như con rắn sắt, bầu vịu vào bờ biển cát vàng, nơi những lượn sóng nhấp nhô vô vào, trông như mảnh lưới bạc; và bỗng chui vào cửa miệng đen ngòm của những con đường hầm, như con thú chui vào hang.

Trong toa xe cuối cùng, một phụ nữ to lớn và một thanh niên ngồi đối diện nhau, không nói một câu, và chốc chốc lại nhìn nhau. Có lẽ cô ta đã hai mươi tuổi; cô ngồi cạnh cửa ngắm phong cảnh. Cô

---

(1) Gênes: thành phố cảng của nước Ý, nằm trên bờ Địa Trung Hải.

(2) Marseille: thành phố cảng lớn của nước Pháp, nằm trên bờ Địa Trung Hải. Tác giả tả con đường từ Gênes đi Marselee, băng qua Nice, Grasse, là những vùng chuyên canh hoa có mùi, dùng làm nước hoa nổi tiếng thế giới hiện nay.



là một nông dân vùng Pi-ê-mông<sup>(1)</sup>, đôi mắt đen huyền, ngực đồ sộ, đôi má núng nính. Cô đã cho đám hành lý của mình vào dưới băng ngồi bằng gỗ, và ôm trên gối một chiếc giỏ.

Chàng thanh niên khoảng hai mươi tuổi, gầy gò, đen xạm, cái đen của người cày sâu cuốc bẫm ngoài trời. Bên cạnh chàng, trong chiếc khăn mù-soa là tất cả gia tài của chàng: một đôi giày, một áo sơ-mi, một chiếc quần và một áo vét. Dưới băng ngồi chàng cũng đã cất một vài thứ: một xẻng, một cuốc buộc chung nhau bằng một sợi dây. Chàng sang Pháp tìm việc làm.

Mặt trời đã lên cao, toả cơn nóng rực xuống vùng biển; lúc ấy vào cuối tháng năm, và những mùi thơm ngậy ngát bay lượn lơ, chui vào toa xe qua các cửa kính để trống. Những cây cam, chanh đang kỳ ra hoa, toả lên không trung êm ả những mùi thơm ngọt ngào dịu dàng, mãnh liệt, làm ngậy ngát, chúng hoà lẫn hương thơm ấy với mùi hoa hồng, mọc khắp nơi như cỏ dại dọc theo đường, trong những khu vườn

---

(1) Piémont: vùng đất Tây Bắc nước Ý, thủ phủ là Turin.

trù phú, trước những túp lều tồi tàn, và cả trong cánh đồng.

Đây là quê hương của hoa hồng, trên bờ biển này! Chúng ngự trị vùng này bằng mùi thơm mãnh liệt và êm ái của chúng, chúng biến không khí thành kẹo ngọt, tuyệt vời còn hơn cả rượu vang, và làm ta ngây ngất như thứ men ấy vậy.

Xe lửa từ từ chạy, như để nán lại trong khu vườn này, trong trạng thái êm ả này. Nó cứ dừng lại luôn, ở những ga xép, trước vài ngôi nhà sơn trắng, đoạn tiếp tục lên đường với dáng điệu thông dong, sau khi đã rúc còi một hồi lâu. Không ai lên toa xe ấy cả. Ta có thể nói rằng mọi người đều say ngủ, không dám thay chỗ ngồi trong buổi sáng mùa xuân nóng nực hôm nay.

Người phụ nữ mập mạp kia thỉnh thoảng lại nhắm mắt, rồi chợt mở ra, khi chiếc giỏ của chị tụt xuống khỏi gối, chực rơi xuống sàn. Chị nhanh nhẹn chụp lại, rồi nhìn ra ngoài trong vài phút, rồi lại tiếp tục lim dim. Những giọt mồ hôi rịn ra trên trán chị, và chị thở một cách khó nhọc, như thể đang chịu đựng một sức ép khủng khiếp.

Từ này giờ, chàng trai gục đầu và ngủ một giấc ngon lành như mọi người dân quê khác.

Thình lình, khi xe vừa ra khỏi một ga xép, chị nông dân chợt tỉnh giấc, và vừa mở giỏ, chị vừa lôi ra một miếng bánh mì, vài quả trứng luộc, một vò rượu và mấy quả đào, những quả đào chín mọng trông phát thèm, và chị bắt đầu ăn.

Đến lượt chàng trai chợt thức giấc, và chàng nhìn chị, chàng nhìn từng miếng ăn của chị di chuyển từ đầu gối lên mồm. Chàng ngồi khoanh tay, mắt nhìn đăm đăm, đôi gò má lõm xuống, miệng mím chặt.

Còn chị, chị ăn uống như mọi phụ nữ xô xê háu ăn, chốc chốc lại uống một ngụm rượu để dễ nuốt hơn, rồi dừng lại để thở một chút.

Chị thanh toán tất, nào bánh, nào trứng, nào đào, nào rượu. Và từ lúc chị dùng xong bữa, chàng trai lại nhắm mắt. Lúc ấy, vì cảm thấy khó chịu, chị bèn nới lỏng áo ngực, và chàng trai bỗng nhìn tiếp.

Chị không hề quan tâm đến điều ấy, và cứ tiếp tục mở nốt cúc áo váy. Sức căng của ngực chị làm

lần vải tung ra, để lộ một mảnh vải trắng và khoảng da thịt nằm giữa cặp vú.

Khi cảm thấy thoải mái hơn, chị bèn nói một câu bằng tiếng Ý: "Trời nóng đến nỗi không thể thở được nữa".

Chàng trai bèn trả lời bằng thứ ngôn ngữ ấy và cũng bằng cách phát âm ấy: "Thời tiết thật tốt để đi chơi".

Chị hỏi: "Anh người Pi-ê-mông?"

- Tôi người Át-xti.

- Còn tôi ở Ca-dan.

Họ là láng giềng của nhau. Họ bắt đầu trò chuyện.

Họ nói hàng lô hàng lốc những chuyện không đâu, như người ta thường nói ở nông thôn, và lại phù hợp với những đầu óc chậm chạp và không định hướng. Họ nói về quê họ. Họ cùng quen biết nhiều người. Họ kể tên ra, và mỗi khi họ khám phá ra thêm một người quen chung nào thì họ càng trở nên thân thiện hơn. Họ nói nhanh hơn, vội hơn, với các

âm cuối ồn ào<sup>(1)</sup> và ngữ điệu của người Ý. Đoạn họ tìm hiểu về nhau.

Chị đã lập gia đình; chị đã có ba cháu, hiện nhờ cô em nuôi hộ, vì chị đã tìm ra một chỗ nuôi vú em, một chỗ làm tốt ở nhà một bà người Pháp, tại Mác-xây.

Còn chàng, chàng đang tìm việc làm. Người ta đã mách cho chàng biết rằng chàng cũng có thể tìm được việc ở đó, vì hiện nay người ta đang xây cất nhiều.

Rồi họ lại im lặng.

Mặt trời càng lúc càng nóng kinh khủng, nó rơi thẳng xuống nóc toa xe như mưa trút. Một đám bụi mù bay la đà đằng sau xe, bay cả vào trong toa; và mùi thơm của cam và hoa hồng làm thêm ngậy ngát, và dường như nó càng đậm đặc, càng nặng nề hơn.

Hai vị hành khách lại lim dim ngủ.

Họ lại mở mắt ra gần như cùng một lúc. Mặt trời nghiêng dần xuống biển cả, trút xuống mặt nước

---

(1) Chỉ cung cách nói thoải mái, thân mật, không cần giữ ý.

xanh biêng biếc một trận mưa rào ánh sáng chói chang, không khí mát mẻ hơn, dường như cũng nhẹ nhàng hơn.

Chị vú thở hỗn hển, chiếc áo ngực mở tung, đôi gò má mềm nhũn, cặp mắt lơ đãng; và chị nói bằng một giọng mệt nhọc:

"Từ hôm qua đến nay, em chưa cho bú. Bây giờ em cảm thấy choáng váng như sắp chết".

Chàng chẳng trả lời gì cả, vì chẳng biết nói chi, chị nói tiếp:

"Khi dư sữa như em, mỗi ngày phải cho bú ba bận, nếu không thì khó chịu lắm, như thể mang đá trước ngực; nó làm em khó thở, và tay chân rụng rời. Thật là khổ sở khi dư sữa như vậy".

Chàng nói: "Vâng, khổ thật. Chị sẽ bị mệt nhiều đấy!".

Thật vậy, chị ta có vẻ ốm nặng vì bị mệt mỏi và đau điếng người. Chị thì thầm: "Chỉ cần ấn mạnh vào bên trên để sữa phun ra là được. Thật buồn ười khi nhìn cảnh ấy. Nhưng không ai tin đâu. Ở Ca-dan, các ông bà hàng xóm thường xúm lại nhìn em".

Chàng nói: "Chà, thật vậy".

- Vâng, thật vậy. Em sẽ cho anh xem được thôi, nhưng như thế chẳng giúp gì cho em. Chẳng làm chảy ra được bao nhiêu sữa đâu".

Và chị im lặng.

Đoàn xe dừng lại ở một trạm. Một người đàn bà đứng gần thanh chắn đường, tay bồng một đứa bé đang khóc. Bà ta gầy còm, rách rưới tả tơi.

Chị vú nhìn bà. Chị nói bằng một giọng thương cảm: "Kia là một người nữa mà em có thể giúp được. Và ngay đứa bé cũng có thể giúp em. Này, em không giàu đâu, bởi vì em đang bỏ nhà, bỏ người thân, bỏ thằng con út bé bỏng để đi làm mướn. Nhưng em sẽ biểu nằm quan để được bé kia bú hộ mười phút, để em bớt đau. Được vậy, em như được sinh ra lần nữa".

Chị lại im lặng. Rồi chị dùng bàn tay nóng hổi của mình xoa đi xoa lại vầng trán ướt đầm mồ hôi. Và chị rên rỉ: "Em hết chịu nổi nữa rồi. Em sắp chết mất". Và bằng mọi cử chỉ vô ý thức, chị mở tung chiếc áo váy ra.

Chiếc vú bên phải hiện ra căng phồng to tướng với cái núm vú nâu xạm. Và người đàn bà tội nghiệp cầu nhàu: "Ái dà, lạy Chúa, tôi phải làm sao bây giờ?".

Xe lửa lại lên đường và tiếp tục băng qua những vườn hoa toả ngát hương thơm vào trời chiều âm ập. Đôi khi người ta gặp thuyền đánh cá dường như mơ màng trên mặt biển xanh biếc, in bóng xuống mặt nước cùng với cánh buồm trắng xoá, im lìm, như thể có một con tàu khác đang lộn đầu xuống biển.

Chàng thanh niên lúng túng nói: "Nhưng... thưa bà... tôi có thể... giúp bà".

Chị trả lời bằng giọng nói nức nghen: "Vâng, nếu anh muốn. Em sẽ mang ơn anh rất nhiều. Em không thể chịu nổi nữa, em không chịu được nữa".

Chàng quỳ xuống trước mặt chị; và chị nghiêng người về phía anh, tay cầm chiếc núm vú nâu cho vào miệng anh, như người vú đang nuôi cháu bé. Khi chị dùng tay nâng vú, một giọt sữa chảy ra ở đầu núm. Chàng uống lấy vội vã, mồm ngoạm chặt đầu vú nặng trĩu như ngoạm một trái chín. Và chàng bú một cách hao hao và đều đều.



Chàng choàng đôi cánh tay quanh lưng chị, để kéo chị lại gần chàng hơn; và chàng uống từng ngụm sữa, động tác như trẻ em.

Chợt chị lên tiếng: "Bên này thế là được rồi, bây giờ tới cái bên kia".

Và chàng ngoan ngoãn chuyển sang vú bên kia.

Chị đặt đôi bàn tay lên lưng chàng trai, và bây giờ chị hít thở rất thoải mái, rất sung sướng, vừa thưởng thức mùi hương của hao hoà lẫn gió quện vào toa tàu.

Chị nói: "Bây giờ đã dễ chịu lắm rồi".

Chàng không trả lời, và vẫn cứ uống mãi cái dòng sữa da thịt ấy, và nhắm nghiền mắt lại, như để tận hưởng hương vị của nó.

Nhưng chị nhẹ nhàng ấy người chàng ra:

"Thế là được rồi. Em cảm thấy khá hơn rồi. Em tỉnh lại rồi".

Chàng đứng dậy, dùng lưng bàn tay chùi mép.

Chị vừa nói vừa cho cặp vú căng tròn vào trong áo váy:

"Ông đã giúp em một việc rất đáng nhớ đời, thưa ông". Và chàng đáp lại bằng một giọng biết ơn:

"Chính tôi mới là người cảm ơn, thưa bà, vì đã hai ngày nay, tôi chưa được ăn gì cả!".

*TRẦN THANH ÁI dịch*

## MỘT TRANG SỬ CHƯA ĐƯỢC CÔNG BỐ

Mọi người đều biết câu nói nổi tiếng của Pát-can về hạt cát đã làm thay đổi vận mệnh hoàn cầu khi nó kết thúc số phận của Crom-oeo<sup>(1)</sup>. Vì thế, trong cái rủi may vô vàn của những biến cố đang ngự trị loài người và thế gian, thì một việc khá nhỏ nhặt, cái cử chỉ tuyệt vọng của một người đàn bà đã quyết định số phận của Châu Âu vì nó đã cứu mạng chàng trai Na-pê-lê-ông Bô-na-pác, người trở thành Na-pô-lê-ông Đại đế sau này.

Đây là một trang sử chưa ai biết đến (vì tất cả những gì có liên quan đến cuộc đời của nhân vật phi thường này đều là lịch sử), một thảm kịch thực

---

(1) Nguyên văn câu nói của Pascal như sau: "Cromwell sắp tàn phá cộng đồng cơ đốc giáo; Hoàng gia đã sụp đổ, và dòng họ ông ta sẽ đời đời hùng mạnh, nếu không có một hạt cát nằm trong đường tiết niệu của ông ta. Ngay cả La-Mã cũng run sợ ông ta; nhưng vì viên sạn nhỏ bé ấy đã nằm trong đó, nên ông ta qua đời, dòng họ ông ta bị hạ bệ, mọi việc lại yên ổn, và nhà vua lại lên ngôi". (Chú thích của người dịch).

sự theo kiểu Coóc-xơ, suýt nữa đã trở thành bị thảm cho chàng sĩ quan trẻ, lúc ấy đang nghỉ phép ở quê hương xứ đảo của mình.

Câu chuyện sau đây hoàn toàn có thực. Tôi viết nó ra đây gần như nguyên văn lời kể lại, không hề thay đổi chi, không hề bỏ bớt chi, cũng không hề cố gắng thi vị hoá, hoặc bi kịch hoá nó. Tôi chỉ ghi lại những sự việc rời rạc, trần trụi, giản dị với tất cả những tên nhân vật và những hành động của họ, và những lời nói mà họ đã thốt ra.

Một câu chuyện kể lại được thêm thắt có lẽ là sẽ làm mọi người thú vị hơn; nhưng đây là lịch sử, và ta không thể thay đổi được lịch sử. Tôi lấy những chi tiết này trực tiếp từ một người duy nhất có thể biết chúng từ gốc, và những chứng cứ của ông ta đã dẫn dắt cuộc điều tra công khai về những sự việc này vào năm 1853 nhằm mục đích bảo đảm việc thực hiện di chúc do vị Hoàng đế bị đày ở đảo Xanh-tê-len để lại.

---

(1) Na-pô-lê-ông người đảo Coóc-xơ.

Thật vậy, ba ngày trước khi mất, Na-pô-lê-ông đã thêm vào di chúc của ông một bản bổ sung, bao gồm các khoản sau đây:

"Tôi để lại 20.000 quan cho một người dân ở Bô-cô-nha-nô, người đã cứu tôi khỏi tay bọn cướp tìm cách ám sát tôi;

"10.000 quan cho ông Vít-da-vô-na, kẻ duy nhất trong gia đình này đã về phe tôi;

"10.000 quan cho ông Giê-rôm Lê-vi;

"100.000 quan cho ông Cốt-ta;

"20.000 quan cho tu sĩ Rê-cô".

Trong những giờ phút cuối cùng này, những kỷ niệm thời trai trẻ đã chợt hiện về trong đầu ông; sau biết bao năm tháng và biết bao cuộc phiêu lưu thần kỳ, ấn tượng do những thử thách đầu tiên trong đời để lại, vẫn còn khá mãnh liệt để theo đuổi ông đến giờ phút hấp hối; và đây là hình ảnh xa xưa đang ám ảnh ông; khi ông quyết định để lại những món quà cao quý cho người thuộc hạ tận tụy, mà tên tuổi của anh đã biến mất trong trí nhớ đã kém cỏi của ông, và cho những người bạn đã giúp đỡ ông trong những tình huống khủng khiếp.

Vua Lu-i XVI vừa mất. Lúc ấy, đảo Coóc-xơ do tướng Pao-li cai quản. Đó là một con người quả cảm và tàn bạo, một con người bảo hoàng tận tụy, hấn căm ghét Cách mạng Pháp, trong khi Na-pô-lê-ông Bô-na-pác, một viên sĩ quan pháo binh trẻ tuổi, lúc ấy đang nghỉ phép ở A-giắc-xi-ô, lại dùng thể lực của bản thân và gia đình để tuyên truyền cho những tư tưởng mới.

Thời ấy, trong xứ sở hoang dã này chưa có các quán cà-phê, và tối tối Na-pô-lê-ông lại tập hợp các chiến hữu của mình tại một phòng ngủ, nơi họ bàn bạc và vạch ra các đề án, đưa ra những biện pháp, nhận định tình hình tương lai, vừa uống rượu và ăn quả phi-gơ.

Một sự đổ kỵ đã nảy sinh giữa chàng sĩ quan trẻ và tướng Pao-li. Nó xảy ra như sau: Pao-li khi nhận được lệnh chiếm giữ đảo Ma-dơ-len, liền giao nhiệm vụ này cho đại tá Xê-da-ri, vừa dặn dò ông ta, theo lời đồn đại, cố làm hòng công việc. Na-pô-lê-ông vừa được phong chức Trung tá chỉ huy đội vệ quốc quân trong trung đoàn của đại tá Ken-da, tham gia vào chiến dịch này, và đã phản đối quyết liệt chống lại

cách thức tiến hành, và công khai tố cáo các chỉ huy của mình đã cố tình làm chiến dịch thất bại.

Một ít lâu sau đó, các vị uỷ viên Cộng hoà, trong đó có Xa-li-xê-ti, được cử tới Bát-xi-a. Khi được tin họ đến, Na-pô-lê-ông muốn gặp họ, và để tiến hành cuộc tiếp xúc, anh đã gọi một tay chân tin cậy của mình, một thuộc cấp trung thành tên Xan-tô-Bô-nê-li, tục gọi là Rít-xi-ô từ Bô-cô-nha-nô đến làm người dẫn đường.

Cả hai đi ngựa hướng về Coóc-xơ, nơi tướng Pao-li đang ở, vì Na-pô-lê-ông muốn trình diện với ông ta khi đi qua; và vì không biết rằng vị chỉ huy của mình đang tham gia vào một âm mưu chống lại nước Pháp, nên thậm chí anh còn bảo vệ ông ta chống lại những tiếng xâm xì tỏ vẻ nghi ngờ, và nổi hiềm khích đã lớn giữa họ, mặc dù khá gay gắt, vẫn chưa hề bùng nổ.

Chàng thanh niên Na-pô-lê-ông xuống ngựa trong sân nhà của Pao-li, và giao ngựa cho Xan-tô Rít-xi-ô trông coi, chàng muốn đến ngay lập tức chỗ vị tướng. Nhưng khi chàng đang trèo lên cầu thang, một người đứng gần đấy cho chàng hay rằng ngay lúc đó đang diễn ra một cuộc họp giữa các thủ lĩnh chủ chốt của

đảo Coóc-xơ, tất cả bọn họ đều thù địch với tư tưởng Cộng hoà. Chàng ta lo ngại, tìm hiểu khi nào những kẻ âm mưu sẽ tan cuộc họp. Khi có người đi ra, chàng tiến đến gần và hỏi: "Sao rồi?". Hắn ta lại tưởng rằng chàng là đồng minh, trả lời: "Xong rồi! Chúng ta sắp tuyên bố độc lập và sẽ tách khỏi nước Pháp, với sự trợ giúp của nước Anh". Phẫn nộ, Na-pô-lê-ông nổi cơn giận dữ, và dậm chân, chàng la lên: "Đây là một hành động phản bội, một sự sỉ nhục!", khi mọi người trở tới, vì tiếng ồn ào thu hút sự chú ý của họ. Đó chính là những người bà con họ hàng xa gần của gia đình Bô-na-pác. Họ hiểu rõ mối hiểm nguy mà chàng sĩ quan trẻ đang lao vào, vì Pao-li là người luôn sẵn sàng thanh toán mọi trở ngại, nên họ vây quanh chàng, đẩy chàng xuống cầu thang và bắt chàng lên ngựa. .

Chàng đi ngay trở về A-giắc-xi-ô, Xan-tô Rít-vi-ô luôn đi theo hộ vệ. Khi đêm vừa xuống, họ đến làng Ac-ca-đờ-vi-va-ri-ô, và ngủ ở nhà cha xứ A-ri-gi, người họ hàng của Na-pô-lê-ông. Chàng thông báo cho cha xứ biết những sự kiện vừa mới xảy ra, và xin ý kiến ông ta, vì ông là người thẳng thắn và giỏi phán xét, được mọi người trên đảo kính trọng.



Ngay từ tờ mờ sáng hôm sau, họ lại lên đường, và đi bộ suốt ngày, và tối đến họ đến cổng làng Bô-cô-nha-nô. Tại đây, Na-pô-lê-ông chia tay với người dẫn đường, và bảo anh ta là sáng mai mang ngựa đến đón mình ở ngã tư đường; đoạn chàng đến thôn Pô-gi-ô-la để xin ngủ nhờ tại nhà Phê-lích Tuy-dô-li, một thuộc hạ và là bà con của chàng, vì nhà anh ta ở nơi khá vắng vẻ.

Trong lúc đó, tướng Pao-li đã biết được việc Na-pô-lê-ông đã đến thăm, cũng như những lời lẽ dữ dội của chàng khi khám phá ra âm mưu nên ông giao cho Ma-ri-ô Pê-ran-di nhiệm vụ đuổi theo chàng, và bằng mọi giá ngăn cản không cho chàng về A-giắc-xi-ô hoặc Bát-xi-a.

Ma-ri-ô Pê-ran-di về đến Bô-cô-nha-nô vài giờ trước Na-pô-lê-ông, và đến nhà của Mô-re-li, một gia đình có thế lực, là thuộc hạ của tướng quân. Chẳng mấy chốc họ biết rằng chàng sĩ quan trẻ đã đến làng, và chàng sẽ ngủ đêm tại nhà của Tuy-dô-li; lúc ấy viên thủ lĩnh của bọn Mô-re-li, một con người kiên nghị và đáng sợ, khi biết được lệnh của tướng Pao-li, liền hứa với sứ giả của ông ta rằng Na-pô-lê-ông sẽ không thể thoát được đâu.

Khi trời vừa sáng, ông ta đã cắt cử đồ đệ canh gác tất cả các con đường, các góc ngách, Bô-na-pác được chủ nhà tiễn chân đi gặp Xanh-lô Rít-xi-ô; nhưng Tuy-dô-li lại bệnh, đầu còn trùm khăn, nên chia tay với chàng ngay sau đó. Khi chàng vừa còn lại một mình thì một người đàn ông xuất hiện, báo cho biết là trong một lữ quán gần đó có các bộ hạ của tướng quân đang trên đường trở về Coóc-xơ. Na-pô-lê-ông đến gần họ, và thấy họ đang tề tựu: "Nào, chàng nói với họ, hãy đi tìm thủ lĩnh của các anh đi, các anh đã làm một chuyện rõ đẹp mặt". Nhưng lúc đó, bọn Mô-re-li tràn vào nhà, nhảy bổ vào chàng bắt chàng làm tù binh và lôi đi.

Xan-tô Rít-xi-ô đang chờ chàng ở ngã tư đường, lập tức hay tin chàng bị bắt; và anh ta chạy ngay đến nhà một thuộc hạ của Bô-na-pác, tên là Vít-da-vô-ra, anh ta biết rằng hắn có thể giúp anh ta, và nhà hắn gần nhà của Mô-re-li, nơi Na-pô-lê-ông sắp bị giam.

Xan-tô Rít-xi-ô hiểu được sự cực kỳ nghiêm trọng của tình hình: "Nếu chúng ta không cứu anh ấy được ngay lập tức, anh ta nói, anh ấy sẽ chết. Có thể anh ấy sẽ chết trong vòng hai giờ đồng hồ tới đây".

Lúc ấy Vít-da-mô-na đến tìm bọn Mô-re-li, khéo léo thăm dò chúng, và vì chúng giấu giếm ý đồ thực sự của chúng, nên anh ta phải hết sức khéo léo và thuyết phục mới khiến chúng hứa cho phép chàng đến nhà anh ta dùng một món gì đấy, trong lúc chúng canh giữ ngôi nhà.

Còn chúng, có lẽ để giấu kín ý đồ, nên chấp nhận đề nghị trên, và thủ lĩnh của chúng, người duy nhất biết được ý nguyện của tướng quân, giao cho chúng canh gác khắp nơi, và trở về nhà để chuẩn bị hành trang lên đường.

Chính lúc vắng mặt này đã cứu mạng người tù binh vài phút sau đó.

Trong lúc đó, với sự tận tụy bản năng của người dân đảo Coóc-xơ, với đức tính bình tĩnh diệu kỳ và một tấm lòng quả cảm. Xan-tô Rít-xi-ô chuẩn bị việc giải thoát cho người bạn đồng hành của mình. Anh rủ thêm hai thanh niên nữa, cũng can đảm và trung thành như anh; đoạn, anh bí mật dẫn họ đến một khu vườn nằm cạnh ngôi nhà của Vít-da-vô-na, và giấu họ sau một bức tường. Còn anh thì thản nhiên đứng trước mặt bọn Mô-re-li, và xin phép được chia tay với Na-pô-lê-ông, bởi vì chúng sắp giải chàng đi.

Ân huệ này được chấp thuận; và khi mặt đối mặt với Bô-na-pác và Vít-da-nô-va, anh vạch ra các phương án vừa đôn đốc việc tẩu thoát, vì một chút chậm trễ thôi cũng có thể vô cùng tai hại cho chàng... Lúc ấy cả ba đã chui vào chuồng ngựa, và Vít-da-vô-na, đứng trên ngưỡng cửa, nước mắt lưng tròng, ôm hôn vị khách của mình và nói: "Xin Chúa hãy cứu lấy ông, hỡi ông bạn khôn khổ ơi, chỉ có Chúa mới có thể giúp ông được".

Vừa leo qua, Na-pô-lê-ông và Xan-tô Rít-xi-ô đã gặp hai thanh niên nằm phục sẵn bên cạnh tường; đoạn cả ba vùng bỏ chạy về hướng con suối ở gần đây, nằm khuất trong các lùm cây. Nhưng họ đã lọt vào tầm mắt của bọn Mô-re-li. Khi phát hiện ra họ, chúng đổ xô ra đuổi bắt, vừa la toáng lên.

Thế là tên thủ lĩnh Mô-ri-e nghe được, khi hấn ta trở lại, và lúc đã rõ cơ sự, hấn lao ra với một diện mạo dữ dằn đến độ vợ hấn, là người theo phe Tuy-dô-li, kẻ đã cho Bô-na-pác ngủ nhờ đêm qua, phải quỳ xuống ôm chân chồng mà van nài, cầu xin hấn tha mạng cho Na-pô-lê-ông. Hấn giận điên, người, đẩy vợ ra, và phóng ra ngoài, còn chị vợ vẫn quỳ dưới đất, vội nắm lấy chân hấn bằng đôi cánh

tay quắp chặt. Bị đánh đập, bị quật ngã sóng xoài, nhưng chị vẫn không buông, chị kéo chồng lại, và hẳn ta cũng ngã quỵ xuống bên cạnh chị.

Nếu không có sức mạnh và lòng can đảm của người đàn bà ấy, thì đời Na-pô-lê-ông kể như xong. Vì thế cả giai đoạn lịch sử hiện đại sẽ bị thay đổi. Ký ức của loài người sẽ không phải ghi nhớ tên những chiến thắng lẫy lừng! Hàng triệu sinh linh sẽ không phải chết dưới họng súng đại bác!<sup>(1)</sup> Bản đồ châu Âu sẽ không còn như ngày nay! Và ai biết được rằng hôm nay chúng ta sống dưới chế độ chính trị nào?

Vì bọn Mô-re-li đã đuổi kịp những kẻ chạy trốn, Xan-tô Rít-xi-ô rất quả cảm, anh tựa lưng vào thân một cây dẻ, mặt đối mặt với bọn chúng, vừa quát hai thanh niên kia mang Bô-na-pác-đi. Nhưng chàng không chịu bỏ người dẫn đường của mình lại, còn anh này thì vừa ghì súng vào kẻ thù vừa quát tháo ầm ĩ:

"Các cậu kia, có mang anh ấy đi không nào, cứ tóm lấy anh ta, trói tay trói chân lại!"

---

(1) Napoléon xuất thân từ sĩ quan pháo binh.

Thế rồi: họ đã chuẩn bị đuổi kịp, bị bao vây, bị bắt giữ; và một đồng đảng của Mô-re-li tên là Ô-pô-ra-tô vừa chìa họng súng vào thái dương của Na-pô-lê-ông vừa là: "Kẻ nào phản bội Tổ quốc phải chết!". Nhưng đúng ngay lúc đó, người đã cho Bô-na-pác ngủ trọ, Phê-lích Tuy-dê-li, được một phái viên của Xan-tô Rít-xi-ô báo tin vừa kịp đến nơi, dẫn theo một đoàn người thân có vũ trang đầy đủ. Thấy rõ nguy cơ, và nhận ra người đang đe dọa tính mạng của vị khách mình là em vợ, anh vừa giương súng vừa la lên:

"Ô-nô-ra-tô, Ô-nô-ra-tô, việc ấy phải giải quyết giữa hai ta".

Tên nọ sưng sốt, chân chừ không dám bắn. Lợi dụng lúc hỗn độn, Xan-tô Rít-xi-ô để cho hai bên đánh nhau hoặc tranh luận với nhau, còn mình thì bẻ thóc Na-pô-lê-ông, lời xênh xạch chàng đi vào rừng chồi, nhờ sự giúp sức của hai thanh niên kia, mặc cho Na-pô-lê-ông phản đối.

Một phút sau, tên thủ lĩnh Mô-re-li, khi đã thoát khỏi tay vợ, và đang trong cơn thịnh nộ, rồi cũng nhập bọn được với đồng đảng của hắn. Tuy nhiên, nhóm chạy trốn đã băng qua núi non, sông suối, bụi

rậm. Khi đã ở trong vòng an toàn, Xan-tô Rít-xi-ô cho hai thanh niên đến cầu Uýt-xi-a-ni tìm ngựa, và hẹn gặp lại vào ngày hôm sau. Lúc chia tay, Nô-pô-lê-ông đến bên họ và nói:

"Tôi sắp trở lại nước Pháp, các anh có muốn theo tôi không? Dù cho số phận của tôi ra sao đi nữa, các anh cũng phải chia sẻ với tôi".

Họ đáp:

"Sinh mạng của chúng tôi thuộc về ông; ở đây, ông muốn làm gì chúng tôi thì làm; nhưng chúng tôi không thể rời làng mạc được".

Thế là hai thanh niên giản dị và tận tụy bèn quay lại Bô-cô-nha-nô tìm ngựa, trong lúc Bô-na-pác và Xan-lô Rít-xi-ô tiếp tục cuộc hành trình vất vả trong rừng núi hoang vu với tất cả mọi giao lao, làm cho chuyến đi lại càng thêm nhọc nhằn.

Giữa đường, họ dừng lại để ăn đôi ba miếng tại nhà Măng-xi-ni, và tới đến, tại nhà Pôt-dô-li ở Uýt-xi-a-ni, một đồng đảng của gia đình Bô-a-pác. Thế là ngày hôm sau, khi thức dậy, Na-pô-lê-ông thấy ngôi nhà bị một toán người có vũ trang bao vây. Đó

là tất cả dòng họ và bạn bè của chủ nhà, họ sẵn sàng theo chàng cũng như sẵn sàng chết vì chàng.

Ngựa đã chờ sẵn ở gần cầu, và toán người lên đường, họ hộ tống kẻ đào tẩu cho tới tận vùng lân cận của A-giác-xi-ô. Đêm đến, Na-pô-lê-ông đi vào thành phố, và tạm lánh ở nhà viên thị trưởng, ông Giảng-Giê-rôm Lê-vi. Ông ta giấu Na-pô-lê-ông trong một chiếc tủ âm vào tường. Một thận trọng không hoài công, vì ngày hôm sau cảnh sát đến. Chúng lục lọi khắp nơi, nhưng không tìm thấy chi, đoạn lặng lẽ rút lui, vì bị viên thị trưởng đánh lừa bằng cách khéo léo giả bộ nổi cơn thịnh nộ, khi cuống quýt giúp tay cho cảnh sát tìm kiếm gã thanh niên nổi loạn.

Ngay đêm đó, Na-pô-lê-ông được đưa xuống một chiếc thuyền chèo và được đưa sang bờ bên kia vịnh. Anh được gửi gắm cho gia đình Côt-ta, ở làng Bát-lê-li-ca, và được che giấu trong rừng chồi. Chuyện Na-pô-lê-ông bị vây trong tháp Ca-pi-te-lô một câu chuyện cảm động do các nhà hướng dẫn du lịch phát hành, là một chuyện ly kỳ hoàn toàn, do trí tưởng tượng, cũng giống như những tin tức mà bọn kỹ nghệ gia dị hợm này cung cấp.



Vài ngày sau, đảo Coóc-xơ tuyên bố độc lập, nhà của Bô-na-pác bị phong tỏa, và ba người chị của chàng phải đến nhờ sự che chở của cha xứ Rê-cô.

Rồi một chiếc chiến hạm Pháp làm nhiệm vụ đón những người thân Pháp cuối cùng trên bờ biển, rước Na-pô-lê-ông lên tàu, và chở về chính quốc người chiến sĩ bị đuổi bắt, bị truy nã, người mà sau này trở thành hoàng đế và một tướng linh thần kỳ, mà vận rủi may của ông ta đã làm trái đất nghiêng ngả.

TRẦN THANH ÁI dịch

## HẠNH PHÚC

Trước khi lên đèn là giờ uống trà. Ngôi biệt thự nằm chênh vênh trên bờ biển. Mặt trời vừa lặn còn để lại trên nền trời màu ửng hồng, lấm tấm những đám bụi vàng trên đường đi qua. Và Địa Trung Hải, mặt phẳng lì, không một gợn sóng, còn phản chiếu dưới ánh thái dương vừa tắt, giống như một tấm kim loại nhẵn nhụi và mênh mông.

Xa xa, phía bên phải, những rặng núi nhấp nhô lên lên chân trời Tây ứng nhật hình dáng đen thẫm của chúng.

Mọi người đang bàn tán về tình yêu. Họ tranh luận về đề tài muôn thuở này.

Họ lặp đi lặp lại những điều mà người ta đã thường nói từ lâu. Nỗi buồn man mác êm ả của buổi chiều tà làm câu chuyện khoan thai hơn, làm tâm hồn họ như chùn xuống; và tiếng "tình yêu" không ngừng được nhắc đến, khi bằng một giọng đàn ông ồn ào, khi bằng một giọng đàn bà nhỏ nhẹ, dường như nó tràn ngập cả gian phòng khách bé nhỏ, nó

lượn lơ như thể loài chim, và lớn vơn như thể hồn ma.

Người ta có thể yêu nhau trong suốt một thời gian dài không?

"Được, một vài người lên tiếng.

- Không," một số khác phủ nhận.

Họ phân tích nhiều trường hợp, họ vạch ra những giới hạn, họ nêu ra nhiều dẫn chứng; và tất cả, đàn ông cũng như đàn bà, đều cảm thấy lũ lượt những kỷ niệm bỗng hiện về, khiến họ như nghẹn ngào, những kỷ niệm mà họ không thể nào kể ra cho ai nghe, nhưng nó cứ chực trào lên trên đôi môi. Họ dường như rất xúc động, và cứ bàn tán mãi về cái điều bình dị và tuyệt luân này, một sự hoà hợp triu mến và huyền diệu giữa hai sinh vật, với một xúc cảm sâu xa và một nỗi quan tâm nồng nhiệt.

Bỗng có người kêu lên, đôi mắt vẫn nhìn đắm đắm về chốn xa xăm:

"Ồ! Nhìn kia! Đằng kia, cái gì thế?"

Trên mặt biển, tận nơi chân trời, một khối xám xịt khổng lồ và lơ mờ, bỗng hiện ra.

Các bà đứng lên và ngơ ngác nhìn vật kỳ lạ kia, mà họ chưa bao giờ gặp.

Ai đó nói:

"Đảo Cooc-xơ đấy! Một năm ta có thể nhìn thấy nó độ hai ba lần, trong những điều kiện khí hậu đặc biệt; khi không khí hoàn toàn trong suốt không che khuất nó bởi màn hơi nước phủ lên những vật xa xăm."

Họ nhận ra những đỉnh núi lơ mờ, và cho rằng thấy tuyết trên đỉnh. Mọi người ngạc nhiên, bối rối, gần như hoảng hốt trước sự xuất hiện đột ngột của một thế giới khác, trước cái bóng ma vừa thoát ra khỏi lòng đại dương này. Có thể những người vượt qua các đại dương bí ẩn như Cô-lông cũng đã gặp quang cảnh lạ lùng như thế này.

Khi ấy, một ông đã luống tuổi, từ nãy giờ vẫn im lặng, bỗng lên tiếng:

"Này, tôi biết trên hòn đảo vừa xuất hiện sừng sững trước mặt ta kia, như thế để trả lời những điều mà chúng ta bàn luận tự nãy giờ, và để nhắc tôi một kỷ niệm lạ thường, tôi biết một trường hợp đáng

khâm phục về một mối tình bền bỉ, một mối tình hạnh phúc phi thường.

"Câu chuyện như sau:"



Cách đây năm năm, tôi đi du ngoạn ở Cooc-xơ. Đối với chúng ta, hòn đảo hoang dã này ít được biết đến và còn xa xôi hơn cả châu Mỹ, mặc dù đôi khi ta vẫn thấy nó từ bờ biển nước Pháp, như thể hôm nay đây.

Các vị hãy tưởng tượng một thế giới đang còn trong thời kỳ hỗn mang, một biển núi mênh mông, bị chia cắt bởi những con suối hẹp cuộn cuộn những thác ghềnh. Không một cánh đồng, nhưng có vô số những dãy núi đá và những giồng đất khổng lồ được bao phủ bởi những bụi biên hoặc những rừng dẻ và thông. Đó là một vùng đất sơ khai, chưa hề có bàn tay người khai phá, hoang vu, mặc dù thỉnh thoảng người ta cũng thấy vài ngôi làng, giống như những bãi đá tảng, nằm trên đỉnh núi. Không canh tác, không kỹ nghệ, không một công trình nghệ thuật nào. Ta không bao giờ gặp một mảnh gỗ, được

bào đẽo nào, một phiến đá có chạm khắc nào, ta không bao giờ biết đến những hồi ức ngây ngô hoặc tinh tế của tổ tiên về những nghĩa cử tốt đẹp. Đó cũng chính là điều đập vào mắt ta nhiều nhất ở cái xứ sở kỳ diệu và khắc nghiệt này; sự lạnh lùng muôn thuở đối với sự tìm kiếm những hình thức có sức hấp dẫn con người mà ta gọi là nghệ thuật.

Nước Ý, nơi mà mỗi một cung điện là một kiệt tác chứa đựng nhiều kiệt tác khác; nơi mà gỗ, đá, sắt, thép minh chứng tài nghệ của con người, nơi mà những vật dụng cổ xưa bé nhỏ trong các căn nhà cũ kỹ cũng có thể biểu hiện được sự quan tâm thiêng liêng đến cái đẹp; đối với tất cả chúng ta, đó là tổ quốc thiêng liêng mà mọi người yêu quý, bởi vì nó chứng minh và cho chúng ta thấy sự cố gắng, sự vĩ đại, sức mạnh và sự toàn thắng của sức sáng tạo của con người.

Và đối diện với nó, đảo Cooc-xơ hoang dã vẫn giữ nguyên thình như những ngày đầu. Con người sống ở đó trong các căn nhà thô kệch, họ đứng dưng với tất cả những gì không liên quan đến cuộc sống của họ, hoặc đến những mối hiềm khích giữa các dòng họ với nhau... Và họ cứ tồn tại cùng với những nhược

điểm và những phẩm chất của những giống người hoang dã. Họ tàn bạo, thù địch, khát máu một cách vô ý thức, nhưng họ cũng hiếu khách, rộng lượng, tận tụy, ngây ngô. Họ sẵn sàng mở rộng cửa đón tiếp những khách qua đường, và sẽ đáp lại bất cứ một biểu hiện tình cảm nào bằng một tình bạn trung thành.

Thế là trong suốt một tháng, tôi lang thang ngang dọc qua hòn đảo kỳ diệu này, với cảm giác rằng mình đang ở tận cùng trời cuối đất, không có một nhà trọ, một quán ăn, một con đường nào cả. Ta phải dùng những con đường mòn của lừa thồ để đến những ngôi làng nằm cheo leo trên sườn núi, và chênh vênh trên những vực thẳm ngoằn ngoèo, từ đó, tối tối, ta có thể nghe tiếng thác đổ liên tục, âm ỉ và sâu lắng vọng lên. Ta gõ cửa một nhà nào đấy, xin chỗ nghỉ đêm và cái ăn qua ngày. Ta ngồi ăn ở chiếc bàn mộc mạc, và ngủ dưới mái nhà đơn sơ. Sáng hôm sau, ta siết tay chào tạm biệt chủ nhân khi ông ta dẫn ta đến tận ranh làng.

Một buổi tối nọ, sau mười giờ đi bộ, tôi gặp một căn chòi nhỏ, nằm đơn độc trong một thung lũng hẹp cách biển một dặm đường. Hai triền dốc núi là

rừng rậm rạp, cùng với những tảng đá lở và những cây đại thụ, như thể hai bức tường thành u ám vây kín cái thung lũng buồn da diết này.

Xung quanh túp lều, vài luống nhỏ, một khu vườn con con. Xa hơn một chút, vài cây dừa to là nguồn lương thực, một kho báu của cái xứ nghèo xơ xác này.

Người ra đón tôi là một phụ nữ đã già, khắc khổ và đặc biệt sạch sẽ. Người đàn ông đang ngồi trên chiếc ghế rơm, đứng lên chào tôi, đoạn ngồi xuống, không nói một lời. Vợ ông ta nói với tôi:

"Xin ông thứ lỗi cho. Ông ấy bây giờ đã ngênh ngãng nặng rồi. Tám mươi hai tuổi mà!"

Bà ta nói bằng một thứ tiếng Pháp chuẩn mực. Tôi ngạc nhiên hỏi bà:

"Bà không phải là người ở đây chứ?"

Bà trả lời:

"Không, chúng tôi là người đất liền. Nhưng chúng tôi sống ở đây đã năm mươi năm nay."

Một cảm giác nao nao và sợ hãi xâm chiếm lòng tôi, khi nghĩ đến quãng thời gian năm mươi năm sống trong cái xó xỉnh tăm tối này, hoàn toàn cách



biết với nơi phồn hoa đô hội. Một con chó chăn gia súc già trở về, và mọi người bắt đầu bữa ăn tối với món xúp đặc duy nhất, mà họ nấu lẫn khoai tây, mỡ và bắp cải với nhau.

Khi bữa ăn tối ít ỏi chấm dứt, tôi đã ngồi trước cửa, lòng quặn thắt vì vẻ tĩnh mịch của quang cảnh nơi đây, và đau nhói, vì nỗi lo âu đôi khi xâm chiếm lòng người lữ khách trong những chiều âm thầm, ở những nơi cô tịch. Dường như tất cả đều sắp kết liễu: sự sống và vũ trụ. Ta bỗng nhận ra nỗi khôn khổ ghê hồn của cuộc sống, sự cô quạnh của mọi người, cái hư vô của tất cả, và nỗi đơn độc của cõi lòng, luôn tự vỗ về và tự lừa dối bằng những mộng mơ, cho đến khi già từ cuộc sống.

Bà già đến gần bên tôi, và bị ray rứt bởi tính tò mò luôn tiềm ẩn tận đáy lòng của những kẻ nhẵn nhụi:

"Thế ông từ Pháp tới à? Bà nói

- Vâng, tôi đi du lịch.
- Có lẽ ông là người Pa-ri?
- Không, tôi ở Năng-xi."

Dường như một cơn xúc động lạ thường khuấy động lòng bà. Làm thế nào mà tôi có thể thấy, hoặc đúng hơn là cảm thấy, được điều ấy, tôi cũng không biết nữa.

Bà chậm rãi lập lại:

"Ông ở Năng-xi à?"

Người đàn ông xuất hiện ở cửa, lạnh lùng như những người điếc khác.

Bà nói tiếp:

"Không sao đâu, ông ấy không nghe đâu."

Ngưng vài giây, bà nói tiếp:

"Vậy thì ông biết nhiều về dân Năng-xi không?"

- Biết chứ, gần như tất cả.
- Còn gia đình ở Xanh-Ta-le-dơ?
- Vâng, tôi biết rõ. Họ là bạn của cha tôi.
- Tên ông là gì?

Tôi nói tên họ của tôi. Bà nhìn tôi đắm đắm rồi nói bằng giọng khe khẽ do những kỷ niệm xa xưa gợi lại:

- "Vâng, vâng, tôi nhớ rõ. Còn dòng họ Bri-dơ-ma, họ ra sao rồi?"

- Tất cả đều chết hết.

- Chà! Còn dòng họ Xiêc-mông, ông biết họ chứ?

- Vâng, người cuối cùng hiện nay là Đại tướng.

Lúc ấy, bà thốt lên; run run vì xúc động, vì bồn chồn, vì một thứ tình cảm lộn xộn, mãnh liệt và thiêng liêng, vì một nhu cầu được thổ lộ, được nói lên tất cả, được nói về những điều mà bà giữ kín tận đáy lòng cho đến lúc đó, và về những người mà khi nhắc đến tên của họ, thì tâm hồn bà điên đảo:

"Vâng, Ăng-ri Xiêc-mông, tôi biết ông ấy rõ. Ông là em ruột tôi"

Tôi bỗng giương mắt nhìn bà, hoảng hốt vì ngạc nhiên. Và tôi chợt nhớ lại:

Ngày xưa, vụ ấy đã gây ra một xi-căng-đan ồn ào trong giới quý tộc xứ Cloren. Một thiếu nữ trẻ đẹp và giàu có, cô Xuy-dan đợ Xiêc-mông và một viên hạ sĩ quan khinh kỵ binh của lữ đoàn do cha cô chỉ huy cùng nhau bỏ trốn.

Đây là một thanh niên đẹp trai, con một nông dân, nhưng rất thích hợp trong bộ lễ phục xanh, cậu ta đã quyến rũ con gái viên Đại tá mình... Có lẽ nàng đã gặp anh, đã để ý, đã yêu anh, khi thấy anh

đi duyệt binh trong lễ đoàn. Nhưng làm thế nào nàng nói chuyện được với anh, làm thế nào họ có thể gặp nhau, và phải lòng nhau được? Làm thế nào nàng dám thổ lộ với chàng là nàng yêu chàng? Không bao giờ người đời biết được chuyện ấy.

Trước đó, mọi người không dự đoán được, linh cảm được gì cả. Một tối nọ, khi vừa xong buổi tập, chàng biến mất cùng với nàng. Mọi người đổ xô tìm họ, nhưng chẳng gặp. Từ đó, người ta không bao giờ nhận được tin họ, và xem như là nàng đã chết.

Còn tôi thì lại tìm thấy nàng ở trong thung lũng thảm hại này.

Và đến lượt tôi thốt lên:

"Vâng, tôi nhớ rõ lắm. Bà là tiểu thư Xuy-dan."

Bà gật đầu. Những giọt nước mắt từ từ tuôn ra nơi khoé mắt. Lúc ấy, bà đưa mắt chỉ cho tôi lão già đang ngồi bất động trên ngưỡng cửa của túp lều tồi tàn, bà nói:

"Anh ấy đấy!"

Và tôi hiểu ngay rằng bà vẫn luôn yêu "anh ấy" và vẫn còn nhìn "anh ấy" bằng đôi mắt đắm đuối.

Tôi hỏi:

"Thế bấy lâu nay bà vẫn hạnh phúc chứ?

Bà trả lời bằng một giọng nói xuất phát từ tận đáy lòng:

"Ồ! có chứ, rất hạnh phúc. Anh ấy đã đem lại hạnh phúc cho tôi. Tôi chả nuôi tiếc chi cả."

Tôi ngắm nghía bà, lòng buồn bã, kinh ngạc, thán phục bởi sức mạnh của tình yêu! Nàng con gái giàu sang này đã đi theo người đàn ông thôn dã này. Và bản thân nàng cũng trở thành thôn dã. Nàng đã tạo cho mình một cuộc đời không chút diêm lệ, xa hoa, quý phái; nàng đã chịu nép mình theo lối sống giản dị. Và nàng vẫn còn yêu chàng. Nàng trở thành một người đàn bà quê mùa, đầu đội mũ vải, mặc váy vải thô. Nàng ăn bằng đĩa đất nung, trên bàn gỗ, ngồi ghé rơm, dùng xúp bắp cải nấu lộn với khoai tây và mỡ. Nàng ngủ trên ổ rơm bên cạnh chàng.

Nàng không nghĩ đến gì khác, ngoài chàng! Nàng không nuôi tiếc những ngọc ngà châu báu, những quần là áo lụa, những sang trọng đài các, những nệm ấm chăn êm sức nồng nước hoa. Nàng chỉ cần có chàng; nàng chả muốn gì hơn, miễn sao có chàng ở bên cạnh.

Khi còn xuân xanh mơn mớn, nàng đã chối bỏ cuộc đời và thế gian, và cả những người đã nuôi nấng nàng, đã thương yêu nàng. Nàng đã đơn độc cùng chàng đến chốn thung lũng hoang dã này. Và chàng là tất cả đối với nàng, tất cả những gì mà người đời luôn mong muốn, ước mơ, chờ đợi, hy vọng. Chàng đã vun đắp cả cuộc đời nàng tràn đầy hạnh phúc.

Nàng không thể nào tìm thấy một cuộc đời hạnh phúc hơn.

Và suốt đêm, nằm nghe tiếng thở ồm ồm của anh lính già ngủ trên tấm phản, bên cạnh người phụ nữ đã cùng anh đi đến tận trời cuối đất, tôi suy nghĩ về cuộc phiêu lưu kỳ lạ và đơn giản này, về hạnh phúc trọn vẹn này, một hiện tượng vô cùng hiếm hoi.

Và khi mặt trời lên, tôi ra đi, sau khi siết chặt tay già từ đôi uyên ương già.



Người kể chuyện im tiếng. Một bà nói:

"Chẳng hề chi, bà ta có một lý tưởng quá dễ dãi, những nhu cầu quá sơ khai, và những đòi hỏi quá giản đơn. Đó chỉ là một mụ điên."

Một bà khác chậm rãi nói:

"Nhưng mặc, bà ta có hạnh phúc."

Và đằng kia, tận nơi chân trời, đảo Cooc-xơ đắm chìm trong màn đêm, từ từ trở về biển cả, xoá mất bóng dáng hùng vĩ của nó xuất hiện khi nãy như để kể lại câu chuyện của một cặp tình nhân bình thường, đã từng ăn náu bên bờ hoang đảo.

*TRẦN THANH ÁI dịch*

## TÊN LÍNH HẦU

Nghĩa trang hôm ấy đầy sĩ quan, trông giống như một cánh đồng đang độ nở hoa. Mũ kê-pi và quần chèn đỏ, quân hàm và phù hiệu, gươm kiếm, dây lễ phục choàng vai của Bộ Tham Mưu, áo khoác kiểu có nẹp ngang của bộ binh và khinh kỵ binh, diễu qua giữa những hàng mộ với những chiếc thập tự trắng có, đen có, đang dang rộng những đôi tay thê thảm, những đôi tay bằng sắt, bằng đá hay gỗ, trên thế giới của những người đã khuất.

Người ta vừa an táng vợ viên Đại tá vùng Li-mu-danh. Bà ta bị chết đuối hai ngày trước đây, khi đi tắm.

Việc chôn cất đã xong, ông cố đạo đã ra về, nhưng viên Đại tá được hai sĩ quan dìu vẫn còn đứng trước huyệt, trong đó ông còn trông thấy chiếc quan tài gỗ chứa đựng thi hài người vợ trẻ mà giờ này đã thối rữa.

Đại tá đã luống tuổi, dáng người cao to và gầy, bộ ria mép đã bạc trắng. Ba năm trước đây, Đại tá



cưới cô con gái của một người bạn, là Đại tá Xooc-ti, lúc ấy đã qua đời.

Viên Đại úy và Trung úy là hai người nâng vị chỉ huy của mình, họ cố gắng dìu ngài Đại tá đi. Ông cưỡng lại, đôi mắt đầm lệ, nhưng vì ông dùng cảm nén lòng nên nước mắt không trào tuôn, và ông thì thầm: "Không, không, thêm một chút nữa." Đôi chân ông khuy xuống, ông cương quyết nán lại nơi này, bên bờ huyết, mà giờ này đối với ông hình như thăm thẳm như vực sâu, nơi đây đã chôn lấp trái tim và cuộc đời của ông, là tất cả những gì còn lại với ông trên trần thế.

Chợt tướng Ooc-mông đi lại nắm cánh tay viên Đại tá và gần như lôi ông đi:

"Nào, ông bạn già thân mến, không nên ở lại đây nữa". Lúc ấy viên Đại tá mới chịu vâng lời, và trở về nhà.

Khi mở cửa phòng, ông thấy có một bức thư trên bàn làm việc. Vừa cầm lên, suýt tí nữa ông ngắt đi vì kinh ngạc và xúc động. Ông nhận ra nét chữ của vợ mình. Bức thư mang tem bưu điện, được đóng dấu ngày hôm ấy.

Ông bóc thư và đọc:

"Thưa cha.

"Xin phép cha cho con còn được gọi như thế, như ngày xưa. Khi cha nhận được thư này thì con đã chết và nằm yên trong lòng đất. Lúc ấy có thể cha sẽ tha thứ cho con.

"Con không muốn tìm cách làm cha xúc động, và làm nhẹ đi lỗi lầm của mình.

Con chỉ muốn nói lên một sự thật hoàn toàn và đầy đủ với tất cả tấm lòng thành của một người đàn bà mà một giờ sắp tới đây sẽ quyên sinh.

"Khi cha cưới con làm vợ vì tấm lòng quảng đại bao dung, thì con cũng đã hiến đời con cho cha vì lòng biết ơn; và con đã yêu cha bằng tất cả tấm lòng của đứa con gái bé nhỏ. Con yêu cha như con đã từng yêu cha ruột của con, gần như thế; và một hôm, khi con ngồi trên đùi cha, khi cha hôn con, con đã buột miệng gọi cha bằng cha. Đó là tiếng gọi tự đáy lòng, xuất phát từ bản năng, và tự phát. Thật vậy, đối với con, cha quả là một người cha, không là gì khác hơn một người cha. Cha đã cười, và nói

với con: "Hãy cứ gọi ta như thế nhé, con ạ. Ta lấy làm hài lòng lắm."

"Chúng ta đã đến thành phố này, và xin cha tha lỗi, con đã si tình. Ô; con đã nén lòng mình lại trong một thời gian dài, gần hai năm trời, cha hãy đọc kỹ, gần hai năm trời, và rồi con đành lùi bước, con trở thành người đàn bà tội lỗi, người đàn bà hư thân."

"Còn anh ấy? Cha sẽ không đoán ra được đâu. Con rất yên tâm về chuyện đó, bởi vì chung quanh con luôn có mười hai sĩ quan hầu cận mà cha thường gọi là mười hai vầng tinh tú."

"Thưa cha, xin cha đừng tìm cách biết tên anh ấy, và cũng đừng ghét bỏ anh. Anh đã làm những gì mà bất cứ ai ở vào hoàn cảnh anh đều làm như thế, và con chắc chắn rằng anh ấy cũng yêu con bằng tất cả con tim của mình."

"Nhưng, xin cha hãy lắng nghe, một bữa nọ hai con hẹn nhau ở ngoài đảo chim Mỏ Nhác, một hòn đảo nhỏ sau cối xay gió, mà cha cũng biết. Con phải bơi sang đảo, còn anh ấy sẽ chờ con trong bụi rậm, và chúng con sẽ ở lại đó đến tối, để khi về, không ai trông thấy. Con vừa đến với anh ấy, thì lúc đó con thấy Phi-líp, người lính hầu cận của cha, từ

trong lùm cây đi ra. Hắn ta tình rập chúng con; con cảm thấy điên người, và thắng thoát la lên. Lúc đó, anh ấy nói với con: "Em hãy đi đi, hãy bơi khe khe, để anh ở lại đây với thằng này."

Con bơi về, mà lòng xúc động đến nỗi suýt chết đuối. Con trở về nhà cha, và chờ đợi điều khủng khiếp đến.

"Một giờ sau, con gặp Phi-líp trong hành lang phòng khách, hắn nói nhỏ với con: "Thưa bà, tôi sẵn sàng đợi lệnh của bà, nếu bà cần chuyển thư." Lúc ấy, con hiểu ngay rằng hắn đã bán mình, và anh bạn con đã mua hắn.

"Thật vậy, con đã trao cho hắn nhiều thư từ - tất cả thư từ của con. Hắn mang thư đi và đem thư trả lời về.

"Việc ấy kéo dài khoảng hai tháng. Chúng con tin tưởng hắn ta, cũng như chính cha cũng đã tin tưởng ở hắn.

"Và thưa cha, đây là việc đã xảy ra. Một hôm, con bơi sang cũng đảo ấy, nhưng lần này, chỉ một mình con thôi. Con bắt gặp hắn. Hắn đợi con ở đó, và cho con biết rằng nếu con không thoả mãn những

ham muốn của hắn, hắn sẽ tố cáo với cha về việc của chúng con, và sẽ nộp cho cha những bức thư mà hắn đã đánh cắp của con.

"Ôi! thưa cha, cha của con, con sợ quá, nỗi sợ hãi hèn nhát, đáng xấu hổ. Con sợ nhất là cha, một người cha vô cùng phúc hậu, và bị con dối gạt; con sợ cho cả anh ấy - có thể cha sẽ giết anh ấy - và có thể cho con nữa. Con hốt hoảng, chết lặng người. Con tưởng rằng có thể mua hắn một lần nữa, hắn ta, tên khốn kiếp ấy cũng yêu con nữa. Ôi, thật nhục nhã!

"Chúng con yếu đuối đến nỗi đâm ra bối rối còn hơn cha. Và khi người ta đã một lần rơi xuống hố, người ta còn rơi xuống sâu, sâu mãi. Con có biết những gì con đã làm không? Lúc ấy con chỉ hiểu rằng một trong hai người hoặc cha hoặc anh ấy, và con sẽ chết - và con đã hiến thân cho tên súc sinh ấy.

"Cha thấy đấy, thưa cha, rằng con không hề tìm cách lẫn tránh tội lỗi.

"Thế rồi, thế rồi, những gì lẽ ra con phải thấy trước, đã đến. Hắn chiếm đoạt con mỗi khi hắn thèm

khát, vừa khủng bố con. Hắn trở thành tình nhân của con, cũng như anh ấy, đều đặn mỗi ngày. Thật khủng khiếp quá, và sự trừng phạt ghê gớm quá, phải không cha?

"Lúc ấy, con tự nhủ: Phải chết. Lúc còn sống, con không thể thú nhận cùng cha một tội lỗi như thế, thì khi chết rồi, con dám nói tất cả. Con không thể nào làm khác hơn là chọn lấy cái chết, không gì có thể giúp con rửa sạch tội lỗi được. Con đã quá nhơ nhuốc. Con không còn có thể yêu thương và được thương yêu nữa. Con có cảm giác dường như chỉ cần bắt tay với mọi người xung quanh, là con đã có thể làm nhơ bẩn họ.

"Chóc nữa đây, con sẽ đi bơi, và sẽ không về nữa.

"Bức thư này con nhờ tình nhân con gửi đến cho cha. Anh ấy sẽ nhận được thư sau khi con chết, và sẽ chuyển đến cho cha, mà không hay biết gì cả, và như vậy là nguyện ước cuối cùng của con được thực hiện. Khi cha từ nghĩa trang về nhà, cha sẽ đọc được thư.

"Vĩnh biệt cha, con chẳng còn gì để nói với cha nữa cả. Cha hãy làm gì tùy cha muốn, và xin cha hãy tha thứ cho con".

Viên Đại tá lau vùng trán đầm mồ hôi. Bất ngờ ông lấy lại được bình tĩnh, sự bình tĩnh của những ngày lặn lội trên chiến trường.

Ông bấm chuông.

Một gia nhân xuất hiện.

"Cho Phi-líp lên đây". Ông bảo.

Đoạn ông mở ngăn kéo của bàn làm việc.

Ngay sau đó, hắn ta bước vào phòng. Đó là một quân nhân cao to, bộ râu mép màu đỏ hung, vẻ mặt ranh mãnh, đôi mắt nham hiểm.

Viên Đại tá nhìn thẳng vào mặt hắn.

"Anh cho tôi biết ai là tình nhân của vợ tôi.

- Nhưng, thưa Đại tá..."

Viên Đại tá rút từ ngăn kéo để hờ ra một khẩu súng ngắn.

"Nào, nhanh lên, anh biết rằng tôi không thích đùa.

- Vậy thì, thưa Đại tá... đó là Đại úy Xanh-tan-be."

Vừa nói xong câu ấy, một ánh lửa loé lên, đập vào mắt hắn và hắn ngã sấp xuống với một viên đạn xuyên vào giữa trán.

*TRẦN THANH ÁI dịch*



## ĐỢI CHỜ

Sau bữa ăn tối, cánh đàn ông vừa hút thuốc vừa tán gẫu. Họ đang nói về những vụ hưởng quyền thừa kế thật bất ngờ, những gia tài thật lạ lùng. Lúc ấy, ông Bruy-măng, mà khi thì người ta gọi là thầy chuông khế trứ danh, khi thì ngài luật sư nổi tiếng đến ngồi tựa lưng trên lò sưởi, và nói:

"Hiện nay, tôi phải đi tìm một người thừa kế gia tài đã bất tin tức trong một hoàn cảnh vô cùng khủng khiếp. Đó là một trong số những thảm kịch tự nhiên và ác nghiệt trong cuộc chung sống; một chuyện mà hàng ngày có thể xảy ra; tuy nhiên, đây lại là một chuyện kinh hoàng nhất mà tôi được biết. Câu chuyện như sau:"

Cách đây khoảng sáu tháng, tôi được mời đến nhà một người đàn bà đang hấp hối. Bà ta nói với tôi:

- Thưa ông, tôi muốn nhờ ông một việc vô cùng tế nhị, vô cùng khó khăn, và mất rất nhiều thời

gian. Xin ông hãy làm quen di chúc của tôi đi, đây, nó đang ở trên bàn. Nếu thất bại, ông sẽ được hưởng món tiền thù lao năm ngàn quan. Nhưng nếu thành công, ông sẽ được thưởng một trăm ngàn quan. Sau khi tôi chết xin ông đi tìm đứa con trai của tôi.

Bà ta nhờ tôi đỡ ngồi dậy trên giường, để nói được dễ dàng hơn, bởi vì giọng nói nấc nghẹn và thều thào của bà rít lên trong cổ họng.

Tôi đang ở trong một nhà rất giàu. Căn phòng sang trọng này, một vẻ sang trọng mà giản dị, được bọc bằng vải dày như bức tường; mịn màng đến nỗi ta có cảm giác như được mơn trớn, và cảm lặng đến nỗi tiếng chuyện trò dường như thấm vào nó, và biến mất trong đó.

Người đàn bà hấp hối nói tiếp:

- Ông là người đầu tiên mà tôi sắp kể câu chuyện ghê tởm của tôi. Tôi sẽ cố gắng lấy hết sức lực để kể đến cuối. Xin ông đừng quên chi cả, để vui lòng giúp tôi bằng mọi khả năng của ông, vì tôi biết, ông là người nhiệt thành và lịch lãm.

Xin ông hãy lắng nghe tôi.

Trước khi lấy chồng, tôi đã yêu một thanh niên nhưng gia đình tôi từ chối lời cầu hôn của chàng, vì chàng không giàu lắm. Sau đó ít lâu, tôi lấy một người giàu sụ. Tôi lấy ông ta vì dốt nát, vì lo sợ, vì vâng lời, vì chán nản, cũng giống như các cô gái khác đi lấy chồng.

Tôi có với ông ta một đứa con, một thằng con trai. Vài năm sau, chồng tôi chết.

Người mà tôi yêu trước kia, bây giờ cũng đã lập gia đình. Khi thấy tôi goá bụa, anh vô cùng đau khổ, vì mình không còn được tự do nữa. Anh đến thăm, anh khóc lóc nức nở trước mặt tôi, đến nỗi cõi lòng tôi tan nát. Lẽ ra tôi không nên tiếp anh ta. Nhưng biết sao bây giờ? Anh trở thành bạn thân của tôi. Tôi cô đơn buồn bã tuyệt vọng vô cùng! Nhưng tôi vẫn còn yêu anh ấy. Đôi khi, người ta phải đau khổ biết dường nào!

Tôi chỉ còn mình anh trên cõi đời này, vì cha mẹ tôi đều qua đời cả rồi. Anh đến với tôi thường hơn; anh thường ngồi suốt cả buổi tối bên tôi. Lẽ ra tôi không nên để anh lui tới thường xuyên như thế, bởi vì anh đã có vợ. Nhưng tôi không đủ sức ngăn cản anh ta.

Tôi biết nói gì với ông đây nhỉ?... Anh ta đã trở thành nhân tình của tôi! Chuyện ấy ra sao? Tôi có ý thức về nó không? Và người ta đã biết chứ? Ông có tin rằng sự việc có thể xảy ra khác hơn được không, khi mà hai sinh linh bị đẩy về phía nhau bằng sức mạnh không thể cưỡng lại được của một mối tình không xum họp? Thưa ông, ông có thể tin rằng người ta lúc nào cũng có thể cưỡng lại được, có thể đấu tranh, có thể chối từ những yêu cầu khẩn khoản, những giọt nước mắt, những lời nói lieo lỉnh, những hành động cầu xin, những thái độ cuồng si của người mà mình tôn thờ, mình muốn thấy sống trong hạnh phúc, người mình muốn chia sẻ tất cả những niềm vui xảy đến, và là người mà mình đã gây thất vọng, để tuân theo quan niệm về danh giá của người đời? Muốn thế, cần phải có biết bao là sức lực, là hy sinh, là chối từ hạnh phúc, và ngay cả lòng ích kỷ của tính lương thiện nữa, có phải vậy không?

Cuối cùng rồi thưa ông, tôi trở thành nhân tình của anh ta; và tôi cảm thấy có hạnh phúc. Tôi cảm thấy hạnh phúc trong mười hai năm trời. Tôi kết

bạn với vợ anh ta. Đây là một nhược điểm, và sự hèn nhát lớn nhất trong cuộc đời tôi.

Hai chúng tôi cùng nuôi nấng, dạy dỗ đứa con riêng của tôi trở thành con người chân chính, thông minh, đầy ý chí và có tư tưởng khoáng đạt. Rồi thằng bé đến tuổi mười bảy.

Ngay cả thằng bé cũng yêu... tình nhân của tôi, gần như là tôi yêu anh ta, vì nó được cả hai chúng tôi thương yêu, chiều chuộng. Nó gọi anh là "bạn quý", và vô cùng quý trọng anh, vì anh thường dạy bảo nó, làm gương cho nó về tính cương trực, liêm khiết và lòng trọng danh dự. Nó coi anh như là một người bạn thân thiết, trung thành và tận tụy của mẹ nó, như là người cha tinh thần, người đỡ đầu của nó.

Cũng có thể là nó sẽ chẳng thắc mắc điều chi, vì từ nhỏ nó đã quen thấy người đàn ông trong nhà, kề cận bên tôi, bên nó, và luôn luôn quan tâm chăm sóc đến chúng tôi.

Một hôm, cả ba chúng tôi có dịp dùng chung bữa ăn tối (đó là những ngày trọng đại nhất của tôi). Tôi chờ đợi cả hai người, và tự hỏi không biết ai là

người đến trước. Bỗng cửa mở: anh ấy bước vào. Tôi dang rộng đôi tay và ngã vào lòng anh. Và anh đặt lên đôi môi tôi một chiếc hôn hạnh phúc.

Thình lình một tiếng động, một tiếng chạm rất khẽ, một cảm giác huyền bí làm cho ta biết rằng có một người khác xuất hiện, khiến chúng tôi giật nảy người, và quay lại. Giăng, con tôi, mặt mày nhợt nhạt, đang đứng nhìn chúng tôi.

Một giây hốt hoảng tột độ trôi qua. Tôi lùi lại, giơ tay về phía con tôi, như thể một lời van xin. Từ đó, tôi không còn gặp nó nữa. Nó đã bỏ đi.

Còn lại hai chúng tôi, mặt đối mặt nhau, tâm trạng rã rời, không ai nói với ai lời nào. Tôi gieo người xuống chiếc ghế phôi toại, và tôi ao ước, một ước muốn mơ hồ và mãnh liệt là bỏ trốn, là ra đi trong đêm tối, và vĩnh viễn không trở lại. Nhưng cơn nấc nghẹn bỗng trào ra khỏi cổ họng, và tôi oà lên khóc, run run vì nghẹn ngào, cõi lòng tan nát, thần kinh tôi như bị se thắt lại bởi cảm giác về nỗi bất hạnh khôn cùng này, và bởi nỗi nhục nhã ghê tởm đang đè nặng trái tim của một người làm mẹ trong lúc này.

Anh ta... anh ta cũng hốt hoảng đứng trước mặt tôi, không dám tới gần tôi, cũng không dám gợi chuyện với tôi, không dám chạm vào người tôi, vì sợ rằng thằng nhỏ sẽ trở lại. Cuối cùng, anh nói:

"- Tôi đi tìm nó, và nói với nó... làm cho nó hiểu... Tôi sẽ gặp nó... và nó sẽ hiểu..."

Và anh đi ra.

Tôi chờ đợi... chờ đợi, lòng như điên như dại; một tiếng động nhỏ cũng làm cho tôi giật mình, nhấp nhòm vì lo sợ và những tiếng nổ lách tách trong lò sưởi cũng gây cho tôi nỗi xúc động khó tả và bạo tàn.

Tôi chờ một giờ, hai giờ. Trong lòng tôi bỗng chớm hiện một nỗi lo sợ kỳ lạ, và cơn đau vật đau đớn đến nỗi tôi sẽ chẳng hề mong muốn xảy ra cho bất cứ một ai, ngay cả những kẻ đáng tội tử hình, dù chỉ trong mười phút của khoảng thời gian ấy mà thôi. Con tôi lúc đó đang ở đâu? Nó làm gì?

Lúc nửa đêm, một người chạy hàng mang đến cho tôi một mảnh giấy của anh ấy. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn thuộc lòng nó.

"Con em đã về chưa? Tôi chưa gặp nó. Tôi đang ở dưới này..."

"Tôi không muốn lên đó vào giờ này".

Tôi lấy bút chì viết vào mảnh giấy này:

"Giăng chưa về. Anh phải tìm cho được nó!"

Và tôi ngồi trên ghế pho tôi, chờ đợi cho đến sáng.

Tôi chờ nên điên dại. Tôi muốn rú lên, muốn chạy, muốn lăn mình dưới đất. Nhưng tôi ngồi im không cử động, luôn chờ đợi. Tôi cố sức suy đoán, nhưng không làm sao biết được, mặc dù tôi đã cố gắng, đã bị dẫn dắt trong lòng.

Tôi e rằng họ không gặp nhau. Họ sẽ làm gì? Thằng nhỏ sẽ làm gì? Những hoài nghi khủng khiếp cũng như những giả thuyết đáng sợ xé nát lòng tôi.

Ông hiểu rõ chứ? thưa ông?

Chị hầu phòng của tôi, vì không hiểu chi cả, không biết gì cả và có lẽ tưởng rằng tôi điên thực sự, cứ đến thăm nom tôi không ngừng. Tôi đuổi chị đi, bằng một lời nói, hay một cử chỉ. Chị đi tìm bác sĩ. Bác sĩ nhận thấy tôi đang quần quai trong cơn khủng hoảng tinh thần.



Người ta đặt tôi nằm lên giường. Tôi bị cơn sốc thần kinh hành hạ.

Khi hồi tỉnh lại sau một thời gian dài, tôi nhận thấy... tình nhân của tôi đang ngồi một mình, cạnh giường. Tôi la lên: "Con tôi, con tôi đâu?" Anh không trả lời. Tôi lúng búng trong miệng:

"Chết... chết. Nó tự tử à?"

Anh trả lời:

"Không, không. Tôi xin cam đoan. Nhưng tôi không thể gặp được nó, mặc dù đã cố gắng nhiều."

Lúc ấy, tôi tuyên bố, lòng chột tức tối, thậm chí phần nộ nữa, bởi vì người ta thường có những cơn giận dữ vô cơ và vô lý như vậy.

Tôi cảm anh không được trở về, không được gặp lại tôi, nếu anh không tìm được nó. Anh đi đi."

Anh ta đi ra.

Kể từ đó, tôi không còn gặp lại họ nữa. Và tôi sống như vậy đã hai mươi năm nay.

Ông có tưởng tượng ra điều đó không? Ông có hiểu được nỗi đau đầy khủng khiếp này không? Một sự giằng xé chậm chạp và triền miên trong cõi lòng

người mẹ, người đàn bà, sự chờ đợi góm ghiếc, không bao giờ dứt... không bao giờ dứt.

Không... sự chờ đợi này sắp kết thúc... vì tôi sắp chết. Tôi chết mà không thấy mặt họ.

Anh ta, anh bạn tôi, từ suốt hai mươi năm nay, ngày nào cũng viết thư cho tôi. Nhưng tôi không bao giờ muốn tiếp anh ta, dù chỉ trong một giây thôi, vì đối với tôi, nếu anh ta trở lại đây thì dường như cũng chính lúc tôi lại thấy con tôi xuất hiện. Con tôi! Con tôi! Hiện giờ nó đang sống hay đã chết? Nó ẩn nấp ở đâu? Cũng có thể ở bên kia đại dương, trong một xứ xa vời nào đó mà đến tên gọi tôi cũng không biết! Nó có nghĩ đến tôi không? Ôi!... Giá mà nó biết được? Con cái sao tàn nhẫn quá! Nó có biết rằng nó đã gây ra cho tôi một nỗi đau đớn kinh hồn như thế nào không? Rằng nó đã gây cho tôi một nỗi tuyệt vọng, một cơn dằn vặt đến tận đời, trong khi tôi vẫn sống, còn đang trẻ nữa, tôi, mẹ nó, yêu nó bằng tất cả tấm lòng mẫu tử mãnh liệt? Ôi! Thật là tàn nhẫn!

Thưa ông, xin ông hãy nói với nó tất cả điều đó. Ông hãy lặp lại cho nó nghe những lời nói cuối cùng của tôi.

"Con của mẹ, con yêu quý của mẹ, con hãy bớt nghiêm khắc với những sinh linh khốn khổ. Cuộc đời đã quá đầy đủ những nhần tâm và tàn bạo! Con thân yêu của mẹ, con hãy nghĩ đến số phận của mẹ con, người mẹ đau khổ, kể từ ngày con bỏ mẹ. Con yêu quý, con hãy tha thứ cho mẹ, và thương yêu mẹ. Bây giờ mẹ đã chết, vì mẹ đã chịu một hình phạt ghê gớm nhất."

Bà thở hỗn hển, run rẩy, như thể bà đang nói chuyện với chính đứa con đang đứng trước mặt mình. Đoạn, bà nói tiếp:

- Xin ông hãy nói thêm với nó rằng tôi không hề gặp lại... anh ta.

Bà lại nín lặng, sau đó cất giọng khàn khàn:

- Bây giờ xin ông hãy để tôi nằm một mình. Tôi muốn được chết đơn độc, bởi vì họ không hề ở bên cạnh tôi.

Ông Bruy-măng nói thêm:

- Thưa các ngài, lúc ấy tôi đi ra mà khóc lóc như điên dại, đến nỗi người đánh xe của tôi phải quay lại nhìn.

Và phải nói rằng, hàng ngày, không biết bao nhiêu tấn thảm kịch như thế xảy ra chung quanh chúng ta.

Tôi vẫn chưa tìm được đứa con... đứa con ấy. Các ngài cứ nghĩ gì về nó, tùy các ngài, nhưng tôi, tôi cho rằng đó là đứa con tội lỗi.

*TRẦN THANH ÁI dịch*

## CUỘC DU LỊCH CỦA CHIẾC KHÍ CẦU HOOCLA

Sáng ngày 8 tháng bảy, tôi nhận được một bức điện nội dung như sau: "Đẹp trời. Vẫn những điều tôi dự đoán trước. Biên giới Bỉ. Dụng cụ và nhân viên khởi hành vào 12 giờ trưa, ở trụ sở hội. Khởi sự hồi 3 giờ. Vậy tôi đợi anh ở nhà máy từ năm giờ. *Jovix.*"

Đúng năm giờ, tôi bước vào nhà máy sản xuất hơi Vilet. Tưởng như đây là những di tích khổng lồ của một thành phố những thần khổng lồ một mất. Những đường phố rộng lớn tối om chạy giữa những máy chế hơi nặng nề, sắp hàng cái nọ sau cái kia, coi tựa những hàng cột quái dị, cụt đầu, cao thấp không đều nhau và chắc chắn ngày xưa đã làm trụ chống đỡ một toà nhà bằng sắt kính khủng nào đó.

Trong sân, chỗ cửa ra vào nhà máy, quả khí cầu nằm bẹp gí dưới đất như một chiếc bánh đa lớn bằng vải vàng, một mạng lưới phủ trên. Người ta gọi thể là bủa lưới, mà quả vậy, nom quả khí cầu lúc ấy

chẳng khác gì một con cá không lơ mắc lưới và đã chết.

Hai ba trăm người nhìn nó, kẻ ngồi người đứng, hoặc xem xét cái giỏ treo, một cái thúng hình vuông xinh xắn, một cái thúng dùng đựng thịt người, bên sườn cho đeo một tấm gỗ đào hoa tâm, trên viết mấy chữ thép vàng: *Hoocla*.

Thốt nhiên, người ta đổ xô lại, lúc này hơi đã bắt đầu được bơm vào quả cầu qua một ống dài bằng vải vàng đặt bò trên mặt đất. Chiếc ống vải phình lên, phập phồng như một con sâu to quá khổ. Nhưng một ý nghĩ khác, một hình ảnh khác đập vào mắt và đầu óc mọi người. Chính thiên nhiên nuôi dưỡng các sinh vật cho đến lúc chúng sinh nở cũng như vậy. Con vật lát nữa đây sẽ bay, lúc này bắt đầu ngóc dậy; những người giúp việc đại úy Jôvix, cứ quả khí cầu *Hoocla* phồng lớn thêm được chừng nào, lại trải chiếc lưới phủ trên quả cầu rộng ra chừng nấy, sao cho sức ép được đều và phân bố đều khắp mặt quả cầu.

Việc làm này rất khó khăn và rất quan trọng; vì sức bền của thứ vải bông rất mỏng dùng để chế tạo quả cầu được tính theo bề mặt tiếp xúc giữa vỏ bằng

vải ấy với tấm lưới có mắt rất mau, tấm lưới này sẽ đeo cái giỏ treo.

Mẫu quả khí cầu *Hoocla* do ông Malê vẽ, lại chính tay ông ta chế tạo và trông coi việc chế tạo. Tất cả mọi công việc đều làm ở xưởng máy ông Jôvix, do hội viên hoạt động của hội đảm nhiệm, không một tí gì đưa làm ở ngoài.

Xin nói thêm là trong quả khí cầu này cái gì cũng mới: từ chất sơn phết ngoài cho đến cái nắp hơi, hai bộ phận chủ yếu của ngành điều khiển khí cầu; chất sơn phải giữ cho vải không để khí than lọt thấm qua được, khác nào mạn sườn tàu thủy không được để ngấm nước. Loại sơn phết cũ chế tạo từ dầu gai, có hai điều bất tiện là nó sẽ lên men và đốt cháy vải khiến cho lượt vải bọc chỉ ít lâu sau sẽ bỏ, dễ rách như giấy.

Nhưng nắp hơi có cái nguy hiểm ở chỗ nó sẽ không khép lại được kín hoàn toàn khi đã mở nó ra, lớp sơn phết ngoài thường gọi là vỏ sơn, bị vỡ nát. Tuần trước, ông Lôxtơ bị rơi xuống giữa biển, giữa ban đêm, điều ấy chứng tỏ cách chế tạo cũ không hoàn hảo.

Có thể nói hai phát kiến của đại úy Jôvix, nhất là vấn đề chất sơn, có một giá trị cực kỳ to lớn đối với ngành khí cầu.

Trong đám đông, người ta bàn tán về vấn đề đó và có những người, ngó bộ là những tay chuyên gia, nhất quyết khẳng định rằng thế nào bọn chúng tôi cũng sẽ rơi trước khi vượt khỏi tường thành. Người ta còn chê trách nhiều cái khác trong quả khí cầu loại mới này mà chúng tôi sắp cho bay thí nghiệm với xiết bao may mắn và thành công.

Quả khí cầu cứ từ từ phồng to dần lên mãi. Có một vài lỗ rách nhỏ, gây ra trong lúc vận chuyển. Theo lệ thường, người ta lấy ít mảnh giấy báo, thấm nước rồi đắp lên chỗ vải rách. Cách vá vúi này khiến mọi người đứng xem lo ngại và xúc động.

Trong lúc đại úy Jôvix và đám nhân viên của ông bận hoàn thành nốt những chi tiết cuối cùng, hành khách chúng tôi ra ăn tại căng-tin của nhà máy theo tục lệ sẵn có.

Lúc chúng tôi trở ra thì quả khí cầu đang lắc lư, nom nó mới to và trong suốt làm sao, chẳng khác nào một trái quả khổng lồ bằng vàng, một quả lê



quái dị vẫn còn được những tia nắng cuối cùng phủ lửa lên, râm chín.

Giờ đây, người ta buộc chiếc giỏ treo vào, đem những phong vũ biểu đến, một cái còi để chúng tôi rúc lên trong đêm tối, có cả hai cái tù và, một ít thức ăn, mấy chiếc áo khoác, tất cả những dụng cụ nhỏ nhỏ mà cái giỏ bay nọ có thể chứa được cùng với đám hành khách.

Gió thổi qua cầu về phía những chiếc máy chế hơi; mấy lần người ta phải kéo nó lại để tránh xảy ra tai nạn lúc xuất phát.

Thốt nhiên, đại úy Jôvix gọi các hành khách lại.

Trước nhất, trung úy Malê trèo lên cái lưới trời mắc giữa quả cầu và cái giỏ treo; ông sẽ thúc suốt đêm ở đó để giám sát đường bay của quả cầu *Hoocla* trên không, như một sĩ quan đứng gác trên cầu chỉ huy chiếc tàu thủy, coi cho tàu chạy.

Sau, đến ông Êchiên Bia, rồi ông Pôn Betxăng, ông Patrix Ayriex, rồi tôi.

Nhưng chở nặng thế thì quả khí cầu không thể đi được trót lọt quãng đường dài chúng tôi dự tính. Vì thế, ông Ayriex phải ở lại, trong lòng rất tiếc.

Ông Jôvix đứng trên mạn giỏ treo, với những lời nói rất lịch sự, yêu cầu các bà các cô đứng ra xa một chút kẻo lúc quả cầu bay lên, trên ném cát xuống, cát sẽ rơi vào mũ của họ; rồi ông ra lệnh: "Buông cả ra!", tay cầm dao, ông cắt một nhát đứt phăng những dây buộc đeo, xung quanh chúng tôi, khỏi cát phụ giữ quả cầu ở dưới đất, quả cầu tự do bay lên.

Thoáng một giây, chúng tôi đã bốc lên cao, không cảm thấy gì hết, chúng tôi trôi bồng bênh, vút lên, bay liệng. Bận bề chúng tôi ở dưới la hét hoan hô, chúng tôi hầu như không nghe thấy tiếng họ nữa; chúng tôi chỉ nhìn thấy họ rất lơ mờ. Chúng tôi đã bay quá xa! quá cao! Sao! chúng tôi vừa từ giã những người ở dưới kia ư? Có thể thế được chăng? Dưới chân chúng tôi, thủ đô Pari trải ra như một mảng tối sẫm, xanh xanh, có đường phố ngang dọc chi chít, và từ đấy, từng chỗ từng chỗ vút lên những vòm mái tròn, những lầu cao, những tháp nhọn, rồi bốn xung quanh là cánh đồng bằng, mặt đất với những con đường dài dặc, mỏng manh và trắng xoá cắt ngang dọc, giữa những cánh đồng xanh, một màu

xanh lục tươi hoặc sẫm, cùng những cánh rừng hầu như đen sì.

Dòng sông Xen như con rắn lớn nằm cuộn khúc, im lìm, không thấy đầu thấy đuôi; con sông từ đằng xa chảy đến, rồi chảy qua thủ đô Pari, chảy về phía xa kia, và cả một vùng coi như một cái lòng chảo mông mênh đồng cỏ, rừng cây và xa xa, một ngọn núi thấp hình cánh cung khép kín chân trời.

Mặt trời, mà giờ đây ở dưới đất không còn trông thấy, lại hiện ra trước mắt chúng tôi như thể nó lại mọc lại một lần nữa, và chính quả cầu của chúng tôi cũng rực sáng trong ánh nắng chói lọi; người từ dưới đất nhìn lên hẳn thấy nó như một vì sao. Ông Malê chốc chốc lại thả vào không trung một tờ giấy cuộn thuốc lá và bình tĩnh nói: "Chúng ta đang bay lên, vẫn cứ đang bay lên.", còn đại úy Jôvix, nét mặt hớn hở, xoa xoa tay, nhắc đi nhắc lại: "Thế nào? cái chất sơn ấy khá chứ? thế nào? cái chất sơn ấy?"

Thực thế, để biết rõ quả cầu bay lên hoặc tụt xuống, người ta chỉ có cách chốc chốc lại ném ra ngoài một tờ giấy cuộn thuốc lá. Tờ giấy thực ra lơ lửng một chỗ trong không khí, nhưng nếu thấy như nó rơi xuống vùn vụt tựa một hòn đá, tức là quả

cầu bay lên; nếu trái lại thấy nó như bay lên trời là quả cầu đang tụt xuống. Hai chiếc phong vũ biểu chỉ độ cao khoảng năm trăm thước. Chúng tôi lòng đầy phấn khởi thán phục, đứng ngấm nhìn cái mảnh đất chúng tôi vừa rời khỏi; lúc này, chúng tôi không còn gì ràng buộc với nó nữa và nom nó như một tấm địa đồ tô màu, hoặc một bản đồ quá khổ của một tỉnh. Tuy vậy, tất cả những tiếng ồn ào từ dưới đưa lên, chúng tôi nghe rõ mồn một, rõ một cách kỳ lạ. Nhất là tiếng bánh xe lăn trên đường, tiếng roi quất, tiếng giục giã "đi! đi" của bác đánh xe bò, tiếng xe lửa lăn bánh và kéo còi, tiếng cười của bầy trẻ đang chạy chơi đùa trên các bãi rộng. Mỗi lần bay qua một xóm làng, lại nghe thấy hết sức rõ tiếng trẻ em hò reo, át tất cả các tiếng khác và bay lên trời.

Có tiếng người gọi chúng tôi; tiếng đầu máy xe lửa kéo còi, chúng tôi đáp lại bằng còi hơi, tiếng còi rên rì than vãn, nho nhỏ dễ sợ, đúng là tiếng một con vật quái dị lang thang đi vòng quanh thế giới.

Đây đó, có ánh sáng hiện lên, đó là những đám lửa cô đơn trong các ấp trại, những chùm đèn hơi trong các thành phố. Sau một hồi lâu bay lữ lữ bên trên hồ Ănghiêng bé nhỏ, chúng tôi bay về hướng

tây bắc. Một con sông hiện ra: con sông Oazơ. Chúng tôi liền bàn cãi xem lúc này đang ở đâu. Cái thành phố lấp lánh xa xa kia phải chăng là Kray hay Pôngtoazơ? Nếu đây là Pôngtoazơ thì hình như phải trông thấy chỗ con sông Xen gặp con sông Oazơ; và cái đám lửa kia, cái đám lửa khổng lồ ở phía tay trái, phải chăng đấy là lò cao Môngtate?

Thực ra, chúng tôi đang ở trên thành phố Kray. Cảnh tượng thực kỳ lạ; dưới đất đã là đêm tối, thế mà trên đây, lúc này đã quá mười giờ, chúng tôi vẫn còn trong ánh sáng. Lúc này chúng tôi nghe thấy những tiếng nho nhỏ ngoài cánh đồng, nhất là tiếng kêu nhịp đôi của những con cun cút, rồi tiếng mèo kêu, tiếng chó sủa. Hẳn lũ chó đã đánh hơi nhìn thấy quả khí cầu, và sủa lên báo động. Chúng tôi nghe thấy tiếng chúng vang khắp cánh đồng, sủa chúng tôi và rên rĩ như khi thấy mặt trăng. Mấy con bò cũng như thức dậy trong chuồng, vì có tiếng chúng rống; tất cả các con vật sợ hãi, hoảng hốt khi thấy con quái vật bay qua bầu trời.

Và có mùi hương từ dưới đất bay lên chỗ chúng tôi, thơm ngát mùi rơm rạ, hoa lá, mùi đất xanh và ẩm ướt, khiến không khí cũng thoảng mùi thơm,

một làn không khí nhẹ lâng lâng, êm dịu quá, ngọt ngào quá, mà suốt đời tôi chưa bao giờ được hít thở sung sướng đến như vậy. Một niềm sướng khoái sâu xa, lạ lùng tràn ngập con người tôi, một niềm sướng khoái về cơ thể và tinh thần, tạo nên bởi cái cảm giác ung dung, nghỉ ngơi triệt để bởi lãng quên, thờ ơ với tất cả, bởi cái cảm giác mới mẻ khi bay trong không gian mà không hề cảm thấy những cái khiến cho sự chuyển động trở nên khó chịu, bay không tiếng động, không lúc lắc rung chuyển.

Lúc thì chúng tôi bay lên, lúc lại tụt xuống. Cứ mỗi phút, trung úy Malê, lưng lẳng trong cái lưới mạng nhện của ông, lại bảo đại úy Jôvix: "Chúng ta đang tụt xuống anh ném thêm nửa nắm nữa." Thế là viên đại úy đang nói nói cười cười với chúng tôi, túi cát kẹp giữa hai đầu gối, lại vốc một ít cát trong túi ném ra ngoài.

Không gì khó lắm nhưng lại vui và lôi cuốn bằng việc lái khí cầu. Nó là một thứ đồ chơi khổng lồ của trẻ em, phóng túng và dễ bảo, vâng lời một cách nhậy bén lạ lùng, nhưng trước hết, nó cũng lệ thuộc vào gió mà chúng ta không điều khiển được.

Một nhúm cát, nửa tờ báo, vài giọt nước, mấy cái xương gà vừa ăn xong vứt ra ngoài cũng khiến cho quả khí cầu đột nhiên bay vọt lên.

Khi chúng tôi bay qua một dòng sông hay một khu rừng, hơi từ dưới thổi lên ẩm và lạnh khiến quả khí cầu tụt xuống đến hai trăm thước. Khi bay trên cánh đồng lúa mì chín, quả cầu giữ nguyên độ cao, lúc qua thành phố nó lại bỗng lên.

Giờ đây, đất đang ngủ, hoặc nói cho đúng hơn, người dưới đất đang ngủ, vì chúng tôi tới đâu là bao giờ cũng có những con vật thức giấc báo hiệu. Thỉnh thoảng, tiếng một đoàn xe lửa lăn bánh, hoặc tiếng đầu máy kéo còi vọng đến tai chúng tôi. Bay qua những vùng có người ở chúng tôi rúc còi hơi khiến những người nông dân hoảng hốt trên giường ngủ, hẳn vừa run run vừa nghĩ bụng, phải chăng đây là thần phán quyết cuối cùng bay qua.

Nhưng một mùi khí khó chịu và liên tục sục vào mũi chúng tôi: hẳn chúng tôi vừa gặp một luồng khí nóng, khí cầu phồng lên để lọt mất ít máu không màu của nó qua ống thoát hơi, thường gọi là đoạn ruột thừa, ống này hễ khí bên trong thổi không giãn nở nữa là tự động khép lại.

Chúng tôi bay lên mãi. Đất dưới kia không dội lại tiếng tù và; chúng tôi đã lên cao quá sáu trăm thước. Trời tối, không nhìn được các máy đo lường, chỉ biết là giấy cuộn thuốc lá rơi xuống bên dưới như những con bướm chết; chúng tôi đang bay lên, bay lên mãi. Lúc này không còn nhìn thấy rõ đất bên dưới nữa; xen vào giữa đã có những đám sương mù nhẹ và trên đầu chúng tôi, lấp lánh hàng hà sa số các vì sao.

Nhưng, kia, trước mặt chúng tôi một ánh sáng mờ mờ, một ánh sáng bạc mờ mờ khiến cho nền trời nhợt nhạt đi và, thốt nhiên, mặt trăng hiện ra bên rìa một đám mây, như thể từ những vực thẳm xa lạ của chân trời dưới kia bay lên. Mặt trăng như từ dưới thấp leo lên, còn chúng tôi đứng từ trên rất cao nhìn nó, khuỷu tay tựa vào bờ giỏ treo, như những khán giả tựa bao lơn. Từ trong những đám mây vây xung quanh, mặt trăng nhô ra, sáng như gương, tròn xoe, và từ từ leo cao lên nền trời.

Không còn thấy đất đâu nữa, mặt đất dưới kia đã chìm sâu trong đám biển hơi nước nhờ nhờ như sữa. Vậy là giờ đây chỉ còn có chúng tôi với mặt trăng ở giữa khoảng không gian bao la, và mặt trăng



bồng bênh trước mặt chúng tôi nom như một quả bóng; còn quả khí cầu sáng loáng thì trông như một mặt trăng lớn hơn mặt trăng thực, hay một thế giới lang thang giữa bầu trời, giữa các vì sao, trong cái khoảng mông mênh vô hạn. Chúng tôi không ai nói gì, không nghĩ ngợi gì nữa, chúng tôi không còn sống nữa; chúng tôi ì ra, bất động, một cách khoan khoái mà vượt ra không gian. Không khí đang mang chúng tôi đã biến chúng tôi thành những sinh vật giống nó, những sinh vật cảm lạnh, sung sướng và điên dại, say sưa bởi chuyến bay kỳ diệu này, linh hoạt lạ lùng, mặc dầu vẫn ngồi im không động đậy. Chúng tôi không còn cảm thấy thịt da, không cảm thấy xương cốt của mình đâu nữa, không còn cảm thấy tim mình đập, chúng tôi đã trở thành một cái gì khó tả, thành những con chim chẳng cần phải vỗ cánh mà vẫn bay.

Trong đầu óc chúng tôi không còn một chút hồi ức nào hết, mọi lo âu đã rời khỏi ý nghĩ chúng tôi, chúng tôi không còn tiếc gì, dự tính gì, hy vọng gì. Chúng tôi nhìn, chúng tôi suy nghĩ, chúng tôi tận hưởng hết cái thú vị của chuyến du lịch kỳ lạ này; chỉ có mặt trăng và chúng tôi trên bầu trời! Chúng

tôi là một thế giới lang thang, một thế giới đang đi, cũng như các hành tinh chị em của chúng tôi vậy; và cái thế giới nhỏ bé đang đi đó mang năm người đã rời bỏ trái đất và hầu như đã quên hẳn nó. Chỗ chúng tôi lúc này sáng rõ như giữa ban ngày; chúng tôi nhìn nhau ngạc nhiên về cái ánh sáng chói lọi ấy, vì chúng tôi chỉ còn có chúng tôi và mấy đám mây bạc đang lênh bênh trôi bên dưới kia để nhìn mà thôi. Phong vũ biểu chỉ độ cao một nghìn hai trăm thước, rồi ngàn ba, rồi ngàn tư, ngàn rưỡi; những tờ giấy cuộn thuốc lá cứ tung ra là rơi xuống xung quanh chúng tôi.

Đại úy Jôvix cho biết là mặt trăng vẫn thường làm cho những quả khí cầu bốc lên như vậy và cuộc hành trình còn tiếp tục bay lên cao nữa.

Giờ đây, chúng tôi ở trên cao hai nghìn thước, chúng tôi còn lên tới hai nghìn ba trăm năm mươi thước; cuối cùng, quả khí cầu dừng lại.

Chúng tôi rúc còi, và ngạc nhiên thấy từ phía các vì sao không có tiếng đáp lại.

Lúc này, chúng tôi tụt xuống nhanh không ngờ. Ông Malê luôn miệng kêu:

"Ném cát, ném cát xuống!" Và những thức chúng tôi ném vôi, cả cát lẫn đá, vào khoảng không, hất trở lại mặt chúng tôi, như thể những thức đó bị ném từ dưới đất lên các vì sao, đang vun vút bắn lên, chúng tôi tụt xuống nhanh quá.

Và đây kia mặt đất!

Chúng tôi đang ở đâu? Chuyến bay vọt lên không này đã lâu tới hai tiếng đồng hồ. Lúc này đã quá nửa đêm và chúng tôi đang bay qua một vùng rộng khô ráo, cây cối trông trọt đẹp đẽ, có nhiều đường sá, rất đông dân cư.

Đây là một thành phố, rồi lại một thành phố lớn ở phía bên phải, một thành phố khác bên trái, phía xa. Nhưng thốt nhiên, dưới mặt đất, một vùng ánh sáng chói lọi, huyền ảo, lóe lên, tắt đi, rồi lại hiện ra, tắt đi lần nữa. Jovix đang say sưa với không gian bao la, kêu lên: "Kìa, nhìn kìa, hãy nhìn hiện tượng ánh trăng trên mặt nước. Ban đêm không còn có gì đẹp hơn thế."

Thực vậy, không gì có thể khiến ta hình dung ra được những cái như vậy, không gì có thể cho ta ý niệm về cái ánh sáng kỳ diệu của những vùng sáng chói ấy, không phải là lửa mà cũng không giống như

những ánh phản quang, đột nhiên loé lên ở đây đó rồi lại tắt đi liền.

Trên các dòng suối quanh co, những đám sáng rực rỡ ấy hiện ra mỗi khi dòng nước uốn khúc, nhưng vì quả cầu bay nhanh như gió, nên đứng ở trên chỉ thoáng nhìn thấy mà thôi.

Giờ đây, chúng tôi đang bay khá gần mặt đất, ông bạn Bia kêu lên: "Nhìn kìa! có cái gì đang chạy vun vút xa xa kia trên cánh đồng? Con chó chăng?" Quả vậy, có một cái gì đang chạy lướt trên mặt đất, cực kỳ nhanh, và vật đó như vượt qua hồ, qua đường, qua cây cối, dễ dàng quá, khiến chúng tôi không ai hiểu ra sao. Đại úy Jôvix cười, nói: "Cái bóng quả khí cầu của chúng ta đấy. Chúng ta xuống gần mặt đất chừng nào thì nó lớn lên chừng ấy. "

Tôi nghe rõ có tiếng bễ lò rèn rất to ở xa xa, và vì suốt đêm chúng tôi không ngừng hướng đường bay về phía sau bắc cực mà tôi vẫn thường ngắm nhìn để tìm phương trên chiếc thuyền buồm nhỏ của tôi ở Địa-trung-hải, chắc chắn là chúng tôi đang bay về phía nước Bỉ.

Chiếc còi và hai chiếc tù và của chúng tôi rúc liên tục. Có vài tiếng hét to đáp lại, tiếng hét của

bác đánh xe bò đang đi dừng lại, tiếng hét của một anh say rượu ngất ngưỡng về khuya. Chúng tôi hét to hỏi: "Đây là đâu?" Nhưng quả cầu bay nhanh quá khiến người ta hoảng sợ không kịp trả lời. Cái bóng đã to ra của quả cầu *Hoocla*, to bằng quả bóng của trẻ con, đang chạy trốn trước mặt chúng tôi, trên cánh đồng, trên những nẻo đường, trên cánh đồng lúa mì và trên những khu rừng nhỏ. Nó vun vút chạy trước chúng tôi đến nửa cây số; và lúc này, cúi đầu ra ngoài giỏ treo, tôi lắng nghe tiếng gió ào ào thổi trong cây cối, trên cánh đồng lúa.

Tôi bảo đại úy Jôvix: "Chà, gió mạnh quá!"

Ông ta trả lời: "Không, hẳn đây là tiếng thác nước đổ." Tin chắc mình nghe đúng đây là tiếng gió thổi vì tôi vẫn thường nghe tiếng gió thổi vào đám dây dợ trên thuyền, nên tôi cãi lại. Jôvix liền lấy khuỷu tay hích ngấm tôi; ông ta sợ nói ra, hành khách của ông đang vui vẻ bình tĩnh sẽ hoảng sợ vì ông ta biết rõ là có một cơn dông đang đuổi theo chúng tôi. Cuối cùng, một người hiểu ý chúng tôi, đáp lại: "Hướng Bắc."

Một người khác cũng nói vậy.

Và, thốt nhiên, đứng ngay trước mặt chúng tôi hiện ra một thành phố rất to, cứ xem bề rộng lớp khí than bốc lên cũng đủ hiểu. Có lẽ là thành phố Linlơ. Lúc chúng tôi bay lại gần, bên dưới thỉnh thoảng hiện ra một đám lửa phun lên như phun thạch, khiến tôi tưởng mình bay đến một xứ hoang đường trong thần thoại, nơi sản xuất ra châu ngọc cho những người khổng lồ.

Hình như đây là một lò gạch. Và kia, hai ba lò khác. Những chất bị nấu chảy đang sùng sục sôi, lấp lánh, toé ra những ánh xanh lam, đỏ, vàng, xanh lá mạ, những màu sắc long lánh của những hạt kim cương quái dị, của những viên hồng ngọc, bích ngọc, lam ngọc, những viên ngọc xanh, ngọc vàng.

Và gần ngay đây, những cái bể lò to lớn, thở phì phò chẳng khác gì tiếng gầm thét của con sư tử trong thần thoại; những ống khói cao toả vào gió những luồng lửa dài, và người ta nghe có tiếng kim loại lăn ầm ầm, tiếng kim loại kêu vang vang của những cái búa khổng lồ giáng xuống.

"Chúng ta đang ở đâu vậy?"

Một người chẳng hiểu đùa hay quá sợ, đáp lại:

"Trong quả khí cầu.

- Chúng ta đang ở đâu đây?

- Linlơ."

Quả chúng tôi đã không lầm. Không thấy thành phố nữa và đây kia, Rubêx bên phải, rồi những cánh đồng trông tươi tốt, đều đặn, màu sắc khác nhau, tùy theo loại cây trồng và trong đêm tối, tất cả hình như đều một màu vàng, xám hoặc nâu. Nhưng mây đen đặc phía sau chúng tôi, che lấp cả mặt trăng, trong lúc ấy, về phía đông, nền trời đang rạng ra, ngả sang màu lam nhạt với những ánh đỏ. Bình minh. Ánh bình minh toả rộng rất nhanh; giờ đây, chúng tôi đã nhìn thấy rõ cả từng chi tiết nhỏ trên mặt đất, những đoàn xe lửa, những dòng suối, đàn bò cái, đàn dê. Và tất cả những cái đó vụt qua bên dưới chúng tôi nhanh vô cùng; không kịp nhìn, vừa ngó thấy, những cánh đồng cỏ khác, những đồng ruộng khác, những đám nhà khác đã biến mất. Gà cất tiếng gáy, nhưng tiếng vịt át tất cả, tiếng kêu âm ỉ, tưởng chừng trái đất đông đặc toàn những vịt là vịt.

Có những người nông dân dậy sớm vẫy tay, hét lên về phía chúng tôi: "Để cho rơi xuống đi." Nhưng

chúng tôi cứ bay mãi, bay mãi, không bay lên mà cũng không tụt xuống, tất cả đều tựa mình vào thành giỏ treo, cúi xuống, nhìn vũ trụ đang diễn ra bên dưới.

Jôvix cho biết tên một thành phố khác, rất xa. Thành phố đó bay lại gần, những gác chuông cổ kính cao vút vượt lên tất cả, nhìn từ trên cao xuống, cảnh rất ngoạn mục. Chúng tôi bàn cãi. Phải chăng đây là Cuôtre? Hay Găng?

Chúng tôi đã tới gần sát và thấy xung quanh thành phố toàn nước, sông đào chạy ngang dọc chi chít. Chẳng khác gì một thành phố Vonidơ miền Bắc. Đúng lúc chúng tôi bay qua gác chuông, bay sát qua, khiến sợi dây neo, một sợi dây dài treo lủng lẳng bên dưới giỏ treo suýt nữa chạm vào nóc gác chuông, thì tiếng chuông xứ Flăngđơ bắt đầu vang lên, điểm ba giờ. Tiếng chuông nhẹ nhàng mau lẹ, êm ái và trong vắt như đón chào chúng tôi, vút ra từ cái mái đá mỏng manh nọ mà chúng tôi đã bay lướt qua đi. Một lời chào đậm đà, một tiếng chào thân thiết của xứ Flăngđơ gửi tới chúng tôi. Chúng tôi kéo còi đáp lại, tiếng còi kinh khủng vang lên khắp các phố.



Đây là Bruygiơ; nhưng thành phố vừa khuất khỏi tầm mắt thì ông bạn Pôn Betxang ngồi bên hỏi tôi: "Anh có thấy gì phía trước mặt bên phải không? Hình như một con sông thì phải".

Quả thực trước mắt chúng tôi một đường sáng trải rộng ra xa dưới ánh bình minh. Đúng, coi có vẻ một con sông, một con sông rộng mông mênh, giữa dòng có những hòn đảo.

"Chuân bị xuống!" đại úy Jôvix ra lệnh. Ông gọi ông Malê, từ trước đến giờ vẫn ở trên lưới trời, bảo leo xuống giỏ treo; sau đó, mọi người thu dọn lại những phong vũ biểu cùng tất cả những vật cứng có thể đâm vào người và gây thương tật, khi quả cầu xô giạt.

Ông Betxăng kêu lên: "Ôi kìa, những cột buồm ở phía trái. Chúng ta tới biển rồi."

Từ trước đến giờ sương mù che lấp mắt biển. Lúc này, bên trái và trước mặt, đâu cũng là biển, còn bên phải là con sông Etxcô chảy vào sông Môđơ, cửa sông mở rộng ra tận biển, rộng hơn cả một cái hồ.

Phải hạ xuống trong một hai phút.

Dây kéo nắp hơi từ trước vẫn kính cẩn cất kín trong một cái túi vải trắng và đặt ở một chỗ ai cũng

trông thấy để không ai được mó tới, lúc này được tháo ra, ông Malé cầm lấy nó, còn đại úy Jôvix tìm một chỗ thuận tiện ở đằng xa.

Sau lưng chúng tôi, sấm âm âm. Không một con chim nào bay theo cuộc bay điên cuồng của chúng tôi.

"Kéo!" Jôvix hét lên.

Chúng tôi bay qua một con sông đào. Chiếc giỏ treo rừng rùng hai lần và chúc nghiêng xuống. Chiếc dây neo đã chạm vào đám cây to hai bên bờ.

Nhưng tốc độ bay của quả cầu vẫn còn mạnh khiến chiếc dây dài, giờ đây kéo lê như không hãm nó chậm lại được, và chúng tôi lao như một viên đạn vào một khu trang trại rộng lớn; gà, vịt, chim bồ câu hoảng sợ bay lên tung toé; bê, mèo, chó, hốt hoảng chạy về phía ngôi nhà.

Chúng tôi còn vừa đúng một nửa túi cát. Jôvix vút xuống, chiếc *Hoocla* nhẹ nhàng bay vọt qua nóc nhà.

"Nấp hơi!" - đại úy Jôvix lại hét lên một lần nữa.

Ông Malé đánh đu vào sợi dây thừng, và chúng tôi tụt xuống nhanh như tên bắn.

Soẹt, một nhát dao, sợi dây neo bị cắt đứt, chúng tôi kéo lê cái neo trong một cánh đồng củ cải rất rộng.

Kia những lùm cây to.

"Chú ý! Bám chặt lấy! Liệu hồn cái đầu!"

Chúng tôi vẫn còn bay ở trên; sau đó, một cái sóc mạnh làm chúng tôi xô vào nhau. Neo đã cắm được.

"Chú ý! Đứng cho vững! Lấy sức cổ tay mà chống người lên. Chúng ta sắp chạm đất rồi."

Quả nhiên giỏ treo chạm đất. Rồi nó lại bay lên. Lại rơi xuống, nảy tung lên, và cuối cùng, đổ xuống đất, trong lúc ấy quả cầu vật vã điên cuồng, vùng vằng như kẻ hấp hối.

Một đám nông dân chạy tới, nhưng không dám lại gần. Mãi lâu sau, họ mới dám quả quyết bước lại chỗ chúng tôi, vì quả cầu chưa xả thật hết hơi thì chúng tôi không sao đặt chân xuống đất được.

Sau đó, cùng với đám người lúc này hoảng sợ, có người ngạc nhiên nhảy lên, hoa chân hoa tay, như hoá dại, tất cả đám bò đang gặm cỏ trên cò, đều kéo lại chỗ chúng tôi, vây quanh quả cầu làm thành

một vòng tròn lạ lùng và tức cười, toàn những sừng, những con mắt trô trố và lỗ mũi phì phò.

Nhờ được những người nông dân Bì nhà nhận và hiếu khách giúp đỡ, trong chốc lát, chúng tôi đã có thể gói ghém tất cả dụng cụ vật liệu lại, mang ra ga Hayxt, đáp chuyến xe lửa tám giờ hai mươi phút về Pari.

Chúng tôi đỗ xuống hồi ba giờ mười lăm phút sáng, chỉ sớm được có vài giây đồng hồ trước trận mưa như trút nước và chớp giật loé mắt của cơn dông đuổi theo chúng tôi từ nãy.

Vậy là đại úy Jôvix mà ông Pôn Jinixti, bạn đồng nghiệp của tôi đã kể cho chúng tôi nghe từ lâu về lòng dũng cảm của ông ta, vì hai người đã cùng nhau cố ý rơi xuống giữa biển phía trước thị trấn Măngtông, nên chúng tôi đã có thể trong một đêm, đứng tận trên cao tít tít từng không, nhìn thấy mặt trời lặn, nhìn thấy trăng lên ánh ban mai trở lại và được bay từ Pari đến cửa sông Etxcô.

NGUYỄN VĂN SỸ dịch

## KÊ LANG THANG

Bốn mươi ngày nay, anh đi khắp nơi tìm việc. Anh đã rời bỏ Vilơ Avaray ở vùng Măngơ, quê hương anh vì nơi đó thiếu việc. Anh là thợ làm nhà, hai mươi bảy tuổi, người lương thiện, ham làm, anh là con cả nhưng đã phải ăn bám gia đình mất hai tháng vì trong tình cảnh thất nghiệp chung, anh chỉ còn khoanh đôi cánh tay lực lưỡng lại mà chịu thúc thủ. Trong nhà, bánh mì mỗi ngày một hiếm; hai cô em đi làm công nhật nhưng kiếm chả được là bao! còn anh, Jắc Răngđen khoẻ mạnh nhất thì lại chẳng làm gì vì chẳng có gì mà làm và phải sống nhờ người khác.

Anh đến hỏi ở toà Thị chính, người thư ký cho anh biết là có thể tìm được việc làm ở miền Trung.

Anh liền ra đi, mang theo đầy đủ giấy tờ với bảy quan trong túi, trên vai vác cái gậy, đầu buộc chiếc khăn tay màu xanh trong đó gói ghém đôi giày thay đổi, cái quần cộc và chiếc sơ-mi.

Và anh đã đi miết không nghỉ, đi suốt ngày đêm rờn rã, trên những con người dài vô tận, dưới nắng

mưa, mà chẳng bao giờ tới được cái xứ huyền diệu đâu đâu thợ thuyền cũng đều có công ăn việc làm ấy.

Thoạt tiên anh cứ khư khư giữ ý nghĩ là chỉ hành nghề của mình vì anh là thợ làm nhà. Nhưng tới công trường xây dựng nào cũng thế, người ta đều trả lời anh là vừa phải cho thợ nghỉ việc vì không có người đặt hàng, thế là anh quyết định làm bất cứ việc gì tìm được trên đường vì túi anh đã cạn.

Như vậy, anh đã lần lượt làm thợ đấu, phu ngựa, xẻ đá; anh đã bở củi, tĩa cành, đào một cái giếng, trộn vữa, bó củi, chăn dê trên một ngọn núi, làm tất cả các công việc đó để kiếm lấy vài xu vì có chịu lấy công rẻ mạt, vừa cái lòng keo kiệt của bọn chủ hay của người nông dân, anh mới có được việc làm đôi ba ngày.

Giờ đây, từ một tuần nay, anh chẳng kiếm được việc gì, anh chẳng còn gì nữa, anh đi xin ăn ở ngưỡng cửa các nhà trên dọc đường đi, anh sống nhờ vào mẩu bánh của những người đàn bà phúc đức bố thí cho anh.

Tối đến, Jắc Răngđen, mệt lử, chân tay rời rã, bụng rỗng, lòng chán nản, lê chân đất trên cỏ bên

bờ đường - anh dè dặt không dám sử dụng đôi giày cuối cùng của anh, đôi kia đã hỏng từ lâu. Hôm đó là một ngày thứ bảy vào cuối thu. Những đám mây xám cuộn cuộn trên bầu trời, nặng trĩu trôi nhanh theo những cơn gió rít trong lùm cây. Người ta cảm thấy cơn mưa sắp đổ xuống. Vào lúc chạng vạng tối của đêm trước ngày chủ nhật, vùng thôn quê thật vắng vẻ. Từng chỗ một, trên cánh đồng, sừng sững những đồng rơm đã sạch thóc trông tựa những nấm vàng, to lớn, kỳ dị; và mặt đất đã được gieo hạt cho năm sau, có vẻ như trơ trụi.

Rãng đen đôi bụng, một cơn đói của thú vật, một cơn đói buộc bày sới phải nhảy xổ ra cắn người. Anh mệt lử, bước thật dài để bớt bước đi, và đầu nặng trĩu, tai ù, mắt đỏ ngầu, mồm khô khốc, anh nắm chặt chiếc gậy trong tay với ý muốn mơ hồ sẽ nện túi bụi vào kẻ bộ hành đầu tiên anh gặp trên đường về nhà ăn bữa chiều.

Anh nhìn xuống hai bên đường, trong khoé mắt hiện lên hình ảnh những củ khoai đã đào sẵn còn sót trên luống đất đã lật ngược. Nếu thấy được vài củ, chắc anh sẽ nhặt củ khô, nhóm lửa trong một hốc đất và anh sẽ ngón ngấu ngay củ khoai nóng

và tròn trĩnh ấy mà anh sẽ nắm một lúc, nóng bỏng trong bàn tay lạnh giá.

Nhưng mùa khoai đã qua và như hôm trước, anh đành gập một củ cải sống nhỏ được trong một luống cây.

Đã hai ngày nay, ám ảnh vì những ý nghĩ trong đầu, anh rảo cẳng bước đi vừa lớn tiếng nói một mình. Trước đó, anh chẳng hề suy nghĩ gì, dồn hết cả tâm trí, cả năng lực đơn giản của mình vào công ăn việc làm. Nhưng dần dà với sự mệt mỏi, sự theo đuổi gay gắt một việc làm không tìm ra ấy, những lần bị từ chối, những sự bạc đãi, những đêm hôm thao thức trên cỏ, những bữa nhịn, sự miệt thị của kẻ có nơi ăn chốn ở đối với kẻ lang thang không nhà, cái câu hỏi thường đặt ra mỗi ngày: "Tại sao anh không ở lại quê hương anh?", sự buồn bực không tìm ra việc cho đôi cánh tay cường tráng mà anh cảm thấy đầy sức mạnh ấy, sự hồi tưởng đến cha mẹ ở nhà cũng chẳng bao giờ có đồng xu dính túi, tất cả những cái đó gây nên một sự phẫn nộ cứ dần dần nung nấu lòng anh, mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút cứ tích lũy thêm và vô tình buột ra khỏi miệng thành những câu càu nhàu, cộc lốc...



Vừa vấp phải những hòn đá lăn lóc dưới bàn chân không giày, anh vừa lầu bầu: "Khổ cực... khổ cực... lũ chó má... để một người chết đói, một người thợ làm nhà... lũ chó má... không có đến bốn xu... bốn xu... trời lại mưa rồi... lũ chó má!..."

Anh phẫn nộ với sự bất công của số mệnh và anh oán trách loài người, tất cả mọi người, anh phẫn nộ với tạo hoá, với bà mẹ lớn lao mù quáng, bất công, ác độc và thâm hiểm.

Răng nghiến chặt, anh nhắc đi nhắc lại mãi: "lũ chó má!" và nhìn làn khói xanh mong manh từ các mái nhà bốc lên vào giờ ăn bữa tối này. Và chẳng nghĩ đến một sự bất công khác, sự bất công này của con người, mang tên là bạo lực và trộm cắp, anh những muốn bước vào một trong những ngôi nhà đó, hạ thủ những người ở trong và ngồi vào chỗ của họ ở bàn ăn.

Anh nói: "Giờ đây, ta không có quyền sống... vì chúng để ta chết đói... mà ta thì chỉ đòi việc làm thôi... lũ chó má!" Và cái đau đớn ở tứ chi, trong dạ dày, trong tim, tất cả bốc lên đầu anh như một cơn say kinh khủng và làm nảy ra trong óc anh ý nghĩ giản đơn này: "Ta có quyền sống vì ta vẫn thở, vì

không khí là của tất cả mọi người. Thế thì không ai có quyền để ta không có miếng ăn!".

Mưa đổ xuống, một trận mưa phùn, mau hạt, lạnh buốt. Anh đứng lại và lẩm bẩm: "Khổ cực... còn một tháng đường nữa mới về đến nhà..." Thực tế, giờ đây anh đang trên đường về, anh đã hiểu rõ là thà tìm việc làm ở nơi chôn nhau cắt rốn, nơi mọi người biết anh, làm bất cứ việc gì, còn hơn là lang thang trên đường, ai ai cũng ngờ vực anh.

Nghề làm nhà không ăn thua thì anh sẽ làm thợ phụ, trộn vữa, thợ đấu, đập đá. Dù chỉ kiếm được hai mươi xu một ngày thì cũng là có cái ăn.

Anh thất quanh cổ cái mảnh vải còn lại của chiếc khăn tay cuối cùng để ngăn dòng nước lạnh chảy vào lưng, vào ngực. Nhưng chẳng mấy lúc anh đã cảm thấy nước thấm qua làn vải mỏng của bộ quần áo và anh đưa mắt nhìn quanh, cái nhìn lo âu của con người bơ vơ không biết cất giấu thân mình vào đâu, đâu là nơi ăn nằm, không một nơi trú thân trên đường đời.

Đêm đổ xuống, phủ kín cánh đồng. Anh nhận thấy, xa xa, trên bãi cỏ, một vệt tối om, một con bò

cái. Anh nhảy qua hào bên đường và đi về phía con bò, cũng chẳng hiểu rõ mình định làm gì.

Khi anh tới gần, con bò ngẩng cái đầu to tướng về phía anh và anh suy nghĩ: "Giá có được một cái bình thì hẳn là được ít sữa uống".

Anh nhìn con bò cái, và con bò cái nhìn anh; rồi đột nhiên, anh đá mạnh vào bụng con vật, hét lên:

- Dậy, dậy!

Con vật chậm rãi đứng lên, bầu sữa nặng trĩu lủng lẳng dưới bụng; con người liền nằm ngửa ngay xuống giữa bốn chân con bò và anh ta mút, mút mãi, rất lâu, hai tay bóp chặt đầu vú căng sữa, âm ỉ, phảng phất mùi chuồng bò. Anh mút mãi, mút đến hết dòng sữa còn lại trong cái nguồn sức sống này.

Nhưng mưa rơi càng mau thêm, lạnh buốt và cả cánh đồng trơ trụi không có lấy một nơi trú chân. Rét lạnh người, anh nhìn ánh sáng lấp lánh giữa hàng cây, ở cửa sổ một ngôi nhà.

Con bò lại nặng nề nằm xuống. Anh ngồi xuống bên con vật, vuốt ve đầu nó, tỏ vẻ biết ơn đã được nó nuôi sống. Hơi thở đặc sệt và mạnh của con vật

từ hai lỗ mũi phì ra như hai luồng hơi nước trong không khí buổi tối, thoảng qua mặt người thợ làm anh phải thốt lên: "Chắc máy chẳng lạnh lòng chút nào".

Giờ đây, anh đưa bàn tay sờ ngực con bò, luồn tay xuống dưới chân nó để tìm chút hơi nóng. Thế là một ý nghĩ chợt đến với anh: nằm tựa vào cái bụng to lớn ấm áp này ngủ cho qua đêm. Anh liền tìm một chỗ nằm cho thoải mái và đặt đầu đúng vào cái bầu sữa to lớn vừa đây anh đã bú nó. Rồi, người mệt lử, anh ngủ ngay tức khắc.

Nhưng, nhiều lần anh thức giấc, lưng hoặc ngực lạnh toát tùy theo lúc ấy anh áp ngực hoặc lưng vào bụng con vật; thế là anh lại trở mình để sưởi ấm và hong khô phần người phơi ra sương đêm rồi anh lại ngủ lại ngay một giấc ngủ mệt nhọc.

Tiếng gà gáy làm anh tỉnh giấc. Ánh bình minh hé lên; trời đã tạnh mưa; bầu trời trong vắt.

Con bò cái vẫn nằm đó. mồm đặt xuống đất, anh chống tay cúi xuống, hôn cái lỗ mũi rung rúc thịt ẩm ướt và nói: "Từ biệt, người đẹp của ta... lần khác nhé... mi là một con vật tốt bụng... Từ biệt..."

Anh xô giày vào và bỏ đi.

Trong hai giờ rờn rã, anh cứ thẳng đường tiến bước rồi một sự mệt mỏi chán chường xâm chiếm lấy anh, buộc anh ngồi xuống cỏ.

Trời đã sáng rõ, chuông nhà thờ bình boong, đàn ông mặc áo ngoài màu xanh, đàn bà đội mũ chụp trắng, người đi bộ, kẻ ngồi trên xe, lũ lượt kéo đi trên các ngã đường, tới các xóm làng lân cận, vui chơi ngày chủ nhật ở nhà bạn bè, họ hàng...

Một bác nông dân to béo đi tới, đang xua một đàn khoảng hai mươi con cừu, ngơ ngác và kêu be be, có một con chó lạnh lệ giữ cho chúng đi thành đàn.

Răng đen đứng dậy, chào bác ta và nói:

- Chẳng hay ông có việc làm cho một người thợ đang đói không?

Người nông dân, lừ cặp mắt giận dữ, nhìn gã lang thang không nhà đáp:

- Ta chẳng có việc làm cho những kẻ tình cờ gặp trên đường.

Và người thợ làm nhà quay lại ngồi xuống bên bờ hào.

Anh đợi mãi, ngồi nhìn những người nông dân lần lượt đi qua, cố tìm lấy một bộ mặt hiền hậu, thương người để lại tiếp tục cầu xin.

Anh nhằm một người trông ra vẻ trưởng giả, mặc áo dài, trước bụng lủng lắt một sợi dây vàng. Anh nói:

- Tôi đi tìm công ăn việc làm đã hai tháng nay. Tôi chẳng tìm được việc gì và tôi chẳng còn lấy một xu dính túi.

Cái lão ra dáng trưởng giả ấy đáp:

- Lẽ ra anh phải đọc tờ thông cáo dán ở đầu làng.  
- Cấm nghề ăn xin ở toàn thể địa hạt này. - Anh phải biết tôi là xã trưởng và nếu anh không chuồn cho nhanh thì tôi sẽ cho tóm anh lại.

Răng đen nổi giận, lăm bắm:

- Ông cứ bắt tôi nếu ông muốn, thà thế còn hơn, ít ra tôi cũng sẽ không chết đói.

Và anh quay lại ngồi xuống bờ hào.

Quả nhiên mười lăm phút sau, hai tên sen đầm xuất hiện trên đường, chúng chậm rãi bước đi, sát cánh nhau trông thật rõ ràng, với mũ da láng, thắt lưng da vàng, khuy đồng lấp lánh dưới ánh nắng

mặt trời như để dọa kẻ bắt lương và từ xa, từ rất xa đã buộc họ phải cao chạy xa bay.

Anh thợ làm nhà hiểu ngay là sen đâm đến bắt mình; nhưng anh không nhúc nhích, bỗng nhiên nảy ra ý muốn ngấm ngấm đương đầu với chúng, để cho chúng bắt đi và để rồi sau này sẽ trả thù.

Hai tên sen đâm đi tới làm ra vẻ không trông thấy anh, chân bước theo lối quân sự, nặng nề và lắc lư như chân ngỗng. Rồi bất chợt, khi qua mặt anh, chúng làm ra vẻ như mới trông thấy anh, dừng lại và chòng chọc nhìn anh, nạt nộ và giận dữ.

Một tên sen đâm bước đến hỏi:

- Anh làm gì ở đây?

Anh thợ làm nhà bình thản trả lời:

- Tôi ngồi nghỉ.

- Anh ở đâu đến?

- Nếu phải nói cho ông rõ những nơi tôi đã qua thì phải mất trên một tiếng đồng hồ đấy.

- Anh đi đâu?

- Tôi Vilơ Avaray.

- Ở đâu thế?

- Ở vùng Măngso.
- Đây là quê anh à?
- Phải, quê tôi.
- Tại sao anh lại bỏ nơi đây ra đi?
- Để tìm việc làm.

Tên sen đầm quay lại bạn đồng đội và với giọng giận dữ của một người cứ phải nghe mãi những lời dối trá giống nhau, cuối cùng cũng phải nổi xung lên.

- Cái quân này, chúng nó đưa nào cũng thế cả. Nhưng ta thì ta còn lạ gì nữa.

Rồi hắn tiếp tục:

- Anh có giấy tờ gì không?
- Có.
- Đưa ta xem.

Rằngден móc trong túi ra các giấy tờ, các giấy chứng nhận, những tờ giấy nhàu nát, bản thiêu, rách ra từng mảnh và đưa cho tên sen đầm.

Hắn ê a đánh vần từng chữ, rồi nhận thấy giấy tờ hợp lệ, hắn trả lại cho người thợ làm nhà với cái



về bức bối của một gã bị kẻ láu cá hơn vừa chơi sỏ cho một vố.

Sau một lát suy nghĩ, hắn lại hỏi:

- Anh có tiền trong người không?

- Không.

- Không có gì cả ư?

- Không có gì hết.

- Một xu cũng không có ư?

- Một xu cũng không.

- Thế anh sống bằng gì?

- Sống bằng của bố thí.

- Thế ra anh đi ăn xin à?

Rằngđến quả quyết trả lời:

- Phải, khi tôi có thể ăn xin được.

Nhưng tên sen đầm tuyên bố:

- Tôi bắt anh quả tang về tội du đảng và ăn xin, không có nguồn sinh sống và vô nghề nghiệp, lang thang trên đường và tôi ra lệnh cho anh phải theo tôi.

Người thợ làm nhà đứng dậy.

- Đi đâu thì đi.

Và tự mình đứng vào giữa hai tên sen đầm ngay cả trước khi được lệnh, anh nói thêm:

- Nào, cứ bắt giam tôi lại. Ít ra trời mưa, tôi cũng có cái mái che thân.

Và cả ba người đi về phía làng mà cách xa một phần tư dặm đường, người ta đã thấy những mái nhà ngói thấp thoáng qua những hàng cây trụi lá.

Họ đi qua làng vào giờ mọi người đi lễ nhà thờ. Quảng trường đông nghịt và lập tức hình thành hai hàng rào người đứng xem kẻ gian phi mà một đám trẻ náo nức theo sau. Nông dân nam cũng như nữ nhìn con người bị bắt đó, đi giữa hai tên sen đầm với một ánh hằn thù loé lên trong khoé mắt, chỉ muốn ném đá vào anh, lấy móng tay lột da anh, giẫm nát người anh. Người ta hỏi nhau không biết anh đã ăn cắp, đã giết người chưa?

Gã đồ tể, nguyên là một kỵ binh, quả quyết nói:  
- Nó là một thằng đào ngũ.

Lão đại lý bán thuốc lá tưởng như nhận ra được cái tên ngay sáng nay đã trả lão một đồng năm hào giả và lão bán đồ sắt tin chắc đó là tên giết mụ goá

Malê mà sở cảnh sát đã ra công tìm kiếm từ sáu tháng nay không thấy.

Trong phòng họp của hội đồng xã, nơi những tên sen đầm đưa anh vào, Răngđen lại thấy ông xã trưởng, ngồi trước bàn họp, có vị giáo viên ở bên cạnh.

- A! a! - vị đại diện nhà nước thốt lên, - lại chú mày đây rồi. Tôi đã bảo là tôi sẽ bắt anh mà. Này, thầy đội, sự thể thế nào?

Viên sen đầm trả lời:

- Thưa ông xã trưởng, một tên du đảng không nhà không cửa, không nguồn sinh sống, không một xu dính túi - theo như lời khai của hắn - bị bắt đang ăn xin và du đảng, có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

- Đưa các giấy tờ đó cho tôi xem, - ông xã trưởng nói. Ông ta cầm lấy, đọc đi đọc lại, đưa trả rồi ra lệnh: - Khám hắn xem. Người ta khám người Răngđen, chẳng tìm thấy gì cả.

Ông xã trưởng có vẻ phân vân. Ông hỏi người thợ làm nhà:

- Sáng nay anh làm gì trên đường?

- Tôi đi tìm việc làm.

- Việc làm... trên đường cái à?

- Thì ông bảo nếu tôi cứ rúc ở trong rừng thì tôi làm thế nào mà tìm được việc.

Hai người nhìn nhau chằm chằm, với lòng hằn thù của hai con thú thuộc hai loại thù địch. Vị đại diện nhà nước nói tiếp:

- Tôi sẽ cho thả anh ra nhưng đừng có để tôi tóm lại anh lần nữa.

Người thợ làm nhà trả lời:

- Tôi muốn ông giam giữ tôi lại thì hơn. Tôi lang thang mãi đã chán lắm rồi.

Ông xã trưởng tỏ vẻ nghiêm nghị:

- Anh câm ngay.

Rồi ra lệnh cho hai viên sen đàm:

- Các anh hãy dẫn tên này ra khỏi làng hai trăm thước rồi để cho hắn tiếp tục đi theo con đường của hắn.

Người thợ nói:

- Thì ít ra ông cũng bảo người ta cho tôi ăn chứ?

Ông xã trưởng bất bình:

— Lại còn phải nuôi anh nữa kia à? A! a! a! thật quá lắm.

Nhưng Răngđen cương quyết nói tiếp:

- Nếu ông cứ để mặc tôi đói, các ông buộc tôi sẽ phải làm bậy. Các ngài tai to mặt lớn, mặc các ngài đấy nhé.

Ông xã trưởng đứng dậy và nhắc lại:

- Đưa nó đi ngay, không tôi phát khùng lên bây giờ.

Hai viên sen đâm liền túm lấy cánh tay anh thợ làm nhà, kéo đi. Anh để mặc và anh lại đi qua làng, trở ra đường cái và khi họ dẫn anh đi khỏi cột cây số hai trăm thước, thì viên đội nói:

- Đấy, cút đi và đừng để cho ta thấy mặt mày ở vùng này, nếu không thì đừng có trách.

Và Răngđen bước đi chẳng hề đáp lại, cũng chẳng biết mình đi đâu. Anh cứ thế bước đi chừng mười lăm hai mươi phút, người mù mẫm đến nỗi anh chẳng nghĩ đến gì nữa.

Nhưng đột nhiên khi đi qua một căn nhà nhỏ cửa sổ hé mở, mùi thịt bò hầm bay vào mũi anh làm anh đứng sững lại trước căn nhà.

Và bỗng cơn đói, một cơn đói dữ dội, cào cào, điên cuồng nổi lên, suýt nữa thì khiến anh lao vào những bức tường của ngôi nhà như một con vật.

Anh nói to, giọng găm gù: - Trời, lần này thì phải cho ta ăn. Và anh liền lấy gậy đập mạnh vào cửa. Không thấy ai đáp lại, anh đập cửa mạnh hơn, nói to:

- Này! này! này! có ai trong nhà không, này! mở cửa ra!

Chẳng có gì động đây, thế là anh tiến tới sát cửa sổ, lấy tay đẩy ra và không khí đang bị giam hãm trong nhà bếp, làn hơi ẩm ẩm sục mùi thịt hầm nóng, mùi thịt chín với bắp cải toả ra ngoài trời lạnh.

Chỉ một bước, người thợ làm nhà đã ở trong căn phòng. Hai suất ăn đặt sẵn trên bàn. Chủ nhà chắc đã đi lễ nhà thờ, để trên bếp các món ăn, món thịt hầm ngon lành của ngày chủ nhật với món xúp rau béo ngậy.

Một chiếc bánh mì mới nằm trên lò sưởi, giữa hai chai rượu hình như còn nguyên.

Trước hết Răngđen vô lấy miếng bánh, bẻ mạnh miếng bánh như định bóp chết người, rồi anh ta ăn

ngón ngấu, từng miếng lớn một. Nhưng ngay sau đó, mùi thịt lôi cuốn anh về phía lò sưởi và anh mở nắp xoong, thọc đĩa vào lôi ra một miếng thịt bò lớn có buộc một sợi dây. Anh còn lấy bắp cải, cà-rốt, hành đầy ắp đĩa, và sau khi đặt đĩa xuống bàn, anh ngồi xuống, cắt miếng thịt hầm ra làm bốn, ngồi ăn như ở nhà mình vậy. Khi anh ngón gần hết cả miếng thịt bò, thêm một số rau, anh thấy khát và đứng dậy lấy một trong hai chai rượu để trên lò sưởi.

Vừa nom thấy chất nước trong cốc, anh biết ngay là rượu mạnh. Mạnh cũng mặc; rượu sẽ làm máu anh nóng lên, như thế càng tốt, anh vừa mới bị lạnh ghê và anh cứ uống.

Quả nhiên rượu ngon thật, đã lâu anh không được uống; anh lại rót một cốc đầy nữa và nốc hai ngụm là hết. Và hầu như ngay sau đấy, anh cảm thấy vui vẻ, phấn chấn vì rượu, tựa hồ một niềm hạnh phúc lớn đã lọt vào lòng anh.

Anh tiếp tục ăn, chậm rãi hơn, vừa thông thả nhai vừa chấm bánh vào nước thịt hầm. Toàn thể làn da trên người anh nóng bỏng, nhất là trên trán mạch máu đập giần giật.

Nhưng đột nhiên có tiếng chuông đổ hồi từ xa vắng lại, báo hiệu buổi lễ chấm dứt; một thứ linh tính hơn là một nỗi lo sợ, linh tính thận trọng của những kẻ đang lâm nguy dẫu dặt và khiến họ trở nên minh mẫn, buộc anh đứng dậy, anh bỏ vào một bên túi miếng bánh còn lại, nhét vào túi kia chai rượu mạnh rồi anh rón rén ra cửa sổ, nhìn ra đường.

Đường phố còn vắng tanh. Anh nhảy qua cửa và tiếp tục đi, nhưng không thấy đường cái mà băng qua cánh đồng đi về phía một khu rừng anh trông thấy. Anh cảm thấy lạnh lẽ, khoẻ khoắn, vui vui, mãn nguyện về việc mình đã làm và người nhẹ nhàng đến mức chân chum lại cũng chỉ vọt một cái là nhảy qua được các rào giậu trên cánh đồng.

Tới dưới gốc cây, anh lại lôi chai rượu ra khỏi túi, vừa đi vừa tiếp tục uống, từng ngụm lớn. Ý nghĩ anh bắt đầu lộn xộn trong óc, mắt lơ đãng, cặp chân co giãn như lò-xo.

Anh cất tiếng hát đoạn dân ca cổ xưa:

*A ha! Đi hái dâu*

*Thú biết chừng nào!*

*Thú biết chừng nào!*



Giờ đây, anh đi trên nền rêu dày ẩm, mát rượi, và tắm thắm êm dịu ấy làm cho anh thêm khát điên cuồng muốn nhảy lộn như một đứa trẻ thơ.

Anh lấy đà, lộn nhào, nhòe dậy, lại lộn nhào. Và mỗi lần lộn nhào, anh lại hát:

*A ha! Đi hái dâu*

*Thú biết chừng nào!*

*Thú biết chừng nào!*

Đột nhiên, anh tới bên bờ một con đường trũng, và trông thấy trong lòng đường một người con gái cao lớn, một người ở gái đang trở về làng, hai tay xách hai xô sữa, cách xa cô ta bằng một vòng thúng lớn.

Anh lom khom đi rình người con gái, cặp mắt sáng lên như mắt chó thấy cun cút.

Người con gái nhìn thấy anh, ngẩng đầu lên, phá ra cười và nói to với anh:

- Chính anh hát đấy à?

Anh chẳng trả lời và nhảy xuống mặc dù bờ dốc cao ít ra là hai thước.

Thấy anh đột ngột sừng sững trước mặt, người con gái nói:

- Trời ơi, anh làm tôi sợ quá!

Nhưng anh chẳng nghe thấy cô ta nói, anh đã say, anh điên lên rồi, sôi sục vì một thứ điên cuồng khác còn mãnh liệt hơn là cái đói, cuồng lên vì rượu, vì cơn không cưỡng nổi của một con người thiếu thôn đủ mọi thứ, từ hai tháng nay, của một con người đang chệnh choáng say, lại đang tuổi thanh niên, hăng hái, khao khát vì tất cả những sự thèm muốn mà tạo hoá đã gieo rắc vào da thịt cường tráng của người đàn ông.

Người con gái lùi lại, khiếp sợ bộ mặt của anh, đôi mắt của anh, cái miệng hé mở của anh, cánh tay anh đang vươn ra.

Anh nắm lấy vai cô ta, và chẳng nói chẳng rằng, vật cô ngã xuống đường.

Cô gái để rơi hai chiếc xô, hai chiếc xô lăn rầm rầm trên đường, sữa đổ lênh láng, rồi cô ta hét lên nhưng hiểu ngay là có kêu cứu ở nơi hoang vắng này cũng chẳng ăn thua gì và thấy rõ là anh ta cũng chẳng có ý muốn giết cô, cô đành nhượng bộ, không khó khăn lắm, không bực tức lắm vì anh chàng thì khoẻ mà thực sự cũng không quá thô bạo.

Khi cô đứng dậy được, nghĩ đến hai xô sữa đã đổ hết, cô bỗng bưng bưng nổi giận và đến lượt cô, cô rút guốc ở chân ra, xông vào định đánh vỡ đầu anh chàng nếu anh ta không chịu đền tiền sữa.

Nhưng Răng đến hiểu lắm về sự tấn công dữ dội ấy, đã hơi tỉnh rượu, luống cuống, hoảng hốt trước việc mình đã làm, vội vã ba chân bốn cẳng chạy trốn, còn cô ta thì cứ lấy đá ném theo, nhiều hòn trúng lưng anh.

Anh chạy mãi, rất lâu, rồi anh cảm thấy mệt nhoài như chưa bao giờ từng thấy thế. Cặp chân anh mềm nhũn, không còn đỡ nổi thân hình anh nữa, tất cả ý nghĩ của anh đều lộn xộn, anh không còn nhớ gì nữa không còn suy nghĩ được gì nữa.

Và anh ngồi xuống một gốc cây.

Năm phút sau anh đã ngủ thiếp đi.

Anh tỉnh dậy vì có người đánh mạnh vào anh, và mở mắt ra, anh trông thấy hai chiếc mũ ba cạnh bằng da láng cúi xuống, hai viên sen đầm buổi sáng đang túm lấy anh và trói tay anh lại.

- Tao đã biết chắc là tao sẽ lại tôm được mày mà, - viên sen đầm giễu cợt nói.

Răngđen đứng dậy không một lời đáp lại. Hai viên sen đâm lắc mạnh anh, sẵn sàng đánh đập anh nếu anh nhúc nhích, vì giờ đây anh là miếng mồi của chúng, anh đã là của nhà giam, bị kẻ đi săn những tên phạm tội bắt được và không bao giờ chịu nhả ra nữa.

- Đi, - viên sen đâm ra lệnh.

Ba người lên đường. Hoàng hôn xuống dần, rải ra trên mặt đất một cảnh chiều tàn mùa thu, nặng nề và ảm đạm.

Nửa giờ sau, họ về tới làng.

Tất cả các cửa đều mở rộng, mọi người đều biết chuyện đã xảy ra. Bà con nông dân, nam cũng như nữ, sục sôi căm giận, như thể người nào cũng vừa bị mất cắp, như thể người nào cũng vừa bị hăm hiếp, đều muốn nhìn mặt cái kẻ khốn nạn để mà chửi rủa.

Tiếng la ó khởi đầu từ căn nhà đầu tiên mãi đến toà thị chính mới chấm dứt. Viên xã trưởng cũng đang đợi, cũng đang muốn trả thù kẻ du đảng.

Vừa thấy anh, hắn hét lên từ xa:

- À, thằng kia! Chúng ta lại gặp nhau đây rồi.

Và hắn xoa xoa tay, ít khi lại thấy hài lòng như ngày hôm nay.

Hắn nói tiếp:

- Chỉ trông thấy nó trên đường là ta đã biết ngay mà, biết ngay mà.

Rồi càng vui sướng gấp bội, hắn nói:

- À, đồ vô lại, à! đồ vô lại khốn nạn, mày thì cầm chắc hai mươi năm tù rồi.

*TRUNG HIẾU dịch*

## ĐUÁ CON BỎ RƠI

- Thực đấy, bà nó à, bà có điên mới đi dạo chơi ở thôn quê vào cái thời tiết này. Từ hai tháng nay, bà có những ý nghĩ thật kỳ lạ. Dù chẳng thích thú gì bà cũng cứ kéo tôi ra biển, vậy mà bốn mươi lăm năm trời nay, từ khi chúng ta lấy nhau đến giờ, bà chẳng hề bao giờ có ý muốn ngưng công như vậy. Bà tự ý chọn Fécăng, một thành phố buồn rứt và thế là bà bỗng sinh ra chứng muốn đi đây đi đó, bà thì xưa nay chẳng bao giờ chịu nhúc nhích, bà lại muốn đi dạo chơi ngoài đồng nội vào một ngày nóng bức nhất trong năm. Bà hãy bảo bác D'Aprêvan đi cùng, bác ấy lúc nào cũng sẵn sàng chiều ý bà. Còn tôi, tôi về ngủ trưa thôi.

Bà Đơ Cađua quay về phía người bạn cũ:

- Bác cùng đi với tôi chứ, bác D'Aprêvan?

D'Aprêvan nghiêng mình mỉm cười, với một vẻ lịch sự kiêu cổ, đáp lại:

- Bác đi đâu, tôi cũng xin đi theo.

- Đấy thì đi mà chuốc lấy một trận say nắng, - ông Đơ Cađua thốt lên. Và ông trở về khách sạn Lê Banh nằm nghỉ một hai tiếng đồng hồ.

Ông Đơ Cađua đi rồi, người đàn bà tuổi tác và ông bạn già lên đường. Bà nói rất khẽ, vừa nói vừa siết chặt tay ông:

- Thế là được rồi! thế là được rồi!

Ông lẩm bẩm

- Bà điên đấy. Tôi quả quyết là bà điên đấy. Bà hãy nghĩ đến việc bà làm nguy hiểm như thế nào. Nếu con người ấy...

Bà ta giật nảy mình lên:

- Ô! Hăngri, đừng gọi nó là "*Con người ấy*"...

Ông xằng giọng nói tiếp:

- Hừ! nếu con chúng ta ngờ vực điều gì, nếu nó nghi ngờ ta thì nó sẽ nắm được bà, nó sẽ nắm được chúng ta. Bốn mươi năm nay, bà không thăm nom nó cũng có sao đâu. Vậy mà hôm nay bà làm sao thế?

Hai người đi dọc đường phố dài từ bờ biển chạy vào thành phố. Họ rẽ sang phải để leo lên dốc

Etrota. Con đường trắng xoá chạy dài dưới ánh nắng chang chang, nóng bỏng.

Họ thong thả bước đi từng bước ngẩn dưới trời nóng rất. Bà Đơ Cađua luồn tay vào cánh tay ông bạn và nhìn thẳng về phía trước mắt đăm đăm, như có điều gì ám ảnh!

Bà hỏi:

- Thế ra ông cũng chẳng đến thăm nó lần nào cả ư?

- Không, không bao giờ!

- Sao lại có thể thế được?

- Bà bạn yêu quý ạ, ta đừng trở lại câu chuyện tranh cãi muôn thuở ấy nữa. Tôi đã có vợ, có con cũng như bà đã có chồng, vậy thì chúng ta, tôi cũng như bà, chúng ta đều phải sợ dư luận.

Bà ta không đáp, nghĩ miên man đến tuổi trẻ xa xăm, đến những sự việc đã qua, buồn rút.

Người ta đã gả chồng cho bà, cũng như người ta gả chồng cho những cô gái khác. Bà chẳng hề biết đến người chồng bà sắp lấy, một nhà ngoại giao và sau này, bà đã sống cùng với chồng, cuộc sống của tất cả các bà thuộc giới thượng lưu.



Nhưng rồi một người trai trẻ, ông D'Aprévan, đã có vợ cũng như bà đã có chồng, say mê bà và trong dịp ông Đơ Cadua đi Ấn-độ công cán, vắng nhà lâu ngày, bà đã sa ngã.

Bà có thể cưỡng lại được không? từ chối được không? Liệu bà có đủ nghị lực, can đảm không ngã lòng khi chính bà cũng yêu ông ta? Không, thực sự không! Như thế thì vô tình quá! bà sẽ đau khổ biết chừng nào! Cuộc đời mới ác nghiệt và éo le làm sao? Liệu ta có thể tránh khỏi những nỗi bất hạnh của số phận, liệu ta có thể thoát được định mệnh không? Một người đàn bà, sống cô đơn, trơ trọi, không tình yêu, không con cái, liệu có thể lẩn tránh được mối tình say đắm sôi sục trong lòng như lẩn tránh ánh sáng mặt trời, để sống cho đến chết trong đêm tối được không?

Giờ đây, bà hồi tưởng lại mọi chi tiết mới rõ làm sao, từng cái hôn của ông, từng nụ cười, từng lúc ông dừng lại ở cửa ngấm nhìn bà trở về nhà. Những ngày hạnh phúc biết bao, những ngày đẹp đẽ độc nhất của bà mà sao chấm dứt nhanh quá thế!

Rồi bà thấy mình có mang! biết bao nỗi lo âu!

Ôi, chuyên đi xuống miền Nam đau khổ, chuyên đi dài đằng đẵng, cuộc sống ăn náu trong ngôi nhà nhỏ bé cô quạnh ấy, trên bờ biển Địa-trung-hải, lọt sâu trong một mảnh vườn mà bà chẳng dám bước khỏi cửa!

Bà hồi tưởng lại mới rõ làm sao những ngày rong rã nằm dài dưới một gốc cam, mắt ngược lên nhìn những quả đỏ ối, tròn trĩnh giữa đám lá xanh rờn. Bà những muốn đi ra bờ biển, nằm đây, gió biển mát rượi thổi tới lướt vượt bức tường, nằm đây, bà nghe thấy những đợt sóng ngấn vỗ trên bãi cát, bà mơ thấy khoảng bao la xanh thẳm, lấp loáng ánh nắng với những cánh buồm trắng và một ngọn núi ở phía chân trời! Nhưng bà chẳng dám qua khỏi ngưỡng cửa. Nếu người ta nhận ra bà, thân hình thay đổi như vậy, phô bày nổi nhục bên trong cái bụng nặng trĩu!

Rồi những ngày chờ đợi, những ngày giầy vò cuối cùng! những cơn hốt hoảng, những nỗi đau đớn vật vờ! rồi cái đêm kinh khủng ấy! Biết bao khổ cực bà đã trải qua.

Cái đêm đó, cái đêm hôm ấy mới ghê gớm làm sao! Bà kêu rên gào thét! Bà như còn nhìn thấy bộ mặt tái nhợt của người yêu cứ mỗi phút lại hôn tay bà, diện mạo nhẵn nhụi của người thầy thuốc, cái mũ chụp trắng của người nữ hộ lý.

Và trong lòng bà mới kích động làm sao khi bà nghe thấy tiếng rên rỉ của đứa trẻ, cái tiếng oe oe, - cố gắng đầu tiên của tiếng nói con người!

Và ngày hôm sau! ngày hôm sau! ngày độc nhất trong đời, bà đã trông thấy và ôm hôn đứa con, vì từ đây, chẳng bao giờ, bà còn trông thấy con mình nữa!

Và từ đây cuộc đời trống rỗng dài dằng dặc cứ phảng phất mãi mãi cái ý nghĩ về đứa con ấy! Con người nhỏ bé do bà sinh ra, chính con trai bà, bà không gặp lại nó nữa, dù chỉ một lần! Người ta đã cướp lấy nó, đem nó đi, giấu nó đi. Bà chỉ biết là nó được những người nông dân vùng Normăngđi nuôi nấng và bản thân nó cũng đã trở thành một nông dân, nó đã lấy vợ, cưới xin linh đình, và được bố đẻ cho nhiều của cải mà không hề biết tên bố.

Bốn mươi năm nay, biết bao lần bà đã muốn thăm nó, ôm hôn nó! Bà không thể hình dung được nó đã lớn! Bà vẫn còn nghĩ đến cái mầm mống con người mà bà đã ôm ấp một ngày trong tay và siết chặt nó trong lòng quặn đau.

Biết bao lần bà đã thốt ra với người yêu: "Em không chịu nổi nữa, em phải tới thăm nó, em đi đây".

Lần nào ông ta cũng can ngăn bà, giữ bà lại. Bà sẽ không thể nào cầm lòng được, sẽ không thể nào tự chủ được, đứa con sẽ đoán ra, sẽ lợi dụng bà. Bà sẽ nguy mất.

- Con nó người thế nào nhỉ? bà hỏi.

- Tôi không biết. Tôi cũng không gặp lại nó lần nào nữa.

- Sao lại có thể thế được? Đẻ con ra rồi cũng chẳng hề biết tới nó. Sợ nó, ruồng bỏ nó như vứt bỏ một sự nhục nhã.

Thực là ghê tởm.

Hai người mệt mỏi bước đi vì ánh nắng chang chang trên con đường dài, leo lên con đường dốc vô tận.

Bà nói tiếp:

- Phải chăng đây là một sự trừng phạt? Tôi từ đó chẳng bao giờ sinh đẻ nữa. Không, tôi không thể cưỡng lại được ý muốn khao khát tới thăm nó, điều đó ám ảnh tôi đã bốn mươi năm nay rồi. Các ông là nam giới, các ông không thể hiểu được. Ông hãy nhớ rằng tôi đã đến lúc sắp từ giã cõi đời này rồi. Thế mà tôi không được gặp lại nó!... không được gặp lại nó, sao lại có thể thế được? Làm thế nào mà tôi chờ đợi lâu được thế nhỉ? Suốt đời tôi mới khổ cực chứ. Không một lần nào tôi thức giấc, không một lần nào ông rõ chưa, mà ý nghĩ đầu tiên của tôi là không nghĩ đến nó, đến con tôi. Con nó người như thế nào? Ôi, đối với nó, tôi cảm thấy mình có tội biết bao! Trong trường hợp ấy, liệu có phải lo sợ tai tiếng với thiên hạ không nhỉ? Lẽ ra tôi phải từ bỏ hết thảy để theo nó, nuôi nấng, thương yêu nó. Lẽ tất nhiên là có thể tôi sẽ sung sướng hơn. Tôi đã không dám làm thế. Tôi đã hèn nhát. Tôi đã đau

khô biết chừng nào! Ôi, những con người tội nghiệp bị bỏ rơi ấy, hẳn là chúng oán hận mẹ chúng lắm!

Bà bỗng ngừng lại, nghẹn ngào nước mắt. Thung lũng vắng ngắt và im nắng dưới ánh nắng nặng nề. Chỉ nghe thấy tiếng châu chấu kêu, khô khan và liên miên trong đám cỏ vàng úa và thưa thớt ở hai bên vệ đường.

Ông ta nói:

- Ngồi nghỉ một chút bà ạ.

Bà để cho ông ta dẫn đến tận bên bờ hào, và ngồi phệt xuống, hai tay ôm lấy mặt. Mái tóc bạc, uốn thành vòng rủ xuống hai bên mặt, sổ ra và bà ngồi khóc, lòng đau như xé.

Ông ta đứng trước mặt bà, lo ngại, chẳng biết nói với bà điều gì, chỉ lẩm bẩm:

- Nào... hãy can đảm lên bà ạ.

Bà lại đứng dậy:

- Được, tôi sẽ có đủ can đảm.

Và vừa lau nước mắt, bà vừa tiếp tục đi, bước chân lập cập của người đàn bà đã luống tuổi.

Cách xa đó một chút, con đường luồn vào một lùm cây che lấp mấy ngôi nhà. Giờ đây, họ nghe

thấy rõ tiếng búa lò rèn nện xuống đe vang vang và đều đều.

Và chẳng bao lâu họ nhìn thấy về bên phải, một chiếc xe đỗ trước một căn nhà thấp lè tè và dưới một lán để xe, hai người đang đóng móng cho hai con ngựa.

Ông Đ'Aprêvan bước lại gần, lên tiếng hỏi:

- Trại của Pie Bê-nê-đích ở đâu thế bác?

Một trong hai người đáp:

- Ông đi theo con đường bên trái, ngay sát cái quán cà-phê nhỏ, rồi cứ thế đi thẳng, ngôi nhà thứ ba sau ngôi nhà của Porê là chính đó đấy. Có một cây tùng con bên cạnh hàng rào. Không thể lầm lẫn được đâu.

Họ rẽ về bên trái. Giờ đây, bà Đơ Cađua bước đi thong thả, chân tay bủn rủn, tim đập dồn dập làm bà ghen thở.

Cứ mỗi bước bà lại lảo đảo như cầu kính:

- Lay Chúa tôi! ôi! lay Chúa tôi!

Vì một niềm xúc động ghê gớm thít chặt cổ họng bà, làm bà lảo đảo cả người như chân muốn gãy.

Ông Đ'Aprévan, bồn chồn, mặt hơi tái, đột nhiên bảo bà:

- Nếu bà không thể tự chủ được hơn nữa, bà sẽ bị lộ ngay. Hãy cố gắng trấn tĩnh lại bà ạ.

Bà áp ứng:

- Tôi có thể trấn tĩnh được không? Con tôi! Cứ nghĩ rằng tôi sẽ sắp được gặp con!

Hai người bước đi trên một con đường nhỏ ở nông thôn lọt thỏm giữa sân các trại ấp, ẩn kín dưới hai hàng sên thẳng tắp trên các bờ hào.

Bỗng họ tới trước hàng rào gỗ dưới bóng một cây tùng con.

- Đây rồi, - ông Đ'Aprévan nói.

Bà đứng sững lại và ngấm nhìn.

Cái sân trông táo rộng, chạy dài tới ngôi nhà ở bé nhỏ, lợp rạ. Phía trước là tàu ngựa, kho lúa, chuồng bò, chuồng gà. Dưới một cái mái lợp đá đen là nơi chứa xe bò, xe ngựa. Bốn con bê gặm cỏ xanh rì dưới bóng cây. Những con gà lông đen lang thang khắp nơi trong vườn.

Không một tiếng động. Cửa ngôi nhà bỏ ngõ. Nhưng không trông thấy một ai.



Họ bước vào. Một con chó đen từ một thùng gỗ tròn nhỏ nằm lẩn dưới gốc một cây lê lớn bỗng xỏ ra, sủa dữ dội.

Phía ngoài, sát ngay tường nhà là bốn tổ ong đặt trên ván, thẳng hàng dưới những mái rạ hình tròn.

Đứng trước ngôi nhà, ông D'Aprévan gọi to:

- Có ai không đây?

Một em nhỏ xuất hiện; một em gái chạc mười tuổi, mặc sơ-mi và váy len, chân đế trần lem luốc, vẻ rụt rè và nghi kỵ. Em đứng trong khung cửa như để canh giữ không cho ai vào nhà.

- Ông muốn gì? - Em hỏi.

- Bố em có nhà không?

- Không.

- Thế bố em đi đâu?

- Chẳng biết.

- Thế còn mẹ em?

- Mẹ đi làm.

- Thế mẹ em sắp về chứ?

- Chẳng biết.

Và đột nhiên, người đàn bà như sợ bị lôi đi khỏi nơi đó, thốt lên, giọng hấp tấp:

- Nếu không gặp được nó, tôi sẽ không rời khỏi đây.

- Chúng ta sẽ đợi nó, bà ạ.

Họ vừa quay lại thì thấy một người đàn bà nông dân đang đi về phía ngôi nhà, tay xách hai thùng sắt tay có vẻ nặng, ánh nắng mặt trời từng lúc chiếu vào đôi thùng một tia sáng chói loà và trắng xoá.

Người đàn bà đó thọt chân phải, và bộ ngực cuộn tròn trong chiếc áo màu nâu, đã bạc phéch qua nhiều cơn mưa gió, đỏ bầm sau nhiều mùa nóng bức, trông có vẻ một người ở gái nghèo hèn, khôn khổ và bần thiú.

- Mẹ cháu đấy, em bé nói.

Khi về tới sát ngôi nhà, chị ta nhìn khách lạ với một vẻ khó chịu, nghi ngờ, rồi bước vào trong nhà tựa như không trông thấy khách.

Hình như chị đã có tuổi, mặt mũi hốc hác, vàng khè, khắc khổ, cái bộ mặt như tạc vào gỗ ở nông thôn.

Ông D'Aprévan gọi:

- Này bác, chúng tôi vào đây xin bác bán cho hai cốc sữa.

Chị vừa lâu bầu vừa ló ra trên ngưỡng cửa sau khi đã đặt thùng xuống:

- Tôi không có sữa bán đâu.

- Chúng tôi khát lắm. Bà đây đã có tuổi và rất mệt. Liệu bác có cái gì cho chúng tôi uống được không.

Người đàn bà nông dân nhìn họ, cái nhìn ngại ngùng, đa nghi.

Nhưng rồi chị cũng quyết định, trả lời:

- Thôi thì ông bà đã đến đây, tôi cũng bán sữa cho.

Rồi chị biến mất hút vào trong nhà.

Đến lượt em bé đi ra, tay cầm hai chiếc ghế, em đặt ghế xuống gốc cây táo, người mẹ ra sau với hai bát sữa ngào bột, đưa bát tận tay khách.

Rồi chị ta đứng đó, trước mặt khách như muốn canh gác họ và đoán ý định của họ. Chị hỏi:

- Ông bà ở Fêcăng?

Ông D'Aprévan đáp:

- Vâng, chúng tôi tới Fêcăng nghỉ hè. Rồi sau một lát im lặng ông nói tiếp:

- Hằng tuần, bác có thể bán gà dò cho chúng tôi được không?

Người đàn bà nông dân lưỡng lự rồi đáp:

- Được thôi, nhưng mà ông muốn gà dò phải không?

- Phải gà dò.

- Thế ông mua ở chợ bao nhiêu?

Ông D'Aprévan không biết giá chợ, quay về phía bà bạn hỏi:

- Thế bà vẫn mua gà giá bao nhiêu, loại gà dò ấy.

Bà ta ấp úng, nước mắt giàn giụa:

- Bốn quan và bốn quan rưỡi.

Người đàn bà chủ trại, ngạc nhiên liếc nhìn bà, rồi hỏi:

- Bà nhà ta ốm hay sao mà khóc thế?

Ông D'Aprévan không biết trả lời ra sao, lúng búng trong mồm:

- Không... không... nhưng bà... bà ấy đi đường mất chiếc đồng hồ, một chiếc đồng hồ rất đẹp và bà ấy rất râu lông. Nếu có ai nhặt được, bác báo cho chúng tôi biết nhé.

Chị Bênêđich chẳng nói chẳng rằng, cho là chuyện này có gì uẩn khúc bên trong.

Và bỗng nhiên chị thốt lên:

- Nhà tôi kia!

Chỉ có mình bà Đơ Cađua trông thấy vì bà đang quay mặt ra hàng rào.

Ông Đ'Aprêvan giật nảy mình. Bà Đơ Cađua cuống cuống quay mình trên ghế, loạng choạng suýt ngã.

Một người đàn ông đứng cách đó mười bước, cầm đầu dây thừng kéo một con bò cái, người cúi gập làm đôi, thở hổn hển.

Anh ta thốt lên, chẳng chú ý đến khách:

- Đồ chết tiệt! bò mới bê!

Rồi anh ta bước qua, đi về phía chuồng bò và mất hút.

Mắt của người đàn bà bỗng rảo hoảnh và bà ngồi đó, hoảng hốt, im lặng, không nói, không nghĩ gì được: - Con bà, chính con bà đấy!

Ông D'Aprévan cũng bị xúc phạm vì ý nghĩ đó, dần từng tiếng, giọng bối rối:

- Chính bác Bênêdich đấy hở bác?

Người đàn bà chủ trại, ngờ vực, hỏi:

- Ai bảo ông biết tên nhà tôi đấy?

Ông D'Aprévan đáp:

- Bác thợ rèn ở góc đường cái.

Rồi mọi người nín thinh, mắt nhìn đắm đắm về phía cửa chuồng bò. Cái cửa trông tựa một lỗ hồng đen ngòm trong tường ngôi nhà. Chẳng trông thấy gì bên trong nhưng nghe thấy những tiếng động mơ hồ, những cử động, những tiếng chân đi êm trên rơm rải ra mặt đất.

Bênêdich lại ló ra trên ngưỡng cửa, tay lau trán, và trở về ngôi nhà ở, chân bước dài, chậm chạp, hình như mỗi bước lại nâng bổng anh lên.

Anh lại đi qua đám khách như không chú ý đến họ và bảo vợ:

- Đi lấy cho tôi một vò rượu táo, tôi khát lắm.

Rồi anh bước vào nhà. Người vợ đi về phía nhà kho để rượu, mặc khách thủ đô đứng đó.

Và bà Đơ Cađua cuống cuống, ấp úng:

- Thôi Hăngri, ta đi thôi.

Ông Đ'Aprêvan khoác tay bà, nâng bà dậy và gắng hết sức giúp đỡ bà vì ông cảm thấy rõ bà chỉ muốn ngã, rồi ông dìu bà đi, sau khi đã quăng xuống mặt ghế đồng tiền năm quan.

Hai người vừa bước ra khỏi rào, bà Đơ Cađua oà lên khóc nức nở, toàn thân rung lên vì đau đớn, bà lảo đảo:

- Ôi, ôi! ông đã làm nó trở thành như thế đấy!...

Ông Đ'Aprêvan tái mặt, xằng giọng, đáp lại:

- Tôi đã làm hết sức mình. Ấp trại của nó đáng giá tám vạn quan. Đó là một món gia tài mà không phải con cái nhà trường giả nào cũng có được.

Và họ chậm rãi bước đi trên đường về, không nói thêm một lời. Bà Đơ Cađua thì cứ nức nở mãi. Những giọt nước mắt không ngừng trào ra và lan trên má bà.

Sau cùng bà thôi khóc, họ đã về tới Fécăng.

Ông Đơ Cađua đợi họ ăn bữa chiều. Vừa trông thấy hai người, ông ta phá ra cười và bô bô lên:

- Tốt lắm, bà vợ tôi đã chuộc được một trận say nắng. Tôi thật mãn nguyện. Quả thật, ít lâu nay, tôi cho là nhà tôi mất trí rồi!

Cả ông Đ'Aprêvan lẫn bà Đơ Cađua chẳng ai nói một lời, và khi người chồng vừa xua tay vừa hỏi:

- Thế nào, ít ra bác và nhà tôi đi chơi cũng thú vị chứ?

Ông Đ'Aprêvan đáp:

- Thú vị lắm, bác ạ, rất thú vị.

*TRUNG HIẾU dịch*



## THẰNG ĂN MÀY

Mặc dầu khôn khó và tàn tật, trước kia hắn đã từng được biết những ngày khăm khá hơn.

Năm mười lăm tuổi, hắn bị xe nghiền nát hai chân trên đường cái đi Vaccin. Từ đó, hắn đi ăn mày lê lét trên các ngã đường, qua sân các trại ập, đu người trên đôi nạng làm hai vai hắn xo lên đến mang tai. Đầu hắn như tụt vào giữa hai ngọn núi.

Là một đứa trẻ được cha xứ ở Bietto tìm thấy trong một cái hố, đêm hôm trước ngày lễ Vong nhân, và vì thế mà được đặt tên là Nicôla Tutxanh<sup>(1)</sup>, được nuôi làm phúc, chẳng biết học hành là cái gì, bị què quặt sau khi uống vài cốc rượu mạnh của bác làm bánh mì trong làng mời - chuyện đùa để cười chơi - và, từ đấy, trở thành kẻ du đãng, hắn chẳng biết làm gì khác ngoài việc ngửa tay đi ăn xin.

Ngày xưa, bà nam tước Avary thí bỏ cho hắn ngủ trong một thứ cũi chó đầy rơm rạ, bên cạnh chuồng

---

(1) Toussaint: lễ Cha thánh, vào ngày mồng 1 tháng mười một.

gà, trong cái trại giáp liền với lâu đài: và vào những ngày đói kém lớn, hấn chắc chắn lúc nào cũng có được một mẫu bánh mì và một cốc rượu táo ở trong bếp. Thường khi vào bếp hấn lại còn nhận được vài xu của bà cụ quý tộc từ trên bậc thềm hoặc từ cửa sổ buồng cụ vứt xuống cho. Bây giờ thì bà cụ mất rồi.

Trong các làng, người ta chẳng cho hấn được mấy hột: người ta nhần mặt hấn quá đi rồi; từ bốn chục năm nay nhìn thấy hấn vác cái thân hình rách rưới và méo mó trên đôi chân gỗ đi hết nhà nọ sang nhà kia, người ta đã chán hấn. Vậy mà hấn chẳng muốn rời đi, vì trên trái đất hấn chẳng biết nơi nào khác ngoài cái vùng này gồm ba, bốn xóm là nơi hấn đã kéo lê cuộc sống cùng khổ của hấn. Hấn đã đặt ranh giới cho đời ăn xin của hấn và có lẽ hấn sẽ chẳng bao giờ đi quá những giới hạn mà xưa nay hấn vẫn không vượt qua.

Hấn không biết thế giới có còn trải dài xa nữa không sau những hàng cây chắn tầm mắt hấn. Hấn không hề tự hỏi điều đó. Và khi bà con nông dân, chán ngấy vì lúc nào cũng gặp hấn ở bờ đồng, bờ mương của họ, kêu lên bảo hấn:

- Tại sao mày không chịu đi sang các làng khác, mà cứ khập khà khập khiễng quanh đây mãi thế hử?

Thì hần chẳng nói chẳng rằng, lảng đi, mơ hồ cảm thấy sợ sự xa lạ, cái sợ của kẻ nghèo khó lơ mơ lo ngại nghìn thứ, những bộ mặt mới, những lời chửi rủa, những cái nhìn nghi kỵ của những người không biết hần, và các ông sen đầm cứ đi từng đôi trên đường cái và làm cho hần, theo bản năng, phải chui vào các bụi rậm hoặc nấp vào sau những đồng sỏi.

Nhác trông thấy họ ở xa, lấp loáng dưới ánh nắng, hần bỗng nhanh nhẹn lạ thường, nhanh nhẹn như một con quái vật tìm chỗ ẩn. Hần buông đôi nạng té nhào xuống như mảnh giẻ rách, rồi thu tròn mình lại, trở nên bé tí xiu, không trông thấy được, nằm rạp như con thỏ rừng trong hang, những tia rách nâu của hần lẫn vào màu đất.

Tuy nhiên, chẳng bao giờ hần có chuyện lòi thoi với bọn họ. Nhưng hần mang cái đó trong dòng máu, tựa hồ hần thừa hưởng cái sợ ấy và cái mưu mẹo ấy của cha mẹ hần, mà hần không hề biết là ai.

Hần chẳng có nơi nào nương thân, không có nhà, không có lều, không có chỗ trú mưa nắng. Mùa hè,

hắn ngủ khắp nơi, mùa đông hắn lén vào gầm các kho thóc hoặc vào các chuồng bò một cách rất tài. Bao giờ hắn cũng ténh trước khi người ta biết có hắn ở đó. Hắn biết những lỗ hổng để chui vào các nhà; và cánh tay hắn quen dùng đôi nạng thành ra khỏe lạ thường, nên chỉ nhờ sức tay mà hắn leo được lên tận các kho chứa cỏ, đôi khi hắn ở lì trên đó bốn năm ngày liền, nếu hắn đã xin được đủ lương ăn.

Hắn sống như thú rừng, giữa mọi người, chẳng quen ai, chẳng yêu ai, bà con nông dân đối với hắn chỉ có một thái độ khinh bỉ thờ ơ và thù ghét nhân nhục. Người ta đặt cho hắn cái biệt hiệu là thằng "Chuông", vì hắn đánh đu giữa đôi nạng gỗ như một cái chuông giữa đôi quai vậy.

Đã hai hôm nay, hắn chưa được miếng nào vào bụng. Chẳng ai cho hắn cái gì. Người ta đã đến cái nước không thể chịu được hắn nữa rồi. Các bà nông dân đứng trên ngưỡng cửa, nhác thấy hắn từ xa đã tru tréo lên:

- Mày có xéo đi không, đồ khôn! Mới ba hôm nay tao đã chẳng cho mày một miếng bánh mì đó là gì?

Thế là hắn quay nạng, đi sang nhà bên cạnh, ở đây người ta cũng tiếp đón hắn y như thế.

Các bà nói từ cửa nhà nọ sang cửa nhà kia:

- Dẫu sao đi nữa cũng không thể nào nuôi báo cô cái thằng đại lân ấy quanh năm được.

Tuy nhiên ngày nào thì thằng đại lân ấy cũng cứ cần phải ăn.

Hắn đã đi khắp Xanh-Hilerơ, Vaccin và Bietto mà chẳng được một đồng xu hay một mẩu bánh hăm nào. Hắn chỉ còn hy vọng ở Tuócnenlơ thôi; nhưng phải đi những hai dặm trên đường cái, mà hắn thì mệt lả không lê đi nổi được nữa, bụng rỗng tuếch mà túi thì cũng trống không.

Nhưng hắn cũng cứ đi.

Bấy giờ là vào tháng chạp, gió lạnh thổi ào ào trên cánh đồng, rít trong những cành cây trụi lá; mây lỏng lộn bay qua bầu trời thấp và u ám, vội vã không biết về đâu. Chú què đi thong thả, nặng nhọc chuyển dịch từng chiếc nặng một, nhún mình trên cái chân vạm veo còn lại, bàn chân khoèo quăn một mảnh giẻ rách.

Thình thoảng hắn lại ngồi xuống bờ rãnh bên đường nghỉ vài phút. Cái đói gieo một nỗi khổ não

và tâm hồn lộn xộn, nặng nề của hắn. Hắn chỉ có một ý nghĩ: "ăn" nhưng chẳng biết làm cách nào.

Suốt ba tiếng đồng hồ, hắn lê lét trên con đường dài; tới khi trông thấy cây cối của làng Tuôcnenlơ thì hắn cố đi nhanh lên.

Người nông dân đầu tiên hắn gặp và xin bố thí trả lời hắn:

- Lại thấy mặt mày rồi, đồ của nợ! Vậy ra không bao giờ chúng tao thoát được mày ư?

Và *Chuông* vội lảng xa. Qua cửa nhà này sang cửa nhà khác, người ta mắng mỏ hắn, người ta đuổi hắn, không cho gì hết. Nhưng hắn vẫn cứ kiên trì và nhẫn nại đi khắp các nhà. Hắn chẳng được lấy một xu.

Hắn bèn tới các trại ấp, thất thểu đi qua những mảnh đất sũng nước mưa, kiệt sức đến nỗi không nhắc nổi đôi nặng lên nữa. Đến đâu người ta cũng xua đuổi hắn. Hôm ấy là một trong những ngày lạnh lẽo và buồn bã mà lòng người se lại, tinh thần bực bội, tâm hồn u uất, chẳng ai chịu mở bàn tay ra để bố thí hoặc giúp người.

Khi đã đi hết mọi nhà hần biết, hần ngả phịch vào một cái hố, dọc theo sân nhà ông Sikê. Hần tuột móc xích, như người ta nói để mô tả hần hất nạng tuột khỏi tay buông mình rơi xuống như thế nào giữa đôi nạng cao. Và hần nằm đấy hồi lâu không nhúc nhích, bị cái dới giày vò, nhưng u mê ngu độn quá nên không thấu hiểu được nỗi khốn đốn vô cùng của hần.

Hần chờ đợi, chẳng biết chờ đợi cái gì, một sự chờ đợi mơ hồ xưa nay vẫn ở trong lòng mỗi người chúng ta. Hần chờ đợi, ở góc cái sân này, dưới gió rét căm căm, chờ sự cứu giúp huyền bí con người ta vẫn thường hy vọng ở trời hay ở người, chẳng hề tự hỏi bằng cách nào, tại sao, và qua tay ai mà tới được hần. Một đàn gà mái đen đi qua, tìm cái ăn trong đất, đất nuôi sống hết thảy mọi sinh vật. Chóc chóc chúng lại mổ được một hạt thóc hay một con sâu mà hần không nhìn thấy, rồi lại tiếp tục tìm kiếm, thông thả và chắc chắn.

*Chuông* nhìn đàn gà mà không nghĩ ngợi gì cả; rồi không hần là trong đầu mà là ở trong bụng hần, bỗng nảy ra cảm giác - chứ không hần là một ý nghĩ

- rằng đem nướng một con gà kia trên một đồng lửa củi cành rồi ăn thì chắc là ngon lắm.

Hắn chẳng hề vắn vương chút nào rằng hắn sắp sửa phạm tội ăn cắp. Hắn nhặt một hòn đá vừa tầm tay với và, vì hắn khéo tay, nên hắn ném chết thẳng cẳng ngay con gà đi gần hắn nhất. Con vật ngã lăn ra, cánh đập phành phạch. Những con khác chạy trốn té tát, mình lắc lư trên những cẳng mảnh dẻ, và *Chuông* lại leo vội lên đôi nạng, đi ra nhặt con vật vừa săn được, điệu bộ cũng y hệt điệu bộ đàn gà.

Hắn vừa tới gần cái thân hình đen nhỏ vậy máu đỏ ở đầu, thì bỗng bị đẩy thật mạnh vào lưng làm hắn tuột mất đôi nạng và ngã lăn lông lốc ra xa đến mười bước. Và bác Sikê, giận sôi máu, nhảy xổ vào thẳng ăn trộm, đâm đá túi bụi, đánh không tiếc tay như một nông dân bị mất cắp, quả thui và đầu gối cứ nện bừa khắp mình kẻ tàn tật chẳng có cách nào tự vệ.

Những người làm trong trại cũng chạy ra và cùng với ông chủ đánh thẳng ăn mày. Rồi khi đánh đã



chấn tay, họ mới nhặt nó lên, đem nó đi, và nhốt nó vào buồng để củi trong khi đợi tìm cảnh sát đến.

*Chuông* như tử, máu me đầm đìa và đôi lả, nằm bẹp trên mặt đất. Qua chiều đến tối, rồi tảng sáng. Hắn vẫn chưa được ăn gì.

Gần trưa, lính cảnh sát tới và thận trọng mở cửa, đề phòng bị chống trả, vì ông Sikê nói là bị thằng ăn mày đánh và đã phải vất vả lắm mới chống đỡ được.

Viên đội quát:

- Nào, đứng dậy!

Nhưng *Chuông* không động cựa được nữa, hắn cố gắng rướn mình lên đôi nạng mà không nổi. Người ta cho là tên gian phi giả vờ, mưu mẹo, không muốn đứng lên, và hai người lính đeo khí giới đánh hắn, túm lấy hắn, ấn hắn đứng vào giữa đôi nạng.

Hắn hoảng sợ, cái sợ bẩm sinh trước những quái da đeo gươm màu vàng, cái sợ của con thú trước người đi săn, của con chuột trước mặt mèo. Và bằng những cố gắng phi thường, hắn đã đứng được.

- Đi! - Viên đội nói. Hấn cất bước. Tất cả gia nhân trong trại nhìn hấn ra đi. Đàn bà giơ nắm tay đe hấn; đàn ông cười gằn, chửi rủa: thế là cuối cùng đã tóm được hấn! Thoát nợ!

Hấn đi xa dần giữa hai người lính gác. Hấn gắng gượng một cách tuyệt vọng để lê đi cho đến chiều, người u mê, chẳng biết có chuyện gì xảy ra cho mình, hoảng sợ quá chẳng còn hiểu gì hết.

Những người gặp trên đường đứng lại nhìn hấn đi qua, và dân quê lăm bầm:

- Lại một thằng ăn cắp nào đó!

Đến tối thì tới trấn hàng tổng. Hấn chưa bao giờ tới đó. Hấn thực sự không nghĩ ra được có chuyện gì, và rồi điều gì sẽ có thể xảy ra. Tất cả những sự việc ghê gớm, bất ngờ này, những bộ mặt và những ngôi nhà mới mẻ này là cho hấn khiếp đảm.

Hấn không nói một lời mà cũng chẳng có gì nói, vì hấn chẳng hiểu gì nữa. Và chẳng đã từ bao năm không nói với ai, hấn hầu như không còn biết sử dụng cái lưỡi nữa; và ý nghĩ của hấn cũng lộn xộn quá không thể diễn ra thành lời được.

Người ta giam hấn vào nhà lao của trấn. Bọn lính không nghĩ rằng hấn lại có thể cần phải ăn, nên để mặc hấn cho đến hôm sau.

Nhưng, sáng sớm tỉnh mơ, khi người ta đến để hỏi cung hấn thì thấy hấn nằm chết cứng trên mặt đất. Thế có lạ không!

*HƯỚNG MINH dịch*

## CÁI Ô

*Tặng Cami Udinô*

Mụ Oray là người tần tiện. Mụ biết giá trị từng đồng xu và có cả một mớ nguyên tắc nghiêm ngặt về việc làm cho tiền bạc sinh sôi nảy nở. U già khó lòng mà xà xẻo được tiền chợ, và ông Oray xin được ít tiền tiêu vặt thật cũng vô cùng trân trọng. Mà nào họ có túng thiếu gì đâu, hai vợ chồng sống sung túc, lại không con cái. Nhưng mụ Oray cứ nhìn những đồng bạc trắng ra khỏi nhà mụ là cảm thấy đau đớn thật sự, tựa hồ xé ruột xé gan. Và mỗi lần bắt buộc phải tiêu một món gì hơi to to, mặc dù cần thiết, lấy như đêm hôm sau mụ ngủ không yên giấc.

Ông Oray thường nhắc vợ luôn:

- Mình nên nơi nơi tay một chút mới phải, chúng ta có bao giờ phải đụng đến lợi tức đâu.

Mụ trả lời:

- Biết đâu có chuyện gì xảy ra. Có thừa còn hơn thiếu.

Mụ là một người đàn bà bé nhỏ, bốn mươi tuổi, lanh lợi, nhả nheo, sạch sẽ và thường hay cáu kỉnh.

Chồng mụ lúc nào cũng kêu ca về nỗi mụ bắt ông ta kham khổ thiếu thốn nhiều thứ. Có những cái làm ông đặc biệt khó chịu, vì nó thương tổn đến sĩ diện của ông.

Ông là tham biện thượng hạng tại Bộ chiến tranh, ông làm việc ở đấy chỉ vì nghe theo ý vợ, cốt tăng thêm món lợi tức đồng niên không dùng đến của gia đình.

Thế mà hai năm liền, ông đến bàn giấy, vẫn đem theo một cái ô vá ấy, làm trò chơi cho bọn đồng sự. Sau cùng không chịu được những câu bông đùa của họ, ông đòi mụ phải sắm cho ông một cái ô mới. Mụ đi mua một chiếc giá tám quan rưỡi, hàng bán quảng cáo của một hiệu buôn lớn. Anh em nhân viên, trông thấy cái của đó, tung ra bán có tới hàng ngàn chiếc ở Pari, lại đùa cợt, làm ông Oray đau khổ vô cùng. Cái ô chẳng ra gì cả, mới ba tháng đã hỏng không dùng được nữa, và trong khắp Bộ ai cũng cười. Thậm chí họ đặt cả một bài vè, hát nheo nhéo từ sáng đến chiều, suốt từ trên chí dưới toà nhà lớn mênh mông.

Tức quá, ông Oray ra lệnh cho vợ chọn cho ông một cái ô mới, bằng lụa mỏng, giá hai mươi quan, và phải đem hoá đơn về làm chứng.

Mụ mua một cái mười tám quan và, khi giao nó cho ông, mụ tức giận đỏ mặt tía tai, tuyên bố:

- Cái này thì ông phải dùng ít nhất là năm năm đấy.

Ông Oray hớn hờ, được một phen đắc thắng thực sự ở sở.

Buổi chiều, khi ông trở về, vợ ông lo lắng nhìn cái ô bảo ông:

- Ông đừng đem bó chặt nó tại bằng dây chun mới được, như thế chỉ tổ cửa rách lụa. Ông phải để ý giữ gìn, còn là lâu tôi mới mua cho ông cái khác.

Mụ cầm lấy ô, tháo vòng chun và giữ giữ các nếp gấp. Nhưng mụ bỗng ngăn người ra. Mụ trông thấy một lỗ tròn, to bằng đồng xu, ở giữa ô. Một vết cháy vì tàn thuốc xì-gà.

Mụ lắp bắp:

- Làm sao thế này?

Ông chồng bình tĩnh trả lời, không nhìn:

- Ai? Cái gì cơ? Mình định nói gì?

Cơn giận bây giờ ứ lên đến cổ, mụ không nói được nữa:

- Ông... ông... ông đã làm cháy... cái... cái ô... Ông... ông điên hay sao?... Ông định phá tán cơ nghiệp à?

Ông chồng quay lại, cảm thấy mình tái mặt:

- Mình bảo sao?

- Tôi bảo là ông đã làm cháy cái ô. Đây này!...

Và, bỏ đến như để đánh ông, mụ gi vào tận mũi ông cái vết cháy nhỏ tròn tròn.

Ông bàng hoàng trước vết thương đó, ấp úng:

- Cái này, cái này... cái gì thế này? Quả là tôi không biết! Tôi chả làm gì cả, chả làm gì cả, tôi xin thề với mình. Thực tôi không biết làm sao cái ô lại ra như vậy.

Bây giờ thì mụ hét ầm lên:

- Tôi đánh cuộc là ở Sở, ông đã đem nó ra làm trò hề, làm trò leo dây múa rối, mở nó ra khoe chứ gì.

Ông đáp:

- Tôi chỉ mở nó ra có một lần để phô nó đẹp. Thế thôi. Tôi thề với mình như vậy.

Nhưng mù điên cuồng giãy lên đành đập và si vả ông chồng một trận, như những trận vợ chồng xô xát khiến một người đàn ông tính ưa sống yên tĩnh phải thấy cảnh gia đình là đáng sợ hơn một bãi chiến trường khói đạn tươi rói.

Mụ vá lại bằng một mảnh lụa cắt ở cái ô cũ, khác màu; và hôm sau ông Oray tiu nghỉu đi làm với chiếc ô vá. Ông bỏ nó vào trong tủ và chỉ còn nghĩ đến nó như nghĩ đến một kỷ niệm không vui.

Nhưng chiều tối, ông vừa về đến nhà thì vợ ông giằng ngay lấy cái ô, mở nó ra xem tình hình thế nào và tức uất lên trước một tai họa không tài nào cứu vãn được. Cái ô lộ chỗ những lỗ thủng nho nhỏ rõ ràng là bị cháy, như thể người ta trút lên đó tàn một tẩu thuốc đang đỏ. Thế là hỏng, hỏng không chữa được.

Mụ ngấm nhìn, chẳng nói chẳng rằng, giận quá không thốt ra được một tiếng. Còn ông, ông cũng nhận thấy sự tai hại và đứng ngây thuôn ra đó, kinh hoàng, sững sờ.



Rồi hai người nhìn nhau; rồi ông cụp mắt xuống; rồi mẹ ném cái ô thẳng vào mặt ông; rồi mẹ hét lên, trong một cơn tức giận điên cuồng, lại bật lên tiếng nói:

- À! đồ khốn kiếp! đồ khốn kiếp! Ông cố tình làm vậy! Nhưng rồi ông biết tay tôi! Ông sẽ không có ô nữa...

Và trận sỉ vả lại tái diễn. Sau một tiếng đồng hồ bão táp, cuối cùng ông mới phân trần được. Ông thề rằng ông chẳng hiểu ra sao cả; rằng đây hẳn chỉ là chuyện ác ý hay thù hằn mà thôi.

Một tiếng chuông gọi của giải thoát cho ông. Có một ông bạn đến ăn bữa tối ở nhà.

Mụ Oray đem chuyện ra kể với ông bạn. Còn như mua một chiếc ô mới, thì đừng hòng, chồng mụ sẽ không có ô nữa.

Ông bạn nói, lý nghe cũng phải:

- Thế thì, bà ạ, ông nhà sẽ hỏng hết quần áo, mà quần áo thì hẳn là đắt tiền hơn.

Mụ vợ, vẫn tức tối, trả lời:

- Thế thì ông ấy lấy cái ô nhà bếp mà dùng, chứ tôi chẳng cho ông ấy một chiếc mới bằng lụa đâu.

Nghe đến thế, ông Oray phản đối:

- Thế thì tôi xin từ chức cho mà xem! Chứ nhất định là tôi không có đi đến Bộ với một chiếc ô nhà bếp.

Ông bạn lại nói:

- Đem cái ô kia đi mà lợp lại, chẳng tốn bao nhiêu đâu.

Mụ Oray lộn ruột, nhấm nhắng:

- Đem lợp lại phải mất ít nhất tám quan. Tám quan với mười tám, vị chi hai mươi sáu! Hai mươi sáu quan một cái ô, có mà điên! Có mà loạn óc!

Ông bạn, thị dân nghèo, chợt nảy ra một ý kiến:

- Hay bắt hãng bảo hiểm trả tiền. Các công ty bồi thường các đồ vật bị cháy đây, miễn là tai hoạ xảy ra ở nhà bà.

Nghe câu mách nước, mụ vợ nguôi ngay cơn giận, rồi sau một phút suy nghĩ, mụ bảo chồng:

- Ngày mai, trước khi đi tới Bộ, ông hãy đến văn phòng hãng *Bảo mẫu*<sup>(1)</sup> đưa họ xác nhận tình trạng cái ô và đòi họ trả tiền.

---

(1) Tên Công ty bảo hiểm.

Ông Oray giãy nảy lên.

- Tôi chả đời nào dám làm thế! Cứ cầm bằng là mất đứt mười tám quan, có thể thôi. Chẳng chết nào.

Và hôm sau ông ra đi với một chiếc ba-toong. May sao hôm ấy lại đẹp trời.

Ở nhà một mình, mụ Oray cứ tiếc mãi mười tám quan. Cái ô đặt trên bàn ở phòng ăn, và mụ cứ loay hoay đi quanh, mà không sao quyết định được bề nào.

Mụ luôn luôn nghĩ đến hãng Bảo hiểm, nhưng lại cũng không dám đương đầu với những cái nhìn giễu cợt của mấy ông ở hãng sẽ tiếp mụ, vì trước mặt mọi người thì mụ rút rút, động một tí là đỏ mặt, hễ phải nói chuyện với người lạ là y như lúng túng.

Nhưng tiếc số tiền mười tám quan, mụ đau như đứt ruột. Mụ không muốn nghĩ đến nữa, nhưng ý nghĩ mất tiền cứ lớn vồn trong đầu, hành hạ mụ khổ sở. Nhưng biết làm thế nào đây? Hết giờ ấy đến giờ khác qua đi, mụ không nhất quyết được điều gì.

Rồi, bất thành linh, như những kẻ nhất bồng trở thành gan dạ, mù quyết định.

- Ta cứ đi, xem ra sao nào!

Nhưng trước hết mù cần chuẩn bị cái ô sao cho tai hoa thành trọn vẹn và câu chuyện dễ nói. Mù lấy một que diêm trên lò sưởi và đốt cháy hẳn một miếng rộng bằng bàn tay, giữa các gọng ô; rồi mù nhẹ nhàng quán chỗ lụa còn lại, buộc lại bằng dây chun, đeo khăn quàng, đội mũ vào, rồi vội vã đi xuống phố Rivôli là phố của hãng Bảo hiểm.

Song đi càng đến gần, mù càng chậm bước lại. Mù sẽ nói gì đây? Họ sẽ trả lời mù thế nào?

Mù nhìn các số nhà. Còn hai mươi tám nhà nữa. Được lắm! Mù còn có thể suy nghĩ. Mù bước mỗi lúc một thong thả hơn. Chợt mù giật mình. Cửa hàng đây rồi, trên có những chữ vàng lấp lánh: "*Bảo mẫu, Công ty Bao hiểm chống hoả hoạn*". Đến rồi kia à? Mù dừng lại một giây, lo lắng, ngượng ngùng, rồi đi quá lên, rồi quay lại, rồi lại đi quá, rồi lại quay lại lần nữa.

Cuối cùng, mù tự bảo:

- Thì bề nào cũng cứ phải đến. Sớm còn hơn muộn.

Nhưng khi bước vào trong nhà, thì mẹ thấy trống ngực đập thình thình.

Mẹ vào một căn phòng rộng có những cửa ghi-sê khắp chung quanh, ở mỗi ghi-sê thấy đầu một người đàn ông, mình bị che lấp sau một lần rào mắt cáo.

Bỗng có một ông cầm giấy tờ xuất hiện. Mẹ dừng lại và nói khẽ, giọng rụt rè:

- Xin lỗi ông, ông làm ơn cho biết phải hỏi ở đâu để xin hoàn tiền những đồ vật bị cháy?

Ông ta trả lời, tiếng sang sảng:

- Góc hai, tay trái, phòng tai nạn.

Câu này càng làm cho mẹ sợ hơn; và mẹ có ý muốn bỏ chạy, không nói gì hết, đành hy sinh mười tám quan của mẹ. Nhưng nghĩ đến món tiền đó, mẹ lại mạnh bạo lên một chút, và mẹ thở hắt hắt leo lên thang gác, cứ mỗi bậc lại dừng lại một lát.

Lên đến gác hai, mẹ thấy một cái cửa, mẹ gõ cửa. Một giọng nói trong treo kêu lên:

- Cứ vào!

Mụ bước vào và thấy một căn phòng lớn có ba ông đeo huân chương, đáng điệu trịnh trọng, đứng đó, đang nói chuyện.

Một ông hỏi mụ:

- Thưa bà, bà muốn hỏi gì ạ?

Mụ không biết nói ra sao nữa, mụ lúng búng:

- Tôi đến... tối đến... vì... vì một tai nạn.

Ông đó lễ phép chỉ một cái ghế:

- Xin mời bà ngồi, một phút nữa tôi xin hầu chuyện bà.

Rồi, quay lại phía hai ông kia, ông ta tiếp tục câu chuyện.

- Thưa các ngài, đối với các ngài, Công ty cho là chỉ bị ràng buộc không qua bốn trăm ngàn quan. Chúng tôi không thể chấp nhận yêu sách của các ngài về số tiền một trăm ngàn quan mà các ngài bắt chúng tôi phải trả thêm. Và chẳng sự đánh giá...

Một trong hai ông kia ngắt lời ông ta:

- Thôi thế là đủ, thưa ông, toà án quyết định. Chúng tôi chỉ còn có việc xin cáo lui.

Và hai người cùng đi ra sau khi trịnh trọng chào đi chào lại mấy lần.

Trời! giá thử mụ dám bỏ ra cùng với họ thì mụ sẽ đi ngay; mụ sẽ chạy trốn, bỏ mặc tất cả! Nhưng mụ có thể làm thế được không? Ông kia trở lại và nghiêng mình:

- Thưa bà, chúng tôi được hầu bà chuyện gì đây?

Mụ khó khăn mới áp úng được:

- Tôi đến vì... vì cái này.

Ngạc nhiên ngó người, ông giám đốc cúi nhìn cái vật mụ đưa ra.

Bàn tay run run, mụ cố tháo cái dây chun. Sau một lúc cố gắng, mụ tháo được và bỗng mở bung cái bộ gọng rách mướp trơ xương của chiếc ô.

Ông kia nói, giọng thương hại:

- Trông nó có vẻ ốm lắm.

Mụ ngập ngừng nói:

- Tôi mua mất hai mươi quan đấy.

Ông ta ngạc nhiên:

- Thật ư! Nhiều thế kia à?

Vâng, trước nó tốt lắm. Tôi muốn ông xác nhận tình trạng của nó.

- Được lắm, tôi thấy rồi. Được lắm. Nhưng tôi không hiểu rõ việc này có liên quan tới tôi ở chỗ nào.

Mụ thấy lo ngại. Có lẽ Công ty không bồi thường những đồ vật chẳng, và mụ nói:

- Thì... nó bị cháy mà...!

Ông kia không cãi:

- Thì rõ ràng là thế rồi.

Mụ há hốc mồm ra, không biết nói sao nữa; rồi bỗng nhiên, chợt hiểu mình đã sợ ý, mụ vội vã nói:

- Tôi là bà Oray. Chúng tôi có bảo hiểm ở Công ty *Bảo mẫu* và tôi đến để xin bồi thường chỗ thiệt hại này.

Mụ vội nói thêm, sợ bị từ chối hẳn:

- Tôi chỉ xin ông cho mượn lại cái ô thôi.

Ông giám đốc, lúng túng, nói:

- Nhưng... thưa bà... chúng tôi không phải là cửa hàng bán ô. Chúng tôi không thể đảm nhận những loại công việc sửa chữa đó được.



Mụ cảm thấy mình vùng tâm trở lại. Cần phải đấu tranh. Thì mụ sẽ đấu tranh! Mụ không sợ nữa, mụ nói:

- Tôi chỉ xin trả cho tiền sửa chữa thôi. Còn tôi có thể tự thuê người sửa chữa được.

Ông kia có vẻ ngượng:

- Thật tình, thưa bà, chuyện nhỏ nhất quá. Người ta không bao giờ đòi chúng tôi bồi thường về những tai nạn ít quan trọng như thế này. Bà cũng nhận cho rằng chúng tôi không thể nào đền tiền những mùi-soa, găng tay, chổi lúa, giày cũ, tất cả những đồ dùng lặt vặt hàng ngày có thể bị hư hỏng vì lửa.

Mụ đỏ mặt, cảm thấy tức giận:

- Nhưng, thưa ông, hồi tháng chạp vừa rồi chúng tôi đã bị một trận cháy lò sưởi thiệt hại ít nhất là năm trăm quan; ông Oray đã chẳng đòi Công ty trả gì hết; vậy thì bây giờ Công ty trả tiền ô cho tôi là chí phải!

Ông giám đốc, đoán biết là chuyện bịa, mỉm cười nói:

- Thưa bà, ông Oray không yêu cầu gì về một sự tổn hại năm trăm quan, mà lại đến đòi năm hay

sáu quan tiền sửa chữa một cái ô, thì hẳn bà cũng phải thừa nhận là một chuyện kỳ!

Mụ không bối rối chút nào và cãi lại:

- Xin lỗi ông, tổn hại năm trăm quan liên quan đến túi tiền của ông Oray, còn tổn hại mười tám quan lại liên quan đến túi tiền của bà Oray, chuyện có khác nhau chứ.

Ông giám đốc thấy là mình chẳng tổng khứ nổi mụ và sắp phải mất toi cả ngày với mụ, nên đành chịu nhận:

- Xin bà cho biết tai nạn xảy ra như thế nào.

Mụ cảm thấy sắp thắng lợi và bắt đầu kể lể:

- Thưa ông, thế này: ở phòng treo áo tôi có một thứ đồ bằng đồng hun để ô với ba-toong vào đây. Vậy hôm nọ, ra phố về, tôi đặt cái ô này vào trong đó. Phải thưa với ông rằng ngay bên trên có một tầng gỗ nhỏ để nện với diêm. Tôi với lấy bốn que diêm. Tôi đánh một que, nó không cháy. Tôi đánh một que khác, nó xòe lửa rồi tắt ngay. Tôi đánh một que thứ ba, cũng lại thế.

Ông giám đốc ngắt lời mụ để nói chen một câu hóm hỉnh:

- Vậy ra là những que diêm của nhà nước à?

Mụ không hiểu và cứ nói tiếp:

- Có lẽ thế đấy. Tuy vậy, que thứ tư bắt lửa và tôi châm nến; rồi tôi vào phòng để đi ngủ. Nhưng mười lăm phút sau tôi thấy hình như có mùi khen khét. Tôi thì tôi vẫn luôn luôn sợ cháy! Ô, nếu có bao giờ nhỡ xảy ra hoả hoạn, thì sẽ chẳng phải lỗi ở tôi đâu. Nhất là từ cái trận cháy lò sưởi mà tôi đã nói với ông, tôi cứ lo ngay ngáy ấy. Thế là tôi trở dậy, ra ngoài buồng, tôi tìm kiếm, tôi đánh hơi khắp chỗ như một con chó săn và cuối cùng tôi thấy là cái ô của tôi bị cháy. Có lẽ là tại một que diêm rơi vào đấy chăng. Tình trạng nó ra sao thì ông trông thấy đấy.

Ông giám đốc đã có ý của mình, ông hỏi:

- Bà đánh giá sự thiệt hại là bao nhiêu?

Mụ im bật, không dám định một con số. Rồi muốn làm ra vẻ rộng rãi, mụ nói:

- Xin ông cứ cho sửa chữa đi. Tôi xin tin ở ông.

Ông ta từ chối:

- Không, thưa bà, tôi không làm được đâu. Bà hãy cho biết bà đòi bao nhiêu.

- Nhưng mà... hình như... Thưa ông, tôi chẳng muốn kiếm lời kiếm lãi gì với ông... ta sẽ làm như thế này. Tôi sẽ đem cái ô của tôi đến một hiệu làm ô cho lợp lại bằng lụa tốt, lụa thật bền, rồi tôi đem hoá đơn lại cho ông. Như thế có được không?

- Được lắm, thưa bà; đồng ý như thế. Đây tôi viết mấy chữ cho phòng thủ quỹ, họ sẽ hoàn lại phí tổn cho bà.

Và ông đưa một tấm thiệp cho cụ Oray, cụ cầm lấy, rồi đứng dậy, vừa cảm ơn vừa đi ra, muốn ra khỏi phòng cho mau, sợ ông ta lại thay đổi ý kiến.

Bây giờ thì cụ vui vẻ đi ở ngoài phố, tìm một hiệu bán ô nào có vẻ lịch sự. Khi thấy một cửa hàng có vẻ sang trọng, cụ bước vào và đồng dặc nói:

- Đây là một cái ô cho lợp lại bằng lụa, bằng lụa thật tốt. Ông có thứ gì là thượng hảo hạng thì cứ làm. Tôi không cần so kè về giá cả.

HƯỚNG MINH dịch

## TRẢ THÙ

Khi Antoine Leuillet lấy Mathidle goá chồng, anh yêu nàng đã gần mười năm.

Chồng nàng, Souris, là bạn anh, trước kia cùng học trung học với anh. Leuillet rất quý mến bạn, nhưng thấy bạn hơi dần. Anh thường nói: "Cậu Souris tội nghiệp này chẳng thông minh gì lắm".

Khi Souris lấy Mathidle, Leuillet bị bất ngờ và hơi phật ý, vì anh cũng đôi chút yêu nàng. Nàng là con gái một láng giềng trước kia bán hàng xén, nay đã nghỉ với một món tài sản rất nhỏ. Nàng xinh đẹp, mảnh mai, thông minh. Nàng lấy Souris vì tiền.

Thế là Leuillet nuôi những hy vọng khác. Anh tán tỉnh vợ bạn. Anh có thân hình cân đối, không đến nỗi ngốc nghếch và cũng giàu. Anh tin chắc thành công, nhưng lại thất bại. Từ đó anh mê đắm nàng, tuy nhiên, vì thân thiết với chồng nàng nên anh kín đáo, rụt rè và bối rối. Mathidle thì cho rằng anh không còn có những ý nghĩ "bạo gan" về nàng nữa, nên nàng thật thà trở thành bạn anh. Sự việc cứ thế kéo dài chín năm.

Buổi sáng nọ, có người chuyển tới Leuillet mấy chữ của nàng báo tin dữ. Souris vừa mới đột ngột qua đời vì bị đứt mạch máu.

Anh bàng hoàng sửng sốt, vì hai người cùng một lứa tuổi, nhưng hầu như ngay lập tức, một cảm giác vui mừng sâu sắc, nhẹ nhõm vô biên, một cảm giác giải thoát thấm thía toàn bộ thể xác và tâm hồn anh. Mathidle đã được tự do.

Tuy vậy, anh biết tỏ ra buồn rầu theo đúng phép, anh chờ đợi một thời gian cần thiết theo đúng lễ thói. Sau mười lăm tháng, anh cưới Mathidle.

Mọi người coi hành động đó là tự nhiên, thậm chí còn là cao thượng. Đó là cách xử sự của một người bạn tốt và của một người trung thực.

Thế là cuối cùng anh đã hạnh phúc, hoàn toàn hạnh phúc.



Họ sống cực kỳ tâm đầu ý hợp, hiểu nhau và quý trọng nhau ngay lập tức. Họ không giấu nhau điều gì và kể cho nhau nghe những ý nghĩ thầm kín nhất. Giờ đây, Leuillet yêu vợ bằng một tình yêu bình lặng và tin cậy. Anh yêu nàng như yêu một người

bạn dịu dàng và tận tụy, luôn bình đẳng với anh và anh có thể tâm tình mọi chuyện. Nhưng ở tít sâu trong lòng, anh vẫn giữ một mối hận kỳ lạ và khó hiểu đối với Souris quá cố, kẻ đã chiếm người đàn bà này trước tiên, kẻ đã được hưởng phần tinh túy của tuổi trẻ và tâm hồn nàng, kẻ đã làm nàng mất thi vị đôi chút, có thể nói như vậy. Kỷ niệm về người chồng chết đã phá hỏng hạnh phúc của người chồng sống; và nỗi ghen tuông muộn màng ấy giờ đây ngày đêm quấy rầy trái tim Leuillet.

Anh nói liên tục về Souris, hỏi về anh ta hàng nghìn chi tiết thầm kín và bí mật, muốn biết hết về thói quen và về con người anh ta. Anh dùng những lời chế nhạo để truy đuổi anh ta đến tận cùng, mãi nguyện nhắc tới những tật kỳ cục của anh ta, nhấn mạnh các lỗi bịch, vạch vôi các khiếm khuyết của anh ta.

Anh luôn gọi vợ từ đầu đằng kia của ngôi nhà:

- Mathidle đâu rồi?
- Em đây.
- Lại đây anh bảo này.

Nàng bước tới, bao giờ cũng tươi cười, biết rằng họ sẽ nói về Souris và thích thú với cái thói gần vô hại ấy của người chồng mới.

- Này, em có nhớ hôm Souris muốn chứng minh cho anh thấy những người đàn ông bé nhỏ thường được yêu hơn những người đàn ông cao to không?

Và anh nói thao thao bất tuyệt những nhận xét khó chịu về người đã khuất, vóc dáng bé nhỏ, và kín đáo nói bóng gió đề cao mình, vốn vóc dáng cao to.

Mathidle đáp lại rằng anh rất có lý, rất có lý; và nàng cười vui vẻ, nhẹ nhàng đùa giỡn người chồng cũ khiến người chồng mới rất thích, cuối cùng bao giờ Leuillet bao giờ cũng nói thêm:

- Dù sao, cái cậu Souris này cũng đàn thật.



Họ rất hạnh phúc, hoàn toàn hạnh phúc. Và qua những biểu hiện nho nhỏ, Leuillet luôn chứng tỏ tình yêu nồng nàn của anh đối với vợ.



Một đêm, cả hai người đều cảm thấy rạo rực sức trẻ và chưa ngủ được, Leuillet ôm chặt vợ trong tay, hôn đậm cặp môi nàng rồi bỗng đứng hỏi:

- Này em.

- Gì vậy anh?

- Souris... câu anh sắp hỏi khó lắm đấy, - Souris có đa tình lắm không?

Nàng đáp lại anh bằng một nụ hôn rõ dài, và thì thầm: "Không được như anh đâu, con mèo của em ạ".

Anh nghe mà khoái cả cái lỗ tai, rồi hỏi tiếp: "Chắc là cậu ta... vụng về lắm... hả?"

Nàng không trả lời. Nàng chỉ khẽ cười khúc khích láu lỉnh và rúc mặt vào cổ chồng.

Anh hỏi: "Chắc là cậu ta rất vụng về, và không... không... nói thế nào nhỉ... không khéo léo?"

Đầu nàng làm một động tác nhẹ, có nghĩa là: "Vâng... chẳng khéo léo gì cả".

Anh hỏi tiếp: "Chắc anh ta làm em chán lắm, ban đêm, phải không?".

Lần này, nàng thành thật trả lời: "Ồ, vâng".

Anh lại ôm hôn nàng vì mấy lời ấy và thì thầm: "Cậu ta thực là tàn ác! Em không hạnh phúc với cậu ta?"

Nàng trả lời: "Vâng. Không phải ngày nào cũng vui vẻ".

Leuillet cảm thấy vui sướng, anh thâm so sánh cuộc sống cũ và cuộc sống mới của vợ anh, thấy giờ đây nàng hạnh phúc hơn hẳn.

Trong một lúc anh không nói gì, rồi chợt vui lên, anh hỏi:

- Nay,
- Gì vậy anh?
- Em muốn rất thành thật, tuyệt đối thành thật với anh chứ?
- Vâng, anh yêu.
- Thế này nhé, đã có bao giờ em định... định... định lừa dối cậu ta chưa, cái cậu Souris cù lần ấy?

Mathilde "ồ"! một tiếng e thẹn và rúc mặt thêm nữa vào ngực chồng. Nhưng anh thấy nàng cười rình rích.

Anh gặng:

- Em có định thế chứ? Đầu cậu ta mọc thêm hai cái sừng, trông sẽ buồn cười lắm, buồn cười lắm lắm ấy nhỉ. Cái cậu Souris ngờ nghệch ấy. Này, này, em yêu, em có thể nói điều đó với anh, nhất là với anh.

Anh nhấn mạnh hai tiếng "với anh", vì nghĩ rằng nếu hồi xưa nàng có muốn lừa dối Souris thì chính là với anh. Anh run lên thích thú chờ đợi lời thú nhận ấy. Anh tin chắc nếu nàng không phải là một người phụ nữ đức hạnh thì bây giờ anh đã được nàng.

Nhưng nàng không trả lời, nàng vẫn rích rích như đang nhớ tới một chuyện gì hết sức buồn cười.

Leuillet thì cũng bắt đầu cười với cái ý nghĩ rằng anh đã có thể cấm sừng Souris! Đó sẽ là một vô tuyệt diệu! Một trò cực hay. Một màn khôi hài thực sự.

Vui sướng đến phát điên, anh nói: "Tội nghiệp Souris, chà, ừ, ừ, tội nghiệp!".



Mathidle lúc này đã cười ngặt cười nghẹo dưới tấm ga, cười đến chảy nước mắt. Leuillet nhắc đi

nhắc lại: "Nào, thú thật đi, thú thật đi nào. Em hiểu rõ rằng anh sẽ không hề khó chịu đâu, nào".

Nàng đáp trong tiếng cười: "Vâng, vâng".

Chồng nàng gặng: "Sao? Kìa, em nói hết ra đi".

Nàng chỉ còn cười nhẹ nhẹ, nàng ghé miệng sát tận tai Leuillet, anh ta đang chờ đợi được nghe một điều bí mật dễ chịu, nàng thì thầm: "Vâng... em đã lừa dối anh ấy".

Anh cảm thấy một cơn ớn lạnh thấm sâu vào tận xương tuỷ, anh lắp bắp: "Em... em... đã... đã lừa dối cậu ta... thực sự?"

Nàng tưởng anh vẫn còn thấy chuyện này rất buồn cười nên nàng trả lời: "Vâng... thực sự... thực sự hoàn toàn".

Anh buộc phải ngồi dậy vì cảm thấy bị sốc, hơi thở của anh đứt quãng, anh bàng hoàng như thể vừa được biết chính anh bị cảm sùng.

Thoạt tiên anh không nói gì; rồi sau vài giây, anh chỉ thốt lên như thở hắt ra "Thế đấy!".

Nàng cũng đã ngừng cười, hiểu quá chậm sai lầm nàng đã phạm phải.

Cuối cùng, Leuillet hỏi: "Với ai vậy?".

Nàng cảm lạnh, kiếm tìm cách biện luận.

Cuối cùng, nàng nói: "Với một anh thanh niên"

Anh quay phắt về phía nàng, giọng khô khốc: "Tất nhiên không phải là với một mụ đầu bếp. Anh hỏi em là với thằng nào, rõ chưa?".

Nàng không đáp. Anh túm lấy tấm ga nàng trùm lên đầu, ném xuống giữa giường, nhắc lại:

- Anh muốn biết là với thằng nào, rõ chưa!

Nàng nói một cách khó nhọc: "Em muốn cười".

Nhưng anh tức run lên: "Gì kia? Thế nào? Em muốn cười? Em nhạo báng anh, hả? Anh chẳng có làm sao về cái vụ đó, rõ chưa. Nhưng anh hỏi em tên thằng ấy là gì?".

Nàng không trả lời, vẫn nằm ngửa, không nhúc nhích. Anh nắm lấy cánh tay nàng bóp mạnh: "Em nghe thấy anh nói không đấy, hả? Anh hỏi, thì em phải nói chứ?"

Nàng cúi kinh đáp: "Em nghĩ anh đang điên, hãy để em được yên!".

Anh phát rõ, không biết nói gì nữa, anh dùng hết sức lắc tay nàng, nhắc lại: "Em nghe thấy anh nói không? Nghe thấy anh nói không?".

Nàng giật mạnh tay ra, đầu một ngón tay nàng chạm vào mũi chồng. Tưởng bị nàng đánh, anh nháy xỏ vào nàng.

Bây giờ, anh giữ nàng bên dưới anh, vừa tát nàng thật đau vừa gào thét: "Này, này, đồ hư đồn, đồ đi thoa, đi thoa!".

Rồi khi đã mệt đứt hơi, đã kiệt sức, anh đứng dậy tiến về phía tủ ly để pha một cốc nước ngọt có vị cam, vì anh cảm thấy rã rời chỉ chục ngã khuyu xuống.

Trong khi đó, ở cuối giường, nàng khóc nức nức nở, cảm thấy hạnh phúc của nàng thế là hết, tại nàng.

Thế rồi, qua làn nước mắt, nàng áp ứng: "Anh, lại đây, em nói dối anh đó mà, anh sẽ hiểu, hãy nghe em".

Đã sẵn sàng tự vệ, lý lẽ và mưu mẹo đầy mình, nàng hơi ngẩng cái đầu rồi bù trong chiếc mũ đệm lệch lạc.

Còn anh, anh quay đầu về phía nàng, bước đến gần, hồ thẹn vì đã đánh nàng, nhưng ở tít sâu tận đáy trái tim người chồng của anh, anh cảm thấy một mối hận khôn nguôi đối với vợ vì người đàn bà này đã dối lừa người kia, Souris.

VŨ ĐÌNH BÌNH dịch

## MÓN TỬ TRANG

Ông Lăngtanh gặp cô ta trong một tối vui tại nhà viên phó chủ sự, liền mê tít cô ta như cá mắc lưới.

Cô ta là con gái một người thu thuế tỉnh lẻ đã qua đời nhiều năm nay. Sau đây cô dọn đến ở Pari với mẹ, nơi đây, bà mẹ thường đi lại với vài gia đình trưởng giả trong khu phố mong gả được chồng cho con. Hai người sống đạm bạc và đứng đắn, yên tĩnh và hiền hậu. Cô gái có vẻ là mẫu mực toàn vẹn về một người đàn bà đức hạnh mà người thanh niên khôn ngoan nào cũng mơ ước gửi gắm đời mình. Sắc đẹp kín đáo của cô có một vẻ duyên dáng e lệ của tiên nữ và nụ cười luôn luôn thoáng nở trên môi như phản chiếu nỗi lòng cô vậy.

Ai cũng hết lời khen ngợi cô; những người quen biết cô đều nhắc đi nhắc lại không chán: "Sung sướng thay người nào lấy được cô. Chẳng thể tìm đâu được người hơn".

Ông Lăngtanh lúc đó làm tham biện ở Bộ Nội vụ, lương hàng năm là ba nghìn năm trăm quan, hỏi cô và lấy cô.

Ông sống với cô hết sức hạnh phúc. Cô trông nom nhà cửa, tần tiện khéo léo đến mức tưởng như hai người sống trong cảnh xa hoa. Đối với chồng, cô hết mực chăm sóc chiều chuộng, âu yếm và, nhan sắc, tính nết cô có sức quyến rũ mạnh mẽ đến mức sáu năm sau, ông Lăngtanh còn yêu cô hơn cả những ngày đầu.

Ông chỉ trách cô về hai sở thích: đi xem hát và chơi đồ nữ trang giả.

Các bạn cô (cô có quen biết vợ vài công chức nhỏ) luôn luôn kiếm cho cô vé đi xem những vở kịch đang được hoan nghênh, ngay cả những buổi công diễn đầu tiên; và dù ông ta không muốn, cô cứ kéo chồng đi dự những buổi giải trí đó làm ông vô cùng mệt mỏi sau một ngày làm việc. Thế là ông ta van vỉ cô đi xem hát với một bà bạn quen thuộc nào đó, bà này sẽ đưa cô về sau buổi biểu diễn. Mãi mãi cô mới đồng ý, cho làm như thế là không nên. Nhưng về sau cô cũng chiều chồng và ông lấy làm ơn vợ.



Nhưng chẳng bao lâu cái thú đi xem hát ấy khiến cô thấy cần thiết phải trang điểm. Cách ăn mặc của cô vẫn giản dị, quả có thể, trang nhã nhưng nhũn nhặn; và vẻ kiều diễm dịu dàng, vẻ kiều diễm làm ai cũng phải say đắm, vẻ kiều diễm khiêm nhường và tươi tắn, hình như nhờ cách ăn mặc giản dị mà lại có một ý vị mới, nhưng từ đó cô có thói quen đeo hoa tai mặt đá vùng sông Ranh giả kim cương và những chuỗi hạt ngọc trai giả, những lược điểm hạt pha-lê đủ hình, đủ kiểu giả ngọc quý.

Chồng cô hơi khó chịu về cái chuyện say mê những đồ hào nhoáng giả đó, thường nói: "Em ạ, khi ta không có khả năng mua những đồ tư trang thật sự, ta có thể chỉ trang điểm bằng sắc đẹp và vẻ duyên dáng của ta, đó mới là những đồ châu báu quý giá nhất".

Nhưng cô dịu dàng mỉm cười và trả lời: "Làm thế nào được hở anh? em thích thế. Đó là tật xấu của em. Em biết rõ anh nói có lý nhưng em không sửa được. Em thì em mê đồ trang sức quá thế!".

Và cô lẩn trong tay những chuỗi hạt ngọc, soi những mặt đá có cạnh lóng lánh vừa nhắc đi nhắc

lại: "Nhưng mà anh thử xem họ làm mới khéo chứ! Trông cứ như đồ thật ấy".

Chồng cô mỉm cười trả lời: "Em có những sở thích của người Bôhêmiêng".

Đôi khi, tối đến, khi hai người cùng ngồi bên lò sưởi, cô đem đặt lên bàn uống trà chiếc hộp da dê thuộc đựng những thứ "vớ vẩn" đó - theo cách gọi của ông Lăngtanh; rồi cô chăm chú say mê ngắm nghía những đồ trang sức giả ấy như thưởng thức một lạc thú thâm kín và sâu sắc nào đó và cô cứ đeo vào cổ chồng cho được một chuỗi hạt để rồi vừa cười vừa nói rất hồn nhiên: "Trông anh mới ngộ nghĩnh làm sao!". Sau đó cô ngã vào lòng chồng và hôn chồng tới tấp.

Một đêm đông, sau buổi đi xem ở rạp Ca kịch, cô trở về nhà rét run cầm cập. Sáng trở dậy cô ho và tám ngày sau, cô chết vì xung huyết phổi.

Ông Lăngtanh suýt chết theo. Ông đau khổ vô cùng, đến nỗi một tháng sau tóc ông bạc trắng. Ông khóc từ sáng đến tối, lòng đau như xé vì một nỗi đau khổ vô hạn, luôn luôn bị ám ảnh vì kỷ niệm, vì nụ cười, vì tiếng nói, vì tất cả sự duyên dáng của người vợ đã qua đời.

Thời gian cũng chẳng làm nguôi được nỗi đau đớn của ông. Nhiều lần, trong giờ làm việc, khi các bạn đồng nghiệp bàn tán về thời cục, bỗng nhiên người ta thấy ông phồng má lên, mũi ông nhăn lại, mắt ông giàn giụa, mặt ông dùm dỏ và ông khóc nức nở.

Ông giữ nguyên vẹn căn phòng của vợ và hàng ngày ông ngồi trong đó đóng cửa lại để tưởng nhớ đến cô; tất cả đồ đạc và ngay cả áo quần của cô vẫn cứ nằm nguyên chỗ như ngày cô mới chết.

Nhưng cuộc sống của ông trở nên khó khăn. Lương bổng ông xưa kia ở trong tay người vợ, đáp ứng được mọi sự chi tiêu trong gia đình thì nay chỉ còn một mình ông lại trở nên thiếu thốn. Và ông kinh ngạc tự hỏi không hiểu cô đã thu vén thế nào mà ông vẫn luôn luôn có rượu tốt uống, có thức ăn ngon, mà bây giờ ông không thể mua nổi nữa với đồng lương ít ỏi.

Ông mắc nợ và tìm cách xoay sở tiền như những kẻ gặp vận bí. Rồi một buổi sáng, còn cả một tuần mới đến cuối tháng, ông không còn một đồng dính túi, ông thấy phải bán đi một vật gì đó; ông liền nghĩ ngay đến việc đẩy cái món "vớ vẩn" của vợ đi

vì trong thâm tâm ông vẫn giữ một thứ ác cảm đối với những cái của giả ấy đã làm ông xưa kia bực bội. Hàng ngày chỉ nhìn thấy những vật đó cũng làm tổn thương đến tình cảm của ông đối với người vợ yêu quý.

Ông tìm mãi trong cái mớ hào quang giả của vợ để lại - vì đến tận những ngày cuối cùng trước khi qua đời, tôi nào cô cũng cố mua bằng được một đồ nữ trang mới - và ông quyết định chọn chuỗi hạt lớn hình như xưa kia vợ ưa thích hơn cả, chuỗi hạt ấy có thể đáng giá - theo ông nghĩ - sáu hay tám quan vì chuỗi hạt này quả thật làm rất công phu đối với một đồ nữ trang giả.

Ông bỏ chuỗi hạt vào túi và đi về phía cơ quan bộ, theo các đại lộ, tìm kiếm một cửa hiệu kim hoàn đáng tin cậy.

Cuối cùng ông tìm được một hiệu và bước vào, hơi hổ thẹn phải phô bày cảnh túng thiếu của mình, đi bán một vật đáng giá chẳng là bao.

- Thưa ông, - ông nói với chủ hiệu, - tôi muốn biết vật này đáng giá bao nhiêu.

Chủ cửa hiệu kim hoàn cầm lấy chuỗi hạt, ngắm nghía, lật đi lật lại, nhắc lên xem nặng nhẹ, lấy kính hiển vi, gọi người làm công, thăm thì nhận xét rồi đặt chiếc vòng lên quầy hàng và đứng ra xa nhìn để nhận định giá trị cho rõ hơn.

Ông Lăngtanh, ngượng nghịu vì tất cả những kiểu cách ấy, sắp sửa buột miệng nói: "Ồ! tôi biết là vật đó chẳng có giá trị gì" thì người chủ kim hoàn nói:

- Thưa ông, chuỗi hạt này giá đáng từ mười hai đến mười lăm ngàn quan, nhưng tôi chỉ có thể mua được với điều kiện là ông cho biết rõ nguồn gốc chuỗi hạt.

Người đàn ông goá vợ tròn xoe mắt và há hốc miệng ra nhìn; chẳng hiểu gì cả, cuối cùng lắp bắp nói: "Ông bảo thế nào?... Ông có chắc không?". Người chủ hiệu hiểu lầm về sự kinh ngạc của ông và trả lời xằng: "Ông có thể đi nơi khác nếu được giá hời hơn. Đối với tôi, chuỗi hạt đó đáng giá cùng lắm là mười lăm ngàn. Nếu ông không tìm đâu được giá cao hơn thì mời ông trở lại đây".

Ông Lăngtanh, ngậy người ra, lấy lại chuỗi hạt và bỏ đi, mơ hồ cảm thấy cần phải suy nghĩ một mình.

Nhưng ra đến ngoài phố bỗng nhiên ông muốn phá lên cười và nghĩ thầm: "Thằng ngốc! ồ! thằng ngốc! giá mà ta cứ nhận ngay xem sao! Thật là chủ hiệu kim hoàn mà không biết phân biệt thật giả".

Và ông lại vào một cửa hiệu khác, ở đầu phố Hoà-bình. Người chủ vừa thấy chuỗi hạt đã thốt lên:

- A! Đúng rồi, tôi biết chuỗi hạt này lắm, ở cửa hàng tôi bán ra đây mà.

Ông Lăngtanh vô cùng bối rối, hỏi:

- Chuỗi hạt đáng giá bao nhiêu?

- Thưa ông, tôi đã bán ra hai mươi lăm ngàn. Tôi sẵn sàng mua lại với giá mười tám ngàn khi nào ông có thể cho tôi rõ, theo luật pháp hiện hành, làm sao ông có được chuỗi hạt này.

Lần này thì ông Lăngtanh ngồi phịch xuống, bủn rủn cả chân tay vì kinh ngạc. Ông nói tiếp:

- Nhưng... nhưng ông hãy xem kỹ đi đã, ông ạ, cho đến nay tôi vẫn tưởng là... đồ giả.

Người chủ hiệu lại nói:

- Ông có thể cho biết quý danh?

- Được lắm. Tên tôi là Lăngtanh, công chức Bộ Nội vụ, tôi ở nhà số 16, phố Macchia.

Người chủ hiệu mở sổ, tra cứu và nói:

- Chuối hạt này quả thực đã gửi tới địa chỉ bà Lăngtanh, 16, phố Macchia, ngày 20 tháng 7 năm 1876.

Và hai người nhìn nhau, người công chức ngây ra vì kinh ngạc, người chủ hiệu đánh hơi thấy một tên kẻ cắp.

Người chủ hiệu nói:

- Ông có thể để lại đây cho tôi chuối hạt này trong hai mươi bốn giờ được không, tôi xin đưa ông giấy biên nhận.

Ông Lăngtanh đáp ứng:

- Được chứ, tất nhiên, - và ông vừa bước ra vừa gấp tờ giấy biên nhận rồi bỏ vào túi.

Ông đi ngang qua đường, đi ngược lên, nhận thấy mình lầm, lại đi quay lại phố Tuylori, qua sông Xen, lại thấy mình lầm, lại trở về đường Săng-Elidê, chẳng có ý nghĩ gì rõ rệt trong đầu. Ông cố suy luận, tìm hiểu. Vợ ông không có thể mua nổi một vật giá

trị đến thế. - không chắc chắn thế. - Nếu thế thì là một tặng phẩm! Một tặng phẩm! Một tặng phẩm của ai? Tại sao?

Ông dừng lại, và ông đứng sừng sững giữa đường cái. Một sự ngờ vực ghê rợn lướt qua đầu ông. - Nàng ư? - Thế thì tất cả các đồ nữ trang khác cũng đều là tặng phẩm! Ông thấy hình như quả đất chuyển động; cây trước mắt ông đổ ụp xuống; ông dang tay, ngã vật ra bất tỉnh.

Ông tỉnh dậy trong cửa hiệu được phẩm, những người khách qua đường đã đưa ông vào đây. Ông nhờ người dân về và ở lì trong nhà.

Ông khóc suốt suốt cho đến đêm, mồm cắn chiếc khăn tay để khỏi kêu lên. Rồi ông đi nằm, người mệt mỏi và phiền muộn, và ông ngủ, một giấc ngủ nặng nề.

Một tia nắng đánh thức ông dậy và ông chậm rãi đi đến cơ quan làm việc. Thật là khó mà làm việc nổi sau những cơn kích động như thế. Ông nghĩ là ông có thể xin cấp trên cho nghỉ và ông liền viết đơn. Rồi ông nghĩ có lẽ phải trở lại cửa hiệu kim hoàn; ông xấu hổ đỏ cả mặt. Ông suy nghĩ mãi.



Nhưng ông cũng không thể để chuỗi hạt ở cửa hiệu kim hoàn được, ông liền mặc áo vào và bước ra phố.

Ngày hôm đó đẹp trời, trên thành phố tươi vui là một giải trời xanh biếc. Người đi đường qua lại, tay dắt túi.

Nhìn họ đi qua mặt, ông Lãngtanh nghĩ bụng: "... Những người có của thật sung sướng. Có tiền thì phiền muộn cũng có thể xua đi được, muốn đi đâu thì đi, đi du lịch, giải trí! Trời! Giá mà ta có nhiều tiền! "

Ông thấy đói bụng, ông không ăn uống gì từ hôm kia. Nhưng túi ông lại rỗng không và ông lại nhớ tới chuỗi hạt. Mười tám nghìn quan! Một món tiền lớn đấy chứ!

Ông bước về phía phố Hoà-bình và đi đi lại lại trên hè, ngay trước cửa hiệu kim hoàn. Mười tám nghìn quan! Hai mươi lần ông định bước vào, nhưng ông xấu hổ cứ chùn lại.

Nhưng ông đói bụng, đói lắm mà một xu chẳng có. Bỗng ông quyết định, vừa đi vừa chạy ngang qua đường để khỏi có thời gian suy nghĩ, ông lao vào cửa hàng kim hoàn.

Vừa trông thấy ông, người chủ hiệu rồi rít kéo ghế mời ông ngồi, miệng tươi cười lễ phép. Ngay cả những người làm công cũng chạy tới, liếc nhìn ông Lăngtanh, mặt mũi hân hoan.

Người chủ hiệu kim hoàn nói:

- Tôi đã điều tra rồi, và nếu ông không thay đổi ý kiến, tôi sẵn sàng gửi ông số tiền tôi đã đề nghị.

Người công chức trả lời:

- Lễ dĩ nhiên là thế.

Người chủ hiệu kim hoàn rút trong ngăn kéo ra mười tám tờ giấy lớn, đếm xong đưa ra cho ông Lăngtanh. Lăngtanh ký vào tờ giấy biên nhận và tay run run bỏ số tiền vào túi.

Ông sắp bước ra khỏi cửa thì quay lại về phía người chủ kim hoàn đang vẫn tươi cười, và mắt nhìn xuống, hỏi:

- Tôi... tôi còn những đồ nữ trang khác... của... cũng của chính người ấy để lại. Ông có mua không?

Người chủ hiệu, nghiêng người trả lời:

- Thưa ông vâng, tất nhiên được thôi - Một người làm công chạy ra ngoài để cười cho thoải, một người khác hỉ mũi thật mạnh.

Ông Lăngtanh không nao núng, đồ mặt tía tai và nghiêm trang lên tiếng:

- Tôi sẽ đem lại cho ông.

Và ông gọi xe ngựa lên đường về lấy đồ nữ trang.

Một giờ sau, ông trở lại cửa hiệu, ông vẫn chưa ăn trưa. Hai người xem xét cân nhắc hết thứ này đến thứ khác, đánh giá từng chiếc một. Phần lớn đều ở cửa hàng này bán ra.

Giờ đây, ông Lăngtanh tranh cãi về giá cả, phát khùng, đòi hỏi xem sổ sách, số tiền càng cao thì tiếng nói càng lớn.

Đôi hoa tai đáng giá hai mươi ngàn quan; vòng đeo tay ba mươi lăm ngàn; cài tóc, nhẫn và khung đeo ảnh nhỏ mười sáu ngàn; bộ ngọc bích và ngọc đỏ mười bốn ngàn; một mặt đá kim cương có dây vàng để đeo cổ bốn mươi ngàn, tổng số là một trăm chín mươi sáu ngàn quan.

Người chủ hiệu nói, về ôn hậu lần chút giễu cợt:

- Của cải của một người dành dụm tất cả vào đồ nữ trang.

Lăngtanh nghiêm trang trả lời:

- Đó cũng là một cách để dành tiền, - và ông bước ra sau khi đã quyết định cùng với người chủ hiệu là ngày hôm sau sẽ có một cuộc tái giám định.

Ra đến ngoài phố, ông nhìn cột Văngđôm<sup>(1)</sup> những muồn leo lên như leo cột mỡ. Ông cảm thấy người nhẹ nhõm muồn chơi trò nhảy qua tượng Hoàng đế đứng cheo leo trên đỉnh cột giữa bầu trời.

Ông đến ăn trưa ở hiệu Voadanh và uống rượu loại hai mươi quan một chai.

Rồi ông lên xe ngựa dạo một vòng qua Rừng Bulônơ, ngồi nhìn các xe cộ, vẻ khinh miệt, âm ỨC muồn thét vào tai những người qua đường: "Ta đây cũng giàu có. Ta có hai trăm ngàn quan".

Bỗng ông nghĩ đến cơ quan làm việc. Ông cho xe ngựa đánh tới đó, quả quyết vào gặp cấp trên để báo:

- Thưa ông, tôi đến xin từ chức. Tôi vừa được thừa kế một khoản ba trăm ngàn quan.

---

(1) Cột xây dựng bằng đồng súng trái phá lấy được của địch, trên có tượng Hoàng đế Napôlêông.

Ông đến bắt tay các bạn đồng nghiệp cũ, tâm sự với họ về dự kiến sống sau này; rồi đến ăn chiều ở quán cà-phê Anh-lê.

Ngồi bên một vị có vẻ lịch sự, ông không thể cưỡng lại được cái miệng cử ngựa ngáy muốn bày tỏ với ông ta, với một giáng điệu kiểu cách, là ông vừa thừa kế bốn trăm ngàn quan.

Lần đầu tiên trong đời, ông xem hát không thấy chán và đêm đó ông chúi vào nhà gái điếm.

Sáu tháng sau, ông tái giá. Người vợ thứ hai là một người đàn bà rất ngay thật nhưng khó tính. Người đó làm ông đau khổ nhiều.

*TRUNG HIẾU dịch*

## CÔ FIFI

Tên thiếu tá người Phổ, hầu tước Facxbe ngồi lọt thõm trong chiếc ghế bành lớn phủ thảm vừa đọc xong mớ giấy tờ hàng ngày, đôi chân đi ủng gác lên đá hoa sang trọng của lò sưởi. Ba tháng nay từ khi hấn đến ngụ trị ở lâu đài Uyvin, cặp đinh thúc ngựa của đôi ủng đã khoét hai lỗ sâu hoắm vào đá mỗi ngày một sâu thêm.

Một tách cà-phê bốc khói trên chiếc bàn xoay khảm hoen ố vì vết rượu mùi, cháy nhăm nhở vì xì-gà, sứt sứt vì dao díp của tên sĩ quan chiến thắng, đôi khi đã ngừng tay gọt nhọn bút chì, tùy hứng rạch lên chiếc bàn xinh xắn những con số hoặc những hình vẽ tùy những lúc hấn uể oải mơ màng.

Đọc xong thư từ và lướt qua báo chí Đức người chạy giấy vừa mang tới, hấn đứng dậy và sau khi ném vào đồng lửa vài ba khúc gỗ tươi to sụ - vì các ngài đồn dân cây cối trong vườn để sưởi - hấn bước đến bên cửa sổ.

Trời mưa như trút nước, một trận mưa vùng Normăngđi tựa hồ có một bàn tay điên cuồng giới

xuông, một trận mưa táp, dày đặc như một bức màn tạo thành một bức tường có những vạch xiên chéo, một trận mưa như quất vào mặt, tung toé, tràn ngập khắp nơi, một trận mưa thật sự của vùng lân cận Ruăng, cái bờ đái đêm của nước Pháp.

Tên sĩ quan ngắm nhìn hồi lâu các bãi cỏ ngập nước và xa xa con sông Ăngđen ứ dâng lên tràn bờ. Hắn đang gõ nhịp lên cửa kính một điệu "vanxơ", miền sông Ranh thì bỗng một tiếng động khiến hắn quay lại: đó là tên phụ tá của hắn, nam tước Kenvaixten, cấp bậc tương đương đại úy.

Tên thiếu tá, người cao lớn như hộ pháp, vai rộng, bộ râu dài hình quạt toả ra phủ kín ngực và tất cả cái thân hình to lớn của hắn gợi cho người ta liên tưởng đến một con công bận quân phục, một con công đuôi xoè ra ở cằm. Hắn có đôi mắt xanh lam, lạnh lùng và hiền, bên má bị một vết gươm trong cuộc chiến tranh với nước Áo; người ta đồn rằng không những hắn là một người tốt bụng mà lại còn là một sĩ quan dũng cảm.

Tên đại úy, thân hình thấp bé, mặt đỏ gay, bụng phệ, bó nịch trong quân phục, râu tóc đỏ bẻm cát ngắn; khi có ánh sáng rọi vào những sợi râu tóc đỏ

như lửa trông ngỡ mặt hần có xoa chất lân tinh. Hai chiếc răng gãy trong một đêm hoan lạc, hần cũng chẳng còn nhớ sự thể vì sao khiến hần khắc ra những tiếng nói ào ào thường chẳng mấy ai hiểu nổi và đầu hần lại chỉ hói riêng trên đỉnh như kiểu thầy tu gọt tóc với những sợi tóc nhỏ quăn vàng ánh bao quanh cái vòng thịt da trần trụi đó.

Tên thiếu tá bắt tay hần và nốc một hơi hết tách cà-phê (tách thứ sáu kể từ sáng) trong khi tên phụ tá báo cáo mọi việc xảy ra trong công tác rồi cả hai cùng bước lại gần cửa sổ và kêu buồn quá. Tên thiếu tá, một con người bình thản, lấy vợ ở quê nhà, thích nghỉ với mọi hoàn cảnh, còn tên đại úy nam tước là dân ăn chơi không biết chán, hay bê tha nơi tửu quán ca lâu chuyên mò gái, thì phát cáu lên về nỗi bị giam hãm từ ba tháng nay trong cái cảnh chạy tịnh bắt buộc ở cái đồn hẻo lánh này.

Nghe thấy tiếng gõ nhẹ vào cánh cửa, tên thiếu tá lớn tiếng bảo mở ra và một người, một trong những tên lính người máy của chúng hiện ra ở khuôn cửa và tên này chỉ cần vào trình diện là đủ biết bữa ăn trưa đã sẵn sàng.



Trong phòng ăn còn có ba tên sĩ quan cấp dưới: trung úy Ôttô đơ Grôxlinh, hai thiếu úy Fritz Soi-naobuộc và tử tước Vinhem Đâyrich, một tên bé loét choắt tóc vàng, hách dịch và tàn bạo đối với binh lính, khắc nghiệt đối với kẻ chiến bại và hung dữ như một khẩu súng khạc đạn.

Từ khi hấn bước chân vào nước Pháp, bạn bè chỉ gọi hấn bằng cái tên: cô Fifi. Sở dĩ hấn có cái biệt danh đó là do điệu bộ ẻo ẹo của hấn, cái thân hình mảnh dẻ chừng như bị bó chèn trong một cái áo nịt phụ nữ, bộ mặt tái xanh thấp thoáng tí ria mép mới lún phún và cũng do hấn có thói quen, muốn tỏ sự miệt thị cao độ đối với người, với vật, luôn luôn dùng cái tiếng Pháp - *fī*, *fī*<sup>(1)</sup>, hấn nói hơi rít giọng.

Phòng ăn lâu đài Uyvin là một căn phòng dài tráng lệ có những tấm gương pha-lê cổ xưa, lỗ chỗ vết đạn và những tấm thảm xù Flăngđơ phủ tường, bị những nhát gươm chén toạc rách từng chỗ phủ xuống, đủ nói lên cô Fifi đã dùng những giờ vô công rỗi nhẽ vào những việc gì.

---

(1) Thán từ tiếng Pháp tỏ ý khinh bỉ.

Trên tường có treo ba bức chân dung của gia đình, một chiến binh mặc áo giáp sắt, một giáo chủ và một vị tổng thống hút những ống điều sủ, dài nghêu, còn trong chiếc khung lâu ngày thếp vàng đã bạc, một mệnh phụ có bộ ngực chên phô ra một cách ngạo nghệ cặp ria mép to tướng bôi bằng than.

Và bữa ăn trưa của mấy sĩ quan diễn ra gần như im lặng trong căn phòng bị huỷ hoại, tối sầm lại vì ma men, rầu rĩ vì quang cảnh chiến bại, căn phòng mà sàn gỗ sồi đã trở thành nhóp nhúa như nền quán rượu.

Đến giờ hút thuốc, khi bọn chúng bắt đầu uống rượu sau khi đã ăn xong thì cũng như mọi ngày, chúng than thở về những nỗi chán chường của chúng. Hết cô-nhắc lại rượu mùi được chuyền tay nhau và tất cả bọn đều ườn người trên ghế, luôn miệng tợp từng ngụm một, mép vẫn gặm chiếc ống điều dài đầu có nõ sủ bao giờ cũng bôi loè loẹt như để quyến rũ người Hôttăngtô<sup>(1)</sup>.

---

(1) Một chủng tộc ở đảo Mađagaxca và Nam Phi.

Cạn cốc chúng lại rót đầy với một cử chỉ uể oải nhần nhục; song cô Fifi luôn tay đập vỡ cốc và tức khắc một tên lính lại đưa ra một chiếc khác.

Một làn khói khét lẹt mờ mịt phủ lấy cả bọn và chúng có vẻ mải mê trong cơn say thiêm thiếp và buồn bã, trong cái cảnh ma men rầu rĩ của những kẻ vô công rồi nghề.

Nhưng bỗng tên nam tước nhồm dậy. Hắn bưng bưng phần nộ rửa: "Trời đất ạ, không thể kéo dài mãi như thế này được, thế nào cũng phải nghĩ ra một trò gì chứ!"

Trung úy Ôttô và thiếu úy Fritz, hai tên Đức, có bộ mặt Đức chính cống, nặng nề và nghiêm trang, đồng thanh hỏi:

- Thưa đại úy, trò gì ạ?

Hắn ngẫm nghĩ mấy giây rồi nói tiếp:

- Trò gì ạ? Cần phải tổ chức một cuộc vui, nếu thiếu tá cho phép.

Tên thiếu tá nhả điều ra:

- Cuộc vui nào kia, đại úy?

Tên nam tước lại gằn:

- Thưa thiếu tá, tôi xin đảm nhiệm tất cả. Tôi sẽ cho *Nhiệm vụ* đi Ruăng để đưa mấy cô về đây, tôi biết họ ở đâu. Ta sẽ chuẩn bị một bữa ăn tối, và lại chẳng thiếu thứ gì và ít ra, chúng ta cũng sẽ có được một tối vui.

Tên bá tước Facxbe nhún vai mỉm cười:

- Ông điên mất rồi, ông bạn ạ.

Nhưng cả mấy tên sĩ quan đều đứng dậy, xúm lại quanh cấp chỉ huy của chúng năn nỉ:

- Xin thiếu tá cứ để mặc đại uý làm, ở đây thật buồn quá!

Cuối cùng tên thiếu tá nghe theo:

- Thôi được, - hắn nói và thế là tên nam tước cho gọi *Nhiệm vụ* đến. *Nhiệm vụ* là một hạ sĩ quan già chẳng thấy cười bao giờ, nhưng nhắm mắt thi hành mọi mệnh lệnh của cấp trên bất kể mệnh lệnh gì.

Hắn đứng ngậy người, bộ mặt thản nhiên, nhận chỉ thị của tên nam tước rồi đi ra, và năm phút sau, một chiếc xe vận tải lớn, phủ vải bạt căng thành hình vòm, đóng bốn ngựa, đã bon bon dưới trời mưa tầm tã.

Ngay lúc đó dường như có một luồng điện đã thức tỉnh đầu óc mọi người; những dáng điệu uể oải đã trở thành ngay ngắn, các khuôn mặt đã tươi tỉnh lên và câu chuyện lại rôm rả.

Mặc dù mưa rào vẫn đổ xuống dữ dội, tên thiếu tá quả quyết là trời đã bớt tối và tên trung úy Ôttô tuyên bố chắc nịch là trời sắp quang đến nơi rồi. Đến cô Fifi hình như cũng không ngồi yên tại chỗ được, hét đứng lên lại ngồi xuống. Cặp mắt trong và dữ tợn đương tìm một vật gì để đập phá. Bỗng gã trẻ tuổi tóc vàng đỏ nhìn thẳng vào bà mệnh phụ có ria, rút khẩu súng ngắn ra.

- Mày sẽ không được chứng kiến cuộc vui này đâu, - hắn thốt lên và không rời khỏi ghế, hắn ngấm. Hai viên đạn nối tiếp nhau xuyên thủng hai con mắt của bức chân dung.

Rồi hắn reo lên: - Ta chơi *mìn* đi!

Thế là mọi câu chuyện bỗng nhiên ngừng bật như thể chúng bị thu hút vào một hứng thú gì mãnh liệt mới mẻ.

Mìn là sáng kiến của hắn, lời phá phách và trò chơi hắn ưa nhất.

Khi rời khỏi toà lâu đài, đích vị chủ nhân bá tước Fecnăng Damoa Đ'Uyvin không kịp mang theo hoặc cất giấu được thứ gì trừ số đồ đạc chôn trong một hốc tường. Vì căn phòng khách rất sang trọng và rộng rãi có cửa thông sang phòng ăn, trước khi vị chủ nhân vội vã bỏ chạy phòng khách lớn này trông chẳng khác gì một gian của viện bảo tàng.

Trên tường treo nào tranh sơn dầu, tranh vẽ chì, tranh thuốc nước giá trị, còn trên các bàn, các giá và trong các tủ kính xinh đẹp, hàng ngàn mỹ vật, lọ độc bình, tượng nhỏ, những tượng người xứ Xăcxơ và đồ sứ Trung Quốc, đồ ngà cổ và pha-lê Vonidơ bày la liệt, đủ thứ ngộ nghĩnh và quý giá.

Giờ thì chẳng còn gì nữa. Không phải là vì bị cướp đi mất - tên thiếu tá bá tước Facxbe cấm ngặt điều đó - nhưng là vì cô Fifi thỉnh thoảng lại chơi mình và ngày hôm ấy, cả mấy tên sĩ quan đều được năm phút đùa nghịch thoải mái.

Tên tử tước loắt choắt đi vào phòng khách tìm vật hán cần. Hắn lấy ra một ấm pha trà Trung-quốc thật nhỏ nhắn và xinh xắn màu hồng, tọng đầy thuốc súng, rồi nhẹ nhàng luồn qua vôi ấm một sợi

bụi nhùi dài, châm lửa đốt và chạy sang phòng bên đặt quả nổ đó.

Rồi hấn nhanh chân lui ra, đóng cửa lại. Tất cả mấy tên Đức đứng chờ, nét mặt tươi cười với cái vẻ hiếu kỳ thơ ngây của con trẻ, và khi tiếng nổ làm rung chuyển lâu đài, vừa dứt, cả bọn đều chạy ủa vào.

Cô Fifi vào trước tiên, diên cuồng vỗ tay trước một pho tượng thần Vệ nữ bằng đất nung bị cụt đầu và tên nào tên nấy đều nhặt lấy những mảnh sứ, ngạc nhiên thấy các cạnh vỡ có những hình thù kỳ lạ, xem xét những chỗ vừa mới bị hư hỏng, tranh cãi nhau về đôi chỗ bị phá hoại đã bị hư sẵn từ lần nổ trước; còn tên thiếu tá thì đưa cặp mắt hiền từ nhìn cái phòng khách rộng lớn bị tan hoang sau loạt bắn phá kiểu Nêrông<sup>(1)</sup> đó, trên sàn rắc đầy mảnh vụn đồ mỹ nghệ phẩm. Hấn bước ra trước tiên, nói với một vẻ hiền hậu:

- Lần này nổ tốt đấy.

---

(1) Hoàng đế La-mã cổ, nổi tiếng hung bạo. Đã đốt thành La-mã để vui đùa.

Nhưng một luồng khói dày đặc đã ùa vào phòng ăn, hoà lẫn với khói thuốc lá khiến bọn chúng đến tắc thở. Tên thiếu tá mở cửa sổ và tất cả bọn sĩ quan trở vào phòng ăn để uống cốc cô-nhắc cuối cùng, đều sán lại gần.

Làn không khí ẩm ướt ập vào căn buồng, mang theo một thứ bụi nước bám lấm tẩm trên râu và một hương vị mưa lụt. Chúng ngẩng nhìn những cây to rũ rượi dưới mưa rào, cái thung lũng mờ mờ hơi sương vì những đám mây đen và thấp ùn ùn kéo đến; và xa xa, chiếc gác chuông nhà thờ sừng sững như một mũi dùi xám dưới trận mưa tầm tã...

Từ ngày bọn Đức đến, chuông không thấy rung lên nữa. Và chẳng đó là sức kháng cự duy nhất quân xâm lược đã vấp phải ở vùng này: sức kháng cự của chiếc gác chuông. Vị cha xứ không hề từ chối việc tiếp đón và nuôi bọn lính Phổ, thậm chí có nhiều lần còn nhận lời uống một chai bia hoặc rượu vang đỏ cùng với tên thiếu tá thù địch, tên này thường vẫn dùng ông làm người trung gian biết điều; nhưng đừng có đòi ông đánh một tiếng chuông; thà ông chịu xử bắn còn hơn. Đó là cái lối riêng của ông để phản đối cuộc xâm lăng, một lối phản đối hoà bình,



dùng sự im lặng để phản đối, cách duy nhất, theo lời ông hợp với nhà tu hành vốn dĩ là con người ôn hoà chứ không phải là kẻ khát máu, và hết thấy mọi người, trong một vùng mười dặm, ai nấy đều ca tụng cái thái độ kiên quyết, quả cảm của cha xứ Săngtavoan đã dám nêu rõ cái tang chung, công bố nó lên bằng sự im lặng ương ngạnh của ngôi nhà thờ.

Sức kháng cự đó khiến cho cả làng phẫn khởi, sẵn sàng ủng hộ vị cha xứ của họ tới cùng, bất chấp mọi chuyện, coi sự phản đối thâm lặng đó như đã cứu vãn được danh dự đất nước. Bà con nông dân dường như cảm thấy mình như vậy là có công với tổ quốc hơn cả Benfo và Xtraxbua<sup>(1)</sup>, họ đã nêu lên được một tấm gương tương tự và cái tên của thôn xóm này sẽ trở thành bất tử, ngoài chuyện đó ra, họ chẳng từ chối thứ gì đối với bọn Phổ chiến thắng.

Tên thiếu tá và bọn sĩ quan của hắn đều cười cái sự dũng cảm vô hại đó và do chỗ cả vùng đều tỏ ra ân cần và mềm dẻo đối với chúng, chúng sẵn

---

(1) Hai thành phố phía đông nước Pháp đã kháng chiến anh dũng chống cuộc xâm lăng của Đức năm 1870.

sàng tha thứ cho cái thái độ yêu nước thâm lặng ấy.

Duy chỉ có tên tử tước Vinhem loát choắt là rất muốn ép chuông nhà thờ phải lên tiếng. Hắn tức tối về việc cấp trên tỏ thái độ khoan dung về chính trị đối với vị tu sĩ, và ngày nào hắn cũng khấn nài tên thiếu tá để mặc hắn làm cho cái chuông phải kêu "boong boong" lên một lần, chỉ một lần thôi, cốt để mua vui một chút. Và, những khi như vậy, hắn làm duyên làm nũng, tán tỉnh như một mục đàn bà, nói năng dịu ngọt như một cô nhân tình vì đang có một điều thèm muốn đến cuồng người, nhưng viên thiếu tá nhất định không nghe cô cho nên Fifi đành chơi cái trò *mìn* trong toà lâu đài Uyvin để tự an ủi.

Cả bọn nắm tên đều túm tụm cả lại ở gần cửa sổ trong vài phút, thở hít cái không khí ẩm ướt. Cuối cùng tên trung úy Fritz bật ra một tiếng cười lè nhè, lên tiếng:

- Quả thực cuộc dạo chơi của các cô ấy sẽ gặp bữa chẳng được đẹp trời.

Sau đó, chúng chia tay nhau mỗi tên đi làm công việc của mình, riêng tên đại úy thì phải lo liệu nhiều thứ để chuẩn bị bữa ăn tối.

Tối đến, khi họp mặt lại, chúng đều phá lên cười vì thấy đứa nào đứa nấy đều diêm dúa và bóng lộn như trong những ngày duyệt binh lớn, chải sáp, súc nước hoa, mặt mày tươi tỉnh. Mái tóc tên thiếu tá có vẻ như bột hoa râm đi so với buổi sáng, tên đại úy thì đã cạo râu, chỉ để lại ria mép trông chẳng khác một ngọn lửa dưới mũi.

Mặc dù mưa, cửa sổ vẫn để mở và chốc chốc một tên trong bọn lại ra nghe ngóng. Đến sáu giờ mười phút, tên nam tước cho biết có tiếng xe lọc cọc ở xa xa. Cả bọn chạy ủa ra và chẳng mấy chốc cỗ xe lớn đã lao tới với bốn con ngựa vằn phi nước đại, bồm lồm đến tận lưng, mình bốc khói, thở hồng hộc.

Và năm phụ nữ bước xuống thêm, năm ả xinh đẹp được bạn tên đại úy chọn lọc rất kỹ - *Nhiệm vụ*, đã trao tay tấm thiệp của tên đại úy cho hân.

Mấy ả chẳng để phải vật nài, tin chắc sẽ được trả tiền hậu hĩ, vả lại cho biết rõ bọn Phô vì đã quen hơi bén tiếng từ ba tháng nay rồi và họ cũng đành cam chịu với người, với thời thế. "Cái nghề chúng mình vốn dĩ nó phải thế", trên dọc đường họ bảo nhau như vậy, chắc hẳn để giải đáp một sự áy

náy thắm kín nào đó của chút ít lương tri còn sót lại.

Và cả bọn vào ngay phòng ăn. Đèn thấp sáng trưng, căn phòng đồ nát thiếu nào trông càng thêm thảm hơn và cái bàn đầy thịt thà, bát đĩa sang trọng và đồ bạc tìm thấy trong tường nơi chủ nhân đã cất giấu khiến cho căn phòng có vẻ một tửu quán của bọn cướp đang chè chén sau một cuộc đi cướp bóc về. Tên đại uý mặt mày hơn hờ vồ lấy mấy ả như một vật quen thuộc, xem xét họ, hôn hít họ, lường theo đúng giá trị của gái làng chơi và khi thấy ba gã trẻ tuổi, mỗi gã muốn chiếm lấy một ả thì hắn cương quyết gạt đi, tự giành lấy việc phân chia cho thực công minh, tùy theo cấp bậc, không để may may xúc phạm đến tôn ti trật tự.

Thế rồi để tránh mọi lời bàn tán, cãi cọ và nghi ngờ thiên vị, hắn xếp các ả thành hàng theo thứ tự cao thấp và cất cái giọng chỉ huy, hỏi ả cao nhất.

- Tên gì?

Ả rướn to giọng lên đáp:

- Pamêla.

Hắn liền tuyên bố:

- Số một tên là Pamêla về phần thiếu tá.

Sau khi hôn ả thứ hai là Blôngđin coi như sở hữu của mình, hắn chia cho tên trung úy Ôttô ả Amăngđã đầy đà, ả Êva *Cà chua* cho tên thiếu úy Fritz và ả bé nhỏ nhất là Raken, tóc đen, trẻ măng, mắt đen láy hạt huyền, người Do-thái, mũi hếch - xác nhận các quy luật là dòng giống Do-thái đều mũi khoằm - cho tên sĩ quan trẻ tuổi nhất là tử tước Vinhem Đâyrich mảnh khảnh.

Vả chẳng cá mảy ả đều xinh đẹp mồm mĩm, dung mạo chẳng khác nhau mảy, điệu bộ và da dẻ đều na ná như nhau do những cuộc hành lạc hàng ngày để nếp sống chung trong nhà chứa hun đúc nên.

Ba gã trẻ tuổi định kéo mảy ả của mình đi ngay nơi khác tạ sự là để đưa bàn chải và xà-phòng cho họ rửa rấy nhưng tên đại úy khôn khéo phản đối, xác nhận các ả cũng sạch sẽ thơm tất rồi; có thể dự tiệc ngay được và những ai lên gác thì lúc xuống sẽ muốn thay đổi, làm phiền các cặp khác. Kinh nghiệm của hắn thắng, chúng chỉ còn cách hôn hít mảy ả thật nhiều, những chiếc hôn chờ đợi.

Bỗng nhiên Raken sặc sụa, ho đến chảy nước mắt và xì cả khói ra hai lỗ mũi. Tên tử tước mượn cơ

hôn ả, đã phì một hơi thuốc lá vào miệng ả. ả không câu kinh mà cũng chẳng nói chẳng rằng, chỉ nhìn hần trừng trừng, từ đáy cặp mắt đen ánh lên một niềm giận dữ.

Tất cả ngồi xuống. Chính tên thiếu tá cũng có vẻ hoan hỉ; hần để Pamela ngồi bên phải, Blôngđin ngồi bên trái, và giở chiếc khăn ăn ra tuyên bố:

- Sáng kiến của đại úy hay lắm.

Hai tên trung úy Ôttô và Fritz lễ phép như ngồi cạnh các bà thượng lưu khiến cho hai ả ngồi kề đâm ra rụt rè, nhưng tên nam tước Kenvaixten được mặc sức phóng túng nên toe toét hơn hờ phun ra những câu chọt nhả, đầu hần tựa đang bốc cháy với cái vành tóc đỏ bèm. Hần tán tỉnh bằng thứ tiếng Pháp miền sông Ranh và những lời ca tụng rẻ tiền của hần, phì qua hai lỗ răng khuyết, bắn toé vào các ả một trận mưa nước dãi.

Vả chẳng các ả cũng chẳng hiểu gì hết và trí thông minh của các ả dường như chỉ bừng tỉnh khi hần thò ra những lời tục tĩu, những câu song sượng bị cái giọng hần xén mất đầu mất đuôi. Thế là cùng một lúc mấy ả đều cười rû như những con diên, ngã lẫn vào lòng bọn sĩ quan ngồi bên, nhắc lại những

tiếng mà tên nam tước cố ý nói chạnh đi để buộc các ả tuôn ra những lời bần thiú. Chỉ mới mấy chai rượu vang đầu tiên, các ả đã say mềm, thôi thì các ả tha hồ mà nói nhảm và trở lại nguyên hình rồi, các ả buông thả theo những thói tật, các ả hết hôn cặp má bên phải, lại đến bộ ria mép bên trái, cầu chì, rít lên những tiếng giận dỗi, vục miệng vào hết thấy các cóc, gào lên những điệu hát Pháp và mấy mẫu bài hát Đức học được khi giao dịch hàng ngày với quân thù.

Chẳng mấy chốc chính bọn đàn ông cũng mê mẩn về da thịt đàn bà phơi ra ngồn ngộn trước mũi và trong tay mình, chúng cuồng lên, gào thét, đập vỡ bát đĩa, còn bọn lính thì cứ điềm nhiên đứng sau lưng chúng mà hầu hạ.

Duy có tên thiếu tá là còn giữ gìn được tư cách.

Cô Fifi đặt Raken lên đùi và vờ bóc, khi thì hôn như điên như dại những sợi lông tơ xoắn đen nhánh trên cô ả, và gí mũi vào tận lần áo mỏng dính sát vào da thịt và hít lấy cái hơi ấm áp dịu dàng, cái hơi hương của thân hình ả; khi thì trong cơn hưng dữ điên cuồng và thúc đẩy vì ý muốn phá phách lần vài khiến ả phải kêu lên. Lại có nhiều lần hân ôm

châm, ghì chặt lấy ả, gí mãi cặp môi vào cái miệng tươi tắn của người phụ nữ Do-thái, hôn ả tưởng đến đứt hơi; nhưng đột nhiên hấn bập răng mạnh vào môi ả đến nổi máu chảy ròng ròng xuống cằm rồi chảy vào bên trong áo người thiếu phụ.

Một lần nữa, ả lại nhìn thẳng vào mặt hấn rồi chùi vết thương lắm bầm:

- Cái này phải trả nợ đây.

Hấn phá lên bật cười, một tiếng cười dữ tợn:

- Ta sẽ trả, - hấn đáp.

Rồi đến món tráng miệng; rượu sâm-banh được rót ra. Tên thiếu tá đứng dậy và với cái giọng như hấn dùng khi chúc sức khỏe nữ hoàng Ôguyxta, hấn cạn cốc:

- Xin chúc sức khỏe các phu nhân! và một loạt chúc tụng chạm cốc bắt đầu, những lời chúc tụng theo kiểu lịch sự của bọn lính tráng và những tên say rượu lẫn với những lời bông đùa tục tĩu mà do chỗ không ai biết tiếng nên càng sống sượng.

Chúng lần lượt đứng dậy, hết tên này đến tên khác, cố nặn óc, cố gắng pha trò, còn mấy ả thì say



tiếng mà tên nam tước cố ý nói chạnh đi để buộc các ả tuôn ra những lời bẩn thỉu. Chỉ mới mấy chai rượu vang đầu tiên, các ả đã say mềm, thôi thì các ả tha hồ mà nói nhảm và trở lại nguyên hình rồi, các ả buông thả theo những thói tật, các ả hết hôn cặp má bên phải, lại đến bộ ria mép bên trái, cầu chì, rít lên những tiếng giận dữ, vục miệng vào hết thấy các cốc, gào lên những điệu hát Pháp và mấy mẫu bài hát Đức học được khi giao dịch hàng ngày với quân thù.

Chẳng mấy chốc chính bọn đàn ông cũng mê mẩn về da thịt đàn bà phơi ra ngồn ngộn trước mũi và trong tay mình, chúng cuồng lên, gào thét, đập vỡ bát đĩa, còn bọn lính thì cứ điềm nhiên đứng sau lưng chúng mà hầu hạ.

Duy có tên thiếu tá là còn giữ gìn được tư cách.

Cô Fifi đặt Raken lên đùi và vờ bốc, khi thì hôn như điên như dại những sợi lông tơ xoắn đen nhánh trên cô ả, và gi mũi vào tận lần áo mỏng dính sát vào da thịt và hít lấy cái hơi ấm áp dịu dàng, cái hơi hương của thân hình ả; khi thì trong cơn hưng dữ điên cuồng và thúc đẩy vì ý muốn phá phách lần vài khiến ả phải kêu lên. Lại có nhiều lần hấn ôm

mềm, hai mắt lơ đãng, mồm miệng lè nhè, cứ mỗi lần lại ra sức vỗ tay.

Tên đại úy chắc hẳn muốn cho bữa tiệc dân cường thêm phần lịch sự, lại nâng cốc một lần nữa và hô:

- Chúc mừng cuộc chiến thắng của chúng ta trên mặt trận trái tim!

Thế là tên trung úy Ôttô, nom như con gấu khu Rừng đen, bốc lên, hơi men đã ngấm, đứng dậy. Và đột nhiên bùng bùng nổi lòng yêu nước của thằng say rượu, hẳn hô to:

- Chúc mừng những cuộc chiến thắng của chúng ta trên đất Pháp!

Mặc dù say các ả cũng im bật; và Raken rùng mình quay lại:

- Đây bảo cho anh biết có những người Pháp, anh không nói thể trước mặt họ được đâu!

Song tên tử tước loắt choắt vẫn để ả ngồi trên lòng, bật lên cười, ma men làm hẳn vui hẳn lên:

- A ha! riêng ta chẳng gặp đứa nào như thế bao giờ, vừa thấy bóng bọn ta là chúng đã chuồn hết!

Người con gái nổi xung lên, hét thẳng vào mặt hắn:

- Nói láo, đồ khốn!

Thoảng một giây đồng hồ, với cặp mắt trong hần chăm chăm nhìn thẳng vào cô như những lúc hắn cầm súng ngắm bắn thủng các bức hoạ rồi hắn bật cười:

- À được, hãy nói về chuyện ấy đi cô em! Nếu chúng can đảm thì sao bọn ta lại ở đây?

Rồi hắn bật:

- Chủ chúng là bọn ta! Nước Pháp là của ta!

Cô ta giãy một cái rồi khỏi đùi hắn, ngồi phịch xuống ghế. Hắn đứng lên, giơ cốc ra tận giữa bàn và nhắc lại:

- Nước Pháp và cả người Pháp là của ta, rừng núi, cánh đồng, nhà cửa nước Pháp là của ta.

Mấy tên kia hoàn toàn say mềm, cái máu hăng hái nhà binh đột nhiên được kích động, thứ hăng máu của những tên cục súc vội vồ lấy gốc, gào lên:

- Nước Phổ vạn tuế! và nốc một hơi cạn.

Mấy người đàn bà buộc phải ngậm miệng, sợ sệt không dám ho he. Đến Raken cũng im tiếng, không nói lại được một lời.

Lúc đó tên tử tước loắt choắt liền đặt lên đầu người đàn bà Do-thái chiếc cốc mới rót đầy ắp sâm-banh, hấn la to:

- Tất cả phụ nữ Pháp cũng đều là của ta nốt.

Raken đứng phắt dậy nhanh đến nỗi chiếc cốc pha-lê nghiêng ngã tung toé rượu nho vàng vào mớ tóc đen như trong buổi lễ rửa tội rồi rơi xuống đất vỡ tan. Cặp môi run rẩy, cô trừng mắt nhìn tên sĩ quan vẫn đang cười và lúng búng, giọng nghẹn ngào vì giận dữ:

- Cái đó, cái đó thì không đúng, bọn anh không thể chiếm đoạt được phụ nữ Pháp!

Tên kia liền ngồi xuống để cười cho thoả và cố lấy giọng người Pari:

- Thật buồn cười, vậy thì hỏi cô em đến đây làm gì, hử cô em?

Cô sưng sờ im bật vì trong lúc bối rối chưa hiểu ra nhưng khi vỡ lẽ về ý hấn muốn nói gì, cô liền phần nộ sồn sồn quát thẳng vào mặt hấn:

- Tao ấy à? Tao ấy à? Tao không phải là một phụ nữ, tao là một con đĩ, với bọn Phở chúng mày thì đáng có thể thôi!

Cô chưa dứt lời thì đã bị hấn thẳng cánh tát cho một cái nhưng khi thấy hấn lại giơ tay lên lần nữa thì cô giận dữ điên lên vớ lấy ở trên bàn một con dao nhỏ lưỡi bạc dùng ăn lúc tráng miệng và đánh loáng một cái, nhanh đến nỗi mới đầu không ai kịp nom thấy gì, đâm thẳng vào cổ hấn, đúng vào chỗ lõm ngay phía trên ngực.

Một lời hấn định nói tát ngang trong cổ họng, hấn há hốc miệng ra với cặp mắt khủng khiếp.

Tất cả đều hét lên và ầm ầm đứng dậy; nhưng cô liền quăng chiếc ghế ngồi vào cẳng tên trung úy. Ôtô làm hấn ngã sòng soài, rồi chạy ra cửa sổ, mở cửa trước khi bọn chúng đuổi kịp cô, lao mình vào trong đêm tối dưới làn mưa vẫn đang trút xuống.

Hai phút sau cô Fifi tắt thở. Thế là hai tên Fritz và Ôtô liền rút gươm ra định giết những người đàn bà đương phục xuống dưới chân chúng. Tên thiếu tá phải vất vả lắm mới ngăn được cuộc chém giết đó, cho đem nhốt bốn người con gái đang sợ chết khiếp vào một căn buồng có hai tên lính canh rồi

dàn quân như sắp sửa ra trận, hẳn tổ chức cuộc lòng bắt cô gái chạy trốn, chắc mẩm mười mười là tóm được.

Năm mươi tên lính bị những lời hăm dọa kích động được xua vào khu vườn. Hai trăm tên khác sắp tạo các khu rừng và tất cả các nhà trong thung lũng.

Bàn ăn được dọn sạch trong chốc lát bây giờ dùng làm linh sàng và bốn tên sĩ quan người cứng đơ, hết cả say, về mặt rắn cẳng của bọn lính chiến làm nhiệm vụ đứng bên cạnh cửa sổ, đôi mắt xoi mói nhìn vào đêm tối.

Trời vẫn mưa tầm tã. Một tiếng rí rách liên hồi tràn vang trong bóng tối, một thứ tiếng rì rào phẳng phát của giọt mưa rơi và nước mưa chảy, của tiếng nước nhỏ giọt và tiếng nước bắn tung toé.

Bỗng một tiếng súng nổ rồi một tiếng nữa xa tít tắp và suốt bốn tiếng đồng hồ, thỉnh thoảng lại nghe thấy những tiếng nổ hoặc gần hoặc xa, những tiếng kêu tập hợp, những tiếng lạ tai hét lên gọi nhau bằng những giọng ồ ồ.

Đến sáng thì tất cả bọn đều trở về. Có hai tên lính chết và ba tên khác bị thương do đồng đội bắn

phải trong khi hung hăng lòng bắt và hốt hoảng săn đuổi trong đêm tối.

Không tìm thấy Raken.

Thế là dân chúng bị khủng bố, nhà cửa bị lục lộn nhào, khắp vùng bị càn đi quét lại tơi bời. Người đàn bà Do-thái dường như không để lại một dấu vết nào.

Tên tướng được tin ra lệnh dập tắt câu chuyện để tránh gương xấu trong quân đội và thi hành kỷ luật tên thiếu tá, tên này liền phạt bọn hạ cấp. Tên tướng' quở: "Chiến trận có phải để phè phỡn và đùa đờn với bọn nhà chứa đâu". Và tên hầu tước Facxbe điên tiết liền ráp tám trút thù lên đầu địa phương đó.

Vì phải kiếm một lý do để thắng tay trừng trị, hẳn cho gọi vị cha xứ đến và hạ lệnh phải kéo chuông làm lễ đưa đám tên tử tước Dâyrinh.

Trái với mọi dự đoán, vị cha xứ tỏ ra ngoan ngoãn, nhẫn nhục, lễ phép. Và khi linh cữu cô Fifi do mấy tên lính khiêng đằng trước, đằng sau và bốn chung quanh đều có lính vác súng nạp đạn sẵn đi hộ tống, rời khỏi lâu đài Uyvin đi ra nghĩa địa thì

lần đầu tiên tiếng chuông cầu hồn vang lên với những tiếng bính boong linh lợi, tựa hồ như được một bàn tay thần tình nào vuốt ve.

Mãi đến tối chuông vẫn kêu và cả ngày hôm sau nữa, và rồi ngày nào cũng thế, chúng muốn chuông kêu bao lâu cũng được. Thậm chí có lúc đêm khuya chuông tự nhiên rung lên buông nhẹ hai ba tiếng vào bóng tối, như mắc phải chứng vui kỳ quặc thức tỉnh dậy không rõ vì sao. Hồi ấy bà con nông dân đều cho là chuông có ma và không ai dám đến gần gác chuông nữa ngoài vị cha xứ và thầy quản lễ.

Là vì một cô gái tội nghiệp đang sống trên đó trong niềm kinh hãi và cô đơn, được hai người giầu giém nuôi ăn.

Cô ta ở mãi đây cho đến khi quân Đức rút đi. Rồi một buổi tối, vị cha xứ mượn chiếc xe ngựa có ghế dài của bác thợ làm bánh mì, thân hành đưa người nữ tù nhân của mình đến tận cổng thành Ruăng. Tới nơi, nhà tu hành ôm hôn người con gái, cô xuống xe lạnh lẽo đi bộ về ngôi nhà chứa, mục chủ cứ ngỡ cô chết rồi.



Ít lâu sau cô gái được một người yêu nước chẳng quản ngại tiếng tăm, mến cô vì cái cử chỉ đẹp đẽ kia, chuộc cô ra, rồi sau yêu cô thực sự, cưới cô làm vợ, cô trở nên một vị phu nhân chẳng kém gì nhiều bà khác.

*TRUNG HIẾU dịch*

## CON QUỲ

Gã nông dân đứng đối diện viên thầy thuốc, trước giường người hấp hối. Bà lão, lặng lẽ, nhẩn nhục, mình mẫn, nhìn hai người đàn ông và nghe họ trò chuyện. Bà sắp chết; bà không cưỡng lại, đời bà hết rồi, bà đã chín mươi hai tuổi.

Qua cửa sổ và cửa ra vào để ngỏ, mặt trời tháng bảy tràn vào, rọi ánh nắng nóng nực lên nền đất nâu, mấp mô, đã nện lèn dưới gót guốc của bốn thế hệ dân quê. Cả mùi vị đồng ruộng cũng thoảng vào, do cơn gió oi bức thổi tới, mùi cỏ, mùi lúa mì, mùi lá khô nở dưới sức nóng ban trưa. Châu chấu kêu ran ran, khiến đồng quê vang lên tiếng lách tách lao xao, giống tiếng những con cào cào gõ bán cho trẻ em chơi trong hội chợ.

Thầy thuốc cất cao giọng, nói:

- Bác Ônô-rê, bác không thể để bà cụ bác trợ trợ một mình trong tình trạng này được. Bà cụ sẽ tắt thở bất kỳ lúc nào!

Và gã nông dân, phiền muộn, nhắc lại:

- Tôi phải gặt lúa cho xong chứ: lúa chín rũ xuống lâu quá rồi. Vừa may tốt trời. Này, mẹ bảo sao hử?

Và bà lão hấp hối, hãy còn bị day dứt vì thói keo kiệt của gã Noomăng, "ừ" bằng mắt và trán, ý bảo con đi gặt lúa và cứ để bà chết một thân một mình.

Nhưng viên thầy thuốc nổi giận và dậm chân:

- Bác chỉ là đồ súc vật thôi, bác biết chưa, và tôi không cho phép bác làm như thế, bác biết chưa? Và nếu bác buộc phải gặt lúa về ngay ngày hôm nay, thì đi mà tìm mụ Rapê, chứ sao! và bảo mụ ấy trông nom bà lão. Tôi muốn thế, bác biết chưa? Và nếu bác không nghe lời tôi thì khi nào đến lượt bác ốm, tôi sẽ để mặc bác chết như con chó ấy, bác biết chưa?

Gã nông dân người cao gầy, cử chỉ chậm chạp, bị dẫn vật vì do dự, vì sợ thầy thuốc và vì lòng ham chắt bóp dữ dội, ngần ngại, toan tính, ấp úng:

- Thế nhà mụ Rapê, mụ ấy lấy ngần nào, để coi sóc?

Viên thầy thuốc hét lên:

- Tôi biết đâu đấy! Đó là tùy theo thời gian bác nhờ mụ ấy. Bác đi mà thu xếp với mụ ấy chứ! Rõ

thật! Nhưng tôi muốn một giờ đồng hồ sau, mẹ ấy phải có ở đây, bác biết chưa?

Gã đàn ông quyết định:

- Tôi đi đây, tôi đi đây, ông thầy thuốc, ông đừng có bực.

Và bác sĩ ra đi, còn dặn:

- Bác phải biết, phải biết, liệu đấy, vì tôi ấy, tôi mà bực lên thì tôi không đùa đâu!

Còn lại một mình, gã nông dân quay nhìn mẹ, và bằng một giọng nhần nhục:

- Tôi đi tìm mẹ Rapê vậy, vì cái nhà ông ấy muốn thế. Tôi chưa về, mẹ đừng có lo.

Và gã cũng ra đi.

Mẹ Rapê, một mẹ thợ giặt già, thường trông nom người chết, người ốm ở làng và ở các vùng lân cận. Rồi bỏ xong khách hàng vào tắm vải mà họ không bao giờ ra khỏi nữa, mẹ lại quay ra cầm bàn là, là quần áo cho người sống. Rắn reo như quả táo khô từ năm ngoái còn lại, tàn nhẫn, ganh ghét, keo kiệt, một sự keo kiệt đến mức kỳ quái, người cúi gập xuống như thể bị gãy xương hông vì động tác triền miên đưa bàn là trên vải, dường như mẹ có một mối

tình quái đản và trắng trợn với sự hấp hối. Mụ chỉ nói đến những kẻ mụ đã nhìn thấy họ chết, đến đủ loại chết khác nhau mà mụ đã tham dự; và mụ kể lại hết sức tỉ mỉ những chi tiết bao giờ cũng giống nhau, hết như một tay săn bắn thuật lại các phát súng của y.

Khi Ônô-rê Bông-tăng đến nhà mụ, gã thấy mụ đang pha nước lợ để hồ cổ áo cho các bà người làng.

Gã nói:

- Chào mụ, mụ Rapê, công việc có khá không?

Mụ quay đầu về phía gã:

- Vây thôi, vây thôi. Còn nhà bác thế nào?

- Ô, phần tôi thì được, nhưng bà cụ nhà tôi không ổn.

- Bà cụ bác hử?

- Ừ, bà cụ!

- Bà cụ sao hử?

- Bà cụ sắp chết!

Mụ già rút tay khỏi nước, những giọt nước xanh xanh trong suốt chảy đến tận đầu ngón tay mụ rồi lại rơi xuống chậu.

Mụ hỏi, đột nhiên có thiện cảm:

- Bà lão nặng thế kia hử?
- Thầy thuốc bảo chả qua khỏi chiều nay.
- Thế thì nặng lắm rồi!

Ônôre ngán ngại. Cần rào đón ít nhiều trước khi bàn với mụ điều gã đã chuẩn bị. Nhưng chẳng biết nói năng thế nào, gã bỗng quyết định phất:

- Nay, trông nom bà lão cho đến xong thì mụ lấy bao nhiêu? Mụ biết là tôi chả giàu có gì đâu. Mượn một người ở cũng chả đủ. Rõ khổ bà cụ nhà tôi, chính vì thế mà bà cụ đến nước này đây, lo lắng nhiều quá, vất vả nhiều quá! Một mình làm bằng mười người ấy, mà chín mươi hai tuổi đầu rồi.

Mụ Rapê nghiêm trang đáp:

- Có hai giá: người giàu thì bốn mươi xu ban ngày, ba quan ban đêm. Người khác thì hai mươi xu ban ngày, bốn mươi xu ban đêm. Bác trả tôi hai mươi, bốn mươi.

Nhưng gã nông dân còn nghi ngại. Gã biết rõ bà mẹ gã lắm. Gã biết là bà lão bèn bị, trắng kiện và dai sức đến như thế nào. Mặc dù thầy thuốc nói thế chứ dễ phải kéo đến tám ngày mới xong.

Gã cả quyết nói:

- Không, tôi muốn mụ định cho tôi một giá, thế, một giá để trông cho đến xong. Tôi cũng liều may rủi xem sao. Thầy thuốc bảo là bà sắp đi ngay. Nếu thế thì hay cho mụ, thiệt cho tôi. Nhưng nếu bà lão còn đến mai hay lâu nữa thì hay cho tôi, thiệt cho mụ!

Mụ coi người ốm ngạc nhiên, nhìn gã đàn ông. Mụ chưa từng nhận khoán một cái chết nào. Mụ ngần ngừ, cũng muốn thử câu may xem sao. Rồi mụ nghi người định bịp mình.

- Chưa nhìn thấy bà lão nhà bác thì tôi chưa nói năng gì được. Mụ trả lời .

- Thế thì đi, đi xem.

Mụ chùi tay rồi theo gã đi luôn.

Dọc đường họ chẳng nói năng gì. Mụ đi tất tưởi, trong khi gã sải đôi cẳng chân dài như thể mỗi bước đều phải bước qua một con suối.

Những con bò nằm trong đồng, mệt mỏi vì nóng bức, nặng nề ngừng đầu lên và rống khe khẽ, hướng về phía hai người đi qua, để xin họ ít cỏ tươi.

Gần về đến nhà, Ônô-rê Bông-tăng lẩm bẩm:

- Ngộ xong rồi thì sao?

Và niềm ao ước bất tự giác của gã bộc lộ ra trong giọng nói.

Nhưng bà lão không hề chết. Bà nằm ngửa, trên chiếc giường nát, hai bàn tay đặt lên cái chân vải tím, những bàn tay gầy một cách kinh khủng, gân guốc xù xì, giống như những con vật lạ lùng, như những con cua, và quắp lại vì bệnh tê thấp, vì những nỗi nhọc nhằn, vì những công việc chúng đã làm gần suốt một thế kỷ.

Mụ Rapê lại bên giường, ngấm người hấp hối. Mụ xem mạch sờ ngực, nghe bà lão thở, hỏi han để nghe bà nói, rồi sau khi đã ngấm nghĩa bà lão thêm một hồi lâu, mụ đi ra, Ônô rê theo đằng sau. Ý mụ đã định. Bà lão không còn được đến tối. Ônô rê hỏi

- Thế nào?

Mụ trả lời:

- Thế này, phải kéo đến hai ngày, có khi ba. Bác cho tôi sáu quan tất cả.

Gã kêu lên:



- Sáu quan! sáu quan! Mụ lẫn rồi à? Tôi bảo cho mụ biết là bà lão còn được năm, sáu giờ đồng hồ nữa thôi, không hơn đâu!

Và họ mặc cả rất lâu, cả hai đều ráo riết hăm hở. Thấy mụ gác định ra về, thấy thời gian trôi qua, thấy lúa mì của mình không tự gặt về được, cuối cùng gã đồng ý:

- Thôi được, thế là ngã ngũ, sáu quan, tất cả, đến lúc đem đi chôn.

- Thế là ngã ngũ, sáu quan.

Và gã ra đi, bước người bước dài, đến với lúa mì của gã đang rạp xuống đất, dưới mặt trời nặng nề hun chín mùa màng.

Mụ Rapê quay vào trong nhà.

Mụ đã đem đồ khâu vá đến, vì bên người hấp hối và người chết, mụ vẫn làm việc không ngừng, khi thì làm cho mụ, khi thì cho gia đình thuê mụ làm cả hai việc một lúc, trả thêm tiền công.

Thốt nhiên, mụ hỏi:

- Mụ Bôngtăng này, thế đã làm lễ xức dầu cho mụ chưa?

Bà lão nông dân lắc đầu ra ý "không", và mẹ Rapê vốn người sùng đạo, hấp tấp đứng dậy:

- Lạy Chúa, ai lại thế bao giờ? Để tôi đi tìm cha xứ

Và mẹ tất tả đến nhà xứ, vội vã đến mức bọn trẻ con trông thấy mẹ chạy long tong như thế, cứ tưởng có chuyện rủi ro gì xảy ra.

Linh mục đến ngay, mặc áo lễ trắng, đưa bé hầu lễ đi trước lúc lắc cái chuông con để báo hiệu có Chúa Trời đi qua đồng quê oi bức và yên tĩnh. Những người đàn ông làm lụng ở đằng xa, ngả mũ và đứng đợi cho tà áo trắng khuất sau một trang trại; những người đàn bà đang lượm lúa đứng thẳng lên để làm dấu thánh giá, những con gà mái đen, hoảng sợ, chạy trốn dọc theo đường hào, đứng đưa hai chân, cho đến tận cái hố rất quen thuộc với chúng, và lỏn ngay vào đó; một con ngựa non buộc ở cánh đồng cỏ, nhìn thấy tà áo lễ đâm hoảng, chạy vòng quanh đầu sợi dây, vừa chạy vừa lồng lên. Chú bé hầu lễ mặc áo đỏ, rào bước; và linh mục, đầu ngả về một bên vai, đội mũ vương, vừa theo sau vừa cầu kinh; còn mẹ Rapê đi sau cùng, cúi rạp người xuống,

gập mình làm đôi, như thể vừa đi vừa lạy, hai tay chấp lại như ở nhà thờ.

Từ xa, Ônô-rê nhìn thấy họ. Gã hỏi:

- Cha xứ đi đâu ấy nhỉ?

Người làm của gã, tinh tế hơn, trả lời:

- Cha mang mình Chúa đến cho bà cụ nhà bác chứ còn gì nữa!

Gã nông dân không ngạc nhiên:

- Ừ, cũng có khi như vậy!

Và gã lại tiếp tục làm.

Mụ Bông-tăng xưng tội, được rửa tội, chịu lễ; và linh mục ra về, để lại hai người đàn bà với nhau trong túp nhà tranh ngột ngạt.

Thế là mụ Rapê ngắm nhìn người hấp hối, và tự hỏi xem liệu có lâu không.

Trời ngả về chiều. Gió đã mát lùa vào mạnh hơn, làm một bức tranh Ê-pinan cài bằng hai chiếc đinh ghim phát phoi đập vào tường. Những tấm rèm che cửa sổ, xưa kia trắng, nay vàng và đầy vết ruồi bâu, có vẻ như bay lên, như giãy giụa, như muốn ra đi, cũng như linh hồn bà lão.

Bà lão, yên lặng, hai mắt mờ, dường như thân nhiên chờ đợi cái chết cực gần mà chậm đến. Hơi thở ngắn của bà hơi rít trong cổ họng bị se lại. Lát nữa đây, hơi thở ấy sẽ ngừng, và trên đời sẽ bớt đi một người đàn bà chẳng ai thương tiếc.

Sẩm tối, Ônô rê về. Gã lại gần giường, thấy mẹ còn sống, và gã hỏi: - Thế nào mẹ?

Giống như trước kia vẫn hỏi khi bà lão khó ở.

Rồi gã cho mẹ Rapê về, và dặn:

- Sáng mai, năm giờ, không sai nhé.

Mẹ trả lời: - Sáng mai, năm giờ

Quả thật, trời vừa sáng là mẹ đến.

Ônô rê, trước khi ra đồng, ăn món xúp gã tự nấu lấy.

Mẹ Rapê hỏi:

- Thế nào, bà cụ nhà bác đi chưa?

Gã trả lời, đuôi mắt nheo lại láu lỉnh:

- Bà lão lại khá hơn thì phải.

Và gã ra đi.

Mẹ Rapê, lo lắng, lại gần người hấp hối, bà lão vẫn ở trong tình trạng cũ, khô khè tức thở và thờ ơ bình thản mắt mờ, tay co quắp trên chân.

Và mẹ gác hiểu rằng có thể kéo dài hai ngày, bốn ngày, tám ngày như thế này; và một nỗi kinh hoàng co thắt trái tim keo kiệt của mẹ, trong khi một cơn tức tối giận giữ bùng bùng nổi lên với cái tay lấu cá đã bóp mẹ và với cái mẹ đàn bà không chết đi này.

Tuy vậy mẹ vẫn làm việc, mắt đăm đăm nhìn vào bộ mặt răn reo của mẹ Bôngtăng.

Ônôré trở về ăn bữa trưa. Gã có vẻ hài lòng, hầu như giễu cợt; rồi gã lại đi. Chắc hẳn gã gặt lúa trong những điều kiện thật mỹ mãn.

Mẹ Rapê nổi xung; mỗi phút trôi qua giờ đây mẹ tưởng như thời gian bị ăn cắp, như tiền bạc bị ăn cắp. Mẹ muốn, muốn một cách điên cuồng, muốn tóm cổ cái con lừa cái già kia, cái mẹ già ương ngạnh kia, cái mẹ già ngoan cố kia, và bóp lại một tí, làm ngưng cái hơi thở gấp gấp nho nhỏ kia, nó ăn cắp thời gian và tiền bạc của mẹ.

Rồi mẹ nghĩ tới sự nguy hiểm, và trong đầu nảy ra những ý khác, mẹ lại gần giường.

Mẹ hỏi: - Mẹ đã trông thấy quỷ bao giờ chưa?

Mẹ Bôngtăng thì thào: - Không.

Thế là cụ gác bèn nói chuyện, bèn kể cho bà lão nghe các câu chuyện để khùng bỏ cái linh hồn suy nhược của kẻ sắp chết.

Mụ bảo là vài phút trước khi tắt thở, cụ thường hiện ra với tất cả những người hấp hối. Tay nó cầm cái chổi, đầu nó đội cái nồi, và nó hét rất to. Khi đã nhìn thấy nó, là xong đời đấy, chỉ còn chốc lát nữa thôi. Và cụ liệt kê tất cả những ai đã thấy cụ hiện hình, trước mắt cụ, trong năm nay: Giôxêphanh Loaden này, Ôlali Rachiê này, Xôphi Pađanhô này, Xêraphin Grôpiê này.

Mụ Bôngtăng rất cuộc bị xúc động, bốn chôn cửa quây, động dậy tay, thử ngoái đầu để nhìn vào góc buồng trong cùng.

Đột nhiên cụ Rapê biến mất ở chân giường. Cụ lấy trong tủ một tấm vải trải giường, quấn vào người; cụ đội cái nồi, ba chân nồi ngắn và cong dựng lên như ba cái sừng, tay phải cụ với cái chổi, tay trái với cái xô sắt tây mà cụ bỗng tung mạnh lên để nó rơi xuống loảng xoảng.

Đụng phải mặt đất, nó khua âm âm dữ dội, thế là cụ trèo lên ghế vên tấm màn treo ở đầu giường và xuất hiện, tay chân vung vẩy, hét lên những tiếng

thé thè từ đáy chậu sắt che kín mặt và giờ chổi ra doạ dẫm bà già nông dân sắp tắt thở.

Hốt hoảng, mắt nhìn đờ dại, bà lão hấp hối gắng gỏi một cách phi thường để nhòem dậy chạy trốn, bà đưa được cả vai và ngực ra khỏi chăn; rồi ngã xuống, thở hắt rất dài. Thế là xong.

Và mẹ Rapê, bình thân, xếp tất cả đồ đạc vào chỗ cũ, cái chổi vào góc tủ, vải trải giường vào trong tủ, nồi đặt lên bếp lò, xô để trên tấm ván, ghé dựa vào tường. Rồi với những cử chỉ chuyên nghiệp, mẹ vượt đôi mắt to trùng trùng của người chết, đặt lên giường một cái đĩa rót nước thánh, lấy nhành dương treo trên tủ nhúng vào và quỳ xuống, nhiệt thành đọc những bài nguyện cho người qua đời mà mẹ thuộc lòng, do nghề nghiệp.

Và đến tối, khi Ônôre trở về, gã thấy mẹ đang cầu kinh, và gã tỉnh ngay ra rằng mẹ còn được lợi của gã ba mươi xu, vì mẹ chỉ mất có ba ngày một đêm, tất cả là đi năm quan, chúc không phải sáu quan như gã phải trả mẹ.

LÉ HỒNG SÂM dịch

## SÁNG TRĂNG

Ông ta rất hợp với cái tên trần mạc của mình, tu viện trưởng Marinhăng<sup>(1)</sup>. Đó là một tu sĩ gầy gò, cao lớn cuồng tín, tâm hồn luôn luôn bùng bật phần khích, nhưng ngay thẳng. Mọi tín ngưỡng của ông đều cố định, không hề dao động. Ông thành thực cho rằng mình hiểu biết Đức Chúa Trời của mình, thấu suốt được dự định, ý chí, dụng tâm của Chúa.

Trong khi dạo những bước dài dọc lối đi của toà tu viện nhỏ xứ quê, một câu hỏi thỉnh thoảng lại nảy ra trong óc ông: "Vì sao Chúa tạo nên điều này?". Và ông khẳng khái tìm tòi, tự đặt mình vào địa vị Chúa trong tư duy, và hầu như bao giờ ông cũng tìm ra được. Ông đâu phải người thì thầm trong niềm nhiệt thành khiêm nhường sùng tín: "Lạy Chúa, ý Chúa không sao thấu nổi". Ông tự nhủ: "Ta là tôi con Chúa, ta phải hiểu biết lý do hành động của Chúa, nhược bằng không hiểu biết thì đoán định".

---

(1) Marignan: tên một thành phố nước Ý, nơi quân Pháp thắng quân Thụy sĩ (1515) và quân Áo (1859) (N.D.).



Ông cho rằng mọi sự trong thiên nhiên đều được tạo ra với một lôgic tuyệt đối và tuyệt vời. Những "vì sao" và "bởi vì" luôn luôn cân bằng với nhau. Bình minh sinh ra cho những giờ thức giấc được tươi vui, ngày giúp mùa màng chín đượm, mưa để tưới tẩm cho chúng, chiều chuẩn bị cho giấc nồng và đêm tằm tối để yên nghỉ.

Bốn mùa hoàn toàn phù hợp với mọi nhu cầu của nghề nông, và không bao giờ tu sĩ có thể ngờ rằng tạo hoá chẳng hề dụng tâm gì hết, rằng ngược lại, tất cả những gì đang sống đều uốn mình theo những nhu cầu gay gắt của thời đại, của khí hậu và vật chất.

Nhưng ông ghét đàn bà, ông căm ghét họ một cách không tự giác, và khinh bỉ họ theo bản năng. Ông thường nhắc lại lời Chúa Giêxu: "Hỡi kẻ nữ, giữa người với ta có gì là cộng đồng?" và ông thêm: "Dường như chính Chúa cũng cảm thấy phật lòng vì cái tác phẩm ấy". Đối với ông, đàn bà quả là đứa trẻ mười hai lần nhơ bẩn mà thơ nói<sup>(1)</sup>. Y là kẻ

---

(1) "Đàn bà, đứa trẻ bệnh tật và mười hai lần nhơ bẩn" một câu thơ của nhà thơ lãng mạn Pháp Anphrê đơ Vinhhi (N.D).

quyến rũ đã lôi cuốn người đàn ông đầu tiên và vẫn tiếp tục mãi sự nghiệp tội lỗi của y, sinh vật yếu đuối, nguy hiểm, đầy sức rung động bí ẩn. Và ông còn căm ghét tâm hồn yêu đương của họ hơn cái hình hài nghiệp chướng của họ.

Ông thường cảm thấy tình âu yếm của họ đeo đẳng lấy ông, và mặc dù biết mình bất khả xâm phạm, ông vẫn phẫn nộ vì cái nhu cầu yêu đương luôn luôn rạo rực trong họ.

Theo ý ông, Chúa Trời chỉ tạo ra đàn bà để quyến rũ đàn ông và thử thách họ. Hễ đến gần y là phải phòng bị, phải ngại ngần như đối với cạm bẫy. Quả thực y giống hệt một cạm bẫy với những cánh tay giăng ra và đôi môi hé mở hướng tới đàn ông.

Ông chỉ khoan dung với các nữ tu sĩ đã thành vô hại do lời nguyện ước; nhưng ông vẫn đối xử hà khắc với họ, bởi vì ông cảm thấy, tận đáy sâu tám lòng bị xiềng xích, tám lòng nhún nhường của họ, còn sống mãi cái tình âu yếm bất diệt vẫn hướng tới ông, mặc dù ông là một tu sĩ.

Ông cảm thấy tình âu yếm ấy trong những cái nhìn của họ, những cái nhìn sùng tín uỷ mị hơn cái nhìn của các thầy tu, trong những cơn đắm đuối xen

lần giới tính của họ, trong nhiệt tình yêu đương hướng về Chúa, thường khiến ông bất bình vì đó là tình yêu của đàn bà, tình yêu xác thịt; ông cảm thấy nó, thấy cái tình âu yếm đáng nguyên rủa ấy, ngay trong sự uỷ mị của họ, trong cái giọng dịu dàng họ nói với ông, trong đôi mắt nhìn xuống, và trong những giọt lệ nhăn nhục của họ khi bị ông phủ phàng quả trách.

Và ông giữ giữ tấm áo choàng linh mục khi ra khỏi cửa các tu viện nữ, và ông dài dãi chân rảo bước như trốn chạy một nguy cơ.

Ông có cô cháu gái, sống cùng bà mẹ trong ngôi nhà nhỏ kề bên. Ông hăm hở cố làm cho cô thành một bà phước.

Cô ta xinh đẹp, nhẹ dạ và hay giễu cợt. Khi tu viện trưởng thuyết giáo, cô cười, và khi ông nổi giận lên với cô thì cô ôm chặt ông vào lòng mà hôn lấy hôn để, trong khi ông bất giác tìm cách gỡ mình ra khỏi cái vòng ôm áp nó cứ cho ông hưởng một niềm vui êm dịu, làm thức dậy trong thâm tâm ông cảm giác về tình cha con vẫn mơ màng thức ngủ trong mỗi người đàn ông.

Ông thường nói với cô ta về Chúa, về Đức Chúa Trời của ông, những lúc đi bên cô, dọc các cánh đồng. Cô chẳng nghe ông là mấy, và nhìn trời, nhìn cỏ, nhìn hoa, với một niềm vui sống lộ ra trong mắt. Thình thoảng cô chạy vút đi bắt một con vật đang bay, và vừa đem lại vừa reo: "Bác ơi, bác xem này, nó xinh biết mấy, cháu muốn ôm hôn nó." Và cái nhu cầu "ôm hôn" những con ruồi hay những hạt tử đinh hương khiến tu sĩ lo ngại, bức dọc và công phân, ông lại thấy cả ở đó nữa, cái tình âu yếm không sao tróc rễ nổi, nó luôn luôn nẩy mầm trong lòng những người đàn bà.

Rồi một ngày kia, bà vợ người giữ đồ thánh, vẫn dọn dẹp trong nhà tu viện trưởng, dè dặt báo cho ông biết rằng cháu gái ông có người yêu.

Ông bị xúc động dữ dội, và ông ghen uất, xà phòng đầy cả mặt, vì lúc đó ông đang cạo râu.

Khi đã có thể suy nghĩ và nói năng được, ông kêu lên:

- Không đúng, Mêlani, mụ nói dối!

Nhưng người đàn bà nông dân đặt tay lên ngực:

- Thưa Cha xứ, nếu con nói dối xin Chúa phán xét con. Con bảo cha là tối nào bà em cha ngủ rồi cô ấy cũng đi. Họ gặp nhau ở ven sông. Từ mười đến mười hai giờ, cha cứ ra mà xem.

Ông ngừng nạo cầm và bắt đầu bước sầm sầm, như ông thường làm vào những giờ phút trầm tư mặc tưởng. Khi muốn cạo râu trở lại, ông ba lần cửa phải mặt, từ mũi đến tai.

Suốt ngày ông lặng ngắt, đầy ứ bất bình và tức giận. Thêm vào trận lòi đĩnh của tu sĩ trước tình yêu bất khả chiến thắng, là cơn thịnh nộ của người cha tinh thần, của vị giám hộ, của bậc phụ trách linh hồn, bị lừa bịp bị đánh cắp, bị mắc vào tròng vì tay một con bé; nổi ghen uất vị kỉ của những ông bố bà mẹ được con gái báo cho biết cô ta đã kén một người chồng mà chẳng cần đến họ và vượt ngoài ý họ.

Sau bữa ăn chiều, ông có đọc đôi chút nhưng không sao đọc nổi; và mỗi lúc ông càng thêm phần nộ. Khi mười giờ vừa điểm, ông cầm gậy chống, một cây gậy cực lớn bằng gỗ sồi, ông vẫn dùng lúc đêm hôm đi thăm nom người bệnh. Và ông mỉm cười nhìn khúc gộc kéch xù được ông xoay tít trong nắm tay

dân quê lực lưỡng, thành những vòng đầy đe dọa. Rồi đột nhiên, ông giờ gậy lên, nghiêng rặng giáng xuống một chiếc ghế dựa, lưng ghế toác ra gục xuống sàn.

Ông mở cửa ra đi; nhưng ông dừng lại trên thềm nhà, kinh ngạc, vì một cảnh sáng trăng huy hoàng lộng lẫy hầu như chưa từng thấy.

Và do được phú một đầu óc bông bột phấn khích, một trong những đầu óc ắt phải có ở các bậc Giáo phụ, các thi sĩ mơ mộng ấy, ông đột nhiên thấy mình lơ đãng, bồi hồi trước vẻ đẹp hùng vĩ và thanh thản của đêm thâu bàng bạc.

Trong khu vườn nhỏ nhà ông, ngợp dưới làn ánh sáng êm dịu, những cây ăn quả, từng dãy ngay ngắn, in trên lối đi bóng những thân nhánh mảnh dẻ loáng thoáng phủ chút lá xanh; trong lúc bụi kim ngân hoa đỏ sộ leo bên tường nhà phả những làn hương tuyệt diệu và như đượm ngọt, đưa thoang thoang một thứ hồn thơm trong đêm ảm áp và trong sáng.

Ông hít thở những hơi dài, uống lấy khí trời như người nghiện uống rượu, và bước đi thong thả, hân hoan, phấn khởi, hầu như quên bằng cô cháu gái.

Khi đi ra tới đồng quê, ông dừng lại để ngắm nhìn toàn bộ cánh đồng tràn ngập làn ánh sáng ve vuốt, chìm trong duyên sắc êm đềm thờ thần của đêm thâu trong trẻo. Chốc chốc, ếch nhái lại buông vào không trung âm thanh ngắn, đánh của chúng, và những con hoa mi xa ca hoà khúc nhạc gieo từng tiếng, khúc nhạc gợi mơ màng mà chẳng khơi suy nghĩ, khúc nhạc nhẹ nhàng và ngân nga sinh ra cho những chiếc hôn, hoà vào sức quyến rũ của ánh trăng.

Tu viện trường lại cất bước, lòng ngầy ngất mà không hiểu vì sao. Ông cảm thấy mình như đột nhiên suy nhược, kiệt sức; ông muốn ngồi xuống, muốn ở lại đó, muốn ngắm, chiêm ngưỡng Chúa Trời trong công trình người sáng tạo.

Đằng kia, một rừng dương lớn uốn mình theo những đường lượn khúc của giải sông con. Một làn sương nhẹ, một màn hơi nước trắng được ánh trăng xuyên qua giát bạc, làm cho óng ánh, lơ lửng xung quanh và phía trên bờ sông, bao phủ cả dòng nước quanh co, bằng một thứ bông tơ nhẹ nhàng và trong suốt.

Tu sẽ dừng bước một lần nữa, thắm tận đáy tâm can niềm xúc động mỗi lúc một tăng, không sao cưỡng nổi.

Và một mối hoài nghi, một nỗi lo ngại mơ hồ dâng lên; ông cảm thấy trong ông nảy sinh một trong những câu hỏi ông thường tự đặt với mình.

Vì sao Chúa tạo ra điều đó? Một khi đêm đã dành cho giấc ngủ, cho nỗi vô tri vô giác, cho sự nghỉ ngơi, lãng quên hết thảy, thì vì sao lại khiến cho đêm thâm duyên dáng hơn ban ngày, êm dịu hơn bình minh và chiều hôm, và tại sao vì tinh tú từ tốn, quyến rũ, thì vì hơn vầng dương, và do hết sức kín đáo, dường như dành để soi những điều quá ư tế nhị và bí ẩn đối với ánh sáng lộ lộ, vì tinh tú ấy lại đến làm cho bóng đêm cực kỳ trong suốt?

Vì sao con chim hót khéo nhất trong loài chim ca không nghỉ ngơi như những con khác, và lại ngân ngơi trong bóng đêm rạo rục?

Vì sao có tấm màn mờ tỏ ấy buông trên trần thế? Vì sao lòng xao xuyến, vì sao tâm hồn bồi hồi, vì sao xác thịt thờ thẩn?



Vì sao lại tung ra bao điều quyến rũ mà con người không thấy vì họ nằm trong giường ngủ? Dành cho ai đó, cái cảnh thiêng liêng ấy, cái chất thơ phong phú buông từ trên trời xuống mắt đất kia?

Và tu viện trưởng không hiểu ra sao.

Nhưng kia, đằng kia, ven bờ đồng cỏ, dưới vòm cây đâm sương óng ánh, hai cái bóng xuất hiện, đi sát bên nhau.

Người đàn ông cao lớn hơn, quàng cổ cô bạn gái và thỉnh thoảng lại hôn lên trán cô. Họ bỗng làm sinh động hẳn cái phong cảnh lặng lẽ bao trùm lấy họ như một chiếc khung thần tiên tạo ra vì họ. Cả hai, họ dường như chỉ là một kẻ, cái kẻ được dành riêng đêm thâu bình yên tĩnh mịch này; và họ tiến về phía tu sĩ, như một câu trả lời sống, câu trả lời mà Bề Trên của ông buông xuống cho câu ông hỏi.

Ông đứng nguyên, tim đập mạnh, tâm thần hoảng loạn, và ông tưởng như nhìn thấy một điều gì trong Thánh thư, như tình duyên của Ruth và Bouz, sự thực hiện ý Chúa ở giữa một trong những cảnh trí kỳ vĩ tả trong sách thánh. Trong đầu ông xôn xao những khúc xương từ Thanh ca của những Thánh ca, tiếng reo của nhiệt huyết, tiếng gọi của

hình hài, tất cả chất thơ nóng hổi của áng thơ rừng rục tình âu yếm ấy.

Và ông tự nhủ: "Có lẽ Chúa sinh ra những đêm thâu ấy để phủ màn lý tưởng lên tình duyên của người đời".

Ông lùi lại trước đôi lúa vẫn ôm nhau tiến bước. Mặc dù đó chính là cô cháu gái của ông; nhưng giờ đây ông tự hỏi liệu mình có trái lệnh Chúa hay không. Và Chúa chẳng cho phép yêu đương đó sao, bởi rõ ràng Người vây bọc tình yêu trong một ánh huy hoàng lộng lẫy đến thế?

Và ông bỏ trốn, bàng hoàng, gần như hồ thẹn, như thể ông đã bước vào một đền thiêng, nơi ông không có quyền thâm nhập.

*LÊ HỒNG SÂM dịch*

## BỔ CỦA XIMÔNG

Chuông báo trưa vừa dứt. Cửa trường mở, và bọn trẻ con chen lấn nhau ủa ra cho nhanh. Nhưng chúng không mau chóng tản mát về nhà ăn trưa như mọi ngày, mà còn dừng lại, cách đó vài bước, tụ tập thành từng nhóm, thì thảo to nhỏ.

Chẳng là sáng nay, Ximông, thằng con nhà chị Blangsôt, lần đầu đến lớp học.

Ở nhà, chúng đều đã từng nghe nói đến chị Blangsôt; và mặc dù ngoài chốn công chúng, người ta vẫn niềm nở với chị nhưng riêng giữa các bà mẹ với nhau thì cách các bà đối đãi với chị có cái vẻ ái ngại hơi khinh miệt, điều này lan sang cả những đứa trẻ tuy chúng chẳng hiểu vì sao.

Còn về Ximông thì chúng không quen biết nó, vì nó không đi chơi bao giờ, và không lêu lổng với chúng ngoài đường làng hoặc trên bờ sông. Bởi vậy chúng chẳng ưa nó cho lắm; và chúng vừa thỉnh thích vừa hết sức ngạc nhiên đón nghe và truyền lại cho nhau câu nói của một thằng khoảng mười bốn, mười lăm tuổi, thằng này xem chừng am hiểu

nhieu điều vì nó cứ nhay nhảy mắt một cách tinh ranh:

- Chúng mày biết chứ... thằng Ximông... này, nó không có bố đâu nhé.

Đến lượt thằng bé con chị Blăngsôt xuất hiện trên thềm nhà trường.

Nó độ bảy tám tuổi. Nó hơi xanh xao, rất sạch sẽ, và nhút nhát, gần như vụng dại.

Nó định về nhà, thì các tốp bạn học của nó, vẫn cứ vừa thì thảo vừa nhìn nó với cặp mắt ranh mãnh và tai ác của những đứa trẻ đang nghiền ngẫm một vô gì xấu, xúm quanh nó dần dần và cuối cùng thì vây hãm lấy nó. Nó đứng ngây ra giữa bọn chúng, ngạc nhiên và lúng túng, không hiểu người ta sắp làm gì mình. Nhưng cái thằng vừa đưa tin ra, hãnh diện vì đã được hoan nghênh, hỏi nó:

- Mày tên gì?

Nó trả lời: - Ximông.

- Ximông gì? Thằng kia hỏi tiếp.

Chú bé nhắc lại, hết sức bồi rối: - Ximông.

Thằng kia hét lên với chú:

- Người ta tên là Ximông gì kia... Ximông... thế có phải là tên...

Và chú, sắp phát khóc, trả lời lần thứ ba:

- Tổ tên là Ximông.

Tụi trẻ cười. Thằng kia đắc thắng cất cao giọng:

- Chúng mày thấy rõ là nó không có bố nhé.

Tất cả lặng ngắt. Những đứa trẻ kinh ngạc vì cái điều kỳ dị, quái đản, không thể có được ấy - một thằng bé không bố; - chúng nhìn em như nhìn một hiện tượng kỳ quái, một sinh vật ngoài lề của tạo hoá, và chúng cảm thấy lớn lên trong chúng niềm khinh bỉ - cho đến bây giờ chưa giải thích nổi - của mẹ chúng đối với chị Blăngsôt.

Còn Ximông, em tựa mình vào một thân cây cho khỏi ngã; và em như rụng rời vì một tai hoạ không phương cứu chữa. Em tìm cách bày tỏ. Nhưng em chẳng kiếm nổi điều gì để trả lời chúng nó, để cải chính cái điều ghê gớm là em không có bố. Cuối cùng, người nhột nhạt, em kêu lên hú hoạ với chúng:

- Có, tao có bố.

Thằng kia hỏi:

- Bố mày đâu?

Ximông im bật; em không biết. Bọn trẻ cười, rất kích động; và những đứa con của đồng ruộng này, chúng gần gũi với súc vật hơn, chúng cảm thấy cái nhu cầu tàn ác thúc đẩy những con gà trong sân chăn nuôi kết liễu hẳn một con trong bầy khi con này vừa bị thương. Bỗng Ximông chợt thấy thằng bé hàng xóm, con một bà goá, em vẫn thấy thằng này, y như em, lúc nào cũng thui thui một mình với mẹ. Em nói:

- Thế cả mày nữa, mày cũng không có bố.

Thằng kia đáp:

- Có chứ, tao có bố

Ximông vặn: - Bố mày đâu?

- Bố tao chết rồi. Thằng bé tuyên bố hết sức tự hào. Bố tao ở ngoài nghĩa địa ấy.

Một tiếng rì rào tán thưởng nổi lên giữa đám trẻ, dường như cái sự kiện có bố chết ở nghĩa địa đã làm cho bọn chúng lớn cao lên để đê bẹp cái thằng kia chẳng có bố gì hết. Và bọn lau nhau này, mà những người bố phần lớn đều hung ác, rượu chè, trộm cắp, và nghiệt ngã với vợ, chúng cứ chen chúc xích gần

nhau thêm mãi dường như chúng, những kẻ hợp pháp, muốn bóp nghẹt cái đứa ở ngoài luật lệ.

Bất thành linh, một đứa ở sát Ximông, bỗng thè lưỡi ra một cách tinh quái và hét lên với em "Không có bố! Không có bố!"

Ximông túm lấy tóc nó bằng cả hai tay và đá liên hồi vào chân nó, trong khi nó cắn nghiêng vào má chú. Có một sự vật lộn kinh khủng. Hai đầu sĩ được lôi rời nhau ra, và Ximông bị đánh, tơi tả, ê ẩm, lăn lóc dưới đất, ở giữa bụi tre đứng quây tròn, reo hò hoan hô. Thấy em vừa dậy vừa lấy tay phủi một cách máy móc chiếc áo khoác nhỏ lấm bụi bết, một đứa nào đó hét lên bảo em:

- Về nói với bố mày ấy.

Thế là em cảm thấy trong lòng em có một sự sụp đổ ghê gớm. Chúng nó khoẻ hơn em, chúng đã đánh đập em, và em không thể nào đáp lại chúng được vì em cảm thấy rất rõ là quả thật em không có bố. Đây kiêu hãnh, em cố tranh đấu vài giây với những giọt nước mắt làm em nghẹn thở. Em ứ lên một cái, rồi không gào thét, em khóc nấc từng hồi dài khiến người rung lên nức nở.

Thế là một niềm thích thú dữ tợn bùng lên trong các địch thủ của em, và tự nhiên, cũng như những người man rợ trong các cơn vui kinh khủng của họ, chúng nắm lấy tay nhau, vừa nhảy nhót vòng quanh em, vừa lặp đi lặp lại như một điệp khúc: "Không có bố! Không có bố!".

Nhưng bất thành linh Ximông nín khóc. Một cơn điên khủng khiến em cuồng dại. Dưới chân em có đá; em nhặt lên và lấy hết sức mình ném vào những kẻ hành hạ em. Hai ba đứa gì đó bị ném trúng, vừa kêu vừa bỏ chạy; và trông em dữ dội đến mức những đứa khác phát hoảng. Hèn nhất, hết như đám đông bao giờ cũng hèn nhất trước một con người phẫn nộ, chúng bỏ trốn tán loạn.

Còn lại một mình, em bé không có bố chạy về phía các cánh đồng, vì em chợt nhớ lại một kỷ niệm, khiến trong óc em nảy ra một quyết định lớn. Em muốn gieo mình xuống sông cho chết đuối.

Quả thực em nhớ lại rằng cách đây tám ngày, một kẻ khốn khó vẫn đi ăn xin, đã trẫm mình ở sông vì không còn tiền. Ximông có mặt ở đây lúc họ vớt bác ta lên và cái nhà bác tội nghiệp thường ngày em vẫn thấy thiếu não, bẩn thỉu và xấu xí, lúc đó



đã khiến em sửng sốt vì cái vẻ an tĩnh của bác với bộ mặt xanh tái, với chòm râu dài, ướt, và cặp mắt mờ, rất bình thản. Xung quanh họ bảo: "Hắn chết rồi". Một người nào đó nói thêm: "Bây giờ thì hắn thật sung sướng". Và Ximông cũng muốn trầm mình, vì em không có bộ, cũng như cái bác khốn khổ kia, bác ta không có tiền.

Em đến sát bên mặt nước và nhìn nước chảy. Vài con cá lội loảng quảng, thoăn thoắt, giữa dòng nước trong, và lúc lúc lại khê nhẩy lên đón những con ruồi lượn trên mặt sông. Em nín khóc để xem cá, vì em rất thích cái trò của chúng. Nhưng, thỉnh thoảng, cũng như giữa lúc bão lặng bỗng dội lên từng cơn gió mạnh rung chuyển cây cối rồi tan đi mãi chốn chân trời, cái ý nghĩ này lại trở về với em, đau nhói: "Mình sẽ xuống sông cho chết đuối vì mình không có bộ".

Trời rất ẩm, rất dễ chịu. Ánh nắng êm đềm sưởi nóng cỏ. Nước lấp lánh như gương. Và Ximông có những giây phút khoan khoái, có cái cảm giác uể oải thường theo sau khi khóc lóc, em rất thèm được nằm ngủ ở đây, trên mặt cỏ, dưới nắng ẩm.

Một chú nhái con màu xanh lục nhảy dưới chân em. Em định bắt nó. Nó thoát được. Em đuổi theo nó và vồ hụt ba lần liền. Cuối cùng em tóm lấy hai đầu chân sau của nó và em bật cười nhìn con vật cố giãy giụa thoát thân. Nó thu mình lại trên đôi cẳng lớn, rồi bật phát lên, đột ngột duỗi cẳng, ngay đơ như hai thanh gỗ; trong lúc ấy, nó giương tròn con mắt có vành vàng và dùng hai chân trước đập vào khoảng không, hươ lên như hai bàn tay. Điều này khiến em nhớ đến một thứ đồ chơi làm bằng những mảnh gỗ hẹp đóng đinh chữ chi chồng lên nhau, và với động tác cũng giống như thế này, điều khiển những chú lính nhỏ cài bên trên tập tành. Thế là em nghĩ đến nhà, rồi nghĩ đến mẹ, và thấy buồn hết sức, em lại khóc. Người em rung lên; em quỳ xuống và đọc kinh cầu nguyện như trước khi đi ngủ.

Nhưng em không đọc hết được bài kinh, vì những cơn nức nở lại trở lại, dồn dập, xôn xang, choáng ngợp lấy em. Em chẳng nghĩ nữa, em chẳng nhìn thấy gì quanh em nữa và em chỉ khóc mà thôi.

Bỗng nhiên, một bàn tay chắc nịch đặt lên vai em và một giọng to ồm ồm hỏi em:

- Có điều gì làm chú buồn phiền nhiều đến thế, chú bé?

Ximông quay lại. Một bác thợ cao lớn, râu tóc đen, quăn, đang nhìn chú với vẻ nhân hậu. Chú trả lời, mắt đầm lệ, giọng đầy nước mắt:

- Chúng nó đánh cháu... vì... cháu... cháu... không có... bố... không có bố.

- Sao thế cháu, người đàn ông mỉm cười bảo, ai mà chẳng có bố.

Em bé nói tiếp một cách khó khăn, giữa những cơn nấc giật buồn tủi:

- Cháu... cháu không có bố.

Bác thợ bỗng nghiêm lại; bác nhận ra thằng bé con nhà chị Blangsôt, và mặc dù mới đến vùng này, bác cũng đã mong manh biết chuyện chị. Bác nói:

- Thôi nào, người đi nào, cháu bé, rồi đi với chú về nhà mẹ. Người ta sẽ cho cháu... một ông bố.

Họ lên đường, người lớn dắt tay người bé, và bác đàn ông lại mỉm cười, vì bác chẳng hề phật ý đến gặp chị Blangsôt, nghe đồn chị là một trong những cô gái đẹp nhất vùng; và trong thâm tâm bác cũng

tự nhủ thầm rằng một tuổi xuân đã lâm lỡ rất có thể lỡ lâm lần nữa.

Họ đến trước một ngôi nhà nhỏ, quét vôi trắng, hết sức sạch sẽ.

Đứa trẻ nói: Đây rồi. Và em gọi to: - Mẹ ơi!

Một thiếu phụ xuất hiện, và người thợ bỗng tắt nụ cười, vì bác hiểu ra ngay là không bốn cột được nữa với cô gái cao lớn, xanh xao, đứng nghiêm nghị trước cửa nhà mình, như muốn cấm đàn ông bước lên thêm ngôi nhà nơi cô đã bị một kẻ khác lừa dối. E dè, bỏ mũ cầm tay, bác ấp úng:

- Đây, thưa bà, tôi dắt về trả bà cháu bé bị lạc ở gần sông.

Nhưng Ximông nhảy lên ôm lấy cổ mẹ và vừa nói với mẹ vừa khóc trở lại:

- Không, mẹ ạ, con muốn xuống sông cho chết đuối, vì chúng nó đánh con... đánh con... tại con không có bố.

Hai má thiếu phụ đỏ ửng, và tê tái đến tận xương tuỷ, chị ôm con hôn lấy hôn để, trong khi nước mắt lăn chã tuôn rơi. Người đàn ông xúc động vẫn đứng

đó, không biết bỏ đi thế nào cho phải. Nhưng Ximông bỗng chạy đến bên bác nói với bác:

- Chú có muốn làm bố cháu không?

Im bật như tờ. Chị Blangsôt, lặng ngắt và quần quai vì hổ thẹn, dựa người vào tường, hai tay ôm ngực. Thấy người ta không trả lời mình, em bé nói tiếp:

- Nếu chú không muốn, cháu quay trở lại sông cho chết đuối.

Bác thợ coi như chuyện đùa, và cười đáp:

- Có chứ, chú có muốn.

Em bé bèn hỏi:

- Thế chú tên là gì, để cháu trả lời chúng nó khi chúng nó muốn biết tên chú.

- Philip. Người đàn ông đáp.

Ximông im lặng một giây, để ghi nhớ cái tên ấy trong óc, rồi, hoàn toàn khuây khoả, em chìa hai tay nói:

- Thế nhé! Chú Philip, chú là bố cháu đây.

Bác thợ nhắc bỗng em lên, đột ngột hôn vào hai má em, rồi sải từng bước dài, rút lui rất nhanh.

Ngày hôm sau, khi em bé đến trường, một tràng cười ác ý đón em; và lúc tan học, khi thành kia muốn lặp lại chuyện cũ, Ximông ném vào mặt nó những lời này, như ném một hòn đá:

- Bố tao ấy, bố tao tên là Philip.

Từ phía bật lên những tiếng la hét thích thú:

- Philip gì?... Philip nào?... Philip là cái gì?... Mày lấy ở đâu ra Philip của mày thế?

Ximông không trả lời gì hết; và một mực tin tưởng sắt đá, em đưa mắt thách thức chúng, sẵn sàng chịu hành hạ, còn hơn là trốn chạy chúng. Thầy giáo giải thoát cho em, và em trở về nhà mẹ.

Suốt ba tháng ròng, bác thợ Philip cao lớn thường tạt qua gần nhà chị Blāngsôt, và đôi khi, bác đánh bạo nói chuyện với chị, khi thấy chị ngồi khâu bên cửa sổ. Chị trả lời bác nhã nhặn, lúc nào cũng nghiêm trang, chẳng bao giờ cười với bác, và không để cho bác vào nhà. Tuy nhiên, cũng hóm mình đôi chút như mọi người đàn ông, bác cứ tưởng tượng rằng chị hay đỏ mặt hơn thường lệ, mỗi khi trò chuyện với bác.

Nhưng một thanh danh đã bị mai một thật khó mà gây dựng lại, và cũng rất đòi mong manh, đến mức, mặc dù chị Blangsôt ngại ngừng gìn giữ, trong vùng đã thấy đồn đại.

Còn về Ximông thì em rất yêu ông bố mới của em và hầu như chiều nào, xong việc, em cũng đi chơi với bố. Em đến trường đều đặn và đi qua giữa các bạn học, hết sức đàng hoàng, không bao giờ đáp lại chúng.

Thế mà, một hôm, cái thằng đã tấn công em đầu tiên, bảo với em:

- Mày nói dối, mày chẳng có bố tên là Philip.

- Sao lại thế? Ximông rất xúc động hỏi.

Thằng kia xoa hai tay vào nhau. Nó tiếp:

- Bởi vì nếu mày có bố, thì ông ấy phải là chồng của mẹ mày.

Ximông mất bình tĩnh trước tính chính xác của lập luận ấy, tuy vậy em vẫn trả lời:

- Nhưng cứ là bố của tớ.

Thằng kia cười khẩy mà bảo:

- Có thể lắm, nhưng không phải là bố của mày hẳn hoi.

Chú bé con chị Blăngsôt cúi đầu xuống, và vừa mơ màng vừa đi về phía lò rèn của cụ Loadông, nơi bác Philip làm việc.

Cái lò rèn này như ẩn dưới bóng cây. Bên trong rất tối: chỉ có ánh lửa đỏ của một cái lò cực lớn bập bùng chiếu sáng năm bác thợ rèn để cánh tay trần đang nện xuống đe âm âm dữ dội. Họ đứng, hứng ánh sáng đỏ như quỷ thần, mắt nhìn chăm chăm vào thanh sắt nóng bỏng mình đang khảo đả; và niềm suy tưởng nặng nề của họ lên xuống theo nhịp búa.

Ximông vào, không ai trông thấy, và em rón rén đến kéo áo bạn. Bác quay lại. Công việc bỗng dừng, cả mấy người đàn ông cùng nhìn, hết sức chăm chú.

Thế là, giữa sự yên lặng bất thường đó, cất lên giọng nói nhỏ nhẹ của Ximông:

- Bố Philip này, lúc nãy thằng con bác Misôt bảo con rằng bố không phải là bố của con hẳn hoi.

Bác thợ hỏi: - Sao lại thế?

Chú bé trả lời với tất cả sự ngây thơ của chú:

- Vì bố không phải là chồng của mẹ.



Không ai cười hết. Philip vẫn đứng, trán úp vào mu những bàn tay to lớn tỳ ở cán búa dựng trên đe. Bác thợ mang. Bốn người bạn nhìn bác, và bé tí xiu giữa những vị khổng lồ này, Ximông lo lắng chờ đợi. Đột nhiên một bác thợ rền, đáp ứng ý nghĩ của tất cả mọi người, nói với Philip:

- Dù thế nào, Blangsôt vẫn là một cô gái tốt bụng, trung hậu, và mặc dầu gặp chuyện không hay, vẫn can đảm và nền nếp, cô ấy sẽ là một người vợ xứng đáng, với một người đàn ông tử tế.

- Đúng như vậy. Ba người kia nói.

Bác thợ tiếp:

- Cái cô gái ấy, nếu có lầm lỡ, thì lỗi ở cô chăng? Họ hứa sẽ cưới cô, và tôi biết khối bà khác giờ đây rất được trọng vọng, cũng đã từng làm như thế.

- Đúng như vậy. Ba người đàn ông đồng thanh đáp.

Bác lại tiếp:

- Tôi nghiệp, cô ta đã vất vả biết bao nhiêu để một mình nuôi dạy con, và đã khóc biết bao nhiêu từ cái ngày chỉ bước ra khỏi nhà để đến nhà thờ, những điều ấy riêng có Chúa biết mà thôi.

- Cũng lại đúng như vậy. Những người khác nói.

Thế là người ta chỉ còn nghe thấy tiếng bễ thổi lửa trong lò. Philip bỗng đột ngột cúi xuống với Ximông:

- Về bảo mẹ là tối nay bố sẽ đến nói chuyện với mẹ.

Rồi bác nắm vai em bé ấy ra ngoài.

Bác trở lại công việc, và năm lưỡi búa nện xuống đe cùng một nhát đập. Họ cứ rèn sắt như vậy cho đến tối, mạnh mẽ, tươi vui, cũng như những lưỡi búa hài lòng thoả mãn. Và, giống quả chuông lớn tiếng trầm của một ngôi nhà thờ, trong các ngày lễ, vang dội lên trên tiếng reo của những quả chuông khác, lưỡi búa của Philip cũng vậy, nó át tiếng âm âm của những lưỡi búa khác, và cứ từng giây từng giây lại giáng xuống rộn ràng inh ỏi. Và bác, mắt sáng rực, đứng giữa các tia lửa, rèn rất say sưa.

Trời đầy sao khi bác đến gõ cửa nhà chị Blăngsôt. Bác mặc áo khoác ngày chủ nhật, sơ mi mới, và râu tóc đã sửa sang. Thiếu phụ bước ra thềm và bảo bác, về phiên muộn:

- Ông Philip, ông đến lúc đêm hôm như thế này thực là không phải.

Bác muốn trả lời, bác ấp úng, và bối rối đứng trước chị. Chị tiếp:

- Mà ông cũng biết rằng không nên để người ta bàn tán về tôi nữa.

Thế là bác nói, hết sức đột ngột:

- Thì có làm sao đâu, nếu em ưng làm vợ tôi!

Không ai trả lời bác, nhưng bác tưởng như trong bóng tối căn phòng, có tiếng người gục xuống. Bác bước vào thật nhanh: và Ximông nằm trong giường, nghe thấy tiếng hôn và mấy lời mẹ em thì thầm rất khẽ. Rồi, đột nhiên, em thấy mình được bế bổng lên trong tay bạn và bác giờ thẳng em trên hai cánh tay hộ pháp, hết bảo em:

- Con sẽ nói với các bạn học của con rằng bố con là Philip Remy, bác thợ rèn, và bố sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt con.

Ngày hôm sau, thấy trường đã đông chật và giờ học sắp bắt đầu, bé Ximông đứng dậy, mặt tái nhợt, môi run run: "Bố tớ ấy, em nói rành rọt, bố tớ là

Philip Remy, bác thợ rèn, và bố tớ hứa sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt tớ".

Lần này, chẳng người nào cười nữa, vì cái nhà bác Philip Remy, thợ rèn, thì biết rõ lắm rồi, và đây thật là một ông bố, mà ai có được cũng phải lấy làm tự hào.

*LÊ HỒNG SÂM dịch*

## VIÊN MỠ BÒ

Suốt mấy ngày liền từng mảng binh đoàn tan rã diều qua thành phố. Họ không còn là quân đội nữa, mà là những bầy người ô hợp tán loạn. Người nào người nấy râu dài nhem nhuốc, quần phục rách nát, họ uể oải tiến bước, chẳng có cờ, cũng chẳng thành cơ ngũ gì hết. Tất cả đều như rã rời, kiệt sức, không còn suy nghĩ hoặc quyết định nổi điều gì nữa, chân đi chỉ là vì quen bước, và hễ cứ dừng lại là khụy ngay xuống vì mệt lử. Người ta thấy nhiều nhất là lính động viên, những con người vốn ưa bình an, sống yên ổn với lợi nhuận hàng năm, lưng còng xuống vì súng nặng, những chú vệ động<sup>(1)</sup> nhỏ lạnh lợi, dễ hoảng sợ và cũng mau phân khởi, sẵn sàng tấn công cũng như sẵn sàng chạy trốn; rồi, giữa đám người đó là vài cậu quần chèn đồ<sup>(2)</sup> tàn quân của một sư đoàn bị nghiền nát trong một trận lớn; những

---

(1) Vệ động: tam dịch chữ *moblot*, chữ tắt thân mật của chữ *mobile* (lưu động) hay *garde mobile* (vệ binh lưu động) của nước Pháp năm 1870.

(2) Tức là bộ binh.

pháo thủ râu rì đi cùng hàng với đám bộ binh tạp nham ấy; và, thỉnh thoảng lại thấy lấp lánh chiếc mũ sắt của một chú lính đầu rồng chân nặng, vát vả lăm mới theo được những anh lính bộ dáng đi nhẹ nhàng hơn.

Rồi đến lượt các đoàn quân nghĩa dũng mang những tên oai hùng: "Quân Rửa thù Thất trận - Công dân Cẩm tử - Quyết tử quân" - điếu qua, trông như bọn kẻ cướp.

Cấp chỉ huy của họ, trước đây là những tay buôn dọ hoặc ngũ cốc, những anh bán mỡ bò hoặc xá phòng, chiến sĩ nhất thời được làm sĩ quan chỉ vì đồng tiền của họ hoặc vì bộ ria mép dài, trên mình đầy vũ khí, dọ mềm với lon quan; họ nói oang oang, bàn luận kế hoạch tác chiến và cho rằng chỉ có mình họ chống đỡ nước Pháp đang hấp hối trên hai vai anh hùng rơm của họ; song đôi khi họ lại sợ quân lính của chính mình, dân đầu trộm đuôi cướp, thường liêu lĩnh bạt mạng, quen cướp phá và trác táng.

Người ta đồn quân Phổ sắp tiến vào thành Ruăng.

Đoàn Dân vệ từ hai tháng nay mở những cuộc thám thính rất thận trọng vào các rừng lân cận, đôi khi bắn phải cả quân canh của chính mình, và chuẩn bị chiến đấu mỗi lần một chú thỏ con động dậy trong bụi rậm, thì nay ai nấy đã trở về nhà. Vũ khí, đồng phục, với tất cả mớ đồ lễ giết người, mới đây còn làm cho những trụ cây số trên các đường quốc lộ quanh vùng ba dặm trông thấy cũng phát hoảng, bỗng chốc vụt biến đi đâu mất.

Sau hết, những người lính Pháp cuối cùng vượt qua sông Xen để về Pông-Ôđome theo đường Xanh-Xơve và Buộc-Asa; và, sau tất cả mọi người, là vị tướng chỉ huy đi bộ, giữa hai viên sĩ quan hầu, vẻ tuyệt vọng, không còn thì thở được gì với đám tàn quân tan tác này nữa, vì chính hấn cũng bàng hoàng trong cảnh tan rã lớn của một dân tộc vốn quen chiến thắng và nay bị đại bại thảm khốc mặc dầu dân tộc đó vẫn có một truyền thống anh dũng truyền kỳ.

Rồi một bầu không khí vô cùng yên tĩnh, một sự đợi chờ kinh hoàng và lặng lẽ bay lượn trên thành phố. Nhiều anh tư sản bụng phệ, mà nghề buôn đã làm trở nên hèn đốn, lo lắng đợi những kẻ chiến

thắng và run lên cầm cập vì sợ người ta coi những cái xiên thịt quay hoặc những con dao lớn làm bếp của họ là vũ khí.

Cuộc sống dường như ngừng lại, các cửa hiệu đóng kín mít, phố xá câm lặng. Thành thoảng một người dân, sợ hãi vì sự im ắng đó, len lén vút đi men theo các bờ tường.

Nỗi khắc khoải lo âu của đợi chờ khiến người ta mong quân thù mau đến cho xong.

Quân đội Pháp rút đi hôm trước thì quá trưa hôm sau vài tên kỵ binh xung kích, không biết từ đâu chui ra, vụt qua phố rất nhanh. Rồi, sau đó một chút, một đám quân đông đặc từ trên đồi Nữ thánh - Catorin tràn xuống trong khi hai đợt sóng xâm lăng khác xuất hiện trên các đường đi Dacnêtan và Boa-Ghiôm. Tiền đội của ba binh đoàn, đứng vào cùng một lúc, liên lạc với nhau ở quảng trường toà thị sảnh; và từ khắp các phố lân cận, quân Đức đổ tới, đội ngũ điều đi, bước nhịp đều, nện gót choang choang trên mặt đường đá tảng.

Những hiệu lệnh hô bằng một giọng lạ tai, ồm ồm, cất lên dọc theo các căn nhà dường như chết và vắng lặng, trong khi, ở sau cửa chớp đóng kín, những



con mắt đang rình ngó những người chiến thắng ấy, chủ nhân ông của đô thị, của mọi tài sản và sinh mệnh, chiếu theo "Luật chiến tranh". Trong các buồng tối âm u, dân thành phố đang hốt hoảng như khi có thiên tai, những biến động tàn khốc lớn của trái đất mà bất cứ sự khôn ngoan nào, sức mạnh nào đối phó lại cũng đều là vô ích. Vì cũng vẫn cái cảm giác ấy lại xuất hiện mỗi lần trật tự sự vật bị đảo lộn, an ninh không còn nữa, và tất cả những gì vốn được luật pháp của loài người hoặc qui luật thiên nhiên che chở thì nay đều bị phó mặc cho một sức tàn bạo vô ý thức và hung dữ. Trận động đất đè bẹp cả một dân tộc dưới những nhà cửa đổ sụp, con sông tràn bờ cuốn theo bao nông dân chết đuối cùng với xác bò và giẫm xà bị đứt tung ra khỏi mái nhà, hoặc đoàn quân chiến thắng tàn sát những người dám tự vệ, bắt những người khác làm tù binh, ỷ vào thế lưỡi Gươm để cướp phá và cảm tạ một vị thượng đế nào đấy bằng tiếng đại bác, tất cả những cái đó đều là những tai ương khỉếp làm đảo lộn mọi tin tưởng vào Công lý Vĩnh cửu, tất cả lòng tin mà người ta vẫn dặt bảo xưa nay vào sự che chở của Trời và lý tính của con Người.

Song có những đơn vị nhỏ đến gõ cửa từng nhà, rồi biến vào bên trong. Đó là cảnh chiếm đóng sau cuộc xâm lăng. Bắt đầu từ giờ những kẻ bị thua có bốn phận phải tỏ ra niềm nở đối với kẻ thắng.

Một thời gian sau, khi nỗi khiếp sợ ban đầu đã qua, một cảnh yên tĩnh mới được thiết lập. Trong nhiều nhà, tên sĩ quan Phổ ăn cùng với gia đình. Cũng có khi hắn là người có giáo dục, và, vì lẽ độ, hắn ái ngại cho nước Pháp, nói lên lòng chán ghét phải tham gia cuộc chiến tranh này. Người ta biết ơn hắn vì chút tỏ tình đó; và chẳng, có thể một ngày nào đấy người ta sẽ cần đến sự che chở của hắn. Nương nhẹ hắn biết đâu chẳng được bớt đi vài người phải nuôi ăn. Và tại sao lại làm phật ý một kẻ mình phải hoàn toàn tùy thuộc chứ? Làm như vậy chẳng phải là dửng dưng cảm gì mà là liêu lĩnh. - Và sự liêu lĩnh chẳng còn là một khuyết điểm của thị dân Ruăng, như thời thành phố của họ đã nổi danh trong những cuộc chiến đấu anh dũng chống ngoại xâm. Sau hết người ta tự nhủ, và đây là lý do tối cao căn cứ vào tính lịch sử của người Pháp, rằng ở trong nhà thì rất được phép có lẽ độ miễn là ra nơi công chúng đừng có tỏ vẻ thân tình với lính ngoại quốc.

Ra ngoài thì không quen biết gì nhau nữa, nhưng ở nhà thì họ vui lòng trò chuyện, và tên Đức mỗi buổi tối lại ngồi rôn lâu hơn để sưởi ở lò sưởi chung.

Ngay thành phố cũng dần dần trở lại quang cảnh bình thường. Người Pháp còn ít bước chân ra ngoài, nhưng lính Phổ thì lúc nhúc trên các đường phố. Và chẳng bọn sĩ quan khinh ky áo lam ngạo ngễ kéo lê trên mặt đường những khí cụ lớn giết người, đối với các công dân thường hình như cũng không tỏ vẻ khinh bỉ gì quá lắm so với bọn sĩ quan bộ binh năm trước cũng uống rượu ở các quán cà phê ấy.

Tuy nhiên, vẫn có cái gì trong không khí, một cái gì tinh vi và mới lạ, một bầu không khí ngoại lai không chịu được, như một mùi gì lan rộng, cái mùi ngoại xâm. Nó tràn vào đầy các nhà và các quảng trường, thay đổi vị các món ăn, cho người ta có cảm giác như đi xa, xa lắm, đến xứ sở của những bộ lạc man rợ và nguy hiểm.

Những kẻ chiến thắng đòi hỏi tiền, rất nhiều tiền. Dân thành phố vẫn cứ trả, và chẳng họ cũng giàu. Song một anh lái buôn miền Normăng khi càng trở nên giàu có bao nhiêu thì mỗi hy sinh, mỗi ti

chút của cải của họ chuyển sang tay kẻ khác lại càng làm họ cay đắng bấy nhiêu.

Nhưng dọc theo dòng sông, phía dưới thành phố hai ba dặm, về phía Croatxê, Dieppedalơ hoặc Bietxa, các thủy thủ và những người đánh cá thường lôi từ đáy sông lên một vài xác bọ Đức trương phềnh trong bộ quân phục, bị giết bằng một nhát dao hay một miếng đá ác hiểm, đầu đập nát bằng một tảng đá, hoặc bị đẩy từ trên một chiếc cầu cao xuống nước. Bùn dưới sông vùi kín những cuộc trả thù bí mật, tàn bạo và chính đáng ấy, những hành động anh hùng không ai biết, những cuộc tấn công thâm lặng, nguy hiểm hơn những trận chiến đấu giữa thanh thiên bạch nhật và không có tiếng vang lừng lẫy của vinh quang.

Vì lòng căm thù kẻ Nước ngoài bao giờ cũng vô trang cho một vài người Quả cảm sẵn sàng chết vì một Lý tưởng.

Sau cùng, vì những kẻ xâm lăng, tuy bắt thành phố phải chịu cái kỷ luật hà khắc của chúng, nhưng chưa hề làm một việc gì giống những điều kinh khủng như tiếng đồn lừng lên là chúng đã phạm suốt dọc đường tiến quân chiến thắng, cho nên người

ta cũng mạnh dạn dần, và sự cần buôn bán lại khiến các thương nhân phải bần khoản suy tính. Một vài người có những quyền lợi lớn vướng mắc ở Lor Havơ do quân Pháp đóng, họ muốn thử tới cảng đó bằng cách đi đường bộ đến Dieppơ, rồi từ đấy xuống tàu.

Người ta lợi dụng bọn sĩ quan Đức mà người ta đã làm quen, và xin được của viên tướng tổng tư lệnh một giấy thông hành.

Vậy là sau khi đặt thuê một cỗ xe lớn bốn ngựa cho cuộc hành trình ấy, với mười người ghi tên ở nhà chủ xe, họ quyết định ra đi vào một buổi sớm thứ ba, trước lúc trời sáng rõ, để tránh sự tụ tập đông người.

Giã rét ít lâu nay đã làm mặt đất rắn lại, và hôm thứ hai, vào khoảng ba giờ sáng, những đám mây đen lớn từ phương bắc đem tuyết đến, tuyết rơi không lúc nào ngớt suốt chập tối và suốt đêm.

Đến bốn giờ rưỡi sáng, các hành khách họp nhau trong sân Lữ quán Normăngđi để lên xe.

Họ đều còn ngái ngủ, và rét run cầm cập dưới làn chân mềm. Trong đêm tối họ không trông thấy rõ nhau, và mở quần áo rét nặng, mặc lồng máy lớp,

làm cho tất cả những thân hình kia chẳng khác gì những cha cô bụng phệ, mặc áo thầy tu dài thượt. Nhưng hai người đàn ông nhận ra nhau, một người thứ ba đến gần họ, và họ trò chuyện: "Tôi đem nhà tôi đi theo" một người nói. - Tôi cũng thế. - Tôi cũng vậy. Người đầu tiên nói thêm: "Chúng tôi sẽ không trở về Ruăng làm gì, và nếu quân Phổ đến gần Lơ Havơ thì chúng ta sẽ sang Anh". Tất cả đều có những ý định như nhau, vì tính chất họ giống nhau.

Tuy nhiên, chưa thấy người ta thắng xe. Thỉnh thoảng một chiếc đèn kính nhỏ do một bác mã phu xách, ló ra ngoài một khuôn cửa tối om để rồi lại biến ngay vào trong một cửa khác. Tiếng chân ngựa giậm xuống đất, nghe êm đi vì có lớp phân ổ lót chuồng, và ở cuối ngôi nhà có tiếng người nói với súc vật, vừa nói vừa rửa. Một tiếng nhạc ngựa nhẹ báo hiệu người ta đang sửa soạn yên cương; không mấy chốc thứ tiếng nho nhỏ ấy rung lên rõ và rền, nhịp theo cử động con vật, đôi khi ngừng lại, rồi lại dội lên đột ngột, kèm theo là tiếng móng sắt ngựa nện xuống đất lộp cộp.

Cánh cửa bỗng nhiên đóng sập lại. Mọi tiếng động đều im bật. Mấy người thị dân rét cóng không trò chuyện nữa: họ đứng yên, người cứng đờ.

Một màn bông tuyết trắng mịn mù óng ánh không ngừng trong khi rơi xuống đất, xoa các hình thù, rắc lên mọi vật một lớp bột băng, và trong cái im lặng mênh mông của thành phố yên tĩnh, chìm đắm trong mùa đông, chỉ còn nghe thấy cái thứ tiếng lao xao mơ hồ và chơi vơi của tuyết rơi, không biết gọi là gì cho được, một cảm giác đúng hơn là một tiếng động, sự xáo trộn của những vật li ti nhẹ bông hình như tràn ngập không gian, bao phủ thế giới.

Người đàn ông lại ló ra với chiếc đèn kính, tay cầm dây thừng lôi một con ngựa buồn thui chẳng chịu cất bước. Bác ta đặt ngựa đứng sát cán xe, buộc các dây kéo, vòng đi vòng lại quanh xe hồi lâu để gò chắc yên cương, bác chỉ dùng được có một tay, tay kia còn xách đèn. Khi sắp sửa đi tìm con ngựa thứ hai, bác chợt nhận thấy đám hành khách đứng không nhúc nhích, người đã trắng xóa vì tuyết, bác liền bảo họ: "Tại sao các ông các bà không lên xe mà ngồi? ít ra cũng còn tránh được tuyết".

Hắn là họ đã không nghĩ tới điều đó, thế là họ hấp tấp lên xe. Ba người đàn ông cho vợ ngồi vào trong cùng, và bước lên sau; rồi những người khác, bóng dáng mờ mờ, không rõ hình thù, cũng lần lượt ngồi vào chỗ còn lại, chẳng nói với nhau một lời.

Sàn xe có rải rơm, chân họ thúc vào đó. Các bà ngồi ở trong cùng, vì có mang theo những lồng ấp nhỏ bằng đồng với một thứ than hoá học, liền đốt lên, và trong chốc lát họ thì thảo kế ra những cái tiện lợi của lồng ấp, nhắc lại với nhau những điều họ đã biết từ lâu.

Sau cùng, xe đã thắng xong, với sáu chú không phải bốn ngựa vì phải kéo nặng hơn: một tiếng nói bên ngoài hỏi: "Mọi người lên xe cả chưa?" Một tiếng nói bên trong đáp: "Lên cả rồi". Thế là người ta lên đường.

Xe đi chậm chậm. thùng thỉnh bước một. Bánh xe lún xuống tuyết: thùng xe rên rỉ, kêu răng rắc; mấy con ngựa trượt chân, thở phì phò, hơi bốc trên mình, và chiếc roi to tướng của bác xà ích không ngừng quất đen đét từ phía, xoắn vào rồi lại mở ra như một con rắn mỏng mình, và đột nhiên quất vào



một cái mông béo mẫm, khiến nó lại căng lên vì gắng sức mạnh hơn.

Nhưng trời cứ sáng dần từ lúc nào không biết. Những bông tuyết nhẹ mà một du khách, vốn là dân Ruăng chính cống, đã ví với một trận mưa bông, không còn rơi nữa. Một thứ ánh sáng bản, lọt qua những đám mây lớn, đen và nặng, làm cho màu trắng của đồng quê càng rực rỡ hẳn lên, đó đây xuất hiện một hàng cây to phủ đầy sương giá hoặc một túp nhà tranh, mái phủ kín tuyết trông như cái mũ chóp.

Trong xe, dưới ánh sáng ảm đạm của buổi bình minh ấy, mọi người tò mò nhìn nhau.

Ở tận trong cùng, chiếm những chỗ tốt nhất và đang ngủ gà ngủ gật trước mặt nhau, là hai vợ chồng Loadô, nhà buôn rượu vang ở phố Cầu Lớn.

Nguyên là tài công cho một người chủ bị phá sản trong kinh doanh, Loadô đã mua lại cửa hiệu của chủ và trở nên giàu có. Hắn bán rượu vang mặt hạng thật rẻ cho các cửa bài nhỏ ở thôn quê, và những người quen biết cùng bạn hữu hắn vẫn coi hắn là một gã bịp bợm quỷ quyệt, một anh chàng

Normăng chính công, lắm mưu mô quỷ quyết và vui tính.

Hắn lừng tiếng ăn cắp đến nổi, một buổi tối kia, ở dinh quận trưởng, ông Tuôcnen, tác giả những bài ngụ ngôn và ca vè, một người có đầu óc châm biếm sâu cay và tế nhị, một danh nhân của địa phương, thấy các bà có vẻ hơi buồn ngủ liền đề nghị với các bà chơi trò "Chim bay"<sup>(1)</sup>; chính hai tiếng đó cũng bay qua các phòng khách của ông quận trưởng rồi, truyền sang các phòng khách khác trong thành phố, làm cho toàn tỉnh cười bò ra suốt một tháng ròng.

Ngoài ra Loadô còn nổi tiếng vì những trò tình nghịch đủ kiểu, những câu bông đùa hay hoặc dở của hắn, và hễ nói đến hắn là không ai không chêm ngay tức khắc: "Cái thằng cha Loadô ấy thật không chê được!".

---

(1) "L'oiseau vole", lối chơi chữ không dịch được. Chữ Pháp viết Loadô (*Loiseau*: tên người) đọc lên đồng âm với Loadô (*L'oiseau*: con chim); và động từ *vole*, vừa có nghĩa là bay, vừa có nghĩa là ăn cắp. Vậy khi nói *Loiseau vole* người ta có thể hiểu là "chim bay" hay "Loadô ăn cắp". Trên đây, chúng tôi chỉ dịch theo nghĩa thứ nhất, để giữ ý nghĩa của động từ "bay", được có ý nhắc lại ngay ở câu dưới.

Người hăn nhỏ bé, bụng hăn phưỡn ra tròn như quả bóng, bên trên là một bộ mặt đồ tía giữa hai chòm râu má đã hoa râm.

Vợ hăn, to lớn, khoẻ mạnh, rắn rỏi, tiếng nói oang oang và ý định mau lẹ, là người cầm cân nảy mực trong cái cửa hiệu mà sự hoạt động vui vẻ của hăn thúc đẩy cho thêm náo nhiệt.

Ngồi bên cạnh họ, trịnh trọng hơn, thuộc một giai cấp cao hơn, là ông Carê-Lamadông, một người tai mặt, có địa vị lớn trong ngành kinh doanh bông, chủ ba nhà máy dệt, đệ tứ đẳng Bắc đầu bội tinh và có chân trong Hội đồng hàng quận. Suốt thời kỳ Đế chính, ông ta vẫn là thủ lĩnh của phái đối lập ôn hoà, chỉ cốt để được đền bù đất giá hơn sau này khi ông ngã theo cái chính thể mà ông đã đấu tranh chống lại bằng những vũ khí lịch sử, theo lời nói của chính ông. Bà Carê-Lamadông, trẻ hơn chồng nhiều, vẫn còn là nguồn an ủi của những sĩ quan con nhà dòng dõi về đồn thú ở Ruăng.

Bà ta ngồi đối diện với chồng, trông thật là bé bỏng, thật là kháu khỉnh, thật là xinh đẹp, co ro trong những bộ lông thú và chán ngán nhìn cái thùng xe tồi tàn, thảm hại.

Ngồi bên cạnh bà, vợ chồng bá tước Huybe đờ Brévin là những người mang một trong những dòng họ kỳ cựu nhất và quý phái nhất xứ Normăngđi. Vốn là nhà quý tộc già phong thể đường bệ, dáng người tự nhiên giống vua Hăngri đệ tứ, bá tước lại có ăn mặc thật khéo léo để mình thêm giống nhà vua hơn, vì theo một truyền thuyết về vang cho gia đình, nhà vua đã làm cho một phu nhân trong họ Brévin có mang, khiến đức phu quân vì thế mà được phong bá tước và làm tổng trấn một tỉnh.

Đồng nghiệp với ông Carê-Lamadông tại hội đồng hàng quân, bá tước Huybe đại diện cho phái bảo hoàng Orlêăng ở trong tỉnh. Chuyện ông kết hôn với con gái một chủ tàu nhỏ ở Năngtơ đến nay vẫn còn là điều khó hiểu. Song vì bá tước phu nhân có phong cách đại gia, biết tiếp khách giỏi hơn ai hết, lại có tiếng là đã được một hoàng tử của đức vua Luy-Philip yêu dấu, cho nên tất cả giới quý tộc đều hoan nghênh bà, và phòng khách của bà vẫn là đứng đầu trong xứ, nơi độc nhất còn giữ vẻ hào hoa phong nhã cũ, và được lui tới đó không phải là chuyện dễ dàng.

Người ta đồn gia sản nhà Brévin, toàn là của chìm, lên tới năm mươi vạn quan lợi tức.

Sáu người ấy ngồi ở trong cùng họp thành giới xã hội có tiền của, thanh thản và thể lực, những người lương thiện đáng mặt, sùng đạo và sống có nguyên tắc.

Do một sự tình cờ kỳ lạ, tất cả các bà đều ngồi cùng một ghế; và bên cạnh bà bá tước còn có thêm hai bà phước ngồi lẫn những chuỗi tràng hạt dài, nhấm đọc kinh Lạy cha và kinh Kính mừng. Một bà thì già, mặt đỏ nhằng đỏ nhịt vì bệnh đậu mùa, tựa như bị một loạt đạn ghém bắn thẳng vào ngay giữa mặt. Còn bà kia rất êo lả, mặt nom xinh xắn và ốm yếu với bộ ngực ho lao, bị vạc dần đi vì một lòng sùng tín mãnh liệt thường tạo nên những con người tử vì đạo và những con người được thần cảm.

Đối diện với hai bà phước có một người đàn ông và một người đàn bà khiến mọi người đều chú ý.

Người đàn ông rất nhiều người biết, là Cornuydé dân chủ, nổi kinh hoàng của tất cả những hạng người đứng đắn. Đã hai mươi năm nay y nhúng bộ râu đỏ kịch của y vào những cốc vai của mọi tiệm cà-phê dân chủ. Cùng với các anh em và bạn hữu,

y đã phá tán một gia tài khá lớn thừa hưởng của ông bố, vốn là một nhà làm mứt kẹo, và y sốt ruột chờ đợi nền Cộng hoà để có được cái địa vị xứng đáng với biết bao khoản tiêu xài cách mạng như thế. Ngày mùng bốn tháng chín<sup>(1)</sup>, có lẽ do một trò đùa nghịch, y đã tưởng mình được bổ nhiệm quận trưởng; nhưng khi y muốn đến nhận chức thì các nhân viên chạy giầy, những người độc chiếm trụ sở lúc bấy giờ, không chịu thừa nhận y, thế là y bắt buộc phải rút lui. Và lại, vốn là một anh chàng tốt bụng, hiền lành và hay giúp đỡ, y đã lo tổ chức chống lại quân thù với một lòng hăng hái không ai bì kịp. Y đã cho đào hố ở cánh đồng, ngả hết các cây non của những rừng lân cận, đặt cạm bẫy trên tất cả các nẻo đường, và, khi quân thù sắp kéo đến thì, hài lòng vì công cuộc chuẩn bị đó, y vội vã rút về thành phố. Bấy giờ y nghĩ rằng đến Lơ Havơ y sẽ giúp ích được nhiều hơn, vì ở đây rồi đây hẳn là cần phải có những công sự phòng ngự mới.

---

(1) Ngày 4-9-1870: Napoléon III bị truất ngôi do những thất bại của trận chiến tranh Pháp-Đức (1870-1871), và nền Cộng hòa được tuyên bố thành lập.

Người đàn bà, thuộc hạng người ta gọi là điểm đàn, nổi tiếng vì cái thân hình sớm đầy đà khiến cô ta đã được đặt tên là Viên Mỡ Bò<sup>(1)</sup>. Người thấp nhỏ, chổ nào cũng tròn trĩnh, núng nính những mỡ, với các ngón tay nần nần thắt lại ở các đốt trông tựa những chuỗi giò gân, làn da bóng nhẫy và căng, một bộ ngực đồ sộ, lồ lộ dưới làn áo, cô ta tuy vậy trông vẫn còn ngon mắt và được theo đuổi nhiều, vẻ xuân sắc của cô thật đáng ưa nhìn. Mặt cô là một trái táo đỏ, một nụ thược được sắp nở, và ở phía trên khuôn mặt ấy là một đôi mắt mở ra đen láy, tuyệt đẹp, ẩn dưới hai hàng mi dày rù bóng, phía dưới, một khuôn miệng hẹp, có duyên, ướm át gợi tình, với hàm răng nhỏ xíu, trắng bóng.

Ngoài ra, người ta bảo cô còn có nhiều đức tính quý hoá vô cùng.

Mọi người vừa nhận ra cô thì lập tức có những lời thì thảo lan ra trong đám mây bà mệnh phụ, và những tiếng "đồ đi", "xấu hổ chung" được xì xào quá

---

(1) Ngụ ý người mũm mĩm, béo tròn, núng nính. Vì không tìm được hình ảnh tương đương trong tiếng Việt, nên chúng tôi đành dịch sát nguyên văn.

to khiến cô phải ngẩng đầu lên. Cô ta bèn đưa mắt nhìn khắp lượt những người ngồi chung quanh, một cái nhìn khiêu khích và táo bạo đến nỗi mọi người tức khắc im thin thít, và ai nấy đều cúi mặt xuống, trừ có Loadô là cứ dòm ngó cô, về khoái trá.

Nhưng không bao lâu ba bà kia lại tiếp tục nói chuyện, sự có mặt của cô gái điếm làm cho ba bà bỗng chốc trở nên thân thiện, hầu như thành những bạn chí thiết. Đường như các bà thấy rằng cần phải đem cái phẩm cách đoan trang làm vợ của các bà ra kết lại với nhau thành một khối trước mặt kẻ bán thân vô liêm sỉ nọ; vì bao giờ tình yêu hợp pháp cũng lên mặt coi khinh bạn đồng nghiệp tự do của nó.

Ba người đàn ông cũng nhích lại gần nhau vì một bản năng bảo thủ trước mặt Cornuydê; họ nói chuyện tiền bạc với một thứ giọng miệt thị người nghèo. Bá tước Huybe kể chuyện thiệt hại của ông do bọn Phở gây ra, những mất mát vì gia súc bị đánh cắp và mùa màng thất thu, với cái vẻ vững vàng tự tin của một chúa đất lớn, giàu thiên ỨC vạn tài, mà những chuyện phá hại đó bất quá chỉ làm phiền ông đến một năm là cùng. Ông Carê-La-



mađông, bị tổn thất nặng trong nghề dệt, đã cần thận gửi sáu trăm ngàn quan sang nước Anh, làm món tích cốc phòng cơ<sup>(1)</sup>, để đối phó với bất cứ hoàn cảnh nào. Còn về phần Loadô thì hắn đã khéo thu xếp bán hết mọi thứ rượu vang hạng thường còn lại trong hầm rượu cho Sở Quân nhu Pháp, thành thử Nhà nước mang nợ hắn một số tiền kếch xù mà hắn mẩm tính sẽ lĩnh được ở Lơ Havơ.

Và cả ba người đưa nhanh mắt nhìn nhau thân thiện. Tuy xuất thân khác nhau, họ đều cảm thấy là anh em vì đồng tiền, cùng ở trong cái hội tam điểm lớn<sup>(2)</sup> những người có của, cứ thọc tay vào túi quần là vàng kêu lên xúng xoàng.

Xe đi chậm đến nỗi mười giờ sáng vẫn chưa qua được bốn dặm đường. Các ông ba lần phải xuống xe đi bộ để vượt những quãng đường dốc. Mọi người bắt đầu lo ngại, vì đã dự tính sẽ ăn sáng ở Tô-tơ, mà bây giờ thì khó có hy vọng tới được đấy trước khi trời tối. Ai nấy đều đang nhòm ngó tìm một quán rượu bên đường thì bỗng chiếc xe đâm vào một

---

(1) Nguyên văn: một quả lê phòng khi khát.

(2) Hội tam điểm: một hội kín.

đồng tuyết, hai tiếng đồng hồ sau mới lòi được xe ra.

Cái đói mỗi lúc một tăng làm rối loạn tâm trí; mà chẳng thấy bóng dáng một hàng quán, một người bán rượu nào hiện ra hết, vì bọn Phổ đang tới gần với những đoàn quân Pháp đói lả kéo qua đã làm cho mọi ngành mọi nghề đều hoảng sợ.

Các ông chạy đi kiếm thức ăn ở các trại áp bên đường, nhưng ngay đến bánh mì cũng chẳng tìm ra được. Người nông dân nghi kỵ đã cất giấu lương thực dự trữ, sợ bị cướp đoạt mất, vì đám quân lính chẳng có gì ăn thường cưỡng bức lấy bữa bất cứ cái gì họ tìm thấy.

Vào khoảng một giờ trưa, Loadô tuyên bố rằng quả tình hẳn thấy khá là đói. Mọi người cũng đều đói như hẳn từ lâu, và nhu cầu ăn luôn luôn thúc bách đã giết chết cả mọi chuyện trò.

Thỉnh thoảng có ai đó ngáp vặt; một người khác hầu như bắt chước liền, và ai nấy cứ lần lượt, tuy theo tính nết, trình độ lịch sự và địa vị xã hội của mình, mà há hốc mồm ra một cách âm ỉ hoặc khiêm tốn, bàn tay vội đưa lên che cái lỗ rộng toang hoác thở ra một làn hơi khói.

Viên Mỡ Bò đã nhiều lần cúi xuống, tựa hồ cô ta muốn tìm một cái gì dưới chân. Cô do dự một giây, nhìn những người ngồi bên, rồi lại an nhiên ngồi thẳng lên. Hết thấy các bộ mặt đều xanh nhợt và nhẵn nhớt. Loadô quả quyết hẳn sẵn sàng trả một ngàn quan một cái giảm-bông nhỏ. Vợ hẳn có một cử chỉ như muốn cự lại, nhưng rồi mẹ cũng ngồi yên. Cứ nghe nói đến tiền bị phung phí, là mẹ ta thấy đau khổ, và ngay đến nói đùa về vấn đề ấy mẹ ta cũng không hiểu nổi. Bá tước thì nói: "Sự thực thì tôi cũng thấy trong người khó chịu; làm thế nào mà tôi lại không nghĩ đến chuyện đem theo thức ăn nhỉ?". Ai cũng tự trách mình như thế.

Tuy nhiên, Cornuyđê có một bình đầy rượu rom; y đem ra mời; mọi người lạnh lùng từ chối. Chỉ có Loadô nhấp vài giọt và, khi trao trả bình, hẳn cảm ơn: "Dù sao cũng là tốt, nó làm cho ấm người lên, và đánh lừa cái đói". Rượu vào hẳn đâm ra vui tính, và hẳn đề nghị làm như ở trên chiếc tàu nhỏ trong bài hát: là ăn thịt người hành khách béo nhất. Câu nói ấy gián tiếp ám chỉ Viên Mỡ Bò khiến những người có giáo dục thấy chối tai. Không ai đáp lại, chỉ riêng có Cornuyđê là mỉm cười. Hai bà phước

lúc này đã ngừng lằm bằm lẫn trằng hạt, và ngồi yên, hai bàn tay thọc sâu vào ống tay áo rộng, cổ tình cúi nhìn xuống, ý hẩn đang dâng lên trời nỗi đau khổ mà trời giáng xuống họ.

Sau cùng, đến ba giờ, xe đang đi giữa một cánh đồng mông mênh bất tận, chẳng thấy bóng một làng mạc nào trước mặt, Viên Mỡ Bò liền cúi ngay xuống, lúi ở gằm ghé ra một cái làn to, phủ một chiếc khăn ăn trắng.

Trước hết cô ta moi ở làn ra một chiếc đĩa xứ nhỏ, một cốc bạc xinh xắn, rồi đến một cái liễn sành rộng đựng hai con gà dồ đã chặt sẵn từng miếng, ướp một lớp mỡ đông; người ta trông thấy ở trong làn còn nhiều thứ ngon lành khác gói ghém cẩn thận, nào ba-tê, nào quả tươi, nào kẹo bánh, những thức ăn chuẩn bị cho một cuộc hành trình ba ngày, để khỏi phải đụng đến món ăn các quán trọ. Giữa các gói thức ăn, thò ra bốn cái cổ chai. Cô ta cầm lấy một chiếc cánh gà và bắt đầu ăn nhỏ nhẹ với một chiếc bánh mì nhỏ, thứ bánh ở Normăngđi người ta vẫn gọi là bánh "Nhiếp chính".

Mọi con mắt đều đổ dồn vào cô ta. Rồi mùi thơm toả lên, làm các cánh mũi nở rộng, nước miếng ứa

ra đầy miệng mọi người và quai hàm co lại nhúc nhối ở phía dưới tai. Lòng khinh bỉ của các bà đối với cô gái đi ấy trở nên dữ tợn, cơ hồ các bà muốn giết chết cô ta hay quăng cô ra khỏi xe, ném xuống tuyết, cả cô ta lẫn chiếc cốc, cái làn và các thức ăn của cô.

Nhưng Loadô hau háu nhìn cái liễn đựng thịt gà. Hắn nói: "Hay quá, bà đây đã khéo lo xa hơn chúng tôi. Ấy có những người bao giờ cũng biết lo liệu chu đáo mọi chuyện". Cô ta ngẩng đầu lên nhìn hắn: "Thưa ông, ông vui lòng xơi một chút chẳng? Từ sáng đến giờ mà nhịn đói kể cũng gay." Hắn cúi đầu cảm ơn: "Quả tình, xin thú thực là tôi không dám từ chối, tôi không sao kham nổi nữa. Gặp thế nào hay thế ấy<sup>(1)</sup>, phải không, thưa bà?". Và nhìn quanh mọi người một lượt, hắn nói tiếp: "Trong những bước như thế này, mà gặp được người giúp đỡ mình thì thật là dễ chịu". Sẵn có một tờ báo hắn liền trải ra để khỏi giầy bẩn quần, rồi, với mũi con dao lúc nào

---

(1) Nguyên văn: "Ra trận thì phải theo lối ở ngoài trận". Ý nói phải tùy cơ ứng biến, thích nghi với hoàn cảnh khó khăn.

cũng nằm trong túi, hắn xóc một chiếc đùi gà bóng nhẫy mỡ đông, lấy răng xé ra, rồi nhai, với một vẻ thoả mãn quá hiển nhiên, khiến trong xe nổi lên một tiếng thở dài thật náo nuột.

Song Viên Mỡ Bò, với một giọng khiêm tốn và dịu dàng, mời hai bà phước cùng ăn lót dạ với cô. Cả hai bà nhận ngay lập tức và, không hề ngẩng mặt lên, bắt đầu ăn luôn rất nhanh sau khi áp úng lăm bắm mấy lời cảm ơn. Cornuydê cũng không từ chối lời mời của cô gái ngồi bên, và cùng với hai bà phước, họ trải rộng tờ báo lên đầu gối làm một thứ bàn ăn.

Mấy cái miệng hết há ra lại ngậm vào, nuốt, nhai, ngốn lấy ngốn để. Loadô ngồi trong một góc hoạt động rất mạnh và thì thầm bảo vợ hãy nên bắt chước mình. Mụ cố cầm cự hồi lâu rồi, sau một cơn đau quặn ruột gan, mụ ta đành chịu thua. Thế là, Loadô lựa lời thật ngọt ngào, lịch sự hỏi: "bà bạn quý" có cho phép hắn mời bà Loadô ăn tí chút được không. Cô ta nói: "Thưa ông, vâng, có chứ ạ!" với một nụ cười niềm nở, và chìa cái liễn ra.

Khi mở đến chai rượu vang đỏ đầu tiên thì mọi người lúng túng: chỉ có mỗi một chiếc cốc. Họ bèn chuyền tay cho nhau sau khi chùi miệng cốc. Riêng có Cornuydê, ý hẳn để tỏ ra phong nhã lịch sự, nhấp môi ngay vào chỗ miệng cốc còn ướt vì môi cô gái ngồi cạnh.

Thế là, bị bao người đang ăn vây quanh, ngột ngạt vì mùi thức ăn xông lên, vợ chồng bá tước Đơ Brêvin và ông bà Carê-Lamadông phải chịu cái tội cực hình ghê gớm xưa nay vẫn được gọi là tội Tăngtan<sup>(1)</sup>. Bỗng chốc bà vợ trẻ của ông chủ nhà máy thốt lên một tiếng thở hắt khiến mọi người phải quay đầu lại, mặt bà ta trắng bệch chẳng khác gì tuyết bên ngoài; hai mắt bà nhắm lại, đầu gục xuống: bà ta ngất đi, ông chồng hoảng hốt cầu cứu tất cả mọi người. Ai nấy đang hoang mang không biết làm thế nào thì bà phước có tuổi nhất đã nâng đầu người ốm lên, ghé miệng cốc của Viên Mỡ Bò

---

(1) Trong thần thoại Hy Lạp, Tăngtan bị hành tội trời vào thân cây nặng trĩu quả, nhưng không với tới được; nước dâng lên gần miệng nhưng không uống được, trong khi y đói khát như cào cào ruột gan.

vào môi bà Carê-Lamadông và đổ cho bà ta nuốt vài giọt rượu vang. Bà mệnh phụ xinh đẹp khê cựa mình, mở mắt ra, mỉm cười, và nói với một giọng lả đi như sắp chết là giờ bà ta đã thấy dễ chịu nhiều. Nhưng, để cho chuyện đó khỏi tái diễn, bà phước bắt buộc bà ta phải uống hết một cốc đầy rượu vang đỏ và nói thêm: "Đó chỉ là vì đói thôi, chẳng phải chuyện gì khác đâu".

Thế là Viên Mỡ Bò đỏ mặt và lúng túng, nhìn bốn vị hành khách còn nhịn đói, ấp úng nói: "Trời ơi, giá tôi dám đường đột mời mấy quý ông quý bà đó...". Cô ta im bật sợ lời xúc phạm chẳng, Loadô lên tiếng: "Ôi chà, trong những lúc như lúc này mọi người đều là anh em cả và phải giúp đỡ lẫn nhau. Nào thôi, các bà, xin đừng khách khí: các bà nhận lời đi, chứ còn gì nữa! Chưa chắc chúng ta có tìm ra được nhà để ngủ đêm không. Xe chạy thế này thì trưa mai cũng chưa đến được Tôơ đâu". Mọi người phân vân, không ai dám nhận cái trách nhiệm nói "vâng". Nhưng ông bá tước giải quyết ngay vấn đề. Ông ta quay lại phía cô gái to béo còn đang ngờ



ngàng e sợ, và lấy cái vẻ đại gia quý tộc, nói với cô ta: "Thưa bà, chúng tôi xin nhận lời và chịu ơn bà".

Chỉ có bước đầu là khó. Vượt qua sông Ruybicông rồi<sup>(1)</sup>, người ta cứ việc tự do thả cửa. Cái làm được dốc ra hết. Nó còn đựng một xúc ba-tê gan bọc mỡ, một cái chả chim<sup>(2)</sup>, một miếng lưỡi lợn sấy, mấy quả lê vùng Cratxanơ, một tảng pho mát Pông-Lêvêch, những bánh bò lò và một chén đầy dưa chuột và hành ngâm dấm vì Viên Mỡ Bò, cũng như mọi phụ nữ, rất thích rau dưa sống.

Không thể cứ ăn thức ăn của cô mà không nói gì với cô. Thế là người ta trò chuyện, mới đầu còn dè dặt, rồi sau cởi mở hơn, vì thấy cô ta có thái độ

---

(1) Con sông nhỏ ngăn cách nước Ý với xứ Gôlrê. Để bảo vệ thành La Mã, chống lại quân Gôlrê, Nguyên lão viện đã ra một quyết nghị nổi tiếng tuyên bố là phân quốc và nguyên rửa kẻ nào đem quân không kể nhiều ít, vượt qua sông đó. Xêda coi khinh lệnh cấm ấy, vượt qua sông mà kêu lên: "Số phận đã quyết định!" Người ta thường nhắc lại lời nói này mỗi khi quyết định một điều gì táo bạo và quan trọng, sau nhiều do dự; hoặc nói "vượt qua sông Ruybicông" cũng là ngụ ý đó.

(2) Nguyên văn: chả chim *mauviettes*, tục danh của chim sơn ca beó nục.

rất đúng đắn. Hai bà Đơ Brêvin và Carê-Lamadông, vốn rất lịch thiệp, đã tỏ ra niềm nở tế nhị. Nhất là bà bá tước có cái vẻ hạ cố đáng yêu của các phu nhân đại quý tộc mà không một tiếp xúc nào có thể làm vấy bẩn, và bà đã tỏ ra dễ thương hết sức. Còn mục Loadô, tâm tính cục súc, thì vẫn lầm lì, nói ít mà ăn nhiều.

Tất nhiên mọi người nói chuyện về chiến tranh. Họ kể những hành động khủng khiếp của bọn Phổ, những hành vi dã man của người Pháp; và tất cả bọn người đi trốn ấy đều tỏ lòng kính phục sự can đảm của người khác. Không mấy lúc người ta chuyển sang các câu chuyện riêng tư, và với một xúc động chân thành, với nhiệt tình trong lời nói mà đôi khi các cô gái điếm thường có để diễn đạt những kích động tự nhiên của mình. Viên Mỡ Bò kể lại cô đã bỏ Ruăng ra đi như thế nào: "Mới đầu tôi đã tưởng là tôi có thể ở lại được, cô nói. Nhà tôi đầy lương thực, và tôi muốn thả nuôi vài thằng lính còn hơn bỏ xứ sở mà đi chẳng biết nơi nào. Nhưng đến khi tôi trông thấy chúng, bọn Phổ ấy, thì thực tôi không chịu nổi! Chúng làm tôi điên tiết, và suốt ngày tôi

cứ khóc vì tủi hổ. Ô! giả thử tôi là một người đàn ông, thì khỏi phải nói! Tôi đứng trong cửa sổ nhìn chúng, bọn lợn ỹ đội mũ chóp nhọn ấy, và cô ở nhà tôi cứ giữ chặt lấy tay tôi để ngăn không cho tôi quẳng đồ đạc vào đầu chúng. Rồi có những thằng vác mặt đến để ở nhà tôi, thế là tôi nhay xổ ra bóp ngay cổ họng thằng đầu tiên. Bóp chết chúng cũng chẳng khó khăn gì hơn những thằng khác! Và nếu người ta không nắm tóc tôi lôi ra thì thằng ấy đã đi đời rồi. Sau đó tôi phải lần trốn. Cuối cùng, năm được cơ hội, tôi đi liền, vì thế nên mới có mặt ở đây".

Mọi người khen ngợi cô rất nhiều. Cô càng được những người bạn đường quý trọng thêm, họ đã không tỏ ra gan dạ được như thế; và trong khi nghe cô, Cornuyê giữ nguyên nụ cười tán thành và đại độ của nhà truyền đạo, chẳng khác gì một linh mục nghe một người sùng tín ca ngợi Chúa, vì những nhà dân chủ râu dài vẫn giữ độc quyền về lòng yêu nước cũng như những người mặc áo thầy tu giữ độc quyền về tôn giáo vậy. Rồi đến lượt y nói với cái giọng thuyết giáo khoa trương học được ở những bản tuyên ngôn người ta vẫn dán hàng ngày trên tường, và y kết thúc bằng một thiên hùng biện trong đó y

phét cho cái tên "Badanhghê"<sup>(1)</sup> chó má kia" một trận ra trò.

Nhưng Viên Mỡ Bò liền nổi giận vì cô theo phái Bônapac<sup>(2)</sup> Mặt cô đỏ như gấc chín<sup>(3)</sup> và lấp bắp không ra lời vì phẫn nộ. "À phải! Cứ để bọn các ông vào địa vị ông ta, coi thử xem. Rồi hay hóm đáo để ra đây, đúng thế! Chính các ông đã phản bội ông ta! Nếu để cái đám lêu lổng chơi bời như các ông cai trị thì người ta chỉ còn có việc bán sỏi nước Pháp mà đi thôi!" Cornuyđê không nao núng, vẫn giữ một nụ cười khinh khỉnh, bề trên; nhưng cảm thấy đôi bên sắp đến lúc nặng lời, ông bá tước vội xen vào và khó khăn lắm mới làm dịu được cô gái đang nổi khùng; ông tuyên bố một cách kẻ cả rằng tất cả mọi ý kiến thành thật đều đáng kính trọng. Song bà bá tước và bà chủ nhà máy, vốn mang sẵn trong tâm hồn lòng căm ghét mê muội của hạng người nề nếp đối với nền cộng hoà, và cái lòng quý mến tự nhiên

---

(1) *Badinguet*: tên đặt cho Napoléon III (1803-1873), vua nước Pháp thời Đế chế thứ hai, từ 1852-1870).

(2) Phái phục hưng đế chế.

(3) Nguyên văn: đỏ hơn một quả anh đào.

của mọi phụ nữ đối với những chính phủ bẽ bề và chuyên chế, hai bà tuy không thích, nhưng đều cảm thấy gần gũi cô gái điếm đầy tự trọng nọ, sao mà có những cảm nghĩ giống các bà đến thế.

Cái làn đã rộng tuếch. Mười miệng làm cho nó vui cạn đi cũng chẳng khó khăn gì; người ta còn tiếc rẻ sao nó chẳng được to hơn nữa. Chuyện trò vẫn tiếp tục hồi lâu, nhưng cũng nhạt dần đi đôi chút sau khi mọi người đã ăn xong.

Đêm buông xuống, bóng tối dần dần thêm dày đặc, và cái lạnh càng thấy thấm thía hơn trong khi tiêu hoá, khiến Viên Mỡ Bò, mặc dù béo, cũng phải run lên. Bà Đơ Brêvin bèn mời cô dùng cái lồng ấp của mình, được thay than đã mấy lần từ sáng đến giờ, và cô nhận lời ngay, vì cô cảm thấy chân lạnh cứng. Các bà Carê-Lamadông và Loadô thì đưa lồng ấp của mình cho hai bà phước.

Bác xà ích đã thấp đèn kính lên. Đèn soi sáng rực một làn hơi nước bốc lên trên bộ móng đầm mồ hôi của đôi ngựa bên càng xe, và mặt tuyết hai bên đường hình như đang trải ra lần lần dưới ánh phản chiếu di động của ánh sáng đèn.

Chẳng còn nhìn rõ thấy gì trong xe nữa, nhưng đột nhiên có một cử động giữa Viên Mờ Bò và Cornuydê; và Loadô, với con mắt soi mói vào bóng tối, hình như thấy anh chàng rậm râu né mạnh người đi, tựa hồ bị một quả thui nên thân lạng lẽ tống vào người.

Những đóm lửa nhỏ hiện ra trên đường, phía trước mặt. Đó là Tô-tơ. Xe đã đi mười một giờ, cộng với hai giờ cho ngựa nghỉ bốn lần để ăn thóc, và lấy lại sức, thế là mười ba giờ. Xe đi vào thị trấn dừng lại trước Khách sạn Thương mại.

Cửa xe mở ra. Một tiếng động quen thuộc làm mọi hành khách giật mình: đó là những tiếng vô gươm chạm xuống đất. Lập tức có tiếng một tên Đức thét lên câu gì đó.

Mặc dù xe đã đứng yên, chẳng một ai bước xuống, như thể sợ ra khỏi xe là bị giết chết. Rồi người đánh xe xuất hiện, tay cầm chiếc đèn kính đột nhiên rọi chiếu vào đèn tận cùng xe hai dãy mặt người hoảng hốt, mồm há hốc và mắt trợn trừng vì ngạc nhiên và sợ hãi.

Đứng bên bác xà ích, giữa ánh sáng, là một tên sĩ quan Đức, một gã thanh niên cao lớn, hết sức

mảnh dẻ và tóc vàng, bộ quần phục bó chặt lấy người như một cô gái mặc áo nịt chèn, trên đầu đội lệch chiếc mũ lưỡi trai phẳng và bóng láng, khiến y giống anh hầu bàn ở một khách sạn Anh cát lợi. Bộ ria quá khổ của y, với những sợi ria dài thẳng đuột, cứ thưa dần mãi ở hai bên và xe vút lại thành một sợi độc nhất màu vàng, quá nhỏ, thành thử không nhìn thấy rõ nó dài tới đâu là hết, dường như nó dè lên hai bên mép, và kéo sệch má, in lên đôi môi một nếp nhăn trễ xuống.

Y dùng tiếng Pháp vùng Andaxơ, giọng cứng nhắc mời các hành khách ra khỏi xe: "Quý ông, quý bà, các vị xuống xe đi chứ?"

Hai bà phước tuân lệnh đầu tiên với thái độ dễ bảo của các bà tu hành vốn quen chịu mọi sự phục tòng. Rồi đến ông bà bá tước, theo sau là vợ chồng ông chủ nhà máy, rồi đến Loadô vừa đi vừa đẩy mẹ vợ to béo đi trước. Vừa đặt chân xuống đất, hấn nói với tên sĩ quan: "Xin chào ông" vì thận trọng nhiều hơn là vì lễ phép. Tên Đức, hỗn xược như những kẻ oai quyền hống hách, chỉ nhìn hấn mà không đáp.

Viên Mỡ Bò và Cornuyđê tuy ngồi gần cửa xe nhưng bước xuống sau cùng, nghiêm trang và kiêu

kỳ trước mặt quân thù. Cô gái to béo tự kiềm chế và giữ bình tĩnh; nhà dân chủ thì đưa bàn tay bị đất và hơi run run lên mân mê bộ râu dài hung đỏ. Họ muốn giữ gìn phẩm cách, vì họ hiểu rằng trong những cuộc gặp gỡ như thế này mỗi người đều phần nào đại diện cho người mình; và, cùng chung một nỗi bất bình đối với thái độ quá mềm dẽo của các bạn đồng hành, cô ta chỉ cố tỏ ra kiêu hãnh hơn đám đàn bà lương thiện ngồi bên, còn anh chàng kia thì cảm thấy mình cần phải tiếp tục cái sứ mệnh phản kháng đã bắt đầu từ lúc đi phá hoại đường sá.

Mọi người vào cả nhà bếp rộng của quán trọ, và tên Đức sau khi bắt đưa trình giấy thông hành do viên tướng tổng tư lệnh ký và trong đó có ghi tên tuổi, nhận dạng và nghề nghiệp của mỗi hành khách, y ngắm nghía hồi lâu tất cả đám người này, so sánh từng người với những chỉ dẫn ghi trong giấy.

Rồi y đột ngột nói: "Được rồi", và biến mất.

Mọi người thở ra nhẹ nhõm. Ai nấy đều còn đói và đặt ngay bữa ăn tối. Cần phải mất nửa giờ mới dọn ăn được; và, trong khi hai cô hầu bàn ra về chăm lo việc ấy, mọi người đi thăm các phòng ngủ.



Tất cả các phòng đều nằm dọc theo một hành lang dài, tận cùng là một cửa kính trên có ghi "con số biết nói"<sup>(1)</sup>.

Sau cùng, khi mọi người sắp sửa ngồi vào bàn ăn thì chính chủ quán xuất hiện. Lão ta trước kia là một lái ngựa, người to béo, mắc bệnh hen, lúc nào cũng thở khò khè, giọng khản đặc, tiếng đờm suyễn rít trong cổ họng. Bố lão ta đã truyền lại cho lão cái tên Fonlängvi<sup>(2)</sup>.

Lão ta hỏi:

- Cô Elidabet Ruxê?

Viên Mỡ Bò giật mình quay lại:

- Tôi đây.

- Thưa cô, ngài sĩ quan Phở muốn nói chuyện với cô ngay.

- Với tôi?

- Vâng, nếu cô đúng là Elidabet Ruxê.

Cô ta bối rối, suy nghĩ một giây, rồi nói dứt khoát:

---

(1) Tức là phòng vệ sinh.

(2) *Follenvie*: đọc lên cũng như *Folle envie*, có nghĩa là: thèm muốn điên rồ.

- Có thể là thế, nhưng tôi không đi.

Chung quanh cô ta mọi người đều nhao cả lên, ai nấy đều bàn tán, đoán hiểu nguyên nhân của lệnh nọ. Ông bá tước lại gần:

- Thưa bà, như thế là bà sai trái đấy, vì bà mà từ chối thì có thể đem lại những trở ngại lớn, không những cho bà, mà còn cho tất cả các bạn đồng hành của bà nữa. Không bao giờ nên cưỡng lại những kẻ mạnh hơn ta. Lời yêu cầu đó chắc không có gì nguy hiểm đâu: ý hẳn chỉ vì quên mọi thủ tục nào đó thôi.

Tất cả mọi người hòa theo ông bá tước, người ta van nài, người ta thúc giục, người ta quở trách cô, và cuối cùng người ta thuyết phục được cô, vì tất cả đều lo sợ những chuyện rắc rối có thể xảy ra vì một hành động liều lĩnh. Rút cục cô ta nói:

- Chỉ vì các ông, các bà mà tôi đi đấy thôi!

Bà bá tước cầm lấy tay cô:

- Và vì thế chúng tôi xin cảm ơn bà.

Cô ta đi ra. Mọi người đợi cô để ngồi vào bàn ăn. Ai nấy đều lấy làm buồn bực đã không được gọi lên hỏi thay cho cô gái tội tọt và nóng nảy ấy, và thầm

chuẩn bị sẵn những lời khúm núm phòng trường hợp đến lượt mình bị gọi chẳng.

Nhưng mười phút sau cô ta đã trở về, thở hồng hển, mặt đỏ gay, tức uất người. Cô lúng búng: "Ồ quân chó má! Quân chó má!"

Mọi người xúm lại hỏi chuyện, nhưng cô không nói gì hết, và sau ông bá tước cứ gặng mãi, cô trả lời một cách rất nghiêm trang: "Không, việc này không liên quan gì đến các ông, các bà, tôi không thể nào nói được".

Thế là mọi người ngồi quây vào chung quanh một liễn xúp thơm nức mùi bắp cải. Mặc dầu có chuyện đáng lo nghĩ ấy, bữa ăn cũng vui vẻ. Rượu táo ngon, nên vợ chồng Loadô và hai bà phước dùng rượu táo, để tiết kiệm. Những người khác gọi rượu vang. Cornuydê thì đòi bia. Y có một lối đặc biệt mở nút chai, làm cho bia sủi bọt, nghiêng cốc nhìn, rồi nâng cốc lên soi qua đèn và thưởng thức kỹ màu sắc. Khi y uống, bộ râu rậm của y - nó vẫn giữ cái màu vè của món giải khát y ưa chuộng - dường như trĩu mền rung lên, mắt y không ngừng theo dõi chiếc cốc vại đến thành lác trật, và trông y có vẻ như đang thực hiện cái chức năng duy nhất của đời y. Tưởng

chùng như y đang xác lập trong đầu óc một sự kết hợp và hầu như một khối tương quan giữa hai thú say mê lớn choán hết cả cuộc đời y: rượu bia Palơ - A lơ và cách mạng, và chắc chắn là y không thể nào thưởng thức thú này mà không nghĩ đến thú kia.

Vợ chồng lão Fonlăngvi ngồi ăn ở mãi tận cuối bàn. Lão ta thở phì phò như một đầu máy xe lửa vỡ, ngực khô khè mạnh quá nên không thể nào vừa ăn vừa nói được, nhưng vợ lão không chịu im miệng lúc nào. Bà ta kể lể mọi cảm tưởng của mình khi bọn Phổ đến, nào chúng làm gì, nào chúng nói gì, bà ghét cay ghét đắng chúng trước hết vì chúng làm cho bà tổn của, và sau nữa là vì bà có hai con trai tại ngũ. Bà hay hỏi chuyện bà bá tước nhất, thích thú được chuyện trò với một vị phu nhân cao quý.

Rồi bà ta hạ thấp giọng để nói những chuyện tế nhị, và ông chồng thỉnh thoảng lại ngắt lời bà: "Im mồm đi thì hơn, bà Fonlăngvi ạ". Nhưng bà chẳng để ý gì đến lời chồng, và cứ nói tiếp:

- Vâng, thưa bà, cái quân ấy chỉ có ăn khoai tây và thịt lợn, và rồi lại thịt lợn và khoai tây. Và đừng có tưởng rằng chúng sạch sẽ gì đâu! Ô, không! Nói vô phép bà chứ, chúng bày bạ ra khắp mọi chỗ. Và

giá bà trông thấy chúng tập tành hết giờ này sang giờ khác và hết ngày này sang ngày khác, chúng ra tất cả ngoài cánh đồng kia kia: nào tiến lên, nào lùi xuống, nào quay đằng này, nào quay đằng nọ. Chẳng thà là chúng đi xới đất, giồng giọt, hoặc là chúng làm đường sá ở đất nước chúng! Nhưng không, thưa bà, cái bọn lính tráng ấy, thật chẳng được tích sự gì cho ai hết! Tôi cho người dân đáng thương cứ phải nuôi chúng để chúng chỉ học đọc có một trò giết chóc. Tôi chỉ là một mù già vô học thật đấy, nhưng trông thấy cứ giậm chân đến nhọc thân xác bỏ hơi tai suốt từ sáng đến tối thì tôi tự bảo: Trong khi có những người phát minh bao nhiêu thứ để thành người hữu ích, sao lại có những kẻ tốn công tốn sức để đi gây tội hại thế? Quả thật, giết người, dù là người Phổ, hay người Anh, hay người Ba Lan, hay người Pháp đi nữa, chẳng phải là một chuyện gồm ghiếc hay sao? Nếu mình báo thù một kẻ nào đó đã hãm hại mình thì đó là việc xấu, vì mình bị kết tội, nhưng khi họ dùng súng ống giết con chúng ta như đi săn chim, săn thú thì lại là chuyện tốt, vì người ta chẳng ban thưởng huy chương cho kẻ nào giết

được nhiều người nhất đó ư? Không, bà có thấy chẳng, chẳng bao giờ tôi hiểu nổi điều đó!

Cornuydê lên tiếng:

- Chiến tranh là một sự dã man khi người ta đánh một người láng giềng đang sống yên lành, nhưng khi ta bảo vệ Tổ quốc thì đó là một bổn phận thiêng liêng.

Bà già cúi đầu:

- Vâng, khi phải tự vệ thì đó là chuyện khác, nhưng các vua chúa gây ra chiến tranh để thoả ý thích của họ, sao người ta không giết chết họ đi có phải hơn không?

Mắt Cornuydê sáng lên:

- Hoan hô, nữ công dân! Y nói.

Ông Carê - Lamadông suy nghĩ rất lung. Mặc dầu ông là kẻ cuồng nhiệt tôn sùng các tướng suy lòng lấy chiến công, lương tri của bà con nông dân này làm ông nghĩ rằng ngần ấy cánh tay nhàn rỗi, vì vậy trở nên tốn kém, ngần ấy sức lực cứ để trong tình trạng không sản xuất, ví thử đem dùng cả vào những công trình công nghiệp lớn cần phải hàng thế

kỷ mới hoàn thành thì sẽ làm cho một nước thịnh vượng biết chừng nào!

Nhưng Loadô rời chỗ ngồi, đi lại nói chuyện thăm thì với chủ quán. Lão to béo phá ra cười, phát ho và khạc nhổ, cái bụng to tướng của lão cứ khoai trá rung lên vì những câu nói đùa của ông bạn ngồi bên, và lão đặt mua ngay của hân sáu thùng nhỏ rượu vang đỏ cho vụ xuân, khi nào bọn Phổ cuốn xéo.

Ai nấy đều mọi mệt rã rời cả nên bữa tối vừa xong, mọi người đi ngủ ngay. Nhưng Loadô, vì đã để tâm quan sát mọi chuyện nên sau khi đưa vợ đi nằm, liền lúc thì áp tai, lúc thì dán mắt vào lỗ khoá để cố khám phá cho ra cái mà hân gọi là: "Những bí mật của hành lang".

Khoảng một tiếng đồng hồ sau, hân nghe có tiếng sột soạt vội liếc mắt thật nhanh và thấy Viên Mỡ Bò trông càng thêm mập mạp trong chiếc áo choàng Casomia màu lam viền đàng ten trắng. Cô ta cầm một đĩa đèn nền và đi về phía "con số lớn"<sup>(1)</sup> ở cuối

---

(1) Cũng có ý nghĩa như "con số biết nói", xem chú thích ở phần trước.

hành lang. Nhưng có một cánh cửa bên hé mở ra, và, vài phút sau khi cô ta trở lại thì Cornuydé đã cởi bỏ áo ngoài, đi theo cô ta liền. Hai người thì thầm với nhau, rồi họ dừng lại. Hình như Viên Mõ Bò kịch liệt chống cự không cho Cornuydé vào phòng mình. Tiếc thay cho Loadô không nghe rõ nhưng cuối cùng vì học cất giọng lên, hẳn ta cũng lồm bồm được vài câu Cornuydé ra sức khấn nài. Y nói:

- Kìa, cô ngốc thật, chuyện đó có làm cô mất gì đâu cơ chứ?

Cô ta có vẻ tức giận và trả lời:

- Không, anh ạ, có những lúc không thể làm được chuyện ấy, với lại, ở đây, làm thế sẽ là một điều sỉ nhục.

Ý hẳn y không hiểu, nên y hỏi tại sao. Thế là cô ta nổi nóng, càng nói to hơn:

- Tại sao? Anh không hiểu tại sao à? Trong khi bọn Phổ ở ngay trong nhà, không biết chúng ở ngay phòng bên cạnh ư?

Y im bặt. Cái liêm sỉ yêu nước của cô gái điếm không chịu để cho người ta ân ái bên quân thù chắc hẳn đã thức tỉnh cái phẩm cách đang suy nhược của



y, nên sau khi chỉ ôm hôn cô ta thôi, y lại len lén bước nhẹ trở về phòng mình.

Loadô, bị kích thích mạnh, rời bỏ lỗ khoá, nhảy cồm lên trong buồng, rồi chụp mũ ngủ vào đầu, nhắc tấm chăn lên, bên dưới nằm sững suốt bộ thần xác cứng đờ của vợ hắn, mà hắn vừa đánh thức dậy bằng một cái hôn vừa thầm thì hỏi: "Em có yêu anh không, em yêu quý?".

Thế rồi cả ngôi nhà trở nên yên lặng. Nhưng không mấy chốc bỗng nổi lên ở đâu đấy, về một phía nào không rõ, có thể là ở dưới hầm rượu mà cũng có thể là trên gác xép, một tiếng ngáy rất to, đơn điệu, đều đều, một thứ tiếng âm ỉ và kéo dài, rung lên như nổi súp de đang tức hơi. Lão Fonlãngvi ngủ.

Vì mọi người đã định tám giờ sáng hôm sau thì lên đường nên tất cả đều có mặt trong nhà bếp, song chiếc xe, tuyệt phủ đầy bụi và thành một cái mái, vẫn đứng trơ trọi giữa sân, chẳng thấy ngựa mà cũng chẳng thấy người đánh xe đâu cả. Đi tìm trong các chuồng ngựa, trong buồng cò, trong nhà xe cũng không thấy bác ta. Thế là cánh nam giới quyết đi lùng khắp trong vùng, và họ ra phố. Họ tới quảng trường, phía cuối quảng trường là nhà thờ và hai

bên là những căn nhà thấp ở đây thấy có những tên lính Phổ. Tên thứ nhất họ trông thấy đang gọt khoai. Xa quá tí nữa, tên thứ hai, đang cạo rửa cửa hiệu hớt tóc. Một tên khác, râu ria xồm xoàm lên tới mắt, thì ẵm một đứa trẻ đang khóc và dùng đứa nó trên đầu gối cổ lăm cho nó nín, các bà nông dân to béo, mà chồng đều "ở quân đội đi đánh nhau", ra hiệu chỉ cho những kẻ chiến thắng ngoan ngoãn của họ hiểu công việc phải làm: bổ củi, dầm bánh mì vào xúp, xay cà-phê, một tên trong bọn lại còn giặt cả quần áo cho bà chủ nhà nữa, một bà cụ già lão tàn tật.

Ông bá tước ngạc nhiên hỏi ông bố ở nhà chung đi ra. Ông già ngoan đạo trả lời: "Ồ, những đứa này thì không ác: theo như người ta nói thì chúng không phải là quân Phổ. Chúng ở xa hơn kia, tôi không rõ là ở đâu, và chúng đều bỏ vợ con ở lại quê hương, cái trò chiến trận chúng chẳng thích thú gì đâu, thật đấy! Tôi chắc là ở bên ấy họ cũng khóc nhớ người đàn ông ra đi, và chiến tranh cũng sẽ gây cực khổ ra trò cho bên họ cũng như bên mình. Ở đây, được cái hiện giờ mọi người cũng chưa đến nỗi khổ quá, vì chúng không làm điều gì ác hại, và chúng

lao động cũng như ở nhà chúng vậy. Ông xem đây, giữa những người nghèo khổ, cũng phải giúp đỡ nhau chứ... Chỉ có những ông lớn là đánh nhau thôi”.

Cornuyđê bất bình vì thấy có sự liên minh thân thiện giữa những kẻ thắng và kẻ bại, rút lui ngay, về ngồi trong nhà trọ. Loadô nói một câu pha trò: “Chúng làm cho dân cư đông đúc lại đây”. Ông Carê-Lamadông thì nói một câu trịnh trọng: “Chúng chuộc lỗi”. Nhưng vẫn không thấy bác xà ích đâu. Sau cùng mới tìm ra bác ta ở quán cà-phê trong làng, chen chúc chen anh với người lính hầu của tên sĩ quan. Ông bá tước cự:

- Chúng tôi đã ra lệnh cho bác thắng xe để đi tám giờ kia mà?

- À, phải rồi, nhưng sau đó tôi lại nhận được một lệnh khác.

- Lệnh gì?

- Là chẳng thắng xe thắng xiếc gì hết.

- Ai ra lệnh ấy cho bác?

- Ông tư lệnh Phô, chứ còn ai!

- Tại sao?

- Nào tôi biết! Ông đi mà hỏi ông ấy. Người ta cầm tôi thắng xe thì tôi không thắng. Như vậy đây.

- Chính ông ta đã bảo bác thế à?

- Không, thưa ông, đó là lão chủ quán truyền lại lệnh của ông ta cho tôi.

- Bao giờ?

- Đêm qua, lúc tôi sắp đi ngủ.

Ba người quay về, rất lo lắng.

Họ yêu cầu gặp lão Fonlăngvi, nhưng chị người ở đáp vì chúng hen, chẳng bao giờ lão ta dậy trước mười giờ. Lão lại còn cấm tiệt không được đánh thức lão dậy sớm, trừ phi cháy nhà.

Họ muốn gặp tên sĩ quan nhưng điều đó thì tuyệt đối không thể được, mặc dầu y ở ngay trong nhà trọ. Chỉ có một mình lão Fonlăngvi là được phép nói chuyện với y về mọi việc dân sự. Thế là họ phải đợi. Các bà lại trở về phòng và làm những việc phù phiếm cho qua giờ.

Cornuydê ngồi vào chỗ lò sưởi cao của nhà bếp, lửa cháy đỏ rực. Y đã gọi mang tới đây một chiếc bàn con của quán rượu với một chai bia; và y rít tẩu thuốc, cái tẩu được các nhà dân chủ vì nể gần

ngang với y tựa hồ nó phục vụ Cornuydê là đã phục vụ Tổ quốc vậy. Chiếc tẩu rất đẹp, bằng đá bọt, cạnh thuốc bám rất đều, cũng đen như răng chủ nó, nhưng mà thơm, uốn cong, bóng nhoáng, quen thuộc với bàn tay y, và bổ sung cho diện mạo y. Y ngồi yên lặng, mắt đăm đăm khi thì nhìn lửa, khi thì nhìn cái vành bọt bia trong chiếc cốc vại, và cứ mỗi lần uống xong, y lại lùa những ngón tay gầy guộc vào mớ tóc dài bóng nhẫy với một vẻ khoái trá, mũi hít hít bộ ria mép viền bọt bia.

Loadô, lấy cớ là để cho khỏi cuồng căng, đi đến các nhà bán rượu lẻ trong vùng chào bán rượu vang. Bá tước và ông chủ nhà máy xoay ra nói chuyện chính trị. Họ dự đoán về tương lai nước Pháp. Một người tin tưởng ở dòng họ Orléang, người kia tin tưởng vào một vị cứu tinh vô danh, một vị anh hùng mãi đến lúc mọi sự đều tuyệt vọng mới xuất đầu lộ diện: một Duy Ghetxelan<sup>(1)</sup> một Jan Đac<sup>(2)</sup> không biết chừng? hay một Napôlêông đệ nhất khác? Ô!

---

(1) Du Guesclin (1320-1380): một tướng lĩnh Pháp, nổi tiếng đã đánh đuổi quân xâm lăng Anh.

(2) Jeanne d'Arc (1412-1431): nữ anh hùng Pháp chống quân Anh ngoại xâm, sau bị chúng bắt và thiêu sống.

Giá thứ hoàng thái tử không đến nỗi còn mắng sửa như vậy! Cornuyđê nghe họ nói chuyện, mỉm cười ra vẻ con người hiểu biết vận mệnh chung sẽ ra sao. Tẩu thuộc của y toả khói thơm nức nhà bếp.

Khi mười giờ đã điểm, lão Fonlăngvi xuất hiện. Mọi người vội vã hỏi lão, nhưng lão chỉ có thể nhắc đi nhắc lại hai ba lần, không sai một chữ, mấy lời như sau: "Ngài sĩ quan bảo tôi thế này: Ông Fonglăngvi, ông sẽ cấm không cho xe của bọn hành khách ấy thắng ngựa sáng mai. Tôi không muốn họ ra đi mà không có lệnh của tôi. Ông hiểu chứ? Thế là đủ".

Mọi người liền muốn gặp tên sĩ quan. Bá tước gửi danh thiếp của ông lên cho y, trên đó ông Carê-Lamadông ghi thêm tên với tất cả mọi chức vị của mình. Tên Phổ cho người trả lời rằng y sẽ cho phép hai người được nói chuyện với y khi nào y ăn xong bữa sáng, nghĩa là vào khoảng một giờ.

Các bà lại ra mặt và mặc dầu lo sợ, ai nấy cũng ăn qua chút ít. Viên Mỡ Bò có vẻ ốm và hết sức bối rối.

Uống xong cà phê thì tên lính hầu đến tìm hai ông.

Loadô nhập bọn với họ. Muốn cho cuộc vận động thêm phần trang trọng, họ cố lôi kéo Cornuydê, nhưng y kiêu hãnh tuyên bố nhất định không bao giờ muốn có quan hệ gì với bọn Đức hết và y lại ngồi vào chỗ bên cạnh lò sưởi, gọi một chai bia khác.

Ba người lên gác và được đưa vào căn phòng đẹp nhất của nhà trọ. Tên sĩ quan tiếp họ ở đây, nằm ngả người trên một chiếc ghế bành, chân gác lên lò sưởi, miệng ngậm tẩu thuốc dài bằng sứ, mình mặc một chiếc áo ngủ đỏ rực, chắc là xoáy trong nhà bỏ trống của một thị dân róm nào đó. Y không đứng dậy, không chào họ, không nhìn họ. Y thể hiện một kiểu mẫu tuyệt vời về thói thô bạo đương nhiên của kẻ nhà binh đắc thắng.

Mãi một lúc lâu y mới nói:

- Các ông muốn gì?

Ông bá tước lên tiếng:

- Thưa ngài, chúng tôi muốn lên đường.

- Không.

- Tôi xin mạn phép hỏi ngài có thể cho biết lý do vì sao được không ạ?

- Bởi vì tôi không muốn.

- Thưa ngài, tôi xin kính cẩn lưu ý ngài rằng đại tướng tổng tư lệnh của ngài đã cấp cho chúng tôi giấy thông hành đi Dieppe, và tôi nghĩ chúng tôi chưa hề làm điều gì đáng để ngài khe khắt.

- Tôi không muốn... có thể thôi... Các ông có thể đi xuống.

Sau khi cùng cúi chào, cả ba người rút lui.

Buổi chiều thật thê thảm. Họ chẳng hiểu tại sao tên Đức lại có cái ý bất chợt ấy, và những ý nghĩ kỳ quặc làm rối loạn đầu óc họ. Mọi người ngồi cả trong bếp, bàn cãi mãi, tưởng tượng ra những chuyện vô lý. Có lẽ y muốn giữ họ làm con tin - nhưng nhằm mục đích gì? - hoặc đưa họ đi cầm tù? hay là đòi hỏi họ một số tiền chuộc lớn? Nghĩ như vậy họ đâm hoảng. Những người giàu có nhất là những người sợ hãi nhất, chưa chi đã thấy mình bắt buộc phải nộp những túi đầy vàng vào tay tên lính lão xược này để chuộc tính mạng. Họ cố mọi óc tìm những câu nói dối tạm nghe được để che giấu của cải, làm ra bộ nghèo, rất nghèo. Loadô tháo đồng hồ, giấu vào trong túi. Trời đổ tối, càng tăng thêm những nỗi sợ. Đèn thấp lên, và còn hai tiếng đồng hồ nữa mới đến bữa ăn, mà Loadô đề nghị chơi bài



ba mươi mốt<sup>(1)</sup>. Đó là một cách giải trí. Mọi người nhận lời. Ngay cả Cornuyđê, sau khi dụi tẩu thuốc đi vì lịch sự, cũng tham dự.

Ông bá tước trang bài, rồi chia. Viên Mỡ Bò được ngay ba mươi mốt, và không mấy chốc thú chơi bài mê mải cũng làm cho nổi lo sợ ám ảnh mọi tâm trí dịu bớt đi. Nhưng Cornuyđê nhận thấy vợ chồng nhà Loadô thông đồng với nhau để chơi gian.

Lúc mọi người sắp ngồi vào ăn thì lão Fonlăngvi lại xuất hiện, và hỏi bằng cái giọng khò khè đờm trong cổ: "Ngài sĩ quan Phổ cho hỏi xem cô Elidabet Ruxê đã thay đổi ý kiến chưa?"

Viên Mỡ Bò vẫn đứng đó, mặt tái nhợt rồi đột nhiên đỏ gay lên, cô tức uất đến nỗi nghẹn không nói được nữa. Sau cùng cô nổ ra: "Ông hãy bảo cái thằng chó chết, cái thằng thổ tả, cái thằng Phổ thói tha ấy, rằng không đời nào, không đời nào, không đời nào!"

---

(1) Một loại bài lá, có 52 quân bài, mỗi quân có số điểm nhất định, ai được số điểm gần 31 nhất hay đúng 31 là được, quá 31 hỏng.

Lão chủ quán béo phệ đi ra. Mọi người liền vây lấy Viên Mỡ Bò, hỏi han, nài nỉ cô nói rõ ra câu chuyện bí mật khi cô đi gặp tên Đức. Mới đầu cô còn cương, nhưng không mấy chốc sự tức giận đã lôi kéo cô: "Nó muốn gì?... nó muốn gì à?... nó muốn ngủ với tôi!". Cô hét lên. Không ai thấy câu nói ấy là chối tai, vì mọi người đều phần nộ. Cornuydê dẫn mạnh chiếc cốc vại xuống bàn, làm chiếc cốc vỡ tan. Tiếng la ó nổi lên âm ỉ, phỉ nhổ cái tên linh bĩ ỏi ấy, thật là cả một luồng nộ khí, một sự đoàn kết chặt chẽ giữa mọi người để phản kháng, tựa hồ người ta đã yêu cầu mỗi người phải góp một phần vào sự hy sinh đòi hỏi ở cô gái. Bá tước ghê tởm nói rằng bọn ấy hành động như những kẻ dã man thời cổ. Đặc biệt các bà có một thái độ mạnh mẽ và trù mến thông cảm với Viên Mỡ Bò. Hai bà phước, chỉ đến bữa ăn mới có mặt, thì cúi đầu xuống chẳng nói chẳng rằng.

Tuy nhiên, mọi người cũng ăn bữa tối, khi sự tức giận ban đầu đã dịu, nhưng ai nấy đều suy nghĩ, ít nói.

Các bà lui về phòng sớm, còn các ông, trong khi hút thuốc bày ra chơi bài các-tê và mời lão Fonlăngvi

cùng chơi, có ý muốn hỏi khéo lão xem có cách nào khắc phục được thái độ khăng khăng của tên sĩ quan không. Nhưng lão chỉ nghĩ đến bài, chẳng nghe gì hết, chẳng đáp gì hết, và lão không ngớt nhắc đi nhắc lại: "Để ý vào bài, các vị để ý vào bài". Sự chăm chú của lão căng thẳng đến nỗi lão quên cả khạc nhổ, thành thử đôi khi vì thế trong ngực khò khè những nốt nhạc rất dài. Hai lá phổi của lão réo lên, phát ra đầy đủ giai điệu của chứng hen, từ những tiếng trầm và sâu đến những tiếng khàn khàn the thé của gà trống non học gáy.

Thậm chí khi vợ lão buồn ngủ rũ, đến tìm lão, lão cũng không chịu lên gác nữa. Thế là bà ta đi lên một mình, vì bà thiên về "buổi sớm", bao giờ cũng dậy khi mặt trời mọc, còn đức ông chồng thì thiên về "buổi tối", bao giờ cũng sẵn lòng thức thâu đêm với bạn hữu. Lão ta nói to bảo vợ: "Mình đặt hăm cốc trứng đường của tôi lên bếp nhé" và lại tiếp tục chơi bài. Khi thấy rõ chẳng thể nào moi được ở lão ta điều gì, mọi người bèn tuyên bố đã đến lúc giải tán, và ai nấy đi ngủ.

Sáng hôm sau, họ cũng lại dậy khá sớm với một hy vọng mơ hồ, một ý muốn đi mạnh hơn, một nỗi

khiếp sợ phải kéo thêm một ngày đằng đằng ở cái quán trọ nhô kinh khủng này.

Hỡi ôi! Ngựa vẫn ở trong chuồng, người đánh xe chẳng thấy mặt đâu. Vô công rồi nghề, họ đi vợ vẫn chung quanh xe.

Bữa ăn sáng thật buồn rười rượi, và ai nấy cơ hồ lạnh nhạt đối với Viên Mỡ Bò, vì ban đêm giúp cho đầu óc thêm sáng suốt đã thay đổi ý nghĩ của mỗi người đi chút ít. Bây giờ người ta hầu như bực tức với cô gái đi ấy, vì nổi đã không chịu lên đi gặp thằng Phở, để cho các bạn đồng hành sáng dậy được một sự ngạc nhiên thú vị. Còn gì đơn giản hơn nữa? Mà có ai biết chuyện ấy đâu cơ chứ? Để vớt vát sĩ diện, cô ta có thể cho nói với tên sĩ quan rằng cô động lòng thương hại tình cảnh khốn đốn của họ. Đối với cô ta cái đó có quan trọng gì mấy!

Nhưng chưa ai thổ lộ những ý nghĩ ấy ra vội.

Buổi chiều, ai nấy đều ngán ngẩm, ông bá tước bèn đề nghị một cuộc đi chơi trong làng. Người nào cũng mặc áo ấm cẩn thận, và cả cái đám người ấy ra đi, chỉ trừ có Cornuyđê, ung ngồi bên lửa hơn, và cả hai bà phước, suốt ngày ở nhà thờ hay ở nhà cha xứ.

Cái rét, càng ngày càng buốt, đâm nhói dữ dội vào mũi, vào tai, chân tê buốt đến nỗi mỗi bước đi là một sự đau đớn, và khi cánh đồng quê hiện ra thì họ thấy nó thê lương quá đỗi dưới một màu trắng mênh mông vô tận, thành thử mọi người quay trở về ngay, tâm hồn giá lạnh, và lòng se lại.

Bốn người đàn bà đi trước, ba người đàn ông theo sau, cách nhau hơi xa chút ít.

Loadô hiểu biết tình thế, đột nhiên lên tiếng hỏi, không biết "con đi" ấy liệu có còn bắt họ phải ở lại một nơi như thế này lâu nữa không. Ông bá tước, bao giờ cũng nhã nhặn, nói không thể nào bắt một người đàn bà phải chịu một sự hy sinh nặng nề như vậy, và cái đó phải do chính cô ta tự nguyện. Ông Carê-Lamadông nhận xét rằng nếu quân Pháp, như đang có tin đồn đại, quay lại phản công qua Dieppe thì hai bên chỉ có thể đụng nhau ở Tô-tơ-thôi. Điều suy nghĩ ấy khiến hai ông kia lo lắng. "Hay ta đi bộ mà bỏ trốn" Loadô nói. Bá tước nhún vai: "Ông nghĩ thế được ư, dưới trời tuyết này? với các bà nhà à? và rồi ta sẽ bị đuổi theo ngay, chỉ trong mười phút là sẽ bị bắt lại và bị lôi về cầm tù cho bọn lính tha hồ hành hạ". Cái đó đúng: mọi người nín lặng.

Các bà thì nói chuyện ăn mặc, nhưng dường như có một sự gượng ép nào đấy chia rẽ họ.

Bỗng tên sĩ quan xuất hiện ở đầu phố. Trên mặt tuyết mệnh mông đến tận chân trời, y in rõ cái thân hình cao lớn lưng ong, mặc quân phục, và đi dạng hai đầu gối theo kiểu đi đặc biệt của bọn nhà binh cố giữ cho khỏi vấy bẩn đôi ủng đánh xi rất kỹ.

Y nghiêng mình chào khi đi qua các bà, và ngạo nghễ nhìn đám đàn ông, được cái các ông cũng biết giữ phẩm cách không ngả mũ, tuy Loadô thoáng có cử chỉ muốn bỏ mũ ra.

Viên Mỡ Bò đỏ mặt lên đến tận mang tai: còn ba bà có chồng thì cảm thấy nhục nhã quá phải chạm trán với tên lính ấy, trong lúc đang đi với cô gái đã bị y đối xử một cách sòng sạo đến thế.

Thế là các bà nói chuyện về y, về điệu bộ và khuôn mặt y. Bà Carê-Lamadông vốn quen biết nhiều sĩ quan và nhận xét họ ra người sành sỏi, thấy y chẳng có gì là khó coi hết, bà còn lấy làm tiếc sao y lại không phải là người Pháp, y có thể là một tay khinh kỵ rất điển trai, mà tất cả các bà hẳn sẽ cứ là mê tít.

Về đến nhà rồi, họ chẳng còn biết làm gì nữa. Thậm chí nói những chuyện không đâu vào đâu mà cũng có những lời qua tiếng lại cay chua. Bữa ăn tối lặng lẽ kết thúc rất chóng, rồi ai nấy lên buồng đi nằm, hy vọng ngủ được để giết thì giờ.

Hôm sau ở trên gác xuống, mọi người đều mặt mày phờ phạc, trong lòng bực tức. Các bà hầu như chẳng buồn nói chuyện với Viên Mỡ Bò nữa.

Một tiếng chuông ngân lên. Đó là chuông báo lễ rửa tội. Cô gái béo mập có một đứa con gửi nuôi ở nhà nông dân tại Yvotô. Hàng năm cô chẳng đi thăm nó được một lần, và cũng chẳng nghĩ đến chuyện ấy bao giờ, nhưng ý nghĩ về đứa bé mà người ta sắp rửa tội chợt khiến cô trạnh lòng, và nhất định đi dự buổi lễ cho kỳ được.

Cô vừa đi xong, mọi người liền nhìn nhau, rồi ai nấy nhích ghế lại, vì họ đều cảm thấy rõ cuối cùng rồi cũng phải quyết định một cái gì. Loadô nảy ra một ý kiến: hẳn nghĩ nên đề nghị với tên sĩ quan chỉ giữ lại một mình Viên Mỡ Bò, còn cho các người khác đi.

Lão Fonlăngvi lại đảm nhận việc uỷ thác ấy, nhưng chưa mấy chốc lão đã quay xuống ngay. Tên Đức, vốn biết rõ bản chất con người, đã tổng lão ra của. Y nhất định giữ cả mọi người ở lại, chừng nào ý muốn của y chưa được thoả mãn.

Thế là tính khí hạ lưu của mục Loadô bùng nổ: "Chẳng lẽ chúng ta lại chết già ở đây sao. Nghề của cái con khốn nạn ấy là làm việc đó với tất cả mọi người, tôi thấy nó chẳng có quyền ưng người này, từ chối người khác. Tôi xin hỏi các vị, cái của ấy đã vợ vào bất cứ ai ở Ruăng, cả đến những thằng đánh xe. Vâng, thưa bà cả thằng đánh xe của toà quận trưởng. Tôi, tôi biết rõ lắm, hẳn mua rượu vang ở nhà tôi mà. Ấy thế mà bây giờ cần đưa chúng ta ra khỏi bước lúng túng, thì cái con thổ tả ấy lại còn ông ọ! Tôi, thì tôi thấy ông sĩ quan ấy xử sự rất đúng đắn. Có lẽ ông ta bị thiếu thốn đã lâu ngày, ở đây có ba chúng mình mà chắc chắn ông ta phải ưng hơn. Nhưng không, ông ta chỉ chọn cái con của chung cho thiên hạ. Ông ta tôn trọng đàn bà có chồng. Các bà thử nghĩ xem, ông ta là chúa tể. Ông



ta chỉ cần nói: "Tôi muốn" là có thể cho quân lính dùng võ lực mà bắt buộc chúng mình được làm chứ".

Hai bà kia khẽ rùng mình. Đôi mắt của bà Carê-Lamadông xinh đẹp sáng lên, và bà hơi tái mặt đi, tựa hồ như đã cảm thấy tên sĩ quan dùng võ lực cưỡng bức bà.

Phía các ông, đang bàn lẽ, ngồi cụm lại với nhau. Loadô tức tối, những muốn trời gô cái "con khốn nạn ấy" lại đem nộp cho kẻ thù. Song bá tước, dòng dõi ba đời sứ thần, và được trời phú cho cái dáng dấp con nhà ngoại giao, chủ trương nên khéo léo: "Phải làm cho cô ta quyết định", ông nói.

Thế là mọi người mưu mô tính kế.

Các bà ngồi sát lại, giọng nói hạ thấp xuống, và việc bàn bạc trở thành bàn bạc chung, ai nấy đều đưa ra ý kiến của mình. Mà họ bàn bạc với những lời lẽ rất đứng đắn. Nhất là các bà đã khéo tìm được những cách nói tế nhị, những từ ngữ tinh vi duyên dáng, để nói những chuyện khó nói nhất. Một người lạ nghe chuyện chắc sẽ chẳng hiểu gì hết, vì lời lẽ được giữ gìn thận trọng hết sức. Song người đàn bà xã giao lịch thiệp nào thì cũng chỉ có một lớp e thẹn

mỏng mảnh che đầy mặt ngoài kỳ thực trong bụng các bà đều rất thích thú, họ nở nang mày mặt trong cái chuyện dâm đảng này, cảm thấy đây đúng là điều sô đắc, đem chuyện ái tình ra mân mê với cái khoái lạc của một anh đầu bếp tham ăn đang làm bữa ăn cho một kẻ khác.

Sự vui vẻ tự nhiên đã trở lại, vì họ thấy câu chuyện rút cục thực rất buồn cười. Bá tước tìm ra những câu đùa hơi bạo, nhưng nói khéo quá, khiến mọi người đều mỉm cười. Đến lượt Loadô tuôn ra mấy câu chót nhà sòng sượng hơn, mà chẳng ai phát ý cá; cái ý nghĩ vợ hắn đã sẵn sàng nói ra đang choán cả đầu óc mọi người: "Nghề nghiệp của con đi ấy là thế, thì tại sao nó lại từ chối thằng này, ung thằng khác?". Bà Carê-Lamadông xinh đẹp hình như lại còn nghĩ rằng ở vào địa vị cô ta, bà sẽ từ chối một thằng cha khác, chứ thằng cha này thì chưa chắc.

Người ta chuẩn bị rất lâu cuộc phong toả, như đối với một pháo đài bị bao vây. Ai nấy đều nhận rõ vai trò mình sẽ đóng, những lý lẽ mình sẽ dựa vào, những mảnh lời mình phải thực hiện. Người ta xếp đặt kế hoạch tấn công, những mưu mẹo phải

dùng đến những sự bất ngờ của cuộc tập kích, để buộc cái thành trì sống kia phải tiếp nhận kẻ thù vào trong vị trí.

Conrudyê, tuy nhiên, vẫn ngồi lánh ra một chỗ, hoàn toàn đứng ngoài việc này.

Tâm trí mọi người đều căng thẳng vì chăm chú, cho nên không ai nghe thấy tiếng chân Viên Mỡ Bò trở về. Nhưng bá tước khê "Suyt" một tiếng, làm mọi người ngẩng nhìn lên. Cô ta đứng đó. Ai nấy bỗng im bật, và thoát đầu có phần lúng túng không biết nói gì với cô. Bà bá tước, vốn thành thạo hơn các người khác về những trò lá mặt lá trái ở phòng khách, hỏi cô: "Lễ rửa tội có vui không?"

Cô gái đầy đà, còn đang xúc động, kể lại hết, nào là mặt mũi những người dự lễ, nào là thái độ của họ, và cả đến cảnh tượng nhà thờ nữa. Cô nói thêm: "Đôi khi cậu Chúa thật là dễ chịu".

Tuy nhiên, cho đến bữa ăn sáng, các bà vẫn làm ra vẻ niềm nở với cô gái, để cho cô ta thêm tin và dễ nghe lời các bà khuyên bảo hơn.

Ngồi vào bàn ăn, người ta lần lượt gọi chuyện ngay. Mới đầu còn nói chuyện vợ vẫn đâu đâu về lòng tận

tuy. Người ta nêu ra những gương thời cổ: Judit và Holôphernê<sup>(1)</sup>, rồi tự nhiên vô cớ nhảy sang Lucrece với Xectuyt<sup>(2)</sup>, Clêôpatrê<sup>(3)</sup> cho tất cả tướng lĩnh ngu ở giường mình và buộc họ phải chịu mọi sự phục tùng nô lệ. Rồi tiếp đến một câu chuyện bịa, đề ra trong trí tưởng tượng của mấy nhà triệu phú dốt nát ấy, rằng các nữ công dân La Mã đã đi sang Capu ru ngủ Anniban<sup>(4)</sup> trong tay họ, và, cùng với

---

(1) Judit: nữ anh hùng Do Thái, muốn cứu vớt thành Bétuyli (Béthulie) đã quyến rũ tướng địch là Holopherne và chặt đầu y.

(2) Lucrece: mệnh phụ La Mã, bị Sextus Tarquin, con của Tarquin kiêu hùng (Tarquin le Superbe, vua La Mã cuối cùng), cưỡng hiếp, và sau đó đã tự vẫn, việc này đã làm cho nền quân chủ bị sụp đổ và chế độ cộng hòa được thiết lập ở La Mã (510 trước C.N). Người ta nhắc tới tên nàng Lucrece mỗi khi nói về những phụ nữ cao khiết và đạo đức, thà chết chứ không chịu nhục.

(3) Cleopâtre: hoàng hậu Ai Cập, nổi tiếng đẹp, đã lần lượt cám dỗ Cesar và Antoine, danh tướng La Mã (chết năm 30 trước CN).

(4) Annibal (247 - 183 trước CN): danh tướng thành Carthage, đã lập nhiều chiến công hiển hách, nhưng cũng có tiếng là đã để cho quân sĩ mềm yếu vì tấu sắc trong khi trú quân ở Capoue.

ông ta, cả các tướng tá, các đội quân đánh thuê của ông ta nữa. Người ta nêu tên hết thấy những người đàn bà đã chặn đứng được những kẻ đi chinh phục, đã biến thân mình thành một bãi chiến trường, một phương tiện áp đảo, một vũ khí, đã dùng những vuốt ve anh hùng của mình mà thắng những con người ghê tởm hoặc bị căm ghét, và hy sinh trinh tiết cho sự phục thù và lòng tận tụy.

Người ta còn úp mở nói cả đến các bà quý tộc người Anh nọ đã tự làm cho mình nhiễm một bệnh lây ghê gớm để đem truyền sang cho Bônapactơ, mà ông ta may mắn lạ kỳ lại tránh được, ngay trong giờ phút gặp gỡ nguy hại, chỉ vì đột nhiên đâm ra suy nhược.

Và, tất cả những câu chuyện ấy đã được kể lại một cách đúng đắn và có chừng mực, trong đó đôi khi bật lên một lời trầm trồ thán phục cố ý, cốt để kích thích sự ganh đua.

Rút cục, người ta có thể tưởng chừng như vai trò duy nhất của người đàn bà, trên cõi đời này, là cứ phải mãi mãi hy sinh thân mình, không ngừng chiêu theo những sở thích thất thường của tụi vô biên.

Hai bà phước dường như không nghe thấy gì hết, chìm đắm vào những ý nghĩ sâu xa. Viên Mỡ Bò không nói năng chi cả.

\*Suốt cả buổi chiều, người ta để cho cô gái suy nghĩ. Nhưng đáng lẽ gọi cô là "bà", như vẫn xưng hô cho đến lúc bấy giờ, người ta chỉ gọi là "cô" thôi, chẳng hiểu tại sao, như tưởng người ta muốn hạ cô xuống một bậc trong sự quý trọng vị nể mà cô đã leo lên được, muốn cho cô cảm thấy rõ hoàn cảnh nhục nhã của mình.

Vừa lúc món xúp được đem lên, lão Fônlangvi lại xuất hiện, nhắc lại cái câu hôm qua: "Ngài sĩ quan Phổ cho hỏi xem cô Elidabet Ruxê đã thay đổi ý kiến chưa".

Viên Mỡ Bò xẵng giọng trả lời: "Thưa ông, không ạ".

Nhưng đến bữa tối thì phe liên minh có yếu đi. Loadô buột miệng nói ra mất ba câu lỡ làng. Ai nấy cố nặn óc tìm ra những tấm gương mới, nhưng chẳng tìm ra được gì hết, chợt bà bá tước, có lẽ cũng không rắp tâm trước, mà chỉ lỡ mồm cảm thấy cần phải tỏ lòng tôn trọng Tôn giáo, hỏi bà phước nhiều tuổi nhất về những sự tích lớn trong đời các thánh. Thì

ra nhiều thánh đã từng làm những việc có thể coi là tội nặng theo mắt ta nhìn nhận; song giáo hội xá miễn cho các đại tội ấy một cách dễ dàng khi việc làm để tỏ sáng danh Chúa hay vì lợi ích của người đồng loại. Thật là một lý lẽ rất mạnh, bà bá tước bèn lợi dụng liền. Ấy thế là, hoặc vì một sự thông đồng ngầm ngầm, một cách chiều đời kín đáo mà bất cứ ai khoác áo nhà tu cũng đều rất thạo, hoặc chỉ vì một sự ngu độn ngẫu nhiên hợp cảnh, một sự ngốc nghếch vô tình mà giúp sức vào, bà phước gia kia đã đem lại cho cuộc âm mưu một chỗ dựa rất mạnh. Mọi người cứ tưởng bà ta nhút nhát, nhưng hoá ra bà ta lại rất mạnh dạn, lắm lời, quyết liệt. Bà ta chẳng phải hạ người bối rối vì những mớ mẫm của nghi nghiã thần học<sup>(1)</sup> giáo lý của bà tựa như một thanh sắt cứng; lòng tin của bà chẳng hề bao giờ phân vân do dự; lương tri bà ta chẳng bao giờ cô những bản khoản đo đắn. Bà ta coi sự hy sinh của Abraham<sup>(2)</sup> là rất đơn giản, vì bà ta có thể tuân

---

(1) Phần thần học chuyên về những vấn đề khó giải quyết.

(2) Abraham là cha của Issac, và là thủy tổ của người Do Thái xưa. Theo Kinh Thánh Cơ đốc giáo, khi Issac sắp bị cha hy sinh thì được một thiên thần cứu thoát.

lệnh bề trên mà giết chết ngay cả cha lẫn mẹ; và, theo ý kiến bà, thì chẳng có gì có thể làm phật lòng Chúa một khi chủ tâm của mình là đáng khen. Bà bá tước, lợi dụng cái uy tín thiêng liêng của bà bạn đồng loã bất ngờ ấy, bèn gọi cho bà ta giải nghĩa dài dòng để khuyên thiện, cái định lý về đạo đức: "Dùng thủ đoạn gì cũng được, miễn là đạt mục đích".

Bà hỏi bà phước:

- Vậy ra, thưa bà, bà cho rằng Chúa chấp nhận tất cả mọi con đường, và tha thứ mọi việc làm nếu lý do hành động là trong sạch?

- Thưa bà, điều đó còn nghi ngờ gì nữa? Một hành động tự nó là đáng trách thường trở thành đáng khen vì cái ý nghĩa đã thúc đẩy nó.

Và hai người cứ nói chuyện tiếp như thế, cô tìm hiểu, những ý muốn của Chúa, dự đoán những quyết định của Người, làm như Người quan tâm tới những việc thực ra chẳng liên quan đến Người một chút nào.

Tất cả những chuyện ấy đều được nói bóng gió, khôn khéo, kín đáo. Nhưng mỗi lời của bà thánh đội



mũ cong vành lại phá vỡ thêm một mảng trong thái độ kháng cự công phần của cô gái điếm. Rồi câu chuyện đổi hướng đi chút ít, bà giáo đeo tràng hạt kể về những nhà tu của dòng bà, về bà nhất của mình, về bản thân bà ta và bà phước xinh xắn ngồi bên, bà phước quý hoá Xanh-Nixêpho. Hai bà được mời đến Lơ Havơ để vào bệnh viện chăm nom hàng trăm binh lính mắc bệnh đậu mùa. Các bà mô tả họ, những con người khốn khổ ấy, kể ra những chi tiết về bệnh trạng của họ. Ấy thế mà trong lúc các bà bị giữ lại ở dọc đường vì những ý thích bất chợt của tên Phở nọ, biết bao nhiêu người Pháp có thể chết, mà đáng lẽ các bà cứu sống được cũng nên! Chăm nom binh sĩ là việc chuyên môn của bà; bà đã từng ở Crimê, ở Ý, ở Áo, và qua câu chuyện kể lại các chiến tích bà đã tham dự, bà bỗng tỏ ra là một nhà tu hành thuộc loại thối kèn đánh trống, hình như sinh ra là để đi theo các trại quân, thu nhặt những người bị thương giữa những trận giao tranh ác liệt, và, giỏi hơn cả một cấp chỉ huy, chỉ dùng một lời nói cũng khuất phục được những tên lính thô bị vô kỷ luật; đúng là một bà phước Răng-

tăng-plăng<sup>(1)</sup> mà bộ mặt rồ nát, chỉ chít vô số những nốt lồi chỗ, dường như là một hình ảnh những tàn phá của chiến tranh.

Bà nói xong, không ai nói gì thêm nữa, vì hiệu quả xem chừng tốt quá rồi.

Ăn xong, mọi người vội vã trở lên ngay phòng mình, để mai sáng hôm sau khá muộn mới lại xuống.

Bữa ăn sáng yên ổn. Người ta để cho cái hạt gieo hôm qua có thì giờ nảy mầm và kết quả.

Bà bá tước đề nghị một cuộc đi chơi vào buổi chiều: Thế là ông bá tước, như đã thoả thuận trước, khoác tay Viên Mỡ Bò và đi với cô ta, sau những người khác.

Ông nói với cô bằng cái giọng thân mật, cha con, hơi khinh khỉnh, mà những người thượng lưu vẫn dùng với bọn gái điếm, gọi cô bằng "con yêu quý", đứng trên đỉnh cao địa vị xã hội và danh giá không chối cãi được của ông mà hạ cổ đối xử với cô. Ông đi ngay vào vấn đề:

---

(1) Tiếng phỏng theo tiếng trống trận. Ý nói: một bà phước của quân đội.

- Vậy là con ưng để cho chúng ta ở lại đây, cũng như con chịu cái nguy cơ hứng lấy mọi sự tàn bạo có thể xảy ra sau sự thất bại của bọn Phổ, còn hơn là bằng lòng ưng thuận, như bao lần con thường vẫn ưng thuận trong đời con ư?

Viên Mỡ Bò không trả lời.

Ông thuyết phục cô bằng thái độ dịu dàng, bằng lý lẽ, bằng tình cảm. Ông biết giữ thể diện là "ông bá tước", trong khi vẫn tỏ ra lịch sự với phụ nữ khi cần thiết, tán tụng khéo, tóm lại rất ân cần. Ông tán dương cái việc cô sẽ giúp đỡ họ, nói lên lòng biết ơn của mọi người; rồi đột nhiên ông vui vẻ, giọng rất thân tình: "Mà rồi, con ạ, hấn sẽ có thể tự phụ đã được nếm mùi một cô gái đẹp, mà ở bên nước hấn chẳng có nhiều lắm đâu".

Viên Mỡ Bò không trả lời và đi lên nhập bọn với mọi người.

Về đến quán trọ, cô lên ngay phòng mình và không lộ mặt ra nữa. Nỗi lo ngại lên tới cực độ. Cô ta sắp làm gì đây? Nếu cô cứ khăng khăng không chuyển thì rầy rà biết chừng nào!

Đến giờ bữa ăn tối, mọi người chờ đợi cô hoài chẳng thấy. Rồi lão Fonlăngvi bước vào, báo tin cô Ruxê khó ở và xin mời mọi người cứ việc ngồi vào bàn thôi. Ai nấy đều đồng tai lên. Ông bá tước đến gần bác chủ quán, và hỏi rất nhỏ: "Ồn rồi chứ? - Vâng ". Vì lịch sự, ông không nói gì với các bạn đường của ông, mà chỉ khẽ gật đầu ra hiệu cho họ. Ai nấy thở dài nhẹ cả người, mặt mày rạng rỡ hẳn lên. Loadô gào to: "Ủi cha cha! Nhà này mà có sâm banh thì tôi xin khao ngay các vị một châu", và mụ Loadô bỗng đâm lo khi thấy lão chủ quán trở lại với bốn chai rượu cầm tay. Ai nấy đột nhiên trở nên cởi mở và ồn ào; một niềm vui nhả nhớt tràn ngập lòng mọi người. Ông bá tước xem chừng nhận thấy bà Caré-Lamadông là có duyên, ông chủ nhà máy thì ca tụng bà bá tước. Chuyện trò thật rôm rả, khoái trá, lắm câu ý nhị.

Bỗng Loadô, vẻ mặt lo lắng, và giơ hai tay lên, hét lớn: "Lặng im!". Mọi người im bất, ngạc nhiên, hầu như đã phát hoảng. Thế là hẳn vểnh tai lên, hai tay ra hiệu "suyt", ghéech mắt nhìn lên trần, nghe ngóng nữa, rồi lại nói với giọng bình thường: "Các vị hãy yên trí mọi sự đều ổn cả".

Mọi người phân vân chưa hiểu, nhưng không mấy chốc ai nấy đã mỉm cười.

Mười lăm phút sau hắn diễn lại vắn cái trò hề ấy, và tái diễn nó nhiều lần buổi tối hôm đó; và hắn giả vờ nói với một người nào ở gác trên, khuyên anh ta những lời khuyên hai nghìn mớ từ bộ óc nhân viên chào hàng của hắn ta. Thịnh thoảng hắn làm bộ buồn rầu thở dài: "Tội nghiệp cô bé!" Hoặc hắn lẩm nhẩm trong mồm, vẽ hằn học: "Cái thằng Phổ khôn nạn!". Đôi khi, vào lúc không ai nghĩ tới hắn nữa, hắn kêu vang lên, tiếng oang oang, nhiều lần: "Thôi! Thôi!" và nói thêm, như tự nhủ: "Miễn là chúng ta gặp lại được cô bé; miễn là nó đừng vắn cô nàng đến chết, cái thằng khôn nạn ấy!".

Mặc dầu những câu bông lơn ấy thật bỉ ổi, nó cũng khiến người ta thích thú và không làm phật ý ai hết, vì sự tức giận, cũng như mọi sự khác vậy, tùy thuộc ở môi trường, và chung quanh họ dần dần hình thành một bầu không khí chứa chất đầy những ý nghĩ dâm dăng.

Đến lúc ăn tráng miệng, ngay các bà cũng nói những câu bóng gió hóm hình và kín đáo. Mắt ai nấy đều long lanh; mọi người đều đã nốc nhiều rượu. Ông bá tước, là người cả trong những lúc vui đùa

cũng vẫn giữ được cái màu mè con người trang trọng, tìm ra một ý so sánh được mọi người rất tán thưởng về sự kết thúc những thời kỳ dài phải sống qua mùa đông ở Bắc-cực và niềm vui mừng của những kẻ bị đắm tàu trông thấy mở ra một con đường đi về phương Nam.

Loadô được đà, nhồm dậy, cốc sâm banh trong tay: "Tôi xin uống mừng chúng ta được giải phóng!" Tất cả mọi người cùng đứng lên: ai nấy hoan hô hân. Cả đến hai bà phước, bị các bà nọ chèo kéo, cũng bằng lòng chấp môi vào cái thứ rượu ngẫu bốt kia mà hai ba chưa từng nếm tới bao giờ. Hai bà nói là nó giống nước chanh hơi, nhưng tuy vậy cũng ngon hơn.

Loadô tóm tắt tình hình.

- Tiếc rằng không có dương cầm, nếu có thì có thể đánh một điệu đối diện<sup>(1)</sup> chơi.

Cornuyêđê chẳng nói một lời, chẳng có một cử chỉ gì hết; thậm chí y còn có vẻ mãi mê vào những ý nghĩ rất trọng đại, và đôi khi cúi kính dút bộ râu rậm của y, tựa hồ muốn kéo nó dài thêm ra. Sau

---

(1) Điệu vũ bốn người.

cùng, khoảng nửa đêm, lúc mọi người sắp giải tán, Loadô đã chênh choáng, bỗng vỗ vào bụng y mà bảo y, giọng ngọng lịu: "Ông bạn tôi nay chẳng vui về tí nào; sao ông không nói gì cả thế, ông công dân?". Nhưng Cornuydê bỗng ngừng phát đầu lên, và, nhìn khắp lượt cả bọn, mắt long lanh và dữ tợn: "Tôi nói cho tất cả các người rõ là các người vừa làm một chuyện bỉ ổi! Y đứng dậy, đi ra cửa, nhắc lại một lần nữa: "Một chuyện bỉ ổi!". rồi biến mất.

Mới đầu, việc đó khiến mọi người cụt hứng. Loadô sững sờ, đứng thộn ra đấy; nhưng rồi hắn vững tâm trở lại, và đột nhiên cười lăn lộn, nhắc đi nhắc lại: "Nó còn xanh quá, các bạn ạ, nó còn xanh quá<sup>(1)</sup>". Thấy mọi người không hiểu, hắn bèn kể lại chuyện "Những bí mật của hành lang". Thế là cả bọn lại vui nhộn hẳn lên. Các bà cười như nắc nẻ. Bá tước và ông Carê-Lamadông cười đến chảy nước mắt. Họ không thể nào tin được.

- Thế nào! Ông chắc chứ? Hắn ta muốn...

---

(1) Ý muốn nhắc tới một câu trong bài ngụ ngôn Con cáo và giàn nho của La Fôngten: cáo đang đói, đi qua một giàn nho chín mọng, rất thèm ăn, nhưng giàn cao không với tới được, bèn nói: "Nho xanh chẳng xứng miệng người phong lưu".

- Thì tôi bảo với các ông các bà là tôi trông thấy hấn ta mà.

- Và cô ta đã từ chối...

- Vì tên Phở ở buồng bên cạnh.

- Có lẽ nào?

- Tôi xin thề với các ông các bà đúng như thế.

Ông bá tước cười không thở được. Nhà kỹ nghệ đưa hai tay lên nén bụng. Loadô nói tiếp:

- Cho nên, các vị ạ, tối nay hấn ta thấy là chuyện này chẳng thú vị gì, chẳng thú vị tí nào hết.

Và cả ba lại cười lẫn cười lộn, đến phát óm, hết cả hơi, ho sặc sụa.

Chuyện đến đây thì họ phải giải tán. Nhưng mụ Loadô, vốn bản chất hay dè bủ, lúc đi ngủ, bảo chồng rằng cái "con mẹ ranh" oắt con Carê-La-madông nọ suốt cả buổi tối chỉ cười gượng: "Mình ạ, bọn đàn bà, một khi đã mê tụi nhà binh thì dù là thằng Pháp, hay thằng Phở, nói thật chứ, cũng cứ là được tuốt. Thực là thâm hại, lay Chúa!"

Và suốt đêm, trong bóng tối của hành lang, cứ lao xao như có tiếng run rẩy, những tiếng động nhẹ nhẹ, chỉ thoáng nghe thấy, thoáng qua những những



hơi thở, những bước chân không đi rón rén, những tiếng lác rắc rất khê. Và chắc chắn là ai nấy đều ngủ rất muộn, vì những vết sáng lọt ra ngoài rất lâu dưới các cửa buồng. Ấy rượu sâm-banh có những hiệu quả như vậy đấy; người ta bảo là nó làm cho khó ngủ.

Hôm sau, ánh nắng trong trẻo của mặt trời mùa đông làm mặt tuyết chói loà. Chiếc xe thuê, cuối cùng đã có ngựa thắt vào, chờ ở trước cửa, trong khi một đàn bồ câu trắng, cổ vươn ra trong bộ lông đầy cộm, con mắt đỏ điểm một chấm đen ở giữa, đang trịnh trọng dạo chơi giữa chân sáu con ngựa, và tìm ăn trong những đồng phân bốc khói ngựa đã vung vãi ra đấy.

Bác xà ích, trùm trên người một tấm da cừu, đang ngồi rít tẩu thuốc trên ghế xa, và tất cả hành khách hớn hớ vội cho gói những thức ăn dành cho đoạn hành trình còn lại.

Người ta chỉ còn đợi có Viên Mỡ Bò. Cô ta xuất hiện.

Cô có vẻ hơi bối rối, xấu hổ, và bẽn lèn đi về phía các bạn đường bông nhát loạt cùng ngoảnh mặt đi, tựa hồ như không trông thấy cô. Ông bá tước nghiêm

trang khoác tay bà vợ, và đưa bà tránh xa sự đụng chạm nhor nhóp đó.

Cô gái đầy đà đứng lại, sững sốt; cô lấy hết can đảm, cô lúng búng một cách khiêm tốn chào vợ ông chủ nhà máy một câu "Xin chào bà". Bà kia chỉ khẽ gật đầu xác xược chào lại, kèm theo một cái nhìn của đạo đức bị xúc phạm. Mọi người đều làm ra vẻ bận rộn và đứng lảng xa cô, tựa hồ cô đem theo bệnh truyền nhiễm trong váy cô vậy. Rồi họ chạy vội tới chiếc xe, để cô đi sau cùng, một mình, và cô lại lặng lẽ ngồi vào chỗ đã ngồi trong chạng đường thứ nhất.

Người ta dường như không nhìn thấy cô, không quen biết cô; nhưng mục Loadô, ngó cô từ đằng xa một cách tức giận, khẽ nói với chồng: "May mà tôi không ngồi bên cạnh nó".

Chiếc xe nặng chuyển bánh, và cuộc hành trình lại bắt đầu.

Thoạt tiên không ai chuyện trò gì hết. Viên Mỡ Bò không dám ngẩng nhìn lên. Cô vừa cảm phần đối với tất cả những người ngồi bên, lại vừa cảm thấy nhục nhã vì đã nhượng bộ, bị nhor nhóp vì

những cái hôn của tên Phở nọ, mà họ đã giả nhân giả nghĩa đem quăng cô vào tay nó.

Nhưng không bao lâu bà bá tước quay sang bà Carê-Lamadông, phá tan cái im lặng nặng nề đó.

- Có lẽ bà biết bà Đêtren đấy nhỉ?

- Vâng, bà ấy là bạn thân của tôi.

- Bà ấy mới duyên dáng chứ!

- Tuyệt diệu! Đúng là một tư chất ưu tú, lại rất học thức, và nghệ sĩ đến tận đầu ngón tay: bà ấy hát nghe thật mê ly, và vẽ đến giỏi!

Ông chủ nhà máy nói chuyện với ông bá tước, và giữa những tiếng cửa kính rung loảng xoảng, thỉnh thoảng lại nghe thấy lồm bồm một tiếng: "Tức phiếu kỳ hạn - tiền thưởng - trả dân".

Loadô vừa xoáy được cổ bài cũ của quán trọ, đã nhờn mỡ sau năm năm cọ sát những mặt bàn không lau sạch, cùng vợ chơi một ván tay đôi.

Hai bà phước rút chuỗi tràng hạt dài đeo lòng thông ở thắt lưng, cùng nhau làm dầu thánh giá, rồi môi họ đột nhiên mấp máy nhanh, mỗi lúc càng thêm vội vã, dòn dập những tiếng lầm rầm không rõ, như một cuộc chạy thi trong khi làm lễ kỳ đảo;

thỉnh thoảng họ cúi xuống hôn một cây thánh bài, lại làm dấu, rồi lại lầm rầm liên tục và liên tục.

Cornuydê ngồi đăm chiêu, không nhúc nhích.

Đi được ba tiếng đồng hồ, Loadô thu cổ bài lại: "Đến lúc đổi rồi", hắn nói.

Mụ vợ bèn với một cái gói buộc dây, lôi ra một miếng thịt bê nguội. Mụ cắt ra từng khoanh gọn ghẽ, mỏng và chắc nịch, rồi cả hai bắt đầu ăn.

"Hay là ta cùng ăn đi", bà bá tước nói. Mọi người đồng ý, và bà mở gói thức ăn chuẩn bị cho hai gia đình. Đó là một thứ liễn dài, trên vung nặn một con thỏ rừng bằng sứ, để chỉ rõ rằng có một con thỏ rừng đã nghiền thịt nằm ở dưới, một món thịt nuôi bổ béo, có những đường mỡ trắng xuyên qua màu thịt thỏ rừng nâu, trộn lẫn với những thịt khác băm nhỏ biến. Một tảng pho-mát Gruyere<sup>(1)</sup> vuông vắn, gói trong một mảnh báo, trên mặt mìn màng còn in rõ mấy chữ "Việc vật".

Hai bà phước gỡ ra một khoanh xúc-xích lớn sặc mùi tỏi; còn Cornuydê, hai tay cùng một lúc thọc vào cái túi rộng của áo bành-tô, rút ra một bên bốn

---

(1) Thị trấn Thụy Sĩ, nổi tiếng làm pho mát ngon.

quả trứng luộc và bên kia một mẩu cùi bánh mì. Y bóc vỏ, ném vào rơm ở dưới chân và đưa cả quả trứng vào mồm mà ngoạm; những mảnh vụn màu vàng nhạt rơi lên bộ râu rậm của y, lốm đốm như những ngôi sao.

Viên Mỡ Bò, trong lúc vội vã hoảng hốt khi ngủ dậy, đã không nghĩ được chuyện gì hết; và cô nhìn tất cả mọi người kia điềm tỉnh ăn uống mà lộn ruột, uất ức đến ngạt thở. Một cơn giận sôi sục mới đầu khiến cô cau mặt, và cô mở miệng định hét vào mặt họ một thôi một hồi những lời chửi rủa đang dồn lên môi, nhưng cô không thể nào nói được, vì cơn tức nghẹn ứ cổ.

Không một ai ngó cô, nghĩ gì đến cô. Cô cảm thấy mình bị chìm trong sự khinh bỉ của những kẻ đều cang lương thiện này, chúng thoát đầu đem cô ra hy sinh, rồi sau hất hủi cô, coi như một vật bẩn thỉu và vô dụng. Cô nhớ tới chiếc làn to của đầy áp những thứ ngon lành mà chúng đã ăn ngấu ăn nghiêng, hai con gà bóng nhảy mỡ đông, những miếng ba-tê, những quả lê, và bốn chai rượu vang đỏ của cô; rồi, cơn giận bỗng xẹp đi, như một sợi dây thừng căng quá hoá đứt, cô cảm thấy chỉ muốn khóc. Cô ráng hết sức nén mình, nuốt những tiếng nức nở, như

con nít; song nước mắt cứ trào lên, lấp lánh trên mi, và không mấy chốc hai giọt lệ lớn đã rời khoé mắt, từ từ lăn trên gò má. Những giọt khác cứ thế tiếp theo, mau hơn, chảy ròng ròng như những giọt nước lọc qua một vách đá, và đều đều rơi xuống đường cong bầu bình của ngực cô. Cô ngồi thẳng, mắt nhìn trân trân, mặt đờ đẫn và tái nhợt, hy vọng mọi người không trông thấy mình.

Nhưng bà bá tước nhìn thấy và ra hiệu mách chồng. Ông chồng nhún vai, như ý nói: "Làm thế nào được? Đâu phải lỗi tại tôi." Mụ Loadô thì lặng lẽ cười đắc thắng, và lẩm bẩm: "Cô à khóc nổi nhục của mình".

Hai bà phước lại cầu kinh, sau khi gói mẩu xúc xích còn lại vào một tờ giấy.

Bấy giờ Cornuydé, trong khi tiêu hoá mấy quả trứng, duỗi dài cẳng sang gầm ghế trước mặt, ngồi uốn ngả người ra, khoan tay lại mỉm cười như một người vừa tìm được một trò đùa hay, và bắt đầu huýt sáo miệng khe khẽ bài Macxâyedơ<sup>(1)</sup>.

---

(1) Bài hát của Cách mạng Pháp năm 1789, bây giờ là quốc ca Pháp.

Tất cả các bộ mặt đều sa sầm lại. Bài hát bình dân chắc chắn chẳng được những người ngồi bên ưa thích nào. Họ đâm ra nóng nảy, bức dọc, và có vẻ chỉ chực gào lên như bầy chó nghe thấy tiếng phong cầm quay tay vậy.

Y thấy rõ như thế, và càng không chịu ngừng lại. Thình thoảng y còn hát nho nhỏ lời bài ca:

*Hỡi tình yêu Tổ quốc thiêng liêng,*

*Hãy dẫn dắt, nâng đỡ những cánh tay  
phục thù của chúng ta,*

*Hỡi Tự do, Tự do yêu quý,*

*Hãy chiến đấu cùng những người bảo vệ  
người!*

Xe chạy nhanh hơn, vì tuyết đã rần lại, và suốt cho đến Dieppe, trong những giờ dài dặc âm đạm của cuộc hành trình, qua những cái sóc trên đường gập ghềnh, trong bóng đêm đang toả xuống, rồi trong bóng tối đen của chiếc xe, y cứ tiếp tục, với một sự bước bình tai ác, tiếng huýt sáo báo thù và đơn điệu của y, bắt buộc các tâm trí mỗi mệ và tức tối đến cực điểm cứ phải theo dõi bài hát suốt từ đầu

đến cuối, cứ phải nhớ lại từng lời ứng dụng vào mỗi nhịp.

Viên Mỡ Bỏ vẫn khóc; và đôi khi một tiếng nức nở, cô không nén nổi, bật lên trong bóng tối, giữa hai đoạn bài hát.

*HƯỚNG MINH dịch*



## MỤC LỤC

|                                  |                           |     |
|----------------------------------|---------------------------|-----|
| • Dao chơi                       | <i>Trọng Đức dịch</i>     | 5   |
| • Món gia tài                    | "                         | 18  |
| • Boa-ten                        | "                         | 151 |
| • Một đứa con                    | "                         | 168 |
| • Trở về                         | "                         | 188 |
| • Chú Giuyn tôi                  | "                         | 201 |
| • Mụ Xô-va                       | "                         | 217 |
| • Món trang sức                  | "                         | 231 |
| • Đôi bạn                        | "                         | 249 |
| • Những tên tù binh              | "                         | 262 |
| • Mùa chim giê                   | <i>Ngô Văn Phú dịch</i>   | 286 |
| • Thức tỉnh                      | <i>Lê Đức Mẫn dịch</i>    | 302 |
| • Người gác rừng                 | <i>Trần Thanh Ái dịch</i> | 314 |
| • Cuộc phiêu lưu của Oan-tơ-xnap | "                         | 331 |
| • Một kẻ giết cha mẹ             | "                         | 349 |
| • Thánh Ăng-toan                 | "                         | 363 |
| • Mụ diên                        | "                         | 380 |
| • Trong chuyến đi                | "                         | 387 |
| • Bec-tơ                         | <i>Trần Thanh Ái dịch</i> | 400 |
| • Tình thôn dã                   | "                         | 420 |

|                                            |                           |     |
|--------------------------------------------|---------------------------|-----|
| • Một trang sử chưa được công bố           | "                         | 431 |
| • Tên lính hầu                             | "                         | 460 |
| • Đợi chờ                                  | "                         | 469 |
| • Cuộc du lịch của chiếc<br>khí cầu Hoocla | <i>Nguyễn Văn Sỹ dịch</i> | 481 |
| • Kẻ lang thang                            | <i>Trung Hiếu dịch</i>    | 505 |
| • Đứa con bỏ rơi                           | "                         | 530 |
| • Thăng ăn mày                             | <i>Hương Minh dịch</i>    | 549 |
| • Cái ô                                    | "                         | 560 |
| • Trả thù                                  | <i>Vũ Đình Bình dịch</i>  | 577 |
| • Món tư trang                             | <i>Trung Hiếu dịch</i>    | 587 |
| • Cô Fifi                                  | "                         | 602 |
| • Con quỷ                                  | <i>Lê Hồng Sâm dịch</i>   | 629 |
| • Sáng trăng                               | "                         | 643 |
| • Bố của Ximông                            | "                         | 654 |
| • Viên mở bò                               | <i>Hương Minh dịch</i>    | 672 |

**TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN  
CỦA MAUPASSANT**

**NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN**

---

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**NGUYỄN PHAN HÁCH**

Biên tập : **VŨ ĐÌNH BÌNH**

Vẽ bìa : **VĂN SÁNG**

---

In: 3000 cuốn, khổ 13x19 cm tại: Nxb. Chính trị quốc gia .

Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số : 1/1399/CXB

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2000

TUYÊN TẬP  
TRUYỆN NGẮN  
GUY DE  
MAUPASSANT



DF 02  
814

Giá: 65.000<sup>d</sup>